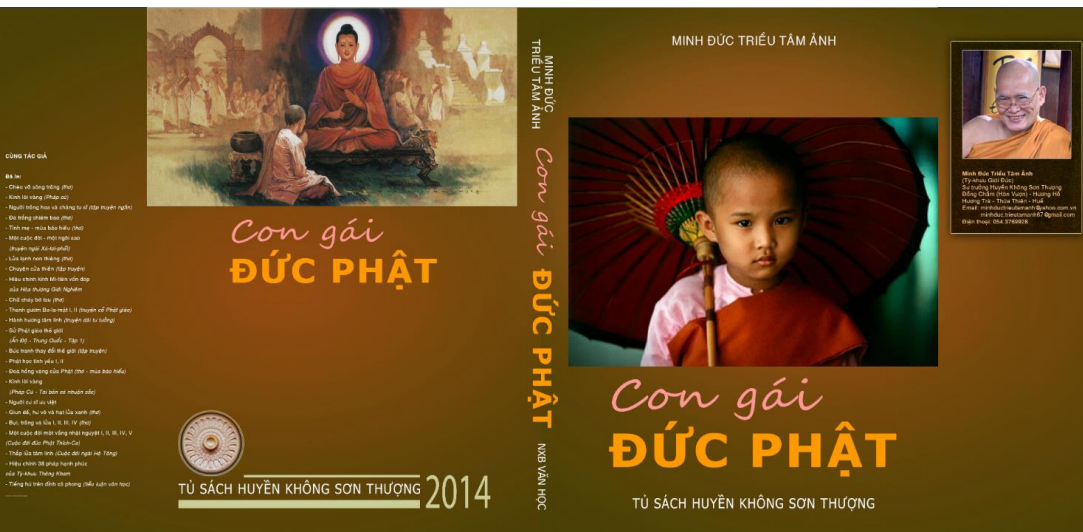


Cổ sử truyện

CON GÁI ĐỨC PHẬT

(Hành trạng của chư Thánh ni
& những cận sự nữ đặc biệt và thù thắng)

Tái bản



DUNG TÁC GIẢ

BÁI

- Cháu về lòng hồng (thơ)
- Khi lá vàng (thơ cổ)
- Người tình hoài là chàng trai ở chợ huyện ngày xưa (thơ)
- Do hồng cầm báo (thơ)
- Trời mưa - mưa báo bão (thơ)
- Mẹ người đi - nhớ người xưa (thơ)
- (Phản hồi Xuân Quỳnh)
- Lời tạm nói trong tình (thơ)
- Chuyện của biển này (thơ)
- Hầu như không biết của anh đẹp (thơ)
- Đã rồi nhưng đời không (thơ)
- Chỉ nghĩ lại sau, thôi (thơ)
- Thuyền gần bị lật mồi, 1 chuyện về Phật giáo (thơ)
- Hành hương trên biển (thơ)
- Dù Phật gần thì gần (thơ)
- (Đáp hồi - Trung Quốc) - (thơ 1)
- Sách trong tay tôi là gì (thơ)
- Phật học lịch sử (1)
- Đón hồng cầm của Phật (thơ) - mưa báo bão (thơ)
- Khi lá vàng (thơ)
- (Pháp Cù) - Tài sản có nhiều đức (thơ)
- Người cô gái (thơ)
- Ông đẹp, họ và họ của anh (thơ)
- Rời, không xa bà (1, 10, 11, 14) (thơ)
- Một câu thơ đẹp (thơ)
- (Cây đa dưới Phật Thích Ca)
- Đây là bàn tay (Cười đối娘子 nói Tăng)
- Hết chính là pháp niệm phật (thơ)
- Về Thầy Ansa, Thích Phạm
- Tăng bộ hiện đời có phong (đôi mắt nhìn hoài)



TỦ SÁCH HIỆN KHÔNG SƠN THƯỢNG 2014

MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH

Con gái ĐỨC PHẬT

NGUYỄN VĂN HỌC

MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH



Minh Đức Triều Tâm Ảnh
 (Phật giáo Việt Nam)
 Sĩ Hoàng Hoàng Khổng Sơn Thượng
 Đường Chùa Viên Lâm - Hưng Yên
 Huyện Tiên - Thừa Thiên - Huế
 Email: minhdude@hienkhongsonthung.com.vn
 minhdude@hienkhongsonthung.com
 Facebook: 0041174718



Con gái ĐỨC PHẬT

TỦ SÁCH HIỆN KHÔNG SƠN THƯỢNG

MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH

MINH ĐỨC
TRIỀU TÂM ẢNH

Con gái

ĐỨC PHẬT

NXB VĂN HỌC



Con gái
ĐỨC PHẬT

TỦ SÁCH HUYỀN KHÔNG SƠN THƯỢNG

Lời thưa,

Năm 2010, tại Sài Gòn diễn ra đại hội “*Con gái đức Phật*” quy tụ hội chúng tỳ-khuru-ni và cận sự nữ Nam Bắc tông trên khắp thế giới về tham dự.

Tôi không biết gì về nội dung cũng như hình thức đại hội ấy, nhưng cụm từ “*Con gái đức Phật*” tôi nghe sao nó dễ thương, bình dị và rất gần gũi với ngôn ngữ đời thường. Từ đó, tôi khởi tâm biên soạn một cuốn sách đề giới thiệu về những vị Thánh Ni và những cận sự nữ có hành trạng đặc biệt và thù thắng thời đức Phật và đặt tên đầu sách là “*Con gái đức Phật*”.

Tiêu biểu như sau:

Chư vị Thánh Ni thù thắng:

- Tỳ-khuru-ni Mahā Pajāpati Gotamī (*Bậc Ni trưởng thánh hạnh và gương mẫu*)
- Tỳ-khuru-ni Yasodharā (*Bậc đại thân thông*)
- Tỳ-khuru-ni Khemā (*Bậc đệ nhất trí tuệ*)
- Tỳ-khuru-ni Upalavaṇṇā (*Bậc đệ nhất thân thông*)
- Tỳ-khuru-ni Dhammadinnā (*Bậc đệ nhất thuyết pháp*)
- Tỳ-khuru-ni Paṭācārā (*Bậc đệ nhất thông luật*)
- Tỳ-khuru-ni Kisā-Gotamī (*Bậc đệ nhất mặc y thô tháo*)

- Tỳ-khuru-ni Bhadda-Kuṇḍalakesā (*Bậc đệ nhất thắng trí nhay bén*)
- Tỳ-khuru-ni Ambapālī (*Hoàng hậu kỹ nữ*)
- Tỳ-khuru-ni Subhā (*Người cho con mắt đẹp*)
- Tỳ-khuru-ni Puṇṇikā (*Cô gái nô lệ đội nước*)
- Tỳ-khuru-ni Prakīrti (*Cô gái hạ tiện yêu đại đức Ananda*)

Những nữ nhân đặc biệt, khả kính:

- Bà Visākhā (*Đại thí chủ*)
- Hoàng hậu Mallikā (*Nữ cận sự xuất sắc*)
- Hoàng hậu Sāmāvātī (*Từ ái dịu dàng*)
- Thị nữ lưng gù Khujjuttarā (*Đệ nhất thuyết pháp*)
- Cô Uttarā (*Năng lực tâm từ*)
- Cô Sirimā (*Kỹ nữ nổi danh*)
- Bà Mẹ Mātīkagama (*Người hộ độ hy hữu*)
- Nữ thí chủ Suppiyā (*Cúng dường thị đùi*)
- Hoàng hậu Mahāyānā (*Phật mẫu*)
- Cô gái con người thợ dệt (*Vào dòng trước khi chết*)
- Cô bé Puṇṇā và nàng Sujātā (*Cúng dường vi diệu*)

...

Đầu tiên thì tôi không dám nghĩ đến những mục đích gì to tát, nhưng càng viết, tôi càng ngẫm ngợi nhiều về những điều sau đây:

- Vị tỳ-khuru-ni nào, cận sự nữ nào được thành tựu lớn lao cũng do nhờ nhân duyên dày sâu từ quá khứ.

- Mọi khả năng về trí tuệ, về thẳng trí, về thiên định, về thuyết pháp, về giới luật, về tâm từ, về khổ hạnh, về mặc y thô thảo, về bố thí, về hộ độ và cả về sự thông minh, khéo léo trong tương quan ứng xử... thì họ không hề thua nam giới.

- Họ là những vị “*sứ giả tình thương*” thành công trong lãnh vực xoa dịu nỗi đau của những phụ nữ có hoàn cảnh bất hạnh do kỳ thị, do bất công đối xử, do ngã gục trên tình trường, do hoàn cảnh bất trắc, éo le từ xã hội, từ nghiệp cũng như từ những trớ trêu của đời sống.

Xem lại thực trạng hiện nay của phụ nữ, thì:

- Trên khắp thế giới, họ chịu nhiều thiệt thòi, nhiều đau khổ hơn nam giới, mặc dầu tuyên ngôn nam nữ bình quyền đã có mặt trên thế giới cả một thế kỷ rồi.

- Những xứ sở phong kiến, những quan niệm cổ truyền, những tín lý tôn giáo khắt khe, mù quáng, xem nữ giới như nô lệ, như kẻ ăn người ở vẫn còn đầy dẫy trên các nước Trung Đông, Châu Á, châu Phi và cả Nam Mỹ.

- Báo chí khắp nơi báo động về nạn buôn người tại một số nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Xem nữ giới chỉ như món hàng trao đổi, thậm chí, tệ hại hơn, chỉ để giải quyết tình dục cho nam giới.

Tôi nghĩ, thân phận người nữ sao mà thâm, đã chín tháng mười ngày âm thầm chịu đựng đau khổ để “sinh ra con người cho nhân loại” lại còn gánh thêm không biết bao nhiêu nghịch cảnh, tai ương, bị phản bội, bị đánh đập, bị trấn bức... từ xã hội và từ con người. Tuy

nhiên, nói gì thì nói, phụ nữ họ có những đức tính vượt trội như quán xuyên gia đình, lo cho chồng, cho con, chịu đựng gian khổ, đắng cay; bàn tay và tấm lòng họ tỏa ra sự nhân ái và dịu dàng. Họ là những NGƯỜI MẸ viết hoa vậy. Dường như mọi người đàn ông, mọi người con trai trên đời này, khi đau khổ nhất, thống khổ nhất, đều không réo trời, réo đất, réo Thánh Thần Tiên Phật mà họ đều kêu lên hai tiếng “ Mẹ ơi!”

Cuối cùng, cho tôi nói thêm mấy điều:

- Hiện tại, trên khắp thế giới, nhất là Đài Loan, Việt Nam - nữ giới xuất gia nhiều hơn nam giới.

- Chăm sóc, phục vụ tại các cơ sở tình thương, từ thiện xã hội, đa phần là bóng dáng các ni cô, các “ma soeur” hoặc là những nữ nhân giàu lòng nhân ái.

- Phật giáo Bắc Tông, Khất Sĩ, nữ giới có giới phẩm tỳ-khưu-ni; riêng Phật giáo các nước Theravāda như Thái Lan, Myanmar, Lào, Campuchia, Việt Nam là bị thiệt thòi. Riêng Tích Lan và Ấn Độ thì đã có cải cách, đã có tổ chức nhiều đại giới đàn cho Ni giới.

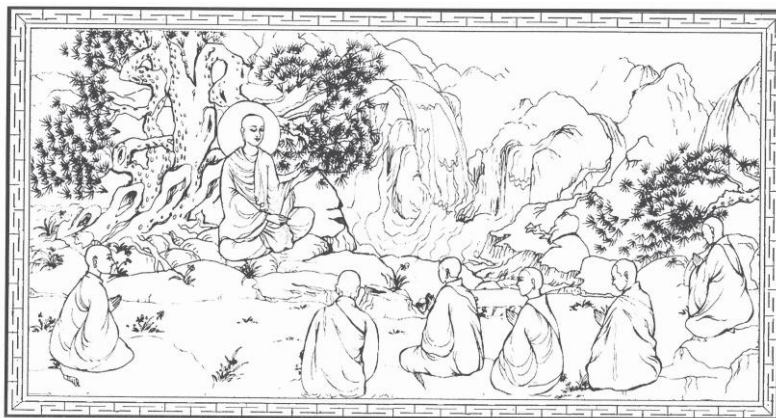
- Có những người tu học từ thuở còn con gái, cách đây đã trên năm, sáu mươi năm đến bây giờ vẫn chỉ là tu nữ, tuổi già cô quạnh, cô độc, khi đau ốm không có ai chăm sóc thuốc thang, đi tới đi lui lụm cùm, khó khăn, chẳng có ai giúp đỡ vì họ không có giới phẩm để nhận đệ tử học tu! Điều đó không đáng làm cho chúng ta quan tâm, suy nghĩ hay sao?

Cuối cùng, xin dành tặng quyển sách khiêm tốn này đến cho tất cả thầy “Con gái đức Phật” tại Việt Nam và trên thế giới. Trân trọng!

Am Mây Tía - Huyền Không Sơn Thượng
Tỳ-khưu Giới Đức (*Sīlaguṇo-bhikkhu*)
(bút hiệu Minh Đức Triều Tâm Ảnh)

Ni trưởng Mahā Pajāpatī Gotamī

(Vị Ni trưởng thánh hạnh và gương
mẫu)



Một buổi chiều tắt nắng, trong một rừng cây sâm si rậm rịt, ngoại thành Vesāli, một vị Ni rất già, rần rỏi và xương kính như một cội lão mai mọc giữa triền đá tảng; bà chống cây gậy trúc, vươn thân đứng thẳng dậy rồi dùng thần lực rảo mắt một vòng như luồng điện quét. Cả khu rừng như chìm ngập trong giấc thiên đại định. Mấy trăm vị Thánh ni đều là đệ tử của bà đang thọ hưởng lạc về thiên, lạc về quả. Tuổi tác ai cũng đã tuyệt sương, đang xô dạt về bên góc trời chiều. Họ đã đi vào đạo lộ siêu thế khi tóc còn liễu biếc thắm xanh và má còn hồng đào ửng đỏ. Rồi họ sống thong dong như những đám mây trời, phiêu du từ phương này sang phương khác để tùy duyên hóa độ chúng sanh. Riêng bà thì cũng không còn việc gì để làm trên cuộc đời này nữa, mọi gánh nặng đã buông xuống, lâu lắm, khởi từ ngày thực hành theo lời giáo giới tóm tắt nhưng khái quát của đức Tôn sư.

Bà, chính người ấy là Ni trưởng Mahā Pajāpatī Gotamī, còn nhớ rõ như in lời vàng ngọc thuở nọ của Người Con Trai Vĩ Đại thoảng giữa rừng cây im mát:

“Này mẹ! Mục tiêu tối hậu của phạm hạnh thật khó khăn để đạt được mà cũng thật dễ dàng để đạt được. Nói cách khác, khó khăn khi nắm bắt được cái cốt lõi, cái tinh túy; và dễ dàng khi biết tước dần lớp vỏ ngoài, thờ vò trong hoặc nhiều lớp dát cây, bỏ thịt rồi róc xương. Giáo pháp của

Như Lai chỉ để dành cho bậc trí, người có con mắt sáng quắc, nhìn xuyên thủng nhiều lớp si mê và vô minh. Tuy nhiên, chỉ cần nhận thức một cách sáng suốt, tinh táo rằng: Bất cứ giáo lý nào có khuynh hướng dẫn đến tham lam, khát vọng; dẫn đến công cao, ngã mạn; dẫn đến phóng túng, giải đãi; dẫn đến nhiệt nã, rối loạn; dẫn đến vô chừng mực, vô tiết độ; dẫn đến vô ơn, phản phúc; dẫn đến keo kiệt, bủn xỉn; dẫn đến đắm nhiễm phồn hoa, lấm lem bụi tục; dẫn đến kiêu cách, khó nuôi; dẫn đến ích kỷ, vị ngã; dẫn đến đau khổ, phiền não... thì giáo lý ấy không phải là Chánh pháp (Dhamma), không phải là Giới luật (Vinaya), không phải là lời giáo huấn của Như Lai. Ngược lại, bất cứ giáo lý nào dẫn đến vô tham, nguội tắt khát vọng; dẫn đến lòng tôn kính, biết tự trọng; dẫn đến lễ độ, khiêm cung; dẫn đến kiểm thúc, tự chế; dẫn đến quân bình, ổn định; dẫn đến tri túc, biết đủ; dẫn đến tri ân, biết đền ân; dẫn đến rộng rãi, xả ly; dẫn đến ưa thích vắng lặng, tiết độ ngũ dục; dẫn đến dị giản, dễ nuôi; dẫn đến xả kỷ, vị tha; dẫn đến xa rời phiền não, an vui và nhàn thoát... thì phải hiểu rằng, giáo lý ấy là Chánh pháp, là Giới luật, là lời giáo huấn của Như Lai!”

Ôi! Chỉ cần lời dạy khái quát kia thôi mà ta đã đắc quả A-la-hán sau đó ít lâu, lại còn có những thắng trí và cả tri kiến phân tích nữa. Ta đã vô ngại, tự tại giữa hai bờ!

Ôi! Từ bấy đến nay, bao nhiêu lượng nước đã trôi qua con suối này rồi? Bao nhiêu mưa nắng đã xối lên cái thân hình mảnh khảnh lau cỏ gầy guộc này rồi? Quả là ta cũng đã mòn mỏi tuế sương, và ta cũng đã tự gặm, tự cười, tự chế nhạo chính mình:

*Dốc đứng ngạo đường lên
 Ta bèn men triền núi
 Gậy chống đỡ chân run
 Mặc chiếc thân già khòm
 Mây khói nhòa trăm tuổi
 Thần chết trốn đâu rồi
 Lũ ma cũng chê moi
 Đành sống dai hết biết!*

Mấy câu kệ tự phú, tự trào ấy là của lệnh bà Mahā Pajāpatī, là bảo mẫu của đấng Thiên Nhân Sư, là Ni trưởng Gotamī đạo cao đức trọng; lúc ấy bà đã một trăm hai mươi tuổi.

“Thôi! Ta hãy Niết-bàn đi thôi!” Bà tự nghĩ *“Ta phải đi trước đấng Đại Hùng. Ta phải đi trước hai vị tối thượng Thích văn, trước Ānanda và Nanda là phải lẽ. Và ta phải cần thưa bạch với đức Tôn sư về quyết định này!”*

Có cái gì lao xao trong gió. Đồng một lúc mấy trăm vị Thánh ni trong khu rừng đều đọc được ý nghĩ ấy. Họ đều muốn đi theo Ni trưởng để an nghỉ Niết-bàn vô dư. Quả địa cầu dày bốn mươi do-tuần chọt rung rinh. Dường như có tiếng trống u trầm từ cõi trời vang lên, có cái gì như vừa quỵến luyến vừa bi lụy. Những giọt nước mắt đầu đó từ hư không rơi xuống. Chư thiên, thọ thân quanh Ni viện, quanh khu rừng đều âu sầu, buồn bã. Nếu chư vị Thánh ni đều cùng Niết-bàn cả thì khu rừng này sẽ trở nên hoang vu, trống trải. Những năng lượng mát mẻ và an lành cũng không còn tỏa ra trong không gian tịch lặng này nữa. Có vị đã khóc, đã sụt sùi.

Ngược lên giữa thình không, bà nói nho nhỏ:

“Xin hãy thông cảm cho ta! Hỡi chư thiên và thọ thần quý mến!

Đây là cái nhìn cuối cùng và lời nói cuối cùng của ta đó. Đừng nên sầu muộn làm gì. Chúng rỗng không và phù phiếm thế nào. Tại sao vậy? Tại vì ta từ nơi cái già và chết để đi đến nơi không già, không chết. Từ nơi ‘yêu thương xa lìa khổ’, ‘gần người mình ghét khổ’, ‘muốn không được khổ’ để đến nơi chấm dứt tất cả khổ! Từ nơi lăng xăng tạo tác, luôn luôn trở thành, luôn luôn bị điều kiện, bị phụ thuộc, bị quy định, bị buộc ràng của thời gian sinh tử để đi đến nơi bất động hành, bất tử, vô vi hành, ở ngoài mọi quy luật, mọi điều kiện và mọi phạm trù nhân quả. Như thế thì các vị phải vui lên cùng ta mới phải chứ!?”

Thế rồi, hôm sau, trời vừa rạng sáng, Ni trưởng Gotamī cùng với hội chúng Thánh ni trước khi bái biệt đức Tôn sư để Niết-bàn, họ ôm bát khát thực quanh thành Vesāli như thường lệ. Có lẽ chư thiên, thọ thần báo tin cho họ hàng, thân nhân hay quyến thuộc thế nào đó mà rất đông cận sự nữ đã chặn đường và quỳ lạy, khóc lóc như tể sao:

- Xin chớ lìa bỏ chúng con, hỡi chư Thánh ni! Hỡi những bậc đã thủ đắc một gia sản tâm linh vĩ đại! Chúng con sẽ không có người bảo hộ và che chở nữa. Xin chư Thánh ni đừng vội Niết-bàn!

Ni trưởng Gotamī cất lời an ủi mà giọng nói thì như bi hài, như chế nhạo:

- Này! Buồn cười chưa? Thật đã buồn cười chưa? Than khóc như vậy có phù phiếm và vô duyên không hả?

Ta đi đến nơi vô thương, vô bi, vô sầu, vô khổ mà các người lại lấy thương, bi, sầu, khổ để cản ngăn là tại làm sao hở? Vậy thì các người từ lâu đã từng tu tập giáo pháp thấy khổ và diệt khổ đến đâu rồi? Ta là ai nào? Ta chỉ là người đã thấy rõ sự khổ một cách toàn diện, thấy nguyên nhân khổ một cách toàn diện, đã diệt khổ một cách toàn diện và thực hiện con đường đi đến nơi diệt khổ cũng một cách toàn diện. Thế thôi! Đấy không là lợi ích thù thắng đáng hoan hỷ cho ta hay sao, hả?

Đám đông vẫn không chịu giải tán. Sự khóc lóc âm ỉ của họ làm náo loạn cả con đường.

Ni trưởng đành phải thuyết giảng tiếp:

- Từ khi lìa khỏi điện ngọc, cung vàng với những công nương dòng dõi Sakyā anh hùng với đôi chân trần lê thê rướm máu, xin đi theo đức Chánh Đẳng Giác, ta đã học hiểu giáo pháp nhiệm mầu, đã thực hành giáo pháp ấy một cách trọn vẹn. Hiện tại, mọi bồn phận đã làm xong, mọi gánh nặng trên vai đã được đặt xuống, sự tái sanh trầm luân đã được liễu tri và mọi đau khổ phiền não đã được búng tận. Từ đây, đời sống không gia đình đã cho ta sự khoáng khoáng của hư không, sự tự do của những cánh chim trời. Mục đích phạm hạnh đã được thiết lập kiên cố, mà ở đây, chẳng có gì trói buộc ta được nữa, dù cảnh người, cảnh trời, ma vương, chư thiên vương hay phạm thiên vương. Vậy thì thử hỏi còn gì ở trần gian ba cõi này

có thể làm ta phải dấn chân, lưu luyến? Niết-bàn vô dư ở tuổi trăm hai mươi chẳng lẽ không hợp thời, không phải lúc hay sao?

Thôi! Đừng khóc than, đừng âu sầu, phiền muộn nữa. Đức Tôn sư, ngôi Mặt trời của nhân loại còn kia! Nhị vị thượng thủ, hai ngôi sao sáng của giáo hội còn đó! Và còn có cả hằng trăm hằng ngàn trưởng lão Tăng Ni trí tuệ như non, đức hạnh như rừng, tha hồ mà gieo trồng ruộng phước, tha hồ được chở che và được nương tựa. Suốt mấy mươi năm giống trồng pháp chuyển luân, đức Đại Hùng đã xua vô minh và si mê đi về với bóng tối, đã đẩy ngoại đạo tà giáo đi đến chỗ diệt vong. Hiện tại, ngọn cờ chánh pháp đã liệt liệt oanh oanh giương cao che mờ cả đỉnh Sineru. Vậy thì các người hãy tinh cần đi theo lộ trình thoát khổ, con đường tuần tự tìm kiếm hạnh phúc an vui cõi người, hạnh phúc an vui cõi trời và hạnh phúc an vui siêu thế ở ngoài ba cõi phù du sinh diệt. Hãy chuẩn bị, sắm sanh hành trang, tư lương để lên đường, xem mình đã có đầy đủ bố thí, trì giới, tham thiền, đã đầy đủ tín, giới, văn, thí, tuệ hay chưa? Đấy mới là điều đáng làm! Thôi, hãy xua tan phiền muộn đi! Ta và Ni chúng đi đến đức Đạo sư đây.

Nói thế xong, Ni trưởng dẫn đầu chư Ni Thánh đệ tử đến Sảnh Đường Năm Nóc Nhọn tại Mahāvana; tại đây, lúc này chư Tăng Ni và hai hàng cận sự nam nữ rất đông, bà quý năm vóc sát đất đánh lễ đức Thế Tôn rồi nói:

- Thưa đức Đại Giác! Con là mẹ của ngài, người-mẹ-của-thế-gian-luân-thường-quy-ước. Và bạch đức Tôn sư Vô Thượng! Ngài lại là cha của con, người-cha-ở-ngoài-và-ở-trên-mọi-quy-ước-dung-thường; và con là đứa con được sanh ra trong giáo pháp vô tỷ. Rồi ngài lại còn ban cho con niềm vui siêu thế, tức là hạnh phúc vô tạo tác ở ngoài mọi hạn lượng và mọi hạn định nữa. Từ thuở nhỏ, cái-thân-thể-xác-vật-chất của ngài được trưởng dưỡng khôn lớn là bởi con, là do con bế bồng, chăm sóc, nuôi dưỡng. Cũng tương tự như vậy, cái-thân-tinh-thần-tâm-linh của con lại được giáo pháp chăm sóc, nuôi dưỡng là bởi ngài, do ngài mà có. Nhờ con, ngài uống giọt sữa trắng được tinh lọc từ huyết đỏ để tắm bổ hình hài sinh diệt vẫn vôi. Nhờ ngài, con uống được giọt sữa thanh tịnh được tinh lọc từ giáo pháp để nuôi dưỡng tuệ mạng dài lâu, vô sinh bất tử.

Bạch đức Thiện Thệ! Trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng ngài từ thuở ấu thơ, ngài không có nợ nần gì cả, mà ngược lại, ngài đã ban cho cha, cho mẹ những niềm vui hy hữu, lạ lùng. Cũng bởi niềm vui lạ lùng, hy hữu ấy, cầu nguyện cho tất cả những người mẹ trên trái đất này có được những đứa con trai ưu tú và kỳ vĩ như thế.

Thưa đức Vô Thượng Điều Ngự Trượng Phu! Tất cả những người mẹ trên thế gian, dù là mẹ của một đức vua tối thượng nào chăng nữa cũng phải bị nhấp nhò chìm nổi trong bể cả của hữu tồn sinh diệt. Và này, hỡi người con trai tối thượng! Ngài đã ban cho mẹ chiếc bè vô vi, vô hành để vượt qua bể cả hữu tồn sinh diệt ấy. Nó ở

trên mọi tương đối và mọi tuyệt đối, ở ngoài ngôn và lời, ở ngoài mọi ý niệm và mọi khái niệm.

Thưa đức Thiên Nhơn Sư! Đối với phụ nữ trên thế gian, danh xưng hoàng thái hậu, “*mẹ của đức vua*”, dù cao quý, dù họa hiềm nhưng không phải không dễ dàng có được; nhưng danh xưng “*mẹ của đức Phật*” thì triệu triệu, tỷ tỷ a-tăng-kỳ mới có được một người! Vậy mà con lại là người phụ nữ ấy! Đây là điểm phúc vô khả tỷ, vô khả đối, cùng tuyệt, tối hậu vậy. Và nhờ ngài, con đã vinh hạnh đạt danh xưng tối thượng như thế đó.

Thưa đức Chánh Biến Tri! Mọi ước nguyện, hạnh nguyện, đại nguyện giờ con đã tựu thành. Mọi hy cầu, sở cầu, pháp cầu dù nhỏ bé hay lớn lao, con đều đã tròn đủ, phú túc, viên mãn. Bởi vậy, hôm nay, ngài hãy cho con được từ bỏ xác thân bất tịnh, tế toái và nhiễm ô này để thị tịch Niết-bàn, an nghỉ vắng lặng vô dư!

Bây giờ, xin ngài hãy duỗi ra hai bàn chân mềm dịu như hoa sen được tô điểm bằng một ngàn cặm bánh xe và một ngàn ngọn cờ chiến thắng. Xin ngài hãy làm vậy để con được thể hiện sự tôn kính đến ngài với lòng yêu mến trân trọng đối với người con trai cao quý của mình. Và cũng xin ngài thể hiện biểu tượng rõ ràng thân thể tợ khối vàng ròng không lẫn tạp chất để cho con được chiêm ngưỡng lần cuối cùng trước khi đi về miền an tịnh tuyệt đối¹.

¹ Một số hình ảnh và ý tưởng ở đây và nơi khác nữa, có mượn trong “Trưởng Lão Ni Ký Sự” của tỳ-khúu Indacanda (Đại đức Chánh Thân).

Đức Phật trầm tĩnh lắng nghe từ đầu chí cuối lời thưa bạch của người-mẹ-thế-gian không bỏ sót một lời một chữ nào. Sau đó, đức Đại Giác trú định kim cương, trở lại cận hành, thân tỏa hào quang sáu màu chập chờn từng đôi một, với màu sắc sáng diệu như vàng dương non trẻ hiện ra trong đám mây chiều. Lát sau, Ni trưởng Gotamī thấy rõ ba hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp của đức Thiện Thế...

Chẳng còn gì để yêu cầu nữa, Ni trưởng Gotamī đi đầu dưới lòng bàn chân ngàn cặm bánh xe, ngàn ngọn cờ chiến thắng của đấng Đại Hùng trông tựa đóa hoa sen nở rộ có ánh sáng mặt trời buổi bình minh rọi đến. Bà nói:

- Con xin đánh lễ đấng Mặt Trời của nhân loại, vị tiêu biểu của dòng dõi Thái Dương! Đây là lần từ biệt cuối cùng của con, con sẽ không còn gặp lại ngài một lần nào nữa.

Thưa đấng Cao Cả của thế gian! Hạng nữ nhân như chúng con sinh ra trong thế gian, được tiếng là mẹ của thế gian, là nhân tố tồn tại của thế gian. Cũng có thể họ là cái đẹp, là vẻ yêu kiều, dịu dàng, là bàn tay yêu thương, là trái tim nhân ái, là vầng mặt trăng trong mọi gia đình, là bóng mát cho những đứa con hư hỏng, là điểm tựa cho con cái nuôi chí hải hồ, là nơi hướng về của mọi kẻ ly hương, là suối nguồn tinh khiết của tình mẹ bao la. Và cao cả nhất, họ là huyết sữa nuôi sinh mệnh của nhân loại. Nhiều lắm! Nhiều lắm! Nhưng chính họ cũng là ái dục tình lụy, là cơn khát nóng của địa ngục, là miếng mồi bốc lửa cháy của ghen ghét, tật đố, tranh chấp và ly tán. Họ còn là cái

gì phức nhiễu, tế toái. Là nguồn cơn của mọi đau khổ và tội lỗi. Là lắm chuyện và đa sự. Là đóa hoa hồng có lắm gai độc. Ôi! Cũng nhiễu lắm và nhiễu lắm của những cánh cửa đi xuống bốn đường xấu ác! Thế đó. Trước đây con cũng chỉ là một phụ nữ trong thế gian, vậy thì con đã lỡ lầm dù cố ý hay vô tình, đã có những xấu quấy, sai trái gì đó, vì lòng bi mẫn, xin đức Tôn sư hỷ xả cho con!

Kính thưa đức Thế Gian Giải! Trước đây con đã năm lần bảy lượt xin cho nữ giới xuất gia; nếu bởi việc này mà giáo pháp bị giảm sút tồn tại năm ngàn năm là lỗi của con, vậy xin ngài cho con được sám hối vì điều ấy nữa.

Và cuối cùng, kính thưa đức Ứng Cúng! Con đã giáo dục, dạy dỗ chư tỳ-khuru-ni theo với sự cho phép của ngài cùng chư vị đại trưởng lão; tâm con có chừng, tuệ con có hạn, nếu có sự kém cỏi, bất cập nào đó trên phương diện giáo hóa ấy cũng xin ngài tha thứ trước khi con đi về miền an tịnh vô cầu, vô lậu...

Đức Phật bây giờ mới mở lời, như tiếng chim Ca-lăng-tần-già cất giọng với thang âm vi diệu trên đỉnh Tuyết Sơn:

- Nay Người-mẹ-thế-gian vĩ đại! Nay vị đại Ni trưởng đức hạnh như tấm gương trong! Bà đã lê bước bằng bàn chân trần rớm máu từ cõi hữu hạn sinh diệt để đi đến cõi vô cùng vô sinh bất tử thì có gì đáng nói nữa đâu. Bà đã tự trang bị cho mình những vật trang sức, trang điểm thù thắng như hổ thẹn tội lỗi, ghê sợ tội lỗi, đức tin, tinh cần, nhẫn nại, quyết tâm, từ, xả... thì có việc gì mà bảo làm

lỗi hay không lầm lỗi, tha thứ hay không tha thứ? Bà đã bỏ xa bụi trần và ác ố ở dưới chân núi để bước lên đỉnh đồi cao vô úy của giải thoát và tự do thì bận rộn làm chi mọi ngôn ngữ quy ước thế tục kia nữa. Không những bà, không những hội chúng tỳ-khuru-ni mà cả hội chúng tỳ-khuru Tăng thì cũng vậy. Nếu tất cả đều thanh tịnh không một chút nhiễm ô thì ai cũng đang đi ra khỏi thế gian này, ví như vàng trắng ra đi lúc rạng đông sau khi nhìn thấy sự biến mất dần dần của các vì thiên thể.

Bà và hội chúng Ni chúng hãy ra đi như vậy. Hãy an nhiên tự tại như vậy mà đi vào Niết-bàn vắng lặng toàn diện, không có dư y!

Đức Phật nói xong, như ánh sáng lấp lánh vừa rời khỏi tòa kim cương thì Ni trưởng Gotamī và Ni chúng đồng hướng vai phải nhiều quanh kim thân Phật ba vòng, trông giống như những vì sao vệ tinh theo gót mặt trăng di chuyển xung quanh núi chúa Sineru. Sau đó, họ đồng quỳ xuống đê đầu sát bàn chân đức Chiến Thắng Cao Cả một lượt nữa, đứng lên chiêm ngưỡng ngài một lượt nữa.

Tôn giả Ānanda chỉ mới là vị thánh Nhập lưu, còn nhiều phiền não, thấy bà Gotamī chào bái biệt đức Phật để Niết-bàn, chưa làm chủ được cảm xúc trước cảnh sinh ly tử biệt, ông than dài:

- Ôi! Người đi thật sao? Rồi đức Tôn sư đến một lúc nào đó cũng tịch diệt Niết-bàn như vậy ư? Ôi! Rồi tất cả ngọn lửa sống đều phải cạn ráo chất đốt, và cái thân xác bốn đại, ai ai cũng chỉ còn là cát bụi hoặc tàn tro thô thảm như thế hay sao?

Tôn giả Nanda là bậc Thánh vô lậu, đứng kể bên liền mở lời an ủi:

- Phải! Cái thân xác bị tạo tác, được kết hợp của tất cả chúng sanh không có cái gì chắc thật trong đó cả. Nó không có cốt, không có tinh, không có lõi tương tự như thân cây chuối, na ná như củ hành. Bóc tách cho đến tận cùng chỉ thấy trống rỗng mà thôi. Nó là hư vô, chẳng có gì ở đây cả. Do xảo thuật, do ảo ảnh của thợ nghiệp mà nó hiện hữu. Nó tụ rồi tan, nó có rồi không, nó sinh rồi diệt cũng là lẽ thường thôi, này tôn huynh! Mẹ của tôi, dù là bà mẹ vĩ đại, bà mẹ của bậc Chiến Thắng đại hùng cũng không ở ngoài các định luật hữu vi bất toàn và trống không ấy.

Ni trưởng Gotamī cũng thấy cần phải nói với tôn giả Ananda vài lời:

- Đúng như con trai ta đã nói, hồi vị tỳ-khuru đa văn bác học mà dung lượng sở tri còn thâm sâu và minh mông hơn biển cả. Và đối với sự cẩn thận, nhiệt tâm, tinh cần hầu hạ đức Đạo sư cũng cao cả như núi chúa, trong giáo hội không thể có người thứ hai được. Vậy đó! Thế thì ngay giây phút này, những học hiểu vô lượng ấy, những công phu bất khả tư nghị ấy, con cất giữ nó ở đâu mà không mang ra sử dụng, này con trai, này vị tôn giả khả kính?

Ta đi vào Niết-bàn tịch diệt là điều đáng mừng, đáng vui mới phải chứ? Ta và Ni chúng, cả bây giờ và mai sau, được xuất gia trong giáo pháp tối thượng này là nhờ vào ba lần cầu khẩn của con mà được, bởi tình cảm tốt đẹp

của con mà có! Công ơn ấy lớn lao như trời biển. Có cây lá rừng đại ngàn Mahāvana ghi chép. Có mây lang thang nghìn năm trên bầu trời Vesālī ghi nhớ.

Này hỡi bậc hộ trì giáo pháp! Hãy tỉnh táo lại! Hãy hé lộ trí tuệ vô lậu mà nhìn vào cõi bất tử không đến, không đi thử xem nào! Giờ khắc này, ta nhìn vào tôn giả bằng tia mắt cuối cùng rời đây, và sát-na này đã đi vào vĩnh cửu!

Đức Phật thấy sự trao đổi ấy là vừa đủ nên mở lời:

- Này bà mẹ vĩ đại! Này vị Ni trưởng đạo hạnh! Thời điểm cuối đã đến rồi. Tất cả các “hữu”¹ đã được búng tận. Tất cả mọi phiền não đã bị nhổ tiệt. Mọi trói buộc đã bị cắt đứt như con voi cái đã được cởi trói. Không còn một mảy may lậu hoặc vi tế nào còn tồn tại. Mẹ là người đã thành tựu tam minh, có bốn tuệ phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí. Bây giờ, trước khi an nghỉ Niết-bàn, mẹ hãy thị hiện một chút năng lực thần thông cho chư tỳ-khuru Tăng Ni, hai hàng cận sự cũng như thọ thần, chư thiên khắp núi rừng Mahāvana này cùng chiêm ngưỡng.

Được sự cho phép của đức Phật, Ni trưởng đánh lễ ngài rồi tức khắc bay lên không trung còn nhanh hơn con chim ưng vàng vỗ cánh. Đầu tiên bà biến hóa một thân thành nhiều thân rồi nhập thành một. Hiện ra rồi biến mất. Đi xuyên qua tường, qua núi. Ẩn trong đất. Đi trên nước như đi trên đất bằng. Ngồi kiết già giữa hư không.

¹ Ý nói những nguyên nhân tồn tại trong ba cõi dục, sắc và vô sắc đã được búng nhổ.

Đến cõi phạm thiên. Làm cho trời đất mù mịt khói. Sáu mặt trời mọc lên. Những tràng hoa rực lửa như vào thời hoại kiếp. Nắm trong tay những ngọn núi và những tảng đá khổng lồ trông như mấy hạt cải. Ngón tay che khuất mặt trời, mặt trăng. Bàn tay nắm một ngàn mặt trời, một ngàn mặt trăng. Biến hóa thành đức Chuyển Luân Vương. Biến hóa thành hằng hà sa số tỳ-khưu-ni... rồi nhập lại, hòa thành một.

Cả khu rừng người, vô số phi nhơn, chư thiên đồng chiêm ngưỡng đại thần lực biến hóa của Ni trưởng, đăm đăm như không nháy mắt...

Lại biết là đúng thời nữa, đức Phật chợt tuyên dương:

- Ni trưởng Gotamī không những là người mẹ vĩ đại của Như Lai, không những là vị Thánh ni nhiều thần thông lực, mà còn là bầu sữa mẹ cho Ni giới, chăm sóc Ni giới với tấm lòng bao dung, quảng đại, có kinh nghiệm đệ nhất trong việc lãnh đạo Ni chúng!

Rồi Ngài lại nói tiếp:

- Nay người mẹ vĩ đại! Hãy kể lại lộ trình lâu xa cùng những nhân những duyên tu tập của mình cho đại chúng cùng nghe.

- Thưa vâng!

Rồi bà kể:

- Vào thời đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara, tôi được sanh ra tại Hamsavatī trong một gia đình quan cận thần, được thọ hưởng sung mãn tài sản cùng những tiện nghi tối ưu trong đời sống.

Một lần nọ, tôi và nhóm thị nữ cùng tùy tùng đông đảo đến chiêm bái, cúng dường, nghe pháp đức Phật Padumuttara. Nhân duyên tình cờ, là hôm ấy, đức Đại Hùng đang cho thiết lập giáo hội Ni giới, và vị đứng đầu, lãnh đạo Ni giới là tỳ-khuru-ni Mātucchā. Thấy vị thế của người nữ được bình đẳng xuất gia tu tập như thế tôi đã rất hoan hỷ, bèn phát tâm cúng dường y áo, vật thực, thuốc trị bệnh đến đức Phật cùng chư Tăng Ni trong suốt bảy ngày rất thịnh mãn, rất chu đáo.

Đến ngày thứ bảy, tôi và thị nữ cùng tùy tùng nằm dài xuống đất, đánh lễ bàn chân bụi của đức Vô Thượng; và phát nguyện rằng, mai hậu sẽ có duyên báo, quả báo giống y như tỳ-khuru-ni Mātucchā, xin bậc Đại Chiến Thắng chứng minh.

Đức Phật mỉm nụ hoa sen, cất tiếng:

- Con đã cúng dường hỷ mãn bảy ngày đến Như Lai và hội chúng với tín tâm rất tròn đầy và trong sạch. Vậy thì con sẽ được như ý sở cầu!

Hãy nghe Như Lai nói đây.

Vào một trăm ngàn đại kiếp về sau, có vị Thế Tôn xuất thân dòng dõi Okkāka, đức đại sĩ Gotama sẽ có mặt ở thế gian, khai sáng một giáo pháp chánh thống y như chư Phật ngàn xưa. Lúc ấy, con, là Mahā Pajāpatī Gotamī, chính là bà mẹ thứ hai chăm sóc, nuôi dưỡng vị ấy thuở còn ấu thơ. Và con cũng chính là người nữ đầu tiên thừa tự giáo pháp ấy, đạt vị thế hạng nhất trong số những tỳ-khuru-ni kỳ cựu.

Khi đầu ân bắt tử đã được đức Ứng Cúng khắc lên trán như thế, tâm tôi, sau đó dường như chỉ nghĩ đến giáo pháp. Tôi, các thị nữ và tùy tùng đã cúng dường, hộ độ đức Phật và giáo hội cho đến hết cuộc đời còn lại. Mệnh chung, tôi được hóa sanh cõi trời Đao Lợi, được thọ hưởng hỷ mãn thiên sắc, thiên hương, thiên vị, kể cả tuổi thọ, sắc đẹp, an lạc và danh tiếng đều vượt trội chư thiên nữ cùng cảnh giới nên Đế Thích thiên chủ chọn tôi làm thiên hậu.

Do một nghiệp xấu ác từ quá khứ trả quả, hưởng hết phước ở cõi trời, tôi sanh xuống cõi người, rơi vào một gia đình lao động chân tay thuộc quốc độ của đức vua nước Kāsi. Tại một ngôi làng nô lệ có năm trăm gia đình, người ta bầu một vị lãnh đạo, như là làm thôn trưởng, và tôi là phu nhân của vị ấy.

Hôm kia, có năm trăm vị Độc Giác Phật¹ đi từ Nandamūlaka tới Isipatana để khát thực. Tất thảy chúng tôi cùng quyến thuộc đều vui mừng mời thỉnh luôn hội chúng ấy an cư mùa mưa, năm trăm gia đình làm năm trăm cốc lá rồi hộ độ tứ sự suốt bốn tháng, dâng cúng đầy đủ mỗi vị ba y, ai ai cũng hoan hỷ. Sau kiếp ấy, tôi được tái sanh trong một gia đình thợ dệt cũng tại thành phố Bārāṇasī, lớn lên, nhân duyên lại được gặp năm trăm

¹ Trong chú giải Trưởng Lão Ni Kệ có chép chỉ có năm (5) vị và nói an cư chỉ có ba tháng. Và trong Pāḷi Proper Names cũng nói năm.

vị Độc Giác Phật (con bà Padumavati)¹ nên lại được dịp cúng dường vật thực.

Từ bỏ cõi người, do nghiệp lành tốt ấy, tôi được chu du tái sinh nhiều cõi người và trời. Rồi kiếp cuối cùng hiện nay là thành phố Devadaha, nước Koliya. Cha của tôi là Añjana² thuộc dòng Sakyā, mẹ của tôi là hoàng hậu Sulakkhaṇā; và sau đó tôi được làm hoàng phi của đức vua Suddhodana, thành phố Kapilavatthu. Những người còn lại, tùy tùng và quyến thuộc kiếp trước thì được sanh trong hoàng tộc Sakyā hoặc phu nhân, thân quyến của họ. Tôi là người ưu việt nhất, do lời nguyện dưới chân đức Phật Padumuttara nên được làm bảo mẫu của đấng Chiến Thắng. Người con trai tuấn tú được tôi chăm sóc và nuôi dưỡng ấy ra đi và trở thành đức Chánh Đẳng Giác, bậc Hướng Đạo vô song. Tôi và năm trăm công nương dòng Sakyā đều đã xuất gia và đều đã chạm tay vào cánh cửa an lạc của Niết-bàn. Cả chồng và con của họ từ nhiều kiếp trước cũng đạt được phẩm vị A-la-hán tối thượng đều nhau cả thảy.

Sau câu chuyện kể của Ni trưởng Gotamī, tất thảy Thánh ni cũng sử dụng thần thông, bay lên không trung và tuần tự thể hiện một số năng lực; và cuối cùng lại phủ phục bên chân đức Đại Giác, xin phép được Niết-bàn giống như Ni trưởng của họ.

¹ Chuyện "Cô gái hoa sen". Xem Thig A.140 ff.; AA. i. 185 f.; Ap. II. 529-43.

² Tên của vua cha Suppabuddha, Mahāmayā và Mahāpajāpati.

Ni trưởng và hội chúng Thánh ni sau đó trở về Ni viện, bỏ ngoài tai mọi sự than khóc sầu muộn của những cận sự nữ, họ yên lặng tìm chỗ tịch diệt Niết-bàn. Lúc ấy, trái đất rung động. Tiếng trống trời vang lên và mưa hoa rơi xuống. Thọ thần, chư thiên, long vương, a-tu-la và cả cõi phạm thiên đều rung động, bồi hồi...

Đức Phật hay biết rõ việc ấy nên ngài nói với Ānanda và Nanda:

- Hãy thông báo rộng rãi đến hai hội chúng Tăng Ni, hai hàng cận sự nam nữ trong kinh thành Vesālī và vùng phụ cận về sự Niết-bàn của mẹ và các công nương Thánh ni¹.

Thế rồi, lễ hỏa táng thi hài của Ni trưởng Gotamī và hội chúng Thánh ni diễn ra vô cùng huy hoàng và trân trọng. Những viên xá-lợi đã được thu nhặt và những bảo tháp thờ cũng được dựng lên để ngàn sau chư thiên và nhân loại chiêm bái, cung kính, cúng dường.

Những tinh cầu thưa thớt và lạnh giá.

Những ngôi sao sáng đã rụng giữa trời cao.

¹ Nhiều chỗ ghi rõ là năm trăm tỳ-khưu-ni dòng dõi Sakyā.

Tỳ-khuru-ni Yasodharā

(Bậc đại thần
thông)



con
gái
đức
Phật

Một vị lão Ni đã chớm già trông mỏng manh như cành liễu nhưng thần sắc tinh anh, dáng dấp sang trọng, dung nghi cao quý như mệnh phụ với những bước chân vững chãi, thanh thoi đang từ từ theo con đường mòn ruột dê đi dần xuống núi...

Đây là trưởng lão ni Yasodharā, năm ấy bà đã bảy mươi tám tuổi.

Mấy tháng nay, bà trú ngụ nơi một hang đá đáng yêu có dây leo tua uồn nở những đóa hoa dại thơm hương; có mấy con sóc nâu vằn cắn hạt vui tai; có chú chuột núi thập thò, thập thò nhưng chẳng tìm ra vật gì để mài răng gặm nhắm cho đỡ buồn; có mây gió lang thang sớm, có sương mù lãnh đăng chiều, có trăng khuya thên thên vô ngại tới lui thăm viếng, bầu bạn... Thật là viên mãn thanh tịnh, viên mãn độc cư, viên mãn yêu thương và viên mãn niềm vui siêu thế. Trong không khí, trong cây rừng và cả trong từng tâm niệm, ý nghĩ đều thanh trong, vô nhiễm, không dính một hạt bụi phiền lao vi tế! Tuy nhiên, sáng

nay, bà thấy rõ ngọn đèn sinh mệnh sắp cạn dầu, lụn bác. Giờ Niết-bàn đã đến rồi. “*Thọ hành*” đã đánh trống, đã thổi kèn báo động trong từng tế bào, trong từng vi thể tủy xương. Mặc dầu tử thần không dám ngông nghênh cầm lưỡi hái đến gõ cửa để dọa nạt, khủng bố ai, nhưng bà tự biết là bà sẽ ra đi và tự làm chủ hơi thở cuối cùng, thông tỏ sát-na tâm niệm cuối cùng. Và khi mà thần thức đã tìm chỗ “*chẳng bị sanh, chẳng bị diệt*” thì ma vương, cả năm loại ma vương kia chẳng thể làm gì được¹, chẳng lần ra manh mối của cây đèn tắt, ngọn lửa sẽ đi về đâu!?

Trưởng lão Ni Yasodharā nở nụ cười tiêu sái, vô sự rồi tự nghĩ: “*Ai rồi cũng vậy thôi. Ta ra đi rồi đức Đạo sư cũng ra đi. Như Ni trưởng Gotamī đã ra đi hơn mười năm về trước. Hai vị thượng thủ cũng đã đi rồi. Giáo hội càng ngày càng trống không. Mang cái thân cát bụi phải trả về cho cát bụi. Ta phải đi xin phép đức Thế Tôn để cho cái thân này được vĩnh viễn yên nghỉ. Ta đã liễu tri trọn vẹn cái trò chơi ảo ảnh, ảo giác của các định luật hữu vi kia rồi. Và cả cái căn nhà bản ngã thường bày đặt nhiều lời, lảm chuyện này nữa!*”

Bà lại mỉm cười một lượt nữa, dịu dàng như mảnh trăng buổi sơ thu rồi vừa đi vừa nghĩ tiếp. Cuốn phim từ từ quay. Từng hình ảnh hiện ra.

Đây là thưở đức Phật về thăm quê nhà sau hai năm đắc quả Tam minh. “*Ông ấy*” ân cần và dịu dàng nắm tay vua cha từng bước thong thả tiến về biệt cung của

¹ Năm loại ma: Phiền não ma vương, pháp hành ma vương, ngũ uẩn ma vương, tử thần ma vương, chư thiên ma vương.

ta. Là bậc Toàn Giác, ngài biết tâm sự của nữ nhân, của Yasodharā, dễ cảm xúc, dễ tủi thân, tủi phận! Chính ngài phải đến thăm Yasodharā, chứ không phải Yasodharā đến thăm ngài! Và “*ông ấy*” đã nghĩ đúng! Trong lúc đó thì ta đã được nghe tràn tai về đấng phu quân của mình, vừa mừng, vừa tủi, vừa nôn nả, háo hức, vừa hồi hộp, run rẩy; ta đã tự nghĩ: “*Nếu trong thời gian thái tử vắng mặt, tám năm ròng rã, ta lỡm khuyết đức hạnh, ta mòn vẹt thủy chung thì thái tử sẽ không đến thăm ta; bằng ta là một viên ngọc mani không tỳ vết thì chính thái tử phải đến thăm ta dù ‘ông ấy’ có là một bậc Chiến Thắng Vô Đai chăng nữa!*”

Và quả thật vậy, “*ông ấy*” đã đến rồi!

Khi đức Phật vừa ngồi trên bảo tọa đã được sắp đặt sẵn, ta mặc tấm lụa sarī màu vàng trắng, chảnh châu báu điểm trang, chảnh hoa hương lờ loẹt, đã từ hậu cung, đi bằng hai đầu gối, đến bên chân “*ông ấy*”, quỳ úp mặt vào bàn chân bụi của ngài, khóc ròng rã, khóc như chưa bao giờ được khóc. Đức Phật cứ để yên vậy vì “*ông ta*” là “*vị vua của tâm lý*”. Một lát sau, khi biết những giọt nước mắt kia đã chảy trôi đi những cảm xúc lâu ngày dồn nén lại, “*ông ấy*” mới dịu dàng nói:

“- *Này Yasodharā! Này Gopā! Như Lai vẫn không khác xưa lắm đâu! Như Lai vẫn là con người cũ đó thôi! Nhưng bây giờ, tâm Như Lai thanh tịnh hơn, trí Như Lai quang rạng hơn! Như Lai đã tìm ra giá trị vĩnh hằng của cuộc sống mà đã một thời, chúng ta, các ông hoàng, đã cùng nhau thao thức, đã cùng nhau trăn trở! Bây giờ, Như Lai là hiện thân*

cho cái gì vừa ở bên trong cuộc đời này mà đồng thời, cũng ở bên ngoài và ở bên trên chúng nữa. Cái ấy là kết quả cuối cùng trả lời đáp số cho bài toán tâm linh đã từng vô phương giải quyết thuở nào. Do vậy, Như Lai không còn sống cho riêng mình, mà là sống vì hạnh phúc và an vui cho chúng sanh ba giới bốn loài! Ngày Gopā! Nàng là bậc trí, là nữ nhi anh thư kiệt kiệt, là kẻ cùng chung vui khổ với Như Lai, cùng chung hạnh nguyện ba-la-mật với Như Lai, Gopā phải cần biết như thế chứ!”

Được lời như cởi mở tấm lòng, ta lau ráo đôi mắt tưởng đã khô lệ từ lâu.

Hoàng hậu Gotamī trù mến nhìn ta rồi bà ca tụng công đức của ta không hết lời:

- Từ lúc thái tử ra đi, công chúa vô cùng sầu muộn, như mất một bảo vật trân quý nhất ở trên đời; tuy nhiên nàng vẫn giữ được sự tự chủ hiem có. Niềm an ủi lớn nhất của công chúa chính là Rāhula, khi trẻ nói cười, đùa giỡn, chạy tới chạy lui lú lo, vô tư, vô lự! Khi nghe thái tử sống đời du sĩ, lang thang không cửa, không nhà, công chúa cũng đã tự vất bỏ châu báu điểm trang, chỉ quàng tấm sarī màu trắng dị giản! Khi nghe thái tử sống đời khổ hạnh, công chúa cũng bắt đầu từ bỏ vật thơm, dầu thoa, giường cao, chăn ấm; chỉ gói cây, nằm đất và mỗi ngày chỉ dùng một ít vật thực vào buổi trưa! Biết bao vương tôn, hoàng thân, công tử giàu sang, hào hoa, quý phái xứng đôi, vừa lựa tìm đến nhằm nhe dạm hỏi, công chúa đều thẳng thừng từ chối không đáp lời, không tiếp đối! Khi

nghe thái tử đã đúc thành quả Phật, đắp y vàng dẫn đầu đoàn sa-môn thanh tịnh về thăm quê hương thì công chúa cũng quàng tấm sarī màu vàng trắng như thế này đây! Xem đây, không những công chúa có đức hạnh vẹn toàn mà còn biết cảm thông, chia sẻ với thái tử trong mỗi năm, mỗi tháng, mỗi ngày xa cách, biệt ly!

- Mẫu hậu đừng nói nữa! Ta cảm thấy hổ thẹn nên mở lời cản ngăn rồi đi đến bên cạnh lệnh bà – Thái tử bây giờ đã là một vị Phật rồi, chẳng có gì mà vị Phật lại không biết!

- Phải đấy, này Gopā! Chẳng có gì mà Như Lai không biết! Và Như Lai còn biết nhiều hơn thế nữa! Rồi ngài quay sang, như nói chuyện với đức vua và hoàng hậu Gotamī - Gopā là thế đấy, không những bây giờ, mà đã từ vô lượng kiếp trước, từ thời đức Phật Dīpaṅkara (Nhiên Đăng) rồi trải qua hai mươi bốn vị Chánh Đăng Giác, nàng luôn chính đính, đoan trang, tiết hạnh, thủy chung; chia vui, sẻ buồn; không ngừng giúp đỡ Như Lai, nâng đỡ Như Lai, khuyến khích Như Lai trên đường tấn tu thánh nghiệp!

Nói thế xong, đức Phật vén bức màn quá khứ:

- Cách đây phỏng chừng bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp, có đức Phật Dīpaṅkara xuất hiện. Thuở ấy có chàng thanh niên Sumedha, xuất thân gia đình bà-la-môn cự phú, thiên tư thông tuệ, tài mạo và sở học đều xuất chúng. Sau khi cha mẹ qua đời, thanh niên Sumedha đã làm một cuộc bố thí hào phóng, vĩ đại, xả ly tất cả gia sản kim ngân châu báu rồi lên non sống đời đạo sĩ vô sản,

bần hàn. Tuy ăn trái cây rừng và uống nước suối, nhưng nhờ tinh cần tu tập, đạo sĩ đắc bát định và ngũ thông sau tháng năm cần khổ; tuy nhiên, chàng biết rằng, bài toán phiền não và đau khổ chưa có được sự giải đáp tận cùng!

Hôm kia, tại thành phố Rammavāti, dân chúng xôn xao chuẩn bị đón tiếp đức Phật và hội chúng Thánh Tăng; họ phải cùng nhau ra tay làm một con đường dài do mưa lũ xói mòn, bùn sình lầy lội!

Mới nghe đến danh từ Phật (Buddho!), tâm trí thanh niên đạo sĩ Sumedha bị chấn động mãnh liệt. Ôi! Cái danh từ ấy như gọi nhắc thâm sâu của mọi hướng thượng tìm về!? Như một nguyên động lực nào đó xua vệt bóng tối mê mờ để tao ngộ với chân diện mục bản nguyên!? Thế là chàng bèn khởi tâm đóng góp một tay vào công đức này, xin đảm nhận một quãng đường khó khăn nhất!

Chàng suy nghĩ: *“Nếu ta sử dụng thần thông thì trong nháy mắt con đường sẽ xong ngay, nhưng nếu làm vậy thì chẳng đỡ mồ hôi, chẳng phải tổn hao sức lực; rút lại, chẳng có một ý nghĩa, một giá trị hữu vi nào !”*

Thế rồi, thanh niên đạo sĩ bèn sử dụng sức lao động của mình! Cũng quần quật, đổ mồ hôi, sôi nước mắt như mọi người. Cũng chân lấm tay bùn như những ai khác.

Khi đức Phật và hội chúng ngự giá đến nơi, con đường dài đã phẳng phiu, phong quang, sạch sẽ, khô ráo; nhưng phần đường do chàng đảm nhiệm lại còn một *“tí xíu”* chưa hoàn thành!

Nhìn đoạn đường sinh lầy chỉ còn chừng một đòn gánh, thanh niên đạo sĩ Sumedha đã có chủ định phải giải quyết như thế nào rồi. Tuy nhiên, khi đức Phật Dīpaṅkara và hội chúng thánh Tăng đã đi gần đến nơi, thấy tướng hảo quang minh của ngài, thanh niên đạo sĩ khởi tâm tịnh tín, muốn cúng dường cái gì đó nên cứ đưa mắt nhìn quanh! Trong đám đông dân chúng, đạo sĩ chợt nhìn thấy một cô gái bà-la-môn quý phái xinh đẹp, đang cầm trên tay tám đóa hoa sen! Và lạ lùng làm sao, cô gái diễm lệ ấy cũng đang chăm chú nhìn chàng! Kìa, có phải hai ngôi sao âm dương đang hút nhau đấy không? Cô gái ấy tên là Sumittā, khi nhìn thấy Sumedha thì trái tim của nàng xao xuyên mãnh liệt; và rồi chợt như hiểu được nguyện vọng của chàng đạo sĩ tuần tú, nàng bèn mở miệng hoa, thốt lên, lú lo như oanh như yến:

- Trong tám đóa hoa sen này, ba đóa là phần của thiếp để cúng dường đến đức Phật, năm đóa còn lại là phần của chàng, nhưng với một điều kiện...

- Cô nương hãy cứ nói đi! Thanh niên đạo sĩ Sumedha hỏi trả lời - Bất cứ điều kiện gì mà trong khả năng của ta có thể làm được! Ta cần cúng dường gấp!

Nàng Sumittā mỉm cười, đôi má như có ửng nắng hồng:

- Tướng mạo và phẩm cách của chàng thật là tuyệt vời! Ngay chính bộ y phục bằng vỏ cây, lá cây kia cũng kiêu hãnh và thanh cao như thách đổ mọi đức hạnh trong trời đất, như nhạo báng cả thế gian tối tăm và xấu ác này!

Công đức hoàn thiện con đường để nghinh đón đức Phật của chàng cũng là một cái gì lạ lùng mà sức vóc con người không thể làm được. Tất cả dân chúng đều nói như thế và họ ghi nhận kỳ tích hy hữu này! Với nhân tối thượng như vậy, với duyên tối thượng như thế, trong tương lai, chắc chắn chàng sẽ thành tựu được sở nguyện vĩ đại trong lộ trình đi và đến của mình!

Thiếp nguyện được nương theo bên chàng, chỉ xin như là chiếc bóng thôi, được nâng khăn sửa túi cho chàng trong vô lượng kiếp sau...

Trái tim đạo sĩ trai trẻ chợt rung động, nó tự làm cái việc của riêng nó mà không thêm hỏi ý kiến ai! Rồi, gắng giữ yên lặng được một sát-na, chàng nói:

- Ta sẵn sàng, và xin vui lòng đồng ý với điều kiện ấy, nhưng nàng hãy hứa là đừng cản trở chí nguyện và những công hạnh ba-la-mật của ta mới được!

Thiếu nữ bẽn lẽn cúi mặt gật đầu ưng thuận rồi trao cho thanh niên đạo sĩ năm đóa sen tươi thắm. Rồi cả hai, không hẹn, cùng nắm tay nhau, chạy đến quỳ bên chân đức Phật, đồng dâng tám đóa sen lên ngài!

Việc vừa xong, thanh niên đạo sĩ Sumedha chợt sụp xuống đất, ôm chân bụi của đức Chánh Đăng Giác, thốt to lên rằng:

- Chỉ còn một khúc đường sinh lầy, đệ tử xin nguyện lấy tấm thân giả hợp xấu xí, ô trọc này để trải đường cho đức Thế Tôn và Thánh chúng bước lên! Xin nguyện công đức của ngày hôm nay, của việc làm này, mai sau đệ tử sẽ

đắc thành quả vị Chánh Đẳng Giác vì an vui hạnh phúc cho mình, cho chư thiên và loài người!

Phát nguyện thế xong, thanh niên đạo sĩ Sumedha vội đến nằm sấp vào đám sình!

Đức Phật chợt hướng tâm, thấy và biết mọi nhân, mọi duyên, mọi quả! Ngay giây khắc ấy, đức Toàn Giác nghe rõ, quả đất đang rung động vì lời nguyện vô thượng của thanh niên đạo sĩ; chư thiên, phạm thiên khắp mấy tầng trời đang rải hoa mạn-đà xung tán, ca ngợi công đức vô thượng ấy; ngài bèn quay sang nói với đại chúng rằng:

- Có hai việc vừa xảy ra được xem là hy hữu trên đời này! Việc thứ nhất là tám bông sen của chàng trai tuấn tú và cô gái xinh đẹp. Với sự thành tâm phát nguyện của họ, cả hai sẽ nên duyên tình nghĩa vợ chồng từ đời này sang kiếp khác; luôn đầm ấm, thủy chung và luôn khuyến khích, nhắc nhở nhau trên lộ trình tu tập!

Việc hy hữu thứ hai, là thanh niên đạo sĩ này, với lời nguyện vô thượng của mình, thực hành ba-la-mật trong thời gian bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp, trải qua hai mươi bốn vị Phật, chàng ta sẽ thành tựu quả vị Chánh Đẳng Giác đúng như ước mơ và sở cầu!

Rồi đức Phật quay sang hai người:

- Nay Sumedha! Ước nguyện của con sẽ được thành tựu; và bắt đầu từ kiếp sau, Sumittā sẽ là người bạn đời chung thủy của con như chim liền cánh để bay qua sông dài biển rộng; sẽ đồng tâm, đồng chí, đồng phước, đồng nghiệp, đồng nhân và đồng quả! Và này Sumittā! Con sẽ

được nhiều hạnh phúc như ý và chẳng bao giờ cản trở chí nguyện của chồng con đâu!

Kể đến ngang đây, đức Phật kết luận:

- Giàu sang, vương giả, địa vị, danh vọng, quyền lực và tiền bạc... vốn chưa phải là điều kiện cần và đủ để mang lại hạnh phúc cho con người. Thêm cả tình yêu thương nữa, cũng chưa trọn vẹn, mà còn cần sự hiểu biết, thông cảm và tôn trọng lẫn nhau. Sumedha và Sumittā đã vô lượng kiếp nên duyên chồng vợ; và cũng từng ấy kiếp, Sumittā luôn sát cánh, chung vai với người bạn đời của mình thực hiện con đường vô thượng.

Sumittā thuở ấy giờ là Yasodharā, còn Sumedha chính là Như Lai vậy.

Câu chuyện đức Phật kể xong, ai cũng xúc động. Riêng Yasodharā thì bồi hồi, rung rung giọt lệ; nhưng là những giọt lệ tươi tỉnh, hạnh phúc.

Hoàng hậu Gotamī khẽ ôm vai công chúa, thốt lên rằng:

- Đúng là như thế! Yasodharā luôn là như thế, kể từ đêm thái tử rời bỏ kinh thành. Chính công chúa tinh ý nên biết tất cả và đã âm thầm hỗ trợ cho thái tử ra đi theo chí nguyện của mình!

- Đúng vậy! Đức Phật gật đầu! Như Lai biết! Yasodharā chưa bao giờ ngủ mê đến đổi không hay biết gì cả! Giấc ngủ của Yasodharā, tuy là giấc ngủ ngon nhưng luôn luôn tỉnh táo. Khi thấy Channa chuẩn bị sẵn áo bào dạ hành và lương thực, Như Lai lại càng hiểu rõ sự hỗ trợ ngầm

ngâm của nàng, vì tâm trí của Channa chưa đến độ tinh tế như vậy!

Đến lúc này thì công nương Yasodharā mới nở nụ cười tươi rạng như ánh trăng. Bà tự nghĩ: *“Không có gì giấu được ông ta, xưa vẫn vậy, nay vẫn vậy, kể cả ý định ta muốn Niết-bàn trước ngài”*.

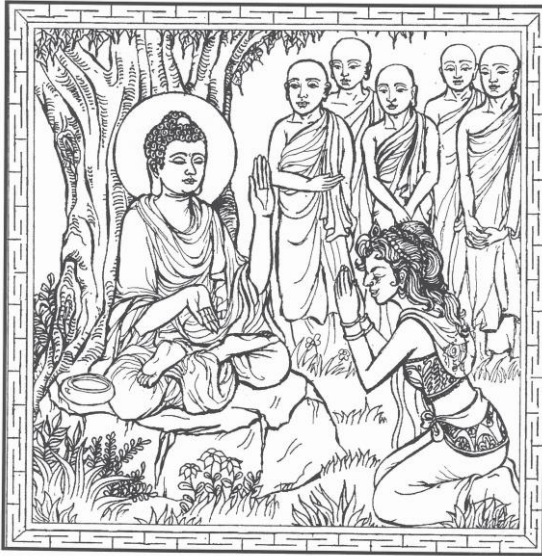
Thế rồi, cũng tại Vesālī, cũng tại Ni viện, một nhân vật lừng danh lại an nghỉ Niết-bàn. Bà ta là vị trưởng lão Ni thâm lặng, thành đạt trọn vẹn tuệ phân tích, vô ngại giải nhưng ít khi muốn giảng thuyết đó đây. Lại là một trong bốn vị có đại thần thông mà chẳng lúc nào hiển thần ra oai để giáo hóa đồ chúng¹. Đúng là bà chỉ muốn là chiếc bóng như lời nguyện thưở xưa. Bà là người vợ hiền mẫu mực theo thế gian quy ước, nhưng lại được sinh ra trong giáo pháp bất tử, là một trong những người con hy hữu của đức Tôn sư vô thượng.

Một ngôi sao nữa lại tắt, nhưng ánh sáng ấy còn tỏa rạng và thơm hương cho đến ngày hôm nay, sau gần ba ngàn năm, giáo pháp leo lên đỉnh cao đã bắt đầu tụt dần xuống bên kia dốc núi.

¹ Theo chú giải bộ Anguttara Nikāya thì, trong thời Phật chỉ có 4 vị có đại thần thông (Mahā Abhiñña), đấy là hai vị đại đệ tử, tỳ-khưu vị tăng hữu Bakkula và đức Bhadda Kaccānā (tức Yasodharā).

Thánh nữ Visākhā

(Nữ đại thí chủ)



Đức Phật chưa đến Aṅga, xứ sở ra đời của cô bé Visākḥā, nhưng do giới thương buôn loan truyền, tin tức ấy đã đến nơi này từ mấy hôm về trước. Náo nức nhất là những người buôn bán làm ăn xa, đã có dịp nghe pháp tại Jetavanārāma (Kỳ Viên tịnh xá) hay Veḷuvanārāma (Trúc Lâm tịnh xá). Trong số ấy có hai vợ chồng triệu phú Dhanañjaya và Sumanā Devi; đặc biệt là triệu phú Meṇḍaka, thân phụ của họ, là người hoan hỷ nhất.

Lúc đức Phật dẫn đầu đoàn sa-môn trang nghiêm, vàng rực lần lượt trì bình khất thực tại thị trấn Bhaddiya thì tin lành ấy đã được truyền đến tai triệu phú Meṇḍaka. Ông liền cho gọi cô bé cháu nội, là Visākḥā, lúc ấy mới bảy tuổi rồi nói rằng:

- Cháu yêu quý của ông! Đức Thế Tôn và Tăng chúng đang vân du hành hóa đến quê hương của chúng ta; ngài và hội chúng còn ở Bhaddiya ngày nào, là những ngày an vui và hạnh phúc cho hai ông cháu chúng ta đấy, cháu biết không?

Cô bé Visākhā mở tròn mắt, ngạc nhiên, ngây thơ hỏi:

- Tại sao thế ông nội? Không phải là chúng ta cũng đang sống trong an vui và hạnh phúc đó sao?

- Ủ, đúng là vậy! Triệu phú Menḍaka âu yếm vuốt mái tóc cô cháu gái – Nhưng ông đã được nghe pháp của đức Thế Tôn, ông mới hiểu được rằng, an vui và hạnh phúc của chúng ta hiện có ở đây, không được lâu bền; nó mong manh lắm, nó mau biến hoại, đổi khác lắm; nó chỉ như một đóa hoa buổi sáng nở, buổi chiều thì tàn vậy.

- Là hoa phù dung, cháu biết rồi! Cô bé Visākhā mau mắn nói - Buổi sáng nó màu trắng, trưa nó màu hồng, chiều thì màu đỏ và tối thì nó tàn rụi. Cháu thấy sự thay đổi sắc màu đó rồi! Và cháu thương cảm cho nó quá, nội ơi!

Ông già Menḍaka ngạc nhiên:

- Cháu thương cảm nó thật à? Thương cảm nó ra làm sao, nè cháu?

- Phải! Cô bé gật cái đầu, hé cái miệng xinh xắn rồi nói tiếp - Cháu thương cảm nó! Nên cháu thường nhặt những đóa hoa phù dung tàn ấy, bỏ trong bát nước, nhưng nó

cũng không thờ được, không nhúc nhích được, không sống được, ông nội à!

- Ủ, Làm thế nào mà nó thờ được, nó nhúc nhích được khi các xác hoa ấy đã chết rồi! Ông triệu phú Menḍaka đăm chiêu một lát rồi nói tiếp - Đức Thế Tôn, các bậc Chánh Đẳng Giác thương cảm chúng ta cũng như cháu thương cảm đóa hoa phù dung kia vậy đó. Do thế, đức Thế Tôn đã chỉ dạy một con đường cho chúng ta tìm thấy một loại an vui và hạnh phúc lâu bền hơn.

- Vậy là tuyệt! Cô bé Visākhā vỗ tay – Cháu cũng muốn nghe sự chỉ dạy ấy của đức Thế Tôn. Nhưng ngài ở đâu, thưa ông nội?

- Ngài đã đến rồi! Đức Thế Tôn ấy, sáng nay cùng với hội chúng sa-môn năm trăm vị đang đi trì bình khất thực hóa độ những người hữu duyên tại thị trấn Bhaddiya của chúng ta đây.

- Thế tại sao ông nội và cháu không đi thăm, đành lễ và cúng dường đức Thế Tôn ấy, rồi sau đó xin được nghe lời chỉ dạy của ngài?

- Đi chứ, đi chứ! Ông triệu phú cười vui, mau mắn nói – Nhưng hãy đợi đến sớm mai. Bây giờ, cháu hãy chuẩn bị cho thật trọng hậu và hoành tráng nhất; nghĩa là phải có đủ năm trăm cỗ xe có ngựa kéo với đầy đủ tứ sự, lễ vật cùng năm trăm thị nữ, gia nhân... rồi ông cháu chúng ta đến thăm đức Thế Tôn, có lẽ đang ở tại một ngôi rừng nào đó ở ngoại ô đây thôi. Hỏi là biết liền hà!

Sau khi cô bé đi lo công việc, ông triệu phú suy nghĩ:

“Cha mẹ nó đều là bậc trí thức, hiền thiện, đã từng được nghe pháp nhiều lần ở nơi này và nơi kia; riêng cô bé thì chưa. Nó lạ lắm. Nó tiềm tàng những phẩm chất cao quý mà ít người có được. Khi sinh ra, nó nằm gọn gàng trong cái bọc điều tinh khiết, trông kháu khỉnh, sáng rỡ như viên hồng ngọc, lại còn hương trời ở đâu mà tỏa ngát, thơm lừng cả nhà nữa chứ. Càng lớn lên trông nó càng mỹ miều, duyên dáng. Nước da cô bé mịn màng như cánh hoa sen màu vàng. Vóc nó trông mảnh mai, nhưng tiềm tàng một sức khỏe lạ lùng; có lần nó bồng một chú bê con trông nhẹ nhàng như ôm một bó bông! Điều đặc biệt, lúc nào, nó ăn uống đi đứng nằm ngồi đều toát ra cái phẩm chất cao quý, dường như không hề thấy thói hư tật xấu nào. Chỉ tiếc nó là gái, bằng không nó sẽ trở nên một bậc chí nhân, chí thiện trên đời này. Nhưng mà không sao, phải tạo cơ hội cho cô bé này được thân cận những bậc đại trí tuệ như đức Phật, chư vị Thánh Tăng để cho nó được thăng hoa những phẩm chất ấy càng ngày càng ưu việt hơn”.

Thế rồi, ngày hôm sau, ông triệu phú Menḍaka và cô bé Visākhā với năm trăm cỗ xe thực phẩm, lễ vật; năm trăm thị nữ, gia nhân rầm rộ, sang trọng không thua gì vua chúa đến khu rừng ngoại ô thăm viếng đức Thế Tôn và hội chúng tỳ-khưu.

Đức Phật biết trước chuyện này, là một nhân duyên lớn cho giáo pháp nên sáng nay đã không đi bát, ngài ngồi dưới một gốc cây lớn với hội chúng xung quanh.

Thấy được đức Phật, tự dung cô bé Visākhā phát khởi đức tin trong sạch, niềm hoan hỷ bùng bùng tỏa sáng nơi khuôn mặt, nó nói nhỏ với ông nội:

- Đức Phật và hội chúng sa-môn này có cái gì rất trong sạch, thiêng liêng, hoàn toàn khác với các đạo sĩ, du sĩ... với hình dong, y áo, tướng mạo lôi thôi, lếch thếch mà cháu thường gặp nhan nhản khắp mọi nơi, khắp mọi chỗ...

- Ủ, cháu nhận xét đúng đấy! Cái đó được gọi là Tăng tướng và phẩm mạo thánh hạnh, chỉ có được trong giáo hội của đức Tôn sư thôi, cháu ạ!

Sau buổi đặt bát, cúng dường lớn, triệu phú Menḍaka và cô bé Visākhā còn được nghe pháp. Hôm ấy, đức Phật do biết được sự suy nghĩ trong tâm của ông triệu phú nên ngài nói về những tính xấu của con người cần phải loại bỏ, phải cần có trí tuệ soi sáng thường trực để nhận ra những thói quen, tật xấu nằm ngủ lơ lơ niê lơ cữu trong dòng nghiệp của mỗi người. Nhờ vậy, mới hiển lộ được tư cách và phẩm chất tốt đẹp mà ai cũng sẵn có; rồi làm cho nó được thăng hoa, dần dần đưa đến toàn thiện và toàn mỹ. Muốn đi theo con đường ấy, ban đầu phải có ngũ giới, thập thiện, biết bố thí, cúng dường, biết mở rộng tấm lòng trong tương quan sự sống với con người, chúng sanh và xã hội.

Sau buổi pháp thoại, ông triệu phú rung rung nước mắt thấy đức Phật thuyết một thời pháp đúng với tâm nguyện của mình nên ông đã có được đức tin vững chắc đối với Tam Bảo. Cô bé Visākhā, mặc dầu còn nhỏ, nhưng

ting thần đã đến mức tiến hóa bậc cao do căn duyên nhiều đời nên đã chứng quả Nhập Lưu, hơn cả ông nội nó!

Khi về đến nhà rồi, hai ông cháu hoan hỷ quá, cứ huyền thuyên nói chuyện với nhau. Cha mẹ cô bé Visākā, ông bà triệu phú Dhanañjaya và Sumanā Devi đi công việc ở xa về, nghe được, mỉm cười nói:

- Hai ông cháu thế là “*bỏ xén*” pháp, đức Thế Tôn sẽ cười chê đấy. Hai ông cháu đặt bát một lần thì chúng tôi sẽ đặt bát hai ba lần. Hai ông cháu được nghe pháp một lần thì chúng tôi sẽ nghe pháp hai ba lần, nhiều hơn cho mà xem.

Ôi, niềm vui nhẹ nhàng, thanh cao của cái gia đình hiền thiện này, ai mà không thèm muốn.

Thế là đức Phật và hội chúng phải ở lại đây một thời gian nữa để gieo duyên với chúng sanh. Không những hai vợ chồng gia đình triệu phú này đặt bát cúng dường mà còn bạn bè, thân hữu cùng rất đông gia chủ ở trong thị trấn Bhaddiya nữa. Vậy là tôn giả Sāriputta và Ānanda thỉnh thoảng phải thay mặt đức Phật để thuyết pháp đến quần chúng tín mộ. Họ quy y rất đông.

Sau đó, ông đại triệu phú Menḍaka thường thỉnh mời đức Phật và Tăng chúng hằng ngày đến nhà của ông ta để thọ thực. Menḍaka, một đại triệu phú quý hiển, đời này giàu sang tốt bạc là nhờ trong một kiếp quá khứ, gặp nạn đói, ông đã lấy phần thực phẩm cuối cùng, không để dành cho mình mà cúng dường đến một vị Phật Độc Giác (Pacceka Buddha). Do quả báo phước lành cao thượng

này, ông được tái sinh vào một gia đình cự phú, có tên là Menḍaka, được thừa kế tài sản nhiều đời của tổ tiên. Hiện tại, ông ta được hưởng thụ lắm phước báo phi thường. Một trong những phước báo phi thường ấy là gia sản, tiền bạc của ông rất dồi dào, tiêu phí bao nhiêu cũng không khô cạn. Hễ ông bắt tay làm ăn bất cứ ngành nghề gì thì lợi tức bao giờ cũng chảy tràn vào như nước.

Nhiều năm về trước, trong chuyến làm ăn buôn bán ghé Sāvatti, triệu phú Menḍaka đến nghe đức Phật thuyết pháp tại Kỳ Viên tịnh xá, một niềm hoan hỷ vô biên đã đến với ông; kể từ đó, ông mới thấy cuộc sống có thêm ý nghĩa cao quý và tinh thần của mình mới có nơi nương tựa vững chắc.

Con trai trưởng của đại triệu phú Menḍaka, một công tử trí tài và hiền đức đúng như kỳ vọng của ông, vừa có đầu óc kinh doanh thiên tài vừa có trái tim nhân hậu như cái tên là chứng minh thư chào đời của chàng vậy: Dhanañjaya, có nghĩa là kẻ làm tăng vượng của cải, vinh quang của cải, đồng thời còn có tâm từ ái, thường chia sớt cơm áo, thuốc men đến cho những kẻ cô quả, đói nghèo tương tự trưởng giả Cấp Cô Độc hữu danh vậy!

Phu nhân công tử Dhanañjaya là bà Sumanā Devī, một giai nhân tuyệt sắc, mang cái đẹp vẹn toàn về dung nhan, tư cách cũng như đức hạnh. Nếu người đời thường mơ ước năm điều: Làm vua chúa, giàu sang, vợ đẹp, con ngoan, cả gia đình đều khoẻ mạnh thì công tử Dhanañjaya đã có đến bốn điều hạnh phúc rồi vậy.

Cũng giống như thân phụ, thanh niên Dhanañjaya nhân nghe một bài pháp, cũng do đức Phật thuyết, ông đã đắc quả Tu-đà-hoàn nên đã có đời sống của một cư sĩ mẫu mực làm gương sáng cho nhiều người. Bà Sumanā Devī, phu nhân của Dhanañjaya, sinh hạ một ái nữ tuyệt vời, được đặt tên là Visākhā, có nghĩa là “*Nét đẹp của ánh trăng tháng Năm*”!¹ Cô tiểu thư này, về phương diện tinh thần, lại được thấm nhuần giáo pháp sớm hơn thân phụ và nội tổ nữa, vì cô bé đã đắc pháp nhãn khi mới vừa bảy tuổi như nói ở trên.

Duyên sự tiếp theo.

Trong một lần viếng thăm em gái, là hoàng hậu của đức vua Bimbisāra, đức vua Pāsenadi nhận thấy nước Māgadha và các chư hầu kế cạnh có đến năm vị triệu phú mà nước ông không bằng được như thế: Đây là quý ông Joṭika, Jāṭila, Puṇṇaka, Kākavalliya và Meṇḍaka. Trong đó, triệu phú Meṇḍaka là có gia sản đệ nhất. Đức vua Pāsenadi nhận thấy rõ ràng, nơi nào có một vị triệu phú ở thì nơi đó các nền công nghệ, thương mại, nông nghiệp kể cả những ngành nghề thủ công đều được phát triển. Nói cách khác, những ông triệu phú ở thành phố, thị trấn nào thì ở đó sẽ phú túc, thịnh vượng. Đức vua Pāsenadi ngỏ ý xin đức vua Bimbisāra “*sốt bớt cho*” một vị triệu phú về ở Kosala để nối kết tình bang giao hòa hiếu giữa hai quốc độ. Ban đầu đức vua Bimbisāra từ chối, nhưng sau nể tình “*ông anh rể*”, vua

¹ Tôi không nhớ đọc ở đâu có nghĩa này, hình tượng này.

đồng ý nhưng bảo là còn tùy thuộc sự tình nguyện của họ chứ không thể bắt buộc được. Khi đức vua Bimbisāra hỏi ý kiến năm vị triệu phú hữu danh trong nước của mình cùng các nước chư hầu thì gia đình triệu phú Meṇḍaka cùng con trai Dhanañjaya, bây giờ cũng đã được đức vua phong là triệu phú hay trưởng giả (Setṭhi) tình nguyện ra đi. Cuộc “thiên di” vĩ đại cả gia sản đồ sộ với hàng ngàn cỗ xe của cải, tư trang, tư dụng, hàng trăm ngàn gia súc gồm ngựa, bò, dê, cừu cùng hàng ngàn con cháu, gia nhân, thị nữ, người làm công, nô bộc... phải nói là đã rúng động nhiều tiểu quốc.

Đến một vùng đất xóm làng thưa thớt, tuy có sông, có núi, có bình nguyên mênh mông nhưng có lẽ không ai bỏ tiền bạc và công sức khẩn hoang nên nó như là một công chúa diễm lệ đang ngủ quên giữa rừng già. Đây là vùng đất cách kinh đô Sāvatti chừng bảy do-tuần¹, đại gia đình ông triệu phú chọn nơi đây để trú cư, lập nghiệp. Do họ đến đây vào lúc trời gần tối nên nó có tên là Sāketa. Thế rồi, chỉ vài năm sau, với nhân lực hùng hậu, với tài sản, gia sản khổng lồ, đầu óc của hai cha con ông triệu phú đã biến nơi đây trở thành một thị trấn sầm uất được vây quanh bởi những cánh đồng hoa màu tươi tốt, hàng chục ngôi làng cư dân đông vui. Từ đây mọi công việc trong ngoài, lão triệu phú Meṇḍaka đều giao lại hết cho con trai là Dhanañjaya gánh vác.

¹ Có nơi bảo là 30 do-tuần.

Bảy năm sau nữa, nó đã trở thành một thành phố phát triển năng động. Đức vua Pāsenadi đã xuống sắc chỉ phong cho triệu phú Dhanañjaya làm trưởng trấn thành¹.

Vào hạ thứ mười ba khi đức Phật an cư tại hòn núi đá trắng Cālika thì cô bé Visākhā đã là một tiểu thư mười sáu tuổi. Kinh điển và chú giải nói rằng, cô Visākhā có sức mạnh thể chất như một nam nhi lực sĩ² cùng vẻ đẹp mỹ miều, duyên dáng thế gian không ai sánh được. Cô hội đủ năm vẻ đẹp của mỹ nhân. Tóc nàng đen mượt như nhung, trông tựa đuôi công, khi xõa xuống thì dài tận gót chân rồi uốn lượn lên, được gọi là tóc mỹ lệ (kesākalyāna). Da cô tuy không phấn sáp vẫn thắm nhuận, mịn màng và tươi tắn như cánh sen màu trắng hồng³, được gọi da mỹ lệ (chavikakalyāna). Môi nàng đỏ hồng một cách tự nhiên như trái “*bimba*”, lại còn tươi nhuận, mềm mại và gợi cảm, được gọi là thịt mỹ lệ (maṃsakalyāna). Răng trắng như ngà, khít khao, đều đặn và sáng ngời như chuỗi kim cương khéo kết, khi cười thì long lanh như xà cừ, đó là xương mỹ lệ (aṭṭhikalyāna). Và thứ năm, vẻ đẹp tươi trẻ, vóc dáng mảnh mai, thanh xuân ấy còn giữ nguyên vẹn cho đến tuổi già!

¹ Tương đương tỉnh trưởng kiêm thị trưởng.

² Tuy xương vóc mảnh mai nhưng sức mạnh của cô bằng năm con voi. Có lần, đức vua Pāsenadi đã tò mò, thử tài, chỉ với cánh tay, cô đã bắt con voi phải nằm bẹp xuống (Tích Truyện Pháp Cú 51).

³ Nếu có màu thì như hoa sen xanh, nếu trắng thì như hoa Kaṇṇikā.

Tại kinh đô Sāvatti lúc bấy giờ, có một vị triệu phú tên là Migāra, ông ta có một quý tử tên là Puṇṇakavaddhana đã đến tuổi lập gia đình. Nhưng ông mai, bà mối giới thiệu nơi này nơi kia những tiểu thư xinh đẹp, môn đăng hộ đối nhưng cậu thanh niên này đều không vừa lòng. Nói mãi, cậu quý tử mở lời làm khó dễ:

- Chỉ khi nào cha mẹ tìm ra được một cô gái hội đủ năm vẻ đẹp của mỹ nhân con mới đồng ý.

- Năm vẻ đẹp ấy là gì?

- Thưa, đấy là tóc, da, thịt, xương vóc và tuổi trẻ! Các thầy bà-la-môn bảo như thế!

Tìm hỏi một thầy bà-la-môn uyên bác về tướng pháp, ông ta xác định sự thực là có năm vẻ đẹp như vậy và có thể tìm thấy trên thế gian, nên ông triệu phú Migāra thuê mướn tám thầy bà-la-môn tài giỏi nhân tướng học đi khắp nơi kiếm tìm mỹ nhân đạt yêu cầu cho con trai.

Chuyện kể rằng, hôm kia nhân một ngày lễ hội, tiểu thư Visākā cùng với những thị nữ đi dạo chơi, sau đó đến tắm ở hồ nước công cộng xinh đẹp tại một công viên do phụ thân của cô kiến tạo. Đột ngột, một đám mưa to đổ xuống. Tất cả mọi người, ai ai cũng hối hả chạy tìm một nơi nào đó để trú mưa, những thị nữ của cô cũng vậy. Riêng tiểu thư Visākā thì không hấp tấp, không vội vã mà cứ chậm rãi, khoan thai từng bước một đi vào một chái lương đình. Hình ảnh ấy đập ngay vào mắt mấy người trong đoàn bà-la-môn sứ giả đang đi tìm “*y trung nhân*” cho con trai ông triệu phú. Họ kín đáo, lặng lẽ quan sát

cô gái vừa tạo cho họ một ấn tượng tốt. Phải nói là cô ta quá xinh xắn, không những đẹp từ sắc diện đến dáng vẻ đoan trang, nho nhã mà còn cái gì đó nơi nét hạnh, nơi tư cách cao quý nữa mà họ chưa nắm bắt hết. Quan sát kỹ thì họ thấy cô tiểu thư này có được các vẻ đẹp của mỹ nhân nhưng họ chưa thấy “*tướng rǎng*” của cô ra sao. Phải nghe cô ta cười hoặc nói mới biết được.

Và đoạn đối thoại thú vị sau đây xảy ra.

Một vị lịch sự hỏi:

- Thưa tiểu thư! Sao tiểu thư không nhanh chân chạy đi trú mưa như mọi người mà lại bước đi chậm rãi, khoan thai như thế? Không ngại mưa ướt xiêm áo hay sao?

Cô Visākha mỉm cười, dịu dàng nói:

- Thưa ông! Xiêm áo “*ướt*” thì ta có thể thay đổi cái khác được, nhưng khi tư cách, nét na và phẩm hạnh của người nữ đã “*ướt*” rồi thì biết lấy “*cái khác nào, ở đâu*” để thay đổi?

Vị sứ giả ngơ ngác, chưa hiểu.

Cô lại phải giải thích một cách rộng rãi hơn:

- Thưa ông! Nếu muốn, tôi có thể chạy nhanh hơn cả lực sĩ điền kinh nhưng tôi đã không làm vậy! Tại sao? Ví như có một vị vua đang mặc sắc phục triều đình, đội vương miện quyền quý, bỗng nhiên, quần bào, xăn áo hôi hả chạy vào cung điện thì đâu còn ra thể thống gì nữa! Một thớt ngựa tượng đĩnh đạc, bệ vệ, mình mang đầy trang sức châu báu, thường thì uy nghi, chững chạc từng bước một, nay bỗng dừng đăm đăm hốt hã bỏ chạy tào nên một

cảnh tượng gì đó giống như giặc đuổi sau lưng! Một vị tỳ-khưu vọt từng bước chân chậm rãi, ổn định, thanh thoi trông rất thanh thoát, khả kính cũng bị thế gian chê cười khi ông ta xốc xếch y bát chạy nhanh trên đường! Cuối cùng, một người nữ nếu xăng xái bước vội, đi nhanh như đàn ông thì còn đâu nữa cái dáng vẻ yếu điệu, khoan thai của một tiểu thư khuê các? Đây là bốn nhân và vật trên thế gian này, bất cứ trường hợp nào cũng không được hối hả đi nhanh, bước nhanh hay chạy nhanh, thưa ông!¹ Nó đánh mất tất cả mọi tư cách!

Khi cô Visākḥā trả lời, do giọng nói thanh tao, dịu dàng; do lý luận, ví dụ sắc bén, cụ thể đã cuốn hút mọi người xung quanh đến nghe cô “*diễn thuyết*”. Các vị trong đoàn bà-la-môn sư giả vốn là những bậc đa văn, học thức, nhưng họ cũng chỉ biết lạng người, không ai dám có ý kiến gì nữa. Mọi kiến thức, hiểu biết của họ đã hoàn toàn bị “*hạ phong*” trước cô gái chỉ bằng tuổi cháu con mình.

Khi từ giả, họ chỉ biết tâm phục, khẩu phục, nghiêng đầu:

- Cảm ơn tiểu thư đã cho chúng tôi được mở rộng kiến văn!
- Thưa, không dám ạ!

¹ Có tham khảo thêm *Đức Phật Và Phật Pháp* của ngài Nārada - Phạm Kim Khánh dịch.

Qua cuộc nói chuyện, mấy vị bà-la-môn đã thấy rõ “*tướng rắng*” của cô rồi, đều đặn, trắng và sáng ngời như ngọc. Vậy là cô ta có đủ năm vẻ đẹp của mỹ nhân. Mấy ngày hôm sau, âm thầm theo dõi, điều tra, đoàn bà-la-môn sứ giả lại càng ngạc nhiên hơn nữa khi biết rằng, cô bé kia là ái nữ của triệu phú Dhanañjaya¹ là trưởng trấn thành của thành phố Sāketa, vốn rất được mọi người tôn kính và ngưỡng mộ.

Về kể lại toàn bộ câu chuyện mắt thấy, tai nghe cùng với kiến thức uyên bác của cô tiểu thư cho ông triệu phú Migāra và trưởng công tử Puṇṇakavaddhana nghe; vị trưởng đoàn sứ giả kết luận:

- Tiểu thư kia là mỹ nhân của những mỹ nhân, vẹn toàn về sắc đẹp, kiến thức và nét hạnh, có lẽ hiếm có người thứ hai nào để so sánh. Tuy nhiên, nếu dám hỏi thì phải thật tế nhị, trân trọng, vì cô ta chính là ái nữ của ông trưởng trấn thành Sāketa, một vị triệu phú đệ nhất không ai sánh bằng, ngoại trừ trưởng giả Cấp Cô Độc mà thôi.

Triệu phú Migāra nhú mày, dè dặt hỏi:

- Ông nghi ngại họ sẽ chê chúng ta “*nghèo*” hơn họ, không “*môn đấng họ đời*” chăng?

- Tôi không dám nói vậy! Vị sứ giả thưa tiếp - Ý tôi là nên có một cái lễ hậu hĩ và phải đích thân ông chủ lớn đến Sāketa một chuyến để lựa lời kết mối sơ giao!

¹ Ông Menḍaka đã già, đã giao toàn bộ sự nghiệp cho con trai.

- Ta với ông Dhanañjaya vốn là chỗ quen biết trong một vài cuộc làm ăn trước đây!

- Vậy là tốt! Vậy là hay! Vậy là quý quá rồi! Và công tử Puṇṇakavaddhana cũng nên đi theo, vì tướng mạo của công tử rõ là một mỹ nam tử rất xứng đôi, vừa lứa!

Sau khi sắp đặt đâu ra đấy, ông triệu phú và con trai lên mười cỗ xe quý phái, có hai mươi con bạch mã cao sang, trang điểm lộng lẫy, với một trăm người hầu nam nữ cùng với lễ phẩm hậu hĩ, lên đường đến Sāketa, ghé dinh cơ, biệt phủ của ngài trấn trưởng. Kết quả, cuộc lễ đàm hỏi thê là thành công; vì nghĩ đi nghĩ lại, gia đình triệu phú Migāra và trưởng công tử Puṇṇakavaddhana trông cũng xứng đáng cho con mình nương tựa nên đại triệu phú Dhanañjaya đồng ý.

Thời gian sau, khi ngày cưới đã được ấn định, chính đích thân đức vua Pāsenadi trong lòng cũng háo hức. Ông thầm nghĩ: Chính do ta đã mở miệng xin đức vua Bimbisāra một ông triệu phú để làm giàu thêm cho đất nước! Xem nào? Tính đến thời điểm này thì mới chỉ chín năm! Ôi! chỉ mới chín năm mà cha con ông Dhanañjaya đã biến cái ngôi làng nghèo nàn ấy trở thành một thị trấn, rồi một thành phố thật sao? Và nó như thế nào mà bấy lâu ta chỉ nghe mọi người tấu sớ hết lời tán thán, ca tụng, và ta cứ vậy mà phê chuẩn! Hay là dịp này, ta hãy đi “*kinh lý*” một chuyến cho “*mãn nhãn tâm mắt*”?

Khi nghe tin đức vua Pāsenadi muốn tham dự lễ cưới, triệu phú Migāra rất sung sướng, vì như vậy là danh giá

của gia đình ông càng được nâng cao, lại càng xứng đáng với gia đình nhà gái!

Đến ngày, khỏi kể lại lực lượng đi rước dâu hùng hậu và rầm rộ như thế nào, khi hằng chục cỗ xe sang trọng, người và lễ phẩm của gia đình triệu phú Migāra cùng với hằng chục cỗ xe vương giả của đức vua, thị thần, tùy tùng và quan quân mấy ngàn người tiền hô hậu ủng!

Để chứng tỏ tư cách, địa vị và phẩm giá của một đại gia, triệu phú Dhanañjaya đã đánh tiếng trước là không nhận thêm lễ phẩm của nhà trai; và mọi sự cung đón, nghinh tiếp, chi phí tiệc tùng dầu đông đến hằng ngàn người, nhà gái cũng sắp xếp, lo liệu được.

Thế rồi, triệu phú Dhanañjaya không những chu cấp tươm tất chỗ ngủ nghỉ, những buổi yến tiệc, ăn uống, mà còn phục vụ văn nghệ giải trí cho phái đoàn nhà trai một cách hiếu khách và đầy hào phóng. Ông triệu phú chủ nhà còn thuyết phục đức vua và phái đoàn triều đình ở lại luôn trong thời gian trời đang còn mưa gió, đường sá về kinh đô còn có vẻ bất tiện. Đức vua đồng ý và rồi đã rất hài lòng về sự chăm sóc tận tình, tỉ mỉ, cẩn trọng và chu đáo của chủ nhà! Mà thật ra, tất cả là do nhờ tâm trí và cả bàn tay khéo léo của tiểu thư Visākhā mới được vậy!¹

Về việc trang hoàng, làm đẹp thành phố, chuẩn bị áo cưới, phục sức, trang điểm cho cô dâu cũng là chuyện

¹ Theo chú giải Dhammapada, diễn tả là tiểu thư Visākhā đã đích thân coi sóc tất cả mọi thứ.

hy hữu, “*kinh khiếp*”! Trước ngày đón hai phái đoàn ghé Sāketa, triệu phú Dhanañjaya đã cho đập bỏ hằng trăm ngôi nhà cũ nát trong thành phố rồi cung cấp cho họ vật liệu, nhân công và tiền bạc để xây dựng nhà mới. Ông còn cho trang trí lại các con đường, cổng ngõ, yêu cầu trồng thêm cây xanh và cây hoa! Trong mấy tháng lễ cưới của con gái, ông trích quỹ để nhân dân thành phố cũng được tiệc tùng, ca nhạc, diễn kịch, đóng trò, biểu diễn thể thao và nhiều cuộc giải trí vui chơi khác!

Chuyện kể đây ấn tượng. Năm trăm thầy thợ vàng, bạc khéo tay đã được mời đến, bao nhiêu kim cương, ngọc quý đều được lấy ra cho họ chọn lựa, để họ trở hết tài nghệ chế tạo những đồ trang sức, trang điểm quý giá (Mahālatāpasādhana), tinh vi, có giá trị nghệ thuật cho cô dâu, suốt bốn tháng trường mới xong!¹ Việc may áo cưới cũng nhiều khê, phức tạp y như thế mới hy vọng tương thích với tác phẩm nghệ thuật trang sức của những người thợ kim hoàn thiện xảo. Họ còn phải may sắm thêm một trăm bộ xiêm áo cùng đồ trang sức cho một trăm cô phù dâu nữa. Rồi còn thợ giỏi chế nước hoa, dầu thơm, mỹ phẩm các loại cho tất cả thầy nữ nhân dự lễ hai họ cũng khéo léo và tinh tươm vô cùng.

¹ Chú giải có ghi rằng: Món trang sức đặc biệt này, người ta sử dụng hết 4 gáo kim cương, mười một gáo trân châu, hai mươi hai gáo san hô, ba mươi ba gáo ngọc quý. Dùng chỉ bằng bạc để kết. Nút, khuy đều bằng vàng và bạc. Mũ đội đầu có hình dáng một con khổng tước. Hai cánh, mỗi cánh có 500 chiếc lông bằng vàng. Mỏ bằng san hô. Mắt bằng ngọc maṇi. Chân bằng bạc. Đuôi có 500 hình mặt trời được dát bởi các loại châu ngọc khác nhau (Chỉ để tham khảo thêm).

Chuyện ăn, chuyện uống phục vụ cho đức vua, các quan đại thần, triệu phú, công nương... đâu phải là dễ dàng gì. Hằng chục trưởng bếp trứ danh được thuê mời từ các tiểu quốc, phải tài giỏi, kinh nghiệm, cao tay nghề mới chế biến được những món ăn hợp với khẩu vị cung đình, hoàng gia, quý tộc, đại phú gia, tiểu phú gia! Về chuyện củi đun để lo việc nấu ăn cho hằng ngàn người mỗi ngày cũng không phải đơn giản. Vài tuần đầu là sử dụng gỗ thơm, củi thơm. Sau đó là hằng chục kho củi đã hết nhãn trong chỉ hơn một tháng. Cô Visākhā tự chỉ huy, bảo phải đi lấy gỗ ván bất cứ nơi nào có gỗ ván để làm củi đốt! Thế là họ phải đi lấy gỗ ván trong khắp thành phố. Và lạ lùng là ai cũng hoan hỷ tháo dỡ! Được hơn tháng nữa thì lại cạn kiệt gỗ ván, cô Visākhā lại xuống lệnh cho mở tất cả những kho vải thô, nhúng dầu thay cho củi đun! Còn một vài ngày cuối cùng, khi những kho vải thô đã hết, họ phải sử dụng bất cứ vải gì miễn là đốt được, nấu ăn được. Thế là ròng rã bốn tháng trường, đại gia đình triệu phú, trưởng trấn thành Sāketa hào sảng đãi khách, một lần cho con gái về nhà chồng mà sau đó nổi tiếng khắp châu Diêm-phù-đê!¹

Thế mà đã hết đâu. Riêng hỏi môn cho con gái thì sao? Ông triệu phú Dhanañjaya đã cho tiểu thư cung

¹ Trong thời đức Phật Kassapa, cô đã cúng dường y và bát đến hai mươi ngàn vị tỳ-khưu cùng với kim chi và các vật liệu may mặc khác; vậy phước báu và những sự kiện hy hữu này như là một kết quả mà cô được nhận lãnh, thọ hưởng trong kiếp sống này (Chú giải Dhammapada.i.395).

yêu của hội môn bao gồm năm trăm cỗ xe tiền vàng, tiền đồng; năm trăm cỗ xe chất đầy chén, đĩa, bát, mâm, thau đều bằng vàng, bạc hoặc đồng, lại còn chum, vại, lọ bằng sành, sứ nữa; nhiều thứ tơ, lụa, gấm, nhung quý giá khác nhau, vải vóc các loại khác nhau; lại còn đường, mật, sanh tô, gạo thơm, nếp thơm, bắp, đậu, ca ri... cùng với cày bừa, cuốc, xẻng và những dụng cụ linh tinh thuộc nông nghiệp. Tháp tùng còn năm trăm cỗ xe khác, mỗi cỗ xe có ba người nữ tỳ trang sức lộng lẫy cùng với tất cả mọi tư trang, tư dụng, vật dụng không thiếu thứ gì. Gia súc được ông cho nguyên một trang trại lớn chứa trong một cái chuồng với ba phần tư dặm chiều dài và tám cây sào chiều rộng đứng kề nhau! Chuyện chưa hết, khi tất cả gia súc được lừa đi thì khoảng chừng sáu mươi ngàn bò đực và sáu mươi ngàn bò cái ở các chuồng trại kế cận cũng phá rào nhảy theo đoàn gia súc của cô¹.

Trước lúc Visākḥā về nhà chồng, người cha sáng suốt còn khuyên dạy con gái “*mười điều gia huấn*” mà ông Mirāga đã chổng tai nghe lỏm từ phòng bên cạnh. Những lời đó là:

- Không đem lửa từ trong nhà ra ngoài ngõ;

¹ Số là trong một kiếp, vào thời Phật Kassapa, cô là cô công chúa thứ bảy tên là Saṅghadāsī, con của đức vua Kiki, cô đã cúng dường năm sản phẩm của bò cái đến hai mươi ngàn vị sư, thỉnh quý ngài thọ dụng. Khi đã dâng cúng sung mãn rồi, cô còn “kỳ kèo, năn nỉ” dâng cúng thêm vài món khai vị nữa - nên chuyện sáu chục ngàn bò đực và sáu chục ngàn bò cái phá chuồng chạy theo - là do cái phước “dư thừa” trên vậy (Chú giải Dhammapada. i.397).

- Không đem lửa từ bên ngoài vào trong nhà;
- Chỉ cho đến những người có khả năng hoàn trả;
- Không cho đến những ai không có khả năng hoàn trả;
- Cho đến những người có thể hoàn trả hoặc những người không thể hoàn trả;
- Ngồi một cách an vui;
- Ăn một cách an vui;
- Ngủ một cách an vui;
- Hằng chăm nom ngọn lửa, coi chừng lửa;
- Và cuối cùng, phải biết tôn trọng và kính lễ những vị trời ở trong nhà¹.

Vào ngày hôm sau, vì thương con gái, sợ con gái cô thế nơi nhà người, ông Dhanañjaya đã cẩn thận cho tám người thân nhân gia chủ lão thành, uy tín đi theo cô như là những người bảo trợ, đồng thời, tham mưu, cố vấn cho cô trong những lúc khó khăn; và cũng để xử lý, đối phó với những ai bên nhà chồng chống đối cô, “*ăn hiếp*” cô hoặc buộc tội cô một cách vô cớ!

Ngày cô rời khỏi nhà, nhân dân cả hằng chục ngôi làng khóc lóc đưa tiễn. Triệu phú Dhanañjaya xúc động quá, ông đã đồng ý, cho phép bất cứ những người dân nào của mười bốn ngôi làng của ông (do ông xây dựng,

¹ Những lời kỳ diệu này về sau được bà Visākhā giải thích rõ ràng cho cha chồng của cô (chú giải Dhammapada. i. 403f). 10 điều trên có tham khảo thêm “Đức Phật và Phật Pháp” của ngài Nārada - Phạm Kim Khánh dịch.

bảo trợ), nếu như họ muốn đi theo với cô ta. Kết quả là có những ngôi làng đã hoàn toàn bị bỏ trống. Nhưng ông triệu phú Migāra, chợt hoảng sợ khi nghĩ rằng, mình phải nuôi thêm mấy ngàn người nên ông không nhận, phũ phàng hơn, ông đã đuổi họ về hết.

Đến Sāvatti, tiểu thư Visākā đi vào thành với hàng ngàn cỗ xe; cô đứng trên một cỗ xe lộng lẫy nhất, do thế tất cả mọi người dân đều có thể nhìn thấy cô gái, tuy chưa biết mặt mà danh tiếng của cô đã lẫy lừng ở kinh đô, đã làm cho họ vô cùng cảm mến, ngưỡng mộ. Đoàn xe phải dừng lại do sự chen lấn của hàng ngàn người. Lại càng ngạc nhiên làm sao, không biết bao nhiêu là quà cáp do mọi người trao tặng nữa. Cô tiểu thư đành phải bước xuống xe nhận lễ phẩm với nụ cười khả ái, với đôi lời cảm ơn ân cần, lễ độ. Sau đó, cô đã khởi tâm làm một việc lạ lùng, ngoạn mục không ai ngờ nổi, là sai bảo quyền thuộc, gia nhân, nô bộc, thị nữ hạ hàng hóa xuống, chỉ chừa lại tư trang, tư dụng, châu báu, bạc tiền, tơ lụa, vải vóc cần thiết, còn bao nhiêu vật dụng linh tinh, sanh tô, đường, mật, ngũ cốc, vải vóc cả hàng trăm xe mà cha cho, bảo phân phát hết cho mọi người có mặt và cả những gia đình ven đường. Tiếng mọi người ca tụng, tán thán, cười vui... hôm đó là hiện tượng hy hữu, độc nhất vô nhị ở kinh đô Sāvatti này!

Rồi về nhà chồng, một thời gian sau, mọi người từ thân bằng quyến thuộc đến gia nhân, người hầu, thị nữ ai ai cũng mến yêu và quý trọng cô. Mọi công việc từ trong

ra ngoài, một tay cô quán xuyên chu áo tất cả mà không hề tỏ ra sai bảo hoặc chỉ tay năm ngón. Tình thương và tâm từ ái của cô như hương thơm dịu dàng tỏa ra bao trùm cả không gian sống, người và vật.

Một đêm kia, tiết trời mưa lạnh, ngoài chuồng nuôi gia súc có tiếng thú kêu bất thường, thị nữ cho biết là có một con ngựa cái sắp đẻ, có lẽ khó khăn nên nó vật vã, đau đớn như vậy. Cô Visākhā vùng dậy cùng các gia nô nam và nữ đốt đuốc ra tận nơi, sai lấy thêm cỏ phủ chuồng cho ấm, sai nấu nước nóng tắm rửa, lau khô rồi thoa dầu ngăn ngừa độc trùng; đồng thời, tự tay cô ve vuốt, nói lời trìu mến, thiết thân như xoa dịu cơn đau cho nó. Quả nhiên, bò không còn quằn quại kêu rống nữa, và sau đó, mấy người hầu nam đã giúp nó sinh con một cách an lành!

Duyên sự khác.

Ông Migāra là đệ tử trung kiên và thuần thành của phái Ni-kiền-tử (Niganṭha Nātaputta); ngày nọ, ông thỉnh về nhà rất đông tu sĩ lửa thể. Khi các vị ấy đến, ông Migāra bảo với cô rằng:

- Hôm nay, ta đã thỉnh mời các bậc A-la-hán đến nhà để cúng dường, con hãy ra chào mời và đánh lễ quý ngài cho phải đạo.

Thoạt nghe danh từ A-la-hán, cô vô cùng hoan hỷ, trang điểm qua loa rồi bước ra. Nhìn thấy những tu sĩ lửa thể lơ ngơ ngang ngời, đứng có vẻ quá tự do, phóng túng trong và ngoài trang viện, nàng vội vã thối lui. Một phụ nữ thanh nhã, đoan trang như cô thật không thể nào chịu

đựng được hình ảnh kệch cỡm, thô tục ấy.

Nàng nói với cha chồng:

- Cha đã không lịch sự, thiếu tế nhị khi bắt con phải ra chào hỏi cái đám người hoang dã, rùng rú ấy!

- Hoang dã? Rùng rú? Ông triệu phú trở mắt! Chính con đã phi báng các bậc A-la-hán đấy!

- Nếu là bậc A-la-hán thật sự thì hoàn toàn khác thế! Họ thanh sạch, tinh khiết từ tâm hồn đến thể chất, từ tướng mạo, dáng vẻ cho đến sắc phục, thừa cha!

Thoáng nghe đoạn đối thoại vọng vào, một vị trưởng lão râu tóc xồm xoàm, cho gọi triệu phú Migāra lại rồi nghiêm khắc la rầy như sau:

- Tại sao trong ngôi nhà thuần thiện này lại có mặt một cô con gái vốn là đệ tử của ông Cù-đàm nhi?

- Thừa vâng, đệ tử đã sơ suất, đã có lỗi, xin sám hối với sư phụ!

- Sám hối không chỉ là nói suông, phải đuổi “con quý cái” ấy ra khỏi nhà!

- Thừa vâng!

“Vâng” thì vâng vạy nhưng khi đám đạo sĩ lỏa thể rời khỏi nhà rồi, ông triệu phú tỉnh táo lại, thâm suy nghĩ: “Con dâu của ta là con nhà có giáo dục, đã đối xử phải lẽ với chồng, với cha chồng, với kẻ ăn, người ở, lại còn quán xuyến mọi việc trong ngoài, đâu cũng sạch sẽ, ngăn nắp. Từng món ăn phục vụ chồng, cha chồng đều là thượng vị, tinh tươm như có trái tim ở trong từng món nếm nấu. Chuyện xảy ra vừa

rồi, con dâu ta hơi quá khích mà chính các bậc thầy của ta cũng hơi quá khích! Nếu đuổi đi thì con trai ta chắc sẽ phiền lòng, sầu khổ; và ngôi nhà này thật không dễ gì kiếm ra một cô dâu thứ hai như thế! Hy vọng là từ từ ta sẽ cảm hóa cô ta theo cái đạo của mình!”

Một ngày nọ, ông Migāra đang ăn một bữa cơm sang trọng trên cái mâm có chén bát bằng vàng. Lúc đó cô Visākha đang đứng quạt hầu cho ông, nhìn thấy một vị sư khát thực đang đứng phía ngoài sân nhà. Cô bèn đứng né qua một bên để ông Migāra có thể trông thấy. Ông Migāra tuy đã thấy nhưng vẫn tiếp tục ăn và không hề để ý đến vị sư; do thế cô đã nói vọng ra bên ngoài rằng:

- Bạch ngài! Xin ngài hãy hoan hỷ bước sang nhà khác, vì cha chồng của con hôm nay đang ăn một món ăn đã “*siu nguội*” (purāraṃ)!

Vậy là “*quá đáng!*”! “*Quá đáng!*” Ông Migāra ùng ùng nổi giận, đẩy tung mâm chén bát, đứng dậy, quát lớn:

- Sẽ tổng cổ người đi thôi! Chuyện người phỉ báng các vị A-la-hán ta còn canh cánh bên lòng, bây giờ người lại còn phỉ báng cả ta nữa, ta không chịu đựng được nữa rồi!

Cô Visākha phân trần:

- Chuyện ấy không phải là phỉ báng, thưa cha! Cha đã hiểu lầm rồi!

- Không hiểu lầm gì cả! Cái chữ, cái nghĩa sờ sờ ra đó, ai mà cũng không hiểu cơ chứ!

- Con nói “*siu nguội*” là nói nghĩa ẩn bên sau!

- Thôi! Câm miệng đi! Ta sẽ đuổi! Ta sẽ đuổi!

Chợt, cô Visākhā cứng cỏi đáp lại:

- Đâu có dễ gì, thưa cha!

Ông sùng sộ:

- Tại sao ha? Tại sao ta không thể đuổi được hả?

- Thưa cha! Khi con đến ngôi nhà này “*quang minh chính đại*”, có sự đưa đón cả hai họ, có sự chứng giám của đức vua; vậy thì nếu con ra đi thì cũng phải “*quang minh chính đại*” như thế!

Ông Migāra cứng lưỡi, đớ người, quả thật chỉ một câu nói của cô, ông đã lúng túng, không đáp được!

Chợt cô cất giọng vừa dịu dàng vừa rắn rỏi:

- Có thể vấn đề được gói gọn lại, thưa cha! Khi về đây, cha của con đã gọi theo tám vị trưởng lão uy tín để đỡ đầu cho con, đã có nói với họ rằng: “*Về nhà chồng, nếu con gái tôi có phạm lỗi làm gì, xin các vị hãy quan sát, dò xét vấn đề cho cận kề!*” Sao cha không đem vấn đề vừa rồi ra giữa hội đồng để cùng với họ đáp, vấn cho công bằng, xem thử con có lỗi hay không có lỗi?

Tám vị trưởng lão được triệu tập.

Cuộc thẩm án bắt đầu.

Việc thứ nhất, ông triệu phú thuật lại chuyện bữa ăn, vị sư khát thực và cô con dâu đã nói là món ăn “*sưu nguội*” rồi kết luận:

- Thưa các vị! Nói thế là phạm thượng, là phỉ báng cha chồng, thật không thể dung thứ được.

Một vị trưởng lão nhíu mày rồi hỏi cô:

- Có phải sự thật cô đã nói đúng nguyên văn như vậy không, Visākā?

-Thưa, đúng! Con đã nói như thế! Con có nói đến món ăn “*siu nguội*”, nhưng con nói theo “*pháp ngữ*” mà cha chồng của con lại hiểu theo “*thường ngữ*”!

Khi mọi người ai cũng thắc mắc, không hiểu, thì cô đã giảng giải cặn kẽ như sau:

- “*Thường ngữ*” là nói theo nghĩa thông thường của người đời, còn “*pháp ngữ*” là nói theo nghĩa nội dung của giáo pháp! Thưa cha, thưa các vị trưởng lão! Cô nói tiếp

- Tất cả nhân thân, gia cảnh, tài sản, kể cả thức ăn, vật uống mà chúng ta thọ dụng ngày hôm nay là “*quả báo*” do “*nhân*” đã tạo từ quá khứ. Và “*nhân*” mà chúng ta tạo tác, làm ra ngày hôm nay, kiếp này thì chúng ta sẽ thọ nhận “*quả báo*” ở tương lai! Vậy, tất cả những thọ dụng, món ăn ngày hôm nay vốn nó “*đã cũ, do được nấu nướng, chiêm xào từ kiếp trước*”! Hôm ấy, cha chồng của con đang thọ thực, có một vị sư đang đứng trì bình trước sân nhà, dù thấy nhưng ông không cúng dường, nghĩa là không tạo tác, không “*nấu ăn món ăn mới*” cho kiếp sau; ông giả vờ không thấy, cúi xuống và tiếp tục thọ dụng “*món ăn cũ, món ăn đã được nấu từ ngày trước, kiếp trước*”. Vậy con bảo là cha con đang ăn món ăn “*siu nguội*” là nói theo “*pháp ngữ*” như thế thì con lỗi làm ở chỗ nào, phỉ báng ở chỗ

nào? Hay là con đã nói đúng với sự thật, với như chân như thật nhân quả ba đời? Con nói với thiện ý để cha chồng của con biết tạo nhân mới trong kiếp này để kiếp sau được quả báo hạnh phúc, an lạc hơn! Như vậy, ngược lại, con đã không có tội mà lại là người có công mới phải chứ!

Hội đồng im lặng. Mấy vị trưởng lão tể nhị chỉ đưa mắt nhìn ông triệu phú không nói gì cả.

Hiểu ý ấy, nhưng khá lâu sau ông mới gật đầu:

- Thôi được rồi! Nếu quả thật với ý như vậy thì người không có tội. Ta đã hiểu lầm.

Rồi ông chợt bắt qua lỗi khác:

- Vậy có một đêm, cô là nữ nhân có gia giáo, sao lại thấp đuốc cùng nam và nữ ra vườn sau có việc gì? Chuyện ấy rất ám muội. Hãy giải thích đi!

- Thưa cha! Việc ấy cha hãy hỏi lại mấy người gia tộc cùng với con ra vườn sau làm gì, là việc ám muội hay là chính đáng!

- Không cần hỏi, cứ khai thật đi!

- Thưa cha! Số là có một con ngựa cái khó sinh, nó kêu rống quần quại. Con và mấy người hầu đã ra giúp nó sinh nở an lành.

Ông triệu phú không ngờ chuyện tưởng là bất lỗi được, hóa ra càng lộ rõ cái chính đính và tâm từ ái của cô đối với súc vật.

Ông nín lặng một hồi rồi bắt sang lỗi khác nữa:

- Vậy trước khi về nhà chồng, cha cô có dạy cô mười điều cái gì mà như tiếng lóng ấy, trong đó câu nào cũng như là ám hiệu, ám ngữ, ám nghĩa; không rõ là với mục đích ám muội gì?

- Xin cha cứ nói?

- Ví dụ như câu: “*Lửa trong nhà không đem ra ngoài ngõ. Lửa ngoài ngõ không nên mang vào trong nhà*” là sao hả? Chẳng lẽ nào sống với mọi người mà không đem lửa cho hàng xóm láng giềng mỗi khi tối lửa tắt đèn?

Thế là cô Visākā phải giải thích:

- Câu thứ nhất có nghĩa là, nếu trong gia đình nhà chồng có chuyện gì, dù hay, dù dở, dù tốt, dù xấu cũng không nên đem ra nói chuyện với người bên ngoài. Nó chính là lửa đấy, nó sẽ tạo nên miệng tiếng không hay; nếu không gìn giữ, nó sẽ đốt cháy danh giá, đốt cháy sự thuận hòa, êm ấm trong gia đình. Là con gái có nét hạnh phải biết rõ như vậy.

Câu thứ hai cũng tương tự vậy. Chuyện nơi chợ búa, chuyện ngoài đường, chuyện hàng xóm, chuyện xấu, chuyện tốt, chuyện hay, chuyện dở của thế gian, chuyện người ta nói thế này về cha, về chồng thường do thiên vị vì tham, vì sân, vì ganh ghét, vì đố kỵ, vì tỵ hiềm, vì nịnh bợ, vì phù phiếm; chúng không bao giờ trung thực, không đáng tin. Vậy thì nghe đâu bỏ đó, đừng mang về kể lại trong nhà tạo nên xáo trộn, lời qua tiếng lại, không hay, không tốt! Nói tóm lại là đừng ngồi lê đôi mách, nghe ngóng ba cái chuyện linh tinh, lang tang, chẳng đâu

vào đâu rồi mang về trong nhà kê lại với người này, người khác! Là nữ nhân có gia giáo thì phải biết đây là lửa, nó sẽ đốt cháy môi trường sống!

Ông triệu phú Migāra lại lặng người, nghĩ thầm trong bụng: “Ôi! Họ dạy con cái tốt quá nhỉ?” nhưng ngoài mặt thì giấu cảm xúc, hỏi tiếp:

- Thế còn, cái quái gì là “*chỉ cho đến những ai có khả năng hoàn trả; không cho đến những người không có khả năng hoàn trả*”?

Cô Visākā lại phải giải thích cặn kẽ:

- Câu thứ ba, thứ tư là: Tài sản, vật dụng hoặc tiền bạc trong nhà phải cẩn thận gìn giữ. Nếu cho ai, cho hàng xóm hoặc người thân quen mượn cái gì, vật gì thì phải biết ngắm xem người ấy, kẻ ấy có khả năng hoàn trả lại không? Hay họ sẽ mượn mà không trả? Tiền bạc cũng vậy, nếu cho ai vay thì phải xem xét gia đình ấy, người ấy, với nghề nghiệp như vậy, kinh doanh làm ăn như vậy thì họ sẽ có sức trả lại lúc đến hạn... Còn ngược lại, nếu thấy người ta không có khả năng thì không nên cho vay, cho mượn!

Ông triệu phú gật đầu:

- Vậy thì hiểu rồi. Nhưng câu thứ năm: Cho đến những người có thể hoàn trả hoặc những người không thể hoàn trả? Tại sao chỗ này thì “*cho đi hết*” ?

- Đây là trường hợp cho đến những thân bằng quyến thuộc hoặc những người đói nghèo, cơ cực! Ví dụ những bà con bên cha, bên chú, bên mẹ, bên dì... của chồng con gặp lúc hoàn cảnh khó khăn, nếu họ có mượn cái gì, vay

cái gì đều nên cho họ vay, họ mượn. Nếu họ có trả lại, hoàn lại cũng tốt; nếu họ không có khả năng hoặc họ không trả lại, cũng thôi! Đối với những người đói nghèo, cơ cực cũng tương tự vậy. Nếu họ có vay, mượn mà không hoàn lại, trả lại thì nên xem như là mình đã san sẻ, giúp đỡ cho họ vậy! Làm như thế hóa ra là mình thực hiện được một phước sự, một việc tốt đẹp, thừa cha!

Ông triệu phú lại nín lặng, rồi ông hỏi tiếp:

- Vậy chớ “*ngồi một cách an vui, ăn một cách an vui, ngủ một cách an vui*” là thế nào? Con dâu ở nhà chồng mà chỉ tính chuyện an vui cho mình thôi sao? Vậy có hợp đạo lý không?

- Thừa cha! Phải nói là ngược lại. “*Ngồi một cách an vui*” có nghĩa là khi ngồi là phải biết ngồi chỗ nào cho phải lẽ, cho hợp lẽ. Phải biết tránh chỗ ngồi của cha, của mẹ. Nếu cha mẹ có đi ngang qua thì phải đứng dậy, cúi đầu chào. “*Ăn một cách an vui*” là trước bữa ăn phải xem thức ăn đã dọn đầy đủ cho cha cho mẹ và cho chồng hay chưa? Phải còn coi xem kẻ ăn người ở trong nhà có được bữa ăn chu đáo không? Và chính mình là người ăn sau cùng, ấy mới gọi con dâu thảo! “*Ngủ một cách an vui*” là trước khi ngủ phải quan sát, kiểm soát mọi việc trong nhà, đóng cửa, cài then cẩn thận; xem kẻ ăn người ở có sai sót việc gì, xem họ có hoàn thành công việc được giao trong ngày hay không? Thấy đâu đó ổn thỏa rồi mới đi ngủ sau cùng! Đây là ý nghĩa ba câu gia huấn sáu, bảy, tám mà cha con đã dạy và con luôn tâm niệm trong lòng và cũng đã làm được như

vậy từ trước đến nay, xin cha minh chứng cho con điều ấy.

- Vâng! Ông triệu phú gật đầu - Đúng là cô đã làm được như thế và làm rất chu đáo là khác nữa. Thế còn hai câu cuối: *“Hằng chăm nom ngọn lửa, coi chừng lửa; tôn trọng và kính lễ những vị trời trong nhà”* là thế nào?

- Đây là phải xem cha mẹ chồng và chồng như lửa, có thể đốt cháy mình. Lửa đây ý nói là phải rất thận trọng, rất cẩn trọng lúc ăn nói, lúc đi đứng, lúc giao tiếp đừng để xảy ra bất kỳ một sơ suất, một khiếm khuyết nào. Một chút bất cẩn, vô tâm hay vô ý đụng chạm đến cha mẹ hoặc chồng là mình sẽ bị cháy đấy! Vậy hãy chăm nom và coi chừng ngọn lửa ấy, thưa cha! Và cuối cùng, là phải xem cha mẹ và chồng như những vị trời ở trong nhà; tôn kính và thờ phụng các vị trời ấy như thế nào thì tôn kính, thờ phụng cha mẹ và chồng cũng y như thế ấy!

Cô Visākha giảng giải rành rẽ đâu đó mười điều gia huấn xong, ông triệu phú lặng người. Hóa ra cái ý nghĩa nó thâm sâu đến vậy, là kinh nghiệm, sáng suốt khôn ngoan ngàn đời để lại. Tất thấy đó đều là những lời dạy minh triết, đáng làm châm ngôn nam ngọc thép vàng cho những nàng dâu đầy đủ công, dung, ngôn, hạnh trước khi về nhà chồng!

Ông triệu phú Migāra cúi đầu, tự nghĩ: *“Thế thì mình đã hiểu lắm một cách trầm trọng rồi”* bèn nói:

- Nếu sự thật là vậy thì cha thành thật xin lỗi con!

Biết ông nói câu ấy là lời nói thật tận đáy lòng, nhưng cô Visākḥā vốn là người biết tự trọng nên cô đáp:

- Muộn rồi, thưa cha! Sau khi con đã chứng minh rõ ràng là con không có lỗi, vậy là đủ rồi! Nhưng việc cha đuổi con quả thật đã xâm phạm đến đức hạnh của con. Đây là chưa nói đến áp lực bên sau của mấy ông lão lờ đạo sĩ đã sỉ nhục con là “*con quý cái!*”. Con phải cuốn gói để trở về nhà cha mẹ con bây giờ thôi!

Và cô vào nhà trong thu xếp tư trang, tư dụng với thái độ rất quả quyết. Thế là đến lượt ông triệu phú năn nỉ, chồng cô năn nỉ rồi cả đại gia đình năn nỉ, cô vẫn nhất định không chuyển ý. Tuy nhiên, khi cô chào mọi người, vừa bước ra đến cửa thì công tử tiểu chủ Puṇṇakavaddhana buồn buồn đưa mắt nhìn cha! Ông triệu phú Migāra thương con, chạnh lòng đành phải mở miệng xin lỗi cô con dâu một lượt nữa.

Trong lúc tưởng là tạm yên, ai ngờ các vị Ni-kiền-tử tìm đến, lại thúc hồi ông triệu phú tức khắc đuổi “*cô con gái ma quỷ, đệ tử của ông Cù-đàm*” ra khỏi nhà! Đầu óc triệu phú Migāra vô cùng tăm tối, ông bị căng thẳng, bối rối không biết lựa chọn thế nào: Một bên là những “*bậc thầy A-la-hán khả kính, những con người đã giải thoát tất cả mọi dục ái, mọi hình thức che đậy của thế gian*”; một bên là việc quán xuyên trong ngoài, sự thuận hòa, êm ấm của gia đình, chăm sóc tốt công việc với kẻ ăn người ở mà chỉ có cô con dâu tuyệt vời này mới có khả năng làm được việc đó! Tuy nhiên, sau khi suy nghĩ thấu đáo, lòng ông đã

nghe nặng bên phía gia đình, cho gọi cô lại và ông đã mở lời xin lỗi lần thứ ba.

Cô Visākhā có “*thế trí*” sắc bén và thâm sâu, vì là một cận sự nữ của đức Phật, một Thánh đệ tử, có giận thì cái giận ấy cũng không lâu, lòng cô vốn bao dung quảng đại, cốt là để dạy cho đại gia đình này một bài học. Thứ nữa, cô còn có dụng tâm kín đáo, riêng bậc trí không ai tiên lường được; nên khi ông triệu phú xin lỗi lần thứ ba, cô biết “*già néo quá thì đứt dây*” nên lễ độ nói rằng:

- Thật con không còn dám phiền trách cha điều gì nữa khi cha đã hạ mình xin lỗi con! Nếu con cứng đầu, ngang ngạnh nữa thì tỏ ra cố chấp và bất hiếu! Vậy nếu con bằng lòng ở lại thì con chỉ xin cha chấp thuận cho con một điều.

- Con cứ nói!

- Xin cha cho con được tự do sinh hoạt theo truyền thống tín ngưỡng của con.

- Ta đồng ý!

Cô Visākhā nói tiếp:

- Và con có quyền thỉnh mời đức Phật và Tăng chúng về tư gia để đặt bát cúng dường!

Ông cũng gật đầu:

- Được! Nhưng mà chính con và gia nhân đón tiếp, còn ta thì không nghinh rước ai hết!

- Con cũng đồng ý như thế! Và chi phí buổi cúng dường này con không dám đụng đến gia sản của cha mẹ và của chồng con!

- Thôi được rồi!

Câu chuyện đến ngang đây là sau mùa an cư hạ thứ mười bốn của đức Phật ở Kỳ Viên tịnh xá. Ai cũng chưa hiểu lý do, là tại sao đức Phật cứ ở nán lại mãi, hết hạ, qua thu, sang đông rồi mà đức Phật vẫn chưa rời chân đi nơi khác. Hóa ra là ngài đang chờ đợi, chờ đợi sự xuất hiện một nữ đại thí chủ khác, sau ông Cấp Cô Độc, và nếu không có đủ hai vị đại hộ pháp này thì giáo pháp đâu có được toàn mãn?!

Đức Phật biết chuyện gì xảy ra tại ngôi nhà của cô con dâu Visākhā, cả nhân, cả quả, cả duyên, cả báo của nó sau này nữa, nên khi cô Visākhā thỉnh mời, ngài im lặng nhận lời.

Buổi đặt bát cúng dường đức Phật và năm trăm vị tỳ-khưu tại nhà ông triệu phú Migāra diễn ra vô cùng “hoành tráng” và trọng thể. Cô Visākhā muốn cho bên nhà chồng thấy hảo tướng quang sắc tôn nghiêm của đức Phật và chư Tăng với tóc râu sạch sẽ, y bát trang nghiêm, thanh tịnh đáng cho thế gian cung kính, lễ bái, thật khác xa với hình ảnh lòa lổ, kệch cỡm, thô tục của thầy trò Ni-kiền-tử.

Và rồi, hiệu quả đúng như cô mong đợi. Chư Tăng hàng lớp đều đặn, chậm rãi bước qua sân thọ nhận vật thực một cách từ tốn, lặng lẽ không một tiếng động. Mấy trăm gia nhân, thị nữ đã được cô chủ hướng dẫn chu đáo nên họ bước lui, bước tới, đặt bát cúng dường, lễ lạy đều biết giữ nền nếp, phong cách.

Đức Phật mỉm cười hài lòng.

Thời pháp hôm đó, cốt ý là cho cô Visākhā và cả gia đình ngoại đạo này, nên đức Phật kể nhiều câu chuyện nói về tà, về chánh, về cái gì là thuận hợp thế gian, cái gì là không thuận hợp thế gian; người có con mắt nhiều bụi, ít bụi và không lấm bụi là như thế nào. Tiếp theo, đức Phật giảng thêm pháp thuận thứ, trình bày những khổ cảnh, nhân và quả của khổ cảnh; cõi người, cõi trời, nhân và quả của nó. Như giữa chỗ tối tăm, hôn ám, đức Phật treo lên đây một ngọn đèn, một vàng trắng! Lối đến, lối đi đều sáng rõ, thường chỉ để dành cho người có trí...

Lúc đức Phật giảng pháp, vì tò mò hơn là tọc mạch, ông triệu phú ngồi sau bức rèm lên nghe trộm xem thử cái ông Cù-đàm kia giảng pháp ra làm sao? Ông không biết nhưng đức Phật biết! Bài pháp không chỉ hướng đến Visākhā mà còn cả cho ông nữa! Ông còn cảm nhận được làn khí mát mẻ, dễ chịu bao phủ cả thân tâm mình mà không biết tại sao! Bài pháp chấm dứt thì ông đặc quả Tu-đà-hoàn với sự hân hoan, hỉ lạc chưa từng có.

Để bày tỏ lòng tri ân vô hạn đối với đức Phật và đối với cả cô dâu Visākhā, triệu phú Migāra đã làm một lúc mấy công việc kỳ thú và rất ấn tượng. Thứ nhất, ông vạch màn bước ra, nằm bẹp xuống và ôm hôn chân bụi của đức Đạo sư với dòng nước mắt tuôn trào, sụt sùi, lặng lẽ... Sau đó, ông quỳ xuống vái lạy cô con dâu; và lấp bắp rồi nói rất cảm động rằng, cô chính là “bà mẹ” của ông, đã sinh ra ông, đã tạo duyên, mở mắt cho ông thấy được giáo pháp bất tử. Từ đây, ông xem Visākhā như bà mẹ

thứ hai của mình và đã đổi xử, kính trọng cô cũng y như thế, nên mọi người thường gọi cô là Migāramātā (mẹ của Migāra)¹. Việc thứ hai là ông đã vung rộng tay, bỏ ra kim ngân châu báu và hằng trăm ngàn đồng tiền vàng, bảo công tử Puṇṇakavaddhana thuê thợ giỏi làm cho cô dâu một chiếc áo quý giá cùng những món đồ trang sức khác, được gọi là Ghanamaṭṭhaka². Và vào một ngày đẹp trời, triệu phú Migāra còn tổ chức một lễ hội đặc biệt, đại công tử Puṇṇakavaddhana với khuôn mặt rạng rỡ, hân hoan cầm tay dẫn cô Visākhā bước ra sau khi được tắm trong mười sáu bồn nước hoa khác nhau³ ra mắt quan khách, chào mọi người trong bộ đồ trang sức, trang điểm Ghanamaṭṭhaka quý giá ấy, như là tạo vinh dự lớn lao cho cô đối với họ hàng, thân tộc, đối với tai mắt bằng hữu trong kinh đô.

¹ Trong chú giải Dhammapada, i.406, có nói là "Migāra đã kê miệng ngậm vú cô Visākhā và tôn nàng làm mẹ của mình" - không biết hư thực thế nào về việc ngậm vú ấy! Nhưng khi cô có con trai đầu lòng, vì ông Migāra kính trọng cô như mẹ nên đứa bé được đặt tên là Migāra; và cô được gọi là Migāramātā (mẹ của Migāra)! Chú giải Anguttara Nikāya, i. 313, có xác định Migāra là con trai đầu lòng của cô

² Cũng ghi chú trên, nói rằng, sau này, cô Visākhā đã bán Ghanamaṭṭhaka để xây Migāramātipāsāda (tham khảo). Lưu ý, ghi chú này không chính xác - vì Matālatāpasādhana là chiếc áo cưới cùng kim ngân châu báu trang điểm do năm trăm thợ kim hoàn thực hiện trong bốn tháng - có trị giá 9 (chín) triệu đồng tiền vàng mới xây dựng Matālatāpasādhana được. Ghi chú đầu đó cũng có nói rằng, ông Migāra nhận thấy bộ trang sức, trang phục Matālatāpasādhana mang từ nhà chồng về, nặng quá - nên ông muốn sắm bộ Ghanamaṭṭhaka này cho nó nhẹ hơn, tiện hơn.

³ Câu chuyện này của Visākhā được tóm tắt từ chú giải Dhammapada. i. 384 ff. Nhưng chú giải Anguttara Nikāya, i. 219 ff. chứa đựng một câu chuyện tương tự nhưng đề cập chi tiết hơn.

Chuyện kể cũng có nói là hôm sau, cô Visākhā triệu thỉnh đức Phật và Tăng chúng để đặt bát, cúng dường nữa. Lần này thì sau khi nghe pháp, bà mẹ chồng đắc pháp nhãn.

Và như vậy là do nhờ có trí tuệ, thông minh, khôn khéo, có tâm từ, biết nhẫn xả, cô Visākhā đã dần dần cảm hóa tất cả mọi người trong gia đình tà kiến này, biến họ thành những đệ tử thuần thành của giáo hội đức Đạo sư; và cả đại gia đình đều được sống trong an vui, hạnh phúc.

Nữ cư sĩ Visākhā, sau khi sinh một cậu con trai, ông đại triệu phú lấy tên của mình là Migāra đặt tên cho cháu, như ông đã tự nhận là con của cô con dâu, sau khi ông được sinh ra trong giáo pháp. Nhân dịp này bà trình xin đức Phật được mời thỉnh chư Tăng đặt bát tại tư gia mỗi ngày năm trăm vị, cả cha chồng và chồng đều hoan hỷ.

Ngoài ra, bà còn xin được thực hiện tám thiện sự hy hữu:

- Dâng y đến chư Tăng an cư tại Kỳ Viên cho đến trọn đời.
- Đặt bát cho chư tỳ-khưu từ phương xa đến Sāvatti.
- Đặt bát cho chư tỳ-khưu rời Sāvatti.
- Dâng vật thực đến những vị sư đau ốm không đi khất thực được.
- Dâng vật thực đến những vị sư chăm sóc các vị sư đau ốm.
- Dâng thuốc men cho chư tỳ-khưu bị bệnh.

- Dâng lúa mạch đến cho tỳ-khuru Tăng Ni.
- Dâng y tắm đến cho chư tỳ-khuru-ni.

Được đức Phật chấp thuận, từ đó, bà và cả gia đình chồng dường như giành hết thời gian để phục vụ Tam Bảo. Vào mỗi buổi chiều, bà cho mười gia nhân thân tín đến tịnh xá Kỳ Viên, hỏi thăm bao nhiêu Tăng khách đến, bao nhiêu Tăng khách đi, bao nhiêu người bị bệnh, bao nhiêu vị chăm sóc bệnh để kịp thời cúng dường vật thực, thuốc men đầy đủ...

Có một việc trọng đại và cũng là một sự kiện đặc biệt hy hữu trong bốn phạm “*hộ pháp*” của vị Thánh nữ này, đấy là việc kiến tạo ngôi tịnh xá Pubbārama (Đông Phương) huy hoàng và tráng lệ để dâng cúng đức Phật và đại chúng tỳ-khuru.

Chuyện kể rằng, một hôm nọ, khi chuẩn bị đi nghe pháp tại tịnh xá Kỳ Viên, cô muốn mình ăn vận thật đẹp nên đã khoác bên ngoài chiếc áo ngày cưới mà ông thân của cô đã thuê mấy trăm thợ thầy kim hoàn ra tay thiện xảo trong bốn tháng ròng. Bộ áo khoác cùng với châu báu trang sức này có tên là Mahālatāpasādhana như ta biết ở trên, là cả một đồng kim ngân! Dĩ nhiên, lúc này cô còn rất trẻ, và con gái ai mà không thích chung diện xiêm áo cùng trang sức cao sang, lộng lẫy?

Khi cô Visākhā và thị nữ mới bước đến cổng tịnh xá thì không ai là không liếc trông cô gái có phục sức như tiên nữ nhà trời! Nó như là cả một quãng châu báu rực rỡ đi động. Đưa mắt nhìn những ngôi liêu thất thấp thoáng

trong rừng cây và nhiều vị tỳ-khưu đang nhàn nhã, thanh bình lui tới, cô Visākḥā cảm giác có cái gì đó không ổn. Cô ngoảnh nhìn lại bộ áo khoác của mình và trực thức thấy rõ là nó chẳng thích hợp chút nào trong khung cảnh dị giản và yên tĩnh của tịnh xá. Nép vào một lùm cây rậm, cô Visākḥā vội cởi chiếc bào trên quý giao cho thị nữ, còn mình trở lại “*diện mạo*” của bộ xiêm bình thường như khi đang sinh hoạt tại tư gia. Nhìn lại mình một lượt nữa, cô tự mỉm cười và tự chế nhạo:

“- *Con gái hư! Cái sở thích trang điểm, chung diện nó đã ăn sâu ngũ kỹ trong dòng nghiệp, đã trở thành thói quen bền lâu như cỏ tật không chừa! Ai đời, đến đây rồi mới thấy là mình quá vô duyên!*”

Thời pháp hôm ấy do đức Thế Tôn thuyết giảng. Đề tài nói đến sự “*ái luyến tự ngã*”, tức là ái luyến bản thân sẽ đưa đến những nguy hại vô lường. Biểu hiện thô tháo của ái luyến tự ngã là thích ăn ngon, mặc đẹp, thích trau chuốt, điểm trang, thích nằm giường êm, gối mịn, thích đánh phấn, thoa son... Biểu hiện vi tế của ái luyến tự ngã là thích tên tuổi mình được vang dội, thích địa vị mình được trên trước, thích quyền lực của mình được bao trùm thiên hạ, thích ý tưởng, quan điểm của mình được người khác chấp nhận, thích chủ thuyết, triết lý của mình được mọi người thực hành. Tất cả đây nó xoay quanh bản ngã, thể hiện bản ngã, phóng đại bản ngã. Hệ quả tất yếu của nó là tham lam, dục vọng tăng trưởng; sân hận, hung dữ tăng trưởng; si mê, u tối tăng trưởng; chúng sẽ kéo theo không biết bao nhiêu là sầu bi, ưu não cho mình và cho

cuộc đời... Tuy nhiên, cái bản ngã ấy, trên lộ trình tu tập nó sẽ bị tước dần dần đi, đến quả vị A-la-hán nó mới cắt đứt trọn vẹn cái “ngã mạn” và cái “vô minh” ấy! Vì vậy, ngay từ bây giờ, hai hàng cư sĩ phải thấy rõ sự nguy hại của nó để lìa xa từng chút một; sự lìa xa ấy giúp ta bỏ bớt những nhỏ mọn, những ích kỷ, những mưu toan thủ lợi, những đặc quyền riêng tư để quan tâm chút ít đến người khác, đến chúng sanh, đến xã hội trong tương quan hoàn cảnh. Riêng tỳ-khưu Tăng Ni khi học được bài học này sẽ tìm được đời sống phạm hạnh yên ổn, thanh bình; không còn chạy theo tứ sự lợi dưỡng, sẽ an vui trong giáo pháp trung đạo của Như Lai.

Chấm dứt thời pháp mà cô Visākhā còn rùng mình, lạnh gáy. Đức Phật biết hết rồi. Do ngài biết hết rồi nên ngài đã thuyết cho nàng nghe đó!

Ra ngoài công tịnh xá một đôi đường đã khá xa, cô thị nữ chợt hốt hoảng la lên:

- Chết rồi! Thưa chủ! Cái áo khoác Mahālatāpasādhana, cái đồng kim ngân của cô chủ, con đã bỏ quên trong đại giảng đường rồi!

Đầu óc, tâm trí của Visākhā lúc ấy vẫn đang còn chìm trong tư duy về ý nghĩa của bài pháp nên cô rất bình tĩnh, chậm rãi nói:

- Không sao đâu con! Hãy đi vào xem lại chớ có sao đâu! Đừng lo! Đừng sợ hãi gì cả! Nó là vật ngoại thân thôi mà!

Cô thị nữ an tâm. Khi cô mới bước đi được năm bảy bước, cô Visākhā gọi giật lại:

- Mà này con! Khi vào giảng đường, có thể có hai trường hợp xảy ra. Nếu chiếc áo ấy chưa ai cầm nắm thì con cứ tự nhiên xin phép mang về. Nếu chiếc áo ấy đã có vị tỳ-khưu nào sờ đụng rồi thì con không được lấy, mà ra đây trình lại cho ta. Nghe rõ không? Ta ngồi đợi ở đây!

Lát sau, cô thị nữ “*tay không*” trở ra, thưa lại rằng:

- Tôn giả Ānanda cùng chư sa-di sau khi đi thu dọn đây đó, thấy cái áo quý, ngài đã tự tay đem cất kỹ vào kho rồi. Ngài bảo, ai để quên, họ sẽ tới lấy sau!

Chợt, cô Visākhā mỉm nụ cười nhẹ:

- Ừ, vậy là tốt! Thôi về con!

Cô thị nữ không hiểu được “*ý nghĩa*” nụ cười ấy!

Chiều hôm sau, sau khi nghe pháp, cô Visākhā nán lại thưa trình với đức Phật một chuyện. Cô kể lại cho đức Phật nghe sự kiện bỏ quên cái áo khoác ngày hôm qua. Và cái áo khoác ấy, tôn giả Ānanda đã sờ đụng rồi, được coi như Tăng đã thọ nhận rồi. Bây giờ cô chính là thí chủ khởi tâm cúng dường, nói lời thưa bạch cúng dường, và nghiêng thân năm vóc sát đất cúng dường. Vậy xin đức Tôn sư hoan hỷ thọ nhận cho đệ tử được an lạc và hạnh phúc lâu dài.

Đức Phật mỉm cười:

- Như Lai đã thọ nhận đầy đủ thân, khẩu, ý cúng dường rồi đó!

Cô Visākhā vui mừng thừa tiếp:

- Cái áo ấy, bây giờ là tài sản của Tam Bảo đúng pháp và luật rồi! Nó có thể bán đi để kiến tạo một ngôi tịnh xá khang trang, cúng dường đến đức Tôn sư và thập phương Tăng có chỗ tĩnh cư để giáo hóa chúng sanh.

Đức Phật rõ biết giá trị của cái áo Mahālatāpasādhana ấy nên ngài nói:

- Như Lai tùy hỷ hảo sự ấy! Vậy con cứ tùy nghi!

Thế rồi, cô Visākhā đã cùng với mấy thị nữ đi khắp kinh thành, đến tất cả các tiệm kim hoàn hữu danh để dạm bán chiếc áo châu báu. Chủ tiệm nào cũng “*kinh hoàng*” về giá trị của nó, ai cũng muốn mua nhưng không có đủ tiền vàng để chi trả. Hai ba tiệm hợp lại cũng không đủ sức mua.

Cô Visākhā nói:

- Giá thị trường hiện tại, nó là bao nhiêu?

Ông chủ tiệm già, sẫm soi từng món, tính đếm từng món một. Nghĩa là bao nhiêu viên kim cương, bao nhiêu viên trân châu, bao nhiêu viên san hô, bao nhiêu viên ngọc quý, bao nhiêu vàng, bao nhiêu bạc... rồi thở dài nói:

- Thật ra thì nó vô giá. Không tính lụa kasi thượng hạng, không tính sợi chỉ vàng chỉ bạc, không tính công phu nghệ thuật tinh xảo, chỉ tính châu báu thôi thì giá trị của nó đã lên đến mười triệu chín trăm ngàn đồng tiền vàng¹ rồi!

¹ Theo Pāḷi Proper Names tập 2 của GP. Matalalasekera - trang 628.

Cô Visākhā cảm ơn người chủ tiệm có lòng. Không ai mua nổi thì chính cô sẽ mua lại chiếc áo ấy để kiến tạo tịnh xá.

Đến ngày, cô xin đức Phật chỉ địa điểm xây dựng, ngài nói nên tìm kiếm mặt bằng trong các khu rừng về hướng Đông kinh thành Sāvatti, vì đây có không gian rộng, lại thuận tiện cho chư Tăng từ hướng Nam, Đông Nam lui tới.

Vui mừng khôn xiết, cô Visākhā lay tạ đức Phật rồi trở về chăm lo công việc thiêng liêng của mình.

Trong khi tìm kiếm đất đai và bắt đầu thiết kế, xây dựng thì đức Phật đã du phương hành hóa, do sự thỉnh mời, nhờ cậy của cô Visākhā nên tôn giả Moggallāna đứng ra giám sát công trình cùng với năm trăm vị tỳ-khưu giúp sức. Thế mà vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu công việc, đôi khi tôn giả phải sử dụng thần thông để xử lý những công đoạn phức tạp. Trải qua chín tháng ròng rã, công trình mới xong, vừa kịp an cư mùa mưa mà cô Visākhā dự định khánh thành để dâng cúng lên đức Phật và chư Tăng. Công trình vĩ đại quá. Nó là cả một tòa lâu đài gồm hai tầng rất cao và dài đến mút mắt, mỗi tầng có năm trăm phòng với mọi tiện nghi đầy đủ. Cấu trúc vòm mái rất đặc biệt, nó nổi vọt lên những tháp nhọn bằng vàng rực rỡ, lại còn thiết kế sáu mươi vòi nước chảy xuống sáu mươi chậu gồm sứ ở nơi thích hợp để sử dụng¹.

¹ Lấy ý từ tự điển trên.

Buổi lễ khánh thành được tổ chức cũng thật trang nghiêm và hoành tráng. Đại diện chư Tăng, đức Phật thọ nhận khi đại gia đình cô Visākhā dùng bình vàng đổ nước lên tay ngài.

Sau khi đọc lời phúc chúc, đức Phật mỉm cười nói:

- Tịnh xá Kỳ Viên là do trưởng giả Cấp Cô Độc và hoàng tử Kỳ Đà làm đại thí chủ, có con trai thứ nhất của Như Lai là Sāriputta chăm sóc công trình. Tòa lâu đài vĩ đại này là do Visākhā, mẹ của Migāra đại thí chủ, lại có con trai thứ hai của Như Lai là Moggallāna giám sát, cả thần thông và cả năm trăm tỳ-khuru giúp sức nữa. Nếu đặt tên cho đầy đủ thì trước phải gọi là “*Kỳ thọ, Cấp Cô Độc viên*”, và sau phải đặt tên là “*Lâu đài của mẹ Migāra*” (Migāramātipāsāda) hoặc “*Đông phương Lộc mẫu tu viện*” (Migāramātā-pubbārāma).

Cô Visākhā cũng mỉm cười, lòng hân hoan không kể xiết.

Vị đại trưởng lão Thánh ni Gotamī an nghỉ Niết-bàn năm bà một trăm hai mươi tuổi. Vị Thánh nữ Visākhā xả bỏ báo thân, hóa sanh lên cung trời Tusita (Đầu Suất) cũng một trăm hai mươi tuổi. Họ đúng là những nữ nhân xuất chúng, kiệt kiệt còn lưu trong sử vàng, bia đá với những câu chữ còn rắn hơn kim cương, còn đỏ hơn châu sa và mãi tồn tại với thời gian. Và nhân cách của họ, cái tâm, cái trí của họ, và công đức vô lượng của họ chỉ có biển ngàn mới nói hết, cây rừng mới nói hết.

Một vị đứng đầu Ni giới, quyết tâm xuất gia, chấp

nhận mọi khó khăn nghịch cảnh và cả dư luận xã hội, cuối cùng đức Phật phải “*nhượng bộ*”, mặc dầu ngài biết là thời gian tồn tại của giáo pháp, do thế, chỉ còn một nửa. Rồi từ đó, bà được đức Phật cho phép dẫn dắt Ni chúng, mở cánh cửa người, cửa trời và cả cánh cửa Niết-bàn cho nữ nhân thế gian luôn luôn thiết thời, luôn luôn bị đối xử bất bình đẳng, luôn luôn là chiếc bóng nô lệ trong những xã hội trọng nam, khinh nữ. Trưởng lão Thánh ni Gotamī quả là một bà mẹ vĩ đại. Sau này, nơi nào có Ni chúng thì nơi ấy có tịnh xá Gotamī hoặc Ni viện Kiều Đàm Di như là biểu tỏ một sự hàm ân cao cả của hậu thế vậy.

Một vị đứng đầu cận sự nữ, là một đại thí chủ, chỉ biết sử dụng tiền bạc, công sức và tâm huyết cho một mục đích duy nhất là hộ trì giáo pháp, đức Phật và hội chúng Tăng Ni. Nói về tâm thì vị thánh nữ này có từ, có nhẫn, có xả, quan tâm chu đáo mọi việc trong ngoài đại gia đình, bồn phận với cha mẹ chồng, với chồng và con cái một cách đúng đắn và nghiêm túc; chăm lo cúng dường tứ sự đầy đủ cho tỳ-khuru Tăng Ni chưa bao giờ mệt mỏi. Nói về trí thì bà tuy mới Nhập Lưu nhưng trí tuệ xử lý mọi việc đâu ra đó, đôi khi góp ý dự bàn một số vấn đề học giới phát sanh trong Ni chúng; lại còn là người hòa giải những mối bất đồng giữa chư vị tỳ-khuru-ni.

Và đặc biệt, bất quan trai giới mà ngày nay cả thế giới đang nghiêm túc thọ trì, Bắc hay Nam phái, khởi nguyên đã được đức Tôn sư giảng nói với những chi tiết đầy đủ cho vị cận sự nữ thuần thành này.

Trong nhiều khoảng thời gian khác nhau, Thánh nữ Visākhā được nghe những bài pháp đức Phật đã thuyết cho riêng bà. Ta có thể đúc kết một vài điểm tiêu biểu:

Một, người nữ khi lập gia thất thì phải cần có những đức tính như thế nào, phải biết đối xử với chồng ra sao hầu đem lại hạnh phúc cho gia đình?

Đức Phật đã căn kẽ giảng nói như sau:

- Phải siêng năng mọi việc trong ngoài.
- Phải luôn luôn dịu dàng, mềm mỏng.
- Không được bất cần, vô ý.
- Đừng làm việc gì trái nghịch, thiếu lễ nghi gia giáo.
- Phải biết tôn trọng, quý kính những người mà chồng hằng tôn trọng, quý kính.
- Khéo léo, lanh lẹ, biết thức khuya dậy sớm.
- Tận tâm săn sóc sức khỏe, cái ăn cái uống cho chu đáo.
- Quan tâm, chia sẻ khi chồng làm việc cực nhọc, vất vả.
- Bất cứ hoàn cảnh nào cũng lấy nhã nhặn, nhu hòa làm thái độ xử.
- Nếu chồng có những ước mơ thanh cao, những nguyện vọng chơn chánh thì phải giúp cho chồng được như sở ý.
- Trí phải sáng suốt, khôn ngoan.

- Tâm phải bao dung, rộng lượng¹.

Thực hiện được mười hai điều ấy thì gia đình luôn được hạnh phúc, an vui; đồng thời là nhân tố tốt lành để hóa sanh vào cảnh giới của những vị trời khả ái, dễ mến...

Hai, tóm tắt hơn, nhưng kết quả cũng giống nhau, là người nữ, phải tự thành tựu cho mình tám đức tánh sau đây:

- Có khả năng làm những việc có ích cho bản thân và gia đình.

- Biết quán xuyên, điều khiển gia nhân, kẻ ăn người ở hoàn thành công việc trong ngoài, sau trước.

- Biết cách đối xử để chồng và nhà chồng quý mến và kính trọng.

- Biết giữ gìn của cải, tài sản và biết làm tăng vượng của cải, tài sản.

- Có đức tin chơn chánh và chắc thật (tín).

- Có nét hạnh, đức hạnh, giới hạnh (giới).

- Tâm bao dung, quảng đại, rộng lượng (thí)

¹ Thật ra, theo kinh điển chỉ có 8 hoặc 10 điều, nhưng người biên soạn đã tách ra thành 10 điều cho rõ ràng. Về nội dung, xét như vậy thì người nữ phải hy sinh quá nhiều cho chồng, đối lại, người chồng phải có những bổn phận như thế nào với người vợ đức hạnh của mình? Dĩ nhiên, chuyện ấy là "có thể" trong một gia đình có người chồng hiền thiện. Tuy nhiên, đây là bối cảnh của xã hội Ấn Độ xưa, thân phận người nữ rất thấp thỏm nhưng vẫn là trụ cột, là "nội tướng", là điều kiện cần và đủ cho hạnh phúc và an vui của mọi gia đình.

- Sáng suốt, trí tuệ (tuệ)¹.

Nhờ học được sự giáo dục tốt đẹp từ một gia tộc hiền trí, và sau này là nhờ vào những tư tưởng minh triết của đức Thế Tôn nên bà Visākā đã áp dụng, thực hành có hiệu quả suốt cuộc đời mình, đem lại không biết bao nhiêu là hạnh phúc an lành cho mình, cho gia đình, cho cả họ hàng quyến thuộc và cả cho bằng hữu, thôn lân nữa.

Riêng về giáo hội của đức Đạo sư, thật không ngạc nhiên gì, khi bà được xem như người nữ có công đức vượt trội nhất trong nhiều lãnh vực.

Do phẩm hạnh đoan nghiêm, cao nhã; cốt cách ưu tú, thanh tao; khu xử tế nhị, khéo léo; ngôn ngữ khiêm cung, hòa ái; biết tôn trọng, cung kính Tam Bảo; lòng quảng đại, bao dung; tánh tình chân thật, trung hậu; thái độ lịch thiệp, hiếu khách; lòng từ ái, dịu dàng và tâm đạo nhiệt thành của bà nên dường như bà được lòng tất cả mọi người, thân hay sơ, già hay trẻ, nam hay nữ; và chưa thấy bóng dáng của đố kỵ, ganh ghét, ty hiềm.

Quả thật bà là một vu vật cổ kim hy hữu.

Kinh sách và chú giải đó đây có ghi lại những chi tiết thú vị rằng, bà được diễm phúc làm mẹ của mười người con trai và mười người con gái, tất cả đều dễ thương và hiếu thảo. Từ số con trai, con gái này, bà lại có được bốn trăm đứa cháu nội ngoại. Từ bốn trăm cháu nội ngoại, bà

¹ Tương tự như trên, nhưng có vẻ toàn hảo hơn khi người nữ là một Phật tử thuần thành, có đầy đủ tín, giới, văn, thí, tuệ (văn là nghe pháp).

lại có thêm tám ngàn “chất” gọi bà bằng cố nội, cố ngoại... như câu kệ sau đây:

*Visākhā, hai mươi con
Cháu, bốn trăm tính tròn
Diêm-phù không yên ngủ
Tám ngàn chất tí hon!*¹

Bản thân Visākhā là một người đại phú quý thường mang lại nhiều niềm lành, vì thế người dân của thành Sāvatti luôn thỉnh mời bà đến nhà họ trong những ngày lễ hội hoặc những ngày hiếu hỷ gì đó trong gia đình².

Bà Visākhā đã hộ độ đặt bát cúng dường cho năm trăm vị tỳ-khưu mỗi ngày tại tư gia³. Vào mỗi buổi chiều, cô thường đến thăm đức Phật và sau đó lắng nghe ngài thuyết pháp. Thỉnh thoảng cô cùng với thị nữ Suppiyā đi dạo quanh tịnh xá một vòng để quan sát, xem thử chư Tăng (sau này thêm cả Ni) có thiếu thốn gì về tứ sự để kịp thời bố thí cúng dường. Với việc xây dựng xong lâu đài Migāramātupāsāda thế là nguyện vọng của Visākhā đã hoàn thành viên mãn và được biết rằng khi tịnh xá được xây cất xong; sau lễ hội khánh thành, lúc màn đêm buông

¹ Trích lại từ “Đức Phật và 45 năm...” tập 6, tr. 59 của tỳ-khưu Chánh Minh, NXB Tôn giáo năm 2011 - câu kệ Pāli: “Visākhā vīsati puttā, nattā ca cataro satā; panattā aṭṭhasahassā, jambudīpe supākāṭāti”.

² Trong Pāli Proper Names.

³ Điều đó được giải thích ở Jātaka.iv.144; là hai ngàn vị tỳ-khưu theo chú giải Dhammapada. i. 128; sau đó cô đã sai người con gái đầu của bà (theo Dattā) làm thay cho bà.

xuống bà đã đi vòng quanh lâu đài cùng với thị nữ¹, và năm bài kệ được bà ngâm lên trong niềm hoan hỷ, với ý nói rằng: “*Những lời mà tôi đã phát nguyện trong quá khứ giờ đây đã được hoàn toàn viên mãn rồi!*”

Các vị tỳ-khưu đã nghe bà ta ngâm và đã trình với đức Phật; nhân đó ngài đã kể lại một số tiền kiếp của cô như trong thời kỳ đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara, Visākhā là bạn với những người nữ ân nhân chính của đức Phật. Trong thời kỳ đức Chánh Đẳng Giác Kassapa, cô tên là Saṅghadāsī, là con gái út trong bảy cô công chúa của vua Kikī, một thời gian sau cô đã đặt bát cúng dường và làm các phước thiện lớn lao khác cùng với các cô công chúa, tức là sáu người chị của mình².

Chiếu theo quyển Vihāravimānavatthu³, Visākhā sau khi lâm chung kiếp này, bà hóa sanh vào cung trời Hóa Lạc thiên (Nimmānaratidevā) và như là thiên hậu của đức vua Sunimmita. Nhưng luận sư Buddhaghosa thì nói rằng⁴ bà Visākhā hoặc như Sakka (Đế Thích thiên chủ) và Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) với những phước báu vi diệu của họ sẽ hưởng một trăm ba mươi một kiếp hạnh phúc

² Nhiều nơi nói là cùng con và cháu thì không đúng, vì khi cô còn thích mặc áo choàng trang điểm châu báu thì vào khoảng vài năm sau khi về nhà chồng, khoản 20-22 tuổi mà thôi.

² Chú giải Anguttara Nikaya. i. 219.

³ Vimānavatthu (P.T.S) . iv.6; chú giải Vimānavatthu (P.T.S). 189, 191.

⁴ Chú giải Dīgha Nikāya. iii.740.

trong cõi phạm thiên trước khi nhập Niết-bàn cuối cùng¹.

Như vậy, cận sự Thánh nữ đệ tử Visākhā cũng là một người mẹ vĩ đại mà tấm gương sáng của bà còn rọi chiếu đến ngàn sau, dường như chưa có ai theo kịp. Và cuộc đời mà tín, giới, văn, thí, tuệ tròn đủ của bà, cho đến tận bây giờ vẫn còn thơm mùi trầm hương dịu dàng và tinh khiết.

¹ Trường hợp thứ nhất thì có thể, nhưng người biên soạn vẫn tin là bà Visākhā sẽ hóa sanh vào cung trời Tusita (Đầu Suối) hơn. Trường hợp thứ hai thì còn cần một giải minh hợp lý hơn: Nếu không có đấng các định Kasiṇa hoặc các định tâm tử thì làm sao cộng trú được với phạm thiên?

Tỳ-khưu-ni Khemā

(Trí tuệ đệ
nhất)¹



¹ Khemā Therī. trang 727- 728 trong quyển I -
Dictionary of Pālī Proper Names.



con

gái
đức

Phật

Đức vua Sineya Bimbisāra và hoàng hậu Videhi, sau khi nghe pháp, đắc quả Nhập lưu thì họ có được đức tin vững chắc, có được đời sống thanh bình và an lạc. Mọi câu hỏi, mọi tư duy về đời người đã lần lượt được gỡ rối; mọi khổ ưu, mọi phiền não trong tâm hồn càng ngày càng nhẹ nhàng, yên lặng bớt.

Tuy nhiên, đức vua hiền thiện của chúng ta có một việc chưa được hài lòng. Số là đức vua có một bà quý phi xinh đẹp được ông vô cùng yêu mến, tên là Khemā; bà luôn luôn tự hào và hãnh diện về sắc đẹp của mình, đôi khi hơi thái quá làm cho ông khó chịu. Sau khi học hiểu được giáo pháp, đức vua biết rằng, sắc đẹp của mỹ nhân giống như đóa hoa, một lúc nào đó sẽ nhạt phai, sẽ ố sặc và rữa hương. Chính vẻ đẹp tâm hồn, vẻ đẹp tinh thần được thấm nhuần hương vị của chánh pháp mới không bị hư mục theo thời gian, mà ngược lại, ngày càng được khởi sắc và thăng hoa. Hoàng hậu Videhi bản chất thuần hậu, đoan trang, có vẻ đẹp nội tâm thâm lặng, như một mảnh

vải trắng tinh rất dễ nhuộm màu nên sau khi nghe pháp, bà nhẹ nhàng xuôi chảy vào dòng. Chỉ riêng bà quý phi Khemā là không chịu đi nghe pháp. Đức vua đã ân cần dỗ ngon, dỗ ngọt nhiều lần nhưng bà vẫn lắc đầu một mực từ chối.

Khi được gặng hỏi thì bà đáp:

- Đức Thế Tôn ấy có ba hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp, thiếp biết; và ông ta toàn hảo mọi đức hạnh, quyền năng, trí tuệ, thiếp cũng biết. Thế gian xung tán ông ta là bậc thầy của chư thiên và loài người thì không ai còn dám hồ nghi. Tuy nhiên, thiếp sẽ không đi!

Khi được hỏi cặn kẽ lý do, bà đáp:

- Nghe nói rằng, đức Thế Tôn ấy thường có lời khiếm nhã đối với nữ giới. Ông ta coi thường, đôi khi cười chê sắc đẹp của phụ nữ. Nghe ông ta có nói rằng, đẹp gì, quý gì, mỹ miều gì cái bao da đựng thịt, đựng xương mà trang điểm, mà xông hương, ướp phấn, thoa son... Quả là ông ta chẳng lịch sự chút nào!

Đức vua Thánh đệ tử cười thâm trong lòng, nhưng ngoài mặt lại nói:

- Ủ, ông ta nói vậy dù đúng với sự thực, nhưng mà cũng hơi quá đáng. Có được sắc đẹp như ái phi trên thế gian này phỏng có mấy người? Phải tu tập, phải tích lũy vô lượng phước báu mới có được như thế chứ đâu có dễ gì!

Bà Khemā thấy vua đồng quan điểm với mình, cảm thấy rất vừa lòng nên nhường mày, đắc ý:

- Chứ sao? Vậy sao đại vương cứ nhắc ngày, nhắc đêm

bảo thiếp phải đi hầu thăm đức Thế Tôn ấy?

- Có hai lý do - Đức vua Bimbisāra cất giọng chậm rãi, dịu dàng nói - Nàng biết không, Veḷuvanārāma đẹp lắm! Trúc Lâm đại tịnh xá là một nơi khả ái, khả hỷ, khả lạc, phong cảnh nên thơ, hữu tình làm sao! Nó vừa nên thơ, hữu tình lại vừa làm cho tâm hồn ta mát mẻ, trong lành, vô cùng dễ chịu. Người nào đến Trúc Lâm, thấy được Trúc Lâm rồi thì xem như người ấy đã thấy được Hỷ Lâm (Nandavana), thắng cảnh đệ nhất tại cung trời Đao Lợi, là nơi mà Đế Thích thiên chủ thường hay đến ngoạn du, vui chơi với cả hàng ngàn tiên nữ. Đây là lý do thứ nhất.

- Gì mà đẹp ghê gớm đến vậy! Bà Khemā cau đôi mày lá liễu - Thôi được rồi, vậy còn lý do thứ hai?

- Là vì đức Phật cũng thường hay khen ngợi phụ nữ nhưng nàng không biết đây thôi!

- Quả có thế sao?

- Đúng vậy! Ngài từng nói rằng: Bản chất người nữ tuy hơi mềm yếu, nhiều tính xấu, hay ái luyến thân thể, sắc đẹp nhưng họ cũng có khả năng thành tựu tri kiến cao thượng, có nền tảng khá vững chắc để phát triển tư vô lượng tâm. Ngoài ra, giác ngộ, giải thoát, tứ quả, thắng trí, biện tài, phân tích, giới hạnh, thiền định, tuệ giác... họ hoàn toàn không hề thua kém nam giới. Đây cũng là lý do mà đức Tôn sư cho thành lập giáo hội tỳ-khuru-ni, vừa nói lên tiếng nói của một tập thể bình đẳng, dân chủ mà còn là cơ hội tuyên dương nữ giới, xem trọng nữ giới, trong lúc đó thì luật Manu truyền thống bà-la-môn tự ngàn xưa

đã không coi nữ giới ra gì, suốt đời phải lệ thuộc nam giới, lại còn rẻ rúng, coi khinh họ như nô lệ nữa!

- Thế là khách quan, là đúng đắn! Hóa ra từ lâu thiếp chỉ nghe một bên, một chiều! Ô! Đây là lỗi lầm, là thiếu sót đáng chê trách của thiếp vậy.

Được đức vua Bimbisāra khôn ngoan thuyết phục nhiều lần như thế, chiều hôm ấy, bà quý phi diễm kiều của chúng ta không cần quân lính hộ giá, chỉ với mấy cung nga lên một cỗ xe bốn ngựa trắng viếng thăm Trúc Lâm.

Đến cổng tịnh xá, bà cho dừng ngựa, chậm rãi đi bộ vào. Quả là một khung cảnh tươi xanh, trong lành, mát mẻ. Đây đó thấp thoáng hình bóng các sa-môn áo vàng đang kinh hành hoặc tĩnh tọa dưới các gốc cây, bờ suối. Đâu cũng vắng lặng, yên ả, thanh bình. Tâm hồn bà dường như lắng dịu xuống. Đến một ngã rẽ, bà chợt dừng chân lại. Dưới bụi trúc vàng có hai vị tỳ-khuru còn rất trẻ, tuổi vừa chùng đôi mươi đang an nhiên tọa thiền. Bà lặng lẽ quan sát *“hai pho tượng tuyệt tác của hóa công”*. Họ đẹp quá! Năng lượng của tuổi thanh xuân như phát sáng nơi vùng trán, khuôn mặt và dường như trôi chảy cuộn cuộn nơi từng cơ bắp, trong từng thớ thịt trắng hồng! Một ý nghĩ chợt thoáng hiện trong đầu bà: *“Ôi! Tại sao? Tại sao? Cái giáo pháp này như thế nào mà có thể hấp dẫn, lôi cuốn cả những chàng thanh niên trẻ đẹp, phải hy sinh cả sức sống mãnh liệt của tuổi thanh xuân đang hứa hẹn một tương lai tươi sáng bên vợ đẹp, con xinh để đến đây sống đời viễn ly thế tục? Thật đáng khâm phục thay! Nhìn sự sáng rõ của sắc*

mặt, nhìn sự an nhiên tĩnh tại này thì rõ họ đâu có bi quan yếm thế, mà ngược lại, họ đang an trú trong một phúc lạc nội tâm nào đó?”

Bà quý phi xinh đẹp chợt thở dài, một hơi thở dài rất dịu nhẹ, chỉ như là sự lay động của một cánh hoa trong làn sương sớm; một tí hồ thẹn thoáng gọn lẫn lẫn trong tâm tư bà: *“Các cậu thanh niên này là vậy, còn mình thì cứ cố mà hưởng thụ, mà thỏa mãn cái tuổi thanh xuân!”*

Bà Khemā lần bước theo âm thanh với tám tuyệt hảo của đức Phật từ nhà giảng rộng lớn vọng ra. Xung quanh lặng ngắt như tờ. Bà cảm thấy ở đây rõ ràng là có một thế giới khác mà dường như nó không hề lay nhiễm một hạt bụi tục lụy nào. Nội tâm bà chợt như bắt gặp được một cái gì, một hình ảnh nào, một gọi nhắc tế vi, thâm sâu từ đâu đó trong không gian tâm linh xưa cũ? Một không khí linh thiêng đập dờn trong ký ức mù sương?

Trong nhà giảng, chư Tăng và cận sự nam nữ hai hàng đang nghiêm cẩn nghe pháp. Đức Phật với dung nghi sáng rõ; với ngôn ngữ trầm, ấm, vang, ngân, sắc, gọn, mạch lạc, sáng sửa¹ cứ như từng đợt hải triều âm dịu dàng vọng giữa không gian. Người, vật, cỏ cây, mây nước dường như bị chìm ngập, bị thu nhiếp, bị tan hòa trong biển âm thanh vi diệu ấy. Bà quý phi Khemā xinh đẹp cũng bị cuốn hút bởi một năng lực siêu nhiên nào đó nên lặng lẽ quỳ xuống trước ngưỡng cửa nhà giảng.

¹ Âm thanh với 8 tuyệt hảo: trầm, ấm, vang, ngân, sắc, gọn, mạch lạc, sáng sửa.

Khi bà nhìn lên thì hai bên đức Phật bỗng ửng sáng, rồi từ trong đám mây ngũ sắc, hai cô tiên nữ bước ra, dung sắc mỹ lệ, phi phàm. Bà Khemā mở lớn đôi mắt bò câu, sững sốt. Đẹp quá. Cả hai vừa tuổi độ trăng tròn, trang sức xiêm y quá sức lộng lẫy, quá sức quý phái, quá sức kiêu sa, quá sức gợi cảm, quá sức mỹ miều không thể có được trên thế gian này! Bà thật tủi hổ khi từ lâu đã tự hào, kiêu hãnh bởi sắc đẹp của mình. Ôi! Năm vẻ đẹp của giai nhân trần thế có nghĩa gì với hai cô tiên nữ này. Đây phải là sự kết tụ tinh anh của ngàn hoa! Đây phải là linh hồn của nữ vương sắc đẹp đang hiện thân trong vóc dáng ngọc ngà kia; nó ở ngoài mọi tiêu chuẩn của cái đẹp, ở ngoài cả mọi ý tưởng, mọi ngôn ngữ diễn đạt! Bà Khemā lặng lẽ chiêm ngưỡng không chán mắt.

Không lâu lắm, dường như chỉ mới thoáng lát thôi, chợt, một làn gió nhẹ lay động, một màn sương mờ thoáng qua, có sự thay đổi nào đó trên sắc diện cùng vóc ngọc, dáng ngà của hai cô tiên nữ. Ô! Nó thay đổi rất nhanh! Mới đó mà đã trở thành thanh nữ rồi. Đôi mắt hoa sen ẩn trong màu nước trong xanh vời vời kia đã có gì đổi khác! Hai bờ môi chín mọng đỏ hồng như quả chà là đã có pha ở đấy một chút gió, chút sương! Làn da trắng mịn như chồi măng non đã mơ hồ có một làn mây nhạt phớt qua. Cặp nhũ đầy đặn, căng tròn như búp sen đã bắt đầu tiêu hao nhựa sống! Cái eo thon thả rồi nở ra cái lưng ong, cái hông ong đã có dấu hiệu chững lại! Và rồi, kìa, có sự thay đổi rất nhanh nữa, đã trở thành thiếu phụ, lão phụ trong

một thoáng mắt! Bà Khemā bàng hoàng! Ôi! Còn đâu sắc đẹp thanh tân, trinh bạch, diễm kiều? Còn đâu vóc dáng thơ nồn căng tròn nhựa sống? Hai cô tiên nữ kia, bây giờ chỉ còn là hai cái xác nhẽo, nước da sạm đen mốc thối và sần sùi như làn da cóc. Răng rụng, móm mém, phều phào nước nhớt, nước dãi rỉ ra từ hai bên mép; tóc bạc lốm đốm bụi bần, tay chân run rẩy, cái lưng cong gập xuống như cái giàn xay! Còn nữa, cả hai chột ôm bụng, nhăn nhó, đau khổ, quần quại; khuôn mặt méo mó, mắt như lồi ra, rên rỉ thảm não. Rồi cả hai bỗng co quắp, đổ ụp xuống, trợn mắt, ngoẹo đầu, tắt thở trong cảnh kinh hoàng, kinh khiếp. Nhìn cảnh tượng ấy, bà Khemā tràn đầy kinh cảm, rợn cả tóc gáy, tự nói với chính mình: “*Ôi! Có gì nữa mà tự hào, hãnh diện? Người đã thấy chưa, đã sáng mắt ra chưa hỡi con Khemā si mê, ngu ngốc! Tuổi trẻ, sắc đẹp, vóc dáng thanh xuân rồi sẽ một thoáng qua mau! Bệnh hoạn, già yếu, thống khổ, tử vong một lúc nào đó như con lũ lớn, nó sẽ cuốn trôi tất cả, phá sản tất cả, diệt mất tất cả. Hãy thức tỉnh đi thôi!*”

Đức Phật đã biến hóa ra hai cô tiên nữ, chỉ có ngài, các bậc có thắng trí và bà Khemā trông thấy, cốt để giáo hóa người đàn bà quý phái. Đúng lúc, bà như vừa tỉnh lại sau cơn mộng dài, đức Phật rót vào tai bà một bài kệ ngôn:

*Này con! Này Khemā!
 Hãy thấy thực cái thân
 Cái thân là như vậy đấy!
 Rồi nó sẽ già yếu*

Rồi nó sẽ nhăn nheo
Rồi nó sẽ xấu xí
Nhờm góm bởi tạp uế
Dầu có nâng niu, tô vẽ
Dầu có ướp hoa, xông hương
Nó cũng sẽ tàn úa và tử vong
Chỉ có kẻ thiếu trí, mê si
Mới đam luyến, áp iu cái thân
Hãy tỉnh lại, này con!
Hãy bước vào giáo pháp
Hãy bắt đầu tu tập
Hãy nhàm chán các sắc
Hãy trú thân hành niệm
Hãy quán thân bất tịnh
Từ bỏ mọi say đắm
Cả bên trong, bên ngoài
Hãy thấy dòng bộc ái
Cuốn trôi bao chúng sanh
Con nhận tự dệt lưới
Tự mình sa vào tròng
Hãy cắt đứt buộc ràng
Hãy thoát ly ái niệm
Với đời sống xuất gia
Tầm cầu chân hạnh phúc!

Bài kệ vừa kết thúc, bà Khemā đi vào giảng đường bằng đầu gối rồi quỳ sụp xuống, gục khóc lặng lẽ, không thốt nên lời. Do căn cơ sâu dày, bà đã chứng quả Nhập Lưu. Sau đó, để cho cảm xúc lắng xuống, bà Khemā tri ân thời pháp bất tử, tri ân phương tiện thiện xảo; với tâm đại bi, đức Phật đã cho bà uống một liều thần dược để tỉnh giấc mộng đam mê, luyện ái cái thân bất tịnh. Cuối cùng, bà xin được sám hối với đức Phật, với Giáo pháp, với chư Tăng thánh hạnh.

- Thôi được rồi, đủ rồi, Khemā! Như Lai xác chứng cho bà, từ nay đã rửa sạch cát bụi trong mắt.

Trở về hoàng cung với một con người hoàn toàn tươi mới, bà quý phi xinh đẹp tìm gặp đức vua Bimbisāra, hoan hỷ thốt lên rằng:

- Thật là tuyệt vời, hiền huynh ơi!

Nhìn vào đôi mắt rạng rỡ như có hào quang của người quý phi yêu dấu, đức vua nói:

- Quả là kỳ lạ quá sức! Kỳ lạ quá sức! Hôm nay nàng lại gọi ta là hiền huynh?

- Đúng vậy!

- Thế là đã có một cuộc chuyển hóa vĩ đại sau khi hiền muội ghé thăm Trúc Lâm đại tịnh xá, nó đẹp như công viên Hy Lâm của cõi trời Đao Lợi chẳng?

- Hơn cả thế nữa, này hiền huynh yêu quý!

Thế rồi, huynh muội họ tâm sự với nhau. Và sau đó bà xin phép đức vua để đi xuất gia.

Đức vua hiền thiện chấp tay lên đỉnh đầu, tán thán:

- Hiền muội ngõ là đi sau ta mà hóa ra đã đi trước ta một bước trong giáo pháp thanh tịnh rồi! Ôi! Quý hóa thay! Đẹp thay! Lành thay!

Mấy ngày hôm sau, bà quý phi xinh đẹp đến xin xuất gia tại Ni viện trên một cái võng bằng lưới vàng với một trăm thị nữ theo hầu, có đức vua, chánh hậu Videhi, các quan đại thần, các vị công nương cùng đến tham dự cuộc lễ.

Đức Phật đích thân chứng minh, các vị trưởng lão làm lễ thụ giới cho nàng trước sự chứng kiến của Tăng Ni hai viện, triều đình cũng như hai hàng cư sĩ.

Niềm vui thanh cao, thánh thiện làm cho khuôn mặt của đức vua như tỏa hào quang, ông rộng tay mở kho tàng, đặt bát cúng dường suốt bảy ngày, gồm đủ mọi lễ phẩm phụ tùy đến đức Phật và Tăng Ni để kỷ niệm ngày mừng vui trọng đại của hoàng gia. Đức vua hiền thiện này còn làm một nghĩa cử cao đẹp là lập luôn bốn trại chẩn bần bên ngoài bốn cổng thành để bố thí cho những người nghèo khổ, cơ nhỡ, già cả, neo đơn. Ngoài ra, mọi châu báu, tư trang, tư dụng của mình, bà quý phi đều ủy thác cho đức vua và hoàng hậu để kiến thiết, chỉnh trang các tịnh xá trong kinh thành, nhất là sửa sang Ni viện.

Sự kiện hy hữu này, Tăng Ni cứ bàn tán mãi, chẳng rõ do nhân duyên kỳ lạ nào mà bà quý phi chỉ nghe một thời pháp, đã có thể từ bỏ tức khắc mọi vinh hoa phú quý thế tục để sống đời một nữ khất sĩ bần hàn!

Biết được mỗi nghi hoặc trong lòng của mọi người, tôn giả Sāriputta thỉnh đức Phật vén mở bức màn mù sương các kiếp tử sinh của bà quý phi để tăng trưởng đức tin cho hàng tỳ-khuru hậu học. Thuận theo mọi người, đức Phật đã kể chuyện tương đối đầy đủ, như sau:

- Cũng là duyên xưa, lỗi cũ thôi, này các thầy tỳ-khuru! Bà Khemā này có duyên căn rất thâm hậu. Kể từ thời đức Phật Padumuttara, cô sinh ra làm một nô tỳ cho một gia chủ trong thành phố Hamsavatī. Đời sống cô rất nghèo hèn và cơ cực. Tuy nhiên, dung sắc cô rất đẹp, diễm kiều, khả ái; nhất là mái tóc đen dài, óng ánh, mượt mà thả xuống gót chân... Duyên may, hôm nọ, thấy trưởng lão Sujatā, vốn là đại đệ tử của đức Phật Padumuttara với nghi dung sáng rõ, với lục căn thanh tịnh đang thông dong, tự tại trì bình khát thực nơi xóm nhà ven lộ. Phát khởi tâm tịnh tín, nhưng không có tiền, chỉ có vài xu lẻ, đủ để mua một chiếc bánh ngọt, cô thành kính đặt bát cúng dường! Với trí tuệ, với thắng trí, trưởng lão thoáng nhìn đã thấy, biết nhân, duyên và quả ở cô thí chủ này, nên ngài dịu dàng cất tiếng nói:

- Vật thí tuy nhỏ nhoi, nhưng tâm cô thành kính, tịnh tín nên nó đẹp lắm, quý lắm! Cô có ước nguyện gì không?

- Thân phận con bé mọn, thấp thỏi, đâu dám ước nguyện gì cao xa; chỉ mong rằng, một kiếp nào đó, trong tương lai, có cơ duyên được đời sống xuất gia nhẹ nhàng, thanh thoát như tôn giả vậy.

- Cô sẽ có cơ duyên mỹ toàn, thù thắng và rồi sẽ được như nguyện.

Được sự động viên, khích lệ như thế nên khi nào hễ có dịp là cô lại đặt bát cúng dường, dù chút ít nhưng không mệt mỏi, bao giờ cũng hoan hỷ và mát mẻ. Trong một cuộc cúng dường lớn lên đức Phật và chư Tăng, không biết bao nhiêu là vua chúa, quan lại, triệu phú, doanh gia với tiền rừng, bạc bể, lương thực, thực phẩm như núi, thượng vị loại cứng, loại mềm, thấy vậy cô rất hổ thẹn vì thấy mình không có gì. Chợt nghĩ đến tài sản quý báu là mái tóc đẹp, hiếm có; cô gái, không ngần ngại, cắt ngay mái tóc đem bán. Người chủ tiệm cửa hàng trang điểm, là một con người không có lương tâm; biết mái tóc này là cực quý; nhưng nhìn thấy cô gái nghèo hèn, thuộc giới cấp thấp cổ, bé miệng, nên chỉ trả cho cô hai đồng tiền vàng mà thôi! Lại còn miệng lưỡi dãi bôi, nói là cám cảnh hoàn cảnh của cô nên đã mua với giá rất cao! Cô gái không buồn về chuyện ấy, bèn hồi hả sắm sanh lễ phẩm để chung hội thí với mọi người!

Đức Phật với thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm thuần tịnh siêu nhân, ngài biết tất cả sự việc xảy ra. Sớm hôm ấy, đức Phật ôm bát, không dừng lại nơi chỗ phú quý của vua chúa, không dừng lại nơi chỗ cao sang của các quan đại thần; và bỏ qua thượng phẩm của tất cả triệu phú, doanh gia, các đại gia chủ để đi đến nơi mâm vật thực nghèo nàn của cô gái. Mừng đến nỗi nước mắt cứ giọt ngấn, giọt dài, cô gái trân trọng đặt bát cho đức Thế Tôn trước hàng

ngàn đôi mắt ngưỡng mộ lẫn ghen tỵ của mọi người. Để cho phước báu của cô gái càng thêm viên mãn, đức Phật bảo thị giả xếp gấp tám tầng-già-lê làm bốn trái lên nền đất rồi ngài ngồi xuống, an tĩnh, thanh tịnh độ thực ngay tại chỗ.

Cô gái quỳ xuống, chấp tay hầu một bên.

Đặt bát cho chư Tăng đại chúng xong, mọi người vây quanh lại xin cô gái chia phước. Cô vui mừng lắm, nhưng không biết chia phước ra làm sao.

Đức Phật mỉm cười, ân cần dạy rằng:

- Con thành kính chấp tay lên, đặt ngay nơi chỗ trái tim của mình, và phải làm thế nào để cho ngôn ngữ, tâm hồn và ý nghĩ kết hợp làm một, rồi nói như thế này: *“Tôi rất hoan hỷ, đại hoan hỷ chia phước đến cho tất cả mọi người”*. Con biết tại sao không? Phước như ngọn đèn. Con đang có một ngọn đèn sau khi cúng dường đến Như Lai. Ngọn đèn ấy, nếu con cho một trăm người thấp, ngàn người thấp thì ánh sáng đèn cứ thế mà lan tỏa ra mãi; nhưng ngọn đèn trong tay con vẫn không hao hụt, không suy yếu một chút nào. Nó vẫn nguyên vẹn!

Thế rồi, sau khi cô gái chia phước, mọi người đồng rân hô lớn, lành thay, làm cho cả đại địa và các tầng trời cũng phải rung rinh.

Vị đại vương chí tôn kinh thành Hamsavatī nghe chuyện cô gái, rung rung cảm động, xiết bao thương quý, nên chiều ấy, cùng hai thị vệ, hỏi đường, tìm đến thăm tận nhà. Ngạc nhiên thấy cô gái đẹp quá, lại ở trong cái

chòi rách nát với một cậu em trai. Đức vua trẻ thấy trái tim rung động, không muốn giấu giếm thân phận mình, nói thật với cô gái và muốn rước cô gái về hoàng cung. Cô gái thấy chàng trai cao sang, tuấn tú cũng nghe lòng mình bồi hồi, xao xuyến. Có gì lạ đâu, họ đã từng là vợ chồng trong nhiều kiếp quá khứ rồi!

Lạ thay, khi cô gái vừa cúi đầu xuống, hổ thẹn, ngậm ý chấp thuận thì mái tóc của cô ta dài ra như cũ. Đức vua trở mắt nhìn. Chỉ có đức Phật và các bậc có thắng trí mới biết phép lạ ấy có được là bởi Đế Thích thiên chủ. Hôm ấy, khi cô gái cắt bán mái tóc thanh xuân, mua vật thực cúng dường đức Phật và được đức Phật thọ nhận rồi độ thực ngay tại chỗ thì tại Đạo Lợi thiên cung, tảng đá vàng làm ngai ngồi của ông chợt nóng ran lên. Đây là dấu hiệu, lúc nào tại nhân gian có ai đó làm phước, mà phước báu ấy rất cao thượng, lúc trả quả, có thể thắng trội, vượt trội có khả năng chiếm lĩnh ngay cả ngai vàng của ông ta. Dùng thiên nhãn ngắm nhìn, Đế Thích thấy biết ngay nên ông đã ra tay ban chút phép màu cho cô gái được lấy lại mái tóc đẹp của mình trước khi se duyên về cung với đức vua! Sau đó, cô gái được vua phong làm quý phi, sống một cuộc đời yên ấm, vương giả.

Một lần nọ, khi thấy đức Phật tuyên dương một tỳ-khuru-ni sáng chói đệ nhất về trí tuệ, bà đã ước nguyện sau này sẽ sở đắc như vậy. Và đức Phật Padumuttara đã thọ ký cho bà được như nguyện.

Hết kiếp sống ấy, do nhờ tâm tịnh tín và phước báu

thù thắng ấy, cô ta luân chuyển trong các cõi trời và người với hạnh phúc sang cả và thù thắng, luôn là hoàng hậu, chánh hậu, vương phi các vị vua trời và các đức Chuyển luân Thánh vương.

Đến thời Phật Vipassī, bà được xuất gia trong giáo pháp này, được nổi tiếng là một tỳ-khuru-ni có trí phân tích với ngữ ngôn tinh tế, trong sáng kiêm cả tài hùng biện.

Đến thời Phật Kakusandha, cô thác sanh trong một gia đình cự phú, biết bố thí, trì giới, có đức tin thiêng liêng với Tam Bảo, đã xây dựng một trú xứ vĩ đại, khang trang, đẹp đẽ để cúng dường đến đức Phật và mấy chục ngàn Tăng chúng có chỗ tĩnh cư.

Đến thời Phật Koṇāgamana, tâm tịnh tín và sự bố thí cúng dường của cô vẫn đi theo ước nguyện cũ, vẫn là những đại tịnh xá, đại lâm viên cho đức Phật và giáo hội.

Đến thời Phật Kassapa, bà tên là Samanī, là trưởng công chúa con đức vua Kikī nước Kāsi, kinh thành Bārāṇasī, đã khẩn khoản xin xuất gia nhưng không thuận duyên, do hai thân không cho phép. Thế là bảy chị em, gồm Samanī, Samaṇagutta, Bhikkhunī, Bhikkhudāyika, Dhammā, Sudhammā và Saṅghadāyika sống trong những cung điện nguy nga tráng lệ. Tuy nhiên, do căn tu nhiều đời, họ thường hay đi nghe pháp, sống rất có giới hạnh và bố thí cúng dường không mệt mỏi.

Này các thầy tỳ-khuru, đừng tưởng vị trưởng công chúa Samanī ấy là ai, chính là bà Khemā hiện nay đây.

Kiếp hiện tại, bà sanh ra trong gia đình hoàng tộc, thành phố Sāgala, nước Madda, sau thành quý phi của đức vua Bimbisāra vậy.

Thế là sau nửa tháng xuất gia, do nhân duyên nhiều đời bà đắc quả A-la-hán, đồng thời, sở đắc những thắng trí, ngôn ngữ, biện tài, được đức Phật khen ngợi, tuyên dương là bậc “*trí tuệ đệ nhất*” trong hàng Ni chúng. Như vậy là tự bà đã lấy lại phẩm vị từ ước nguyện xưa của mình khi quỳ dưới chân đức Phật Padumuttara, đã được ngài hứa khả.

- Như Lai xác nhận như vậy - và như để tuyên dương công hạnh của tỳ-khưu-ni Khemā, đức Phật hỏi tiếp - Mấy năm nay, con gái tu tập ra sao?

- Bạch Thế Tôn! Có lẽ do duyên phúc cổ xưa dày dặn nên sau khi xuất gia xong, đệ tử tìm cách thích ứng ngay với hoàn cảnh mới, đời sống mới. Hãy thôi đi thương vị loại cứng loại mềm. Hãy thôi đi xiêm lụa mịn màng, thơm tho với chất liệu và đo may tuyệt hảo. Hãy thôi đi giường nệm, gối kê, gối đỡ êm ái, cao sang. Hãy thôi đi tới lui xe ngựa kẻ hầu người đón, kẻ quạt, người nâng! Hãy thôi đi vào ra kiêu cách, quý phái tự khoe, tự hào về sắc đẹp của mình! Từ rày, ăn, mặc, ngủ - gì cũng được, gì cũng xong! Tuy ban đầu thật là khó khăn, vất vả; nhưng cứ cố gắng, cố gắng, cứ tâm niệm mãi, riết rồi cũng quen, cũng vô vi, vô sự như ai! Khi đã thích ứng được rồi thì có được niềm vui tinh thần vô cùng lớn lao! Niềm vui này nó rất nhẹ nhàng, rất thanh khiết, nó lâng lâng hỷ lạc cả ngày! Hôm

kia, vào khoảng tháng thứ bảy sau khi xuất gia, đệ tử nhìn ngọn đèn dầu lạc với tim và bắc, nó cháy sáng như thế nào rồi dần dần lụn tắt như thế nào. Dựa trên nền tảng có điều kiện, sinh diệt ấy; đệ tử quán tưởng cái thân được kết hợp hữu vi này. Từ đó, đệ tử đi sâu vào cảm thọ, tâm hành... thì thấy chúng cũng rỗng không, sinh diệt, vô tự tính. Khi thấy rõ danh sắc sinh diệt quá nhanh đệ tử bắt đầu nhằm chán các dục, các ái, chứng nghiệm sâu xa các trạng thái vắng lặng, tịch tịnh, thanh bình của tâm trí. Ôi! Quả thật là hạnh phúc! Rồi cũng từ đây, đệ tử dễ dàng đi sâu vào định, vào tuệ, vào tuệ phân tích cùng các thắng trí! Thế là việc lớn, đệ tử đã làm xong, gánh nặng tử sinh đệ tử đã đặt xuống, bạch đức Thế Tôn!

Chợt đức Phật nói với tôn giả Sāriputta:

- Con gái của Như Lai đã nói lên sự tu tập của mình, định, tuệ, tuệ phân tích và các thắng trí, vậy ông có cách gì để cho đại chúng được thấy, được biết là con gái của Như Lai đã thuần thực trong các định, tuệ, đặc Tứ vô ngại giải và tự mình thành thực, thông suốt cả Abhidhamma (A-tỳ-đàm)?

- Thừa vâng, bạch đức Thế Tôn!

Thế rồi, bậc Tướng quân chánh pháp bước ra, mỉm cười, nhẹ nhàng đặt ba câu hỏi về sắc, ba câu hỏi về danh, ba câu hỏi về uẩn, ba câu hỏi về xứ, ba câu hỏi về giới, ba câu hỏi về tâm, ba câu hỏi về tâm sở, ba câu hỏi về sắc pháp, ba câu hỏi về Niết-bàn. Câu hỏi nào cũng ngắn gọn nhưng trọng lượng cả ngàn cân. Câu hỏi nào cũng hàm

tàng kiến thức về giáo pháp nhưng nghiêng trọng ở kinh nghiệm, thực nghiệm tu chứng nội tâm. Cả pháp đường yên lặng phăng phắc. Một con ruồi bay cũng nghe được tiếng vo ve. Rồi tuần tự, trầm tĩnh và chín chắn, tỳ-khuru-ni Khemā lần lượt trả lời, giải minh; không bập bẹ, không phều phào, không áp úng, không gián đoạn mà nó lưu loát, gãy gọn, sáng sủa, liền lạc. Nó trôi chảy như lượng nước của trăm con sông dài. Cũng không chỉ có vậy, nó như nước chảy ra tự nguồn, cái nguồn suối trong vắt được tích lũy đầu tự ngàn xưa. Như sợi dây đàn căng đúng độ, chỉ cần một va động nhẹ là phát ra âm thanh... Tỳ-khuru-ni Khemā đã trả lời xong tất thảy mọi câu hỏi.

Tôn giả Sāriputta sau khi khảo nghiệm, đưa ra kết quả:

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử không hỏi về thắng trí vì biết vị tỳ-khuru-ni ưu hạng này đã có đủ năm thông. Còn về Tứ vô ngại giải và thông suốt Abhidhamma, đệ tử dám tuyên bố là trong hàng ni chúng chưa có người thứ hai!

Đức Phật tán thán:

- Đúng là vậy! Quả là hy hữu thay! Đây con gái! Lời nguyện xưa, khi quỳ bên chân đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara, cô đã thành tựu rồi đấy. Trước hội chúng Tăng Ni và cư sĩ hai hàng, hôm nay, Như Lai tuyên bố, tỳ-khuru-ni Khemā là bậc đệ nhất, tối thắng về trí tuệ trong hàng ni chúng (mahāpaññānaṃ aggā!)¹

¹ Anguttara nikaya. i.25; Dīpavaṃsa. Xviii. 9; cũng xem chú giải Dhammapada. Iv.168f.; Buddhavaṃsa. Xxvi.19; Jātaka. i.15,16.

Không có vinh hạnh nào hơn, vinh quang nào hơn khi lời tuyên bố ấy được nói ra từ đức Chánh Đẳng Giác!

Đại chúng hoảng kinh, vì khi đức Phật gọi con trai hay con gái là ngài đã xác chứng vị ấy đã đắc quả A-la-hán rồi. Nên khi tỳ-khưu-ni Khemā bước ra, ai cũng chăm chú nhìn. Trước đây, bà nổi tiếng về sắc đẹp; bây giờ, dầu mặc y hoại sắc, phá tướng nhưng nét kiêu diễm, duyên dáng xưa vẫn không phai mờ. Trong mắt một số người, thì bây giờ, cái đẹp ấy được phủ bên ngoài một lớp đức hạnh và trí tuệ nữa, nên đã vượt xa phạm sắc thể tình, thiêng liêng và mỹ toàn hơn!

Riêng đức vua Bimbisāra thì cảm giác một hạnh phúc tràn đầy, chất ngất! Đức vua chợt thực hiện một hành động rất đẹp, là sau lời tuyên bố của đức Phật, ông đã bước ra từ chỗ ngồi danh dự, đến đánh lễ đức Phật với năm vóc sát đất. Rồi ông cũng làm như thế trước tỳ-khưu-ni Khemā với thái độ vô cùng tôn kính, chậm rãi nói rằng:

- Trước đây, nàng là bà hoàng, là bậc ái phi vô cùng trân quý của trẫm, nhưng nay thì khác rồi! Nay thì nàng đã là bậc xuất gia phạm hạnh, còn là bậc đệ nhất về trí tuệ qua xác chứng của đức Tôn sư và bậc Tướng quân chánh pháp! Vậy, từ rày về sau, trẫm với tâm phục, khẩu phục xin làm bôn phận của một đệ tử, một thiện nam ngoan ngoãn và thuần thành nhất!

Cả giảng đường lớn rộng rộ lên lời tán thán, ca ngợi không ngớt, lâu sau mới yên lặng được.

Đức Phật nói lời cuối cùng, khép lại buổi giảng:

- Vậy là đã rõ, ở đây cũng là duyên xưa lỗi cũ nữa! Nhân, duyên và quả ấy thật là sâu thẳm, thật là nhiệm mầu. Hãy ngắm mà xem! Thế ra, đôi khi chỉ một cành hoa, một tí bột hương, một miếng cơm, một muống canh, một cái bánh ngọt, một cây kim, một sợi chỉ, một ngọn đèn, một hình bóng y vàng thoáng qua, một khung cảnh thanh tịnh của am môn, một lời kinh, một câu pháp, một tình, một nghĩa... đã gieo ươm ở đâu đó, trong chợt thoáng nào đó, trong một kiếp phù du trôi nổi bọt bèo nào đó, nhưng mà chúng có mất đi đâu! Tất thấy, tất thấy hằng sa vạn tượng, khi một nhân đã gieo, một duyên hỗ trợ, đã gặp gỡ, đã gắn kết thì nó sẽ trùng trùng duyên khởi, duyên sở duyên để trước sau, sớm muộn gì cũng tạo ngộ chánh pháp, đặt được bàn chân bất tử trong giáo pháp của chư Chánh Đẳng Giác! Các người hãy ghi tâm, khắc cốt lời của Như Lai hôm nay.

Cả pháp đường vang lên “*Sādhu, lành thay!*”

Tỳ-khuru-ni Khemā càng ngày càng nổi tiếng không những do tuệ giải thoát vô lậu, khả năng thần thông, thuyết pháp mà còn trí thông minh lỗi lạc, hoàn tất nhiều nhiệm vụ của bậc xuất gia.

Một lần khi tỳ-khuru-ni Khemā ở Toraṇavatthu, nằm giữa thành Sāvatti và Sāketa, đức vua Pāsenadi đã trú tại đó một đêm, khi nghe tin cô có mặt ở đây nên ông đã ghé thăm và chất vấn cô ta với câu hỏi đại ý rằng: Đức Phật có tồn tại sau khi nhập diệt hay chẳng, không tồn tại sau khi nhập diệt chẳng, vừa có vừa không tồn tại sau khi

nhập diệt chẳng, không có không không sau khi nhập diệt chẳng? Cô ta đã trả lời với đức vua rằng:

- Đại vương có biết đây là câu hỏi thuộc về hí luận chẳng? Có biết đây là câu hỏi mà bậc trí sẽ im lặng chẳng? Có biết đây là câu hỏi loanh quanh luẩn quẩn trong bốn phạm trù triết học nó thuộc về trí năng phù phiếm chẳng?

Khi thấy đức vua có vẻ lúng túng thì cô lại mỉm cười, nói tiếp:

- Đức Phật Niết-bàn vô dư, là thực tại tối hậu, nó ở ngoài tương đối, vượt tương đối, ở ngoài mọi ngôn ngữ khái niệm, ở ngoài mọi lập tri của kiến thức mà bốn phạm trù ‘có, không, vừa có vừa không, không có không không’ kia chẳng với tới được? Tại chỗ này, ai thâm chứng thì khắc biết như thế nào, tương tự uống nước, nóng hay lạnh chỉ tự người ấy biết, tâu đại vương!”

Đức vua rất khâm phục. Sau đó, có dịp gặp đức Phật thì ngài cũng nói, là nếu hỏi Như Lai vấn đề ấy thì Như Lai cũng trả lời như vậy không khác hơn.

Có lần, khi đang ngồi thiền dưới gốc cây thì một ma vương hiện ra với hình ảnh một thanh niên trẻ đẹp, tuấn tú quyến rũ bà với bài kệ như sau:

Nàng vừa trẻ đẹp vừa duyên dáng, đang còn trong tuổi thanh xuân diễm lệ, mà ta đây cũng vậy. Sao chúng ta không trở một khúc nhạc huyền cầm rồi cùng nhau hưởng thụ thú vui sắc dục khả ý, khả lạc?

Rồi tỳ-khưu-ni Khemā đã đáp trả lại mấy đoạn kệ sau đây:

Ngươi nói gì vậy, hồi ma vương? Cái gọi là trẻ đẹp, thanh xuân, duyên dáng và diễm lệ kia? Chính ta đã tự hủ thẹn, đã tự khổ sở và mắc cỡ vì cái thân xác ngu si, vô tri, bệnh hoạn, bất tịnh và thối rữa này! Hiện tại thì ta đã nhỏ tiệt, búng tận cái gốc ái luyến tự ngã ấy rồi!

Ngươi không biết đâu, mà có lẽ muôn triệu năm bóng tối ngươi cũng không tự biết, là tham dục được ví như guom giáo và cây cọc của đoạn đầu dài, ngươi đã đặt cái đầu, cái cần cổ của ngươi ở đấy chưa? Ai đi vào mê lộ của nó sẽ đau khổ, thống khổ, chua cay, thất bại và hoàn toàn bất lực, tuyệt vọng. Còn riêng ta, ta đã làm tiêu ma các dục, các uẩn, đã đoạn trừ tất thảy các trò chơi thống lụy và điên đảo kia rồi! Đừng giở trò ngu ngốc mà quyến dụ ta nữa.

Hãy đi vào núi mà tìm gặp các đạo sĩ thờ thần mặt trời, thần mặt trăng, đánh lễ thần mặt trời, thần mặt trăng! Hãy đi vào núi tìm gặp các đạo sĩ thờ thần lửa, đánh lễ thần lửa và hỏi cách chăm sóc ngọn lửa! Bọn đạo sĩ si mê ấy được thế gian cho là thanh tịnh, hiện ở trong quyền lực của ngươi đấy! Còn ta thì đừng có hòng! Ta đã vô hành, vô tạo tác và đã chấm dứt tất cả khát vọng, lậu hoặc, đã ở ngoài quyền lực của ngũ ma, trong đó có cả ngươi! Hãy tan vào bóng tối đi!

Do tuệ chứng, tâm chứng cùng nhiều khả năng trí tài, sau này, đức Phật giao nhiệm vụ cho tỳ-khuru-ni Khemā với vai trò như là một nữ đại đệ tử có trí tuệ đệ nhất, thường thuyết pháp hóa độ cho rất nhiều nữ giới tín phục, quy y hoặc sống đời xuất gia phạm hạnh.

Tỳ-khuru-ni Khemā trong nhiều kiếp trước được nhận

biết là một người mẹ trong túc sanh truyện Uraga¹, làm hoàng hậu trong hai tích chuyện Rohantamiga² và Hamsa³; là hoàng hậu Khemā trong Mahāhamsa⁴, và làm công chúa trong chuyện Mahājanaka⁵...

Cô được nói đến rất nhiều trong kinh điển⁶ như lý tưởng cao đẹp nhất của nữ giới đáng để noi theo và được mô tả như là một tỳ-khưu-ni xuất sắc.

¹ Jātaka. Iii.168.

² Jātaka. iv.423.

³ Cùng sách này., 430.

⁴ Jātaka. V. 382.

⁵ Jātaka. Vi. 68.

⁶ Như trong Anguttāra nikāya.i.88; 164; iv.347; Samyuttara nikāya.ii.236.

Tỳ-khuru-ni Uppalavanna
(Cô gái hoa
sen)



con gái
đức Phật

Kể từ thời chư Phật quá khứ như đức Chánh Đẳng Giác Padumuttra, Vipassī... cô gái này đã có duyên lành từng được nghe pháp và cúng dường lớn, đặc biệt là hay cúng dường hoa sen; và cũng đã từng phát nguyện dưới chân chư Phật là sau này sẽ đắc quả A-la-hán, trở thành vị Thánh có khả năng thuyết pháp và nhất là thần thông.

Vào thời không có đức Phật ra đời, cô gái sinh ra trong một gia đình lao động nghèo khổ. Một hôm, vào lúc sáng sớm, trên đường ra đồng làm ruộng, cô gái thấy dưới đầm nước có mấy đóa hoa sen vừa nở rất đẹp. Thích thú quá, nàng lội xuống, hái mấy bông và ngắt thêm mấy lá sen nữa. Đến căn chòi tranh tre giữa đồng, để chuẩn bị buổi ăn trưa giản dị cho mình, cô gái ngồi rang cốm, chừng năm trăm hạt nổ rồi lấy những lá sen gói lại.

Lúc ấy, ở núi Gandhamādana, tại Hymalaya hùng vĩ, có một vị Độc Giác Phật (Pacceka-buddha) vừa xuất thiên duyệt sau bảy ngày an trú định diệt thọ, tướng; quét vông lưới thiên nhãn quán căn cơ, thấy cô gái nông dân kia có duyên lành nên ngài quăng bát qua hư không rồi có mặt tức thì tại căn chòi lá của nàng.

Tại thời khắc ấy, cô gái vừa định bước xuống ruộng, chợt trông thấy vị đạo sĩ, do căn lành quá khứ, nàng liền khởi phát đức tin trong sạch, vào chòi, lấy gói cốm rang ra đặt bát rồi dùng luôn mấy đoá hoa sen phủ lên trên cho đẹp. Với tất cả tấm lòng thành, nàng chắp tay, phát nguyện:

“Do phước báu cúng dường cốm rang và hoa sen ngày hôm nay, xin cho con có được rất đông con trai bằng số lượng hạt rang ấy; và mỗi bước chân con đi đều xuất hiện mỗi bông sen tươi thắm!”

Vị Độc Giác nói lời tùy hỷ rồi vận thần thông bay về núi, đặt ngay ngấn mấy bông sen trên tảng đá rồi đi khuất vào hang động Nandamūlaka ngồi thọ thực. Tất cả mọi diễn tiến hành động của ngài đều hiện ra rõ ràng trong tầm mắt của cô gái, làm cho nàng vô cùng hân hoan và thỏa thích.

Sau khi thác sanh, phước báu ấy đưa cô hưởng ngũ dục thiên lạc các cõi trời, hết cõi trời, cô lại sanh làm người, nhưng lại nằm thai hóa trong một búp sen tại một đầm nước dưới chân núi. Có một vị ẩn sĩ ngụ cư gần đấy. Sáng kia, ra đầm rửa mặt, vị ẩn sĩ thấy tất cả sen đều nở, nhưng có một búp sen to lớn lạ thường, lại đang như còn ngâm sương; ngài nghĩ:

“Hắn có một lý do kỳ lạ hoặc có một nhân duyên đặc biệt, hy hữu nào đây!?”

Tò mò, vị ẩn sĩ lội xuống đầm, đặt tay lên búp sen thì kỳ lạ chưa, những cánh sen lại từ từ nở ra; và bên

trong hiện ra một cô bé gái nhỏ nhắn, xinh đẹp đang nằm khoanh tròn như hài nhi trong bụng mẹ. Vị ẩn sĩ chột xúc động, tình phụ tử khởi sanh, ngài ôm cả bông sen và cô bé gái về căn chòi của mình, đặt lên sàng cỏ. Nhìn bé gái như được kết tụ tất cả mọi tinh túy của hương sắc hoa sen, vị ẩn sĩ chột trầm ngâm, lo lắng vì biết lấy gì mà nuôi nó? Chột dung, đầu ngón tay trở của ông rịn ướt và một dòng nước trắng trắng chảy ra. Ném thử, ngài biết đây là sữa. Thấy nhân duyên gì mà nhiệm mầu quá, ông biết rằng, phước báu của cô bé gái này không phải tầm thường, vượt ra ngoài tầm hiểu biết của phàm phu. Từ đây, vị ẩn sĩ hết lòng chăm sóc, nuôi dưỡng hài nhi. Cứ ngày ba bữa, ông chỉ cần đưa ngón tay vào miệng bé thì sữa tự động chảy ra. Sau đó, khi bé no bụng thì sữa cũng tự động tắt! Cô bé lớn nhanh như thổi, bắt đầu biết đi, biết chạy; vị ẩn sĩ phát giác thêm một điều kỳ lạ, là mỗi bước đi của cô bé lại có một bông sen đỡ chân. Hình ảnh ấy như ảo ảnh, vì khi ông tới xem thì không thấy bông sen kia nữa! Điều kỳ lạ thứ hai là ông không cần xăm xiêm y cho bé vì xiêm y của nó cũng tự có, một loại lụa rất đẹp, và sắc màu cũng tương tự lá sen, cánh sen, nhụy sen! Da mặt, da tay chân của cô bé có một màu hồng mơn, trắng nõn hoặc trắng phớt hồng; bước đi tới đâu thì hương sen tỏa ngát đến đấy! Vị ẩn sĩ thâm hiểu rằng, đây là một vị tiên nữ từ cõi trời nào đó mà hóa sanh nên tứ đại kết dệt nên cô bé đều là loại vật chất tinh khiết, không hề thấy chất thô tháo và dơ ւế như thân xác con người. Có thể cô bé là một tiên nữ bị đọa xuống trần gian? Có thể cô bé sẽ có một nhân duyên, sứ mạng nào đó tại cõi người này chăng?

Hỏi thì hỏi vậy thôi, nào ai có thể thấy rõ nhân, duyên và quả của nó trong bóng tối sinh tử trùng trùng!

Hằng ngày, vị ẩn sĩ phải vào rừng hái trái, đào củ để nuôi mạng. Cô bé học lời ăn tiếng nói do vị ẩn sĩ dạy. Và họ sống như tình cảm cha con đầm ấm và hạnh phúc nhất trên trần đời. Khi cô bé thành thiếu nữ thì vị ẩn sĩ đâm ra lo ngại mơ hồ. Cái trần gian bất tịnh và xấu xa này, không nơi nào có chỗ cho cô con gái trong trắng và thuần khiết của ông ở được. Và ông cũng không thể chăm sóc, gìn giữ đóa sen tinh khiết kia cho đến mãi đời!

Và thế là chuyện xảy ra sẽ phải xảy ra.

Có một gã tiều phu làm củi gần đấy. Trưa hôm kia, khi vị ẩn sĩ mang trái và củ từ rừng về, gã tiều phu thấy một cô gái đẹp tựa bông sen, trong chòi bước ra, đưa búp tay trắng hồng đỡ cây gậy và bình nước rồi diu ông ta vào trong.

Gã tiều phu cau mày, tự nghĩ:

“Quái, bao nhiêu năm rồi, vị ẩn sĩ này có giới hạnh rất thanh tịnh, không một hạt bụi nào có thể bám vào đời sống trong sạch thiêng liêng của ông ta được, nhưng bây giờ sao lại có một cô gái rất xinh đẹp ở chung, không sợ dơ uest phạm hạnh hay sao?”

Tò mò, mà cũng muốn điều tra cho rõ sự thật, gã tiều phu bỏ công nhiều ngày rình rập mới biết họ là liên hệ cha con.

Gã tiều phu vẫn cứ còn thắc mắc:

“Không thể nào, cô gái này không thể là người được. Đã là người thì sắc đẹp cũng chùng mực thôi! Cô ta rõ là một búp sen hồng tươi thắm, mà, hương sắc còn là chúa của loài sen nữa! Là ma chăng? Là tiên chăng?”

Hôm kia, đánh bạo, gã tiều phu vào chồi lá xin nước uống. Vị ẩn sĩ vui vẻ cho nước rồi lấy trái cây ngon ngọt đãi đằng. Trong lúc ấy thì cô gái hồn nhiên, nhẹ nhàng lui tới phụ với ẩn sĩ việc này việc kia mà đôi chân thoăn thoắt dường như không dính đất. Hương hoa sen ở nơi người và xiêm áo của cô dịu dàng thơm ngát cả ngôi nhà.

Khi gã tiều phu cáo từ, vị ẩn sĩ ân cần nắm tay ông ta rồi thành khẩn nói rằng:

- Con gái tôi từ cõi trời mà xuống, mai kia nó lên lại cõi trời. Bản chất trần gian độc ác và xấu xa lắm, nó sẽ không thích nghi được đâu. Vậy xin ông hãy giấu kín việc này, đừng cho ai biết nhé! Cha con tôi đội ơn ông nhiều lắm!

Gã tiều phu gật đầu hứa với miệng lưỡi ngon ngọt. Về nhà, mới chỉ được một hôm thì lòng tham nổi lên, ông ta nghĩ rằng, nếu dâng cho vua tin này thì sẽ được một món hời, ăn hoài không hết! Cái nghề đồn củi được bao hơi, lại khổ cực suốt đời nữa, đại gì mà giữ chữ tín!

Lục tìm trong hòm nhỏ, rương to được một bộ đồ tương đối lành lặn nhất, gã tiều phu khoác vào người rồi đi thẳng vào hoàng cung Bārāṇasī, trình với lính canh là có việc hệ trọng cần bẩm báo trực tiếp với đức vua.

Khi được diện kiến, người tiều phu bèn tử mĩ và cặn kẽ kể lại sự xuất hiện của “cô gái tiên” tại chòi lá của vị ẩn sĩ cho đức vua nghe.

Thế rồi, với một toán quân cận vệ, vô số lễ vật, đức vua tìm đến ngôi rừng, cắm trại cách chòi lá không bao xa, cho người điều tra hư thực. Sau khi biết chắc về chuyện cô tiên là có thật, đức vua liền tiến hành việc đàm hỏi với lễ phẩm trọng hậu.

Vị ẩn sĩ thấy tình thế không thể chối từ, nhưng cũng cất lời cứng cỏi như đặt điều kiện:

- Con gái ta là tinh hoa của hoa sen, là phước báu từ cõi trời mà có, vậy xin nhà vua đối xử với nó như nâng niu một nụ hoa trong sương sớm. Nó không chịu được nắng quái và gió chướng của cuộc đời. Nó cũng không chịu được sự vũ phu và thô bạo của một ai đó!

Đức vua cau mày nói:

- Đạo sĩ hơi nặng lời!

- Xin đại vương tha tội!

Rồi vị ẩn sĩ quay qua con gái:

- Này Padumavatī! Con gái cung của ta! Trên trần gian này, quyền lực của đức vua là tối thượng! Và nếu nhân duyên tốt thì sự nương tựa nơi đức vua cũng là chỗ tối thượng! Cả ta và con đều không có một lựa chọn nào khác! Chẳng có mối lương duyên nào tốt hơn! Hãy theo đức vua mà về hoàng cung đi! Ngoan nào!

Cô gái khóc nức nở, khóc thảm thiết.

Đức vua thấy vậy cũng nghe trái tim mình chùng xuống, ông bèn mở lời an ủi dịu dàng để trấn an cô gái một hồi mới yên. Sau đó đức vua sai lấy áo xiêm, mũ miện gắn đầy bảy báu, phong cô gái làm hoàng hậu ngay tại chỗ rồi chuẩn bị nghi lễ rước nàng về cung.

Vị ả sĩ nói với đức vua:

- Ngài hãy cho người mang theo luôn những mâm vàng, mâm bạc này đi! Ta không biết dùng những thứ ấy. Nó vô dụng đối với ta. Ta chỉ cần trái cây rừng và nước suối thôi!

Đức vua bất giác cúi đầu xuống:

- Xin tuân mệnh “*nhạc phụ quốc trượng*”¹

- “*Cái quốc trượng*” ấy cảm phiền đức vua hãy cho mang ra khỏi chỗ này luôn!

Đức vua cau mày nhưng không dám nói một tiếng.

Thế rồi, khi con gái đi rồi, vị ả sĩ bèn bỏ chồi lá, lên ả tu tậ Tuyết Sơn, cuối đời, đắc thiên chứng, sanh về phạm thiên giới.

Cô gái, Padumavatī, về làm hoàng hậu được đức vua cung chiều hết mực đã làm cho những bà phi ganh ghét, đố kỵ, gièm pha.

Thế rồi, theo với lời nguyện xưa, nàng sanh được năm trăm con trai (do nhân duyên năm trăm hạt nổ) nhưng chỉ có hoàng tử Mahā-Paduma là thai sanh, bốn trăm chín mươi chín vị còn lại là thấp sanh. Tuy nhiên, đây cũng là lý do mà những bà phi tìm phương kế ám hại khi đức vua

¹ Cha của vua, cũng là cha của nước.

mang quân đi giải quyết cuộc nổi loạn của các tộc người ở biên địa. Họ đã giầu hoàng tử Mahā-Paduma và bốn trăm chín mươi chín người con trai của hoàng hậu Padumavatī trong những chiếc quan tài; khi đức vua về, họ nói rằng bà Padumavatī là yêu quái nên đã sinh ra một khúc gỗ đầy máu. Đức vua chẳng suy xét trước sau gì, đã phế bỏ ngôi hoàng hậu và đuổi nàng ra khỏi cung.

Hoàng hậu Padumavatī từ khi bị biếm truất, sắc diện trở nên ủ rũ, xanh xao, nhợt nhạt và những đóa hoa sen cũng không còn thấy hiện lên trên từng bước chân đi của cô ta nữa. Mọi phước báu nâng đỡ nàng dường như cũng bị héo úa và tiêu tan theo. Sau, do còn chút duyên lành tốt, nàng được một người đàn bà tốt bụng cho chỗ trú thân và cho cơm ăn áo mặc. Thế rồi, thời gian bị trả khổ báo không bao lâu, nhờ sự giúp đỡ của Đế Thích thiên chủ mà mưu kế gian xảo, trá ngụy của những bà phi được phơi bày ra ánh sáng; và hoàng hậu Padumavatī đã giành lại tất cả danh dự, địa vị và cả sắc đẹp vốn có như trước đây.

Padumavatī bị truất phế ngôi hoàng hậu rồi lại được phục chức, đăng quang vô cùng trọng thể, xán lạn. Các bà phi ác độc hãm hại nàng đều được nàng xin vua tha cho tội chết, chỉ phải nhận chịu hình phạt là làm thân phận nữ tỳ ở trong cung cho đến mãn đời.

Về sau, cả năm trăm vị hoàng tử đều làm đạo sĩ xuất gia, đắc quả Độc Giác Phật và họ sống ở rừng sâu. Cuối đời, do cô quạnh, phiền muộn, lâm chung, nàng Padumavatī lại sanh vào gia đình nghèo khổ. Nàng lại làm

phước thiện, được sanh thiên, sau đó, trôi nổi nhiều cõi trời và người nữa.

Vào thời đức Phật Kassapa, nàng thác sanh vào gia đình hoàng tộc, là công chúa, con của đức vua Kikī, kinh thành Bārāṇasī, quốc độ Kāsi. Họ có bảy chị em¹ và nàng đứng thứ hai, tên là Samaṇagutta. Mặc dầu sống trong xa hoa nhưng lụa, tài sắc vẹn toàn nhưng cả bảy cô đều từ chối chuyện lập gia đình, chỉ đi nghe giáo pháp, sống đời giới hạnh không mệt mỏi, không thối thất. Vì xin xuất gia đức vua không đồng ý nên cả bảy cô sống đời cận sự nữ tại gia và họ thường bố thí, cúng dường lớn; lại còn thiết lập tu viện, đại lâm viên, xây dựng cốc liêu dâng cúng cho đức Phật Kassapa và Tăng chúng nữa.

Kiếp hiện tại, nàng sanh ra trong một gia đình trưởng giả tại Sāvatti, do phước báu xưa, nàng lại có làn da như cánh sen, hương thơm như nhụy sen nên được đặt tên là Uppalavaṇṇā!

Lớn lên, nàng đẹp quá, không những nổi tiếng khắp kinh thành mà còn lan xa nhiều tiểu quốc. Các hoàng tử, vương tôn, công tử... ngày nào cũng ngựa xe nườm nượp đến đánh tiếng dạm hỏi, châu chực đầy sân, đầy nhà. Thấy phiền lụy quá, nhận lời người này thì mất lòng người kia nên hôm nọ, vị trưởng giả vốn là bậc trí thức, thở dài, nói với con gái:

¹ Xem lại chuyện tỳ-khưu-ni Khemā, Dhammadinnā, cô bé Visākhā... 7 cô công chúa là Samānī, Samaṇagutta, Bhikkhunī, Bhikkhudāyikā, Dhammā, Sudhammā và Saṅghadāyikā.

- Con đẹp và tươi xuân như đóa sen mới nở, ai cũng muốn bẻ, muốn ngắt!

Vì là kiếp cuối của tử sinh, nàng nói:

- Nhưng rồi thì nó sẽ tàn tạ, sẽ phai sắc và rữa hương thối, thừa cha thân!

Vị trưởng giả ngạc nhiên:

- Con nghĩ ra điều đó thật à?

- Thừa vâng, con thấy rõ như thế thật mà!

Ông trưởng giả vẫn còn nghi ngờ, hỏi lại:

- Con không phải nói từ đầu môi, chót lưỡi đó chứ?

- Không, con nói từ trong tâm, trong cái bụng cảm nhận của con, thừa cha thân!

- Trong tâm thật à? Nếu cảm nhận như vậy thì tại sao con không xuất gia? Đi xuất gia quách! Con biết Ni trưởng Gotamī chứ?

- Thừa biết! Biết rõ chứ! Con thường hay đến nghe pháp tại Ni viện mà...

- Ô! Hóa ra...

- Ôi! Ở đây có biết bao nhiêu là cành vàng lá ngọc đã tự nguyện cắt bỏ mái tóc thanh xuân, sống đời giải thoát như hư không! Con cũng muốn xuất gia như họ, thừa cha thân!

- Ôi! Cha cảm ơn con!

- Con cảm ơn cha mới phải!

Thế rồi, tiểu thư Uppalavaṇṇā phủ tay mọi cảm dỗ của giàu sang, danh vọng, địa vị và cả tuổi thanh xuân đến

Ni viện xin xuất gia, sống đời khất sĩ. Việc ấy, tin ấy làm rúng động cả kinh thành, làm vỡ nát trái tim của không biết bao nhiêu chàng trai hào hoa, phong nhã.

* Nhân duyên chứng ngộ

Hôm kia, quét dọn giảng đường, thấp sáng những ngọn đèn dây đỏ; ánh lửa đỏ làm nòng chú tâm, nhìn ngắm rất lâu. Lấy ánh lửa của ngọn đèn làm đề mục, tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā nắm bắt được “*tướng lửa*”, trú tâm miên mật vào tướng lửa rồi đạt an chỉ định ngay tại chỗ.

Vào trình bày thiền chứng với Ni trưởng Gotamī để được hướng dẫn thêm về thiền quán vipassanā, tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā rút vào một nơi vắng lặng để tu tập, khởi tâm quyết đạt cho bằng được tuệ giải thoát tối hậu.

Tuy nhiên, khi quán ngũ uẩn, những hình ảnh khả ái, khả ý của “*sắc đẹp*” cứ hiện ra, quấy nhiễu tâm trí cô, làm cho cô khó nắm bắt tướng vô thường, vô ngã của nó. Cô đâu có biết rằng, lời nguyện thở trước, do muốn sanh nhiều con, do muốn có sắc đẹp như hoa sen nên các dục ấy cứ hiện lên quấy rối, trở thành một trở ngại, một bức tường chặn bít làm cho cô không thể nào quán như thực tướng được! Những hình ảnh ấy, chúng như được tàng trữ, giấu kín trong vô thức, trong mù sương của ký ức, lâu lâu lại hiện ra. Sau nhờ nghe một câu chuyện thương tâm, không chỉ đơn thuần là thương tâm mà phải nói là đáng kinh sợ, đáng kinh hãi “*sự lỗi lầm của các dục*” nên cô đã ly thoát được chúng.

Chuyện ấy là như sau:

Hôm kia, cả Tăng và Ni viện bàn tán xôn xao về chuyện hai mẹ con cùng lấy một chồng, với những tình tiết rất éo le và hy hữu. Câu chuyện lâm li, bi thống ấy tràn qua cửa tai của mọi người.

Tại kinh thành này có hai vợ chồng thương buôn trẻ vừa lập gia thất. Không bao lâu thì người chồng cùng bạn bè đi một chuyến hàng xa. Họ phải lên các quốc độ sa mạc phương Bắc xa xôi cùng với đoàn ngựa thồ, mang hàng về tận Rājagaha để bán; chuyến đi có thể mất gần cả năm trường.

Người mẹ thấy con trai vắng nhà mà cô con dâu bụng càng ngày càng lớn, sinh nghi, bà vặn hỏi. Cô con gái cứ tình thật trả lời là nàng chưa hề chung chạ với người đàn ông nào cả. Đứa con trong bụng này chính là cháu nội của bà chứ không phải ai khác.

Người mẹ không tin, ngày nào cũng cất vấn khó dễ, bắt khai ra tác giả cái thai bào, nếu không, sẽ bị đuổi ra khỏi nhà. Cô gái tủi thân, thu vén ít tiền bạc làm lộ phí, cương quyết đi tìm chồng. Với bụng mang dạ chửa, lần hồi cũng đến được Māgadha, kinh thành Rājagaha. Phố phường nhộn nhịp, lạ nước lạ cái, đất rộng người đông, biết chồng ở đâu mà tìm?

Ngày kia, nàng nghe chuyện dạ. May mắn thay, có một phước xá bên đường và có mấy người đàn bà thấy tội nghiệp đã tận tình giúp đỡ nên nàng sanh hạ được một bé trai bụ bẫm, dung mạo như vàng ròng. Từ đó, nàng thu vén một góc phước xá, ở luôn đấy để nuôi con. Sở dĩ

có được duyên may như vậy là vì đức vua Bimbisāra cho lập trong kinh thành và rải rác khắp các con đường lớn những phước xá như vậy cho khách lữ hành dừng chân, đồng thời, mỗi tháng hai kỳ, chẩn tế cho người nghèo khổ. Nàng và đứa bé tạm thời sinh sống qua ngày nhờ ân huệ nọ.

Hôm ấy, nghe có một đoàn thương buôn đi ngang, nàng lấy áo khăn quần đứa bé kỹ càng, đặt trên cái bệ thấp rồi chạy đi thăm hỏi tin tức chồng.

Nàng vừa đi khuất thì có một doanh gia cất bước nhàn du, ngang phước xá, nghe tiếng trẻ khóc, vào xem. Thấy một đứa bé đẹp đẽ, xinh xắn được quần trong khăn áo của người nghèo khổ, tưởng là bị bỏ rơi, xúc cảnh, sinh tình nên mang về nhà nuôi dưỡng tử tế.

Người mẹ vừa thất vọng không hỏi được tin tức chồng, trở về phước xá thì thấy mất con, khóc lóc thảm thiết. Hỏi xung quanh xóm phường cũng không ai biết mà trả lời. Buồn khổ, mắt hờn, mắt vía, nàng đi lang thang không định hướng. Bước chân xiêu lạc, thất thểu đưa nàng ra phía ngoại ô. Một thủ lĩnh tướng cướp còn trẻ cùng bảy bọn chuẩn bị đi ăn hàng đêm đang tụ họp nơi góc núi. Thấy một cô gái trẻ đẹp đi lang thang, hỏi chi cũng không ừ, không hử; đôi mắt thất thần nhưng không giấu được sắc đẹp trời cho. Động lòng, hấn dẫn nàng về sơn cốc, bảo người cho ăn uống, tắm rửa và thay đổi xiêm y... thì lạ lùng làm sao, cô ta liền hiện nguyên hình với một sắc đẹp chim sa cá lặn. Thời gian khá lâu, nàng mới lấy lại được

trí nhớ, mới rõ mình đang ở đâu. Biết mình không còn chỗ dung thân, lại thấy tên thủ lĩnh tướng cướp cũng hết lòng hết dạ yêu thương mình, nàng đành thuận lấy hẳn làm chồng.

Năm sau, nàng sinh cho tên tướng cướp một bé gái đẹp đẽ như ngọc nữ.

Càng lớn thì cô bé càng đẹp, một vẻ đẹp sắc sảo, rực rỡ hơn cả mẹ. Đến một ngày nọ, trong cuộc cãi vã, xô xát với chồng, lỡ tay, nàng đẩy con gái ra xa, té ngã ngửa và đầu nó đụng vào một vật nhọn, xé rách một đường, máu chảy đầm cả tóc. Hốt hoảng, nàng chạy tới xem xét vết thương phía sau đầu, tức khắc nhai một nắm lá để ngăn máu chảy. Tên tướng cướp giơ thương con hơn vợ, gương mặt hầm hầm, cầm cây đao trên tay, rượt đuổi dọa giết! Sợ hãi, nàng trốn khỏi sơn trại, không dám về nhà nên lại đi lang thang, lếch thếch thêm một lần nữa.

Trở lại kinh thành Rājagaha, may thay nàng gặp được một người đàn bà nhà giàu tốt bụng, nhận làm con nuôi và cho trông coi một cửa hàng tơ lụa. Chỉ một thời gian sau, nhờ ăn sung mặc sướng, cô ta như trở lại với sắc đẹp thuở còn là con gái; không ai có thể tưởng tượng được rằng nàng đã có hai mặt con với quá khứ phong trần, trôi nổi.

Sáu bảy năm sau nữa, khi nàng tưởng đời mình đã sống yên bề lạng thì có một chàng công tử tìm đến để mua tơ lụa. Có lẽ quá giàu sang nên vị công tử này cứ mỗi ngày một sắc áo, đều là lụa là thượng thặng xứ Kāśī! Đôi mắt của vị công tử cứ dính chặt vào nàng không chịu rời. Sau đó, trăm phương nghìn cách, quyết hỏi nàng làm vợ cho

bằng được. Bà mẹ nuôi thấy vậy lại nói vào, tìm cách gắn kết tơ duyên cho hai người! Cầm lòng không đậu, thế là lần thứ ba, nàng lại lên kiệu về nhà chồng!

Hóa ra vị công tử là con trai một đại doanh gia, vợ con, thế thiệp cả hàng chục người, tôi trai tứ gái cả hàng trăm. Cậu ta chỉ thích của ngon, vật lạ nên chỉ thời gian sau là chán nàng rồi cưới thêm một cô gái khác nữa! Cô gái này rất đẹp, rực rỡ như hoa anh đào, nhưng chỉ qua mấy tháng, chàng ta lại tỏ ra ơ thờ, lạt lẽo!

Hôm kia, thấy dung sắc cô gái phờ phạc, đầu bù tóc rối, động lòng, thương tình, nàng tới an ủi, nhân tiện, lấy lược chải tóc, làm đẹp lại cái đầu tóc cho cô gái. Lúc kéo mảng tóc ra, gỡ rối, nàng thấy vết sẹo nằm ở vị trí vết thương thuở xưa của con gái nàng! Xúc động tâm can, bà nghĩ: *“Không thể nào! Không thể có sự trùng hợp ngẫu nhiên như vậy được! Cô bé này chính thị là con gái của ta rồi!”* Thần thờ, bỏ lược xuống, nhìn cô gái cho kỹ, những đường nét quen thuộc thuở xưa hiện về! Như sét đánh ngang đầu, như điên, như cuồng, bà bỏ chạy... không thấy đường sá, không thấy bụi bờ, gai góc, chỉ có nỗi đau, chỉ có nỗi đau âm ỉ như lửa đốt trong lòng, rồi ngã ra, ngất xỉu...

Trong mơ màng, bà nghe thoảng tiếng nói:

- Thôi, hãy tỉnh dậy đi! Hỡi người nữ đau khổ!

Thấy mình đang nằm ở nơi một chõng tre và xung quanh có rất nhiều vị tỳ-khuru-ni với khuôn mặt hiền từ, phúc hậu; bà có cảm giác lạ lùng như đang ở bên cạnh những người thân, như về bên ngôi nhà của mẹ.

Bà khóc nức nở:

- Hãy cho tôi được chết thôi! Tôi đã phạm một tội tày đình. Ôi! Oan nghiệt! Oan nghiệt! Hai mẹ con mà cùng lấy một chồng!

- Chưa đâu! Giọng một vị Ni lạnh lùng cất lên - Chừng ấy chưa oan nghiệt đâu, còn có một cái oan nghiệt khác kinh khiếp hơn nữa kia!

Nàng bật ngồi dậy. Vị đang nói chuyện với bà là một tỳ-khuru-ni rất đẹp.

- Có cái gì oan nghiệt hơn thế nữa, thưa Ni sư?

Vị ấy mỉm cười:

- Nếu tôi nói ra thì bà phải tức khắc lựa chọn hai con đường: Một là xuất gia, hai là tự tử! Bà có đồng ý như thế thì tôi mới nói.

- Vâng! Đồng ý!

- Hai mẹ con cùng lấy một chồng, nhưng ông chồng ấy chính là con trai của người mẹ! Nói cách khác, cô gái kia lại cùng mẹ lấy anh trai của mình! Nói cách khác nữa, cậu con trai lại lấy mẹ và em gái của mình làm vợ! Thật là kinh khiếp! Thật là vô luân! Thật là bậy bạ hết sức! Thật là không thể tưởng tượng nổi!

Nghe xong, bà lại ngất xỉu lần nữa.

Người tiết lộ chuyện ấy là tỳ-khuru-ni Khemā, sau đó, vị nữ sa-môn đọc tiếp mấy một kệ:

Cuộc đời đầy thống khổ

Oan nghiệt thay các dục

Dơ bẩn thay các dục

*Xấu xa thay các dục
Vô luân thay các dục
Vậy sao không từ bỏ
Đoạn lìa ái trầm luân
Quay đầu là thấy bến
Xoa tay sạch nợ trần!*

Do tỳ-khuru-ni Khemā sử dụng thân thông khi đọc bài kệ nên người đàn bà nghe rõ mồn một bên tai.

Sau đó, khi thấy bà đã bình tĩnh trở lại, tỳ-khuru Khemā kể chuyện quá khứ cho bà nghe, là trước đây bà đã từng dính mắc vào các dục như thế nào, và cũng đã từng tu tập trong nhiều kiếp như thế nào... Vậy đừng oán trách những oan nghiệt kia nữa. Ai trong vòng trầm luân sinh tử cũng mù quáng như vậy cả! Hãy tỉnh giấc mộng dài đi thôi!

Bà ngồi dậy với nước mắt lã chã, tỉnh táo nói:

- Tôi hiểu rồi! Tôi thấy rồi! Hãy cho tôi được xuất gia như các vị để cắt đứt vòng trầm luân thống khổ và oan nghiệt ấy!

Vậy là Ni viện tại Rājagaha, từ đó lại có thêm một tỳ-khuru-ni, được xem như là người đau khổ đệ nhất, gặp được giáo pháp như một chiếc phao cứu độ.

Tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā đã trình bày lại đức Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Nghe xong câu chuyện của người đàn bà ấy, đệ tử dựng tóc gáy, thấy sợ hãi các dục, kinh sợ các dục, nhòm gớm các dục, nội tâm thoảng chốc tự xa lìa mọi trần cấu, nhiễm ô, thấy rõ tam tướng; sau đó không

cố gắng nhiều lắm, chúng ngộ vô sanh và viên mãn luôn các thắng trí.

Lại nhìn tỳ-khuru-ni Khemā ở bên cạnh, cô nói tiếp:

- Đệ tử lại còn biết nữa rằng, vào thời đức Phật Kassapa, vị sư tử này của đệ tử chính là trưởng công chúa, tên là Samanī, con đức vua Kikī nước Kāsi thuở xưa; đệ tử là công chúa thứ hai, tên là Samaṇagutta... Và đệ tử còn biết nhiều chuyện về các công chúa khác nữa...

Ôi! Hóa ra, chúng đệ tử đều từ duyên xưa lỗi cũ mà trở về sau bao nhiêu kiếp trầm luân, lưu lạc.

Câu chuyện của vị tỳ-khuru-ni quan trọng này được nhắc đến trong rất nhiều tư liệu khác nhau. Như trong chú giải Trưởng Lão Ni Kệ¹ có nói rằng, trong khi thắp đèn và quét dọn sảnh đường, cô đã sử dụng ngọn lửa của đèn để làm đèn mục phát triển định tâm (tejokasiṇa) và đã đạt được các tầng thiền (jhāna) đồng thời cũng chứng luôn quả vị A-la-hán với bốn tuệ phân tích vi diệu (paṭisambhidā). Trong khi đó cô đã thốt lên cảm hứng diệu kỳ của năng lực huyền bí trong giây phút chứng đạt nhiệm màu. Khi đức Phật đến gốc cây Gaṇḍamba để thực hiện thần thông kép, Uppalavaṇṇā đã xin phép biểu diễn phép màu để cảm thắng ngoại đạo nhưng đức Phật đã từ chối². Sau đó, tại Jetavana, trong một cuộc họp Tăng chúng, đức Phật đã tuyên bố rằng cô ta là người nữ đại đệ

¹ Chú giải Therigāthā. 190,195

² Vimānavatthu. 234.5

tử có thần thông siêu phàm¹.

Trong Trưởng Lão Ni Kệ có ba bài kệ do tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā đóng góp. Ba trong số những bài kệ thơ đó đã được thốt lên khi cảm nhận được nỗi thống khổ bởi một người mẹ đã vô tình là đối thủ của cô con gái với người đàn ông là con trai của mình như trong câu chuyện ở trên. Tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā đã lặp lại bài kệ đó để giúp cô ta quán xét về mối nguy hiểm, bất lợi trong tham dục và ngã hại. Hai bài kệ khác cũng được nói lên trong niềm hoan hỷ khi cô đạt được thắng lợi cuối cùng. Và thêm nhiều bài ghi lại rằng, một lần cô được biểu diễn thần thông trước đức Phật. Phần còn lại chứa đựng một cuộc đối thoại² giữa tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā và Māra nơi mà cô đã nói với Māra rằng, cô đã thoát ra khỏi năng lực khống chế của nó rồi.

Apadāna³ có nhắc đến tiền thân của tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā khác với những chi tiết mô tả ở trên. Theo sự ghi chép ở đây, trong thời đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara, cô ta là một thiếu nữ rỗng (Nāga) tên là

¹ Theo chú giải kinh Pháp cú, thần thông mà Uppalavaṇṇā tình nguyện thực hiện tại cây Gaṇḍamba là dạng thần thông tổng hợp, biến thành một vị Cakkavatti (Chuyển luân vương) với một đoàn tùy tùng trải dài đến ba mươi sáu dặm và đánh lễ đức Phật với tất cả những người thuộc hạ của Chuyển luân vương trong sự hiện diện đông đảo quần chúng.

² Một cuộc đối thoại, giống nhau nhiều hoặc ít với trước đây được ghi lại trong Samyuttara Nikaya.i.131 f.

³ ii. 551. Nhưng Vimānavatthu đã trích trong chú giải Therigāthā khác với trong Apadāna, và có sự đồng ý với cách mô tả của chú giải Therigāthā.

Vimalā, vì bị khống chế bởi năng lực của một vị tỳ-khưu-ni, do đó, ước ao của cô ta cũng muốn có năng lực như thế. Cũng trong Apadāna này, có đề cập đến một thai sinh của tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā, làm con gái của một vị thống đốc ngân hàng của kinh thành Bārāṇasī thuộc thời kỳ đức Chánh Đẳng Giác Vipassī. Là người con gái thứ hai của vua Kikī với tên là Samaṇagutta, cô ta cùng bảy chị em đã làm một cuộc đại cúng dường đặt bát và dâng cúng hoa sen đến đức Phật và Tăng chúng. Trong kiếp kế tiếp cô ta làm con gái tuyệt mỹ của Tirītavaccha ở thành phố Ariṭṭhapura. Trong kiếp chót cô đã trở thành một bậc A-la-hán trong vòng hai tuần lễ sau khi cô thọ giới tỳ-khưu-ni giống như những nơi khác.

Cái tên Uppalavaṇṇā lại còn được nhắc đến nhiều lần trong túc sanh truyện.

Trong chuyện tiền thân Kharādiya¹ cô ta sinh làm con nai, là người chị của đức Bồ Tát; trong chuyện tiền thân Tipallatthamiga cô ta là mẹ của Rāhula; sau đó nữa cô ta sinh làm con hưu đực. Cô còn được nhìn nhận là người phụ nữ già, là mẹ nuôi của Ayyakāḷaka², với hoàng hậu Mudulakkhaṇā³, làm người bà-la-môn trong Sārambha, làm người kĩ nữ trong Kurudhamma⁴, làm con gái của bà-la-môn (và chị của Rāhula) trong Dhonasākha... vân vân và

¹ Jātaka.i.160

² Theo sách này.,196

³ Theo sách này.,306

⁴ Theo sách này.,375

vân vân, hằng chục kiếp trầm luân lưu lạc tương tự thế.

Và nay thì cô ta đã an trú vào cõi bất tử¹.

Đức Phật đã từng tuyên bố với đại ý rằng: Hai nữ đại đệ tử xuất chúng của Như Lai là tỳ-khuru-ni Khemā và tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā là thước đo của chư nữ đệ tử mà ai cũng tôn trọng và tin tưởng; nếu họ có một mong muốn hoàn thiện tốt đẹp nhất trên đời này thì cũng chỉ nên mong muốn thành tựu được như cô vậy thôi².

¹ Một số chi tiết lấy trong Uppalavaṇṇā Therī - Trang 418-419 trong quyển I - Dictionary of Pāli Proper Names.

² Anguttara Nikaya .i.88;ii.164; Samyuttara Nikaya .ii.236.

Hoàng hậu Sāmāvati hiền đức
và pháp sư thị nữ Khujjuttarā lưng gù



Đến Kosambī, đức Phật ghé thăm khu vườn rừng Ghositārāma, khu vườn rừng Kukkuṭārāma, sau đó thì ngài sang ngụ tại lâm viên Pāvārikārāma¹. Nơi nào cũng trên năm bảy trăm vị tỳ-khưu, riêng Pāvārikārāma thì khoảng chừng vài trăm. Các vị trưởng lão niên cao lập lớn, hiện giờ đang hoằng pháp tại Kosala, Bārāṇasī, Rājagaha, Vesāli, Malla, Koliyā hoặc Kapilavatthu nên chu tăng tại Kosambī này còn thiếu sự dẫn dắt tu tập, cần phải đặc biệt quan tâm nhiều hơn.

Sau một thời gian giáo giới tại hai trú xứ kia, đức Phật an cư tại vườn rừng Ghositārāma.

¹ Hoặc Pāvārikambavana.

Cả đại gia đình ba nhà phú hộ Ghosaka, Kukkuṭa, tức tốc sai gia nhân trang hoàng nhà cửa trong ngoài cho rạng rỡ, quang đấng và sạch sẽ để có dịp họ cung thỉnh đức Phật và Tăng chúng về tư gia đặt bát cúng dường.

Dịp này, ông Sumana, là chủ vườn hoa nổi tiếng Kosambī có cơ hội kiếm tiền. Vì bao nhiêu hoa, bao nhiêu tràng hoa cũng không đủ cung cấp cho ba nhà triệu phú tiền rừng bạc biển này để họ cung đón đức Phật. Nhưng hôm nay, bỗng dưng ông Sumana chợt dăm chiêu, tư lự. Rồi để mặc công việc hái hoa, xâu tràng hoa cho gia nhân, ông tức tốc lên ngựa lần lượt đến gặp ba nhà triệu phú, thưa rằng:

- Xin cho tôi được cung thỉnh đức Phật và Tăng chúng chúng chừng mười vị để cho tôi được dịp cúng dường một lần trong đời.

Cả ba vị phú hộ đồng mỉm cười:

- Tại sao ông lại khởi tâm như thế, này Sumana?

- Thưa, tấm gương bồ thí, cúng dường của ba ngài phú hộ như ba ngôi sao tỏ rạng kinh thành Kosambī. Hôm nay, nó lóe sáng lên trong cái tâm hồn tối tăm của tôi. Vậy xin ba ngài gia ân cho kẻ thấp hèn này được như nguyện.

Động lòng bi mẫn, cả ba vị triệu phú đến vườn rừng Ghositārāma thưa bạch với đức Phật thỉnh nguyện của lão trồng hoa, ngài im lặng nhận lời.

Vô cùng sung sướng, ông Sumana trở về nhà, tất bật công việc để ngày hôm sau cung đón đức Thế Tôn.

Vốn là nhà trồng hoa nên ông muốn bao nhiêu hoa

đẹp, hoa quý mang ra chung bày hết. Đồng thời, chẳng thèm tính tiền tính bạc, ông sai gia nhân đi mua sắm thức ngon, vật lạ, thượng vị loại cứng, loại mềm để đặt bát. Vườn nhà trong ngoài của ông giờ trông như khuôn viên của cõi trời, bây giờ được sắp đặt thêm các chỗ ngồi sang trọng, chỗ đi lót thảm quý, những chậu những ghè đựng nước rửa chân, rửa tay có khăn thơm.

Sáng sớm, mọi công việc đã xong, ông xoa tay nở nụ cười hoan hỷ, mãn nguyện.

Trong lúc ấy thì một cỗ xe ngựa quen thuộc từ triều đình đức vua Udena dừng lại ở đầu ngõ. Cô thị nữ sang trọng và quý phái của hoàng hậu Sāmāvati bước vào với cái lưng hơi gù, với cái giỏ xách tay.

- Có việc gì mà trang hoàng ngôi nhà như cõi trời thế, ông già Sumana?

Ông Sumana hớn hờ kể lại mục đích công việc của mình rồi tiếp lời:

- Vậy thì việc mua hoa hằng ngày xin quý nương hoãn lại cho một chút được không? Bao nhiêu hoa tôi đem chung cả rồi. Một đời, một lần được dịp cúng dường đức Phật mà! Chắc hoàng hậu thánh đức và nhân hậu của chúng ta cũng thông cảm cho thôi!

Nghe chuyện cúng dường đức Phật, tâm cô thị nữ Khujjuttarā chợt phát sanh niềm hoan kỳ lạ. Một cảm giác phơi phới, lâng lâng khó tả. Cô mỉm cười, dịu dàng đáp:

- Được, không sao! Hơn thế nữa, dù có mang về cung hoa héo, hoa tàn gì chắc hoàng hậu cũng hoan hỷ cả, tại sao ông Sumana biết không?

Rồi cô kể chuyện:

- Hoàng hậu Sāmāvati là đệ tử của đức Thế Tôn. Năm ngoái, khi đức ngài an cư mùa mưa ở đây, hoàng hậu đã đến nghe pháp, cúng dường. Bà còn hiến cúng cả khu rừng trầm hương cho Ni chúng nữa đó. Hôm ấy, bà đang mang thai, đức Phật có chú nguyện cho trẻ sau này trở thành một hoàng tử tốt. Gần một năm trôi qua, khi sinh đứa trẻ mẹ tròn con vuông, sáng sớm nào, bà cũng hướng vọng về miền Tây Bắc để đánh lễ đức Tôn sư. Ôi! Chú hoàng tử nhỏ kháu khỉnh và dễ thương lắm đấy.

Ông Sumana thốt lên:

- Ôi! Lành thay! Quý hóa quá!

Cô thị nữ Khujjuttarā chột cất giọng buồn buồn:

- Nhưng cũng một năm nay, hoàng hậu của chúng ta không được vui. Tuy nhiên, đức Phật năm nay mà an cư ở đây là tốt rồi!

Ông già Sumana dường như cũng biết chuyện:

- Cái bà thứ hậu Māgaṇḍiyā lần quyền à?

- Cả nước này ai cũng biết! Nó đẹp quá, kiêu sa quá, rực rỡ quá nên đức vua mê mẩn. Nó là dạ-xoa chứ không phải người! Cái con quý cái mà năm kia, đức Phật đã từng chê là “*không dám sờ đụng đến, dù là sờ đụng bằng chân*” nổi tiếng cả kinh thành ấy mà!

- Ủ, tôi cũng có nghe chuyện ấy.

Chợt cô Khujjuttarā như sực tỉnh, cất giọng mau mắn nói:

- Ôi! Tôi đã sa đà lắm chuyện. Đức Thế Tôn lúc nào

ngài ngự đến? Xem tôi có phụ giúp được công việc gì không nào? Chuyện mua hoa tính sau. Tôi cũng muốn ở lại nghinh đón đức Thế Tôn và còn muốn nghe pháp nữa!

Thế rồi, đúng giờ, đức Phật cùng mười vị tỳ-khưu bộ hành đến nhà người trồng hoa. Ông bà Sumana, cô thị nữ Khujjuttarā và một số gia nhân trân trọng làm bốn phận của mình. Đức Thế Tôn và chư sư độ thực tại chỗ. Cuối buổi ngọ trai, đức Phật chú nguyện phúc lành cho người đã khuất và kẻ hiện tiền đồng lợi lạc, an vui.

Sau đó, đức Phật quán căn cơ, ban bố đến cho gia chủ một thời pháp nói về phước báu của bố thí, cúng dường. Đức Phật cũng nhấn mạnh về đức tin chân chính, trong sạch là như thế nào? Ngài cũng giảng sơ qua nhưng rõ ràng về bốn hạng người mắt sáng, mắt mù trên thế gian:

Người mắt sáng, ở chỗ sáng tìm về chỗ sáng.

Người mắt sáng, ở chỗ sáng tìm về chỗ tối.

Người mắt mù, ở chỗ tối tìm về chỗ sáng.

Người mắt mù, ở chỗ tối tìm về chỗ tối.

Đến ngang đây, đức Thế Tôn chột hỏi:

- Vậy ông là hạng người nào trong bốn hạng người ấy, này người trồng hoa?

- Dạ thưa! Con từ chỗ tối tìm về chỗ sáng!

- Đúng vậy! Nhưng ông lấy cái gì để biết mà từ chỗ tối tìm về chỗ sáng, này Sumana?

Thấy ông già lúng túng, cô thị nữ Khujjuttarā lưng gù đứng dậy:

- Bạch đức Tôn sư! Có phải dùng trí đúng đắn, trí chơn chánh để thấy biết cái đúng, cái sai, cái lành tốt, cái xấu ác không ạ?

Đức Phật nhẹ nhàng gật đầu, sau đó, ngài giảng thêm, phân tích cho mọi người rõ những cái thấy biết xấu quấy, sai trái, tức là tà kiến, không nên theo. Và những cái thấy biết đúng đắn, chơn chánh nên thọ trì, nên thực hành là như thế nào!

Cuối thời pháp, phát sanh điều bất ngờ nhất là cô thị nữ Khujjuttarā lưng gù đắc quả thánh Tu-đà-hoàn.

Cảm xúc tâm linh tuôn tràn, cô lặng lẽ quỳ xuống bên chân đức Đạo sư, thành kính tri ân đánh lễ ngài mà không nói được nên lời.

Đức Phật biết rõ chuyện gì xảy ra, ngài quay qua nói với cô gái:

- Con đi mua hoa này mà lại được hoa khác, có phải vậy không, này Khujjuttarā?

- Tâu, vâng, bạch đức Thế Tôn!

- Toàn bộ buổi pháp thoại hôm nay, con có thể ghi nhớ và có khả năng lặp lại y hệt như vậy được không, này Khujjuttarā?

- Tâu, vâng, bạch đức Thế Tôn! Đệ tử có thể làm được như vậy!

- Ủ! Để lợi ích cho nhiều người, từ rày về sau, con về xin với hoàng hậu Sāmāvati được đi nghe pháp trong thời gian Như Lai an cư ở đây, được không, này Khujjuttarā?

- Tâu, vâng, bạch đức Tôn sư! Hoàng hậu chắc sẽ hoan hỷ về điều ấy lắm.

Lúc tiền chân đức Phật và chư sư về rồi, cô thị nữ lưng gù lấy tám đồng tiền vàng mua hoa rồi ra xe trở về hoàng cung.

Thấy một giỏ hoa đẹp và nhiều hơn mọi bữa, hoàng hậu Sāmāvati ngạc nhiên:

- Sao hoa hôm nay lại nhiều vậy, Khujjuttarā? Người bỏ thêm tiền túi à?

Cô thị nữ thú tội:

- Không phải vậy! Bữa nào cũng tám đồng tiền vàng cả, nhưng con thường ăn bớt hết một nửa, chỉ mua bốn đồng mà thôi!

Bà hoàng hậu hiền từ nói:

- Thế tại sao hôm nay người lại không khởi tâm cắt xén, ăn bớt, này Khujjuttarā?

- Do hôm nay con đã được nghe pháp từ đức Thế Tôn nên con sẽ không còn trộm cắp, cắt xén, ăn bớt xấu xa như trước đây nữa!

- Ô! Quý hóa quá! Vậy người đã nghe được pháp gì kỳ diệu mà có thể thay tâm đổi tánh tuyệt vời như thế hở Khujjuttarā?

Cô thị nữ cất giọng bí hiểm:

- Pháp ấy nó trong và nó ngọt như nước suối tận nguồn cao. Hôm nay con đã uống được vài giọt. Cõi nhân sinh này không có loại nước ấy đâu, hoàng hậu quý kính ơi!

- Thế người thuyết lại cho ta uống với?

- Pháp ấy không dễ thuyết. Thứ nhất là phải biết kính trọng pháp, thứ hai là phải biết kính trọng người thuyết, thứ ba là người thuyết và người nghe phải dọn mình cho sạch sẽ, thanh tịnh!

Hoàng hậu Sāmāvati do khát khao giáo pháp nên chẳng nề hà gì, làm theo tất cả mọi yêu cầu nghiêm túc của cô thị nữ lung gù. Mọi người còn chưng hoa và xông hương chiên đàn nên cả không gian chợt trở nên trong lành và thơm ngát.

Vậy là buổi chiều, sau khi ai cũng tắm rửa sạch sẽ, cô thị nữ ngồi trên pháp tọa cao, giảng nói lại toàn bộ buổi pháp thoại buổi sáng của đức Thế Tôn cho hội chúng, gồm có hoàng hậu Sāmāvati và một số cung nga thê nữ nghe!

Cô thị nữ Khujjuttarā lung gù đã tỏ ra bản lĩnh thiên tài của một vị pháp sư, không những ý nghĩa khúc chiết, mạch lạc mà giọng nói còn trầm bổng, du dương như thu nhiếp hồn người. Và cũng kỳ diệu thay! Đức Phật dẫu ở xa, nhưng ngài đã hướng tâm nghe được và ngài còn biết khá nhiều cung nga, thê nữ đã được uống giọt nước bất tử!

*** Hoàng hậu Sāmāvati là ai?**

Sāmāvati¹ là một trong ba vị phu nhân của đức vua Udena. Bà vốn là con gái của triệu phú Bhaddavatiya tại

¹ Hoàng hậu Sāmāvati, trang 1102-1104 trong quyển II - Dictionary of Pāli proper Names

Bhaddavatī, là bạn thân của triệu phú Ghosaka ở thành phố Kosambī. Khi một bệnh dịch ghê sợ hoành hành tràn qua thị trấn Bhaddavatī, tài sản, nhà cửa bị phá tán tan hoang, cô và cha mẹ cô đã trốn đến Kosambī, dựng tạm một cái lều rách nát ở ngoại thành để kiếm xin ăn qua bữa.

Ông Bhaddavatiya thều thào nói với con gái:

- Triệu phú Ghosaka ở kinh thành này là bạn thân của ta, nhưng ta không thể nào muối mặt đến nhờ cậy ông ta trong cái thân tàn ma dại, không ra người, không ra ngợm. Tuy nhiên, ông ta vốn là người giàu lòng từ thiện, với hoàn cảnh các vùng phụ cận bị tai ương dịch bệnh, chắc chắn ông ta sẽ mở các trại tế bần để giúp cơm, đỡ cháo cho mọi người. Vậy con hãy tìm đến đấy để xin ăn qua bữa...

Nghĩ hơi một chút, ông nói tiếp:

- Cả cha cả mẹ đều bị nhiễm bệnh, chắc không còn sống được mấy hơi. Dù có chết, con cũng giấu luôn tung tích đùng cho ông triệu phú biết!

Vâng lời cha, cô gái đi lần theo chân những người xin ăn, quả nhiên, có một trại tế bần ở cửa trang viên của ông triệu phú Ghosaka. Vào ngày đầu tiên, cô Sāmāvati xin ba phần ăn, ngày thứ hai, xin hai phần ăn, ngày thứ ba chỉ xin một phần ăn. Vì cha cô bị chết trong lần ăn đầu tiên, mẹ cô bị chết trong bữa cơm ngày thứ hai. Khi vào ngày thứ ba, cô chỉ xin có một phần ăn.

Ông Mitta, quản gia của ông triệu phú, là người trông coi việc phân phát thực phẩm, đã để ý đến cô gái rất đẹp,

rất lịch sự, rất nho nhã qua hai ngày xin ăn; đã chọc ghẹo cô và nói như sau:

- Hôm nay chắc cô biết rõ khả năng của cái bụng của mình rồi nên chỉ xin nhận một phần vật thực!?

- Ý ông là thế nào, thưa ông?

Ông quản gia cười:

- Không phải lần trước bụng cô ăn ba phần, sau đó là hai phần, bây giờ là một phần đó sao?

- Thưa ông! Lần thứ nhất, tôi còn cha, còn mẹ. Lần thứ hai, cha tôi mất. Hôm nay cả cha và mẹ tôi đều mất, chỉ còn mình tôi, xin ông hiểu sự thật là như vậy!

Thấy cô gái xinh đẹp ăn nói đâu ra đấy, tỏ ra con nhà có giáo dục, ông quản gia thương hại nhận cô làm con nuôi. Ông còn chịu khó theo chân cô gái ra ngoại ô, sai người làm quần thân cha mẹ cô bằng vải trắng tằm dầu thơm, làm một giàn cây rồi thiêu xác họ một cách rất chu đáo.

Một hôm, khi đi đến nhà chôn bần, cô trông thấy những người nghèo khổ chen lấn nhau, dẫm đạp nhau, tranh nhau để nhận vật thực đã xảy ra một cuộc náo động ầm ĩ, hỗn loạn. Buổi chiều vắng người, cô xin phép cha nuôi cùng với một số gia nhân mang theo vật dụng cần thiết để làm một hàng rào tuy thô sơ nhưng chắc chắn, có cửa vào, có cửa ra và lối đi chỉ đi được một người khi vào nhận vật thực, xong, đi trở ra cửa khác. Với cách thức này của cô, tình trạng ồn ào, hỗn loạn được chấm dứt.

Hôm kia, triệu phú Ghosaka đang nghỉ trên lầu cao,

ông chợt ngạc nhiên khi không còn nghe tiếng cãi vã, chen lẫn ồn ào hỗn loạn như mọi bữa tại trại chăn bần, bèn tìm hiểu nguyên nhân, thì phát hiện cô gái nghèo đã làm được việc đó. Ông bảo viên quản gia Mitta cho gọi cô gái lên để hỏi chuyện. Bây giờ, cô mới tình thật kể rõ đầu đuôi tự sự. Cảm cảnh thương tình quá, ông triệu phú đã quát lên:

- Tự ái hảo! Này ông bạn ngu si! Sĩ diện hảo! Này ông bạn ngốc nghếch! Bạn bè thì phải có nghĩa vụ khi tối lửa tắt đèn chứ? Phải có nghĩa vụ khi sa cơ lỡ vận chứ! Ông làm vậy thì chẳng coi tôi ra cái gì rồi!

La quát vậy là vì thương. La quát vậy là vì quá xúc động. Sau đó, như để hàn gắn vết thương lòng, ông nhận cô gái làm con mình và đối xử hoàn toàn giống như con gái ruột để an ủi hương linh ông bạn nơi chín suối.

Cô gái vốn có tên Sāmā, nhưng sau khi cô cho dựng hàng rào (vati) xung quanh nhà chăn bần nên từ nay được gọi là Sāmāvati.

Vào một ngày lễ hội, đức vua Udena nhìn thấy Sāmāvati với sắc đẹp mỹ lệ, với dáng dấp quý phái, thanh cao cùng với thị nữ đang đi đến dòng sông để tắm, ông cảm nghe trái tim rung động. Cho người tìm hiểu, mới biết cô ta là tiểu thư con gái của ông triệu phú Ghosaka nên đức vua cho sứ giả đến đạm hỏi để rước nàng về hoàng cung.

Triệu phú Ghosaka trong bụng không bằng lòng nhưng ngoài mặt thì nói với sứ giả:

- Thật là vinh hạnh xiết bao cho con gái của ngu dân. Nhưng xin ngài về thưa lại với đại vương rằng, là con gái

tôi còn nhỏ, nó lại không biết về lễ nghi của cung đình, để tôi giáo huấn nó một thời gian đã!

Khi sứ giả ra về rồi, ông hét toáng lên:

- Suốt năm, suốt tháng chỉ biết uống rượu, một đám mỹ nữ, săn bắt giết thú, sống đời hoang dâm vô độ thì đâu có xứng đáng với con gái của ta?

Nói thì nói cứng vậy, nhưng biết làm sao, lệnh vua là lệnh trời, không nghe theo thì phải chịu án tù đầy, treo cổ! Lần thứ hai, sứ giả đến, ông triệu phú vẫn tìm ra có hoãn binh. Lần thứ ba, sứ giả đến cùng với hàng trăm quân cấm vệ, ra lệnh, nếu không tuân, trang viện sẽ bị niêm phong và ông triệu phú phải bị tống vào tù!

Đến lúc này thì cô Sāmāvati phải lên tiếng để cứu cha:

- Nhà cửa không thể bị niêm phong được. Cha không thể vào ở tù được. Cha còn thì biết bao nhiêu người nghèo khổ được nhờ cậy. Hãy hy sinh con gái thôi, thưa cha!

Ông triệu phú Ghosaka chảy nước mắt:

- Ta chỉ sợ con khổ thôi! Con mà khổ thì ta làm sao mà nhìn mặt cha con dưới suối vàng, hờ con gái yêu!

Vậy là không có lối thoát, triệu phú Ghosaka đành phải chấp thuận cho cô Sāmāvati lên kiệu vàng vào hoàng cung, khi đi, cô chỉ xin mang theo cô thị nữ lưng gù tên là Khujjuttarā mà thôi. Được Sāmāvati, đức vua Udena tức khắc phong cô làm hoàng hậu chỉ mấy ngày sau đó.

Cô thị nữ lưng gù Khujjuttarā là ai? Cô xuất thân như thế nào, tính hạnh ra sao mà được hoàng hậu quý mến

đến vậy? Thật ra, cô ta xuất thân nghèo hèn, chỉ là một gia nô tầm thường, tài giỏi về nghề thuốc nên được ông triệu phú cho ở trong nhà với tư cách chỉ như là “*một bác sĩ tại gia*”. Nhưng nhờ miệng lưỡi mau mắn, thông minh, tháo vát, biết quan tâm đến người khác nên được lòng tất cả mọi người. Cô lại có kiến thức, sáng dạ, tiếp thu nhanh nên Sāmāvati rất yêu mến, chỉ muốn gần bên để bầu bạn, tâm tình.

Thế là hôm đó, sau thời pháp của vị “*nữ pháp sư*” Khujjuttarā, thì gần như toàn bộ cung nga thể nữ của đức vua Udena trở thành con người mới. Ai cũng tỏ ra kính trọng cô gái người hầu của hoàng hậu Sāmāvati. Vốn từ một thân phận thấp hèn nhất, bỗng đứng lại được các cung nga kiêu sa gọi bằng chị, tới lui, vào ra đều được mọi người quan tâm, ưu ái và đối xử rất mực lễ độ.

Hơn ai hết, hoàng hậu Sāmāvati biết rõ rằng, giá trị tinh thần thiêng liêng nó nâng con người lên, và đó chính là sự thăng hoa tác phong và tư cách chứ không phải bởi quyền lực, địa vị, danh vọng hoặc ngọc vàng. Ôi! Bà xiết bao tôn kính đức Đạo sư, một hiện thân siêu việt, đã đem lại giá trị đích thực cho kiếp sống làm người. Cô thị nữ Khujjuttarā và cung nga thể nữ cũng nhận thức như thế. Ai cũng mong muốn thâm lắng trong tâm là được gặp mặt đức Tôn sư, được cúng dường và nhất là được nghe pháp. Rồi ai cũng đến gặp Khujjuttarā nhờ bàn mưu, tính kế giúp họ.

Cô thị nữ Khujjuttarā thường được phép ra ngoài mua

hoa, quan hộ thành cũng như quân canh đều đã quen mặt. Cô thấy cứ mỗi buổi sáng, đức Phật và Tăng chúng thường bộ hành con đường phía sau cung điện để qua nhà các vị đại phú hộ hoặc trì bình khát thực trong kinh thành; cô bèn nảy ra một ý rồi bàn với mọi người.

- Cửa sổ tầng cao bên sau hậu cung hiện trở ra con đường đức Phật và chư Tăng thường đi qua. Vậy quý cô hãy khoét tường thành một lỗ tròn vừa đủ cái đầu và tay thò ra ngoài. Vậy thì bất cứ ai muốn chiêm ngưỡng kim thân của đức Phật hoặc muốn cúng dường gì đến ngài và Tăng chúng cũng được hết!

- Chiêm ngưỡng ngài thì được, nhưng còn cúng dường thì chúng ta phải làm sao?

- Quý cung nương cứ đưa vàng bạc đây, tôi sẽ nhờ người mua vật phẩm cúng dường. Họ sẽ đích thân lo việc ấy như là đại diện cho quý cung nương, và chúng ta sẽ tính trả thù lao hậu hĩ cho họ.

Một cô nga hỏi:

- Thế mình không dâng cúng tận tay thì làm sao có phước được?

Cô thị nữ Khujjuttarā giải thích:

- Nơi sanh phước có ba: Thân, khẩu và ý. Nếu ta không thể hiện bằng thân và khẩu thì ta sẽ cúng dường bởi tâm ý cũng đã thành tựu phước rồi. Đừng lo, đức Chánh Đẳng Giác biết rõ điều ấy và ngài sẽ chú nguyện tâm thành ấy cho chúng ta.

Thế rồi, công việc được tiến hành.

Hôm ấy, đức Phật và Tăng chúng trên đường sang nhà ông triệu phú, lộ trình theo lối hậu cung thì gặp một số đông nam nữ giai cấp thủ-đà-la đặt vật phẩm cúng dường rất trang trọng, rất phải phép do họ đã được cô thị nữ Khujjuttarā đã ý tứ hướng dẫn. Trên lầu cao, những cung nga thể nữ thò đầu và tay ra ngoài với những cành hoa vẫy đưa qua đưa lại. Đức Phật dừng chân. Và như tâm ý cùng liên thông, chư Tăng cũng dừng lại và đều lặng lẽ quay mặt về phía họ để thọ nhận vật thực.

Đức Phật sử dụng thần thông, nói một câu pháp thoại “*tỳ hỷ*” như rót vào tai họ và cho cả chư thiên, thọ thần quanh vùng đều được nghe:

- Cúng dường tâm ý là cách cúng dường của chư thiên. Với chính tâm, thành ý này, Như Lai chúc phúc cho quý cung nương sắc đẹp, sức khỏe, trường thọ, an vui và trí tuệ. Hãy duy trì đức tin với thiện pháp để bước đi an toàn nơi cõi trời và người!

Mấy trăm cung nga thể nữ xiết bao hoan hỷ. Thêm một lần nữa, có người đạt tâm bất thối. Riêng hoàng hậu Sāmāvati mừng vui đến đẫm nước mắt.

Chỉ cúng dường được một hôm thì bị thứ hậu Māgaṇḍiyā tình cờ phát giác. Bà hỏi một cung nữ lý do những cái lỗ tròn trên lầu hậu cung. Cô ấy vô tình và vui thú tiết lộ.

- Chúng tôi chiêm bái và cúng dường đức Phật và Tăng chúng qua cái lỗ tròn ấy.

Thứ hậu Māgaṇḍiyā mỉm cười như không có chuyện gì, vô sự bước đi nhưng trong lòng lại nghĩ: “*Ta có mối thù*

‘bất cộng đái thiên’ với ông Gotama, y đã từng si nhục ta, phi báng ta một cách quá đáng. Đây quả là dịp để ta sẽ phục thù, rửa hận. Còn mấy trăm con tiện tì, a đầu này cùng a dua theo bà Sāmāvati, ta cũng sẽ làm cho cả bọn chúng biết tay!’

Đến gặp đức vua Udena, bà thứ hậu Māgaṇḍiyā tìm có tâu rằng:

- Mấy trăm cung nữ của chánh hậu đang có âm mưu gì đó nên đã khoét những cái lỗ tròn sau vách lầu hậu cung. Một là muốn tư thông với bên ngoài, hai là có âm mưu bất chánh gì đó, đại vương phải đề tâm một chút!

Đức vua mỉm cười:

- Hoàng hậu rất trang nghiêm, mẫu mực, đứng đắn nên những cung nữ ở đây cũng học được một phần nào đức tánh tốt của bà ấy. Họ không làm gì đáng ngại đâu.

- Đại vương hãy quá bộ ngọc thể đến xem. Tiện thiếp không hề nói sai ngoa.

Đến lần thứ ba, chẳngặng đặng dừng, đức vua đích thân đến xem và thấy những cái lỗ khoét tròn.

Hoàng hậu Sāmāvati tình thật kể lại đầu đuôi tự sự cho vua nghe rồi kết luận:

- Họ không dám bước ra ngoài theo điều lệ của hậu cung. Họ cũng có tâm muốn bố thí, cúng dường đến đức Phật và Tăng chúng như tiện thiếp vậy. Kính xin bệ hạ cho họ một đặc ân, ấy là niềm vui tín ngưỡng thiêng liêng trong lòng họ!

Đức vua đáp:

- Hậu khéo nói quá! Ủ! Quả thật điều ấy thì trăm cũng phải nên trân trọng.

Nghĩ hơi một lát, nhìn những cái lỗ trống hoác, đức vua chỉ tay nói:

- Nhưng gió bão, cáo, chồn, chim, chuột có thể từ chỗ ấy mà vào, sẽ bất ổn, bất tiện cho việc ăn ở ngủ nghỉ. Trăm sẽ cho người thiết kế một loại cửa đặc biệt để lấp trống những cái lỗ ấy lại. Làm sao để cho cung nga thể nữ cũng đưa được tầm mắt ra bên ngoài mà còn ngăn được thú vật, gió dữ, gió lạnh, gió chướng nữa.

Thế là mấy ngày hôm sau, thợ thầy đặc biệt của hoàng gia đã lấp kín các lỗ trống bằng một loại cửa có tên gọi là "*Khuddacchiddakavātapānāni*"¹. Từ đó về sau, cung nga thể nữ có thể chiêm ngưỡng đức Phật và Tăng chúng, có điều là họ không thể thò đầu và tay ra ngoài được nữa. Tuy nhiên, có lẽ đức Chánh Đẳng Giác cũng biết nhân, duyên và quả của nó nên ngài đã dạy trước cho họ là cúng dường bằng tâm ý là cách cúng dường thanh tịnh và vi tế của chư thiên!

Thứ hậu Māgaṇḍiyā là ai mà lại thâm thù đức Phật đến như vậy?

Năm trước đây, cũng tại Kosambī, hôm kia, trời mây thưa, gió nhẹ có vẻ tạnh ráo, sáng sớm, đức Phật lại ôm bát ra đi một mình. Ngài đi rất xa về phía Tây Bắc thuộc

¹ Không biết chính thức tên là gì - nhưng sau này người ta cải tiến trở thành cửa sổ được gọi tên là "cửa sổ mắt cáo".

thượng nguồn sông Yamuna, đến vùng Kuru, thị trấn Kammāsadhamma¹, gần các ngôi đền thờ các vị thần của bà-la-môn giáo. Đức Phật tọa thiền suốt đêm tại một vòm cổng bằng đá, sáng ngày, ngài ôm bát theo con lộ chính trong thị trấn để khát thực. Trời mưa rất nhẹ, chỉ như sương mù lay bay, đường đất thấm nước, không có bụi, khí trời mát mẻ. Đây là vùng đất, là xứ sở của bà-la-môn giáo! Các vị sa-môn, chư tỳ-khưu cho biết rằng, ở đây rất khó kiếm vật thực. Mặc dầu đời sống cư dân khá sung túc nhưng họ không đặt bát cho người khác tôn giáo! Tuy nhiên, nhờ tướng hảo quang minh, sự sáng chói từ hào quang lan tỏa nơi ngài hấp dẫn lôi cuốn mọi người nên vật thực ngài cũng có đủ! Lựa tìm một cội cây tại ngã ba đường, đức Phật xếp bốn tấm y hai lớp rồi ngồi độ thực. Dùng xong, ngài trú quang định để chờ đợi hai kẻ hữu duyên sẽ đắc quả A-na-hàm (Anāgāmi)!

Thị trấn Kanumāsadamma có một bà-la-môn gia chủ hữu danh, đây là ông bà Māgaṇḍi. Suốt đêm, ông ở trong đền để chăm lo việc tế thần lửa, trên đường về nhà, ông chợt thấy đức Phật ngồi dưới cội cây! Sững sốt, ông đứng lặng, ngắm nhìn mê mải! Ôi! Vị này là ai mà đẹp quá!? Cả thân thể sao mà tỏa sáng như châu ngọc! Từ vùng trán, khuôn mặt, cái mũi, cái miệng, chân mày, đôi mắt, vai, ngực, chân tay... cả những ngón tay... đều do thợ điêu khắc tuyệt hảo của đức thần Brāhmā! “Chà! Ông tự nghĩ – Ta có cô con gái xinh đẹp tuyệt trần, nếu có được một chú

¹ Hoặc Kammāsadamma - gần Delhi ngày nay.

rẻ đông sàng tướng hảo tuyệt mỹ như thế này thì mới thật là xứng đáng!” Nhà ông cũng ở gần đây nên ông hấp tấp đến báo cho bà hay: “Này bà, có một chàng trai tuyệt đẹp, đúng là quý nhân, quý tướng! Bà hãy mau đến góc cây đầu đường kia mà xem! Ta đã chọn cho con gái rọu của chúng ta một tấm chồng đấy!”

Đức Phật biết chuyện gì xảy ra nên ngài bước xuống, để lại một dấu bàn chân¹ rồi đi sang hướng khác.

Khi hai ông bà Māgaṇḍi dẫn cô gái Māgaṇḍiyā tìm đến thì không thấy đức Phật đâu mà chỉ thấy dấu bàn chân có cả ngàn cặm bánh xe, trông rõ ràng như điêu khắc ở trên đất. Hai ông bà vốn có tài xem tướng, bà giỏi hơn ông, thấy dấu bàn chân lạ lùng nên đồng ngồi xuống, sẫm soi nhìn kỹ.

Bà nói:

- Không phải là dấu bàn chân của con người, ông mà ạ! Ông trông có lầm chăng? Đâu có phải của con người?

- Con người thật mà! Ông gật đầu “*chắc nui*” - Ta thấy rõ là con người bằng xương bằng thịt thật mà!

- Thế thì lạ lùng quá! Dấu bàn chân này oai lực lắm!

Ông tròn mắt, gặng hỏi:

- Ma vương chăng?

- Nói bậy!

- Quý vương chăng?

- Càng nói bậy!

¹ Nguyễn lực để lại dấu bàn chân được gọi là “Pādacetiya”.

- A-tu-la vương chẳng?

- Đừng có “hàm hồ”! Bà chau mày, nói như gắt - Dấu bàn chân này rất trung chính, chẳng có tà ma, quỷ quái nào ở đây cả!

- Vậy thì thọ thần, chư thiên gì ở đây rồi!

- Còn chưa đáng kể gì! Vị này còn cao sang, oai lực hơn nữa kia!

- Đại phạm thiên chẳng?

- Cái này thì tôi chịu! Bà lắc đầu – nhưng dấu bàn chân này phải là của một con người đã tận diệt mọi khát dục, khát vọng ở đời nên mới đạt được cái vẹn toàn và chí mỹ như vậy!

- Khiếp! Thế là không thể bắt người này làm chồng con gái cung của chúng ta nữa hay sao?

Bà trầm ngâm một lúc, có lẽ suy nghĩ lung lăm, sau đó, bà thở dài, nói như hơi gió thoảng:

- Hồng rồi ông mày ạ! Theo tôi được học thì dấu bàn chân có ngàn cặm bánh xe như thế này, trong nhân tướng học, nói về đại quý nhân thì chỉ có hai người. Một là đức Chuyển luân Thánh vương, hai là đức Phật Chánh Đẳng Giác. Nếu là Chuyển luân Thánh vương thì luôn có bảy cô tiên nữ diễm lệ theo hầu, con gái ta cũng không bén mảng tới được. Tuy nhiên, vì dấu bàn chân này quá thiêng liêng và trong sạch nên ta phải loại bỏ ông này ra. Vậy chỉ còn là dấu bàn chân của đức Chánh Đẳng Giác thì con gái ta đẹp như chúa của tiên nữ, vị ấy cũng không thềm để dính một ngón chân đâu!

- Phải đấy, này hai ông bà Māgaṇḍi - Đức Phật đã đứng bên vệ đường, gần sát bên họ, cất giọng phạm âm - Nhận xét như vậy là chính xác, là đúng đắn! Thuở ấy có ba cô tiên nữ thiên kiều bá mị, là con gái của Đại ma vương, chúa cõi trời Paranimmita-vasavattī¹ nỡ nường, lả lơi, gọi tình; đã đến quyến dụ Như Lai, mê hoặc Như Lai bằng thiên sắc, thiên âm, thiên hương... Phải biết rằng, thiên sắc ấy tế nhị, thù thắng, mỹ diệu. Thiên âm ấy tế nhị, thù thắng, mỹ diệu. Thiên hương ấy tế nhị, thù thắng, mỹ diệu. Thế nhưng, một sát-na nhanh như ánh chớp, Như Lai cũng không để cho lục căn bị vướng vào đâu cả. Như Lai không hề động tâm! Huống hồ là cô gái đẹp của ông bà!

Rồi đức Phật đọc lên câu kệ:

*Đã nhận thấy sự rỗng không, bọt bèo, bất tịnh của ái dục, bất mãn và tham vọng, Như Lai không còn thích thú, đắm say trong dục lạc phù phiếm của ái tình nữa. Cái thân thể xú uế, ô trược ấy là cái gì? Như Lai không bao giờ muốn sờ chạm đến nó, dầu chỉ đụng bằng chân!*²

Lạ lùng làm sao, đức Phật chỉ nói chừng ấy, xác chứng một sự thực mà ông bà Māgaṇḍi tức khắc, chứng quả Bất Lai; cả hai ông bà quỳ năm vóc sát đất, đánh lễ ngài với lòng tri ân vô hạn. Riêng cô gái Māgaṇḍiyā thì tức tưởi, khóc lóc bỏ chạy! Cô thấy mình bị sỉ nhục một cách đau

¹ Cõi trời Tha hóa tự tại.

² Phỏng dịch từ câu kệ ngôn: "Disvāna taṇhaṃ aratim rāgaṅca. Nāhosi chando api methunasmiṃ. Kimevidam muttakarisaṇṇaṃ. Pādāpinaṃ samphusitum na icche".

đón khi đức Phật chê thân thể cô xú uế, ô trược... không muốn sờ chạm đến, dầu chỉ đụng bằng chân! Xác xược thể là cùng! Vậy nên, bắt đầu từ đây, cô cột oán kết với đức Phật bằng một mối hận thù sâu sắc. Cô quyết tìm cơ hội báo thù.

Còn ông bà Māgaṇḍi, sau khi để lại toàn bộ gia sản cho người em trai là bà-la-môn Cūlamāgaṇḍi, gọi gắm chăm sóc cô con gái, hai người tìm đến khu rừng lớn Bhesakaḷā xin xuất gia, trở thành tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, không lâu sau họ đắc quả A-la-hán.

Riêng ông em trai Cūlamāgaṇḍi, sau này đi đâu cũng nghe mọi người chế nhạo cháu ông, cô gái Māgaṇḍiyā, là cái cô mà đức Phật không dám sờ đụng, dầu là sờ đụng bằng chân! Tức giận quá, tự ái quá, ông bèn mua sắm xiêm trang, châu báu rồi trang điểm cô ta đẹp như tiên nữ rồi đem dâng cho đức vua Udena, với lời dặn nhỏ: *“Sau này, khi đạt được địa vị, danh vọng, quyền lực thì tìm cách trả thù cho bằng được mối si nhục của con đối với ông Cū-đàm đấy!”*

Đức vua Udena vốn háo sắc, tuy nhiên, đúng là cô ta rất đẹp, bèn phong cho cô làm hoàng phi, sau đó là thứ hậu. Còn ông cậu, bà-la-môn Cūlamāgaṇḍi, do cô Māgaṇḍiyā năn nỉ ỉ ôi với đức vua nên được phong làm quốc trưởng!

Vậy, nguyên nhân mà thứ hậu Māgaṇḍiyā hận thù đức Phật rồi hận thù lây lan sang chánh hậu Sāmāvati là vì thế!

Hôm kia, thấy âm mưu tố cáo của mình bất thành,

bà thứ hậu Māgaṇḍiyā tự nghĩ: “Đức vua dẫu sủng ái mình nhưng vẫn đang còn trọng vọng chánh hậu. Vậy chưa thể làm hại cả bề lũ chúng được. Việc ta cần làm ngay là hãy tập trung vào ông sa-môn Gotama. Phải đối phó, phải hạ nhục ông ta trước đã!”

Nghĩ thế xong, bà cho gọi một vị quan hậu cung thân tín, tìm gặp những tay đầu sỏ du đãng, côn đồ, trộm cắp trong kinh thành, tung tiền bạc cho chúng, chỉ để làm duy nhất một việc như sau: “Bất cứ đâu, bất cứ lúc nào, sa-môn Gotama và đệ tử của ông trì bình khát thực, đi và về trên các ngã đường; bọn chúng phải mắng nhiếc, lăng mạ, chưởi rửa bằng bất cứ lời tiếng gì cay độc nhất, xấu xa nhất, thô bỉ nhất, hèn hạ nhất, dơ bẩn nhất... Càng chưởi ‘hay’ chùng nào, nhục mạ ‘đẹp’ chùng nào sẽ được tiền thưởng nhiều chùng ấy!”

Thế là ngày hôm kia, khi đức Phật dẫn đầu Tăng chúng chùng trăm vị, có thị giả Nāgita theo hầu, từ lâm viên Ghositārāma bộ hành đi đến nhà ông bà triệu phú Ghosaka, khi vừa quành ngang con lộ dẫn vào thành phố thì một bọn đầu trộm đuôi cướp ở đâu đó ùa ra chưởi rửa, nhiếc mắng...

Đức Phật biết chuyện này nên nói nhỏ vừa đủ cho chư Tăng bên sau nghe:

- Bà thứ hậu Māgaṇḍiyā trả thù đấy! Hôm nay họ sẽ nhiếc về những con thú!

Và quả vậy! Nào là “*Những con chó hủi, hãy lui đi khỏi thành phố!*” Nào là “*Này, đàn bò lộn giống, hãy cút đi!*” Nào

là “*Này, bọn heo đê tiện! Kinh thành này không phải là cái máng heo cho bọn bây!*”... Chúng chửi nhiều lắm, chúng ví von nhiều lắm! Từ chó, bò, heo rồi sang chuột đồng, bọ hung, lừa, lạc đà, súc sanh, sâu kiến, dòi bọ... hay bất cứ con vật xấu xí nào mà chúng vừa nghĩ ra được! Tuy nhiên, các vị thánh nghe thì mỉm cười trong tâm, còn phàm Tăng, kể cả tôn giả Ānanda thì nghe xón tai, tức không chịu nổi.

Thế rồi, ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư... hết thú vật, chúng quay sang chửi máng ma xó, quỷ đói, dạ-xoa thúì... Hết ma quỷ, dạ-xoa... chúng quay sang phỉ báng người: Bọn bây là kẻ ngu si, quân cướp ngày, phường ăn bám, bọn ăn hại, lũ điên khùng... Hết người chúng nói ra những cái dơ bẩn nhất như hầm phân, đống dòi, máu dơ, đờm dãi, nước tiểu, cầu xí...

Hôm ấy, khi đã về đến tu viện, chúng còn tập hợp cả một đám người say rượu dử dẩn, mặt đỏ như mặt trời, lăm lăm đui gậy, đao kiếm với sát khí đằng đằng rồi cất tiếng hăm dọa nữa:

- Chúng tao gọi lời tối hậu cho ông Cù-đàm và bè lũ, là hãy rút khỏi Kosambī, bằng không sẽ không an toàn tánh mạng, sẽ bỏ xác trên những con đường đấy!

Một vị tỳ-khưu có vô lậu, có thắng trí, bạch với đức Phật rằng:

- Có nên sử dụng năng lực để giáo hóa chúng không, bạch đức Tôn sư?

- Chưa cần thiết đâu, này con trai! Lửa bùng lên ở đâu

thì lửa sẽ tự tắt ở đây!

Đức Ānanda thưa:

- Chúng mạ ly, phỉ báng quá đáng, đệ tử không chịu nổi. Hay là chúng ta đi qua nơi khác?

- Đi đâu hở Ānanda?

- Thị trấn nào, thành phố nào cũng được!

- Vậy nếu ở đó cũng bị chửi rủa, mắng nhiếc nữa thì ta phải làm sao?

- Thì ta lại đi sang vùng khác.

- Nếu vùng khác ấy lại được tái diễn sự việc giống như mấy ngày hôm nay thì ta phải làm sao?

- Thì ta sẽ đi nữa!

Đức Phật mỉm cười, nụ cười dịu dàng và mát mẻ như vàng trắng mùa thu:

- Và nếu cứ đi nữa, đi mãi cho đến hết kiếp quả địa cầu cũng sẽ không có nơi đâu là an toàn, là an ổn, là vừa lòng, là toại ý ta được. Đây là định luật của pháp, sự thực bất toàn của pháp! Chẳng nên làm thế đâu, Ānanda! Chỗ nào mà ngại pháp, chướng pháp, hại pháp, nã pháp phát sanh thì ta sẽ lắng nghe, chịu đựng, rỗng không, tĩnh lặng, từ, nhẫn, xả để làm lắng dịu chúng, xa lìa chúng, đoạn trừ chúng, dập tắt chúng... ngay tại chỗ ấy.

Đức Ānanda tuy hiểu biết sâu xa vấn đề ấy, nhưng không biết tại sao trong tâm ông ta vẫn còn “nhẫn nhỏ”, chưa yên:

- Vậy biết bao giờ mới chấm dứt, thưa Tôn sư?

- Loại phiền não này phát sanh từ đâu, do đâu hử Ānanda?

- Thưa, chúng thuộc “*khâu thiết*”, xâm ngôn, loạn ngữ, ác khẩu...

- Ủ, nếu chúng thuộc khẩu, đối với Như Lai, đối với một vị Chánh Đẳng Giác thì không có một năng lực lời tiếng nào của thế gian có thể tồn tại quá bảy ngày. Vậy, sau bảy ngày, chúng sẽ tự diệt, này Ānanda!

Buổi chiều, trong giờ pháp thoại, đức Phật giảng một thời pháp liên hệ đến nội dung kể trên rồi cũng kết luận tương tự:

Như một thót voi ra giữa trận tiền, phải hứng chịu hằng trăm ngàn mũi tên, hòn đạn từ bốn phía bắn vào; cũng vậy, là sa-môn khát sĩ như Như Lai và chúng đệ tử của Như Lai đi giữa cuộc đời cũng phải nhận chịu tất cả tiếng lời gièm pha, nhiếc mắng, mạ lỵ, phỉ báng, sỉ nhục từ những người không có đức tin, kẻ thiếu trí, ác giới, cuồng si, điên loạn. Vậy phải biết nhẫn nhục, mát mẻ, vắng lặng, rộng không với tâm từ, với tâm xả! Làm được như thế mới thật xứng đáng là phẩm hạnh của sa-môn ôm bát xin ăn cao thượng đi giữa cuộc đời.

Rồi đức Phật đọc lên một bài kệ: *Thót*

voi đứng giữa trận tiền Hứng

bao mũi đạn, lẫn tên sá gì Như

Lai chịu đựng ác tri

*Nhẫn chịu ác giới, ngu si lòng người!*¹

¹ Pháp Cú 320: Ahaṃ nāgo' va saṅgāme cāpāto patitaṃ saraṃ. Ativākyam titikkhisaṃ dussilo hi bahujjano.

Dường như muốn bổ túc thêm cho tròn đầy ý nghĩa, đức Phật đọc thêm hai bài kệ nữa.

Một, nhân mạnh đức tính nhẫn nại vô úy và vô thương của sa-môn:

*Ngựa, voi đã luyện, đã thành
Con nào thuần nhất để dành vương quân
Cao thượng nhất giữa nhân quần
Chịu đựng phỉ báng, dao đâm tiếng lời!*¹

Hai, nói lên đức tính quý báu của sa-môn là phải tự thu thúc, tự điều tiết, tự chế ngự lời nói và hành động:

*Con la tinh thực quý thay
Ngựa kỳ, ngựa ký tung mây, quý là!
Quý sao, voi lớn có ngà
Quý hơn tất cả, chính ta tự điều!*²

Rồi đúng như đức Phật tiên tri, bảy ngày sau thì chuyện nhicc mǎṅg, phỉ báng kia tự động chấm dứt. Lý do là bà thứ hậu thấy tổn vàng, tổn bạc quá mức, nhưng “ông Gotama và đệ tử của ông ta” cứ “trơ trơ” như khúc gỗ, xem ra chẳng có tác dụng gì! Bà đành chịu thua, sẽ nghĩ cho ra mưu kế thâm độc khác.

Hôm kia, nhằm ngày đức vua đǎi yեն các quan đại thần, thứ hậu Māgaṇḍiyā khởi tâm xin vua được trông coi công việc ngự thiện. Bà nảy sanh ý nghĩ là phải trả thù

¹ Pháp Cú 321: Dantaṃ nayanti samitim dantaṃ rājābhirūhati. Danto seṭṭho mannussesu yo’ tivākaṃ titikkhati.

² Pháp Cú 322: Varam assatarā dantā ājāniyā ca sindhavā. Kuñjarā ca mahānāgā attadanto tato varam.

chánh hậu Sāmāvati cùng mấy trăm cung nga thể nữ¹ mà theo bà, chúng nó cứ xu hướng sa-môn Gotama, tin tưởng sa-môn Gotama thật là dễ ghét.

Để khởi đầu mưu thâm kế độc của mình, bà bàn chuyện với ông chú ruột Cūlamāgaṇḍi, bây giờ nghiêm nhiên là bậc quốc trọng, những việc cần làm và làm những gì, làm như thế nào. Trong đó có việc, nhờ ông chú mang đến tám con gà trống loại quý hiếm đang còn sống và tám con gà trống đã chết. Còn mọi việc trong triều, bà Māgaṇḍiyā đã tỉ tê bàn tính với viên cận thần bồi yến, viên cận thần hầu rượu và đút lót cho họ đầu vào đầy cả rồi!

Đúng giờ hẹn, ông quốc trọng Cūlamāgaṇḍi mang đến cung một chiếc lồng lớn được che chắn kín đáo, trịnh trọng đến dâng cho đức vua, tâu rằng:

- Đây là tám con gà trống, chúng có sắc lông đen tuyền², theo thầy thuốc cho biết, nếu nấu cháo hầm với gạo lúa sālī, chưng thêm nhân sâm thì chắc gân, bổ xương và còn cường dương, tráng kiện nữa. Cả kinh thành này, hạ thần lòng mua, chỉ có được tất thảy là tám con, hôm nay xin được dâng lên bệ hạ, chúc sức khỏe của người và chúc người sống lâu muôn tuổi.

Đức vua rất đẹp dạ, cười ha ha:

- Quý hóa thay! Nhưng mà sống làm chi đến muôn tuổi dữ vậy?

¹ Kinh Pháp Cú nói là 500 vị.

² Ta gọi là gà quạ.

Ông quốc trượng còn cẩn thận hé lồng cho vua thấy vài con gà loại quý hiếm ấy, vì thật ra, chỉ được mấy con gà đen, số còn lại là gà thường và cả tám con gà chết nữa, rồi trao cho viên cận thần bồi yến, đều là một phe của ông ta cả.

Viên cận thần hầu rượu lại góp ý cho mưu kế của bà thứ hậu được vẹn toàn:

- Chỉ có hoàng hậu Sāmāvati vốn cẩn thận, chu đáo mới có khả năng sai bảo, chỉ bày cho các cung nữ làm món ăn “*thích khẩu*” này để kính dâng bệ hạ ngự thiện mà thôi!

Viên cận thần hầu rượu để thêm:

- Đúng vậy đó, tâu đại vương! Làm món ấy không ai bằng đức chánh cung!

Đức vua đâu có biết đây là mưu kế gì, cứ vô tư ừ hử gật đầu.

Thế rồi, viên cận thần bồi yến, mang lồng gà ra sau, giấu tám con gà chết, mang tám con gà sống đến cung hoàng hậu truyền đạt lệnh của đức vua, đồng thời kể lại cách làm món ngự thiện ấy.

Thấy tám con gà đang còn sống, hoàng hậu ngần ngại chưa biết nói sao thì cô thị nữ Khujjuttarā lưng gù la bai bãi:

- Không được đâu là không được đâu! Chúng tôi ở đây ai cũng giữ gìn giới hạnh trong sạch cả. Chẳng ai đang tay giết hại mạng sống của chúng sanh. Xin cảm phiền ông mang đi chỗ khác. Việc ấy thì nhà trù hoàng gia làm cũng được mà!

Viên cận thần đưa mắt có vẻ hỏi han, nhìn hoàng hậu Sāmāvati. Bà nhè nhẹ, mỉm cười:

- Đúng như vậy đó! Tại bốn cung, ai cũng giữ năm giới hoặc tám giới cả. Ông hãy về tâu trình lại với hoàng thượng điều ấy, đích thân ta sẽ nói với ngài sau.

“*Vậy là khớp với kế hoạch*”, nghĩ thế xong, viên cận thần trở lại trình báo với đức vua, kể lại việc hoàng hậu từ chối việc làm thịt tám con gà sống.

Đức vua im lặng chưa tỏ thái độ gì, thì thứ hậu Māgaṇḍiyā đã mau mắn nói:

- Chỉ là cách viện cớ để thoái thác công việc một cách khôn ngoan thôi, tâu đại vương!

- Tại sao? Vua nhăn mày hỏi.

Bà Māgaṇḍiyā được dịp tố cáo:

- Từ khi thiếp phát giác những cái lỗ tròn, biết hoàng hậu Sāmāvati và các cung nữ ở đây đã có “*chuyện gì đó*” với ngoại nhân mà bệ hạ không tin. Cụ thể họ đã có tâm địa “*ri khác*” với sa-môn Gotama, có xu hướng đến sa-môn Gotama, nghiêng lệch về phía sa-môn Gotama, vì ông ta tướng hảo quang minh, cao sang, đẹp đẽ; nữ nhân nào nhìn ông ta, thấy ông ta mà không rung động trái tim? Vậy đó! Nếu muốn xác chứng sự thật ấy, bệ hạ hãy nói lại với họ là làm món này để dâng cúng cho sa-môn Gotama là họ sẽ làm ngay tức khắc cho coi! Với bệ hạ thì họ viện cớ chuyện sát sanh, còn đối với sa-môn Gotama thì lại khác, họ sẵn sàng giết, hoan hỷ giết! Bên nào khinh, bên nào trọng, bệ hạ thử là biết ngay liền hà!

Nghe được chuyện ấy, đức vua Udena lòng chùng xuống, rồi bất giác, ông gật đầu:

- Ủ, cứ thử vậy xem!

Viên cận thần bồi yến “*tâu vàng*” rồi lanh lẹ ra lổi sau, trao tám con gà sống, lấy tám con gà chết mang đến cung của hoàng hậu Sāmāvati:

- Tâu! Đức vua biết chánh hậu là người có giới nên sai hạ thần mang tám con gà chết này để cung nữ làm món ăn đặc biệt rồi dâng cúng đến sa-môn Gotama!

Mấy cô thị nữ bên cạnh thấy “*vật đã chết rồi*”, lại dâng cúng cho sa-môn Gotama nữa nên họ mau mắn nhận gà rồi hoan hỷ nói:

- Việc làm này là chơn chánh! Đúng là phận sự của chúng tôi đây!

Thế rồi, bữa ngự yến hôm đó, đức vua không dùng được bao lăm. Ngài buồn. Vì rõ ràng, hoàng hậu Sāmāvati và mấy trăm cung nữ họ đã trọng vọng sa-môn Gotama hơn ông. Rồi đức vua lại nghĩ tiếp, liên tưởng sâu xa hơn:

- Sa-môn Gotama vốn gốc là thái tử thuộc dòng dõi Thái Dương anh hùng, đến ngày đăng quang, ông ta lại từ bỏ vương vị, vợ đẹp, con xinh, ba tòa Cung Vui để xuất gia tầm đạo. Thanh danh của ông, từ khi xuống núi độ đời, chưa hề dính một chút bụi phàm tục. Ngay chính thứ hậu của ta, diễm lệ kiêu sa thế đó mà ông ta còn bảo là “không sờ đụng dẫu là sờ đụng bằng chân!” Một nhân cách thanh cao, trong sáng vẹn toàn như thế thì hậu của ta, cung nữ của ta kính trọng, quy y theo cũng là chuyện

đương nhiên! Việc mà thứ hậu bảo là có “ri khác” với sa-môn Gotama, hẳn nhiên là phải loại ra rồi! Lại còn cái giáo pháp mà ông ta đang tuyên thuyết nữa? Chắc phải là kỳ tuyệt vô song nên mới vô hiệu hóa uy lực của kinh điển Vệ-đà và truyền thống Bà-la-môn. Mọi điện đài thiêng liêng của tín ngưỡng, tôn giáo, triết học cùng mười ngàn năm văn minh của tộc người thượng đẳng Aryan này đã bị sa-môn Gotama đốn gục, hạ bệ không còn dư tàn. Ta đã từng nghe các vị lão thần minh triết ở xứ sở này tường trình, tâu báo lại như vậy, hẳn là không sai ngoa! Vậy, cung kính, cúng dường một bậc thanh tịnh như vậy cũng là phải lẽ. Và việc ấy, ta cũng nên khuyến khích, vì sao? Vì khi mà những giá trị tôn quý của tinh thần và những uy đức thiêng liêng còn được trân trọng, bảo lưu, gìn giữ thì quốc độ sẽ được thanh bình, an lạc! Các vị tiên đế cũng đã từng dạy bảo như thế! Chính vì lẽ này, ta mới hiểu ra, tại sao hai vị đại vương lớn của châu Diêm-phù-đề là đức vua Bimbisāra, kinh đô Rājagaha nước Magādhā, và đức vua Pāsenadi, kinh đô Sāvatti nước Kosala lại cùng quy hướng về và cả hai triều đình đều đã trở thành cận sự nam, cận sự nữ trong giáo hội thánh đức ấy? Rồi còn quân vương các nước cộng hòa chiến sĩ anh hùng Licchavī, thủ đô Vesālī; nước cộng hòa Videha, thủ đô Mithilā và liên bang Vajjī nữa? Rõ là ta đã nghe tràn tai về cả thành phần ưu tú của giáo hội ấy nữa, nam cũng như nữ. Họ đã quăng vắt tất cả vinh quang của cuộc đời này như tấm giẻ rách để lên đường xin ăn, sống đời bần hàn ta-bà vô trú! Ồ, còn ta là gì nhỉ? Ta là gì nhỉ? Một đức vua nhỏ bé, như hạt cát,

lại dám nghi ngờ nọ kia với hậu của ta? Một con người có sắc đẹp thù mỹ, dịu dàng lại có cả tâm hồn đôn hậu, chân thật, khiêm cung, bao dung, quảng đại lại chưa có lỗi lầm gì với ta? Họ cúng dường sa-môn Gotama thì sao nào? Mà thôi, cứ để đấy đã, chớ quyết định điều gì một cách vội vàng! Đức vua thờ dài - nghĩ là tự mình sẽ âm thầm điều tra, chẳng thể tin ai được. Bà thứ hậu được cái sắc đẹp lôi cuốn ta nhưng lúc nào nói cũng quá nhiều. Đàn bà mà nói nhiều thường lắm chuyện, nếu không phù phiếm, nhảm nhí thì cũng ba hoa, xảo ngôn, thiếu chân thật!

Nghĩ thế xong, đức vua trầm tĩnh trở lại.

Đức vua Udena có một hoàng hậu là Sāmāvati cùng hai thứ hậu, đó là Vāsuladattā và Māgaṇḍiyā. Về chuyện phòng the thì cứ luân phiên, mỗi bà như vậy, ông vua này thường ngự ở đây bảy ngày. Ba bà có ba cung đặc biệt và cung nga thể nữ riêng¹ do mỗi bà tự tuyển chọn hoặc đức vua - tùy theo mức độ sủng ái mà ban phát cho.

Gần một năm nay, trong ba bà thì đức vua sủng ái thứ hậu Māgaṇḍiyā hơn, tuy nhiên, với các bà kia đức vua cũng có thỉnh thoảng!

Chuyện xảy ra vừa rồi làm đức vua khởi ý là sẽ viếng thăm cung vui của hoàng hậu Sāmāvati để dò xem hư thực như thế nào, vì theo vua, dù sao thì chánh hậu cũng đã có

¹ Các vương triều Ấn Độ cổ xưa không biết như thế nào - nhưng Trung Quốc thì cung nga thể nữ chia nhiều loại, nhiều nhóm khác nhau: Ví dụ tài nữ, học nữ, ca nữ, vũ nữ... Lại còn có một số con gái đẹp được tuyển chọn để đức vua tùy nghi "du hí", được gọi là ngự nữ! Tuy nhiên, chuyện thường xảy ra trở thành thảm kịch trong hậu cung, là có những cô gái sống đến già đời trong cung vẫn chưa được đức vua ban mưa móc lây một lần!

một trai tuấn mỹ, là danh phận đã thành, trước sau bà vẫn là quốc mẫu, không ai thay thế được.

Biết được chuyện ấy, thứ hậu Māgaṇḍiyā lại nững nịu can ngăn:

- Sự thực rõ ràng như ban ngày, đã hai lần thiếp dè chừng mà bệ hạ vẫn không tin. Đêm qua, thiếp nằm mộng dữ, tiên báo có chuyện chẳng lành nếu bệ hạ sang cung của chánh hậu.

- Mộng dữ gì vậy?

Đầu óc kẻ xảo của bà thứ hậu Māgaṇḍiyā xẹt nhanh như lằn chớp trong trí:

- Thiếp thấy một con rắn độc suýt cắn bệ hạ!

Đức vua phì cười:

- Nhưng dù gì thì gì, trăm cũng phải sang đây!

Biết không thể can vua được, bà biểu người tức tốc nhờ ông chú quốc trưởng mang đến một con rắn độc rất nhỏ đã nhổ nọc để sử dụng cho mục đích của mình.

Biết rằng, thường thì tiếng trống lâu thành báo canh đêm, mặt trời vừa tắt, đèn vừa thấp lên là đức vua ngự kiệu sang cung các hậu. Trong lúc đó thì tiểu dạ yến ở chánh cung cũng đã được các cung nữ chăm lo chu đáo. Ca nữ, vũ nữ, nhạc công cũng đã có mặt để hầu tiếp niềm vui cho bậc chí tôn! Ngoài ra, đức vua còn một thú vui là lúc nào, đi đâu cũng mang theo cây tiêu “điều tượng”¹

¹ Pháp Cú chú giải ghi là cây đàn - tôi nghi là cây tiêu, ống tiêu mới có lỗ cho con rắn nhỏ chui vào. Còn “điều tượng” có lẽ là để điều khiển voi chằng?

thỉnh thoảng nhả hứng thổi một vài khúc chơi! Gân đay của cây tiêu này có một lỗ nhỏ thường dùng để buộc một sợi dây lụa kết chỉ vàng lóng lánh. Vậy nên, vào khoảng giữa chiều, bà thứ hậu đã đích thân lèn vào tấm cung¹ của đức vua, bỏ con rắn độc vào trong lỗ ống tiêu rồi khéo tay lấy một bông hoa gấm nhỏ nhét lại giống như vật trang trí.

Đức vua đâu có biết gì. Một đêm vui qua mau, sáng ngày định chuẩn bị dùng sáng rồi đi thiết triều thì thị nữ thông báo là thứ hậu Māgaṇḍiyā muốn dâng đức vua món cháo yến sào tấm bổ, ngài phải thọ nhận. Trong khi hoàng hậu Sāmavati đang sắp xếp vật thực để cho đức vua ngự dụng thì bà thứ hậu giả vờ lảng xãng đi thu dọn vật này vật kia rồi lanh tay rút bông hoa nơi ống tiêu đang còn nằm trên long sàng. Chú rắn nhỏ được giải phóng, ngo nguẩy bò ra.

Chính lúc đó, bà thứ hậu mới hô hoán lên:

- Con rắn độc! Con rắn độc!

Mọi người sững sốt. Thị nữ bên ngoài nghe hô hoán đã chạy vào và họ đã nhanh tay lấy khăn dày bắt con rắn ấy đi. Bà thứ hậu được dịp đổ thêm dầu vào lửa:

- Thấy chưa? Bệ hạ đã thấy chưa? Âm mưu giết bệ hạ rành rành, không còn chôi cãi vào đâu được nữa. Nhưng cảm ơn thượng đế Rāmā đã bảo vệ sanh mạng cho bệ hạ nên suốt đêm con rắn độc này đã ở yên đâu đó trong tấm chăn.

¹ Tấm cung: Phòng ngủ.

Đức vua lặng người, nhìn hoàng hậu một lát rồi trầm tĩnh hỏi:

- Hậu muốn giết hại ta thật à?

Hoàng hậu khuôn mặt không biến sắc, nghĩ là cũng phải biện hộ cho mình nên đáp:

- Tâu bệ hạ! Việc ấy, đệ tử của đức Phật không bao giờ làm, huống gì thiếp lại rất yêu kính bệ hạ. Việc ấy lại càng không thể, nếu con rấn ở trong chấn suốt đêm, hóa ra thiếp lại ngu dại tự giết mình! Việc càng vô lý hơn nữa, là con trai thiếp đã được bệ hạ đương nhiên cho kế thế ngôi vị thì thiếp còn mong cầu gì hơn trên đời này nữa?

Thấy cũng có lý nên đức vua nín lặng, phân vân chưa biết xét thế nào.

Bà thứ hậu tung ra đòn độc cuối cùng:

- Tham vọng quyền lực của con người khó hiểu lắm, tâu đại vương! Bệ hạ mất, bé trai kia sẽ lên làm vua, và người buông màn nhiếp chính bên sau là ai, bệ hạ rõ rồi. Và đương nhiên người làm vua nước này, thâu tóm mọi quyền lực cho bản thân, cho dòng họ cũng hữu lý lắm chứ, tâu đại vương!

Như điếm trúng yếu huyệt. Nó là sự hữu lý, là ông chánh án của mọi hữu lý trên đời, nên khuôn mặt đức vua tái đi. Hết tái rồi quay sang đỏ rần rần. Con giận của đức vua bị lửa sân thiêu đốt, âm ỉ rồi bốc cháy, vỡ òa trong tiếng hét:

- Địch thân ta sẽ ra tay giết ngươi, con tiện tỳ! Kể cả những cung nữ trưởng phòng, trưởng nhóm, ta cũng giết hết luôn để trừ hậu hoạn!

Buổi chiều, tại pháp trường của cung đình, bà hoàng hậu Sāmāvati và mười cung nữ có chức vụ, hai tay đều được cột bởi những tấm khăn lụa rồi bị lính hộ cung dẫn ra đứng một hàng một.

Thị nữ Khujjuttarā lưng gù, vì thân phận thấp hèn không bị tội, nói với mười một phạm nhân:

- Hoàng hậu không làm! Mấy trăm cung nữ ở đây đều là Phật tử nên cũng không ai làm! Ai có mưu kế ác độc đó thì chúng ta biết rồi. Nhưng khó có thể biện minh. Đây có lẽ do nghiệp quá khứ tối tăm nên bị nó dẫn dắt trả quả xấu. Đức Thế Tôn có dạy rằng: *“Chỉ có tâm từ, năng lượng của tâm từ mới có thể tiêu tai, giảm họa”*. Vậy xin hoàng hậu với quý cung nương cứ trú tâm từ một cách an nhiên và bất động!

- Đúng vậy! Hoàng hậu gật đầu - chúng ta còn rải tâm từ đến cho đức vua và đến cho cả người do si mê mà làm hại ta nữa.

Một việc hy hữu đầy thương tâm sắp xảy ra. Bá quan văn võ đứng đầy đặc hai bên. Người của ba cung sáu viện cũng cùng nhau đứng chen chân không kẽ hở. Ai ai cũng thăm cảm thương nỗi hăm oan của hoàng hậu. Những giọt lệ chảy âm thầm và những tiếng khóc tức tưởi được kìm nén đó đây.

Đức vua Udena vốn nổi tiếng là một tay đại xạ thủ, và sức tay của đức vua vốn vô địch trong triều ngoài nội. Ông không những bắn chuẩn hồng tâm mục tiêu mà còn bắn xuyên một lúc mười mấy thân chuỗi!

Đức vua đã bước ra với cây cung vàng mà ngài ít khi sử dụng. Đây là cây cung được truyền từ nhiều đời - là bảo vật quốc gia - nó rất nặng có tên là Sahassathāmasiṅgadhanu¹ và khi bắn, sức bật của nó thường đi rất xa.

Trong lúc hoàng hậu Sāmāvati cùng mười cung nữ đang bất động tĩnh lặng trú vào tâm từ thì đức vua giương cung lên, búng thử dây cung. Một âm thanh lạ lùng cất lên như xé tan không gian yên lặng. Cả quảng trường im phăng phắc, mọi người căng mắt, nín thở.

Đức vua thò tay phải rút mũi tên vàng lấp vào cung rồi căng mạnh cánh tay. Đức vua tự nghĩ: *“Chỉ một điểm ngay trái tim của con tiện tỳ thì mũi tên kia còn đi xuyên suốt mười trái tim bên sau trở thành một râu như râu chim vậy”*.

Rồi cung bật. Mũi tên lao vút đi như lằn sao xẹt. Mọi người nhắm mắt lại. Có vài tiếng la hét sợ hãi rú lên...

Nhưng chuyện lạ đã xảy ra. Mũi tên vàng vừa tới nơi trái tim của hoàng hậu, nó như bị một sức mạnh vô hình dừng đứng lại. Và rồi, mũi tên như có con mắt, nó chuyển hướng, quay ngoắt về phía đức vua và lao vút đi. Đức vua chưa kịp định thần, chưa hiểu chuyện gì xảy ra thì mũi tên đã đến gần trái tim của ông. Và ngạc nhiên làm sao nó cũng dừng sững lại rồi rơi xuống đất!

Cả quảng trường im phăng phắc, trố mắt, sững sờ.

Đức vua bần thần, thả rơi cây cung, lạnh người. Tự nghĩ:

¹ Tạm hiểu đây là cây cung rất nặng, với sức lực của một ngàn con sư tử mới nhắc lên nổi (?).

- Cây cung truyền đời này, mũi tên đặc biệt này chỉ sử dụng lúc truyền ngôi, với bốn lực sĩ vác đến đặt vào tay thái tử kế vị, yêu cầu phải bắn trúng hồng tâm mặt trống đồng đặt cách xa tối thiểu là một govo¹. Nó có thể xuyên thủng thân cây sàla một vòng ôm. Nó có thể xuyên thủng vách tường thành bằng đá. Thế nhưng tại sao, với mãnh lực nào, uy lực nào nó không dám đụng đến hoàng hậu? Đã không dám đụng đến tội nhân mà nó lại còn quay ngoắt trở lại suýt xuyên thủng lồng ngực ta? Ô! Vậy đúng là do đức hạnh của hoàng hậu rồi! Chính do giới đức và trái tim nhân từ của hoàng hậu mà mũi tên kia cũng không nỡ giết ta!

Xúc cảm tâm linh và cũng thành tâm hồi quá, đức vua ra lệnh lính cận vệ mở trời cho hoàng hậu và mười cung nữ rồi ông bước tới, quỳ xuống bên chân hoàng hậu, chân thành thốt lên:

- Ta thật có lỗi, xin hậu hãy đại lượng tha thứ cho ta!

Hoàng hậu Sāmāvati cầm tay đức vua nâng lên:

- Xin bệ hạ giữ gìn ngọc thể!

Đức vua chưa chịu đứng dậy:

- Hậu tha thứ cho ta chớ?

- Đương nhiên! Thần thiếp không những tha thứ cho bệ hạ bây giờ, mà trước khi, trong khi bệ hạ giương cung bắn thì thiếp và tất cả cung nữ còn rải tâm từ đến cho bệ hạ, đến cho cả người vu oan giá họa hiểm hại chúng thiếp nữa đó!

¹ Là 434 mét.

Đức vua rơi nước mắt:

- Trẫm đã si mê lạc lối bước đi mà không thấy, không biết đường về! Vậy từ nay hậu hãy cho trẫm nương tựa với nhé?¹

- Vậy là rất tốt! Hoàng hậu nói - Nhưng không phải nương tựa nơi thần thiếp mà bệ hạ phải thành tâm nương tựa nơi đức Chánh Đẳng Giác, vì chính ngài mới là bậc cao quý, cao thượng trên đời này. Nơi mà cõi người và cõi trời đều nương tựa.

- Vâng! Ta sẽ quy y với đức Thế Tôn.

- Bệ hạ phải đích thân đi đến chỗ đức Thế Tôn tức khắc bây giờ chứ?

- Vâng! Ta sẽ làm như vậy.

Đức vua nói xong, đứng dậy ân cần nắm bàn tay của hoàng hậu, khẩn thiết nói:

- Ngay bây giờ đây, trẫm chuẩn hứa cho hậu, rằng là hậu mong ước gì, mơ ước gì, sở thích gì, bất cứ điều gì, trẫm cũng sẵn lòng đáp ứng cho. Nên nhớ đây là ân huệ tối thượng đặc biệt trẫm dành cho hậu đó!

- Vâng! Hoàng hậu Sāmāvati mỉm cười nói - Một điều thôi! Và đây được xem như ân huệ tối thượng đại vương ban cho thần thiếp. Là sau khi bệ hạ đến bên chân đức Đạo sư, xin quy y Tam Bảo rồi, thiếp mong bệ hạ cho phép thiếp, thay mặt thiếp thỉnh mời đức Phật cùng năm

¹ Dịch thoát từ câu kệ Pāli: "Sammuyhāmi pamuyhāmi. Sabbā mayhanti me disā. Sāmāvati maṃ tīyassu. Tvañca me saraṇaṃ bhavāti".

trăm vị tỳ-khưu đến hoàng cung để cho chúng thiếp được đặt bát cúng dường và được nghe pháp trong vòng bảy ngày. Đây là ước nguyện khẩn thiết duy nhất của chúng thiếp vậy.

Đức vua khuôn mặt rạng rỡ, gật đầu đồng thuận và trong tâm lại phát sanh lòng kính trọng đối với hoàng hậu vô cùng. Tự nghĩ: *“Bà không xin kim cương trân bảo, xin địa vị, quyền lực, không xin truy cứu kẻ mưu hại mình mà chỉ xin được bố thí, cúng dường, nghe pháp! Ô! Hậu của ta thật sự đã trở thành bậc thánh nhân rồi!”*

Đức vua đứng lặng. Vừa tri ân vừa cảm kích tấm lòng vô lượng của hoàng hậu Sāmāvati. Và ngay giây khắc ấy, đã có một sự chuyển hóa thật sự trong nội tâm của ông.

Quốc vương Udena sau khi quy y Tam Bảo bên chân đức Thế Tôn, thưa bạch lại lời thỉnh cầu của hoàng hậu Sāmāvati rồi lễ độ ngồi xuống một bên để nghe pháp.

Đức Phật biết ông vua này trước đây bản chất hung bạo, thường sẵn sẵn giết vật để làm thú tiêu khiển, lại còn đam mê tử sắc, vừa mới hồi đầu hướng thiện nên ngài không giảng nhiều, chỉ giáo giới ngắn gọn một vài nguyên lý thuộc về đạo trị dân, an dân; một vài đức tính, phẩm chất cần thiết của giai cấp chiến sĩ lãnh đạo, điều hành đất nước. Đức Phật cũng tỏ lời tán thán đức tin thanh khiết của hoàng hậu Sāmāvati trước đây đã hiến cúng khu lâm viên trầm hương cho Ni chúng có chỗ tĩnh cư và chuyện thỉnh mời đặt bát cúng dường bảy ngày tại hoàng cung. Đức Phật cũng nói rõ cho đức vua biết là ngài chỉ đi một

bữa đầu tiên với năm trăm tỳ-khưu, sáu ngày còn lại sẽ có một vị trưởng lão khác đại diện dẫn đầu chư Tăng. Vì ngài còn phải để tâm tiếp độ rất nhiều gia chủ trong kinh thành nữa.

Đúng hẹn và đúng sáng hôm ấy, đức Phật với đại y vắt vai, với bình bát màu mận chín dẫn đầu năm trăm tỳ-khưu, gồm hai trăm vị tại vườn rừng Ghositārāma, hai trăm vị tại vườn rừng Kukkuṭārāma và một trăm vị tại lâm viên Pārārikambavana rồi họ cùng bộ hành về hướng cung vua.

Tại Kosambī, cả ba lâm viên, Tăng chúng gần hai ngàn vị nhưng họ thường chia ra hàng chục đoàn khác nhau, bố trí rải rác khắp thành phố và cả các làng lân cận để trì bình khát thực. Họ ít khi đi một đoàn đông người vì như vậy thì khó đủ vật thực nuôi mạng.

Vào các dịp an cư như năm nay, cả ba lâm viên đều đã có ba vị thí chủ lớn hộ độ hoặc mời thỉnh mời về tư gia nên trường hợp đức Phật dẫn đầu một lúc năm trăm vị tỳ-khưu đi trì bình khát thực thường là vào các dịp đặc biệt. Dân chúng hiếu kỳ đứng xem rất đông. Chuyện đức Phật và Tăng chúng bị bọn du đấng, côn đồ chưởi rửa, mắng nhiếc, phỉ báng, hạ nhục chỉ mới mười ngày trước đây đã trôi về quá khứ. Đức Phật và năm trăm vị tỳ-khưu đi hàng một, thanh thoát, chậm rãi như hình ảnh con rồng màu vàng sẫm nhip nhàng uốn lượn trên các ngã đường như toát ra sự tĩnh tại, bình an, vô tranh, vô sự.

Đức Phật vừa đến cổng hoàng cung thì đồng lúc, lâu

thành mở ra, hai tấm cửa vĩ đại bằng gỗ lim như tự động lùi sang hai bên lộ ra còn đường đá cẩm thạch hun hút đi sâu vào bên trong. Hai tháp canh hai bên cao chón chở bổng vọng lên hai hồi trống canh như báo hiệu “*thượng khách*” đã đến! Ai cũng thầm nghĩ, quốc độ Vamsā dầu là tiểu quốc nhưng cách bố trí vương thành kiên cố như thế này thì không dễ gì các đại quốc xâm phạm được. Có lẽ vì vậy nên ông vua này gồi cao nằm nghỉ và sẵn bản, tửu sắc ăn chơi hưởng thụ!

Thế rồi, buổi lễ đặt bát cúng dường ngày thứ nhất diễn ra vô cùng trọng thể. Hoàng hậu Sāmāvati và mấy trăm cung nữ tươi rạng nét mặt, tới lui sót cơm bánh vật thực cho đức Thế Tôn và Tăng chúng. Riêng đức vua Udena, dầu vậy, đức tin chưa vững vàng, viện cố bận quốc sự, hội họp tại triều đình. Riêng bà thứ hậu Māgaṇḍiyā thì cảm tức, uất hận đầy lòng, lánh mặt trong hậu cung.

Độ thực xong, đức Phật ban bố một thời pháp. Ngài giảng khái quát lộ trình quần quanh từ cảnh giới sinh tử này sang cảnh giới sinh tử khác của tất cả chúng sanh trong ba cõi, sáu đường. Và nhấn mạnh đến bốn cảnh giới đau khổ, thống khổ và các cõi an vui người và trời như thế nào. Sau đó, đức Phật khuyên răn mọi người bố thí, giữ giới, sống đời trong lành, hiền thiện.

Hoàng hậu Sāmāvati và mấy trăm cung nga thể nữ nghe như uống cả vào lòng. Riêng cô thị nữ Khujjuttarā lưng gù thì chú tâm, tư tác lắng nghe pháp cho đến nỗi không thấy, không biết bất cứ cái gì xảy ra xung quanh.

Thời pháp chấm dứt thì cô đã khắc sâu tứ lời vào tâm khảm và có thể thuyết lại cho người khác mà không bỏ sót bất cứ một ngữ nghĩa nào, một chi tiết nào. Chuyện xảy ra trong tâm tư cô thị nữ lung gù chỉ có đức Phật và một số bậc Thánh có thắng trí biết mà thôi.

Sau buổi đặt bát cúng dường còn lại, đức Phật thấy các vị trưởng lão cao hạ đang đi du hóa nhiều phương, chỉ còn đại đức Ānanda là năm hạ, tương đối lớn nên có bốn phận dẫn đầu đi vào cung điện. Và rồi, sáu thời pháp của đại đức Ānanda cũng uyển chuyển, lưu loát như nước chảy của con sông dài; ngôn ngữ, đoán ngôn, kệ ngôn, dụ ngôn đều rõ rõ sáng trong, cụ thể. Sắc tướng của đại đức vốn quang minh, đẹp đẽ, mà ngôn lời, âm thanh của ngài lại như ngọc chạm, như tiếng pha-lê reo, trầm bổng, du dương làm cho thính chúng bị cuốn hút, mê đi, chìm lắng trong biển pháp. Vậy là chỉ mới ngày thứ năm, cung nga thể nữ của chánh hậu đã dâng cúng bên chân đại đức Ānanda đến năm trăm lá y, có nghĩa là họ có bao nhiêu tấm y quý nhất, đẹp nhất do vua ban, họ chưa sử dụng, do hoan hỷ quá nên họ đem dâng cúng hết.

Chuyện đến tai đức vua Udena, ông rất bực mình, tự nghĩ: *“Mấy ông sa-môn này bắt đầu lộ diện chân tướng rồi! Tu hạnh xả ly, vô sản bản hàn mà lại thọ nhận một lúc năm trăm lá y quý đẹp? Rõ là lòng tham tích lũy của cái tài sản còn hơn là kẻ thường nhân nữa! Được rồi, ngày mai, trước đám đông, ta sẽ lột mặt nạ ông ta!”*

Buổi lễ ngày thứ bảy diễn ra bình thường, có khác

một chút là có đức vua và một số các quan trọng thần lắng nghe. Bực thì bực, ghét thì ghét nhưng quả thực là thời pháp không chê vào đâu được. Và sắc tướng, âm thanh của đại đức Ānanda còn lôi cuốn, hấp dẫn họ nữa. Tuy nhiên, đức vua Udena không quên công việc định làm của mình. Thế rồi, cuộc chất vấn bắt đầu:

- Bạch đại đức! Trẫm nghe nói đại đức đã thọ nhận của cung nữ năm trăm lá y, việc ấy là đúng sự thực hay không đúng sự thực?

- Là đúng sự thực, tâu đại vương!

- Trẫm nghe nói, một vị tỳ-khuru trong giáo hội của đức Đạo sư chỉ được phép sử dụng ba y và không thể sở hữu nhiều hơn, có phải thế chăng?

- Quả thật là vậy, tâu đại vương!

- Nghĩa là đại đức cũng chỉ sở hữu ba y, đúng như là một vị tỳ-khuru chân chính, là tri túc, xả ly và vô sản bản hàn?

- Quả vậy, tôi “đang cố gắng tu tập” như vậy đó, tâu đại vương!

- Vậy thì quả thật trẫm không hiểu là đại đức sử dụng năm trăm lá y ấy như thế nào?

- Thưa, tất cả tôi đều đã cúng dường lại cho những vị tỳ-khuru có y cũ rách!

Đức vua lộ vẻ ngạc nhiên:

- Đại đức cúng dường trở lại hết à?

- Thưa vâng!

- Thế đại đức không để dành cho mình một tấm y quý đẹp nào trong năm trăm tấm y ấy?

- Thưa không, không cần thiết. Vì tấm y cũ tôi đang dùng đây nó vẫn còn tốt!

Đức vua lặng người khi biết rằng mình đã ngờ oan cho người ta rồi, nhưng do tò mò, ông làm như thản nhiên, hỏi tiếp:

- Vậy thì năm trăm vị được đại đức dâng cúng y mới, thế y cũ của họ, họ dùng làm gì?

- Thưa, họ sẽ cúng dường lại cho những vị có y cũ rách hơn nữa!

- Rồi thì năm trăm tấm y quá rách nát ấy, họ sử dụng vào việc gì?

- Thưa, họ làm tấm trải giường.

- Vậy sau trải giường?

- Thưa, họ lót trên sàn, trên nền tại các liêu cốc.

- Sau đó nữa?

- Tâu, họ làm giẻ chùi chân!

- Rồi sau khi không còn sử dụng được nữa?

- Không phải là không sử dụng dù cái mà thế gian đã quăng bỏ đi. Miếng giẻ chùi chân đã phế thải ấy, môn đệ của đức Thế Tôn sẽ xé nhỏ ra, quét cho nhuyễn với đất sét để trám vào các lỗ thủng, lỗ hư trên các vách tường liêu thất, tâu đại vương!

Đức vua Udena hỷ lạc dâng đầy tràn trong tâm đến nỗi tê rần cả người, ông đổ gập người xuống, quỳ bên chân đại đức Ānanda, thốt lên:

- Ôi! Cao quý thay là đệ tử của đức Vô Thượng Giác. Đến nỗi khi thọ nhận vật dụng của thí chủ, dù một miếng giẻ chùi chân cũng không bỏ sót, cũng trở nên hữu dụng. Ôi! Tấm lòng biết trân trọng ấy, trên đời này có ai có thể bằng được một phần mười sáu đệ tử của đức Tôn sư?

Thế rồi, theo với niềm vui của mình, đức vua Udena sai quan thủ khổ cho người mang thêm năm trăm lá y quý đẹp nữa đem dâng cúng thêm cho vị pháp sư.

Đại đức Ānanda sau khi thọ nhận, ngài chột mím cười tươi tắn như nụ sen vừa mới nở, cất tiếng lời lãnh lót, thanh tao như tiếng chim Ca-lăng-tần-già để giáo giới thêm cho đức vua:

- Tâu đại vương! Môn đệ của đức Đạo sư, của đức Thế Tôn, của đức Chánh Đẳng Giác sống giữa cuộc đời, khi đi vào giữa xóm làng với chiếc bát xin ăn, bao giờ cũng chỉ thọ nhận vừa đủ từ tấm lòng của bá tánh với tâm bình đẳng, nhẫn nại, rỗng rang, tịch lặng, không hận, không sân. Như con ong chỉ khẽ khàng tìm chút nhụy lót lòng nhưng không làm hại nụ hoa, cánh hoa! Họ còn biết tôn trọng và tri ân quốc vương, quốc độ; tôn trọng và tri ân bá tánh, chúng sanh và xã hội. Mục đích của chư môn đệ là luôn tâm niệm mang đến an lạc và hạnh phúc cho mình và cho người, tâu đại vương!

Đức vua Udena quý kính tận đáy lòng:

- Trẫm đã sáng mắt, sáng lòng ra rồi, thừa đại đức! Trẫm hiểu rồi và hiểu sâu xa vô cùng! Tri ân đại đức cùng đại chúng tỳ-khưu Tăng!

Sau bảy ngày đặt bát cúng dường và nghe pháp, biệt cung của hoàng hậu Sāmāvati như được tiếp thêm sinh lực mới, nhiên liệu mới. Họ trang hoàng lại khắp mọi nơi, mọi chỗ. Tại phòng hội, họ quét dọn, lau chùi, mở các cửa sổ, thay đổi các bức rèm cho có màu sắc tươi sáng, thanh nhẹ hơn. Họ thay đổi những hương liệu xa xỉ, thay thế bằng hương liệu thanh tao, khiết nhã từ hoa, từ chiên đàn, từ đỉnh hương, hồi hương. Hoa được thay đổi mỗi ngày và chưng vào các kệ gỗ nhỏ sát tường trông vui tươi và mát mẻ như không khí mùa xuân. Họ lót những tấm thảm lớn làm chỗ ngồi thiền. Một pháp tọa thấp có lót thảm vàng dành chỗ cho pháp sư, và đó chính là thị nữ Khujjuttarā lưng gù.

Tại sao lại có chuyện ấy xảy ra? Vì mỗi ngày sau khi nghe pháp, rất đông cung nữ không nắm bắt hết ý nghĩa. Tối lại, nơi phòng hội này, cô thị nữ đã thuyết lại toàn bộ cho họ nghe mà không bỏ sót bất cứ đoạn nào. Và những ngày hôm sau đều diễn ra như vậy. Lại nữa, cô thị nữ này còn có cả một kho tàng khi được phép ra ngoài, và cô cũng không bỏ sót buổi thuyết pháp nào cho các hàng cư sĩ tại gia ở cả ba lâm viên. Có lần, tại vườn rừng Ghositārāma, đức Thế Tôn đã tuyên dương cô là “*nữ pháp sư cung đình*” đấy. Thế nên, cách bố trí căn phòng này là theo ý của hoàng hậu. Một là Khujjuttarā mỗi buổi chiều phải có một thời pháp cho mọi người cùng nghe. Hai là ai muốn tĩnh tâm, tham thiền thì lấy không gian này mà tu tập. Và thị nữ Khujjuttarā đã làm trọn vẹn phận sự của mình tại “*tịnh xá*” học tu này.

Nói về thứ hậu Māgaṇḍiyā thì bà luôn guồm guồm, dăm dăm tìm mưu kế trả thù.

Sau khi theo dõi, bà biết vào mỗi buổi chiều, hoàng hậu và cung nữ đều tụ họp tại phòng hội. Bà mừng quá vì biết rằng “*việc lớn sẽ thành*” !

Hôm ấy, lợi dụng khi đức vua đi tuần du các thị trấn ngoại thành, bà mật bàn với ông chú quốc trưởng của mình là Cūḷa Māgaṇḍi phương kế hãm hại hoàng hậu Sāmāvati và mấy trăm cung nữ tu theo ông Cù-đàm! Theo với kế này, ông quốc trưởng được phép mở kho vải, cùng một số thân tín tay chân, dùng vải ấy nhúng dầu rồi quấn quanh các cây cột gỗ tại biệt cung của hoàng hậu. Tính toán kỹ càng, đúng vào thời điểm mọi người đang nghe pháp là họ ra tay, sau đó, họ còn âm thầm và nhẹ nhàng khóa kín tất cả mọi cánh cửa để không ai có thể thoát ra lối nào.

Thực hiện hoàn hảo kế hoạch từ đầu đến cuối, rồi họ cho người ở sân xa, bắn vào bên trong vài chục mũi tên lửa là biệt cung bốc cháy rần rật. Và sự việc diễn tiến đúng như thế thật.

Than ôi! Lúc mọi người biết ra thì đã muộn quá rồi. Lửa bên ngoài nổ lộp bộp đã lần sang mái biệt cung, khói tỏa mù mịt, đã cảm giác khó thở. Cánh cửa này, cánh cửa kia đều bị những cây sắt khóa chặt. Sức lực nữ nhi thì biết làm gì, có thể dùng cánh tay liễu yếu đào tơ đập vỡ những tấm gỗ lim dày cứng hay sao? Họ đã trơ mắt, bất lực, mặt lã; đã có vài tiếng khóc tí ti, nức nở được kìm nén những vẫn thoát ra ngoài bằng những âm thanh ư ử, hích hích...

Hoàng hậu Sāmāvati trầm tĩnh nhất, bảo mọi người đừng có hỗn loạn, hãy cùng ngồi xuống bên nhau rồi bà ban lời giáo giới như sau:

- Chị em chúng ta đã từng phiêu bạt, lang thang trong vòng luân hồi tử sinh thống khổ từ muôn xưa đến nay, chẳng biết đâu bến, đâu bờ. Duyên may, chúng ta gặp được đức Thế Tôn và giáo pháp thoát khổ, chúng ta đã có ngọn đèn soi sáng để lên đường trong đêm tối. Vậy chẳng có gì đáng để sợ hãi cả. Ngọn lửa hung bạo này có thể thiêu rụi thân xác chúng ta nhưng nó không thể đốt cháy trí tuệ của chúng ta, ý chí và nghị lực kiên cường một lòng với giáo pháp của chúng ta. Vậy, hơn lúc nào hết, chúng ta hãy công phu tu tập tinh tiến ngay từ giờ phút này.

Mọi người thấy đều nghe lời, không gian đã trở nên yên lặng. Hoàng hậu Sāmāvati nói tiếp:

- Cô Khujjuttarā lưng gù, là bạn lành của chúng ta, là thầy của chúng ta, đi mua hoa chưa về; nếu có cô ấy thì cô ấy cũng sẽ nói như sau: Trong hoàn cảnh cái chết kề bên lưng như thế này, thì tùy theo tâm tánh và sở thích của mỗi người để lựa chọn đề mục thích hợp cho mình. Có thể tĩnh tại niệm hơi thở vào ra. Có thể quán sự khổ, khổ thân, khổ của sự chết. Có thể quán ngay đề mục lửa. Có thể quán vô thường, vô ngã của ngũ uẩn, thập nhị duyên khởi... Chúng ta cứ thực hành như thế để có được sự lợi lạc tối thượng. Và khi ấy thì cái sống, cái chết của cái thân này có ý nghĩa gì đâu!

Sau đó, dường như một phép lạ đã xảy ra. Bên ngoài lửa cháy ngất trời, trống đánh, chiêng đánh, thanh la, náo bạt đánh, tiếng người hô hoán, rầm rập chạy đi cứu lửa thì trong căn phòng khói phủ mịt mù, hoàng hậu Sāmāvati và mấy trăm cung nga thể nữ yên lặng tọa thiền, người định, người quán an nhiên, tỉnh mặc. Cuối cùng, khi xác thân họ bị thiêu cháy thì số ít đạt tam quả, một phần được nhị quả, số còn lại đều đạt đệ nhất quả chảy vào dòng sinh an¹.

Hôm sau, chư Tăng vườn rừng Ghositārāma, và nói chung cả Kosambī đang xôn xao bàn tán hung tin ấy. Có người đau lòng bi thương. Có người hoài nghi nhân quả. Có người không biết kiếp trước họ làm việc ác gì mà kiếp này bị trả quả kinh khiếp như vậy. Có người lại khởi tâm muốn biết cảnh giới lai sanh của họ ra sao, do việc thiện vừa mới làm thì nghiệp dữ tức khắc đến kéo lôi đi? Lại còn chuyện cô thị nữ lung gù, tại sao lại được thoát chết, rồi còn do nhân quả như thế nào mà lại có khả năng thông suốt giáo pháp để giảng nói lưu loát, rành rẽ như vậy?

Đức Phật hướng thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, sanh tử thông nên thấy, nghe, biết tất cả mọi sự nhưng vẫn lặng lẽ chưa nói gì vì ngài biết rõ là cái nghiệp riêng kia, cái nghiệp chung kia nó vẫn còn tiếp diễn.

¹ Ở đây có một câu hỏi không giải đáp được. Là tại sao, hoàng hậu Sāmāvati sử dụng năng lực tâm từ để vô hiệu hóa mũi tên của đức vua, vậy tại sao khi lửa thiêu cháy cung điện, hoàng hậu lại không sử dụng năng lực của tâm từ?

Đức vua đang ngự du tuần tra ngoại vi kinh thành, khi nghe phi mã báo hung tin, ông tức tốc trở về thì chứng kiến một thảm cảnh kinh hoàng. Ông đứng lặng nhìn biệt cung của chánh hậu với những tòa lầu đài ngang dọc, bây giờ chỉ còn là đám tro tàn âm ỉ khói.

Lòng đức vua nặng trĩu, ảo não, thương bi đủ cả khi nghĩ đến ân đức, tấm lòng độ lượng của hoàng hậu; nhưng ông cố trấn tĩnh, cố giữ nét mặt điềm nhiên không phán xét gì, không hạch hỏi ai, không nói một tiếng nào, lặng lẽ đi về tẩm cung. Đức vua đuổi tất cả tả hữu ra ngoài, tự mình tắm rửa, thay xiêm áo rồi ngồi lặng như hóa đá, như thiền định.

Rồi những con người, những sự việc diễn tiến đi qua tâm trí của đức vua như một cuốn phim quay chậm. Ông nhớ lại từ hồi nhập cung, hoàng hậu Sāmāvati suốt mười năm nâng khăn sửa túi, bà lúc nào cũng nho nhã, nhu thuận, dịu hiền, kín đáo và thanh cao như một đoá cúc trắng. Cũng chính nhờ bà, lây lan những đức tính tốt của bà mà ông đã trở nên khác hơn, tự chủ hơn, trầm tĩnh hơn. Ngay chính những sự nóng giận, kể cả sẵn thú giết vật, kể cả chửi rửa, đánh đập, la mắng người vô cớ ta cũng đã giảm được năm sáu phần! Còn nữa, bà chưa hề yêu cầu điều gì, nguyện ước điều gì, xin ban cái gì cho cá nhân mình cả. Đối với cha mẹ, thân bằng, quyến thuộc bà cũng xử sự chừng mực, tình lý cân phân và cũng chưa hề xin cho người bà con nào một chức quan nhỏ. Năm trước, khi có thai, bà chỉ xin được đi nghe pháp từ đức Thế Tôn và

cũng cầu nguyện cho hài nhi sau này trở thành một hoàng tử tốt, sáng suốt và lương thiện. Sau khi gặp đức Phật trở về, bà dường như có nhiều niềm vui nội tâm hơn. Rồi bà cũng giáo dục cho cung nga thể nữ những đức tính hay đẹp như thế. Đứa trẻ ra đời, bà hết lòng chăm sóc, sau trao lại cho bốn bà nữ mẫu cùng mười cung nữ săn sóc ở gần cung điện của đức vua. Sáng nào bà cũng sang thăm, nâng niu, trù mển, và ông cũng tiện đường dễ dàng ghé chơi, hôn hít cậu ấu hoàng xinh đẹp như con nhà trời. Vậy, hoàng hậu Sāmāvati không thể thả con rắn độc, bà không có mục đích để làm việc tày đình ấy. Chuyện con gà sống cũng thật đáng ngờ. Ai mang tám con gà sống đến? Và tại sao lại được phủ kín, chỉ hé cho ta xem cái màu lông đen của gà thôi? Đằng trong ấy được che giấu cái gì? Ồ, tại sao ta lại hồ đồ tin người như vậy chứ? Cái bàn tay ông chú ấy hơi run run! Cái ông được mệnh danh là quốc trượng ấy thế là đáng ngờ. Thật ra, quốc trượng phải là thân sinh bậc chánh cung kìa! Nhưng do hồi ấy ta mê mẩn sắc đẹp của Māgaṇḍiyā nên đã chịu theo ý của nàng ấy. Rồi lại còn một biệt phủ cho ông ta nữa chứ. Tiếp đến, lông gà được trao cho ai? Tên cận thần bồi yến? Ai tâu là món ngự thiện nên để cho cung nữ chánh hậu làm? Tên cận thần hầu rượu! Vậy là tên quốc trượng, tên bồi yến, tên hầu rượu có vấn đề gì đó ám muội rồi.

Còn con người thực của thứ hậu thì sao? Cô ta nhập cung là vì thâm thù sa-môn Gotama do cha mẹ chọn sa-môn Gotama làm giai tế nhưng ông ta không dám sờ đụng bằng chân. Cô được ta yêu thương là cô ta sẽ có kế sách

báo cừu. Vậy là cô ta yêu mỗi thù của cô ta hơn là yêu ta. Chuyện chột trở nên sáng tỏ khi nửa tháng trước đây cô ta tung hết tiền ra thuê bọn đầu trộm đuôi cướp phỉ báng, nhục mạ sa-môn Gotama và Tăng chúng. Vậy là đã rõ tâm địa của thứ hậu. Từ từ ta sẽ đưa cô ta vào bẫy. Việc cần làm hiện nay là âm thầm điều tra chuyện tám con gà sống trước đã. Cái này thì dễ, vì chỉ cần lôi tên cận thần bồi yến là biết ngay!

Tối ấy, đức vua cho kêu tên cận thần vào cung sau, và với sắc mặt lạnh như tiền, ông nói:

- Có hai con đường, ngươi có thể chọn một. Một là trầm tạm mượn chiếc đầu của ngươi, hai là ngươi hãy kể rõ sự thật cái gì giấu kín khó hiểu bên trong lòng gà hôm tiều yến?

Nghe cách hỏi của đức vua, tên cận thần biết là không thể giấu giếm ngại được nữa nên đã tình thật khai hết. Đức vua bàng hoàng. Xảo kế mà như vậy vừa sâu xa khó lường vừa thâm độc còn hơn nọc độc của rắn. Ôi! Thương xót thay chánh hậu của ta, bị hàm oan mà không hề than oán một lời! Lại còn rải tâm từ cho ta và cả cho con tiện tỳ kia nữa chứ!

- Chuyện tám con gà sống, tám con gà chết, vậy là trầm đã rõ mọi chi tiết của kịch bản. Thế chuyện con rắn độc, ngươi có thấy biết manh mối gì không?

Tên cận thần bồi yến tâu thật lòng:

- Bà thứ hậu mua chuộc hạ thần và cả viên hầu rượu cho bệ hạ, luôn theo sát bệ hạ. Chuyện con rắn độc thì hạ thần không biết. Nhưng sau khi nghe nội cung bàn về con

rắn nhỏ hạ thần biết ngay là chính thứ hậu đã lén bỏ vào ống tiêu của bộ hạ.

- Sao ngươi biết?

- Chiều hôm ấy, thấy quốc trượng hấp tấp đi vào cung rồi trao cho thứ hậu một cái hộp nhỏ, nói thoảng rằng: “Để ý đó! Nó độc lắm đó!” Khi quốc trượng về, thứ hậu nhìn cửa trước, nhìn cửa sau, lúc ấy bộ hạ đang ngự chơi bên phòng của ấu hoàng rồi lén vào phòng của bộ hạ. Và chắc chắn nó đã được lén bỏ vào bên trong ống tiêu của bộ hạ.

Đức vua gật đầu:

- Đúng vậy rồi! Chớ chẳng lẽ nào hoàng hậu lại để rắn trong chân của mình?

Trầm ngâm hồi lâu, đức vua cẩn thận nói nhỏ với tên cận thần:

- Bây giờ trăm phạt ngươi nhịn đói một ngày, ngoan ngoãn ở yên đây, đừng có kêu ca la oán gì. Chiều mai trăm sẽ mở khóa thả ngươi ra đối chứng.

Sáng hôm sau, lúc lâm triều, đức vua cho hội họp hết quần thần và cả đại diện hai cung, năm viện; với khuôn mặt bình thản, an nhiên như không có gì xảy ra. Quần thần người này, người kia mở lời chia buồn, khuyên giải đức vua đừng quá sầu não mà họa hại đến sức khỏe, ảnh hưởng đến muôn dân, bá tánh.

Đức vua chột cất giọng cười ha hả:

- Các khanh làm rồi! Trăm không buồn mà trăm còn vui nữa đây! Các khanh biết tại sao không?

Đức vua tự hỏi rồi tự trả lời:

- Cứ mỗi lần nghĩ đến con rắn độc tại cung của hoàng hậu là trăm còn rỏn cả tóc gáy. Biết bao nhiêu ngày trăm ăn không ngon, ngủ không yên, luôn luôn phập phồng lo sợ, không biết còn có mưu kế nào rình rập nữa hay chăng? Còn con rắn độc thứ hai, thứ ba nữa hay chăng?

Nghĩ hơi một lát cho cả triều thần hiểu trọn vẹn ý nghĩa rồi đức vua tiếp:

- Nay thì toàn bộ cái cung lâu ấy bị thiêu rụi rồi, những con người với những kế độc ấy cũng rủ nhau ra đi cả rồi; cho nên từ nay trăm sẽ gối cao nằm ngủ, không còn lo sợ gì nữa.

Một viên lão thần chột râu:

- Râu đại vương! Một bậc mẫu nghi thiên hạ và năm trăm cung nữ bị thiêu cháy không phải là việc nhỏ. Mấy tòa cung lâu ngang dọc nguy nga tráng lệ bị đốt ra tro không phải là việc nhỏ. Theo hạ thần, là chúng ta phải lập một ban thanh tra để tìm cho ra thủ phạm cùng những người đồng lõa, có tội danh, tội chúng, sau đó xử phạt tội hình đảng hoàng mới có thể nghiêm được phép nước!

Đức vua gật đầu:

- Lão khanh nói đúng. Nhưng lão chỉ biết một mà không biết hai. Vậy trăm sẽ hỏi khanh nhé?

- Râu vâng!

- Nếu có người đặt đề lên bàn cân, một bên là trăm, một bên là hoàng hậu và năm trăm cung nữ thì bên nào

nặng hơn?

- Bệ hạ nặng hơn!

- Một bên là mười ngàn đồng tiền vàng để kiến tạo lại biệt cung, một bên là trăm thì bên nào nặng hơn!

- Cũng bệ hạ nặng hơn!

Đức vua cười ha hả:

- Trăm nặng hơn, vậy là đã rõ! Vì an toàn tánh mạng cho trăm, vì muốn cất đi gánh nặng sợ hãi ngày đêm của trăm nên ai đó đã ra tay làm việc này. Chắc người ấy là một người có tâm hồn cao thượng, yêu thương trăm hết mực nên đã bảo vệ tánh mạng cho trăm đấy!

Đức vua còn lặp lại:

- Tánh mạng của trăm là đệ nhất! Hộ trì tánh mạng cho trăm tức là hộ trì quốc độ vậy. Trăm vô cùng cảm ơn vị ân nhân đó.

Thứ hậu Māgaṇḍiyā nghe đến đây, không còn chịu nổi nữa, muốn xưng danh để lập công liền:

- Tâu bệ hạ! Người làm việc âm thầm vô danh ấy là thiếp! Phi thiếp ra, ai có khả năng làm được việc ấy? Chính thiếp đã thảo kế hoạch rồi nhờ quốc trưởng phụ giúp một tay, bây giờ bệ hạ mới hoàn toàn được an toàn như vậy đó!

Đức vua giả vờ ngạc nhiên:

- Ô, thế sao? Chính thật là nàng sao? Trước quân thần, hai cung năm viện, trăm tuyên dương công trạng đệ nhất cho nàng đó!

Thứ hậu xiết bao vui sướng.

Giọng đức vua còn vang vang cả triều nội:

- Vậy là ngoại trừ thứ hậu ra, trên đời này chẳng còn ai yêu thương trăm một cách thật lòng, một cách sâu sắc và chung thủy như thế. Để tri ân thứ hậu, trăm còn muốn ban tước lộc cho quốc trưởng cùng tất cả bà con quyến thuộc của nàng, kể cả những người âm thầm góp tay, giúp sức nữa. Vậy thì chiều nay, ngay trước sân rồng, cuộc ban thưởng trọng hậu sẽ diễn ra ở đó, tất cả mọi người hôm nay đều phải có mặt để chia niềm vui chung với trăm.

Thế rồi, buổi chiều, ngay tại sân rồng, khi thứ hậu Māgaṇḍiyā, quốc trưởng Cūḷa Māgaṇḍi cùng thân bằng quyến thuộc, một số tay chân bộ hạ tề tựu đông đủ, đức vua ra lệnh cho quân cận vệ bắt trói cả thầy. Viên cận thần hầu rượu và bồi yến cũng bị bắt trói dẫn ra tại chỗ.

Giọng đức vua Udena uy nghiêm, đống dạc:

- Đốt rụi biệt cung, thiêu chết hoàng hậu và năm trăm cung nữ, thủ phạm chính là con nha đầu này cùng với ông chú của nó, tay chân bộ hạ của nó, đã do chính từ miệng nó nói ra. Thân bằng quyến thuộc ba họ của nó cũng phải bị vạ lây. Đúng như viên lão thần đã nói, phải trừng trị để cho nghiêm phép nước. Chư quan thấy trăm làm như vậy có đúng không, có sai lệch chỗ nào không?

Quần thần hô to:

- Bệ hạ anh minh, sáng suốt!

- Chuyển tám con gà sống, tám con gà chết thì thủ phạm có bốn người: Con tiện tỳ điều trá này, ông chú ác độc này cùng hai tên hầu yến và hầu rượu, ta đã điều tra

kỹ càng và tuyên bố công khai, minh bạch với mọi người trước ánh sáng mặt trời.

Quần thần hô to:

- Bệ hạ anh minh, sáng suốt.

- Chuyện con rắn độc thì thủ phạm chỉ có hai, không nói thì ai cũng biết rồi. Một tên đưa rắn độc và một tên lén bỏ vào ống tiêu “*điều tọng*” của trẫm để giá họa cho hoàng hậu đức hạnh!

- Bệ hạ anh minh, sáng suốt.

- Chuyện đốt cung lầu giết hại hoàng hậu và năm trăm cung nữ thì tất cả bọn chúng đều có góp tay, góp sức tham gia, đồng lõa.

Quần thần xôn xao bàn tán không biết đức vua điều tra như thế nào mà chỉ chưa được nửa ngày ông đã biết rõ tất cả.

- Trẫm tuyên bố: Toàn bộ gia sản của hai tên đầu sỏ sẽ bị tịch thu. Vàng bạc lấy được trẫm sẽ cúng dường sửa sang ba đại lâm viên để nhờ đức Phật và chư Tăng tụng kinh, hồi hướng siêu độ cho hoàng hậu và năm trăm cung nữ. Trẫm xử lý như vậy có được không?

- Bệ hạ anh minh, sáng suốt!

- Trẫm tuyên bố: Con tiện tỳ cái tội quá nặng tương đương địa ngục a-tỳ, trẫm sẽ cho lóc từng tấm thịt, bỏ vào chảo chiên, bắt nó ăn. Khi nào nó ăn không nổi, quăng nó vào chảo rồi chiên giòn! Cái tên được mệnh danh là quốc trượng này cũng chiên vàng luôn như thế. Tên hầu rượu thì cho năm ngựa phân thây. Tên hầu yến do thành thật

khai báo, thú tội nên được tha chết, đuổi về quê quán. Bà con quyền thuộc cũng bị tịch thu gia sản, toàn bộ bị chém đầu rồi cho chôn cất tử tế.

Bản án của đức vua tuyên bố không ai dám góp thêm một lời nào. Và ngay chính tội nhân cũng không dám phản biện dù chỉ trong ý nghĩ.

Ai cũng khâm phục đức vua đã dàn dựng một kịch bản đầy mưu trí để cho thủ phạm độc ác tự đưa đầu đưa cổ của mình vào tròng.

Tại giảng đường vườn rừng Ghositārāma, biết là chư Tăng đang bị nhiều mối nghi ở trong lòng, đức Phật liền vén mở bức màn quá khứ đã bị che lấp liên hệ đến những sự việc xảy ra tại hoàng cung đức vua Udena.

- Này chư tỳ-khuru! Một thuở rất xa xưa, dưới triều đại đức vua Brāhmadatta, vào thời không xuất hiện một vị Chánh Đẳng Giác nào, có tám vị Độc Giác trú cư tại núi non thuộc kinh thành Bārāṇasī, và các ngài thường vào thành phố để trì bình khát thực. Lâu lâu, đức vua lại triệu thỉnh họ vào cung, lệnh cho hoàng hậu, thứ hậu, thứ phi, cung nga thể nữ thay phiên nhau đặt bát cúng dường và nghe một vài pháp thoại. Cả tám vị đều được đức vua tôn kính, trọng vọng; là chỗ nương tựa tinh thần của đức vua, họ được ngài coi như là linh hồn của quốc độ vậy.

Hôm ấy, sau khi đi bát xong, có bảy vị quăng bát qua hư không để lên Hy-mã-lạp sơn. Chỉ còn một vị đến bờ sông Gaṅgā thọ thực, sau đó vào một lùm cây rậm thọ hưởng lạc về thiền, lạc về quả.

Đức vua trị vì Bārāṇasī hôm ấy nhã hứng cùng chư hậu, chư phi, cung nga thể nữ du lãm ở ngoại thành, bày cuộc vui săn bắn, sau đó họ nghỉ ngơi tại hành cung ven bờ sông.

Như những cánh chim được xổ lồng, có một bà phi dẫn năm trăm cung nữ đi dạo chơi ven sông, sau đó tha hồ nhớn nhợ ngụp lặn, bơi lội, đùa giỡn thỏa thích trong dòng sóng nước.

Lúc họ lên bờ thì trời trở lạnh. Ai cũng run lẩy bẩy. Bà phi sáng ý chạy đến lùm cây, gom lá khô, rác khô, cành khô rồi đốt lửa sưởi ấm. Vô tình, ngọn lửa lớn cháy lan đến lùm cây có vị Độc Giác đang trú định. Vì do cây cháy nên lộ ra hình tướng vị Độc Giác quen thuộc, và có lẽ vì ngài đang an trú diệt thọ tướng định nên chẳng hề hay biết chuyện gì xảy ra xung quanh.

- Chết rồi! Bà phi chột la lên - Đây là bậc thầy của đức vua. Nếu ông ta tiết lộ chuyện này chắc chị em ta không thoát khỏi tội chém đầu! Thôi, một liều ba bảy cũng liều, chúng ta hãy phi tang, hãy chất thêm rác khô, củi khô đốt cháy ông ta luôn đi. Sau khi chỉ còn tro tàn thì trời không biết, đất chẳng hay!

Thế là năm trăm cung nữ làm theo lời bà phi. Mỗi người chỉ cần gom lượm một bó nhẹ, cả năm trăm người như thế thì đã thành một ngọn núi nhỏ vây quanh vị Độc Giác Phật. Khi thấy lửa đã bốc cháy rần rật họ mới bỏ đi, yên trí với việc làm kín đáo của mình. Tuy nhiên, đức Độc Giác Phật sau bảy ngày trú định diệt thọ tướng đã không

thể bị chết cháy, y bát và vật dụng bên mình đều được bảo toàn do năng lực tối thượng của định này; ngài xả thiền, đi trì bình khất thực rồi như cánh chim ung, nhẹ nhàng bay về Tuyết Sơn.

Kể đến ngang đây, đức Phật kết luận:

- Đốt lửa lần đầu do vô tâm, vô ý, không có tư tác giết nên không có tội nhân không có tội quả. Đốt lửa lần hai là có cố ý, có chủ tâm, có tư tác (*cetanā*) nên có tội nhân có tội báo. Bà phi thuở xưa, hiện nay là hoàng hậu Sāmāvati, là kẻ chủ mưu trong việc thiêu cháy Phật Độc Giác; năm trăm cung nữ thuở xưa là kẻ tòng phạm, chính là năm trăm cung nữ hiện nay. Chủ mưu hoặc tòng phạm tạo tác một nghiệp ác chung, bây giờ bị trả quả cộng nghiệp là lẽ đương nhiên vậy. Hoàng hậu Sāmāvati và năm trăm cung nữ bị trả quả thiêu đốt cả hằng trăm, hằng ngàn kiếp rồi, và cái quả báo hiện tại chỉ là cái nghiệp dư sót mà thôi vậy¹. Lạnh lùng thay là nghiệp. Công bằng thay là nghiệp. Mà phân minh thay cũng là nghiệp vậy!

Sau khi biết rõ sự thật, cả pháp đường ai cũng rùng mình, lặng người.

Đức Phật còn giảng thêm rằng:

¹ Câu chuyện Sāmāvati được bao gồm quanh câu chuyện của vua Udena. Để biết thêm chi tiết xem trong chú giải Dhammapada. i. 187-91, 205-225; câu chuyện có xuất hiện một vài chi tiết trong chú giải Anguttara Nikaya. i. 232-4, 236ff., và cũng được đề cập tóm tắt trong chú giải Udena. 382f., loại bỏ chi tiết nguyên nhân cái chết của hoàng hậu Sāmāvati được giải thích khá dài trong Udāna (Ud.vii.10) xử lý vụ việc. Cf. Divyāvadāna, ed. Cowell and Neill (Cambridge). 575 f. theo Thanh Tịnh Đạo (tr. 380f), ước muốn của Māgandiyā là giết hoàng hậu Sāmāvati để lên làm chánh hậu.

- Hoàng hậu Sāmāvati và năm trăm cung nữ bên cạnh sự chết nhưng nhờ không phóng dật, chuyên cần chú niệm nên đã đặt chân được ở cõi bất tử. Do vậy, bậc thiện trí kiên cố nhiếp tâm, hoan hỷ trong pháp sẽ nếm thưởng hương vị cảnh giới an lạc của thánh nhơn. Người chuyên niệm, tinh tấn vững vàng, cõi bỏ, vượt thoát mọi trói buộc, sẽ thành tựu Niết-bàn tối thượng.

Rồi Ngài đọc liên tiếp ba câu kệ:

Con đường phóng dật: Nguy nan!

Con đường tỉnh thức: Vinh quang đời đời

Buông lung là kẻ chết rồi

Pháp mâu bất tử đợi người cần chuyên!

Trí nhân thấy rõ cơ duyên

Nhiếp tâm kiên định lên thuyền sang sông

An vui, hoan hỷ tự lòng

Dự vào cảnh giới thanh trong thánh mâu!

Trí nhân tinh tấn thiền hành

Kiên trì nỗ lực duyên sanh Niết-bàn

Ma vương khó buộc, khó ràng

*Tự do tối thượng thân thang bến bờ!*¹

Đại đức Ānanda chợt phát biểu:

- Bạch đức Thế Tôn! Người phóng dật, giải đãi dẫu còn sống nhưng xem như đã chết rồi! Người chú niệm,

¹ Pháp Cú 21, 22, 23: Appamādo amatapadaṃ pamādo maccuno padaṃ. Appamattā na mīyanti ye pamattā yathā matā. Etaṃ visesato ñātvā appamādampi paṇḍitā. Appamāde pamodanti ariyānaṃ gocare ratā. Te jhāyino sātatikā niccaṃ dāḥaparakkamā. Phusanti dhīra nibbānaṃ yogakkhemaṃ anuttaraṃ.

ting cần, dầu chết rồi nhưng vẫn bắt từ! Ý nghĩa ấy chúng đệ tử lãnh hội rồi! Ôi! Cái vòng nhân quả báo ứng này, ngoài sự kiện nổi bật, gây nhân thiêu cháy nên bị trả quả thiêu cháy, nó còn hé lộ cho ta thấy rõ hai hiện tượng nhân quả phân minh nữa: Một, bà phi thuở xưa do đặt bát cúng dường nên hiện nay do phước bảo trợ sinh làm hoàng hậu với danh phận, địa vị, sắc đẹp được bảo toàn. Hai, lại do nhân được nghe pháp thuở xưa nên kiếp này bà là người đầu tiên nghe pháp rồi sau đó sống trong pháp. Năm trăm cung nữ theo hầu đều được giải thích tương tự thế. Không biết kiến giải của đệ tử như vậy có trùng khít với sự thật nhân duyên, nhân quả nhiều đời không?

Đức Phật gật đầu:

- Nó như vậy đấy! Tuy nhiên, trong cái riêng có cái chung và trong cái chung vẫn có cái riêng nên không phải lúc nào họ cũng gặp gỡ nhau, chung sống với nhau như chủ và tớ. Vẫn có hàng trăm, hàng ngàn kiếp họ thất lạc nhau trong luân hồi, tương tự một trận bão, một cơn lốc cuốn đi qua một cánh rừng, nó bứt tung những ngọn lá bay tản mác mấy phương trời vô định vậy. Hiện tại, họ gặp nhau lại do phước duyên đã chín vàng nên khi ra đi, một số đắc Bất lai, nhiều hơn là Nhất lai, số còn lại đều được vào Thất lai cả.

Cả giảng đường như đồng thanh tán thán: Sādhu, lành thay!

Đại đức Ānanda chợt hỏi:

- Còn Cô thị nữ lung gù? Nhân duyên quá khứ của cô

gái đa văn này như thế nào mà lạ lùng vậy, thưa đức Đạo sư?

- Ủ! Cô ta không ở trong số năm trăm cung nữ thuở trước nên được thoát chết. Cô ta chỉ cùng chung cộng nghiệp bố thí, cúng dường cho tám vị Độc Giác Phật, nhưng riêng cô ta thì nghe pháp nhiều hơn, chăm chú tư tác nhiều hơn. Có điều đặc biệt nữa, là có lần, khi họ dâng bát vật thực còn nóng sốt đến tám vị Độc Giác Phật, các ngài vừa đưa tay ra thì phát giác là bát còn nóng. Cô gái này, tiền thân thị nữ Khujjuttarā, mau mắn, lanh trí lấy từ hai cở tay ra tám chiếc vòng ngọc dâng cho quý ngài rồi nói rằng: *“Đệ tử kính dâng luôn tám vòng ngọc này để quý ngài ngăn bát trên tay cho đỡ nóng!”* Do phước báu của cái nhân này nên bao giờ cô ta cũng vượt trội trong chúng về thông hiểu giáo pháp, trí thông minh cũng như sắc tướng!

Ở đâu đó có tiếng cười nhẹ rồi có tiếng hỏi:

- Còn cái lưng gù là tại sao, bạch đức Thế Tôn?

Đức Phật cũng mỉm cười:

- À, cái cô ấy thiệt là quá quắt, thiệt là tinh nghịch! Số là trong tám vị Độc Giác ấy có một vị có cái lưng hơi gù! Hôm ấy, giữa mấy trăm chị em rồi việc, cái cô này lấy một tấm chăn giả làm y, một cái bát vàng giả làm bát khất thực, rồi cô gù lưng xuống, ôm cái bát đi tới đi lui, nói rằng: *“Ngài Độc Giác của chúng ta đi tới như vậy, đi lui như vậy, khi đứng thì cái lưng trông như cái vòng cung như vậy”*. Nói thế xong cô ta cười ngật nghễ. Do nhân ấy, cô ta bị trả quả gù lưng như vậy đó!

Đại đức Ānanda thay mặt đại chúng hỏi tiếp:

- Vậy vì cái nhân gì mà cô ta phải làm thị nữ (đầy tớ, người hầu) bạch đức Thế Tôn?

- Đây là nghiệp riêng của cô ta. Chỉ mới đây thôi, vào thời đức Phật Kassapa, cô ấy là một tiểu thư con một bậc trưởng giả kinh thành Bārāṇasī. Cả đại gia đình đều là đệ tử thuần thành của đức Phật Kassapa. Ngôi trang viên này là giếng nước giữa ngã tư đường cho chư Tăng Ni đến và đi. Họ đặt bát cúng dường thường xuyên cho chư Tăng Ni của giáo hội. Chiều hôm ấy, khi cô đang ngồi kẻ lông mày thì có một vị Thánh ni đến nhà viếng thăm có việc với gia đình trưởng giả. Do quá quen biết nên vị Thánh ni ngồi xuống một bên. Vì bận trang điểm bằng cả hai tay, cô ta nói:

- Sư cô cho phép đệ tử được đánh lễ sư cô bằng lời nói. Tiện thể, nhờ sư cô lấy giúp cái hộp phấn màu nằm phía bên tay trái của sư cô đó!

Vị Thánh ni suy nghĩ:

- Nếu ta không lấy cái hộp trang điểm theo lời yêu cầu của cô gái thì nghịch ý cô ta, có thể đưa đến sự phiền giận. Mà phiền giận theo tính khí ung gì được nấy đã thành nề của cô ta, đôi khi tạo oan trái đến một người đã vô lậu giải thoát như ta thì cô ta sẽ bị quả báo rất nặng, có thể đọa địa ngục. Còn ví bằng, ta thuận lấy để trao cho cô ta, như vậy là cô ta đã sai bảo một vị thánh lậu tận; thế là sau này cô ta sẽ mang lấy những kiếp tội đời, hậu hạ người khác. Thôi ta đành để cho cô ta mang thân phận thấp thỏi còn

hơn là nghiệp báo oan trái đọa địa ngục!

Do cân phân hai tội nặng và nhẹ như vậy nên vị Thánh ni lấy hộp trang điểm cho cô gái. Và bởi nhân xưa như thế nên đã nhiều kiếp rồi, cô Khujjuttarā phải mang thân phận thấp hèn, làm nô lệ cho người.

Thế là nhân và quả, người và vật của toàn bộ câu chuyện xảy ra tại hoàng cung đức vua Udena đã được đức Phật vén mở từ trong mù sương của quá khứ, ai nấy đều nghe biết rõ ràng, chẳng còn nghi ngờ, thắc mắc gì nữa. Tất thấy phàm Tăng đều kinh hãi khi chứng kiến sự diễn tiến lạnh lùng nhưng phân minh của nhân quả nghiệp báo.

Kinh sách cũng có nói rằng, cô Khujjuttarā có một mong muốn là trở thành một vị đứng đầu giữa hàng nữ giới về học vấn trong lúc nhìn thấy một người tín nữ tương tợ được thực hiện trong thời đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara¹. Tương truyền rằng, những bài kinh trong Itivuttaka (Như Thị Thuyết) là những bài kinh mà Khujjuttarā đã học từ đức Phật và sau đó đã lập lại cho hoàng hậu Sāmāvati và những cung nga thể nữ nghe. Bởi vì những bài kinh này được thuyết ở Kosambī và được cô giảng nói lại sau đó. Cô thị nữ lưng gù Khujjuttarā lại còn được đề cập đến nhiều lần như là người gương mẫu giữa những đệ tử nữ tại gia². Cô đã sở hữu Paṭisambhidā (Tuệ

¹ Chú giải dhammapada.i. 226f., v.v., Divyāvadāna.339-41.

² Ví dụ Anguttara Nikaya.i.88; ii. 164; iv. 368; Samyuttara Nikaya. ii. 236.

phân tích) trong khi còn là người nữ gia chủ, nhưng đó mới tuệ phân tích của người hữu học (sekha).

Ngoài ra, trong nhiều kiếp sinh tử trước đây, cô Khujjuttarā được nhận biết là người nữ tỳ trong túc sanh truyện Ugara¹ và trong túc sanh truyện Bhisā², người y tá trong túc sanh truyện Culla-Sutasoma³ và người lưng gù trong chuyện Kusa⁴... vân vân và vân vân.

Sau khi hoàng hậu Sāmāvati qua đời, do cái chết của bà rất bi thương, thâm thảm; có hai người bạn đều có tên là Sāmā, rất đau buồn, từ bỏ tất cả để xuất gia, sau trở thành hai vị trưởng lão Ni.

Hoàng hậu Sāmāvati được công nhận là một trong những người nữ đệ tử tại gia xuất sắc nhất của đức Phật, và được ngài công bố là người có tâm từ bi rộng lớn hàng đầu (aggam mettāvihāriyam)⁵, vì năng lực của bà có thể bảo vệ khỏi mũi tên được bắn bởi vua Udena, và chuyện này cũng thường được tham khảo đến trong các chú giải⁶.

Riêng Khujjuttarā, sau khi mất đi người chủ hiền đức, cô đã dành tất cả thời gian còn lại trong đời cho Phật sự bằng cách nghe Pháp và thuyết pháp cho mọi người. Đức

¹ Jātaka. iii. 168.

² Jātaka . iv. 314.

³ Jātaka. v. 192.

⁴ Theo sách này., 312.

⁵ Anguttara Nikāya. i. 26; cf. iv. 348.

⁶ Ví dụ trong chú giải Buddhavaṃsa. 24; chú giải Itivuttaka. 23; chú giải Patisambhidāmagga. 498; chú giải Anguttara Nikāya.ii. 791.

Phật đã xác nhận cô ta là một người lỗi lạc giữa hàng nữ tại gia vì sự nghe nhiều học rộng của cô (bahussutānaṃ)¹ và có cả tài thuyết pháp lỗi lạc trong hàng cận sự nữ nữa.

Cả hoàng hậu Sāmāvati và cô pháp sư thị nữ lưng gù đều là những nhân cách lỗi lạc trong hàng cận sự nữ, còn rọi sáng dụ dàng cho đến ngày hôm nay.

¹ Anguttara Nikaya. i. 26.; chú giải Dhammapada. i. 208ff.; chú giải Anguttara Nikāya .i.226,237.; chú giải Itivuttaka. 23f.; chú giải Patīambhidāmagga. 498f.

Tỳ-khư-ni Dhammadinnā¹

(Thuyết pháp đệ
nhất)



¹ Câu chuyện của vị tỳ-khư-ni này được đề cập trong chú giải Trưởng Lão Ni Kệ. 15ff.; chú giải Apadāna.ii.567f.; chú giải Tăng Chi Bộ Kinh.i.196f.; chú giải Trung Bộ Kinh.i.515 ff.; chú giải kinh Pháp Cú.iv. 229ff. Và có trong Dhammadinnā Therī - Trang 1142-1143 trong quyển I - Dictionary of Pali Proper Names.



đức Phật

Đức Phật trở lại Veluvanārāma khi trời đang còn tiết xuân trong lành và mát mẻ. Thoáng nhìn quang cảnh đó đây, ngài biết là có một vài dấu hiệu sa sút về chất lượng, phẩm hạnh của một số đông tỳ-khuru sau khi vắng ngài cũng như thiếu vắng những bậc thượng thủ A-la-hán.

Tuy nhiên, công việc chấn chỉnh nội bộ cũng không có gì cần được nhắc đến vì tôn giả Sāriputta và Ānanda đã lo việc ấy. Còn đức Phật thì hầu như phải thường xuyên thuyết pháp vào mỗi buổi chiều vì hai hàng cư sĩ rất khát khao học hỏi. Kết quả thật đáng ngạc nhiên là rất nhiều nam cư sĩ, nữ cư sĩ đắc quả Nhập lưu. Đặc biệt có một trưởng giả tên là Visākha đắc quả Bất lai! Cuối buổi giảng, đức Phật nói với đại chúng:

- Hôm nay Như Lai rất vui mừng vì khá nhiều người đã bước vào dòng bất tử; lại còn có người đạt được quả vị bất thối... Từ đây, lộ trình của họ là lộ trình của an lạc và hạnh phúc, không bao giờ còn rơi đọa vào bốn con đường đau khổ nữa!

Sau lời tuyên bố của đức Phật, số cư sĩ ấy chột đứng dậy, đến đánh lễ gần bên chân đức Phật với niềm vui tươi mới, có kẻ sụt sùi nước mắt. Riêng trưởng giả Visākha thì muốn xin xuất gia.

- Chưa phải lúc, này Visākha! Đức Phật nói - Đúng thời, Như Lai sẽ để cho ông tròn sở nguyện. Hiện tại, ông có pháp học vững chắc, tròn đủ tín, giới, văn, thí, tuệ nên trong hình tướng cư sĩ, ông còn đem đến lợi ích rất nhiều cho gia đình, bà con quyến thuộc cũng như bè bạn gần xa.

Về nhà, trưởng giả Visākha lặng lẽ bước lên lầu, tìm chỗ yên tĩnh tọa thiền. Đến giờ cơm chiều, phu nhân xinh đẹp của ông là bà Dhammadinnā dịu dàng đến bên, đặt tay lên vai, âu yếm nói:

- Đến giờ cơm rồi, thưa phu quân! Đợi giấc tối, giấc khuya hãy tiếp tục công phu.

Xả thiền, trưởng giả Visākha nhẹ nhàng nắm tay bà đặt ra ngoài rồi ân cần nói:

- Bắt đầu từ hôm nay, ta hoàn toàn không muốn nắm bàn tay xinh đẹp của nàng nữa; xin nàng hãy thông cảm cho ta.

- Chàng ghê sợ bàn tay của thiếp sao?

- Không phải vậy! Rồi ta sẽ nói chuyện với nàng sau.

Yên lặng một lát, bà Dhammadinnā nói:

- Thôi, bây giờ đi rửa mặt, rửa tay rồi xuống dùng cơm; cả nhà đang đợi.

- Cũng không cần thiết phải ăn nữa! Ăn một bữa là đủ nuôi sống cái thân rồi.

Lại yên lặng.

- Hay thiếp đã có làm việc gì sai trái, có lỗi với chàng?

- Không, không có! Trưởng giả Visākha lắc đầu - Nàng là người đàn bà tài sắc vẹn toàn; và còn hơn thế nữa, còn cả giới hạnh và đức độ mà người ở gái xấu tính nhất cũng kính yêu và cảm mến.

- Đừng nói lời rào đón hoa hương ngọt mật như vậy nữa - Bà Dhammadinnā giận dữ - Hay là chàng chán thiếp rồi, chán cái thân xác núc ních đã chảy tràn những thịt và mỡ và nơi nào cũng đầy đầy những xú uế và bất tịnh này?

Trưởng giả Visākha quay sang nhìn bà vợ yêu quý, thồ lộ tâm sự:

- Nàng đừng nói hơi quá như vậy, nó làm rơi mất nghĩa tình tốt đẹp bấy nay. Ta không có lỗi mà nàng cũng không có lỗi. Ta nói thật cho nàng nghe. Số là sáng nay nghe được pháp từ đức Đạo sư, tâm trí ta đã chìm vào rất sâu với giáo pháp. Nói rõ hơn là, hiện ta đang sống, hiện ta đang thở với giáo pháp ấy. Trạng thái tinh thần của ta hiện nay chỉ khế hợp với cái gì thanh lương, cao sáng, tĩnh lặng. Ở đây, nó không còn có chỗ cho những tình cảm vợ chồng, nhu cầu bản năng thân xác cũng như những cái gì thuộc dục lạc ngũ trần...

Bà Dhammadinnā yên tĩnh, chăm chú lắng nghe.

Trưởng giả Visākha tiếp tục:

- Vậy, cái duyên tơ tóc mặn nồng của chúng ta từ nay nên gác lại. Tài sản mấy trăm triệu đồng tiền vàng, ta để lại cho nàng hầu hết, cứ tùy nghi sử dụng. Ta chỉ cần một phần năm tài sản ấy để nuôi thân và bố thí, cúng dường cho đến khi đủ duyên xuất gia mà thôi. Nàng có thể cai quản gia sản, tùy ý. Nàng có thể lấy hết mang về nhà cha mẹ, cũng tùy ý. Nàng có thể lấy một tấm chồng khác, cũng tùy ý luôn! Thú thật với nàng là nàng còn trẻ, còn đẹp; hơn thế nữa, cái nữ tính đằm thắm, dịu dàng của nàng còn lôi cuốn, hấp dẫn biết bao nhiêu bậc vương tôn, công tử trên đời này! Đừng vì tự ái vẫn vợ mà nói những lời làm trái tim của ta đau xót...

Bà Dhammadinnā chột cất giọng ráo hoảnh:

- Chàng nói đã xong chưa?

- Xong rồi!

- Vậy thì cho thiếp được phát biểu chính kiến, được chẳng?

- Sẵn sàng!

- Vậy thì sau khi liễu ngộ giáo pháp, sống từng hơi thở với giáo pháp, chàng cảm thấy người vợ đầu gối tay ấp của mình, gia sản mấy trăm triệu đồng tiền vàng của mình đều là vật ngoại thân, là thứ không nên dính mắc, quyến niệm; nói rõ hơn là đáng viễn ly, quăng bỏ, có phải thế chẳng?

Trưởng giả Visākha nhìn sâu vào mắt bà:

- Về gia sản thì đúng vậy!

Bà Dhammadinnā cất giọng cứng cõi:

- Đàng quăng bỏ có nghĩa là cái mà chàng đã bỏ đi, đã mưa ra, thì xin nói thẳng, thiếp cũng cương quyết không nhận những vật mà chàng đã bỏ đi, không nuốt những vật mà chàng đã mưa ra!

Trưởng giả Visākha sững sờ:

- Ý nàng như thế nào?

- Chàng hãy cho thiếp được xuất gia!

Trưởng giả Visākha tưởng tai mình nghe lắm:

- Nàng nói sao?

- Chàng quăng bỏ được thì thiếp cũng quăng bỏ được!
Hãy cho thiếp xuất gia.

Trưởng giả Visākha lặng người vì hoan hỷ! Cái hoan hỷ nó chảy rần rần như mọc ốc cả người, nghẹn ngào chưa nói được lời nào thì bà Dhammadinnā có vẻ trầm tư, xa vắng, cất giọng chậm rãi, nhẹ nhàng như hơi gió thoảng:

- Đã lâu lắm rồi, thưa phu quân! Kể từ khi gá nghĩa, se duyên cùng chàng, thiếp sống rất hạnh phúc. Hạnh phúc vì có được người chồng tốt: tốt tướng, tốt nét, tốt bởi tâm đại lượng, tốt trong thái độ khu xử và tốt cả những ngôn lời nhã nhặn, lịch thiệp, dịu dàng. Chẳng có người đàn bà nào gặp được phúc duyên trọn hảo, tuyệt mỹ như thế. Tuy nhiên, có một cái cảm giác, ồ không, là một cảm thức, lúc nào nó cũng chờn vờn, mơ hồ như sương như khói; rằng là, đây là kiếp sống ăn gỏi, ở nhờ, tạm bợ và phù du. Có cái gì đó không chắc thật, không vững bền. Dường như là phải có một thế giới khác, một cảnh giới khác, nó rất thân thuộc, lại nằm sâu đâu đó trong ký ức

xa xăm! Có một tiếng gọi. Có một tiếng gọi dò từ bên kia sông vắng lại. Có một cánh tay đưa vẫy đâu đó ở cuối con đường, bên kia dốc núi! Đã có nhiều đêm, nhiều đêm thiếp đã thao thức, thao thức một cõi về vĩnh cửu nào đó, một cõi chân thực nào đó mà thiếp không dám thổ lộ với ai, kể cả chàng, thừa phu quân!

- Đúng, rất đúng! Chính ta trước đây, đôi lúc cũng có cảm giác như vậy, cảm thức mơ hồ như vậy!

- Hay là nhiều kiếp trước đây, đâu từ xa xăm, chúng ta đã từng sống đời xuất gia phạm hạnh? Và những cảm thức kia là những nhắc nhở để trở về, đừng có lang thang, phiêu dạt nữa?

- Cảm ân phu nhân! Và chợt như mới phát hiện, trưởng giả Visākha nhận xét - Thật là kỳ lạ! Sống đã lâu với nàng, mà cho đến hôm nay, ta mới phát giác là nàng nói hay quá. Hay ở ngôn ngữ, ý nghĩa, hay ở cung bậc, nhịp độ và hay ở cả âm thanh truyền cảm nữa! Đúng là nàng phải xuất gia mới tỏ lộ hết đạo hạnh, trí tuệ và tài năng!

Bà Dhammadinnā vui mừng nói:

- Cảm ân phu quân!

Ngay ngày hôm sau thôi, trưởng giả Visākha hoan hỷ đưa vị phu nhân xinh đẹp của mình, bà Dhammadinnā đến Ni viện trên cái kiệu vàng¹. Đức vua Seniya Bimbisāra hay

¹ Chú giải Kinh Trung Bộ.(i.515) nói kiệu vàng này được vua Bình Sa hoan hỷ cúng dường.

tin chuyện hy hữu nên đã cùng bà chánh hậu Videhi và hoàng tử A-xà-thế cùng đến dự lễ.

Đức Thế Tôn đã biết chuyện này nên đã cùng các vị trưởng lão đi sang chứng minh và cho bà thọ cụ túc giới trước khá đông đủ Tăng Ni hai viện.

Trưởng giả Visākha làm thí chủ buổi lễ; và sau đó, đặt bát cúng dường Tăng Ni lưỡng viện suốt một tuần lễ. Cũng suốt một tuần lễ ấy, đức Phật và các vị trưởng lão thay nhau thuyết pháp, đôi ngày lần sang cả đêm vì nhu cầu nghe pháp quá đông. Rải rác trong thời gian ấy, khá đông các công nương, các cô tiểu thư, các cô gái đủ mọi thành phần trong xã hội xin xuất gia tỳ-khuru-ni. Trong số họ, sau này, có nhiều bậc trượng Ni làm nơi y chỉ vững chắc cho Ni chúng!

Chuyện bà phu nhân xinh đẹp đột ngột quăng bỏ tài sản, không nuột vật đã mưa ra, là mấy trăm triệu đồng tiền vàng để xin xuất gia, trong lúc ông chồng, trưởng giả Visākha, được đức Phật ngầm xác chứng đắc quả Bất lai, lại chưa được đức Phật cho phép đi theo giáo hội, được Tăng Ni bàn tán thảo luận nơi này và nơi khác.

Hôm kia, có mặt đầy đủ Tăng Ni hai viện, hai hàng cư sĩ áo trắng, cả đức vua Bimbisāra, đức Phật thấy là phải thời, nên vén mở bức màn quá khứ:

- Bà Dhammadinnā từ thời đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara là một cô ở gái nghèo hèn, hôm ấy đi múc nước, trông thấy tướng hảo thanh tịnh của trưởng lão Sujāta, đại đệ tử của đức Phật bèn phát tâm hoan hỷ cúng

dường một chiếc bánh ngọt¹. Thấy căn duyên sau này của cô gái, trưởng lão đã ngồi xuống và thọ dụng chiếc bánh ngay tại chỗ. Cô vô cùng sung sướng, thỉnh ngài về nhà và đặt thêm vật thực cúng dường nữa. Ông bà chủ thấy tính hạnh của cô gái, rất vừa lòng nên đã chọn nhận cô làm con dâu trong gia đình. Sau đó, cô thường cùng với cả gia đình đi nghe đức Phật Padumuttara thuyết pháp. Trong một lần cúng dường lớn đến đức Phật và chư Tăng, lúc ngài đang tuyên dương một vị tỳ-khuru-ni tối thắng đệ nhất về hạnh thuyết pháp, hoan hỷ quá, cô thề nguyện sau này mình cũng sẽ được như vậy. Biết tâm tư của cô gái, đức Phật Padumuttara đã thọ ký cho cô sẽ thành đạt nguyện vọng ấy vào thời đức Phật Sakyā Gotama, chính là Như Lai hiện nay. Vào thời đức Chánh Đẳng Giác Kassapa, cô gái sinh vào gia đình hoàng tộc, tại Bārāṇasī, công chúa con vua Kikī, tên là Sudhamma. Họ có bảy chị em. Cô trưởng công chúa thuở trước, bây giờ là tỳ-khuru-ni Khemā. Cô công chúa út, bây giờ là đại thí chủ Visākhā, mới bảy tuổi đã đắc quả Nhập lưu. Còn cô công chúa thứ sáu tên là Sudhamma này, chính là tỳ-khuru-ni Dhammadinnā, mà sau này, theo với ước nguyện cũ đã được đức Phật Padumuttara thọ ký, sẽ trở thành một vị tỳ-khuru-ni tối thắng đệ nhất về hạnh thuyết pháp trong hàng Ni chúng.

Thuyết đến ngang đây, đức Phật mỉm cười:

¹ Chú giải Trưởng Lão Ni Kệ nói ngài Sujāta khi đó vừa mới xuất khỏi định (diệt thọ, tưởng). Trong Dictionary of Pāli Proper Names - thì nói vật cúng dường là một món ca-ri.

- Này, tỳ-khưu Dhammadinnā! Cô có nhớ ước nguyện cũ khi quỳ bên chân đức Phật Padumuttara không?

Vị tân tỳ-khưu-ni cúi đầu, đáp lí nhí:

- Dạ, đệ tử do quá khứ che ám nên không nhớ gì, không biết gì cả, bạch đức Tôn sư!

- Là hạnh đệ nhất về thuyết pháp đây! Vậy hãy cố gắng mà nghe pháp, suy tư pháp, chiêm nghiệm pháp, kết hợp với công phu nghiêm túc hành trì, tu tập rồi đến lúc cô sẽ thỏa được ước nguyện.

- Tàu vâng, bạch đức Thế Tôn!

Sau khi từ giả đức Phật, vị tân tỳ-khưu-ni đến quỳ xin trưởng lão ni Gotamī đến một ngôi làng vắng, cạnh khu rừng Kalandaka Nivāpa để hành trì tu tập. Và chỉ non nửa tháng sau, cô ta đã chứng quả A-la-hán cùng với tứ vô ngại giải¹ một cách khá dễ dàng do đầy đủ duyên căn từ nhiều kiếp trước.

Trở lại Ni viện, trưởng giả Visākha hay tin, tưởng là bà vợ cũ của mình đã thôi thất con đường, trở lại với thế tục nên ông ta tức khắc đến thăm viếng để hỏi cho rõ nguồn cơn.

Với cử chỉ rất là trí thức, trưởng giả Visākha quỳ năm vóc đánh lễ cô rồi ngồi một nơi phải lẽ, ông cất giọng dịu dàng:

- Thời gian vừa qua, việc khát thực nuôi mạng của sư cô có dễ dàng không? Đời sống phạm hạnh có được dễ chịu và an lạc không?

¹ Xem Therīgāthā (v.12) về câu kệ được thốt ra bởi cô ta.

Tỳ-khuru-ni Dhammadinnā biết ý tứ và sự tế nhị của câu hỏi nên mỉm cười rồi dịu dàng đáp lại:

- Nay bậc thiện trí! Người tưởng rằng tôi đã thối thất, đã trở lui lại với cuộc đời thế tục hay sao?

- Thưa, không dám!

- Không những tôi trôi theo dòng mà tôi còn bơi ngược dòng; và thật sự đã làm được những việc cần làm trên đời này...

Nghe câu nói ấy, trưởng giả Visākha giật mình. Với người đã chứng đắc quả vị tối hậu, họ không được phép tiết lộ sự thật ấy với ai. Nay vị tỳ-khuru-ni Dhammadinnā, vợ cũ của ông, xuất gia mới được nửa tháng, khi nói bơi ngược dòng, đã làm được những việc cần làm, là câu nói với ngữ nghĩa tế nhị, không phạm pháp và luật, lại còn nói lên được ý chí an định với con đường, chứ không chứng tỏ mình đã đắc quả! Tuyệt vời lắm! “*Hiền muội*” của ta đã có được chỗ an trú vững chắc rồi.

Nghĩ thế, ông trưởng giả nói:

- Quý hóa thay, thưa sư cô! Vậy có thể nào, sư cô cho phép tôi được hỏi một vài điều về giáo pháp được không?

Tỳ-khuru-ni Dhammadinnā nghĩ thầm: Đức Thế Tôn đã tế nhị tuyên bố “*hiền huynh*” của ta đã đắc quả Bất lai. Nay ông ta muốn hỏi giáp pháp là để kiểm tra trình độ thực chứng của mình đây! Không sao! Ông ta còn những sợi dây ràng buộc, không biết ta có đủ khả năng cắt đứt giúp ông ta hay không!? Cái đó trí tuệ của mình chưa xác định được. Bèn trả lời có tính cách tùy nghi:

- Thừa được! Tùy khả năng mình, tôi sẵn sàng xin được chia sẻ với người thiện nam!

Thế rồi, vị thánh Bất lai dồn dập, liên tục đặt những câu hỏi thâm sâu, vi tế; những câu hỏi không phải được trả lời bằng những hiểu biết suông của kiến thức, của trí năng; nó thuộc phạm trù hiện chứng, thực chứng của tâm linh trực giác. Đây là những câu hỏi về tự thân, về tập khởi tự thân, về thân kiến, về bát chánh đạo, về định, về hành, về diệt định, về thọ, về tùy miên, về đôi duyên...

Tỳ-khuru-ni Dhammadinnā đã trả lời rất lưu loát, trôi chảy, không ngập ngừng, chứng tỏ đây là cái biết thực, chứ không do suy nghĩ mà có. Vị thánh Bất lai ghi nhận rõ ràng rằng, các câu hỏi về tự thân, về tập khởi tự thân, về thân kiến, về Bát chánh đạo đã được sư cô trả lời trong mối tương duyên, tương quan rất khít khao, rất sáng tạo ngữ nghĩa như: Tự thân là chấp thân, từ chấp thân, chấp sắc thân (sắc) đưa đến chấp các cảm thọ (thọ), chấp các tướng tri (tướng), chấp các tâm hành (hành), chấp các nhận thức (thức). Như thế, từ chấp tự thân đưa đến thân kiến, chấp sắc là ta, là của ta; thọ là ta, là của ta... biến thành tự thân tập khởi. Tự thân tập khởi là cách gọi khác của chấp thủ ngũ uẩn. Tự thân tập khởi đưa đến khát ái, tầm cầu hỷ lạc, hỷ tham trong cõi dục, sắc và vô sắc. Tự thân diệt đồng nghĩa là các uẩn diệt, các khổ diệt, đồng nghĩa với đoạn diệt, không tham đắm, không chấp trước, không còn dư tàn khát ái, xả ly, giải thoát... Muốn uẩn diệt, tự thân diệt phải tu tập tự thân diệt đạo, tự thân diệt đạo chính là bát

chánh đạo, rồi bát chánh đạo bị thâm nhiếp ở trong giới uẩn (ngũ, nghiệp, mang), định uẩn (tán, niệm, định) và tuệ uẩn (kiến, tư duy) thật là chính xác, chưa thực hành rốt ráo thì không thể liễu tri được. Ôi! Cái mối liên hoàn ấy mà thấy biết được thì sư cô đã đi vào dòng Thánh rồi, quả thật đã vững chắc đạo lộ rồi. Đến những câu hỏi về định, về hành, về diệt định... thì sư cô đã thấy biết rõ thêm một chặng nữa, bước thêm một bước nữa khi nói về các loại định, biết rõ hơi thở là thân hành, biết rõ tâm tứ là khẩu hành, biết rõ thọ tưởng là tâm hành. Và khi sư cô nói về diệt định lúc vào, lúc ra, cái gì xuất trước, cái gì xuất sau, cái gì diệt trước, cái gì diệt sau thì rõ ràng sư cô đã đi vào ra định này; vậy là sư cô đã đắc quả A-na-hàm rồi! Và nói đến các cảm thọ, tùy miên và đối duyên thì sư cô đã bước thêm một bước nữa khi ta hỏi về minh, về giải thoát, về Niết-bàn. Đến chỗ không còn ngôn ngữ nữa, đã ở ngoài mọi khái niệm thì sư cô đã trả lời:

- Nay hiền giả Visākha! Câu hỏi này đã đi quá xa, đã vượt khỏi giới hạn! Phạm hạnh là để thể nhập Niết-bàn, để đạt cứu cánh Niết-bàn; nếu muốn, hiền giả hãy đến chỗ Thế Tôn ở, và hỏi ý nghĩa này. Và Thế Tôn trả lời như thế nào, hiền giả hãy như vậy thọ trì!

Và khi Visākha hoan hỷ, tín thọ lời tỳ-khuru-ni Dhammadinnā giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ vị ấy, thân bên phải hướng về phía vị ấy rồi từ biệt, đi đến chỗ Thế Tôn ở. Sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, vị Thánh đệ tử Visākha thuật lại cho ngài nghe

tất cả câu chuyện đàm đạo với tỳ-khuru-ni Dhammadinnā.

Nghe xong, đức Phật tán thán:

- Nay Visākha! Tỳ-khuru-ni Dhammadinnā là bậc hiền trí, là bậc đại tuệ. Với những câu hỏi như thế thì Như Lai cũng chỉ trả lời như vậy mà thôi!

Kinh sách thì nói rằng, với những câu hỏi phức tạp, rắc rối và thâm sâu của vị Thánh đệ tử Visākha đã được tỳ-khuru-ni Dhammadinnā trả lời “*một cách dễ dàng như một người cầm dao cắt một đóa hoa sen*”. Câu hỏi và câu trả lời được đề cập trong kinh Cūlavedalla¹.

Vậy là cốt sử truyện của chúng ta có thêm một vị tỳ-khuru-ni A-la-hán đặc tuệ phân tích và có khả năng xuất chúng về giảng nói, được đức Phật tuyên dương là “*đệ nhất về thuyết pháp*” trong hàng Ni giới.

¹ Majhimā Nikāya .i.299ff.

Nữ Thánh đệ tử Uttarā và cô kỹ nữ Sirimā



con
gái
đức
Phật

*** Chuyện đất hóa vàng**

Cuối canh ba hôm ấy, sau khi xả diệt thọ tướng định bảy ngày, tôn giả Sāriputta đưa võng lưới quan sát khắp kinh thành và vùng phụ cận xem thử ai có nhân duyên để tế độ thì ngài thấy biết một việc.

Tại ngoại ô kinh thành Rājagaha, có một người nông dân nghèo tên là Puṇṇaka (còn được gọi là Puṇṇasīha) sinh sống bằng nghề làm thuê cho trưởng giả Sumana. Ông có một người vợ và một cô con gái đã lớn tên là Uttarā, đều là nô tỳ trong gia đình của trưởng giả.

Hôm đức vua Bimbisāra cho tổ chức lễ hội vui chơi bảy ngày, ông Puṇṇaka hỏi vợ:

- Mọi người đều được nghỉ làm, còn tôi hôm nay thì sao bà nó ơi? Đi làm hay không đi làm?

Bà vợ suy nghĩ một chút rồi nói:

- Chẳng có ông chủ nào muốn cho kẻ ăn người ở nghỉ việc cả!

- Vậy bà nó bảo tôi phải đi cày như thường lệ hay sao?
- Ông nó hãy lắng nghe cách nói của ông chủ, khi ấy mới biết “*nên*” đi hay “*không nên*” đi!

Ông chồng vốn chậm hiểu nên ngạc nhiên hỏi:

- Ông chủ có thể có cách nói như thế nào, bà nó nhẽ?
- Ông nó hãy nhớ cho kỹ đây! Bà vợ khôn ngoan căn dặn - Nếu ông chủ nói: “*Hôm nay khắp nơi đức vua cho mọi người nghỉ việc cả, nhà ta cũng vậy, con ạ!*” Khi ông ta nói vậy là nói thật lòng nên ông nó sẽ cảm ơn ông chủ rồi nghỉ việc. Nếu ông chủ nói: “*Hôm nay mọi người đều nghỉ việc cả, còn ông nghỉ hay làm?*” Khi nói với nghĩa hàng hai như thế là ông chủ không muốn chàng nghỉ việc, lúc ấy ông nó sẽ nói: “*Thưa chủ, nghỉ lễ chỉ để dành cho giới giàu có, con là phận nô lệ, phải biết giúp ích cho chủ chứ!*” Trả lời thế là ông chủ sẽ hài lòng, và ông nó cứ đi cày như thường lệ!

Người nông dân Puṇṇaka nghèo khổ và chất phác ghi nhớ đỉnh ninh lời vợ dạy, đến gặp ông chủ; và câu hỏi đáp giữa hai người y chang như bà vợ đã tiên tri, nghĩa là ông chủ hỏi chàng muốn làm hay nghỉ!

Puṇṇaka về kể chuyện lại cho vợ hay rồi cười cười nói:

- Bà nó giỏi quá nhẽ! Như đi chân đất trong bụng của ông chủ vậy đó !

- Khen nhau mà làm chi! Không khó gì mà không hiểu tâm địa của người giàu, đã giàu rồi họ còn muốn giàu hơn nữa. Thôi đi đi, tôi cũng sẽ chuẩn bị phần ăn trưa cho ông nó đây.

Puṇṇaka ngoan ngoãn “tuân lệnh” vợ, chọn một cặp bò mạnh khỏe rồi vác cày ra đồng.

Tôn giả Sāriputta thấy vậy, nghĩ bụng: “*Ta sẽ cho phước đến người nông dân chất phác này đây! Hóa ra ông ta có duyên với mình. Nhưng không biết có đầy đủ đức tin để dâng cúng vật thực không? Ô, hóa ra là có! Mà là đức tin bất động rất mãnh liệt là khác! Rồi sao nữa? Ô, thật là hy hữu! Chẳng ta sẽ có quả báo hiện tiền, hưởng được gia tài lớn, có địa vị, có danh vọng! Và từ đó rất lợi lạc cho cả cô con gái Uttarā, lợi lạc cho giáo pháp nữa!*”

Thế rồi, tôn giả Sāriputta đắp y, mang bát, bộ hành ra phía ngoại ô, đi thẳng đến đám ruộng cày của người nông dân nghèo thì trời cũng đã khá trưa. Đến nơi, dừng chân sát bờ ruộng, tôn giả ôm bát và đứng nhìn vào một khóm tre, cốt ý xem thử thái độ, cung cách xử sự của Puṇṇaka ra sao!

Thấy tôn giả, người nông dân phát tâm tịnh tín, bỏ cày, đến đánh lễ năm vóc sát đất rồi tự nhủ: “*Vị sa-môn đáng đáp cao sang và quý phái này không nói, không rằng, chỉ đứng nhìn vào bụi tre; có nghĩa là ngài cần tắm tre chăng? Tắm tre thì mình có sẵn đây!*”

Puṇṇaka bèn đem dâng tắm xia răng!

Mỉm cười, tôn giả trao đầy lược nước và bình bát xem thử ông ta làm sao. Puṇṇaka tự nhủ: “*Ngài cần nước uống chăng? Ô, nước uống thì ta cũng có sẵn đây!*” Rồi lấy đầy lược nước, lược nước đầy bát rồi đem dâng cho tôn giả! i

Tôn giả bèn uống nước tại chỗ rồi rời chân đi, tự nghĩ: *“Đây là xong phần việc của ông chồng! Ông ta chỉ có tấm xía răng và nước lã nhưng đã cúng dường với cái tâm vô cùng trân trọng và thanh khiết! Còn bà vợ? Bây giờ, ta sẽ đến đứng và đợi ở một lối rẽ nơi con đường mà bà ta sẽ mang thức ăn trưa cho chồng”*.

Và quả thật vậy, tôn giả Sāriputta ôm bát đứng đợi một lát ở đầu con đường ruộng thì thấy bóng dáng bà vợ của Puṇṇaka hối hả đi ra.

Thấy một vị sa-môn y bát trang nghiêm, uy nghi, vàng trán sáng như tỏa hào quang, bà vợ chàng Puṇṇaka phát khởi đức tin trong sạch, tự nghĩ: *“Khi mình có vật thực cúng dường thì không thấy một vị sa-môn nào cả! Khi mình không có cái gì dâng cúng thì lại gặp các vị sa-môn! Lần nào cũng thiếu duyên. Hôm nay, hy hữu thay, mình có vật thực lại được gặp một vị sa-môn tướng hảo quang minh dường kia! Thật là đại duyên, đại phước cho mình!”*

Nghĩ thế xong, bà vợ Puṇṇaka đặt giỏ thức ăn xuống, đến quỳ năm vóc sát đất rất mực cung kính rồi thưa:

- Xin cho kẻ tôi tớ hèn mọn này được thành tâm cúng dường; và cũng xin ngài đừng nghĩ đến vật thực thô xấu của kẻ nô lệ. Đây là tấm lòng của chúng con và xin ngài phúc chúc cho chúng con!

Tôn giả đưa bát ra. Bà sốt com và thức ăn vào bát. Được phân nửa, tôn giả lấy tay ngăn bát lại:

- Thôi đủ rồi!

Người vợ thưa:

- Một phần ăn không thể chia hai. Xin ngài hãy thọ nhận hết để phước báu nâng đỡ chúng con đời này và đời sau.

Bà lại sốt hết phần cơm.

Tôn giả hỏi:

- Bà có ước nguyện gì?

- Con chỉ mong sao do phần phước ít ỏi này giúp con thoát khỏi cảnh đói nghèo và thân phận nô lệ mà thôi!

- Bà sẽ được như nguyện! Và còn hơn thế nữa, thí chủ!

Xong, tôn giả đọc một câu phúc chúc và ngồi xuống một nơi mát, sạch, thọ trai.

Người vợ nông phu về nhà nấu cơm khác.

Puṇṇaka đã cày hết nửa mẫu đất, đói bụng quá bỏ cày, ngồi xuống gốc cây trông chừng về phía đường.

Khi người vợ mang cơm đến, thấy chồng ngồi trông, bà nghĩ: *“Chắc ông ấy bị đói dữ lắm! Có lẽ ông đang đợi ta kìa, ông sẽ trách ta đến trễ, sẽ lấy gậy đập ta, khiến cho việc ta vừa làm không có kết quả, chi bằng ta nói rõ lý do trước”*.

Và bà nói to lên:

- Ông nó ơi! Hãy kiên nhẫn một chút và đừng làm mất hết thành quả hữu ích của việc tôi mới làm. Số là, hồi gần trưa, tôi đem phần ăn cho mình, may mắn gặp được một vị sa-môn và tôi đã cúng dường hết. Do phải về nhà nấu cơm khác nên đã quá trưa. Mình thông cảm cho tôi nhé?

Puṇṇaka do đói bụng, mệt, nghe loáng thoáng... phần ăn... cúng dường... gì gì đó, nên hỏi lại:

- Bà nó nói rõ lại đi?

Sau khi nghe rõ chuyện, Puṇṇaka mặt mày hớn hở, khen vợ rồi rít:

- Giỏi quá! Giỏi quá! Bà nó đã làm được một việc tốt khi dâng phần ăn của tôi cho vị sa-môn. Tôi cũng đã đem tấm và nước uống dâng đến cho vị ấy sáng nay. Tôi cũng đã biết cúng dường chút chút đó bà nó ơi!

Bà vợ nghe được vậy, khoan khoái thở một hơi dài nhẹ nhõm. Khi bà ngồi xếp bằng xuống chuẩn bị dọn thức ăn ra ra bãi cỏ, thì Puṇṇaka do quá mệt nên đã gối đầu lên bắp vế của bà, thiu thiu ngủ. Thấy vậy, thương chồng, không nỡ đánh thức, bà ngồi yên lặng mà cảm giác một hạnh phúc tuôn tràn.

Bấy giờ, tất cả đất được cày lên từ sáng đều biến thành vàng, sáng lấp lánh như hoa Kanikāra.

Puṇṇaka thức giấc, chợt nhìn thửa ruộng vàng sáng một cách lạ lùng, ngồi dậy, nói với vợ:

- Bà nó xem kìa! Dường như đất đã biến thành vàng? Hay là tôi bị chóa mắt vì đã nhịn cơm trưa nay?

Bà vợ cũng ngạc nhiên, chăm chú nhìn:

- Hình như tôi cũng thấy nó là vàng đấy!

Puṇṇaka đứng dậy, bước xuống ruộng lượm một miếng đất đập thử lên cán cày và thấy nó là vàng. Chưa tin, ông lấy răng cắn thử rồi kêu lên thảng thốt:

- Ôi! Vàng thật rồi! Chúng ta cúng dường vị sa-môn kia, và phước báo đến ngay ngày hôm nay tức khắc! Bây giờ, kinh khiếp là vàng như thế này, chúng ta làm sao đây?

Bà vợ bước đến, nắm một cục vàng trong tay, suy nghĩ một lát rồi nói:

- Chúng ta là hạng tôi tớ nghèo nàn, nếu sử dụng vàng này là mang họa đó!

- Hay là ta về trình lại với chủ?

Bà vợ lắc đầu:

- Không! Ông chủ rất tham lam! Còn ích kỷ, bòn xén, keo kiệt nữa. Cả đời chỉ biết thu vô, chưa biết cho ra. Chưa hề biết đến việc nghĩa, và cũng chưa cho ai một xu, một cắc; không xứng đáng để chúng ta tin tưởng. Tốt nhất là nên đến trình đức vua để ngài xử lý! Đức vua là đáng minh quân, hiền thiện, là đệ tử của đức Phật. Ngài nổi tiếng biết cúng dường đến đức Phật và Tăng chúng, biết lập những trại phước xá để bố thí chẩn bần, lại còn biết chăm lo an vui và hạnh phúc đến cho muôn dân nữa. Vậy, chỉ có đức vua mới biết sử dụng hữu ích cả cái ruộng vàng này!

Puṇṇaka gật đầu lia lịa:

- Phải! Phải! Bà nó luôn luôn khôn ngoan và sáng suốt, hơn tôi cả hai ba cái đầu!

Thế rồi, cả hai người hồi hã ăn vội miếng cơm rồi cùng nhau chắt vàng vào đầy giỏ thức ăn. Sau đó, bà vợ vác cày, dẫn bò về nhà, còn Puṇṇaka mang giỏ vàng hồi thăm đường đến cung vua.

Sau năm lần bảy lượt năn nỉ xin với lính gác, năn nỉ trình với các quan, Puṇṇaka cũng được gặp vua. Ông lấy tất cả vàng trong giỏ ra cho vua thấy rồi nói:

- Tâu đại vương! Hôm nay do vợ chồng chúng con cúng dường vật thực, tấm xia răng và nước uống cho một vị sa-môn; sau đó, lạ lùng làm sao là tất cả đất con cày đều biến thành vàng. Đây là một số ít trong đám ruộng vàng ấy! Con đem trình cho đại vương hay!

Đức vua Bimbisāra đưa mắt nhìn vàng - vàng mười lán mịn - thò tay lấy một cục, ngắm nghía rồi lại quay sang nhìn người nông dân, ông chậm rãi nói:

- Vàng là vàng thật! Chuyện xảy ra cả ruộng vàng, chắc cũng không phải giả! Nhưng sao ngươi không giấu vàng ấy đi để tiêu xài, không nói lại với ông chủ, lại đem trình báo chuyện ấy với ta?

- Thưa, vợ con nói, ông chủ con tham lam, keo kiệt! Còn đức vua là một đấng minh quân, biết cúng dường đức Phật và tặng chúng, biết bố thí chân bản, biết lo cho an vui và hạnh phúc của muôn dân nữa.

Đức vua cười cười:

- Vợ ngươi nói thật như thế à?

- Thưa vâng! Cả đời, vợ chồng chúng con ăn ngay ở thật, chưa hề biết nói dối!

Đức vua lại hỏi:

- Tốt! Tốt quá! Thế ngươi tên gì?

- Con tên Puṇṇaka.

- Chủ của ngươi là ai?

- Thưa, ông là triệu phú Sumana!

-Ồ, đúng là tay triệu phú đấy! Đúng là tên của ông

trưởng giả keo kiệt rồi!

Nhà vua lại hỏi:

- Vị sa-môn mà vợ chồng ngươi cúng dường, tướng mạo ra sao, có thể tả lại cho ta nghe được không?

Puṇṇaka cố gắng hình dung tuổi tác, tướng mạo và phong cách rồi tả lại... Đức vua thốt lên:

- Với phước báu hiện tiền, với cốt cách như ngươi diễn tả thì đúng vị ấy là tôn giả Sāriputta, đại đệ tử của đức Tôn sư rồi! Chỉ có tôn giả ấy, sau bảy ngày tĩnh cư diệt thọ tưởng định mới cho được kết quả phước báu lạ lùng và hy hữu đến cho nhà ngươi như vậy đó!

Nghĩ ngợi một chút, vua nói tiếp:

- Phước ấy là của ngươi! Vậy ngươi tính sao với cái ruộng vàng ấy?

- Đại vương hãy cho chừng một trăm chiếc xe ngựa kéo đến chở vàng ấy về kho của triều đình. Chỉ có đức vua mới sử dụng hữu ích đồng vàng ấy, vợ con nó nói như vậy!

Đức vua Bimbisāra, vốn là một vị thánh Nhập lưu, ngài đâu phải là ông vua thấy vàng là sáng mắt? Tuy nhiên, ở đây là đức tin, ngài tin cái phước báu huyền diệu của chàng nông dân; nên đã tức tốc sai sắm xe ngựa, do Puṇṇaka dẫn đường cùng với quân binh rộn ràng một trăm xe ngựa kéo đi chở vàng về!

Dừng tại bờ ruộng. Vàng sáng cả một góc trời. Quân lính mở tròn mắt, chạy đến nhặt vàng, thấy vàng thiệt, chúng la toáng lên:

- Ôi! Vàng ơi là vàng ơi! Vàng của đức vua! Vàng của đức vua!

Lạ lùng làm sao! Khi chúng đồng la hét rầm trời như vậy: “*Vàng của đức vua! Vàng của đức vua!*”... thì cả một ruộng vàng chợt sẫm tối lại, nó vốn là đất cục hoàn lại với đất cục!

Đức vua Bimbisāra vốn là bậc trí tuệ, ngài hiểu chuyện gì xảy ra nên mỉm cười bảo quân lính:

- Ta là ai mà lại có được cái ruộng vàng ấy! Nó là của gia đình Puṇṇaka! Vậy, các người hãy hô to như thế này: “*Ôi! Vàng! Ôi! Vàng! Vàng của gia đình Puṇṇaka! Vàng của gia đình Puṇṇaka!*”

Và khi quân lính hô lại như vậy thì ruộng đất biến trở lại thành ruộng vàng như cũ. Thế rồi, một trăm xe bò kéo chở vàng về triều, đồ đầy cả một sân lớn trong cung điện, cao đến tám mươi cubit!

Nhà vua cho vời một số các quan đại thần, một số gia chủ trưởng lão uy tín trong kinh thành đến rồi hỏi:

- Có ai trong chư vị, trong các bậc triệu phú có nhiều vàng như thế này chăng?

- Tâu đại vương, không có, không thể có!

Đức vua kể tóm tắt lý do có được đồng vàng rồi kết luận rằng:

- Như vậy, vàng này có được là do phước báo cúng dường với tâm tịnh tín và trong sạch của gia đình Puṇṇaka lên tôn giả Sāriputta. Vậy, hôm nay ta tuyên bố nó là sở

hữu của gia đình Puṇṇaka!

Mọi người đồng tán thán:

- Đức vua anh minh!

- Đức vua liêm khiết!

- Tấm lòng đức vua trong sáng như mặt trời, mặt trăng!

Đức vua khoát tay, nói lớn:

- Thôi đủ rồi! Tài sản của các vị triệu phú cũng là tài sản của quốc độ. Hôm nay, kinh đô Māgadha của chúng ta có thêm một vị triệu phú, đây là điều đáng mừng! Vậy, theo ý chư vị thì trăm nên tặng cho Puṇṇaka cái gì đây?

Một vị đại thần nói:

- Chiếc lọng báu, tâu đại vương! Chiếc lọng báu là trân quý nhất!

- Vậy còn danh xưng? Trăm sẽ cho Puṇṇaka cái tên gọi nào cho xứng hợp?

- Là trưởng giả đại phú gia (Bahudhanaseṭṭhi), tâu đại vương!

- Được rồi! Đúng rồi! “*Trưởng giả Puṇṇaka đại phú gia*”! Từ nay, cứ như vậy mà gọi!

Đức vua phán thế xong, quay sang Puṇṇaka, ngài bèn nói tiếp:

- Ta là đệ tử của đức Thế Tôn! Phước báu hiện tiền của người có được cũng do uy lực bất khả tư nghị của tôn giả Sāriputta! Vậy, chúng ta đều là đệ tử Tam Bảo. Người phải biết sử dụng tài sản cho sự an vui của gia đình, an

vui cho những người xung quanh rồi cùng nhau làm một vị hộ trì giáo pháp. Phía ngoài cung điện có một biệt phủ bỏ trống, ta tặng luôn cho gia đình người, hãy chuyển về đó mà sinh sống. Ta cũng tặng thêm cho người mười gia nhân biết việc, mười đầy tớ trai, mười đầy tớ gái để chăm sóc, quản lý gia sản cùng mọi công việc phát sanh.

Puṇṇaka chỉ biết cúi đầu lạy tạ, mắt lệ rung rung, tri ân khôn xiết:

- Con xin ghi khắc vào tấm lòng! Con nguyện sẽ làm một công dân tốt dưới chân bệ hạ!

Đức vua Bimbisāra mỉm cười hài lòng, nói nhỏ trong tâm rằng: *“Cách xử sự quang minh chính đại, cùng với cái tâm quảng đại, bao dung như thế này, đệ tử cũng học được từ Giáo pháp Vô thượng, bạch đức Đạo sư tôn kính!”*

*** Chuyện của cô gái Uttarā**

Suốt gần nửa tháng, vợ chồng Puṇṇaka và con gái Uttarā dọn về nhà mới là một biệt phủ sang trọng; may nhờ có gia nhân, tôi trai, tớ gái giúp việc, đầu đó trong ngoài đã khang trang, sạch sẽ, ngăn nắp. Từ một thân phận nô lệ, bây giờ họ là gia đình đại phú, mở mắt ra là giàu sang nhất nhì kinh thành, dù có nằm trong mộng cũng không có được sự đổi đời như thế.

Việc đầu tiên hai vợ chồng bàn nhau là phải biết tri ân Tam Bảo nên họ đến tịnh xá Trúc Lâm, thỉnh đức Phật, hai vị đại đệ tử cùng chư Tăng để họ được đặt bát cúng dường trong bảy ngày tại tư gia. Đồng thời cũng là cơ hội

để họ khánh thành tòa biệt phủ, ra mắt với mọi người, mọi giới trong kinh thành.

Cuộc lễ lớn quá, họ phải thuê mướn tất cả từ tổ chức, lều trại, trang hoàng, nấu ăn, bung dọn cùng trăm việc linh tinh khác. Bà Puṇṇaka và con gái Uttarā tuy tháo vát, đảm đương nhưng họ chỉ chăm lo cẩn thận, chu đáo phần việc cúng dường đức Phật và chư Tăng mà thôi.

Cứ mỗi ngày, mỗi buổi như vậy, đức Phật và hai vị đại đệ tử lại thay nhau thuyết pháp đến cho gia đình và quan khách. Đức vua Bimbisāra, hoàng hậu Videhi cùng triều đình cũng đến tham dự buổi đầu tiên, là một vinh hạnh lớn cho gia chủ.

Hôm gặp lại tôn giả Sāriputta, vị sa-môn thù thắng cho họ có được ngày hôm nay, cả gia đình quỳ mọp xuống ôm chân bụi của ngài mà nước mắt ràn rụa, ngài phải phủ dụ:

- Nhân nào quả nấy! Cả gia đình đã có duyên lành từ kiếp trước chứ ta nào có tài cán gì, uy lực gì đâu! Hãy sống vì mọi người, vì an vui và hạnh phúc cho phần đông!

Trong bảy ngày đặt bát, có một thời pháp của đức Phật đã giúp cho hai vợ chồng Puṇṇaka, cô con gái Uttarā đều được chứng quả Dự Lưu! Từ đó, cả vợ chồng và cô con gái không ngày nào là không cúng dường thức này vật nọ đến chư Tăng tịnh xá Trúc Lâm. Và hẳn có cơ hội là họ lại cùng nhau đi nghe pháp, do đó, càng ngày họ càng khắng khít với đức tin Tam Bảo.

Trưởng giả Sumana thấy gia đình nô lệ Puṇṇaka, bây giờ với tài sản lớn, danh vọng lớn hơn cả mình nên

cho người đến dạm hỏi cô con gái cho con trai của mình nhưng bị khước từ. Không hiểu lý do, trưởng giả Sumana đích thân tìm đến hỏi. Đại phú gia Puṇṇaka tiếp đón “chủ cũ” của mình thật đàng hoàng, lịch sự, nhưng khi đề cập đến chuyện cầu hôn thì ông bảo:

- Xin lỗi! Con gái tôi theo đức Phật, có đức tin với Tam Bảo; con trai ông theo ngoại đạo, chẳng có đức tin chơn chánh, tôi không thể gả được!

Trưởng giả Sumana xuống giọng:

- Chúng ta dù sao cũng đã từng quen biết nhau mà! Đừng cặn tàu, ráo máng như thế! Được con gái ông làm vợ, con trai tôi biết đâu nó sẽ khá hơn, tốt hơn!

Đại phú gia Puṇṇaka khăng khăng không chịu. Sau, do lời khuyên của nhiều nhà quyền chức, vọng tộc, phú hào đã khuyên Puṇṇaka đừng làm mất tình thân của trưởng giả kia, dù sao trước đây cũng đã có chút tình, chút nghĩa, chút duyên. Cuối cùng, Puṇṇaka nhận lời, vào ngày trăng tròn tháng Asalhi, gả Uttarā cho con trai trưởng giả Sumana là chủ cũ của mình.

Từ khi về nhà chồng, Uttarā không có dịp gặp gỡ chư vị tỳ-khưu Tăng Ni, hoặc cúng dường hoặc nghe pháp tại tịnh xá Trúc Lâm nữa. Hôm kia, nàng Uttarā hỏi người hầu:

- Mùa an cư còn bao lâu?

- Thừa phu nhân, nửa tháng nữa.

Uttarā nhắn tin về cha nàng: “*Tại sao cha mẹ lại để cho họ nhốt con trong cái nhà ‘vô phước’ này vậy? Thà là cha mẹ*

đánh con, chửi con còn hơn là gả con cho một gia đình ngoại đạo như thế này. Từ ngày về đây, con không được gặp đức Phật, hai vị thượng thủ giáo hội, chư vị trưởng lão, cho chí một vị tỳ-khuru Tăng Ni gì đó cũng không thấy mặt! Ôi! Một chút công đức nhỏ cũng không làm được thì cuộc sống làm người có ý nghĩa, giá trị gì nữa?”

Cha mẹ nàng được tin, buồn bã nói với nhau rằng:

- Ôi! Con gái ta bất hạnh quá!

Rồi cả hai tính kế. Sau đó, ông bà Puṇṇaka gởi cho con gái mười lăm ngàn đồng tiền vàng, kèm theo lời dặn dò: *“Trong kinh đô Rājagaha này có cô kỹ nữ tên là Sirimā, nổi tiếng là một mỹ nhân trong thiên hạ; ai ở với cô ta một đêm phải bỏ ra một ngàn đồng tiền vàng, không thừa không thiếu. Thế mà các vương tôn công tử phú gia tranh giành nhau đấy! Vậy, với số tiền này, con mời cô ấy về cho chồng con để thay thế con. Và con sẽ có được thời gian mười lăm hôm để đi làm phước, cúng dường, nghe pháp tùy thích!”*

Vui mừng khôn xiết, nàng Uttarā cho mời kỹ nữ Sirimā đến, với lời dịu dàng, đề nghị làm bạn với chồng mình mười lăm hôm, với số tiền mười lăm ngàn đồng tiền vàng đưa trao ngay tận tay.

Sirimā tức thì ưng thuận, mà chồng của nàng Uttarā cũng vì say mê nhan sắc của cô kỹ nữ nên mau mắn đồng ý, hài lòng để Uttarā tự do như ý.

Như chim được sổ lồng, nàng Uttarā đi thỉnh ngay đức Phật cùng chư vị trưởng lão để đặt bát tại tư gia nửa tháng cuối cùng trong mùa an cư.

Được đức Phật nhận lời, nàng vô cùng vui sướng nghĩ thầm: *“Từ ngày mai trở đi cho đến ngày mãn hạ, ta không còn bị ràng buộc gì với ông chồng và công việc gia đình chồng nữa. Hãy để tâm vào việc sắp đặt bánh trái cơm nước cho được chu đáo!”* Thế rồi nàng đích thân tính toán các loại thực phẩm, món ngọt, món mặn thượng vị cứng mềm đầu đó rồi cùng với các nữ tỳ đi chợ, vào bếp, chăm lo từ việc nhỏ đến việc lớn. Muốn cho việc đặt bát cúng dường được thành tựu tốt đẹp, nàng luôn nở nụ cười, thái độ dịu dàng, mềm mỏng khi chỉ bày công việc; và nàng lại còn vui vẻ ban thưởng tiền bạc cho những người phụ việc, kẻ làm công, tôi trai tớ gái nên ai cũng hoan hỷ, ai cũng thương kính cô chủ tốt bụng.

Đức Phật chỉ tham dự một hôm, sau đó là tôn giả Sāriputta, đôi khi thay thế bằng tôn giả Moggallāna hay tôn giả Ānanda dẫn đầu hội chúng. Và các thời pháp cũng thay đổi như thế.

Vậy là ngày nào nàng cũng được như ý, ngày nào nàng cũng mãn nguyện. Và thời pháp nào nàng cũng chăm chú lắng nghe, do vậy, kiến thức về kinh giáo của nàng có thêm được bề rộng và bề sâu. Điều đặc biệt, nàng thích bài giảng của tôn giả Ānanda về tâm từ, nên khoảnh khắc nào nàng cũng niệm tâm từ, tu tập tâm từ ngày cũng như đêm nên khuôn mặt nàng lúc nào cũng tươi rạng và mát mẻ.

Một hôm, tình cờ chồng nàng Uttarā đứng ở cửa sổ lầu cao, nhìn xuyên qua cửa bếp, chợt nảy sinh ý nghĩ: *“À, ta xem thử cô vợ của ta làm gì ở trong đó mà suốt cả nhiều ngày*

không hề thấy mặt?” Rồi ông thấy Uttarā đi tới đi lui, mình mẩy đầm mồ hôi, mặt mày dính đầy tro bụi, mồ hóng... với dáng dấp như đang tất tả với công việc. Ông rửa thầm: *“Họa là cái con điên! Không điên cũng khùng! Sống trong một gia đình giàu sang, danh giá như thế này, lại không thích thọ hưởng ngũ dục, những tiện nghi xa hoa, những thú vui quý phái - mà lại đầu tắt mặt tối trong bếp núc như kẻ tôi đòi, hạ tiện, nấu nướng thức ăn, cung cung kính kính phục vụ cho những ông thầy tu trọc đầu!”* Nghĩ thế xong, ông cất tiếng cười rồi bỏ đi!

Cô kỹ nữ Sirimā đứng gần đó thấy vậy, tự hỏi: *“Ông ấy thấy ai mà cười vậy ha?”* Nhìn thẳng qua cửa sổ nhà bếp, trông thấy Uttarā đang vuốt mồ hôi trên má, Sirimā nghe ghen tức trong lòng: *“Chỉ vì bà ta thôi! Ô! Hóa ra giữa họ vẫn còn tình tứ với nhau lắm”*. Sở dĩ có chuyện như vậy là vì, dù Sirimā sống chưa đầy nửa tháng trong nhà triệu phú như một nàng hầu; nhưng chóa mắt vì sự giàu sang, hào nhoáng, lộng lẫy của gia chủ, nàng quên mất thân phận ‘chỉ là kẻ thế thân vui chơi cho người ta’, lại cứ tưởng mình là ‘nữ chủ’! Vì vậy, Sirimā cảm thấy căm ghét Uttarā, khởi ác tâm muốn hại nàng, muốn làm gì đó cho nàng phải khổ sở, phải đau đớn mới cam lòng! Cô ta bèn chạy xuống lầu, đi vào nhà bếp, đến bên chảo bánh, múc một vá bơ đang sôi tiến về phía Uttarā.

Cô Uttarā vô tư, thấy Sirimā đi tới không biết có việc chi, nhưng cũng mở lời:

- Cô bạn đã giúp tôi rất nhiều. Trái đất này có thể to rộng, cõi trời Phạm thiên kia có thể cao lớn, nhưng lòng tốt của cô còn vĩ đại hơn nhiều. Nhờ cô, tôi được rảnh thời gian để cúng dường và nghe pháp. Cảm ơn cô nhiều lắm!

Vừa nói đến ngang đó, thoáng thấy đôi mắt cô kỹ nữ hần lên tia lửa và cái cách cầm cái vá bơ sôi, đoán biết ngay chuyện gì. Cô Uttarā nhắm mắt lại, niệm tâm từ rồi bình tĩnh, chậm rãi nói:

- Cô bạn làm gì thì làm, tuyệt đối tôi không nổi giận với cô đâu. Nếu điều tôi nói là chân thật thì vá bơ sôi kia chẳng thể làm gì tôi được, bằng lời kia là gian dối thì tôi sẽ bị hại!

Nói thế xong, một năng lượng tâm từ như bao phủ con người cô, sắc mặt cô nên khi vá bơ sôi từ trên đầu hắt xuống, nó chọt như nhúm nước lạnh tưới nhẹ lên đầu lên mặt mà thôi. Tức giận, Sirimā quay lưng định đi múc vá bơ thứ hai...

Tuy nhiên, những gia nhân giúp việc đã kịp thời ra tay. Người thì la hét, người thì nguyên rủa:

- Cút đi! Đồ mất nết!

- Mà y là cái gì trong nhà này mà tưới bơ lên đầu bà chủ của tao!

- Hãy “tán” nó!

Rồi họ đồng ủa tới Sirimā, kẻ đánh bằng tay, kẻ đập bằng chân, kẻ đập bằng chảo, bằng vung, người giật tóc, người xé xiêm áo... cho đến khi cô ta thân tàn ma dại luôn.

Nàng Uttarā can ngăn không kịp, chạy tới đẩy mọi người ra, còn nằm úp xuống trên thân để che chắn, bảo vệ cho cô kỹ nữ. Sau đó cô nói lớn tiếng rằng:

- Cô Sirimā đã hành động thô bạo là do sân si không kèm chế được mình; mà các người cũng bằng hành động thô bạo để đối lại thì xấu ác cũng tương đương! Làm cho người khác đau đớn như thế là không đẹp rồi, không tốt rồi!

Mọi người thấy tấm lòng quảng đại của cô chủ Uttarā, họ cúi đầu như hồi lỗi. Nàng Uttarā đưa tay dịu dàng đỡ Sirimā dậy rồi nhờ mọi người mang cô ta vào phòng. Sau đó, nàng tận tay tắm rửa cho cô ta bằng nước ấm, lấy khăn thơm lau khô rồi lấy dầu quý xoa bóp những chỗ bị sưng tấy! Nàng cũng đích thân vào tủ lấy xiêm áo tốt, đẹp, sang trọng để cho Sirimā thay đổi bộ đồ cũ đã bị dơ, rách.

Cảm động quá, Sirimā bung mắt, thút thít khóc! Bây giờ, cô ta mới sực nhớ, mình chỉ là người hầu, lại được bà chủ rộng lòng tha thứ, chăm sóc chu đáo với bàn tay dịu dàng của người mẹ, cô suy nghĩ: *“Thật là thô bỉ, hung ác và cả vô lý nữa, khi mình đổ bơ nóng lên đầu cô chủ chỉ vì ghen tức chồng nàng cất tiếng cười với nàng!? Và nàng, thay vì sai gia nhân trối ké ta lại, hạc sách ta, mặt sát ta, đánh đập ta... thì nàng lại la mắng gia nhân, bảo vệ ta, lại còn tắm rửa cho ta, xoa bóp dầu thơm cho ta, hết lòng xoa dịu vết thương đau cho ta nữa! Ôi! Nếu ta không ôm gót chân nàng mà xin lỗi thì cái đầu của ra sẽ bị bẻ làm bảy mảnh!”*

Nghĩ thế xong, Sirimā lồm cồm bò dậy, quỳ dưới chân Uttarā, sụt sùi nói rằng:

- Xin phu nhân tha lỗi cho tôi! Tôi đã ăn năn, bút rút nhiều lắm!

“*Trí tuệ*” lúc ấy chợt đến với Uttarā nên nàng thân nhiên nói:

- Tôi là con của cha tôi. Nếu cha tôi tha lỗi cho cô thì tôi mới tha lỗi cho cô!

- Lành thay, thưa phu nhân! Cô Sirimā nói - Tôi sẽ thành tâm xin lỗi với người, đại phú gia Puṇṇaka!

- Không! Uttarā đáp - Puṇṇaka là cha thế gian của tôi! Tôi muốn nói đến đức cha xuất thế gian của tôi kia!

Sirimā không hiểu.

Uttarā phải giải thích:

- Chính là đức Phật! Chính là bậc Tôn sư Vô Thượng Giác! Cả gia đình chúng tôi đều được sinh ra trong lòng giáo pháp. Cô phải thành tâm xin lỗi tôi, có sự chứng minh của đức Đạo sư mới được!

- Tôi đã hiểu rồi! Thế tôi phải xin lỗi với ngài bằng cách nào mới xứng hợp?

- Mai là ngày cuối cùng trong mười lăm ngày làm phước sự của chúng tôi. Vậy cô phải chuẩn bị ngay từ bây giờ, cơm bánh vật thực để đặt bát cúng dường đến đức Phật cùng năm trăm vị tỳ-khuru! Chỉ có việc làm ấy mới nói lên lời xin lỗi chơn chánh nhất.

Nghे lời, cô kỹ nữ tức tốc về nhà, sai bảo gia nhân

chuẩn bị đầu đầy mọi thứ, sáng ngày, cùng với chục chiếc xe ngựa kéo cùng với tỳ nữ mang thức ăn, vật uống, thượng vị loại cứng, loại mềm đến trang viện của gia đình Uttarā.

Khi đức Phật và hội chúng tỳ-khưu đến, cô kỹ nữ Sirimā cúi gằm mặt, không dám ngừng đầu lên, cũng không dám tận tay dâng vật thực đến cho ai cả. Biết được sự tự ti mặc cảm của cô bạn, nàng Uttarā sai bảo gia nhân, cùng với mình làm những công việc như lệ thường.

Trong lúc đức Phật và hội chúng thọ trai, Sirimā cùng một đoàn tỳ nữ của cô vẫn lặng lẽ quỳ ở phía trước.

Độ thực xong, khi tay vừa rời khỏi bình bát, đức Phật mỉm cười nói:

- Vật thực đặt bát cúng dường hôm nay, dường như không phải là của “con gái nhỏ”¹ của Như Lai?

Uttarā đang hầu bên, cung kính đáp:

- Đúng vậy! Bạch đức Thế Tôn! Phần phước sự hôm nay là do bạn con, cô Sirimā thành tâm xin sám hối với đức Thế Tôn vì một việc làm không được đúng, không được tốt!

Đức Phật với từ tâm mát mẻ, ngài nói:

- Nay Sirimā! Hãy nghe, Như Lai muốn nói chuyện với con đây.

Và khi cô kỹ nữ lí nhí “*thưa vâng, thưa vâng*” rồi ngừng đầu lên, đức Phật hỏi:

¹ Hàm chỉ nữ thánh đệ tử vừa vào dòng Nhập lưu.

- Con đã làm việc gì mà nghĩ là có tội vậy?

- Con đã tạt vá bơ sôi lên mặt của nữ chủ, bạch đức Thế Tôn!

- Ủ, ấy là việc xấu, ác! Rồi sao nữa?

Cô Sirimā bèn kể lại toàn bộ sự việc rồi nói thêm:

- Do vậy, con muốn xin lỗi thì cô chủ bảo, hãy “*xin lỗi với cha xuất thế gian của tôi*” nên hôm nay mới có phước sự này! Cô còn bảo, nếu cha tôi tha lỗi thì tôi sẽ tha lỗi!

- Có đúng vậy không, Uttarā?

Rồi đến lượt, Uttarā kể lại.

Nghe xong toàn bộ sự việc, đức Phật khen ngợi:

- Này Uttarā! Hành động được vậy là quý lắm, là tốt lắm! Con đã thấy được sự thật muôn đời, và cũng sống được với sự thật muôn đời ấy! Chỉ có dòng nước mát ngọt của tâm từ mới tưới tắt tắt tẩy con lửa nóng của tâm sân, tâm hận. Từ bi mới có thể xóa sạch oán thù! Dùng không mắng chửi để thắng mắng chửi. Dùng bố thí để thắng xan tham. Dùng thật ngữ để thắng vọng ngữ. Chân lý ấy không bao giờ thay đổi đó con!

Rồi đức Phật đọc lên một bài kệ:

Không sân chế ngự hận sân

Với người xấu, ác; phải cần lành, vui!

Xan tham, bố thí diệt rồi

Lấy lòng chân thật thắng lời dối gian! ¹

¹ Pháp Cú 223: “Akkodhena jine kodham, asādhum sādhuṇa jine. Jine kadariyaṃ dānena, saccena alikavādinam”

Sirimā nghe xong bài kệ, cô đắc quả Nhập lưu, sung sướng quá, cô quỳ lạy đức Phật và cô đã khóc như chưa từng bao giờ được khóc.

Chỉ có đức Thế Tôn và một số trưởng lão là đọc được “ngôn ngữ” của tiếng khóc rờn rã ấy.

Đức Phật dịu dàng cất tiếng hỏi:

- Con có học được bài học gì đấy, có phải thế không, Sirimā?

- Thưa vâng! Bạch đức Tôn sư! Như đám mây phủ ngàn năm đã được xua đi mãi mãi! Như đêm tối trời, chân cao chân thấp trên bờ vực thì giáo pháp của đức Đạo sư đã cho con một ngọn đèn. Xin cho con được trở về nương tựa nơi Tam Bảo, để từ rày về sau sống cuộc đời lành, tốt hơn!

- Ủ! Vậy là con đã sám hối rồi đấy! Như Lai chứng nhận hành động sám hối thiết thực ấy của con.

Chợt một tiếng nói bên sau vọng lại:

- Đệ tử cũng nhìn nhận sự sám hối ấy hôm nay của Sirimā là chân thật, là đại chân thật, bạch đức Tôn sư!

Mọi người quay mặt nhìn lại, hóa ra là vị thần y Jīvaka - ông ta chính là anh ruột của cô kỹ nữ.

Thần y Jīvaka bước vào quỳ bên cạnh Sirimā, đánh lễ đức Phật rồi nói tiếp:

- Bao nhiêu năm qua, bạch đức Tôn sư! Đệ tử đã không nhìn mặt nó, đã đoạn tuyệt với nó; từ rày về sau, đệ tử sẽ nhìn nhận nó là em, một đứa em chân chính, lang

thang lưu lạc nay đã trở về. Ôi! Trong mịt mù cát bụi lầm lỡ, may nhờ uy đức của Tam Bảo, anh em con mới nhìn thấy rõ mặt nhau! Tri ân đức Vô Thượng Giác.

Thần y Jivaka cũng quay sang, chấp tay xá sâu, cảm ơn ánh sáng trí tuệ và năng lượng từ bi của nữ gia chủ Uttarā đã cảm hóa, đưa em ông trở về với chánh đạo! Những người có mặt ở trang viện, ai ai cũng xúc động.

Uttarā cảm thấy mừng vui đến nghẹn ngào, nàng cũng chấp tay xá chào lại:

- Tôi cũng cảm ơn người bạn của tôi, cô Sirimā, đã giúp tôi tu tập được chút ít tâm từ mà đức Ānanda đã chỉ dạy.

* Chuyện cô Sirimā

Cô kỹ nữ Sirimā sau khi đắc quả Nhập Lưu, không những cô đã hoàn lương mà còn thu xếp đời mình để sống theo giáo pháp một cách rất thuần thực nữa.

Mùa an cư mãn hạ đã lâu, sợ đức Phật và chư Tăng không biết sẽ tản mác ra đi du hóa lúc nào, nên nàng đến Trúc Lâm thưa bạch với đại đức Mahāpaṇṭhaka xin mỗi ngày được đặt bát cúng dường tám vị tỳ-khưu tại tư gia.

Thế là, nàng trích mười sáu đồng tiền vàng mỗi ngày, sắm sanh vật thực với những món cứng mềm thượng vị rất chu đáo. Sau khi chư tỳ-khưu thọ thực tại chỗ xong, nàng còn tận tay, khi thì sửa chua, khi thì sửa tươi sốt đầy bát cho các vị nữa, nhiều đến nỗi ba bốn người dùng phi thời có lẽ cũng không hết.

Hôm nọ, có một vị đại đức, sau khi độ thực xong ở

nhà nàng, ông du hành đi đến một nơi xa, cách thành phố chừng ba bốn do-tuần rồi ngụ tại một tịnh xá trong làng.

Trong lúc rảnh rỗi, chư tỳ-khưu tại trú xứ thăm hỏi sức khỏe của đức Thế Tôn, sau đó hỏi han đời sống tứ sự ở Trúc Lâm giờ ra sao; và riêng đại đức thì đi trì bình ở đâu, có đủ cứng mềm, ngon bổ không.

Vị đại đức thành thật đáp:

- Khỏi nói! Tại Trúc Lâm, khi nào có đức Đạo sư thì tứ sự sung mãn, không hề thiếu thốn thứ gì.

- Đúng là vậy rồi! Còn nếu đi trì bình trong kinh thành thì lúc này như thế nào?

- Nơi nào cũng tạm đủ. Ngày nào cũng đủ no lòng. Tuy nhiên, có những lúc gặp những thí chủ đặc biệt.

- Đặc biệt ra làm sao?

- Ví như lúc nào họ cũng cúng dường thượng vị. Ví như lúc nào, họ cũng cúng dường thêm thức ăn phi thời như mật, đường, sữa tươi, sữa chua cả một bát đầy!

- Lúc nào cũng thế sao?

- Ừ, có một nữ thí chủ đặc biệt hình như lúc nào cũng thế! Tròn vành vạnh. Lại còn biết cách cúng dường như lễ độ, khéo léo. Lại còn ngôn ngữ dịu dàng, khả ái. Lại còn nụ cười duyên dáng làm cho ai cũng thấy mê, thấy mệt!

Có một vị tỳ-khưu trẻ nghe kể vậy, lần tới một bên, xen vào một câu góp chuyện:

- Vì thấy mê, thấy mệt nên đại đức bỏ trốn từ đó về đây phải chăng?

- Không dám thế đâu! Nhưng quả thật là tôi đã thấy nguy hiểm thật đấy!

Một vị hỏi:

- Nữ gia chủ ấy đẹp lắm sao?

- Dĩ nhiên rồi! Đệ nhất kinh thành đấy!

Thêm sau câu chuyện kể, vị đại đức vô tâm còn cho biết là không phải ai cũng tùy tiện đến tư gia cô ấy để khát thực được đâu. Tịnh xá Trúc Lâm được điều hành quy củ đâu ra đó. Tư gia cô gái kia mỗi ngày chỉ thỉnh tám vị, không để gì đến phiên mình đâu. Nhưng nếu ai biết cách, đi thật sớm, khi mặt trời vừa lên là có mặt ở phòng phát thẻ rồi. Tám vị tỳ-khưu đầu tiên sẽ được vị đại đức tri sự trao cho tám thẻ tre ưu tiên đến nhà cô ấy.

Họ thắc mắc:

- Thế chư vị trưởng lão, họ đến sau, không có thẻ ưu tiên sao? Và nếu nhiều vị muốn đi, không phát sanh việc mất trật tự sao?

Vị đại đức cười:

- Chúng ta là phàm Tăng nên mới đưa ra những câu hỏi như vậy. Từ khi mấy ông sư cứng đầu, lộn xộn bị chư trưởng lão tẩn xuất đi rồi thì Trúc Lâm rất bình yên, không có chuyện tranh trước, tranh sau đâu. Còn chư vị trưởng lão thì không bao giờ đến phòng phát thẻ, ngoại trừ có yêu cầu; và quý ngài cũng không cần bất cứ một ưu tiên nào cả. Quý ngài thọ dụng đâu cũng được, ngon dở, bổ béo gì, các ngài có để tâm đâu!

Chư tỳ-khưu nghe xong, một vị nói:

- Đúng vậy! Chư trưởng lão là tấm gương cho chúng ta. Trường hợp là tôi, nếu cô ta dịu dàng, khả ái như thế, tôi cũng sẽ trốn chạy như đại đức vậy.

Riêng vị tỳ-khưu trẻ mới nghe qua chuyện cô nữ chủ, tuy chưa biết mặt mũi ra sao, trong tâm mình đã cảm nghe xao xuyến, trái tim mình đã đập rộn trong lồng ngực. Không nói với ai, ông lặng lẽ thu dọn chỗ ở, ôm y bát bộ hành ngay về Trúc Lâm tịnh xá trong đêm ấy. Sớm hôm sau, trời vừa rạng sáng thì vị tỳ-khưu kia đã có mặt trong phòng phát thẻ. Thế là ông được đi bát tại tư gia kỹ nữ Sirimā.

Rủi ro cho vị tỳ-khưu trẻ muốn diện kiến dung nhan của cô Sirimā vì nữ chủ đã bị bệnh từ chiều hôm trước. Tuy nhiên, cô cũng dặn bảo gia nhân chăm lo chu đáo vật thực y như mọi ngày. Khi được báo chư Tăng tám vị đã đến, nằm tại giường trong, nàng bảo:

- Nay các em! Hãy thỉnh các ngài vào nhà an tọa, dâng nước uống, khăn thơm lau mặt. Sau đó, kiểm soát lần cuối cùng vật thực chuẩn bị sẵn, thỉnh bát, rót đầy bát rồi dâng cúng đến quý ngài. Nhớ nói rằng, chủ của con, đệ tử Sirimā, hôm nay bị bệnh, không tận tay rót bát cúng dường được, xin quý ngài cho nữ chủ con được sám hối!

- Thừa chủ, vâng!

Lát sau, gia nhân vào thưa:

- Công việc đã xong, thưa chủ!

- Tốt lắm! Giỏi lắm! Nàng cất giọng thều thào, trông có vẻ đã quá mệt - Hãy điu ta ra bên ngoài để đánh lễ quý ngài, nằm như thế này là không được, là thất lễ!

Cô Sirimā gắng gượng đi từng bước, có hai thị nữ điu hai bên, đến phòng khách, nàng lão đảo quỳ xuống đánh lễ chư tăng. Vị tỳ-khưu cao hạ nhất, ái ngại nói với cô:

- Được rồi! Chúng tôi ghi nhận tấm lòng rồi! Nữ chủ hãy vào nghỉ ngơi đi.

Vị tỳ-khưu trẻ “*phái lòng*” cô, âm thầm quan sát mỹ nữ một hồi rồi nhủ thầm trong tâm rằng: “*Trời đất ơi! Cô ta bị bệnh mà còn đẹp như thế kia, hướng hồ khi vô bệnh? Hướng hồ có thêm xiêm áo, son phấn, điểm trang? Chắc chắn cô ta đã cắt đứt hàng trăm, hàng ngàn trái tim của vương tôn, công tử kinh thành Rājagaha này rồi!*” Vị tỳ-khưu càng nhìn thì lòng ông như càng bị lửa nóng nung đốt. Trong khi các vị kia ngồi độ thực tại chỗ, còn ông thì lật đật ôm bát đứng dậy, rồi như người vô hồn, đi thẳng về Trúc Lâm. Vội vàng kiếm một phòng của khách Tăng, vị tỳ-khưu đặt nguyên bát vật thực còn nguyên trên kệ; rồi đến giường nằm vùi, cứ tợ, cứ tưởng hình bóng của nàng Sirimā trong tâm tưởng. Vậy là vị tỳ-khưu trẻ ôm cả mối tình si khó phân, khó giải suốt mấy hôm như thế, không ăn, không uống...

Hôm kia, cả Trúc Lâm tịnh xá đều hay tin, cô Sirimā, cận sự nữ Thánh đệ tử đã đột ngột qua đời do bệnh tim. Thần y Jivaka đến ngay tức khắc nhưng không còn cứu kịp, tưởng là chỉ cảm sốt thông thường thôi. Ai ngờ! Ngay chính đức vua Bimbisāra cũng bàng hoàng, vì Sirimā là em

gái của thần y Jivaka, là kỹ nữ nổi tiếng của kinh thành, nó có dính líu đến hoàng gia. Lễ hỏa táng của cô, nhà vua cũng muốn tham dự.

Một số đông chư Tăng đã từng biết cô kỹ nữ, họ bàn tán xôn xao, cái gọi là “*hồng nhan bạc mệnh*”. Có một số vị cảm thương cô vừa trở về đời sống của một cận sự nữ thuần thành đã vội liả đời quá sớm. Đa phần họ thương tiếc.

Có vị chứng kiến sự si tình của tỳ-khuru trẻ, ông đẩy cửa phòng đến báo cho bạn hay:

- Cô Sirimā đã mất rồi!

Đang nằm mê man bỏ ăn cả ba ngày, nhưng mới nghe nhắc đến tên Sirimā, ông đã vội nhồm dậy. Sau khi nghe bạn kể cô kỹ nữ đã từ trần, vị tỳ-khuru trẻ ngồi thừ rất lâu.

Đức Phật biết chuyện vị tỳ-khuru si tình nên cho tôn giả Moggallāna đến báo cho thần y Jivaka hay, là đừng vội hỏa táng thi hài Sirimā, ngài sẽ đến nghĩa địa cùng với chư Tăng.

Khi đức Phật và chư Tăng đến nơi thì thần y Jivaka ra đón rồi dẫn ngài đến bên hỏa đài. Lát sau, đức vua Bimbisāra với nghi vệ thiên tử và tùy tùng cũng vừa xuống ngựa. Rồi còn rất nhiều quan khách, đa phần là những vương tôn, công tử có kỷ niệm với cô kỹ nữ nên họ đến đây như thăm lặng từ già giai nhân mà họ đã từng thâm yêu, trộm nhớ một thời.

Cô nằm nhắm mắt an lành trên giàn hỏa phủ đầy hoa, nhưng vẫn toát ra sự gợi cảm nhục dục một cách mãnh liệt,

không khác gì lúc còn sống, làm cho không biết bao trái tim xung quanh phải xôn xang. Trong đó có vị tỳ-khưu trẻ, ông đã núp trốn sau lưng vị tỳ-khưu khác, nhưng đôi mắt thì đăm đuôi, mê man bị cuốn hút vào thân xác vô tri. Và dường như ai ai cũng đang lặng im chiêm ngưỡng cái đẹp của tạo hóa sắp bị thần lửa mang đi.

Chợt đức Phật bước đến sát bên giàn hoa, tụng một bài kệ ngắn rồi nói lớn tiếng rằng:

- Như Lai đã tiễn biệt “*con gái út*” của Như Lai rồi đó! Ngài lại nói với thần y Jīvaka: Ông hãy cho che một mái rạp và hãy cho người giữ gìn để nguyên thi hài cô mỹ nữ như vậy trong vòng bảy ngày. Như Lai sẽ có đề tài giáo hóa chúng sanh.

Rồi đức Phật lại quay sang đức vua Bimbisāra; và cuộc đối thoại giữa họ, người thứ ba không nghe được:

- Bắt đầu ngày mai, phiên đại vương cho người rao khắp kinh thành: “*Ai muốn mua đệ nhất mỹ nhân Sirimā, nhà vua sẽ bán với giá một ngàn đồng tiền vàng!*”

Đức vua chưa hiểu ý, cũng hỏi nhỏ:

- Ai họ sẽ mua, bạch đức Đạo sư?

- Nếu ngày thứ nhất không ai mua thì cho rao hạ giá xuống là năm trăm đồng tiền vàng!

- Thưa, nếu cũng không ai mua?

- Thì hạ giá xuống còn một trăm, hai mươi đồng, một đồng, một cắc, một xu... cuối cùng là biếu tặng không! Đại vương hiểu ý Như Lai chứ?

Đức vua mỉm cười, gật đầu:

- Đệ tử hiểu tôn ý rồi!

Xong, đức Phật và đại chúng tỳ-khuru trở lại Trúc Lâm tịnh xá. Mọi người lần lượt giải tán.

Hôm sau, quân lính đi khắp các ngã đường trong kinh thành, rao bán mỹ nữ Sirimā với giá một ngàn đồng tiền vàng, vọng từ nơi này sang nơi khác. Và có lẽ không ai mua nên ngày thứ hai, những toán lính rao truyền hạ giá xuống nữa. Và tuần tự hạ giá xuống một đồng, một xu; đến ngày thứ bảy, tặng không, biếu không cô mỹ nữ nhưng chẳng ai lên tiếng ừ hử!

Đến ngày thứ tám, đức Phật và hội chúng tỳ-khuru đến nghỉ địa thì đức vua, tùy tùng, hoàng gia và quan khách rất đông cũng đã có mặt. Và cũng chính ngay lúc ấy, chỉ có đức Phật và chư Thánh lậu tận có thắng trí mới thấy rõ cô kỹ nữ Sirimā đã hóa sanh làm bà hoàng hậu của vua trời Suyāma ở cõi Yama; và cô đã cùng với năm trăm thiên nữ ngự trên năm trăm cỗ thiên xa đồng ngự xuống đánh lễ đức Phật và đại chúng tỳ-khuru.

Đức Phật chỉ tay vào thi hài, nói rằng:

- Quý vị hãy nhìn kìa! Lúc còn sống, kỹ nữ Sirimā được xem là đệ nhất mỹ nhân của kinh thành Rājagaha! Biết bao nhiêu thanh niên vương giả, quý tộc, đại phú gia, tiểu phú gia tranh giành nhau được cận kề mỹ nữ một đêm, phải trả đúng một ngàn đồng tiền vàng. Nhiều hơn, cô ta không cần, thiếu chút ít, kẻ tình si sẽ bị gia nhân tống ra khỏi cửa cho dù là một ông vua con! Cô ta làm vậy

không phải vì tham vàng, ham bạc mà chỉ để biểu tỏ đẳng cấp và quyền lực của cái đẹp mà thôi!

Này chư vị! Thuở sanh tiền, thức ăn vật uống tâm bồ xác thân của nàng phải nói là ăn tinh, uống hoa. Việc giữ gìn nhan sắc, các vòng eo, vòng thắt phải nói là đã học hết “bí quyết” chân truyền của cổ xưa! Châu báu, kim ngân trang điểm của nàng có giá trị có thể mua đứt một chức quan tổng trấn! Xiêm áo, lụa là, phấn son... phải nói là có sẵn ở những cửa hiệu trứ danh của kinh đô Bārāṇasī hoa lệ.

Như vậy đó! Giá trị thân xác mỹ miều gợi cảm và sắc đẹp “hoa ghen, liễu hờn”¹ của nàng đã được thế gian tôn vinh, quý trọng quả thật là đã hết ngôn ngữ diễn đạt. Nhưng bây giờ thì sao? Trong bảy ngày qua, quân lính của đức vua hiền thiện đã khổ công rao bán nhưng chẳng ai thèm mua! Một xu, một cắc cũng không ai mua. Cho đến đổi cho không, biếu không, tặng không cũng chẳng ai đoái hoài! Tại sao vậy? Tại vì cái thể xác mê hồn kia, cái sắc đẹp quyến rũ ong bướm kia, bây giờ chỉ còn là một đồng thối thối cho dòi bọ tranh nhau, chỉ còn là một bọc máu mủ tanh tưởi cho ruồi lặn hạp chợ! Rồi ngày qua tháng lại, nó chỉ còn như một trái bầu khô người ta quăng bỏ bên vệ đường, chỉ còn là một đồng xương trắng, chẳng có ai thích thú để đứng mà ngắm nhìn cả.

Này chư vị! Hãy thấy rõ sự thật của cái thân là như vậy! Là phải bị suy già, bệnh tật, ốm đau và dơ ւế! Nó lại

¹ Mượn thơ Nguyễn Du: “Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”

còn mong manh như gôm sứ dễ vỡ. Nó lại còn nguy hiểm như một cục ung bướu không biết hờm sẵn chỗ nào ở lục phủ, ngũ tạng? Nói cách khác là tất cả chúng đều bị thời gian làm cho thay đổi, biến hoại từ trạng thái này sang trạng thái khác. Nói cô đọng hơn thế nữa, tất cả pháp hữu vi đều bị định luật vô thường và vô ngã chi phối. Nó không chắc thật, không trường cửu, không ổn định, thường phát sanh sầu ưu, khổ não.

Nhìn kia, thể xác mê hồn

Đóng phân, hằm bệnh lại còn đờn đau

Bậm tâm lo trước, tính sau

Có chi bền vững mà cầu trường sanh? ¹

Rồi tiếp theo đó, đức Phật thuyết liên tục mười bốn kệ ngôn rồi giảng giải rất chi li, khúc chiết về sự cấu tạo của thân gồm ba trăm khớp xương được ràng buộc bởi chín trăm sợi gân, được nối bởi bảy ngàn sợi dây thần kinh, được tô trét bởi chín trăm thứ thịt, bao bên ngoài bởi một làn da mỏng... Cái bao, cái túi da ấy đựng bên trong nào tim, nào phổi, nào thận, nào lá lách, nào gan, bao tử, ruột non, ruột già... Trong bao tử, ruột non, ruột già thì chứa thức ăn cũ, mới và phân, sán lãi, vi trùng... Trong tim thì có máu đen, máu đỏ; tuy nhiên, màu sắc của nó còn tùy thuộc trạng thái tâm mà biến dạng, đổi màu. Ví dụ người có tâm ái dục mạnh thì máu màu đỏ; tâm sân hận nhiều thì máu có màu đỏ sậm hay đỏ đen; tâm si mê nhiều thì

¹ Pháp Cú 147: "Passa cittakalam arukāyam samussitam. Āturam bahusaṅkappam yassa natthi dhavam tthiti".

máu có màu đỏ nhạt; tâm có đức tin nhiều thì máu đỏ thắm ửng vàng; tâm có trí tuệ thì màu máu đỏ trong...

Đức Phật nhấn mạnh sự bất tịnh của thân, nó chứa đầy ô trược và dơ dáy; thường bài tiết, rỉ chảy ra chín cửa như đại tiện, tiểu tiện, ghèn mắt, nước mũi, cứt mũi, đàm, nước bọt, nước miếng, ráy tai... Và ngay cả cái đầu của con người mà ai cũng quý trọng, nó cũng đáng nhòm góm chẳng khác gì. Kẻ si mê không thấy rõ sự thật như vậy nên bị ngã ái, ngã kiến chi phối, sống bít bùng trong ái dục, ngã mạn và dối lừa.

Thành trì kẹp cốt, bó xương

Đắp thêm máu thịt, tô hường, quét son

Mang thêm tật bệnh, tử vong

*Chứa đầy ngã mạn lại gom dối lừa!*¹

Được biết rằng, sau buổi thuyết pháp ấy, rất đông chư Tăng và quan khách uống được hương vị Pháp bảo. Hoàng hậu của đức vua Suyāma (cô kỹ nữ hóa sanh) đặc quả Bất lai². Riêng vị tỳ-khưu si tình thì đã có cuộc chuyển hóa vĩ đại, ông đã đắc pháp nhãn, bước vào dòng giải thoát.

Còn cô Uttarā, một lần tôn giả Moggallāna ghé thăm cung trời Tāvātimsa (Ba Mười Ba hay Đạo Lợi), thì ngài thấy cô đã là một vị thiên nữ ở trong một tòa cung điện,

¹ Pháp Cú 150: "Atthīnaṃ nagaraṃ kataṃ, maṅsalohitalepanaṃ; yattha jāra ca maccu ca mano makkho ca ohito".

² Trong Dictionary of Pāli Proper Names, q.I, tr 362 có chép rằng, Sirimā và Uttarā đều đặc quả Nhất Lai (Tu-đà-hàm); chồng và cha chồng của Uttarā thì đặc quả Tu-đà-hoàn.

sau về thuật lại với đức Phật chuyện ấy¹.

Như vậy, duyên khởi chỉ một lần đi khát thực của tôn giả Sāriputta mà đã làm cho một gia đình nô lệ biến thành một gia đình triệu phú (một trong năm triệu phú của quốc độ Māgadha), đã an trú không chỉ riêng cho hai gia đình mà còn làm cho rất nhiều người trôi chảy vào dòng giải thoát.

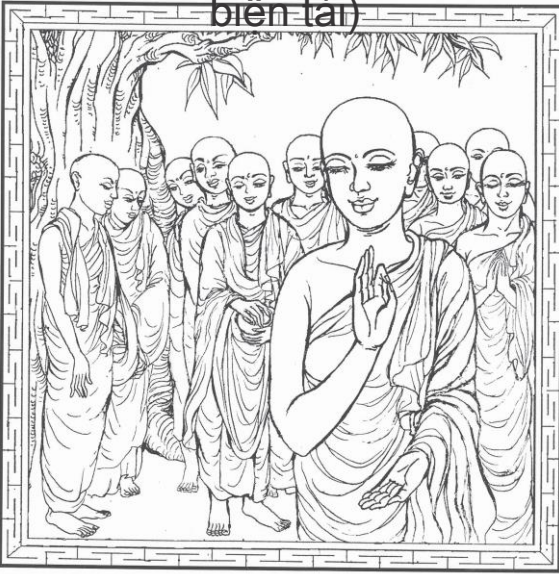
Câu chuyện của cô Uttarā và cô Sirimā quả thật là đã nổi bật hai nhân cách; và họ đều là những Thánh nữ đệ tử đặc biệt vậy.

¹ Tư liệu như chú thích (2).

Tỳ-khưu-ni Bhaddā Kuṇḍalakesā

(Nữ đạo sĩ tóc quăn

biên tài)



con
gái
đức
Phật

Được biết rằng nàng là một cô gái xinh đẹp tuyệt trần, con của một thương nhân giàu có ở kinh thành Vương Xá, được học hành chu đáo nhưng phải lòng một tên cướp đang bị dẫn ra xử trảm ở pháp trường. Nàng tên là Bhaddā và tướng cướp tên là Sattuka¹.

Vì thương con, cha mẹ nàng phải hối lộ một ngàn đồng tiền vàng để nhờ người ta đánh tráo tên cướp, mang về nhà và sắp đặt một cuộc hôn nhân. Tiểu thư Bhaddā và chàng trai Sattuka bắt đầu sống chung với nhau trong cảnh vinh hoa phú quý. Chẳng được bao lâu, Sattuka khởi lên ác tâm, muốn giết nàng để lấy đi tất cả đồ nữ trang quý giá. Hắn lập mưu nói là muốn làm một cuộc lễ tạ ơn đến vị thần bổn mạng hộ trì, đây là “ngọn núi thiêng của những tên cướp”² Hôm kia, sau khi sắm sửa lễ vật trọng thể, hắn dẫn nàng lên núi cao. Tại đây, Sattuka lột tất cả đồ trang sức của Bhaddā rồi định giết nàng. Hắn đã nói thật dã tâm của hắn. Chán nản người chồng ác đức, tương kế tựu kế, nàng giả vờ đưa mắt đăm đũa nói:

¹ Chú giải Trưởng Lão Ni Kệ nói rằng, Sattuka vốn là con trai của quan thừa tướng đương triều, kinh thành Vương Xá, mang tật trộm cắp từ nhỏ, chịu không nổi, người cha đành phải đuổi đi.

² Dhp-a II 219 nói chỗ ấy có tên Coro-papāta (Vực thăm trộm cướp).

- Tôi yêu chàng lắm, chàng biết không?

- Ta biết!

- Chàng bảo chết thì thiếp sẽ chết. Nhưng xin chàng cho thiếp một đặc ân là được ôm hôn chàng lần cuối cùng!

- Được rồi! Nhanh lên!

Thế rồi, Bhadda ôm hôn Sattuka trước mặt, ôm hôn sau lưng rồi bất ngờ, nàng đẩy tên cướp xuống vực sâu tan xác.

Chư thiên, thọ thân trên núi thấy tên tướng cướp táng tận lương tâm, lại thấy trí thông minh đối trị kẻ ác của nàng, họ thốt lời ca ngợi rằng:

Không phải lúc nào đàn ông cũng khôn ngoan!

Phụ nữ cũng khôn ngoan đâu kém gì!

Nơi này và nơi khác,

Phụ nữ tỏ ra khôn khéo nhiều bề!

Không phải lúc nào đàn ông cũng khôn ngoan!

Phụ nữ cũng khôn ngoan đâu kém gì!

Biết rõ điều lợi, hại

Phụ nữ suy tính và hành động nhanh chóng vô cùng!¹

Đã thấm thía tình duyên phản trắc, tiểu thư Bhaddā quẳng đồ nữ trang xuống vực, xé rách y phục sang trọng, khoác một mảnh vải tìm đến một nhóm nữ đạo sĩ khổ hạnh thuộc phái Nigaṇṭha.

¹ Kệ Pāḷi: "Na hi sabbesu ṭhānesu puriso hoti paṇḍito, itthīpi paṇḍitā hoti tattha tattha vicakkhaṇā" "Na hi sabbesu ṭhānesu puriso hoti paṇḍito, itthīpi hoti lahuṃ atthavicintakā!"

Các nữ đạo sĩ hỏi nàng:

- Cô muốn xuất gia khổ hạnh bậc gì?
- Thưa, bậc thượng!

Thế là thay vì cạo tóc bằng những bẹ nứa, người ta nhổ từng sợi tóc cho nàng, máu chảy thành dòng. Các nữ đạo sĩ lấy bùn đất dơ ướ trát lên y áo của nàng, trao cho một cái bát bằng đất rồi dạy giáo pháp, tu tập, thiền định... Không bao lâu sau, cô gái bây giờ là nữ đạo sĩ đã chứng tỏ sự thông minh kỳ đặc, một ý chí sắt thép, một đầu óc siêu việt, một lý trí sắc bén nên sớm được đồng đạo nể phục. Người ta muốn nàng lên đường để xiển dương giáo pháp, đem chuông trống đi đánh xứ người. Từ đấy, nữ đạo sĩ sống đời ta-bà vô trú, không bao lâu đã nổi tiếng khắp nơi về tài hùng biện. Vì tóc của Bhaddā sau khi bị nhổ, mọc lên lại thì nó xoắn tít nên mọi người thường gọi nàng là Kuṇḍalakesā¹, nữ đạo sĩ “*tóc quăn*”.

Thế rồi, từ quốc độ này sang quốc độ khác, từ thành phố này sang thị trấn nọ, nữ đạo sĩ Kuṇḍalakesā lang thang không có trụ xứ, sống đời ta-bà khổ hạnh, người ta lại gọi nàng bằng một cái tên khác nữa là Jambuparibbājikā (hành giả châu Diêm-phù-đề)². Đặc biệt là nữ đạo sĩ Kuṇḍalakesā đã trở tài vô địch trong những cuộc tranh luận về các môn triết học, tư tưởng trong và ngoài truyền thống Vệ Đà; giương cao ngọn cờ minh triết cho một

¹ Theo Dictionary of Pāli Proper Names hoặc Dhp-a II, 225.

² Theo Dhp-a II, 223.

môn phái khổ hạnh, chủ trương diệt dục bằng lối sống khắc kỷ. Đến ở đâu, nữ đạo sĩ cắm lên đấy một nhành liễu xanh. Nhưng rồi, đến một lúc nào đó, nhành liễu này khô đi lại được thay bằng một nhành liễu mới, chẳng có ai dám nhổ nhành liễu để tranh luận với nàng nữa!

Hôm nọ, bước chân ta-bà ấy đến kinh thành Sāvatti (Xá Vệ), nữ đạo sĩ Kuṇḍalakesā cắm một nhành liễu ngay trước cổng thành. Một số trẻ em tò mò vây quanh...

Tôn giả Sāriputta, sau khi đi khát thực, trên đường trở về tịnh xá, thấy đám trẻ và nhành liễu, ngài dừng chân:

- Của ai đấy, các con?

- Của nữ đạo sĩ tóc quăn, thừa trưởng lão.

- Nữ đạo sĩ à?

- Dạ phải, nữ đạo sĩ tuy ăn mặc xấu xí, tóc quăn, nhưng đẹp lắm.

Tôn giả nói:

- Vậy thì các con hãy nhổ nhành liễu ấy và cắm ngược trở xuống!

- Chúng con sợ!

- Không sao, có ta đây! Khi nữ đạo sĩ hỏi, các con bảo là đệ tử của đức Thế Tôn đấy!

Đám trẻ reo hò, chúng đến, không phải là cắm xuống hay nhổ đi mà là đâm đập lên nhành liễu, đá tung bụi, bẻ vụn nhành liễu, và quăng vát toi tả đó đây.

Nữ đạo sĩ tóc quăn đi khát thực trở về thấy vậy bèn quát:

- Ai cả gan như thế?

- Không phải là chúng con mà là vị trưởng lão cao quý của chúng con, ngài đang đứng kia kìa!

Quay nhìn trưởng lão, nữ đạo sĩ Kuṇḍalakesā thấy một sa-môn tướng mạo đoan nghiêm, thần sắc thanh thoát và trầm tĩnh. Chợt dung nạng cảm nghe hơi chột dạ. Nàng chưa biết ai, thấy ai lại toát ra được cái tự chủ và tự tin như thế.

- Có phải ông là đệ tử của sa-môn Gotama đấy không?

- Vâng, thưa nữ đạo sĩ!

- Ông chấp nhận một cuộc tranh luận không khoan nhượng chứ?

- Vâng, thưa nữ đạo sĩ!

- Ông có biết rằng chấp nhận tranh luận như thế là một sự mạo hiểm? Ông mà thất bại thì danh dự, tiếng tăm của ông và cả sa-môn Gotama sẽ biến thành mây khói?

- Tôi biết rõ, thưa nữ đạo sĩ!

Nhìn xung quanh, nữ đạo sĩ nói với mọi người:

- Vậy thì chiều nay, tại trú xứ này của ông sa-môn Gotama, sẽ có một cuộc tranh luận về giáo pháp. Thành phố này, ai là người có tai, có óc thì hãy đến đây mà nghe!

Tôn giả Sāriputta khiêm tốn:

- Đúng vậy, chiều nay, tại công tịnh xá Jetavana (Kỳ Viên), kẻ ngu hèn này xin được hầu đáp nữ đạo sĩ, một biện sĩ lỗi lạc!

Không mấy chốc, câu chuyện đồn đãi khắp cả thành Sāvatti (Xá Vệ). Buổi chiều, người ta vây quanh khu đất trống trước công tịnh xá Jetavana. Không những là dân chúng, cư sĩ các tôn giáo mà còn có bóng dáng hàng trăm đạo sĩ của nhiều giáo phái, hàng trăm vị tỳ-khưu đồng tham dự nữa.

Người ta bàn tán với nhau:

- Trên đời này, có ai tranh luận hơn vị trưởng lão đệ nhất của giáo hội đức Tôn sư?

- Thật là một con đom đóm tí tẹo lại muốn khoe ánh sáng với mặt trời!

- Biết đâu có một kỳ nhân, dị sĩ xuất hiện?

- Eo ôi! Đúng là đem trống đánh trước cửa nhà sấm!

Đám đông chợt yên lặng khi nữ đạo sĩ tóc quăn xuất hiện. Mặc dầu y áo xộc xệch, vẩy bản bùn đất nhưng cũng không che giấu được vẻ đẹp tuyệt trần của nàng.

Trưởng lão Sāriputta trang nghiêm, từ tốn từ trong tịnh xá bước ra.

Mọi người hồi hộp, yên lặng.

Nữ đạo sĩ Kuṇḍalakesā cất tiếng hỏi:

- Ngài lấy tư cách cá nhân mà tranh luận hay lấy tư cách giáo hội ông sa-môn Gotama mà tranh luận?

- Là cá nhân, thưa nữ đạo sĩ! Tư cách giáo hội thuộc về

đức Tôn sư. Không ai ở trên đời này có thể đại diện một đức Chánh Đẳng Giác, thưa nữ đạo sĩ!

- Thế cũng được. Bây giờ cho tôi được hỏi đây. Ông sa-môn cần những câu hỏi có giới hạn hay không có giới hạn?

Tôn giả Sāriputta xót thương cho sự công cao, ngã mạn của nàng nên nói:

- Đối với tôi thì không thành vấn đề. Nhưng đối với nữ đạo sĩ thì nên đặt những câu hỏi sở trường nhất của nàng, có lợi nhất cho nàng!

- Tại sao?

- Như vậy sẽ giúp ích cho nữ đạo sĩ hơn. Vì tất cả mọi triết học, tư tưởng trong và ngoài truyền thống Vệ Đà tôi đều biết rõ, thấy rõ; nhưng về giáo pháp của đức Tôn sư, nữ đạo sĩ không hề hay biết, dầu là một tí chút ở ngoài da!

Đám đông cười ồ! Chỉ mới câu nói đầu tiên của trưởng lão, dường như đã minh định được sự hơn thua của cuộc tranh luận.

Nữ đạo sĩ Kuṇḍalakesā thấy mình bị xem thường nên tức giận quát gắt:

- Thôi đừng nhiều lời, ông sa-môn, hãy nghe ta hỏi đây!

Tôn giả ân cần nhắc nhở:

- Đừng nôn nóng, hãy bình tĩnh! Hãy đặt những câu hỏi nào mà nữ đạo sĩ cảm thấy là hóc búa nhất về Vệ Đà và không Vệ Đà, cả về thiên văn, địa lý, đạo đức, thuật

số, luận lý, ngôn ngữ... thế học, đạo học... hoặc về tất cả những gì mà đầu óc uyên bác của nữ đạo sĩ đã học hỏi được, đã do tư duy và trí năng thâm lượm có vẻ tâm đắc nhất!

Kinh sách không ghi lại nội dung chi tiết của cuộc tranh luận lý thú này, chỉ nói là nữ đạo sĩ đã cật vấn tôn giả Sāriputta một ngàn câu hỏi. Và không biết thời gian trải qua mấy ngày. Thật là kinh khiếp! Từng câu hỏi một, vị đệ nhất đại đệ tử như một nhà thông thái đã giải thích, phân tích, đi từ ngoài vào trong, đi từ trong ra ngoài; không những trả lời rất đầy đủ những câu hỏi của nàng mà còn làm cho nàng thấy rõ kiến thức nông cạn, hời hợt của mình nữa.

Nữ đạo sĩ say mê lắng nghe. Tất cả những ngạo khí thấy đều tiêu tan. Mọi sự khôn ngoan, sắc bén của nàng đều thui chột. Mọi kiến thức uyên bác của nàng rõ là trò trẻ con đối với tôn giả.

Cuối cùng, tôn giả hỏi:

- Còn câu hỏi nào nữa không, thưa nữ đạo sĩ?

Nữ đạo sĩ im lặng.

Tôn giả cất lời dịu dàng:

- Một ngàn câu hỏi nữ đạo sĩ đã hỏi và tôi đã đáp; vậy bây giờ tôi hỏi nàng nhé, một câu duy nhất thôi!

- Vâng, thưa trưởng lão.

- Thưa nữ đạo sĩ! Nữ đạo sĩ hỏi huyền thuyên trên trời dưới đất. Bây giờ là câu hỏi của tôi: Gì là “*Một*”? Nói đi,

nữ đạo sĩ! “*Một*” là gì nào?

Câu hỏi của tôn giả thật là lạ lùng không ai ngờ được. Đại chúng sau một hồi lặng ngắt, chột cười reo, thú vị. Nữ đạo sĩ bàng hoàng. Thời gian trôi qua. Nữ đạo sĩ toát mồ hôi! Mà tượng đá cũng toát mồ hôi!

Tôn giả Sāriputta chậm rãi thả từng tiếng một:

- “*Một*” mà nữ đạo sĩ cũng không biết thì đòi biết cái gì? Thế mà nữ đạo sĩ đòi biết trên trời dưới đất, đòi học hiểu tất cả tư tưởng, triết học trên đời này? Giả dụ như bây giờ tôi hỏi dễ hiểu hơn về “*cái một*” ấy? “*Cái một*” gì, chỉ “*một pháp*”¹ thôi, mà tất cả chúng sanh đều cần đến nó, nếu không có nó thì không thể tồn tại sinh mệnh?

Thời gian trôi qua...

- Tôi cũng chịu, tôi không trả lời được.

- Thế bây giờ tôi hỏi một “*cái một*” khác nữa! “*Cái một*” tôi thương, “*cái một*”² như là thực thể cuối cùng, hay là “*một pháp*” cuối cùng, tuyệt đối, “*cái một*” ấy là gì nào, thưa nữ đạo sĩ?

- Tôi cũng chịu luôn.

- Thế tôi có thể nói rõ hơn một chút, là “*cái một*” này nó sẽ chấm dứt tất cả đau khổ và phiền não!

- Tôi chịu thua. Tôi hoàn toàn chịu thua rồi!

¹ Một pháp là vật thực. Tất cả chúng sanh trong ba cõi sáu đường đều tồn tại nhờ vật thực. Giải thích thêm: Vật thực cõi dục giới là vật chất, thô hay tế. Vật thực cõi sắc giới, vô sắc giới là hỷ, lạc, xả, nhất tâm.

² Là Nibbāna.

Tôn giả Sāriputta mỉm cười:

- Vậy, nếu nữ đạo sĩ từ bỏ giáo pháp ấy, cái giáo pháp rộng không và phù phiếm của nàng, xuất gia dưới chân của đức Tôn sư, rồi nàng sẽ biết cái “*Một*” ấy là gì.

- Nhưng tôi muốn biết cái “*Một*” ấy là gì ngay từ bây giờ?

- Hãy trở thành một vị tỳ-khưu-ni, hãy học hỏi giáo pháp thoát khổ; hãy tu tập, hành trì giáo pháp thoát khổ, sau đó, nữ đạo sĩ sẽ tự trả lời cho mình về “*cái một*” ấy.

- Vậy hãy cho tôi gia nhập Ni chúng!

Thế là cuộc tranh luận chấm dứt. Khi được biết rằng người luận thắng nàng là đại đệ tử của đức Phật, bậc tướng quân Chánh pháp, vị thượng thủ của giáo hội, nữ đạo sĩ không thấy xấu hổ nữa. Sau đó, tôn giả Sāriputta gọi nữ đạo sĩ Kuṇḍalakesā đến đức Phật¹. Thấy duyên cơ sâu dày, lợi căn, lợi tuệ của nữ đạo sĩ, đức Phật chỉ thuyết tóm tắt nhưng cốt lõi về uẩn, về xứ, về giới, về bất tịnh, về vô thường, về dukkha, về vô ngã².

Nữ đạo sĩ đắc pháp nhãn, nàng quỳ gối đi đến gần đức Phật hai tay chấp lên đỉnh đầu vô cùng tôn kính để xin được xuất gia.

Đức Phật chỉ nói đơn giản:

¹ Theo Dh-p-a II,225 thì tôn giả Sāriputta gọi đến cho nàng xuất gia tại Ni viện.

² Kệ Pāli: “So me dhammadesesi khandhāyatanadhātuyo, asubhānicca dukhāti anātā’ti nāyako”.

- “*Này Bhaddā! Hãy đến đây!*” (Ehi Bhadde!)¹

Thế là nữ đạo sĩ đã trở thành tỳ-khuru-ni, bây giờ với tên gọi đầy đủ là Bhadda-Kuṇḍalakesā, sau đó nàng về sống ở Ni viện.

Cũng ngay trong ngày hôm ấy thôi, trong lúc rửa chân, nàng thấy nước tan chảy rồi thấm dần trong đất, tư duy chơn chánh phát sanh: “*Rồi ra các ‘hành’ cũng tương tự như thế!*” Tìm một chỗ yên vắng, nàng minh sát nội tâm, thấy rõ các uẩn sinh diệt ra sao, vô thường, vô ngã ra sao; và nàng đã nhanh nhạy đắc quả A-la-hán cùng với các thắng trí.

Trong không gian tịch mịch, vắng lặng cả nội tâm và ngoại cảnh, đêm ấy, tỳ-khuru-ni Bhadda-Kuṇḍalakesā soi chiếu lại từng cuộc đời, từng mảnh đời, từng cảnh giới, những hoan lạc, những đau thương, những nụ cười, những nước mắt... Trong mù sương chập chờn, bóng dáng nàng hiện ra, nửa có nửa không, kiếp thú, kiếp người, công chúa, hoàng hậu, nông dân, kẻ nô lệ đói nghèo, kiếp ngựa quý, kiếp thọ thần, kiếp chư thiên, phạm thiên... chúng lật ra rõ ràng trước mắt như những lượn sóng nhấp nhô vô tận giữa đại dương sinh tử.

- Ôi! Đã từ xa xăm hằng trăm kiếp quả địa cầu, hóa ra

¹ Đức Phật chỉ gọi tên cũ của nàng là Bhaddā; nhưng bhaddā cũng có nghĩa là một cô gái hiền lành, hạnh kiểm tốt - nên đôi nơi dịch là: “Này cô gái hiền thực, hãy đến đây! Cũng được. Tuy nhiên, xin lưu ý cho: “Ehi Bhadde” hoàn toàn khác với “Ehi Bhikkhunī, Ehi Bhikkhave!” chỉ để dành cho các vị trưởng lão!

tôi là một cô gái thật xinh đẹp, là tiểu thư của một thương gia đại phú, tỏa sáng xung quanh đủ loại châu báu hiếm có trên đời. Duyên may làm sao tôi lại có đức tin, và tôi đã quỳ dưới chân, phủ phục dưới chân và nương tựa đời mình nơi đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara!

Hôm nọ, đức Đại Hùng tuyên dương một tỳ-khuru-ni xinh đẹp, tên là Subhā; và ngài bảo vị ấy là tối thắng trong tất cả, Ni chúng có “*thắng trí nhay bén*” (khippābhiññā) nhất!

Hoan hỷ vô cùng mà cũng ngưỡng mộ công hạnh của vị tỳ-khuru-ni ấy vô cùng; tôi lại đặt bát lớn, cúng dường lớn cả tứ sự nữa, sau đó, tôi đã phát nguyện thành lời, mong sau này tu tập để có được thành quả mỹ mãn như vị tỳ-khuru-ni Subhā kia vậy!

Đức Oai Âm mỉm cười như một vàng trắng sáng diệu, tiếng nói của ngài như rót nước ngọt của cõi trời vào tai tôi vậy:

- Đây cô gái hiền lành! Ước nguyện ấy rồi sẽ được tựu thành do công đức phước quả mà con đã cúng dường Tam Bảo với tâm tịnh tín trong sạch và sáng ngời như mani châu. Như Lai đọc được như thế. Rồi con sẽ được hạnh phúc, an lạc trong nhiều kiếp sống, và cuối cùng sẽ viên mãn niềm vui siêu thế Niết-bàn.

Nghi hơi nhắm mắt một lát rồi đức Tôn sư lại mở mắt ra, nói tiếp:

- Một trăm đại kiếp về sau, thời gian không dài lắm mà cũng không ngắn lắm, sẽ có một đức Chánh Đẳng Giác ra

đời, vị ấy thuộc dòng dõi đức vua Okkāka, tộc Sakyā, họ Gotama sẽ xuất hiện trên thế gian. Và rồi con sẽ trở thành một nữ Thanh văn, sẽ được tuyên dương là ‘đệ nhất về thắng trí sắc bén’ trong giáo pháp của đức Đạo sư ấy!

Đúng như đức Đại Giác tuyên bố. Sau kiếp sống ấy, tôi không còn rơi vào bốn khổ cảnh mà cũng không còn rơi vào cõi người tầm thường hay đói khổ nữa. Các cảnh giới chư thiên, tôi thường được làm hoàng hậu của vị thiên vương ở đấy. Nó kế tiếp nhau. Ban đầu, tôi hóa sanh lên cõi trời Dao Lợi, sau đó là Đâu Suất, rồi Dạ Ma, rồi Hóa Lạc Thiên, rồi Tha Hóa Tự Tại. Khi sinh xuống cõi người thì tôi thường được làm hoàng hậu của các vị quốc vương danh vọng lớn và quyền lực lớn.

Nhờ nhân duyên gieo trồng nhiều phước báu, tôi lại gặp được đức Chánh Đẳng Giác khác nữa, đó là đức Thế Tôn Kassapa! Thuở ấy tôi lại là một vị công chúa con đức vua Kikī, kinh thành Bārāṇasī, quốc độ Kāsi; và phụ vương tôi lại là đại thí chủ của đức Phật cùng tỳ-khưu Tăng Ni đại chúng mấy chục ngàn vị.

Ồ! Thật là lạ lùng! Dầu là bèo dạt hoa trôi trong những dòng sông sinh tử các cõi, nhưng rồi cũng có nhân duyên hội ngộ một cách rất lạ lùng, kỳ diệu. Tôi muốn nhắc đến những chị em của tôi. Số là tôi có bảy chị em. Tuần tự từ công chúa trưởng đến công chúa út là Samanī, Samaṇaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāyikā, Dhammā, Sudhammā và Saṅghadāyikā. Trong đó tôi là thứ tư, tên là Bhikkhudāyikā! Phụ vương tôi là một đệ tử thuần thành

của Tam Bảo nên đặt tên cho chị em tôi thật là “kỳ cục” mà cũng thật huyền diệu. Tại sao vậy? Con gái sao lại không lấy sen, lấy sālā, lấy lài, lấy chiêm đàn, lấy sắc, lấy hương hoặc lấy những đức tính diệu hiền của nữ tính mà đặt tên? Gẫm ngữ nghĩa mà xem. Tuần tự tên gọi từ đầu đến cuối, có nghĩa là: Nữ sa-môn, Gìn giữ sa-môn (hạnh), Tỳ-khuru-ni, Nữ thí chủ (của) tỳ-khuru, Pháp, Thiện pháp và cuối cùng là nữ thí chủ (của) Tăng-già!

Điều lạ lùng khác nữa là cả bảy chị em tôi đều có đức tin vững chắc, đều nung nóng ý chí thiêng liêng muốn sống đời phạm hạnh; nhưng xin xuất gia thì phụ vương tôi không cho, cương quyết không cho. Có lẽ phụ vương không có một mụn hoàng tử nào!? Có lẽ tên những người con gái là đã đầy đủ sa-môn, nữ sa-môn, giữ gìn hạnh sa-môn, nữ thí chủ, pháp, thiện pháp, hộ độ Tăng-già ở trong cung điện rồi chăng!? Không sống đời xuất gia phạm hạnh được thì chị em chúng tôi cũng cương quyết sống đời phạm hạnh tại gia, suốt đời thọ trì bát quan trai giới, bố thí, cúng dường, nghe pháp, học pháp và tu tập. Như vậy là suốt hai ngàn năm, chị em chúng tôi đã sống độc thân, chỉ biết có việc kiến thiết, xây dựng cốc liêu cùng hộ độ đức Phật và Tăng chúng mà thôi!

Sau kiếp sống ấy, cả bảy chị em chúng tôi đều hóa sanh lên cõi trời Đâu Suất¹. Hưởng hết phước báu của cõi trời, chị em chúng tôi sinh xuống châu Diêm-phù-đề và

¹ Cung trời Đâu Suất là theo chú giải, còn trong Trường Lão Ni Kệ thì bảo là cung trời Đạo Lợi.

thai sinh rải rác trong các quốc độ, hiện đều đang có mặt ở đây. Và dường như ai cũng tương đối mỹ toàn về sắc đẹp nhưng phước báo vật chất thì có khác nhau do biệt nghiệp của từng người. Hiện tại, kẻ trước người sau đều thành tựu viên mãn ước nguyện xưa cũ cả. Rồi ai cũng được trả lại phẩm vị đúng như hạnh nguyện của mình.

Xem nào! Đệ nhất công chúa Samanī (Nữ sa-môn) thuở xưa, rồi sẽ là nữ Thinh văn Khemā, đệ nhất trí tuệ trong hàng Ni chúng. Đệ nhị công chúa Samaṇaguttā (Gìn giữ sa-môn hạnh) thuở xưa, rồi sẽ là nữ Thinh văn Uppavaṇṇā, đệ nhất thần thông trong hàng Ni chúng. Đệ tam công chúa Bhikkhunī (Tỳ-khuru-ni) thuở xưa, rồi sẽ trở thành nữ Thinh văn Paṭācārā đệ nhất về trì luật. Đệ tứ công chúa Bhikkhudāyikā (Nữ thí chủ của tỳ-khuru) thuở xưa, bây giờ là ta, là nữ Thinh văn Bhadda-Kuṇḍalakesā, đệ nhất về thắng trí nhạy bén. Đệ ngũ công chúa Dhammā (Pháp) thuở xưa, rồi sẽ trở thành nữ Thinh Văn Kisā Gotamī, đệ nhất về hạnh mặc y thô tháo. Đệ lục công chúa Sudhammā (Thiện pháp) thuở xưa, kiếp này sẽ là nữ Thinh văn Dhammadinnā, đệ nhất về thuyết pháp. Đệ thất công chúa Saṅghadāyikā (Nữ thí chủ của Tăng-già) thuở xưa, đời này sẽ trở thành vị đại thí chủ Visākhā đúng y chang là vậy!

Ôi! Nhiệm mầu thay là sự sắp đặt của nhân, duyên, quả và báo; và cũng nhiệm mầu thay khi bụi bặm phiền não không còn nữa! Khung trời giải thoát thật là xa rộng không thấy mé bờ!

Sáng ngày hôm sau, tỳ-khuru-ni Bhadda-Kuṇḍalakesā tìm đến đánh lễ đức Phật với một cảm xúc siêu thoát, như là một người con gái tri ân vị cha lành siêu thế.

Đức Thế Tôn biết chuyện gì xảy ra nên ngài mỉm nụ cười của pháp rồi đọc lên một bài kệ dị giản chỉ để mọi người nhắm đến cái thực mà tu tập:

*Dẫu cho ngôn ngữ trăm ngàn
Nói lời vô ích chỉ bàn suông thôi
Tốt hơn, ít chữ, ít lời
Nghe xong tịnh lạc, sống đời vô ưu! ¹*

Tỳ-khuru-ni Bhadda-Kuṇḍalakesā không biết nói gì, chỉ xác nhận một sự thật mà đức Phật đã giáo giới:

- Đệ tử cảm nghiệm rất rõ về điều đó, bạch đức Thế Tôn! Đệ tử đã được sinh ra trong giáo pháp vô tỷ!

Và khi đến đánh lễ dưới chân tôn giả Sāriputta thì nàng xiết bao cảm kích, nói rằng:

- Nếu hôm ấy, đệ tử biết được trên đời có một giáo hội minh triết với những con người minh triết như thế này thì đệ tử sẽ không dám đặt ra một câu hỏi nào cả!

Tôn giả Sāriputtamim cười:

- Này Bhadda-Kuṇḍalakesā! “*Cái một bất tử*” ấy là gì nào?

Vị tân Thánh ni lặng lẽ mỉm cười.

Tôn giả lại hỏi vui:

¹ Pháp Cú 100: “Sahassaṃ api ce vācā anattapadasaṃhitā; ekam gāthāpadam seyyo yaṃ sutvā upasammati”.

- Nó trụ chăng?
- Thưa, không phải!
- Nó trôi chăng?
- Thưa, không phải!
- Nó vừa trụ vừa trôi chăng?
- Thưa, không phải!
- Nó không trụ, không trôi chăng?
- Thưa, không phải! Bốn phạm trù tứ cú ấy đều chăng nhằm!

- Cảm ơn Bhadda-Kuṇḍalakesā! Cô chắc chắn sẽ trở thành là một bậc thiện thuyết trong Ni chúng!

Và đúng là như vậy! Không những thắng trí sắc bén mà còn ngôn ngữ biện tài, tỳ-khuru-ni Bhadda-Kuṇḍalakesā đã làm cho Ni giới nổi tiếng, sáng rõ trong suốt năm mươi năm tại thế, khi gót chân của nàng lang thang từ Aṅga, qua Māgadha, Vajji, Kāsi và Kosala... để giáo hóa quần sanh...

Tỳ-khưu-ni Paṭācārā

(Đệ nhất thông Luật)

con gái
đức Phật



Do túc duyên nhiều đời, cô gái sanh ra trong một gia đình ông chủ ngân hàng¹ tại Sāvatti, cao sang, giàu có; lại được cha mẹ rất cung chiều, cho cô ở trên tầng bảy của một tòa lầu, có kẻ ăn người ở hầu hạ sớm hôm.

Năm cô lên mười sáu tuổi, có một gia đình môn đăng hộ đối với lễ vật trọng hậu dạm hỏi nàng cho con trai của họ, cũng là một công tử con nhà quyền quý. Cô gái lặng lẽ không nói gì, vì cô đã âm thầm yêu thương một chàng trai nô lệ đầy tớ trong nhà. Cậu ta chỉ hơn cô vài tuổi, vừa vai u thịt bắp mạnh khỏe vừa có tướng mạo là một mỹ nam tử. Mỗi tình này diễn ra đã được mấy tháng, như lửa gần rơm, sức cuốn hút của tuổi thanh xuân, họ đã có quan hệ mặn nồng với nhau.

¹ Đây là ghi theo Dictionary of Pāli Proper Names, còn những nơi khác là thương gia hoặc triệu phú. Gia tài của vị này chừng khoản 400 triệu đồng tiền vàng (theo chú giải).

Như đã quyết định, hôm kia cô gái nói với chàng trai:

- Tôi không thể lấy cái anh công tử mặt trắng ẻo lả kia được. Và lại, tôi đã có “*ri khác*” với chàng rồi. Chúng ta hãy bỏ trốn thôi!

- Tôi sợ lắm! Thưa nữ chủ!

Cô gái cau mày:

- “*Nữ chủ*” cái gì nữa! Vợ chồng rồi đấy! Hãy liệu tính cho mai sau chớ không còn kịp nữa. Mau mau lên!

- Tôi phải làm sao?

- Ôi! Đần đần vừa vừa thôi chứ! Hãy liệu chừng cửa ngõ, xem bọn đầy tớ đi lên đi xuống các cổng lầu, vườn hoa, tường Đông, tường Tây, xem vào khoảng canh hai chúng đã ngủ nghỉ hết chưa. Rồi còn tìm cách cuỗm một con voi rồi chúng ta cùng bỏ trốn! Rõ chưa?

- Rõ ạ! Thưa nữ chủ!

- Lại “*nữ chủ*”!

Chàng trai cười ngỏn ngoẻn rồi đi lo việc của mình.

Thế rồi, đúng ngày, đúng giờ, cô gái gom hết của cải, tư trang, tư dụng vào trong một cái đẫy lớn rồi cùng với tên nô lệ đầy tớ cỡi trên một con voi, trốn đi. Lúc ấy vào đầu canh ba, mọi người trong nhà đang no say giấc điệp cả.

Đi được một đôi, chàng trai hỏi:

- Nếu ông chủ bắt được, ông có đánh chết không?

- Ông cho người đánh chàng chết thật đấy!

- Không sợ pháp luật sao?

Cô gái cười rúc rích:

- Chàng không có biết gì cả! Chủ đánh chết nô lệ là chuyện thường. Theo luật pháp, đánh chết một tên nô lệ không có tội gì cả, vì nô lệ không phải là người!

Chàng trai nghe rợn cả tóc gáy, quay lại sau, ngó tả, ngó hữu, lắng tai nghe chùng, thấy chẳng có ai chạy theo bắt, nghe chẳng có tiếng động nào, chàng mới thở một hơi dài nhẹ nhõm!

Đến một vùng nông thôn, quê cũ của chàng thanh niên, cách kinh thành Sāvatti chừng ba bốn do-tuần thì họ dừng chân lại. Tại đây, cô gái bán con voi, bán tư trang thêm tiền tậu một mảnh vườn, thuê người làm một căn nhà, sắm sanh tiện nghi ăn ở, những vật dụng cần thiết cho mọi sinh hoạt. Thế rồi, một thời gian sau, hai vợ chồng son trẻ đã trở thành một gia đình nông dân thực thụ. Chàng làm vườn, trồng cây ăn trái, rau cải; nàng kiếm củi, bếp núc, chăm sóc quét dọn nhà trong vườn ngoài. Cuộc sống ấy ai cũng tưởng là rất hạnh phúc, nó êm ả, nó đều đặn trôi đi! Được bốn năm tháng, khi cái bụng của nàng ngày càng lớn thì nàng bắt đầu mệt mỏi, chán nản, buồn phiền nên sinh ra cáu gắt, nóng tính vô cớ. Chuyện củi đuốc, bếp núc, quét dọn trong ngoài nàng cũng bỏ phé, chàng trai lại nhẫn nại, lặng lẽ làm hết mọi sự. Bản chất của “*cô tiểu thư*” ưa sai bảo, ưa chỉ tay năm ngón, nhờ tình yêu mặn nồng ban đầu nó chìm khuất đi, bây giờ nó bắt đầu hiện mặt ra, xáo trộn nếp sống gia đình, đảo lộn cái tôn ty “*chồng xướng thì vợ thuận theo*”. Chàng trai vốn

bản chất trung hậu, quen chịu đựng cũng không lấy thể làm điều khi trở lại vai trò của một tên đầy tớ! Lại còn bị cô chủ chê ỉ ôi, eo sèo nấu cho chó ăn, nấu cho bò ăn chó có phải cho người ăn đâu!

Cái bụng càng to thì nàng càng khó chịu, càng bướng, càng chướng, thường hay quát tháo chồng, la mắng chồng một cách vô cớ. Nó cũng có lý do chủ quan của nó. Vì càng gần đến ngày sinh, nàng càng cảm thấy bất an và sợ hãi. Sinh làm sao đây? Ai là người có kinh nghiệm chăm sóc, thuốc thang? Nàng có biết gì đâu, và cái ông chồng “con nít” ba cục, ba hòn kia cũng có biết gì đâu! Con người sinh con, cô “tiểu thư” sinh con chó có phải là con trâu, con bò, con mèo, con chó, con gà, con vịt sinh con đâu! Đến lúc này cô gái mới thật sự thấm thía nhớ đến bàn tay và trái tim của người mẹ. Ở đây thường là quê hương âm áp của mọi đứa con ly xứ hướng về! “Mẹ ơi! Con khổ lắm!” Cô gái thốt lên nho nhỏ với hai hàng nước mắt tuôn chảy lặng lẽ, dầm dề, trong đêm, khi bên cạnh, chàng trai ngủ ngáy khò khò vô tư, vô lự! Mà cũng phải thôi, chàng đã làm việc cật lực, vất vả suốt ngày lại còn phải lo đảm đang, quán xuyến nội trợ trong nhà nữa.

Hôm kia, như đã quyết định, cô gái nói:

- Tôi phải về nhà cha mẹ đẻ sinh nở thôi! Ông hãy chuẩn bị dẫn tôi đi!

Chàng trai lắc đầu:

- Không thể được!

- Tại sao?

- Tôi mà đâm đầu về đó, ông chủ lớn sẽ đánh chết! Nếu không đánh chết thì cũng cho tay chân tra tấn đến chín chết một sống. Tôi không đi. Tôi chưa muốn chết!

Cô gái đưa ra lý do:

- Không đâu! Dù sao bây giờ tôi là gái đã có chồng! Cha mà đánh chết chồng của con gái để con gái cung của cha bị ở góa hay sao? Lại nữa, còn có pháp luật mà!

Chàng trai nhẹ lắc đầu:

- Không! Nhất định là không! Tôi chỉ là một tên nô lệ! Chủ đánh chết nô lệ là chuyện thường. Theo luật pháp, đánh chết một tên nô lệ không có tội gì cả, vì nô lệ không phải là người!

- Chà! Cô gái ngạc nhiên! Ông học ở đâu đó?

Chàng trai chột cười lạt, trả lời:

- Của “*cô tiểu thư*” đấy chứ ai. Đó chính là cái câu của cô nói khi rời khỏi nhà chỉ một đổi đường!

- Nhớ dai dử!

- Cái mạng sống tôm tép, muỗi lằn chúng cũng muốn sống, không muốn chết. Không muốn nhớ dai thì nó cũng cứ nhớ!

- Chà! Lại lý sự nữa chứ!

- Cũng học của “*cô chủ*” đó! Cái đầu óc “*đần đần*” này lần hồi nó cũng sáng ra!

- Lại nói móc nữa!

- Dạ, không dám!

Chịu. Hết cách. Đến lúc nàng dù có năn nỉ, chàng trai cứ vẫn cương quyết lắc đầu.

Không biết cách nào hơn, đợi một hôm chàng đội nông sản đi bán ở chợ xa, cô gái chuẩn bị một vài đồ dùng cần thiết, gởi gắm nhà cửa cho một người hàng xóm rồi lên đường. Khi đi, cô nhờ người nhắn lại với chồng là cô đã trở về nhà cha mẹ đẻ sinh con.

Ngày hôm sau, chàng trai về nhà, biết có sự, tự nghĩ thầm: *“Cũng tội, con nhà tiểu thư khuê các, chân yếu, tay mềm, vì yêu thương ta mà phải chịu đựng muôn vàn gian khổ. Bây giờ lại là thân gái dậm trường, bụng mang dạ chửa, vò vó một mình, nếu có chuyện chi xảy ra thì ai là người chăm sóc, bảo vệ?”*

Không chậm một khắc nào, chàng trai đùm vôi một bọc khoai ăn đường, tay cầm con dao - như cái rựa - rồi hối hả lên đường. Nhờ đi nhanh, đi cả ban đêm nên ba ngày sau thì gặp cô gái bên một bìa rừng. Hóa ra là cô ta đã sinh con rồi, một đứa bé trai bụ bẫm, xinh xắn. Cả hai nhìn nhau, tươi cười rạng rỡ, hạnh phúc; rồi ôm chầm nhau, trao qua đưa lại đứa bé cho nhau để cùng ấm nồng, hôn hít.

Không tính chuyện lên đường nữa. Họ lại cùng đi nhau trở lại gia đình, mái ấm.

Chuyện kể rằng, sinh đứa con trai thứ hai cũng tương tự vậy khi đứa con trai thứ nhất đã lững chững biết đi. Cô gái khi bồng, khi dắt đứa trẻ cùng với cái bụng lên đường về nhà cha mẹ. Cũng cỡ chừng nửa đường, cũng tại bìa rừng, cô gái lại sinh con, và chàng cũng tìm đến kịp. Tuy nhiên, lần này không còn trời yên biển lặng mà sóng gió

lại nổi ba đào cuốn đi những thân những phận! Tử tử sinh sinh! Dâu biên đoạn trường! Mịt mùng đau khổ!

Khi đưa con vừa ra khỏi lòng mẹ, một cục thịt đỏ hồng thì đột ngột một cơn bão ập tới, cây cối vẫy mình quần quai, cây gãy răng rắc, lá rụng rào rào. Dưới một tàn cây đại thụ rung rinh, cô gái chỉ kịp cởi cái áo khoác ngoài quần cho con, nằm sấp xuống, chịu trận mưa như trút trên lưng, bảo vệ hài nhi bên dưới. Đưa con bên cạnh lại khóc ré lên, nó cũng ướt và lạnh. Chẳng biết sao hơn, cô gái lại phải đổi tư thế, nằm khum khum để che mưa cho cả hai đứa! Chàng trai vừa tới kịp, chưa nói được một lời nào, chưa kịp nhìn đứa con ra sao thì cô gái đã thều thào mệt mỏi, dứt quãng:

- Hãy kiểm... gấp cho tôi... cái gì đó... để che tạm cái mái ở trên lưng...

Chàng trai gật đầu, đảo mắt lướt quanh một vòng rồi vội cầm rựa lưỡi nhanh vào rừng. Thấy một lùm cây có lá to, chàng với cao rựa chặt được một đống. Tiện thể, lựa một số cây rừng cỡ bằng cổ tay, chàng chặt dài chừng một sải, một sải rưỡi với dự định để dựng cái chòi nhỏ. Khi thấy tạm đủ, chàng hơi rựa, kéo xuống một chùm cây mây dùng làm dây cột thì một con rắn to núp sẵn đâu đó, lao ra và cắn chết chàng tại chỗ. Có lẽ là một con rắn cực độc.

Cô gái nằm bẹp chịu trận lâu quá bèn đổi tư thế cho đỡ mỏi bằng cách quỳ hai chân, úp sấp hai tay xuống để che mưa cho con. Nhưng đợi hoài, đợi mãi không thấy chồng về, cô tự nhủ: "*Một chút nữa thôi! Ông ta sắp về đó!*"

Lâu quá cũng không thấy, lại tự nhủ: “*Sắp về rồi! Thôi nằm yên đi hai con! Ngoan nào!*” Đứa trẻ lại gào khóc đến khản giọng.

Trời rạng sáng, bão tạnh, gió tan vẫn không thấy bóng dáng chồng, cô gái khởi sanh ý nghĩ: “*Hay là ông ta sợ trách nhiệm, bỏ trốn đi rồi? Đồ hèn hạ!*” Nhìn hài nhi nhờ bọc ấm, được che chắn tốt nên sau khi cho bú sữa, nó nằm ngủ yên; riêng đứa trẻ kia thì tái mét, run cầm cập, nằng nghe lòng như muối xát nhưng không biết làm sao. Đấy thức ăn mang theo không còn dùng được vì cái đùm vải đã nằm trong bùn nước.

Hết còn hy vọng ông chồng trở về, và nàng đã quyết chắc chàng trai vô lương tâm kia đã đành đoạn bỏ vợ bỏ con trong cơn hoạn nạn. Hắn đã xa bay cao chạy rồi! Lão đảo đứng lên rồi thất thểu tay bồng con, tay dắt con theo lối mòn mà ông chồng đã đi, lần từng bước một, vừa bước vừa thở. Vì nàng đã mệt quá, đã kiệt lực chống chọi suốt đêm qua, lại không có cái ăn! Đến lùm cây, nàng khựng lại. Ông chồng của nàng đã chết rồi, sắc mặt tím bầm đang nằm vô tri cạnh một gò mối, một đàn kiến đỏ, kiến đen bắt đầu đánh mùi tìm đến. Thương chồng quá. Càng nghĩ càng thương vì nàng đã nghĩ oan cho chàng! Núi rừng lạnh lùng, đường về nhà còn xa diệu vợi. Xung quanh không một bóng người, không làng mạc, không một làn khói bốc lên. Cọp, beo, thú dữ? Vừa chớm nghĩ đến điều đó, cô gái vội gạt lệ, quay mặt đi, dẫn con bước nhanh.

Đến một khúc sông hẹp, nàng dừng lại. Bình thường

đây là khúc sông cạn, lội qua được nhưng trận mưa như trút đêm qua đã biến nó thành một dòng nước dữ, cuộn cuộn cây củi cùng rác bèo. Cả ba không thể cùng qua. Suy nghĩ một lúc, nàng đứng dậy, kiếm một ít cành củi khô và lá rác làm tấm đệm để đặt đứa hài nhi trên đó. Nó đang ngủ say vì vừa cho nó bú. Xong, cô gái bồng đứa trẻ lớn lội qua sông, cũng phải dọ dẫm từng bước một trong dòng nước sâu ngang ngực. Lạnh, đói và kiệt lực nhưng trước sự sống chết cùng bản năng làm mẹ, nàng đã vượt qua được bờ kia. Vừa đặt được đứa trẻ trên một đám đất khô, thở một vài hơi lấy sức rồi cô gái lại vội lội qua sông lướt nữa. Khi đã đến gần bờ thì một con chim ưng to lớn sà xuống, nhanh như cắt, hai cẳng chân thò ra, quặp đứa hài nhi bay lên cao. Cô gái cả kinh, hai tay đưa lên, vừa vẫy vẫy loạn xạ, vừa chạy đuổi, vừa la, vừa hét một cách điên cuồng. Đứa trẻ bên kia bờ, thấy mẹ vẫy vẫy, tưởng là gọi nó nên nó xuống mép sông, bì bõm lội qua. Chỉ chừng hơn mười bước chân thì gặp dòng nước xiết cuộn nó đi, chỉ còn thấy cái đầu nhấp nhô trong làn nước đỏ, xa mãi, xa mãi rồi mất hút.

Cô gái rồi cũng qua được bên kia sông, ngồi phịch xuống, lặng câm như hóa đá! Hết rồi, một chồng và hai con! Hết rồi! Chết cả rồi! Tuyệt vọng cùng cực! Không có một giọt nước mắt nào chảy ra trong cái hốc mắt đã ráo hoảnh!

Nắng đã lên cao. Rồi cũng phải lên đường. Bụng không, lòng trống. Đi, bước như mộng du. Mọi ý thức

bây giờ chỉ còn trông cậy vào bản năng. Miệng lẩm bẩm trong vô thức, như điên như dại: “*Ông chồng bị rắn cắn chết. Một đĩa hài nhi bị chim ưng bắt. Một đĩa khác bị nước cuốn trôi! Ha ha! Chết! Chết hết!*”

Đến thành phố, đi vào một con đường, nàng không còn nhớ lối nào về nhà, ý thức lóa lên, cô gái bèn hỏi một người đàn ông đi ngược chiều:

- Thưa ông, ông có biết nhà của ông chủ ngân hàng không?

Người đàn ông nhìn nàng có vẻ kinh dị. Vì khi ấy tám choàng của nàng đã rách tả tơi, dường như chỉ còn dính một vài mảnh trên người. Mặt mũi lại bơ phờ, xanh xao, dính bùn đất trông không ra dáng cô gái hay là phụ nữ, hay một mục đàn bà điên!?

Nhưng rồi ông cũng thương hại đáp:

- Tôi biết ông chủ ấy, nhưng bà hỏi làm gì?

- Là nhà của tôi, của cha tôi, mẹ tôi!

Người đàn ông khựng lại. Im lặng một lát.

- Thôi! Đừng đến đó nữa!

- Tại sao?

Người đàn ông lại ngập ngừng rồi nói:

- Đêm qua, giông bão dữ dội. Những cái chảo lửa sấm sét tụt trên trời cao đã đánh ụp xuống cái lâu đài, trang viện ấy, tan nát cả và cũng cháy tiêu tưng cả. Có lẽ hàng trăm người ở đó ra tro cả rồi! Chẳng còn gì ở đó đâu!

Người đàn ông quày quả bỏ đi.

Cô gái ngồi thụp xuống, không còn biết gì nữa!
 Cô đã hóa điên thật sự rồi.

Thế là mấy ngày hôm sau, các đường phố kinh thành Sāvattthi mọi người trông thấy một cô gái điên, dường như không có cái gì che kín thân thể đi lang thang lếch thếch. Tới chỗ nào cũng bị mọi người đuổi như đuổi tà. Người nguyên rửa đồ điên khùng. Kẻ quăng cây, quăng đất, tung rác bẩn, tay xua, miệng chửi. Cô gái thì bước đi lắc lư, cười ha ha, cười hì hì, lâu lâu lại lẩm bẩm: “*Chồng chết, hai con chết, cha mẹ chết, anh chị em chết, tôi trai tớ gái chết, chó mèo chết, chết hết rồi, chết hết thật rồi!*”

Đức Đạo sư lúc ấy đang ở tại đại tịnh xá Kỳ Viên, vào sáng sớm, nửa cuối canh ba, quan sát thế gian, ngài thấy biết chuyện cô gái. Họ là bảy chị em thời đức Chánh Đẳng giác Kassapa đây mà. Trong trầm luân sinh tử, do công hạnh xưa, họ đã có mặt ở đời này rồi, nhưng cô gái này đã chịu đựng nỗi thống khổ nhất trong bảy chị em mà sức người thế là đã cùng cực rồi.

Trong vô thức, buổi chiều, cô gái lang thang bước vào cổng đại tịnh xá Kỳ Viên, sau lưng là một bầy trẻ nít la hét cười giỡn âm ỉ, quăng đất, quăng rác cùng với những lời mắng chửi đuổi theo.

Lúc ấy, đức Thế Tôn đang thuyết pháp tại đại giảng đường. Một số người tạp dịch thấy cô gái điên lỏa lồ đang lần bước đã gần đến chỗ tôn nghiêm, một số hổ thẹn không dám nhìn, một số khác tìm cách đuổi cô đi, đuổi luôn cả đám con nít nữa.

Đức Phật sử dụng năng lực thần thông giúp cô gái tỉnh trí lại rồi cất tiếng nói vọng ra từ giảng đường:

- Hãy để cho Paṭācārā¹ đi vào chỗ Như Lai!

Ngay lúc ấy, cô gái như tỉnh cơn mê dài, ngoảnh nhìn mình, thấy thân thể không có gì che, sợ hãi ngồi thụp xuống, rồi ngồi úp bụng, úp mặt xuống đất. Người đàn ông làm tạp dịch nghe tiếng nói của đức Phật, ông cởi tấm áo của mình, quăng cho cô gái:

- Này chị! Hãy mặc vào cho kín đáo! Đức Thế Tôn cho gọi chị đây!

Bây giờ, mọi người mới dám đến gần bên, kẻ đưa khăn lau mặt, kẻ đưa thêm khăn quàng, người đưa thêm dải buộc... để cô ta đi vào giảng đường cho đàng hoàng.

Đã hoàn toàn tỉnh táo, tuy gầy ốm xanh xao nhưng sau khi choàng áo, buộc áo, lau mặt sạch sẽ, cô gái đã hiện ra một phần nào nét vẻ trẻ trung, xinh đẹp cũ, trông chưa đến hai mươi tuổi.

Đến chỗ đức Phật, cô gái nằm sấp năm vóc sát đất, khóc lặng lẽ, khóc như chưa bao giờ được khóc; vừa khóc vừa kể chuyện con chết, chồng chết, cha mẹ chết... với giọng nói rất là bi thương, thâm thẳm.

Đức Phật cứ để cho cô gái khóc “cho đã”, lát sau, vừa sử dụng năng lực từ bi, vừa sử dụng pháp âm dịu dàng, âm cúng, nói với cô gái rằng:

- Thôi đủ rồi con, Paṭācārā! Không chỉ có nay con mới

¹ Một số người ngoài phố cũng gọi như thế - vì “Paṭācārā” có nghĩa người lỏa lồ, người đi lang thang không mặc gì trên người hoặc kẻ không tự chủ được hành vi, và đạo đức hoàn toàn bị suy sụp (Người biên soạn đã lược mặt lật đây đó để nói cho rõ nghĩa).

khóc con, khóc chồng, khóc cha, khóc mẹ! Thật ít ỏi làm sao là những lượng nước mắt ấy. Trong ba cõi, sáu đường, trăm luân sinh tử, con cũng đã từng khóc triệu triệu người con, triệu triệu người chồng, triệu triệu người cha, triệu triệu người mẹ trong những hoàn cảnh khác nhau như: Bị bệnh tật, ốm đau, bị chặt đầu, treo cổ, bị tán gia bại sản, bị tù tội, bị vu oan, bị động đất, bị nhà tan cửa nát, bị lửa cháy, bị voi chà, bị hổ ăn thịt, bị rắn độc cắn, bị tên bắn, bị đao chém, bị phản bội, bị nước cuốn, bị phanh thây, bị lóc thịt, bị bỏ thây nơi chiến trường... mà những giọt nước mắt ấy cộng lại còn nhiều hơn nước của bốn đại dương nữa kia!

Cô gái tên là Paṭācārā ấy đã ngưng khóc sau ý nghĩa lời nói của đức Phật, nằng lau ráo lệ, quỳ năm vóc sát đất đánh lễ ngài một lượt nữa rồi nói:

- Bạch đức Thế Tôn! Hiện con không có chỗ nương tựa, không có chỗ bảo vệ. Xin ngài hãy giúp con!

- Này Paṭācārā! Trên cõi đời này, chẳng ai nương tựa được ai, chẳng ai bảo vệ được ai, chẳng ai có thể giúp ai! Vợ chồng, con cái, cha mẹ, thân thuộc... cuối cùng đều phải bị thân chết mang đi cả thảy!

Và này con! Chỉ có ai ở bờ bên kia của sinh tử, những ai biết vứt bỏ, lìa xa những tham, những sân, những dục vọng tầm cầu, những khát ái, những mê mờ vọng tưởng; lìa xa những thấy biết sai lầm về bản thân, về ngã ái, về ngã chấp, về ngã thủ; thấy rõ tất thảy đều rỗng không, vô thường, vô ngã; kẻ ấy mới thật sự có chỗ nương tựa vững

chắc, chỗ bảo vệ an toàn trước thần chết, này Paṭācārā!

Vừa nghe xong lời pháp này của đức Thế Tôn, cô gái đắc quả Nhập lưu, pháp nhãn phát sanh, thấy rõ lộ trình, đường đi nước bước. Cô quỳ lạy xin được xuất gia. Đức Phật bảo gọi cô sang Ni viện để nhờ chư Ni chăm sóc sức khỏe; sau đó cô được trưởng lão ni Gotamī cho thọ đại giới, sống đời xuất gia phạm hạnh.

Một ngày kia, tỳ-khuru-ni Paṭācārā lấy nước để rửa chân. Lần thứ nhất, nước chảy được một đoạn ngắn rồi dừng lại, thấm xuống đất. Lần thứ hai, nước chảy được một đoạn dài hơn rồi dừng lại, thấm xuống đất. Lần thứ ba, nước chảy một đoạn xa hơn nữa rồi dừng lại, thấm xuống đất. cô dăm chiêu suy nghĩ:

“Sinh mệnh của con người quả giống như thế này, là ba giai đoạn của cuộc sống. Lần thứ nhất, nước chỉ chảy một đoạn ngắn là cái chết của thời niên thiếu. Lần thứ hai, nước chảy dài hơn một chút, là cái chết của thời trung niên. Và lần thứ ba, nước chảy dài xa hơn một chút nữa, là cái chết của thời lão niên! Rồi ai cũng phải chết cả, trẻ hay già mà thôi! Hóa ra cái gì có sanh thì cái ấy có diệt!”

Lúc ấy, đức Phật đang ở tại hương phòng, ngài sử dụng thần thông, với ánh sáng rực rỡ, với bóng sắc kỳ ảo, hiển hiện ngay trong tầm mắt của cô rồi ngài nói:

- Đúng vậy đó, này Paṭācārā! Tất cả mọi chúng sanh đều phải chết, đây là điều tất yếu. Vậy quan trọng nhất là phải sống như thế nào cho có ý nghĩa, sống như thế nào để lợi mình, lợi người, đem đến an vui cho mình và cho

người. Cao hơn tất cả những điều ấy, là sông sao để thấy cho rõ sự thật, sông sao để thấy rõ sự sanh diệt của ngũ uẩn trong từng khoảnh khắc, trong từng sát-na.

Để tóm tắt ý nghĩa ấy, đức Phật đọc lên bài kệ:

*Trăm năm sông có ích gì
Pháp đi, pháp đến vô tri chẳng tường
Một ngày quả thật khó lường
Thấy pháp sanh diệt vô thường ra sao!*¹

Lời kệ của đức Thế Tôn vừa chấm dứt, cô đấng quả A-la-hán, có thắng trí và tứ vô ngại giải.

Quá khứ tiền kiếp của tỳ-khuru-ni Paṭācārā như sau này cô kể lại, cũng tương tự như bảy chị em công chúa thời đức Phật Kassapa, và thuở ấy cô là thứ ba, tên là Bhikkhunī.

Từ đó, cô đề tâm nghiên cứu, học hỏi về luật, sống theo luật nghi và chu toàn hạnh kiểm rất nghiêm túc, gương mẫu. Cô cũng là người nổi tiếng vì những bài giảng và những câu kệ sâu sắc, thâm thúy về sự khổ trên cuộc đời; và thường ủi an, chia sẻ bằng cả tấm lòng đến với những phụ nữ có hoàn cảnh bi thương, bất hạnh. Đệ tử nữ của cô rất đông, cả tại gia và xuất gia.

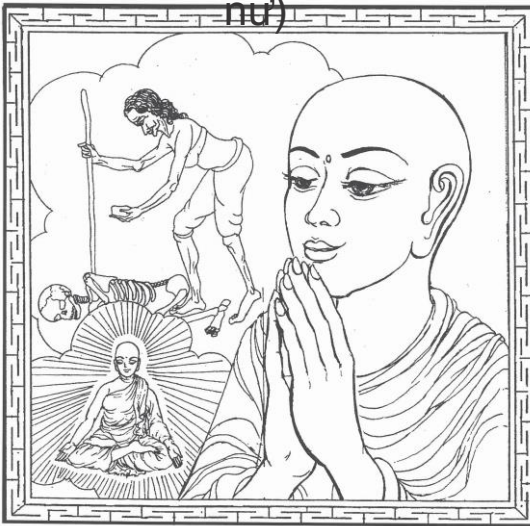
Tỳ-khuru-ni Paṭācārā được đức Phật tuyên dương do nhờ đời sống mẫu mực, quy củ; là đệ nhất về thông luật và trì luật bên Ni giới tương tự như tôn giả Upāli bên Tăng vậy.

¹ Pháp Cú 113: “Yo ca vassasatam jive apassam udayabbayam, ekāham jvitam seyyo passato udayabbayam!”

Tỳ-khưu-ni Ambapālī

(Hoàng hậu kỹ

nữ)



con
gái
đức
Phật

Là một kỹ nữ danh tiếng bậc nhất, không những là kinh thành Vesāli mà còn lan xa nhiều quốc độ, Ampapālī có duyên lành gặp được đức Phật, được nghe một thời pháp rồi sau đó thu xếp đời mình trong nếp sống của một cận sự nữ thuần thành. Kỹ nữ Ampapālī đắc pháp nhãn trong thời pháp thứ hai của đức Phật, sau đó cô dâng cúng vườn xoài xinh đẹp đến ngài và Tăng chúng. Cô cũng đã bỏ ngân khoản lớn để sửa sang Ni viện cùng hộ độ tứ sự đến hội chúng Tăng Ni không mệt mỏi. Lúc nhân duyên đầy đủ, cô xuất gia và đắc quả A-la-hán.

Cuộc đời trầm luân trong dòng nước đục, trong bụi bặm phiền não của cô cần được kể lại để mọi người thấy rõ một điều: Ai cũng có khả năng giác ngộ, giải thoát dù kẻ đó bị thế gian xem là xấu xa, là tội lỗi, nếu biết quy hướng, trung thực, thấy rõ mình, biết chuyển hóa đời mình, biết tinh cần và nỗ lực tu tập.

Hôm kia, đột ngột, đức Phật bảo vị tỳ-khuru thị giả triệu tập chừng hai mươi vị tỳ-khuru trẻ cùng lên đường với ngài. Sau đó, với đại y màu san hô vắt vai, bát cầm tay, đức Phật và hội chúng bước lần ra ngoài ô kinh thành Vesālī, đi mãi. Dọc theo con đường đầy bụi, rác rưởi, phân bò, phân dê... đoàn sa-môn qua mấy cánh đồng lúa, những vườn xoài, vườn ca-ri, vườn chà là; luôn trong hương lộ có bóng tre, bóng dừa, bóng thốt nốt rồi đến ngôi làng Kotigāma trù phú và thanh mậu. Tại đây, sau khi tuần tự đi trì bình khát thực qua các xóm nhà, không kể giàu nghèo; lúc vật thực vừa đủ dùng, đoàn sa-môn ghé đến dưới khóm cây mù u có bóng mát để độ thực. Các vị tỳ-khuru trẻ đi theo chiếc bóng của ngài cảm thấy thanh bình và an ổn. Đức Phật không dạy bảo họ điều gì, mà họ học được sự tĩnh tại từ nơi đôi mắt nhìn xuống, sự chậm rãi và nhẹ nhàng nơi từng bước chân đi; sự cẩn trọng trong cung cách đưa bát để thọ nhận vật thực; lòng từ ái nơi bài kệ phúc chúc, cách độ thực với từng ngón tay vo tròn chánh niệm rồi từ tốn đưa vào miệng một cách gọn gàng và sạch sẽ; cách đi kinh hành thanh thản và cả cách yên lặng trải tọa cụ dưới gốc cây để tọa thiền nữa... Tất cả. Tất cả. Và đây chính là thân giáo của ngài.

Cách đây không bao xa, chừng nửa do tuần, có một khu rừng xoài sum suê và xanh mát của một người kỹ nữ có tên là Ambapālī. Nàng là một kỹ nữ xinh đẹp và tài hoa nhất của kinh thành Vesālī và của cả trong các nước cộng hòa liên bang phía Bắc sông Gaṅgā. Vốn được hóa sanh lạ

lùng nơi một cành xoài¹ nên cô bé có tên là Ambapālī, với nước da sáng như ngọc và tỏa mùi trầm; môi đỏ như thoa son và có cả đôi mắt xanh biêng biếc. Có một vị vương tử trông thấy nên mang về làm con nuôi. Lớn lên, cô bé còn có tư chất bẩm sinh là múa dẻo và có giọng hát rất hay, trong thanh như tiếng chim Ca-lăng-tần-già. Các thầy bà-la-môn tướng pháp nói rằng, cô bé bị một phá cách, một phá tướng; nếu không trong tương lai sẽ làm một quý nhân, không đắc ngôi hoàng hậu thì cũng làm một vương phi tài sắc vẹn toàn.

- Vậy tương lai, cô bé sẽ thế nào? Vị vương tử hỏi.

Vị bà-la-môn già thờ dài:

- Cũng là hoàng hậu, nhưng là hoàng hậu trong giới kỹ nữ, cũng quý cách và giàu sang không ai bằng!

Thuở ấy, các cô kỹ nữ đều là thành phần được xã hội quý trọng². Vị vương tử thương con bèn gởi cô bé đến Bārāṇasī, một thành phố nổi tiếng ăn chơi và có nhiều trường dạy nghề kỹ nữ với học phí rất cao, để học nghệ. Thế là số phận cô bé đã được định đoạt. Bảy tám năm sau, lúc trở lại Vesālī thì các cô kỹ nữ khác đều bị lu mờ. Ông bố vương tử hào sảng đã cho con cả một dinh thự nguy nga cùng với tôi trai tở gái mấy chục người để hầu hạ, phục dịch nàng. Giá một buổi được nghe và xem nàng

¹ Do quá khứ cô đã từng nằm chán, ghé tởm thai sanh nên bây giờ hóa sanh nơi cành xoài, là trường hợp đặc biệt hy hữu.

² Tương tự các cô Geisha Nhật Bản bây giờ.

biểu diễn phải là một ngàn đồng tiền vàng kahāpaṇa¹. Ban đầu nàng cương quyết bán nghệ chứ không bán thân, nhưng sau có quá nhiều công tử trẻ trung, hào hoa, quỳ phục dưới chân nàng, dám đánh đổi cả gia tài để được hầu nàng một đêm. Nàng xiêu lòng. Nhưng sau đấy thì nàng rất khắt khe trong việc lựa chọn. Cũng chẳng ai dám làm gì được nàng vì nàng có quá nhiều thế lực ở cung đình cũng như tiền rừng, bạc bể bảo trợ.

Mãi mãi những cuộc vui. Mãi mãi những khúc đàn, tiếng hát. Mãi mãi với cao lương mỹ vị, kiệu đón xe đưa, hầu tiếp các vương tôn, công tử, danh gia, đại gia, đại phú gia...² cô hoàng hậu không ngại, kỹ nữ Ambapālī, cảm thấy mệt mỏi, rã rời, chán nản. Nàng bèn tậu một khu rừng xoài xa và sâu về phía ngoại ô, thỉnh thoảng tìm về đấy, trốn mọi người và cũng để thư giãn tâm hồn. Giữa thiên nhiên khoáng khoáng, trong lành, nàng tìm được những giây phút thanh bình. Trong vô thức mơ hồ, nàng cảm thấy tất cả mọi tiện nghi xa hoa vật chất này không phải là hạnh phúc thật sự của đời người. Phải là cái gì khác. Phải là thế giới nào khác.

¹ Đồi nơi nói - chỉ có 50 kahāpaṇa. 1000 đồng tiền vàng kahāpaṇa tương đương 100 con bò sữa. 01 đồng vàng kahāpaṇa bằng 04 đồng vàng pāda; 01 đồng vàng pāda bằng 05 đồng xu vàng māsaka. Một ngày của dân ng-hèo tiêu tốn chỉ 02 đồng xu vàng māsaka!

² Đây là thời cực thịnh của Vesālī, trong tạng luật có kể rằng: Phồn thịnh, giàu có, đông đúc... có bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy tòa nhà dài, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy mái lầu ngọn, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy công viên, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy hồ sen (Tạng Luật, đại phẩm II (mahāvagga), NXB. Tôn Giáo, trang 269 - Việt dịch, tỳ-khưu Indacanda.

Thời gian qua đi, cô kỹ nữ tài sắc vẹn toàn năm xưa đã trở thành một lão bà tóc trắng nhưng sắc đẹp tiềm tàng vẫn làm xiêu lòng người, vẫn toát ra cốt cách phong lưu, đài các. Tuy có nhiều cơ ngơi, dinh thự, nơi mở lớp đào tạo kỹ nữ với rất đông gia nhân, người hầu nhưng bà vẫn thích về nơi thanh vắng này.

Mấy năm trước, nghe tin đồn về thái tử Siddhattha khi tuổi còn thanh xuân, tóc đang còn đen nhánh đã khẳng khái từ bỏ ngai vàng như quăng đôi dép cũ để xuất gia tầm đạo, bà đã đặt một dấu hỏi về hạnh phúc đời người! Vị ấy bây giờ đã là một vị Phật, với đoàn sa-môn áo vàng, thanh thảo đầu trần chân đất đi hóa độ nhiều phương. Nghe nói, lời pháp của ngài đầy uy vũ như sấm giông giữa trời mưa, như ánh mặt trời rọi tan mây mờ tăm tối. Cả năm vị hiền triết uy đức ở Vườn Nai đã được ngài cảm hóa trở thành đệ tử theo hầu! Chàng trai công tử con một bá hộ nổi tiếng ăn chơi ở Bārāṇasī và bạn hữu năm mươi lăm người đã đi theo đoàn sa-môn. Ba mươi vương tử trẻ trung của nước Kosala oai hùng cũng đã được đức Thế Tôn kia giác ngộ. Một ngàn đạo sĩ tóc búi cùng với thầy là ba anh em giáo chủ Kassapa tóc bạc già nua, thờ thần lửa tại Uruvelā cũng đã quy giáo với ngài. Đức vua Bimbisāra kiêu ngạo, tài hoa, trẻ tuổi, cơ trí hơn đời và cả triều đình đều xin quy y và thọ trì ngũ giới. Khu rừng Veḷuvana mệnh mệnh và xinh đẹp phía Bắc kinh thành Rājagaha của đức vua cũng đã được dâng cúng cho giáo hội độc thân ấy. Rồi đến việc chàng thần y Jīvaka Komārabhacca trẻ tuổi nổi tiếng

và kiêu hãnh đã tâm phục, khẩu phục, phát khởi đức tin hiển cúng khu vườn xoài... Ôi! biết bao nhiêu câu chuyện lạ lùng như huyền thoại được thêu dệt qua cửa miệng của mọi người. Nhưng rõ ràng là vị Phật ấy cùng đoàn sa-môn y vàng thanh thoát, thánh hạnh được mọi người quý trọng; ngay chính ngoại giáo cũng phải nể phục. Chuyện đức Phật cảm hóa tên biện sĩ ngông nghênh Saccaka vừa xong thì xảy ra ba thảm nạn tại Vesālī, cũng chính giáo đoàn ấy cùng với quân lính, thực phẩm của đức vua cư sĩ mang sang đây để cứu trợ. Ôi! Năm trăm vị sa-môn trẻ trung, xinh đẹp đã đọc kinh an lành suốt đêm khắp ba vòng kinh thành Vesālī mà không cần một đèn đáp nào! Quả thật là đã có một tôn giáo cứu khổ cho muôn sinh đang có mặt trên cuộc đời hư vô huyễn hóa này hay sao? Bà kỹ nữ Ambapālī nghĩ mình là phận nữ nhi, lại làm một cái nghề, dù được xã hội quý trọng nhưng trong miệng lưỡi thế gian, người ta vẫn nói nàng là một dâm nữ! Trong sâu thẳm tâm hồn, nàng vẫn mang một mặc cảm nặng nề không dám tìm gặp đức Thế Tôn thánh hạnh ấy để nghe giáo pháp, để học hỏi giáo pháp. Vừa mới đây, nghe tin đồn, đức Phật đã mở rộng cánh cửa cho nữ nhân các giới có cơ hội tu tập. Và giáo hội tỳ-khuru-ni đã được thành lập rồi, ngay cạnh khu rừng Mahāvana của tỳ-khuru Tăng. Mấy trăm công nương, cung nga thế nữ dòng tộc Sakyā, dẫn đầu là hoàng hậu Gotamī, công nương Yasodharā, srong phụ của đức Phật, đã được gia nhập đoàn nữ sa-môn. Và nghe đâu, đức Phật ấy không phân biệt nữ nhân thuộc giai cấp, tầng lớp nào trong xã hội.

Còn nữa, bà có một đứa con trai, thanh niên Vimala¹, là kết quả mối tình giữa bà và đức vua Bimbisāra, nó cũng đã xuất gia rồi, bây giờ có tên là tỳ-khuru Vimalakoṇḍañña, nghe đâu đã đắc thánh quả, cũng thường hay khuyên nhủ bà rũ bỏ tất cả để xuất gia sống đời thanh tịnh, giải thoát.

Bà kỹ nữ Ambapālī thở phào, vậy là mình sẽ có dịp diện kiến ngài, mọi nhân, mọi duyên có lẽ đã chín muồi rồi.

Tin đức Phật sáng hôm nay bộ hành về các thôn làng ngoại ô đã đến tai nàng do gia nhân trông thấy, báo lại. Nghe nói, hiện tại, đức Phật đang ở tại làng Koṭigāma. Không chần chờ phút giây nào nữa cả, nàng tức tốc cho thắt một cỗ xe lộng lẫy, sang trọng với bốn con ngựa trắng cũng lộng lẫy, sang trọng... với người hầu đánh xe, với hai thị nữ rời khu rừng xoài trực chỉ ngôi làng Koṭigāma. Đến chỗ ngựa không còn đi được, hỏi đường, bà cùng với thị nữ đi bộ đến khu rừng mù u. Đến nơi, bà trông thấy một sa-môn dung nghi trong sáng và dịu dàng như ánh trăng rằm đang ngồi tĩnh tọa dưới gốc cây! Ôi! đẹp quá! Thanh khiết quá! Và lác đác xung quanh chừng vài mươi sa-môn trẻ trung dường như cũng đang tĩnh định trong thiền duyệt. Khung cảnh trang nghiêm và thiêng liêng làm sao! Bà sợ hãi, rón rén đến gần...

Giọng đức Phật chợt vọng vào tai nàng:

¹ Theo Dictionary of Pāli Proper Names, ông ta đã có duyên từ thời Phật Vipassī, đã có dâng cúng đến ngài bốn đóa hoa vàng được làm bằng vàng, sau đó hóa sanh vào cung trời Tusita...

- Này Ambapālī, hãy đến đây! Như Lai cũng đang có ý chờ đợi cuộc viếng thăm này đây!

Bà Ambapālī rùng mình: “*Hóa ra ngài biết cả tên ta! Mà ôi! Cái giọng nói sao mà mát mẻ và êm dịu cái lỗ tai đến vậy!*” Bà Ambapālī mạnh dạn bước tới, khom người xuống rất mực lễ độ, cung tay xá lễ. Đức Phật chỉ một tảng đá khá sạch sẽ bên cạnh rồi nói:

- Bà hãy ngồi xuống đây, và nội tâm có điều gì bất ổn thì cứ nói ra hết cho Như Lai nghe!

Rồi bà Ambapālī nói. Bà kể về thân thế là đứa con vô danh nơi gốc xoài lúc hóa sanh. Kể về sự lao khổ của bao nhiêu năm học nghệ trên đất khách. Kể về cái nghề của bà khi đã thành đạt. Kể về đời sống xa xỉ bạc tiền. Kể về phải đánh đổi cả tuổi thanh xuân, vũ ca đàn hát để phục dịch, hầu hạ cho giai cấp quý tộc, cho giới trưởng giả giàu có. Thân mệt mỏi mà tâm cũng mệt mỏi. Chắc hẳn vàng ngọc và vinh hoa hư dối ấy không phải là hạnh phúc. Cuộc đời này, chẳng lẽ nào trên cái bề mặt của phú quý, danh vọng, tài sản, thỏa mãn ngũ dục... có vẻ huy hoàng kia lại có cái mặt trái của nó là tối tăm, đau khổ và buồn phiền? Và đây có phải là trò biến hóa của Māyā chăng?

Đức Phật nắm bắt ngay căn cơ và trình độ. Theo với tâm sự của Ambapālī, đức Phật khơi bày về sự-thật-khổ; nó là cái gì hiện thực đang chi phối chúng sanh trong ba giới bốn loài; là cái gì tất định mà tất thấy giống hữu tình phải gánh chịu, phải mang vác trên trần thế. Đức Phật chưa đi sâu vào tứ đế mà ngài tiếp tục nói về thuận thứ của

con đường thoát khổ. Ngài nói về tri kiến chơn chánh, về đức tin chơn chánh làm nơi nương tựa vững chắc cho đời sống tinh thần. Không có đời sống tinh thần với những niềm vui thiêng liêng, lành mạnh thì sự sung mãn vật chất chỉ đáp ứng được đời sống bản năng, hạ liệt, sa đọa và sẽ rơi vào thảm nạn. Phải có chỗ để quy hướng. Phải biết bố thí, cúng dường; phải biết xả ly, ly tham cho tâm hồn được nhẹ nhàng, rộng mở, thanh thản... Phải thực hiện những pháp như vậy, phải tu tập những pháp ban đầu như vậy thì chúng sẽ xua tan những đám mây mờ, u tối ở trong con... Như Lai chúc phúc sự bình yên cho con, này Ambapālī!

Xúc động quá, bà Ambapālī quỳ năm vóc sát đất và gục khóc lặng lẽ. Thời pháp êm dịu của đức Phật đã làm cho tâm hồn khô hạn của bà được tắm mát, nhẹ lâng lâng. Để cho xúc cảm lắng xuống, bà Ambapālī nói:

- Tri ân đức Thế Tôn! Con đã có chỗ nương tựa rồi! Xin đức Thế Tôn cho con được quy y làm người cận sự nữ từ đây cho đến trọn đời!

Sau khi đức Phật cho thọ trì quy giới, ngài im lặng nhận lời mời của kỹ nữ Ambapālī, cùng với hội chúng đến vườn xoài của bà thọ trai vào ngày hôm sau.

Bà Ambapālī đánh lễ đức Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, hướng vai phải nhiễu quanh tỏ lòng kính trọng rồi ra về.

Vào buổi trưa hôm ấy, các vương tử, công tử trẻ tuổi cộng hòa Licchavī, thủ đô Vesālī, nghe tin đức Thế Tôn

ngự đến ngôi làng Koṭigāma nên đã cùng thông báo với nhau, tổ chức một hội chúng đông đúc để đi diện kiến ngài. Thế là đúng giờ hẹn, tại chỗ tập trung, họ bước lên hàng chục cỗ xe sang trọng, lộng lẫy, sáng chói dát bạc, dát vàng như một cuộc hội lớn, rầm rộ khởi hành.

Đến con đường nhỏ vào làng Koṭigāma, những vương tử, công tử Licchavī trông thấy một cỗ xe bốn ngựa trắng sang trọng trên đường ngược chiều.

Họ bàn tán với nhau:

- Cỗ xe trắng bốn con ngựa trắng cao đẹp kia với rèm sáo lạnh canh, óng ánh ngọc vàng như thế thì có ai ngoài bà vương hậu kỹ nữ của chúng ta?

- Đúng là bà mỹ nhân kiều hãnh Ambapālī rồi!

Trông xa đã biết đây là các vương tử, công tử Licchavī trẻ tuổi, giàu sang, hiển hách và đầy quyền uy, nhưng bà Ambapālī bảo người hầu cương quyết không nhường đường. Bốn con tuấn mã sức mạnh như sư tử vẫn an nhiên càn lướt, còn hí lên những tràng dài đầy vẻ thị uy. Thế là gọng xe, càng xe, bánh xe, trục xe đụng nhau tạo nên những âm thanh lắc cắc, lộp bộp... Những cỗ xe của các vương tử không đương cự nổi cỗ xe được thiết kế chắc bền bởi những kim loại quý của bà kỹ nữ, đành phải dạt ra ngoài lề với một số chi tiết bộ phận nào đó đã bị gãy bể, hỏng hóc. Tuy nhiên, họ không để tâm vào điều ấy; một số vương tử, công tử nhảy xuống, họ không giận mà chỉ cất tiếng hỏi:

- Cái cỗ xe trị giá trăm ngàn đồng tiền vàng của bà lại

cố ý ngăn chặn giữa đường, không cho chúng tôi đến diện kiến đức Thế Tôn là tại làm sao hở?

Bà Ambapālī cho dừng xe, vén rèm, mỉm cười, dịu dàng đáp:

- Vì chính tôi đã thỉnh mời hội chúng tỳ-khuru và đức Thế Tôn đến thọ trai ngày mai tại vườn xoài của tôi rồi, thưa chư vương tử!

- Chúng tôi cũng muốn đến Kotigāma với ý nguyện như vậy. Hay là bà hãy nhường lại buổi cúng dường thọ trai ngày mai nhé?

- Không thể được, thưa vương tử!

- Chúng tôi sẽ tặng lại bà cùng hai nàng thị nữ xinh đẹp đây một ngàn đồng tiền vàng kahāpaṇa ngay tức khắc!

- Các vương tử xem thường tôi quá đấy!

Một vị vương tử nhảy phóc xuống xe, nói lớn:

- Hai ngàn, ba ngàn kahāpaṇa được chăng? Cứ ngã giá vậy nhé, thưa bà hoàng hậu kỹ nữ?

Bà Ambapālī, buông rèm xuống, nói vọng ra:

- Xin lỗi! Xin chư vị đừng lấy tiền bạc ra mà hù dọa tôi. Cho dầu cả thủ đô Vesālī, cả tài sản và cư dân, tôi cũng không chịu nhượng đâu!

Thế là bà bảo người hầu dong xe đi. Các vương tử, công tử Licchavī tấm tức nhìn theo.

Có vị buột miệng:

- Kiêu hãnh quá đấy!

Có vị nói:

- Bà kỹ nữ vườn xoài đã nhanh tay hót phần phước đầu của chúng ta rồi! Rồi y vỗ tay, la vói theo cỗ xe của Ambapālī - Chúng tôi đã bị đo ván một cách rất tồi tệ, hỡi bà vương hậu mỹ miều, xinh đẹp ơi!

Mọi người có vẻ chẳng buồn giận gì, cười ha hả.

Rồi sau đó, họ cũng lại lên đường, rầm rộ đến thăm đức Phật. Chiếc xe nào hư hỏng, các vị thân nhiên quăng bỏ lại không thương tiếc. Đến chỗ xe không còn đi được, họ đi bộ đến cụm cây mù u. Đức Phật biết tất cả mọi chuyện xảy ra, ngài chợt nói với hội chúng, lúc ấy họ đang ngồi xung quanh ngài:

- Nay các thầy tỳ-khuru! Ở đây, ai chưa thấy chư thiên cõi trời Tāvātīmsa (Đao Lợi hoặc Ba Mươi Ba) thì hãy nhìn hội chúng các vương tử, công tử Licchavi kia là có thể hình dung được! Chư thiên Tāvātīmsa cũng tương tự như vậy về cách phục sức nhiều sắc màu đầy ấn tượng. Hãy nhìn kia! Một số vương tử thích màu xanh, thế là ngựa kéo nhuộm xanh, cỗ xe màu xanh, y phục màu xanh, trang sức cũng màu xanh! Một số vương tử thích màu vàng thì ngựa, xe, y phục và trang sức đều màu vàng. Cũng như thế là màu bạch ngọc, màu chu sa, màu san hô, màu nước biển, màu xanh lá cây, màu bình minh rạng... Họ đi đâu là mang theo cả thiên nhiên, cả vườn hoa thật là phong phú sắc màu, tươi vui và đẹp mắt...

Các vị tỳ-khuru trẻ cảm thấy thích thú nhìn ngắm hội chúng ấy đi đến, chào hỏi cung kính đức Thế Tôn rồi ngồi lác đác chỗ này chỗ kia với những tượng người sắc

màu di động.

Đức Phật lại thuyết một thời pháp nói về cảnh giới các cõi trời, nhấn mạnh về trang phục sắc màu của họ tương ứng thiên chúng cõi trời Tāvātīmsa như thế nào, nhân và quả ra sao. Rồi ngài nói tiếp nhân sanh các cõi trời cao hơn, chánh báo, y báo ở đây. Thuyết về bố thí, trì giới với những câu chuyện, dụ ngôn, đoản ngôn đầy ẩn tượng và rất thú vị. Thử đến mới nói đến đức tin Tam Bảo, con đường thẳng phước, hạnh phúc và an lạc cho nhiều đời... Trong lúc thuyết pháp, đức Phật đã cố ý vận dụng thần thông, phóng ra một loại hào quang sắc trắng, như mặt trăng mùa thu dịu dàng tỏa sáng ra xung quanh, bao trùm cả hội chúng, lại còn làm cho không gian trở nên sạch trong, không một chút bụi dơ. Như thế là đức Phật đã làm cho họ vô cùng thỏa thích và hoan hỷ.

Cuối buổi pháp thoại, hội chúng vương tử, công tử Licchavī thỉnh mời đức Toàn Giác và hội chúng thợ trai ngày hôm sau; đức Phật bảo là đã nhận lời mời của bà Ambapālī rồi. Họ kể lại chuyện đụng đầu bà kỹ nữ giữa đường như thế nào. Rồi một chàng trai Licchavī thốt lại câu nói cũ:

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng con bị bà kia nhanh tay hót phần phước mất rồi; bị bà ta hạ đo ván một cách rất chi là oanh liệt.

Đức Phật mỉm cười:

- Ủ! Trên con đường tiến hóa tâm linh, nếu như các chàng trai còn ham vui quá, ham chơi quá, ham thụ hưởng

quá - thì coi chừng, sẽ bị bà ta hót mất phần phước, bị hạ đo ván một lần nữa đấy!

- Bạch, tại sao?

- Vì mới nghe pháp chỉ mới một lần, đức Phật nói, mà bà ta đã có đức tin khá vững chắc.

- Tri ân đức Thế Tôn! Chúng con sẽ ghi nhớ lời này! Chúng con rồi sẽ có đức tin vững chắc như thế!

Sau khi hội chúng Licchavī đi rồi, đức Phật dọn dẹp chỗ ngồi, xếp lại tọa cụ, tăng-già-lê... rồi cùng với hội chúng tỳ-khưu rời Koṭigāma đến ngôi làng Nālikā lúc trời đã về chiều. Đến một rừng cây, trời lất phất mưa, gió lạnh rì rào - đức Phật tìm thấy một ngôi nhà gạch bỏ hoang, ngòi và hội chúng trải qua đêm ở đây.

Sáng ngày, người hầu nam của cô kỹ nữ đánh xe đến thông báo là buổi đặt bát cúng dường tại vườn xoài đã sẵn sàng, thỉnh đức Thế Tôn và hội chúng lên đường. Tại đây, bà kỹ nữ đã dâng cúng thức ăn thượng vị loại cứng, loại mềm... đầy thành kính và trân trọng vào bát của đức Phật và Tăng chúng. Khi đức Thế Tôn ngọ trai xong, bà dâng nước rửa tay, nước uống và tắm xia răng rồi ngồi một bên để nghe pháp. Đức Phật lại ân cần chỉ dạy cách lập tâm, cách an trú tâm vào thiện pháp - tức là phải biết lấy việc lành, việc tốt làm niềm vui thanh cao cho tâm hồn. Cuối buổi giảng, bà kỹ nữ Ambapālī, quỳ thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Con đã phát khởi tâm tịnh tín đối với giáo pháp. Vậy, xin ngài cho phép con được làm một số việc hữu ích.

- Như Lai nghe đây!

- Thứ nhất, cho con được thỉnh thoảng lui tới Mahāvana để nghe pháp; thỉnh thoảng lui tới hội chúng tỳ-khưu-ni, tùy theo khả năng, con có thể cúng dường gì đó phù hợp nhu cầu ở nơi cơ sở còn quá mới mẻ ấy!

- Còn việc thứ hai?

- Vườn xoài này của con cũng khá rộng lớn lại có nhiều cây to bóng mát, có thể làm nơi lưu trú cho tỳ-khưu Tăng; nếu Mahāvana mai kia đã trở nên chật chội, xin đức Thế Tôn cho con được noi theo gương của cậu thân y Jīvaka Komārabhacca cúng dường cơ sở này.

Đức Phật im lặng nhận lời. Rồi ngài nói:

- Con nên tác ý cúng dường vườn xoài này đến cho thập phương Tăng, có Như Lai là vị đứng đầu, như thế phần phước này sẽ lớn rộng hơn nhiều!

Bà Ambapālī cúi đầu ưng thuận, lấy bình đựng nước nhỏ bằng vàng, đổ nước lên bàn tay của ngài cho đẫm với thủ tục dâng cúng cổ truyền. Đức Phật nói kệ chúc phúc, mong rằng, phước sự này sẽ như sông biển của bốn đại dương, làm cho đầy tràn tín tâm, chân phúc mai hậu cho thí chủ. Sau đó, do thấy căn duyên của bà kỹ nữ đã sẵn sàng, đức Phật thuyết một thời pháp nói về Tứ đế với câu cú, văn nghĩa vừa giản dị, vừa sâu rộng, gần gũi với đời thường. Cuối thời pháp thoại, bà kỹ nữ rời bỏ tập khí, xa lìa trần cấu, thấy pháp, chứng quả Nhập lưu!

Ngay chiều hôm ấy, đức Phật trở lại Mahāvana, Sảnh Đường Nóc Nhọn, Kūṭāgāra, ngài kể lại câu chuyện ở

vườn xoài; rồi yêu cầu hai vị đại đệ tử cho một hội chúng tỳ-khuru có vài vị trưởng lão dẫn đầu đến tiếp nhận cơ sở mới.

*** Khúc thán ca vô thường bất hủ**

Thời gian sau, kỹ nữ Ambapālī xin được xuất gia phạm hạnh rồi sống ở Ni viện do trưởng lão ni Gotamī lãnh đạo. Tỳ-khuru-ni Ambapālī không được vui do tuổi già, không còn đủ lanh lẹ trong mọi sinh hoạt như các vị khác. Có một dao động mãnh liệt khi thấy bản chất già yếu, lụm khụm, mệt mỏi... và sự biến đổi, thay đổi của thân xác.

Hôm kia, ngồi bên bờ suối vắng vẻ, nhìn ngắm chiếc bóng già nua thấp thoáng ẩn hiện trong dòng nước, tỳ-khuru-ni Ambapālī kinh cảm, tràn đầy xúc động, thốt lên một bài kệ như sau:

*Ôi! Mái tóc thanh xuân của ta,
Mái tóc màu xanh sậm tợ mắt con ong chúa
Và bông bành sóng gợn từ gốc tới ngọn
Bây giờ sắc đẹp ấy đã bị phá hủy
Do bệnh hoạn, do tuổi già
Do lửa thời gian thiêu đốt
Nó khô rang giống như sợi vỏ cây gai dầu
Ai rồi cũng phải bị tuổi già không chế
Bị sự vô thường chi phối
Đúng như lời dạy bảo của đấng Giác Ngộ, không sai!
Ôi! Một thời,
Mái tóc của ta tỏa hương thơm
Giống như một hộp đựng châu báu*

Hoặc như một hộp đựng hương
 Do trên đầu ta luôn phủ đầy hoa puppheti,
 Hoa campaka, hoa aribian
 Cùng bột hương và các loại hương liệu tế nhị, quý phái
 Còn nữa, mái tóc ta dày rậm
 Như một khu rừng khéo trồng,
 Mỗi sợi tóc là mỗi gốc cây luôn được bảo vệ,
 Chăm sóc như trong công viên của hoàng gia,
 Nó mềm mại, êm ái và sự nức thơm tho.
 Lại còn được làm đẹp
 Với lược gấn bằng vàng ròng tinh chất,
 Với trâm cài có đính kim cương -
 Nó óng ánh, đẹp đẽ
 Và chói sáng giống như ngày hội của muôn sao
 Bây giờ thì nó đã thưa thớt dần
 Sau khi cạo bỏ
 Nó lại phảng phất mùi hôi như lông chú cún,
 Khó chịu như mùi lông cừu
 Ôi! Quả đúng là một rừng bất tịnh
 Đúng như lời dạy bảo của đấng Giác Ngộ, không sai!
 Ôi! Một thời,
 Đôi làn mi của ta
 Đã được họa sĩ trứ danh khéo vẽ
 Đẹp tựa vàng trắng lười liềm
 Nó không những điểm màu xanh tinh tế,
 Màu gợi cảm tinh tế
 Mà còn pha thêm hôn của liễu rũ,
 Hôn của những sợi tơ con ngài

Phải nói là nó đẹp đến tuyệt mỹ, vô song
Bây giờ đôi làn mi ấy
Chỉ còn là những sợi rom rạ khô vàng
Kéo theo những tia nhăn nheo phủ xuống mặt mỗi
Báo hiệu sự già lão, chết chóc
Ôi! Một thời,
Đôi mắt của ta đen huyền và xanh thẳm
Như đôi mắt của chúa bồ câu,
Chúa thiên nga, chúa nai trong rừng sâu
Nó lại còn rực rỡ, chói ngời
Nhưng xanh trong và tỏa sáng dịu dàng
Như hai luồng châu báu
Bây giờ, tháng năm biến đổi
Nó đã đục lờ như nước sữa chua
Nó đã lấm tẩm mọc lên li ti
Những mụn bụi, mụn cát màu xám nâu
Nó xấu xí, bạc nhược và vô hồn đến nỗi,
Có thể đem so với đôi mắt con cá chết,
Nhưng mà con cá chết ươn!
Ôi! Đang lúc tuổi trẻ dậy thì
Mũi của ta mềm dịu,
Ngay thẳng và sáng trong
Sống mũi là một gò núi tinh tế, tuyệt hảo
Nó kiêu diễm như châu ngọc không có tỳ vết
Bây giờ thì nó sụp xuống như ống cống bị gãy
Lại còn tươm rỉ nước mũi lệt sệt hôi hám
Ôi! Sự thật vô thường thật là khó kham, khó nhẫn;
Đúng như lời dạy bảo của đấng Giác Ngộ, không sai!

Ôi! Một thời,
 Đôi tai của ta, vành tai,
 Trái thùy châu của ta
 Nó được những vòng vàng, vòng ngọc,
 Vòng bạc khéo chế tạo, tế nhị điểm trang
 Nó sáng chói như ngọc chuốt
 Bây giờ thì nó chảy xệ xuống,
 Nhấn neoh rũ xuống như hai miếng giẻ rách
 Ôi! Sự thật vô thường thật đáng sợ
 Đúng như lời dạy bảo của đấng Giác Ngộ, không sai!
 Ôi! Một thời,
 Hàm răng của ta trắng tinh như ngà,
 đều đặn như hạt lựu, hạt bắp,
 Trắng nõn như búp măng chuối mới sinh
 Nay thì nó bị bể, bị gãy, bị sâu đục
 Ròi chiếc rụng, chiếc long
 Và chúng ngả sang màu vàng, đen xỉn
 Trông mới ghê sợ, thê thảm dường bao!
 Ôi! Một thời,
 Giọng nói, âm sắc của ta ngọt ngào, ngọt lịm
 Nó êm ái, du dương
 Nó mê ly, thánh thót
 Nó quyến rũ mê hồn
 Khi ta thốt lên thì nó thỏ thẻ, đường mật,
 Gọi tình như tiếng chim cu
 Sống chung trong cánh rừng
 Cùng những ca sĩ non xanh lú lo tấu nhạc
 Trong một khúc trường xuân miên viễn

Nay thì nó rè rè, khan khàn, đứt đoạn
 Giống như gió thổi qua ống sáo trúc bị nứt bể!
 Ôi! Một thời,
 Chiếc cổ của ta thật là kiêu diễm
 Nó đầy đặn, mềm mại, tròn sáng
 Như vỏ ốc xà cừ bằng vàng
 Được đánh bóng công phu, khéo tay và tinh tế
 Giờ đây trông nó như vỏ mướp đắng phơi khô,
 Có nhiều ngấn quăn queo,
 Chỉ còn là bì da đưng lớp mỡ thừa,
 Chảy xệ, nhão nhoẹt
 Ôi! Một thời,
 Hai cánh tay trần của ta mềm mại, tròn trịa
 Vàng sáng như được tô ngọc
 Hòa thêm với ánh trăng đêm mười sáu
 Nó còn giống như hai ống ngọc tròn
 Vòng quanh ngôi đèn tình ái
 Nay thì nó đã xiêu đổ, biến dạng, đổi hình
 Và nó yếu ớt, tàn tạ
 Như đóa hoa kèn trắng bệch
 Không còn chút huyết sắc nào
 Ôi! Một thời,
 Hai bàn tay của ta trắng trẻo, mềm dịu,
 Sáng trắng như trứng gà bóc
 Lại còn nhẵn vàng, nhẵn ngọc,
 Nhẫn kim cương, hột xoàn trang điểm
 Tô chuốt óng ánh bóng ngời
 Nay thì nhẵn nheo, nhũn nhều

Mềm xèo như cây hành héo
Như nhúm cải luộc!
Ôi! Một thời,
Cặp nhũ của ta căng phồng, tròn trịa
Mơn nồn như hai trái đào tiên
Đầu vú cứng cáp tràn trề sinh lực
Và đở hồng như điểm chu sa
Nay thì nó chảy xệ xuống
Như bầu da khô sữa không còn căng đầy
Như túi nước đã rỉ hết nước
Èo xèo và nhăn nhúm
Ôi! Một thời,
Thân ta thon thả và chói sáng
Như áo giáp vàng đánh bóng
Sau khi đã bơi lên một chút son tinh khiết
Đâu cũng mịn màng, láng lẩy
Đâu cũng tròn căng và thơm tho
Nay thì chúng đã xuống cấp
Như ngôi nhà mối mọt
Đã tàn tạ và mục rữa ở khắp mọi nơi
Cả những sinh bào bé tí
Cũng cau mặt, nhăn nhieu thảm hại
Ôi! Một thời,
Cặp đùi của ta múp múp đầy đặn
Ánh ngời như cặp ngà voi
Mềm mại và uyển chuyển
Như bước đi của tiên nữ
Và nó đã làm cho bao nhiêu

Vương tôn công tử chết đứng chết ngồi
Vì nó đã được ông thợ trời khéo khắc, khéo tạc
Thành một tác phẩm tuyệt mỹ
Nay thì giống như hai ống tre khô giòn
Đến thời quăng vào lửa đốt!
Cặp bắp chân của ta cũng thế
Như được uống nước no,
Mịn màng và vàng óng
Lúc nào cũng giống như đôi giày được độn đầy bông
Nay thì nó gầy gò, teo tóp, xương xẩu
Rất ít thịt và máu
Giống như thân cây mè khô
Được cắt bỏ ngoài đồng ruộng
Khô nỏ, nứt nẻ
Những sợi lông chân của ta
Cũng mịn màng vàng óng
Bây giờ thì như cây cỏ
Trong ngôi rừng vừa bị lửa cháy!
Ôi! Cái thân, cái thân!
Các pháp hữu vi kết hợp này
Nó chịu cái già lão hủy hoại
Cái ngôi nhà được vô minh và ái dục xây nên
Nay đã cũ kỹ
Cột kèo, đòn dông đã bị hư mục
Mái lợp, tấm che đã xiêu rách tả tơi
Và những lớp vôi trét tường đã đến hôi rưng rã
Cái thân vô thường này

*Là một cái bọc chứa đầy bất tịnh và đau khổ
Lời dạy của đức Tôn sư
Muôn đời là sự thật
Tham luyến, chấp thủ gì nữa
Mà không chịu rời xa?'*

Sau khi thốt lên lời thán ca về sự vô thường, biến đổi, bất tịnh của cái thân như thế, tỳ-khưu-ni Ambapālī nắm ngay tướng bất tịnh ấy, lia tham ái, chấp thủ, đoạn trừ năm triền cái, năm thiền chi xuất hiện đi vào định thiền, tuần tự sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền chỉ trong thời gian bảy ngày. Nhờ tâm định vững chắc, kiên cố, bà quán sát danh sắc, thấy được thực tánh, tam pháp ấn hiển lộ, chứng đắc các tầng tuệ giác, từ cạn vào sâu, chứng quả A-la-hán với đầy đủ ba minh².

Bồi hồi, bồi hồi, lạc phúc và an tịnh, nòng dùng thiên nhãn, sanh tử minh, rồi tức mạng minh, chiêm quan nhìn ngắm các kiếp sống trầm luân sinh tử của mình; cảm thán, nòng thốt lên một bài kệ tán ca nữa:

*Hóa ra ta đã có căn duyên
Từ thời Phật Phussa
Ta thuộc dòng dõi Sát-đế-ly
Là chị gái của đức Hiền Trí ấy
Tuy nhiên, dẫu lắng nghe chánh pháp*

¹ Bài này được soạn lại dựa theo "Chú giải Trưởng Lão Ni Kệ" - bản Việt ngữ của tỳ-khưu Siêu Minh, NXB Tp. HCM, năm 2008.

² Cũng ghi thêm để tham khảo, theo Theo Dictionary of Pāli Proper Names, là nhờ thời pháp của con trai bà, tỳ-khưu Vimalakoṇḍañña mà bà đắc quả A-la-hán.

Dẫn bó thí cúng đường lớn lao
 Ta cũng chỉ biết
 Cầu mong có được sắc đẹp diễm kiều
 Đến thời Phật Sĩkhi xuất hiện
 Ta sinh ra
 Trong kinh đô Aruṇa tuyệt vời thanh lịch
 Ta xuất gia tỳ-khuru-ni trong giáo pháp này
 Hôm kia,
 Dẫn đầu đoàn Ni chúng đông đúc
 Đến chùa nghe pháp đức Thế Tôn
 Có một vị Trưởng lão Ni lậu hoặc đã tận
 Do hắt xì hơi nhỏ ra một bãi đờm
 Ta bước qua, thấy bãi đờm
 Cất lời nguyên rửa
 “Con kỹ nữ nào
 dám nhỏ cái đống bất tịnh ở đây!”
 Do lời ác khẩu
 Phỉ nhổ bậc thánh vô nhiễm
 Ta bị đọa sanh ở cõi hỏa ngục
 Chịu nhiều cực hình đau đớn
 Sau đó bị dư nghiệp của quả báo
 Ta bị làm kỹ nữ suốt mười vạn kiếp nữa
 Đến thời Phật Kassapa
 Ta được xuất gia tỳ-khuru-ni
 Với bậc Đại Chiến Thắng
 Nhờ giới hạnh trong sạch
 Tích lũy thiện nghiệp
 Ta được hóa sanh vào cõi Tam thập tam

Đến thời Phật Sakyā Muni hiện tại
Do đã chán các thai bào dơ uế
Nên tuy sanh làm người
Nhưng ta lại hóa sanh tại cây xoài
Nên được đặt tên là Ambapālī
Do nghiệp còn dư sót
Ta vẫn làm kỹ nữ
Do sắc đẹp, tài năng -
Thế gian không ai sánh nổi
Nên được phong danh hoàng hậu kỹ nữ
Khi tuổi chiều bóng xế
Ta lại được nghe pháp của đức Thế Tôn
Duyên xưa trở sanh
Được xuất gia tỳ-khuru-ni
Và không mấy chốc
Ta đã đạt Tam minh
Mọi lậu hoặc, kiết sử không còn nữa
Ta thân thang giải thoát
Ta vô ngại giải thoát
Ta chẳng còn tái sanh, luân hồi nữa
Ta đã làm trọn hảo phận sự của mình
Thực hiện đúng đắn lời dạy của đức Tôn sư
Chẳng còn gì để làm nữa trên cõi đời
Vô lượng tri ân bậc Vô tỳ vết,
Bậc Chiến thắng tam giới,
Đã cho con nếm thưởng
Hương vị Pháp bảo vô sanh bất diệt!

Những đoạn kệ, nhất là bài tán ca vô thường bất hủ của tỳ-khuru-ni Ambapālī không mấy chốc được lan truyền đi khắp nơi. Một vị Thánh ni, xuất thân là một kỹ nữ vừa được sanh ra trong giáo pháp của đức Thế Tôn là một biến cố trọng đại, được mọi người xưng tán, tôn trọng; do vậy bài tụng ca này hàm tàng không biết bao nhiêu là ý nghĩa, khó nói cho hết được.

Tỳ-khuru-ni Kisā-Gotamī

(Đệ nhất mặc y thô tháo)



Vị tỳ-khưu-ni này đã có căn duyên sâu dày từ quá khứ, là cô công chúa thứ năm trong bảy chị em như đã kể trong nhiều truyện trước. Do phước báo bất đồng, cô sinh ra trong thời đức Phật Gotama, tại kinh thành Sāvatti ở một gia đình triệu phú bị sạt nghiệp, tài sản bị khánh tận nên đời sống vật chất vô cùng khó khăn. Từ nhỏ, cô tên là Gotamī, nhưng do có một thân hình gầy gò, mảnh khảnh (kisa) nên mọi người thường gọi là Kisā-Gotamī.

Lớn lên, về nhà chồng, ngoại trừ được chồng thương yêu còn mọi người ai cũng không ưa cô, khinh ghét cô vì là con nhà nghèo. Tuy nhiên, khi cô sinh được một đứa bé trai kháu khỉnh, dễ thương thì ai cũng thay đổi thái độ.

Nhìn đứa bé biết đi, biết chạy, bụ bẫm, hồng hào, xinh đẹp, cô rất được an ủi, là niềm vui cho cô, niềm tự hào của cô. Tuy nhiên, từ trong sâu thẳm tâm hồn, cô đã chớm nở một nỗi buồn: *“Trước đây họ khinh ghét ta, đối xử với ta không ra gì; nhưng khi sinh cho họ một đứa bé trai mạnh khỏe, đẹp như thiên thần thì họ thay đổi thái độ. Hóa ra, tâm địa con người là thế sao?!”*

Nhờ nuôi dưỡng chu đáo, sự chăm sóc tế nhị của người mẹ, đứa bé càng ngày ngoan ngoãn, dễ thương, được mọi người yêu quý, nâng bồng, cưng chiều như bảo vật. Riêng nàng, nàng biết rõ, nó chính là mạng sống thứ hai của nàng.

Tuy nhiên, vô thường không vị nê một ai. Hôm kia, dùng một cái, một căn bệnh cấp tính, không rõ nguyên do, tử thần lạnh lùng và tàn nhẫn lấy lưỡi hái đoạn lìa mạng sống của đứa trẻ chẳng chút xót thương. Như điên như cuồng, cô Kisā-Gotamī, ãm bồng xác đứa nhỏ trên tay đi lang thang khắp hang cùng, ngõ hẻm nhờ người cứu chữa! Cô không tin nó đã thật sự chết. Ai cũng đưa mắt cảm cảnh thương hại, nhưng thuốc nào có thể cứu được xác chết?

Có một lão trượng, một người hiền, thoáng nhìn qua đã biết rõ cô gái trẻ vì thương con nên đã bấn loạn tâm thần rồi, mọi lời khuyên đều vô ích. Trên thế gian này, có một người, có thể cảm hóa, chuyển hóa trạng thái rối loạn tâm lý của cô được, bèn nói:

- Nay con gái! Hãy đi đến đại tịnh xá Kỳ Viên. Đức

Thế Tôn, bậc Toàn Giác ấy có khả năng làm được những điều kỳ diệu mà thế gian này không ai sánh bằng đâu. Ngài là bậc Đại Lương Y đời nay đây!

Nghe lời, cô gái ôm xác con hỏi đường đến đại tịnh xá.

Đức Phật đã biết rõ từ lâu lắm về cô gái đã trầm luân lưu lạc này, cho nên, hôm đó ngài đã cố ý chờ đợi.

Khi cô gái khóc lóc thảm sầu, bi thương nhờ đức Phật cho một phương thuốc thần để cứu con trai thì ngài sử dụng tâm từ rồi nói rằng:

- Nay Kisā-Gotamī! Như Lai cứu được con trai của con đây, nhưng với một điều kiện...

Cô gái nín thở, thôi khóc, đôi mắt mở lớn, chờ đợi... thì đức Phật nói tiếp:

- Như Lai chỉ cần một nắm hạt cải thôi. Nhưng hạt cải ấy, con phải đi xin từng nhà, hạt cải nào ở trong gia đình nào không có người chết thì hạt cải ấy mới linh nghiệm, mới cứu sống nổi con trai của con.

Chuyện kể rằng, thế là cô gái ẵm xác con trai đi gõ cửa từng nhà, xin nắm hạt cải trong gia đình không có người chết thì bên tai cô thường nghe được những câu trả lời như sau:

- Không có người chết à? Chuyện mới lạ lùng!

- Cha tôi chết, mẹ tôi chết, cháu tôi chết... mới đây thôi là đã năm bảy người chết trong gia đình này rồi!

- Hạt cải thì không thiếu, có thể giúp cô một nắm hạt cải giống cũng không sao! Nhưng mà này! Con cái, cháu

chất nội ngoại trong cái gia đình này thì thiêu xác cả đồng ngoài nghĩa địa kia!

Chỉ cần mấy hôm đi khắp thành phố là cô gái chợt sức tỉnh: “Đâu cũng có người chết, chẳng có gia đình nào mà không có người chết! Đức Thế Tôn đã dạy ta rất tế nhị, rất là có ý vị để ta nhận chân sự thật của đời người!” Nghĩ thế xong, cô gái lặng lẽ ôm xác con trai ra nghĩa địa, nhẹ nhàng đặt lên một mộ cỏ. Tâm cô chìm lắng rất sâu. Có lẽ cánh cửa huyền mật do căn duyên sâu dày từ quá khứ đã hé mở. Cô nhìn vào bên trong. Cô nhìn ra thế gian, thế giới.

Ngay khoảnh khắc ấy, sát-na ấy, đức Phật sử dụng năng lực thần thông để giúp cô tỉnh táo hoàn toàn, sáng suốt hoàn toàn. Và cô đã thốt lên giữa hư không một bài kệ như sau:

*Pháp này không dành riêng cho một làng, một xóm, một gia đình nào. Nó không thiên vị một ai. Là chung cho nhân loại, súc sanh, ma vương, chư thiên và cả phạm thiên. Đó là pháp vô thường vậy!*¹

Trở lại Kỳ Viên hoàn toàn với một con người mới, rất tỉnh táo, cô quỳ sụp xuống chân đức Phật, ngài hỏi:

- Này Kisā-Gotamī! Hạt cải đâu? Con đã tìm ra hạt cải trong gia đình không có người chết chưa?

- Bạch đức Thế Tôn! Hạt cải ấy nó đã làm xong nhiệm

¹ Kệ Pāli: “Nagāma dhammo, nigamassa dhammo. Na capiyam ekakulassa dhammo. Sabbassa lokassa sadevakassa. Eseva dhammo yad’idaṃ aniccatā”.

vụ của nó rồi. Sứ mạng ấy đã hoàn tất. Con đã thấy rõ lý vô thường của đời người. Xin đức Đạo sư chỉ dạy tiếp cho con!

Đức Phật thuyết cho cô gái một thời pháp ngắn, ngài nói với đại ý rằng, đi trên cuộc đời, sống trên cuộc đời, trên hành trình xuôi ngược, chúng sanh thường không có một mục đích chân thực nào cả. Chỗ nào cũng hư dối, không thật. Chỗ nào cũng ảo giác, ảo vọng. Chỗ nào cũng hư vô và bóng đêm. Nên thường đau khổ trùng trùng. Là kẻ trí có con mắt sáng, khi mắt đã mở ra rồi, đã thấy một phần sự thật rồi thì chỉ còn cần tinh tấn nỗ lực để lên đường. Biết bao kẻ ngu si, thu nhặt hoa của dục lạc, thu nhặt hương của dục lạc, thu nhặt những đối tượng khả ý, khả ái, khả lạc! Nếu cứ đắm say, đam luyện, tham nhiễm trên lộ trình thì tử thần sẽ không tha lưỡi hái cho người ấy. Một lúc nào đó, sự chết, sự đau khổ, sự thống khổ sẽ như một cơn lũ lớn cuốn phăng cả một ngôi làng đang say ngủ!

Lời và ý của đoạn thuyết giảng ấy được tóm tắt trong bài kệ sau đây:

*Ai còn thu nhặt hoa hương
Đắm say, tham nhiễm bên đường biết hay?
Tử thần mang kẻ ấy ngay
Như cơn lũ cuốn ngủ say cả làng! ¹*

Câu kệ chấm dứt, cô gái Kisā-Gotamī đắc quả Nhập Lưu và xin xuất gia. Cô đi vòng về hướng tay phải quanh

¹ Pháp Cú 47: "Pupphāni h'eva pacinantam byāssattamanasam naram; suttam gāmaṃ mahogho'va maccu ādāya gacchati".

đức Phật ba vòng, đánh lễ ngài như đánh lễ người cho nàng sự sống lần thứ hai, sống trong giáo pháp thanh tịnh. Đức Phật gọi cô sang Ni viện, cho thọ đại giới và cô đã tu tập rất tinh cần. Chỉ trong một thời gian ngắn, cô đã đi qua các tầng thiền định; và trong lúc cô đang tinh cần thiền quán thì cô nghe được lời đức Phật bằng khả năng thắng trí đã thốt bên tai cô rằng:

*Trăm năm sống có ích gì
 Chẳng thấy bất tử, vô vi pháp hành
 Một ngày quả thật trọn lành
 Sống đời chứng ngộ Vô Sanh Niết-bàn! ¹*

Thế là cô đã thành tựu rất ráo cứu cánh phạm hạnh nhẹ nhàng như dòng nước tự động trôi chảy khi lực đẩy đã có đà. Và những thắng trí dường như cũng tự động tìm đến mà không qua một kiên trì kịch liệt nào! Cũng như các vị công chúa khác, cô thấy rõ mình có căn duyên từ thời đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara, từ thời đức Phật Kassapa ra sao. Và hiện nay, họ đã hội ngộ một cách ngoạn mục trong giáo pháp này. Cô còn biết, cả sáu người đều đắc quả A-la-hán, thắng trí cùng những khả năng khác nhau trên lộ trình hoằng pháp; nhờ vậy, giáo hội mới trở nên phong phú, lăm hoa hương, đa sắc màu để phục vụ chúng sanh. Riêng cô công chúa út, Visākhā, chưa rất ráo phạm hạnh, nhưng vị thế của cô, vai trò của cô, sứ mạng của cô lại càng vi diệu, thù thắng hơn, khó đo đạc

¹ Pháp Cú 114: “Yo ca vassatam jive appasam amatam padam, ekāham jivitam seyyo passato amatam padam!”

và không thể tỷ lượng vậy.

Kisā-Gotamī chỉ một lần sinh nở, chỉ một lần mất con mà cô đã cảm nhận rất sâu sắc toàn bộ cuộc tử sinh, toàn bộ sự thống khổ của trần gian nên những lời pháp của cô thường dễ tác động vào lòng người, giúp họ trở về với đức tin chơn chánh, sống với giáo pháp.

Sau này, tỳ-khưu-ni Kisā-Gotamī được biết đến như một người sống hạnh tri túc, tri chí quá nghiêm túc và khắc khổ, từ vật thực, sàng tọa cho đến cả ba y. Cô luôn luôn đi ra các nghĩa địa, lượm tìm vải bó tử thi, dầu thô, dầu mịn không cần thiết rồi tự tay mình may cắt, tự vá, tự đắp những tấm cà-sa cho mình, trông rất xấu và thô vụng. Vị tỳ-khưu-ni này đã được đức Phật tuyên dương trước hội chúng Ni là “*đệ nhất về hạnh mặc y thô tháo*” thì thật là chính danh vậy.

Hoàng hậu Mallikā

(Cận sự nữ xuất sắc)



Hôm ấy, đức Phật đón tiếp bà Mallikā, là chánh hậu của đức vua Pāsenadi (Ba-tu-nặc), và ngài đã biết rõ về người phụ nữ ấy. Cô ta vốn là con gái của một ông chủ cửa hàng làm tràng hoa. Có lần cô ta đặt bát cho đức Phật một món cháo với tâm hoan hỷ, khuôn mặt rạng rỡ, ngài đã nói với tôn giả Ānanda bên cạnh rằng: “*Cô gái này, sau này sẽ trở thành chánh hậu của đức vua Pāsenadi nước Kosala đấy*”. Và quả thật vậy, trong một lần thất trận, quân binh tan rã¹, đức vua một mình một ngựa đi lạc vào vườn hoa của một cô gái. Mallikā lúc ấy mới mười sáu tuổi, cô đâu có biết đấy là ông vua; chỉ thấy một vị tướng quân rã rời, mệt mỏi nên cô đã tận tình

¹ Ở đây cần một ghi chú: Rất nhiều tư liệu nói đây là trận chiến mà ông thất trận với đức vua Ajātasattu, là cháu của ông. Tuy nhiên, chúng ta nên để ý là khi thấy cháu mình vô lương tâm giết cha để soán ngôi, lại còn (bằng cách) đày vua cha Bimbisāra vào ngục tối và bỏ đói, đức vua Pāsenadi mới tức giận, mang quân trừng phạt cháu, nhưng ông bị thua. Việc này chỉ xảy ra khi ông đã già, đã trên bảy mươi tuổi, ít năm sau là mất khi bị soán đoạt binh quyền. Nếu đức vua gặp cô gái làm tràng hoa, Mallikā, sau lần thất trận này thì giải thích làm sao, bà Mallikā đã phụ tá cho ông trong nhiều lãnh vực, khi ông sức cường, lực tráng, uy danh hiển hách cầm quyền trị nước, lại có một thời gian dài cùng với đức vua hộ độ đức Phật và Tăng chúng? Lại có một cô con gái đã khá lớn nữa?

chăm sóc cái ăn, cái uống một cách tự nhiên và vui vẻ. Bị hấp dẫn bởi giọng nói thanh tao, tiếng cười hồn nhiên và ánh mắt, và bàn tay dịu dàng của cô gái làm tràng hoa, khi về triều, đức vua đã tổ chức một cuộc đón rước trọng thể cô ta vào cung, phong làm chánh hậu.

Đức Phật biết bà được đức vua Pāsenadī rất thương yêu và quý trọng; nhưng ngài lại lựa chọn cách đón tiếp rất giản dị là ở giữa vườn cây.

Sau khi chào hỏi xã giao, bà ngồi trên chiếc ghế thấp đã được soạn sẵn, hỏi đức Phật quan niệm như thế nào về hạnh phúc đời người; và quả thật có hạnh phúc thật sự trên cuộc đời này không?

- Nó có đấy, thưa lệnh bà! Đức Phật nói – nhưng theo Như Lai biết và thấy thì nó bấp bênh, chông chênh, giả tạm, thoáng có, thoáng mất, thay đổi, biến hoại... đúng như tính chất của Pháp!

- Pháp, tính chất của pháp, từ này tôi chưa nắm bắt được ngữ nghĩa của nó, thưa đức Thế Tôn!

“*Pháp*” - thế là đức Phật bắt đầu giảng nói về bản chất của tất cả pháp hữu vi, bất cứ cái gì được cấu tạo, kết hợp đều chịu chung định luật vô thường, không có tự tính, không có ngã tính như thế nào! Ngay cả các quan niệm, ý nghĩ, cả các trạng thái tâm lý như buồn vui, thương ghét, khổ lạc cũng chịu chung định luật ấy, nên nó đưa đến dukkha! Rồi đức Phật thuyết rõ cho bà nghe về dukkha, khổ đế, nó chi phối tất cả chúng sanh trong ba giới, bốn loài... như thế nào!

Buổi gặp gỡ đầu tiên là như vậy. Vài ba hôm sau, bà chánh hậu Mallikā lại đến Kỳ Viên, và lúc nào cũng chỉ vài thị nữ theo hầu. Lần này, đức Phật chưa thuyết về nguyên nhân dukkha (tập đế), mà ngài nói đến các cảnh trời, thuận thứ những cái gọi là “*hạnh phúc*” từ thấp lên cao, nhân và quả, tâm và cảnh như thế nào. Buổi khác, đức Phật lại thiện xảo mở ra cảnh giới cao hơn, về những chúng sanh xem các dục vật chất là hạ liệt, thấp kém; họ đã tu tập và thành tựu những hạnh phúc tinh thần, cao hơn hạnh phúc vật chất không biết bao nhiêu mà kể...

Thấy căn trí và duyên với bà chánh hậu có thể bước cao hơn, đức Phật nói đến những hạnh phúc của các cõi trời vô sắc, là những hạnh phúc rất thanh lương, rất vi tế mà mọi người trên cõi đời này không thể quan niệm, khái niệm về nó được. Tuy nhiên, cả ba cõi ấy vẫn còn trầm luân, sanh tử. Cứu cánh giáo pháp của Như Lai là giải thoát tất cả khỏi mọi ràng buộc trong ba cõi. Và muốn tu tập thì phải có chánh kiến như thế nào, lộ trình như thế nào. Đến đây, đức Phật mới giảng rộng về tập đế và con đường tu tập (đạo đế), để chấm dứt tất cả mọi đau khổ, phiền não trên cuộc đời.

Vào cuối buổi giảng, bà chánh hậu có được đức tin chơn chánh vào con đường đi trước mặt¹.

¹ Tư liệu nào cũng nói bà đắc pháp nhãn; nhưng tôi không biết giải thích làm sao khi cuối đời, bà đọa địa ngục A-tỳ bảy ngày?! Vì bậc Nhập lưu không còn bị đọa vào bốn đường khổ!?

Trở về cung mà tâm bà còn hoan hỷ, nhẹ lâng lâng. Bà thuyết phục đức vua Pāsenadi:

- Bệ hạ nên đến đức Thế Tôn để nghe pháp một lần đi!

Đức vua mỉm cười:

- Vị ấy có nhiều thần thông lực, phải vậy chăng?

- Đồng ý là vậy, nhưng ý tiện thiếp muốn nói là giáo pháp kia! Giáo pháp giác ngộ đấy!

Đức vua có vẻ nhú mào:

- Ý nàng nói là vị ấy đúng là một vị Phật? Một vị Đại A-la-hán thật sự trên đời này?

- Chắc hẳn vậy rồi.

Ngẫm ngợi một lát, vua hỏi:

- Hậu có biết xuất thân của vị ấy không?

- Thưa biết! Nhưng đâu cần phải lý lịch hoặc xuất thân?

- Cần thiết chứ! Rất cần thiết khi hỏi về tổ tông, dòng máu di truyền là khác! Ông ta là thái tử con vua Suddhodana, bộ lạc Sakyā, một vương quốc hiền hòa, nhỏ bé, chư hầu nhiều đời của Kosala! Từ xưa đến nay, dòng dõi sát-đế-ly - như chúng ta - chỉ xuất sinh những tướng quân, những minh quân vĩ đại, chứ không có trường hợp xuất sinh những sa-môn, những bà-la-môn, những giáo chủ vĩ đại!

Ngừng một lát, vua tiếp:

- Như thế, một vị Phật phải được xuất sinh từ dòng dõi

bà-la-môn chính thống, trăm mới tin được. Lại nữa, một vị Phật, ít ra thì tuổi tác cũng cỡ như các giáo chủ Makkhali Gosāla, Pakudha Kaccāyana, Nigaṇṭha Nātaputta, Ajita Kesambala, Sañjaya Velatṭhaputta kia chứ? Ông ta còn trẻ quá! Chỉ bằng tuổi trăm là cùng!

Nói thì nói vậy, nhưng thấy hoàng hậu vốn là người có trí, lại không dễ dàng đặt đức tin không đúng chỗ nên đã nghe theo và sau đó trở thành đệ tử của đức Phật.

Việc đức vua Pāsenadi quy giáo đức Phật giản dị như vậy đấy, chỉ qua một lần đối thoại với bà Mallikā! Nhưng là một biến cố trọng đại đối với nước Kosala.

Từ khi đức vua phong Mallikā làm chánh hậu, ông bị triều thần phản đối vì cô ấy thuộc giai cấp thấp kém. Về sau, đức vua còn có ba vương phi khác, đó là Ubbīrī và hai chị em Somā và Sakulā¹, nhưng đức vua đặc biệt sùng ái chánh hậu Mallikā. Bà là một cô gái diễm lệ, hiền thực, khéo léo luôn cận kề săn sóc an ủi ông, mỗi khi triều chính mệt mỏi. Vua rất quý trọng bà về tư cách xử sự, trí thông minh nên hay hỏi ý kiến bà về việc dùng người, thái độ khoan nhượng hoặc cứng rắn đối với chư hầu cũng như những điều lệ cương, nhu trong chính sách cai trị.

¹ 10 năm sau, vua Pāsenadi muốn được thân tình với dòng dõi Sakyā của Phật - mới xin cưới thêm vương phi Vāsabhakkhattiyā, cô công chúa con vua Mahānāma với nàng nữ tỳ - sinh ra thái tử Viḍḍabha, là người nổi loạn chống vua cha và tiêu diệt dòng Sakyā sau này.

Hôm kia, đức vua Pāsenadi nằm thấy mộng dữ, cảm thấy lo sợ¹. Một vị lão thần bà-la-môn đoán mộng, bảo là sắp có chuyện chẳng lành xảy đến cho đức vua nên giết cừu, dê, trâu, bò, ngựa, heo, gà, đồng nam, đồng nữ mỗi loại một trăm con, lấy đầu và máu tế lễ thần linh để tránh họa. Nghe lời, vua truyền sắm lễ vật, tế vật theo nghi thức truyền thống của đạo bà-la-môn là phải hy sinh hàng ngàn sinh linh, người và vật trong cuộc đại tế này. Chuyện loan ra, kinh thành náo loạn, ai cũng sợ mất con mất cháu nên kêu khóc vang trời.

Hay tin, hoàng hậu Mallikā lật đật đến can gián, khôn ngoan và sáng suốt khuyên vua đừng vội giết vật, nên đến thỉnh thị ý kiến của đức Phật xem sao. Nghe lời, đức vua đến Kỳ Viên hầu Phật, kể lại giấc mộng dữ của mình, mong được đức Phật tìm cách hóa giải tai họa.

Đức Phật nói:

- Hãy bình tĩnh, đại vương! Rồi Như Lai sẽ giải trừ tai họa cho! Bây giờ đại vương cho Như Lai được hỏi, khi mình giết một vật, cho đầu rơi, máu chảy thì lúc ấy, tâm mình là lành, tốt hay là xấu, ác?

- Tâm giết vật, sát vật thì làm sao mà lành, tốt được!

- Cảm ơn đại vương đã hiểu. Bây giờ cho Như Lai được hỏi tiếp - Giết một sanh mạng là xấu ác, giết một ngàn sanh mạng thì xấu ác tăng lên một ngàn lần. Chẳng lẽ nào lấy một ngàn lần xấu ác ấy để cầu nguyện, để van

¹ Mahā Supina Jātaka.

vái thần linh giải trừ tai họa cho đại vương? Chẳng lẽ nào chúng ta có thể gieo một nhân đắng, một ngàn nhân đắng, lại có thể thu hoạch được một trái ngọt, một trái lành được sao? Đại vương là bậc có trí, hãy trả lời cho Như Lai nghe với nào?

Đức vua Pāsenadi thất sắc, nín lặng.

- Lại nữa – đức Phật nói tiếp - Nếu có thần linh, thì thần linh là một loại chúng sanh tiến hóa bậc cao, có phước báu thù thắng hơn cõi người. Chẳng lẽ nào, các vị thần linh ấy lại thích hưởng thụ đầu súc vật, máu súc vật do đại vương dâng cúng? Nếu quả có loại thần ấy, thì nó còn tệ mạt, hạ liệt, thấp thỏi hơn con người, nó là quỷ dữ, là ác thần, là ác dạ-xoa đấy! Bọn quỷ xấu ác, thiếu phước ấy lại có thể hộ trì, giải trừ tai họa cho đại vương được sao?

Nghe đến ngang đây, đức vua cảm thấy trí sáng, thông suốt được vấn đề:

- Xin đức Tôn sư cho đệ tử được nghe tiếp!

- Vậy thì phải làm ngược lại, tâu đại vương! Nghĩa là phải tác ý, phải khởi tâm làm một việc lành, tốt, một ngàn việc lành, tốt. Và chính nhờ năng lực một ngàn việc lành tốt kia thì tức khắc tai họa, nếu có, sẽ tự động được giải trừ!

- Đệ tử hoàn toàn lãnh hội, đã hoàn toàn thấy rõ sự sai lầm của sự tế vật. Nhưng vừa rồi, đức Tôn sư có sử dụng từ điều kiện cách, “*nếu có*”, đệ tử chưa hiểu rõ lắm!

- Đúng vậy! Đức Phật gật đầu - Như Lai thấy rõ rằng, chưa chắc đã có tai họa gì! Vì chiêm bao là lúc trạng thái

tâm, trạng thái trí chập chờn, mơ màng, ở đây là do các “*tương*”¹ đúc kết, vẽ vời không trung thực các hình ảnh hiện tại, quá khứ, vị lai mà thành! Có thể nó là lành tốt, có thể nó là xấu ác, các nhà chiêm tinh gia đoán mộng, từ xưa đến nay, họ cốt ý để mưu sinh, để kiếm tiền nhiều hơn là có lòng tốt với khổ chủ!

- Nếu nó xấu ác thật sự thì sao, thưa đức Tôn sư!

- Thì nên làm một ngàn điều lành, tốt để giải trừ hay nên làm một ngàn việc xấu ác để tăng thêm tội thì tùy ý đại vương vậy!

Với cách đặt vấn đề thiện xấu như vậy, trí tuệ như vậy, đức Phật đã làm cho đức vua biết cách bố thí, trì giới, làm các công đức, thiện sự, phước sự... sau này! Mà thật ra, bên sau có một người hỗ trợ, nâng đỡ tinh thần rất tích cực, đó là hoàng hậu Mallikā.

Thế rồi, ngay ngày hôm sau, đức vua cung thỉnh đức Phật và hội chúng một ngàn vị tỳ-khưu làm một cuộc cúng dường lớn tại cung điện. Đức Phật và chư Tăng đã đọc kệ phúc chúc, mong rằng với phước sự ấy, đức vua được tai qua nạn khỏi. Và quả thật, mấy ngày sau đó, đức vua cảm giác được an lành; và một làn gió mới, trong trẻo len vào đời sống tâm linh của nội cung, nội viện và cả triều thần. Hoàng hậu Mallikā là người sung sướng nhất, vì bà đúng là người bạn đời hiền thiện, cao quý, đã sáng suốt, đã dịu dàng đưa cánh tay hoa sen của mình dẫn dắt ông vua chồng quyền uy hiển hách đi vào chánh đạo! Ngoài

¹ Tri giác – Saññā.

ra, cũng nhờ trí tuệ của bà mà đã cứu được sinh mạng cả hàng ngàn súc vật vô tội.

Hôm kia, đức Phật cho thanh niên Sunīta, một người gánh phân xuất gia rồi nhận chàng ta vào giáo hội; không mấy chốc, tin này được loan truyền ra, chấn động cả kinh thành Sāvatti. Chuyện cũng đến tai đức vua Pāsenadi. Triều thần có người phản ứng, chống đối ra mặt; có người mỉm cười, có người im lặng.

Hoàng hậu Mallikā trong lòng thì tán thán đức Phật, nhưng bên ngoài giả vờ hỏi thăm quan điểm của đức vua như thế nào thì được ông ta trả lời rằng:

- Hậu là giai cấp Sūdra (thủ-đà-la)! Thuở trước, trăm phong hậu làm chánh cung, dư luận nhân gian cũng ồn ào như vậy đấy. Trẫm đã cách mạng phá bỏ giai cấp từ độ ấy! Tuy rất âm thầm! Còn đức Tôn sư, trẫm mang máng hiểu ngài cũng muốn phá bỏ giai cấp kể từ khi hóa độ kỹ nữ Ambapālī! Ngài lại rất công khai, đường đường chính chính; nhất là cho anh chàng nô lệ xuất gia ngay bên vệ đường, trước mắt bàn dân thiên hạ! Đáng phục! Thật đáng khâm phục!

Hoàng hậu Mallikā rất vui sướng:

- Cảm ơn đại vương! Đại vương thật là tốt bụng! Rồi dè dặt nói tiếp - Có người, nhất là các giới cấp bà-la-môn, sát-đế-ly, các nhà giáo dục sẽ cho rằng đức Phật đã đảo lộn trật tự xã hội, không tôn trọng quy củ, truyền thống đạo lý từ ngàn xưa của cha ông, tâu bệ hạ!

Đức vua Pāsenadi cười to rồi nói:

- Đạo lý à? Đạo lý à? Lấy bình phong đạo lý à? Con người lành tốt, hiền thiện mới là đạo lý đích thực, hậu à!

Trẫm không đồng ý cái cách duy trì truyền thống ấy là đạo lý đầu! Cái đạo lý ấy là đạo lý hình thức, là cái đạo lý “róm”, hậu à!

Chính kiến của đức vua tối cao trong cuộc đàm đạo với hoàng hậu Mallikā - chắc chắn là bị ảnh hưởng bởi tâm đạo nhiệt tình của bà - sau đó đến tai triều thần rồi không mấy chốc, lan khắp kinh thành. Thế là chỉ năm bảy ngày sau, dư luận im bặt!

Chánh hậu Mallikā còn tìm cách làm cho đức vua càng ngày càng đi sâu vào giáo pháp nữa.

*** Nhân duyên đẹp, xấu, giàu, nghèo, sang, hèn của nữ nhân**

Chuyện cô nữ tu ngoại đạo Sundarī và kỹ nữ Ciñcā-mānavikā có sắc đẹp tuyệt trần nhưng cả hai đều bị chết thảm, người thì bị giết rồi bị chôn trong đồng rác, người thì bị đất rút; sự kiện ấy đã dấy sinh trong lòng hoàng hậu Mallikā không biết bao nhiêu là câu hỏi, về nhân quả nhân tiền cũng như sự “bí mật” của nghiệp!

Hôm kia, bà cùng với chừng một trăm thị nữ mang theo lễ phẩm đến Kỳ Viên cúng dường đức Phật và Tăng chúng; sau đó, bà xin được đánh lễ, hầu Phật rồi thưa rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay cho đệ tử được hỏi về những điểm giống nhau, khác nhau, liên hệ đến sự đẹp, xấu, giàu, nghèo, sang, hèn của tất cả phụ nữ trên đời này?

- Cứ hỏi đi, này Mallikā! Đức Phật đáp - Có phải hoàng hậu muốn hỏi về nhân, về quả, về duyên, về báo; mà từ đó, phát sanh những dị, đồng sai khác như trên của nghiệp?

- Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn!

Rồi những câu hỏi của hoàng hậu Mallikā được đức kết, hệ thống lại như sau:

- Thứ nhất là do nhân gì, do duyên gì mà trên thế gian này có một số phụ nữ hình dong xấu xí, ngũ quan xiên lệch, da dẻ sần sùi, khô cằn; lại còn sống đời nghèo nàn, đói khổ trong thân phận tôi đòi, thấp hèn, hạ liệt làm cho ai cũng muốn tránh xa, không muốn gần gũi?

- Thứ hai, do nhân gì, do duyên gì mà có hạng phụ nữ tuy xấu xí như trên nhưng lại sống đời phú quý, có danh vọng, có địa vị cao sang, lộc tài phú túc, cháu con cùng kẻ hầu người hạ đông vui, thịnh mãn?

- Thứ ba, do nhân gì, duyên gì mà có hạng phụ nữ có ngũ quan cân đối thẩm mỹ, duyên dáng; nhan sắc vô cùng xinh đẹp, đi đến đâu ai cũng trầm trồ, tán thán, chiêm ngưỡng; nhưng lại sống đời nghèo khó, thiếu cơm, thiếu áo, chẳng có của cải tài sản gì, chẳng có địa vị, danh tiếng gì trong xã hội?

- Thứ tư, do nhân gì, do duyên gì mà có số phụ nữ hầu như toàn diện về ngũ quan, dung nghi và sắc đẹp mỹ lệ như trên; lại còn sống đời phú quý vinh hoa, toàn mãn về của cải tài sản, toàn mãn về lộc tài, toàn mãn về địa vị, danh vọng, chồng con, nô bộc, thường được thế gian tôn thờ, trọng vọng và chiêm ngưỡng!

Bạch đức Thế Tôn! Vậy là có bốn hạng phụ nữ như vậy trên đời này, xin đức Đạo sư từ bi vén mở bức màn tối tăm đang che phủ tâm trí của đệ tử, để gỡ rối tất thảy mọi hoài nghi thắc mắc cho đệ tử.

Sau khi nghe xong, đức Đạo sư thuyết giảng rằng:

- Nay hoàng hậu Mallikā! Tóm tắt, vậy là có bốn hạng phụ nữ. Hạng thứ nhất, xấu xí, đói nghèo và bất hạnh. Hạng thứ hai, tuy xấu xí nhưng lại phú quý và vinh hoa. Hạng thứ ba, tuy có dung sắc xinh đẹp, mỹ lệ nhưng lại bất hạnh, đói nghèo. Và hạng thứ tư, vừa có dung sắc xinh đẹp, mỹ lệ vừa được sống trong phú quý, vinh hoa! Như Lai tóm tắt như vậy có đúng không, này Mallikā?

- Thưa vâng! Bạch đức Tôn sư!

- Hãy nghe đây, này Mallikā! Hãy nghe và hãy khéo chú tâm, thọ trì, Như Lai sẽ nói đây!

Trên thế gian này có hạng người phụ nữ tính tình nóng nảy, sân nộ bất thường, dễ dàng nổi cơn lôi đình khi có ai xâm phạm đến, dù chỉ là việc nhỏ mọn, vụn vặt. Một chút gì đó đụng đến “cái ta” của họ, họ liền tức khắc biểu hiện sự không hài lòng; thế là cơn nóng giận, sự dữ dằn bộc phát ngay, thường gây thù chuốc oán với người khác. Không những thế, hạng người nữ này không có đức tin với thiện pháp, không hoan hỷ tạo phước điền, không bao giờ bố thí cơm, nước, hoa quả, thuốc men, vật thơm, dầu thoa, nhu cầu phương tiện, vải vóc, y phục, đèn dầu, chỗ ở, chỗ nằm, ngồi... đến chư sa-môn, bà-la-môn hay cho người đói khổ. Ngoài ra, tính tình họ thường hay đổ ky,

ganh tỵ đối với những người có của cải tài sản; đem tâm tỵ hiềm với sự làm phước của người khác; ganh tỵ với những người có nhiều lợi lộc, người được quần chúng cung kính, mến mộ; và họ còn làm nhiều việc sai quấy, xấu ác khác nữa. Số phụ nữ này sau khi chết, bị nhiều quả báo đau khổ trong bốn ác đạo, nếu do ảnh hưởng một phước lành nào đó trong quá khứ, được tái sinh trở lại làm người thì sẽ rơi vào trường hợp hạng phụ nữ thứ nhất: Vừa xấu xí, đói nghèo vừa sống đời hạ liệt, bất hạnh - này Mallikā!

- Đệ tử nghe rõ rồi!

- Này Mallikā! Trong thế gian này, hạng phụ nữ có tính tình hung hãn, dữ dằn, dễ dàng nổi cơn thịnh nộ như trường hợp thứ nhất; nhưng họ lại có đức tin, có tâm tạo phước điền, biết bố thí vật thực, y phục đến cho sa-môn, bà-la-môn hay những kẻ cơ cực, đói nghèo. Hạng nữ này còn có những đức tính tốt khác nữa, là họ không có tâm đố kỵ với những người nhiều lợi lộc; không ganh tỵ với những người được tán dương, khen ngợi, không tỵ hiềm đối với những người được sự cung kính, cúng dường. Ngoài ra, họ còn làm được nhiều việc đúng đắn, lành tốt khác nữa. Hạng phụ nữ này, sau khi lâm chung thường được sinh vào những cảnh giới tốt đẹp; tuy nhiên, nếu sanh trở lại làm người thì sẽ rơi vào trường hợp thứ hai: Tuy thân sắc xấu xí nhưng lại được cao sang, phú quý, này Mallikā!

- Đệ tử lãnh hội rồi, bạch đức Tôn sư!

- Trên thế gian này có hạng phụ nữ không có hoặc ít có tâm sân hận, luôn dịu dàng, từ hòa, mát mẻ, thân sắc

luôn phấn chấn, tươi vui. Nếu có ai lỡ nói lời khó nghe, đụng chạm, xúc phạm đến họ, họ cũng không bất bình, không giận dữ, không phẫn nộ; chẳng bao giờ hiềm hận ai, chẳng gây thù chuốc oán với ai. Tuy nhiên, họ không có đức tin, không có tâm tạo phước điền, không bỏ thí vật thực, y phục, chỗ ở đến các hàng sa-môn, bà-la-môn hay những người cơ hàn, đói khổ! Đã thế, họ lại có tâm đố kỵ với người nhiều lợi lộc; ganh tỵ với những người được sự tán dương khen ngợi, được sự thương yêu, quý mến, cung kính cúng dường của người khác; đồng thời họ còn có những hành động sai quấy, xấu ác khác nữa. Hạng phụ nữ này sau khi chết, nếu như tái sinh trở lại làm người thì họ rơi vào trường hợp thứ ba: Có dung nhan vô cùng xinh đẹp nhưng lại sống đời tối tăm, đói nghèo, bất hạnh, này Mallikā!

- Đệ tử biết nhân, biết quả rồi, bạch đức Đạo sư!

- Trên thế gian này, có số phụ nữ không có hoặc ít có tâm sân hận, luôn dịu dàng, từ ái, mát mẻ, thần sắc luôn phấn chấn, tươi vui như hạng người thứ ba ở trên; họ còn có đức tin, có tâm tạo phước điền, biết bỏ thí vật thực, y phục đến cho sa-môn, bà-la-môn hay những kẻ cơ cực, đói nghèo. Hạng phụ nữ này lại còn có những đức tính tốt khác nữa, là họ không có tâm đố kỵ với những người nhiều lợi lộc; không ganh tỵ với những người được tán dương, khen ngợi; không tỵ hiềm đối với những người được sự cung kính, cúng dường. Ngoài ra, họ còn làm được nhiều việc đúng đắn, lành tốt khác nữa. Hạng phụ nữ này sau khi

lâm chung thường sanh vào những cảnh giới tốt đẹp; nếu sanh trở lại làm người thì họ rơi vào trường hợp thứ tư: Có dung sắc vô cùng mỹ lệ mà phước báu về tài sản, danh vọng, địa vị, chồng con, nô bộc thầy đều toàn mãn; được mọi người cung kính, quý trọng, này Mallikā!

Sau khi giảng giải, phân tích rõ nhân quả của bốn hạng phụ nữ trên đời, đức Thế Tôn kết luận như sau:

- Do tính tình nóng nảy hay giận dữ, nhiều sân hận, dễ chuốc oán, sinh thù, mặt mày luôn cau có, bần gắt: Chính chúng là nhân, là duyên, tạo nên hạnh nghiệp, sinh ra quả báo có khuôn mặt xấu xí, ngũ quan xiên lệch, da dẻ sần sùi, khó nhìn, khó ưa, này Mallikā!

Do không có đức tin, không có giữ giới, không biết bố thí: Đó chính là nhân, là duyên, là hạnh nghiệp đưa đến quả báo có đời sống cơ cực, đói khổ, thiếu cơm, rách áo, này Mallikā!

Do có tâm đố kỵ, ganh ghét, tỵ hiềm đối với những người có địa vị, danh vọng, tài sản: Đó chính là nhân, là duyên, là hạnh nghiệp đưa đến quả báo thấp hèn trong thân phận nô bộc, thị tỳ, nô lệ, dâm nữ... là thang bậc hạ liệt nhất trong xã hội, này Mallikā!

Do ít có tâm sân hận, luôn dịu dàng, từ hòa, mát mẻ, thần sắc luôn phấn chấn, tươi vui: Đó chính là nhân, là duyên, là hạnh nghiệp đưa đến quả báo có sắc thân xinh đẹp, da dẻ mịn màng, ngũ quan cân đối, tuyệt mỹ như là hiện thân tiên nữ trên đời này vậy, này Mallikā!

Do có đức tin, có tâm tạo phước điền, biết bố thí vật

thực, y phục đến cho sa-môn, bà-la-môn hay những kẻ cơ cực, đói nghèo: Đó chính là nhân, là duyên, là hạnh nghiệp tốt lành cho quả báo giàu sang, phú túc, thịnh mãn lộc tài, này Mallikā!

Do không có tâm đố kỵ với những người nhiều lợi lộc; không ganh tỵ với những người được tán dương, khen ngợi; không tỵ hiềm đối với những người được sự cung kính, cúng dường; ngoài ra, họ còn làm được nhiều việc đúng đắn, lành tốt khác nữa: Đó chính là nhân, là duyên, là hạnh nghiệp đưa đến quả báo cao sang, đạt địa vị, danh vọng tối thắng mà thế gian ai cũng kính trọng, tôn quý!

Đây chính là sáu nhân, sáu duyên, sáu hành nghiệp đưa đến sáu quả báo, sáu hoàn cảnh với ngũ quan, dung sắc, tài lộc, địa vị, danh vọng khác nhau, này Mallikā!

Sau khi lắng nghe đức Phật thuyết giảng xong, bà chánh hậu bèn cung kính thưa rằng:

- Theo như sự phân tích, giảng giải cặn kẽ, chu đáo, hoàn hảo vừa rồi của đức Thế Tôn, đệ tử đã nắm rõ, đã biết chắc, đã tường minh ba nhân quả xấu nên loại trừ, ba nhân quả tốt nên hành theo. Vậy để lợi lạc, tấn hóa lâu dài cho đệ tử về sau, đệ tử xin phát nguyện dưới chân đức Thế Tôn rằng:

Từ rày về sau, đệ tử nguyện chừa bỏ tính tình nóng nảy, hay giận dữ, nhiều sân hận, dễ chuốc oán, sinh thù, mặt mày luôn cau có, bẳn gắt; phải lập tâm tu tập ít có tâm sân hận, luôn dịu dàng, từ hòa, mát mẻ, thân sắc luôn phần chân, tươi vui để có được sắc đẹp mỹ toàn hơn kiếp này nữa!

Từ rày về sau, đệ tử nguyện chừa bỏ tâm bủn xỉn, keo kiệt, rít róng; sống đời đầy đủ đức tin, có tâm tạo phước điền, biết bố thí vật thực, y phục đến cho sa-môn, bà-la-môn hay những kẻ cơ cực, đói nghèo để hưởng được giàu sang, mỹ toàn về của cải, tài sản hơn cả kiếp này nữa!

Từ rày về sau, đệ tử nguyện không đố kỵ với người nhiều lợi lộc; không ganh ghét, ty hiềm đối với những người được sự tán dương khen ngợi; còn hơn thế nữa, đệ tử sẽ kính trọng họ, hoan hỷ với họ để mai sau đệ tử sẽ được danh vọng và địa vị sang cả trong các cảnh giới hơn thế này nữa!

Kính bạch đức Thế Tôn! Trong quốc độ này tất cả những phụ nữ thuộc nhiều dòng tộc khác nhau, như bà-la-môn, hoàng tộc, chiến sĩ, thương gia thì đệ tử là người có địa vị cao quý đặc biệt hơn tất cả những người phụ nữ ấy. Những người phụ nữ ấy đều dưới quyền cai quản của đệ tử, do nhân thế nào, duyên như thế nào, đệ tử không còn một mảy may nghi ngờ gì nữa! Ngay chính trường hợp của hai cô gái có sắc đẹp tuyệt trần, đều có cái chết thảm, thân cận với nhóm tu sĩ hạ liệt, thân phận thấp hèn, đệ tử cũng hiểu nhân và duyên của họ rồi!

Kính bạch đức Thế Tôn! Đệ tử vô cùng hoan hỷ bởi lời dạy cao quý, quá sức rõ ràng của ngài! Kính xin đức Đạo sư chứng minh cho đệ tử một lần nữa, là một người cận sự nữ có đức tin trong sạch, thường xuyên hộ độ Tăng-già từ nay cho đến trọn đời.

Bài pháp này, do thích hợp cho phần đông đang mong cầu tạo phước hữu vi nên chư vị trưởng lão thường thay

nhau thuyết giảng nhiều nơi; và lúc nào cũng cuốn hút hai hàng cư sĩ áo trắng, nhất là nữ giới.

***Thương yêu bản thân nhất**

Hôm kia, đức vua Pāsenadi tự nghĩ: Cái đẹp của hoàng hậu Mallikā tuy không phải sắc nước hương trời gì, cũng chẳng phải lộng lẫy, kiêu sa như các hoàng phi; nhưng đức tính mềm mỏng, hiền hòa, đôn hậu ở nơi nàng thì không ai sánh bằng. Ta thương yêu nàng là ở chỗ đó; và ta đã ban cho nàng châu báu, quyền lực, kể cả xen bàn việc nước. Bây giờ, từ khi nàng gặp được giáo pháp của đức Tôn sư, cái đẹp nữ tính kia dường như lại càng đậm thắm, dịu dàng, kín đáo hơn thế nữa! Ôi! Ta thương yêu nàng xiết bao! Dầu biết càng thương yêu thì càng đau khổ, sầu não nhưng ta không thể xa nàng được, dầu một ngày! Không giấu được cảm xúc, hôm kia, đức vua thổ lộ điều ấy, đắm đuối nhìn bà rồi nói:

- Ta thương yêu nàng như vậy nhưng không biết nàng thương yêu ta có như thế không?

- Dĩ nhiên là vậy rồi, tâu đại vương!

- Suy đi gẫm lại, trong những kẻ ta thương yêu thì nàng là người ta thương yêu nhất! Còn nàng thì sao? Ta có được nàng thương yêu nhất như thế chẳng?

“*Câu này đụng đến giáo pháp*”, hoàng hậu Mallikā suy nghĩ cực nhanh rồi khôn khéo đáp:

- Thiếp thương yêu đại vương là điều chắc thật; và trên đời này, không có bất kỳ sự thương yêu nào, đối với người thứ hai, kể cả con cái, khả dĩ so sánh được. Tuy nhiên, nếu

nói là thương yêu nhất thì điều đó nên xét lại cho chu đáo, cẩn kẽ hơn... tâu đại vương!

Đức vua nhú mày:

- Tại sao?

- Vì đức Thế Tôn có dạy trong một thời pháp rằng:
“Trên thế gian, ai ai cũng thương yêu bản thân mình hơn tất cả người khác, chúng sanh khác!”

Đức vua nhú mày một lượt nữa:

- Thế là hậu thương yêu nhất là bản thân mình chứ không phải ta là người mà hậu thương yêu nhất?

Hoàng hậu Mallikā mỉm cười:

- Trước khi trả lời câu hỏi này, đại vương cho phép thiếp hỏi vài câu được chăng?

- Nàng cứ hỏi!

- Tại vì sao mà đại vương thương yêu đại tướng quân Bandhula?

- À, việc ấy ta sẽ kể lại chuyện xưa. Thuở ấy, cùng học tại trường đại học ở Takkasilā, ta có hai người bạn thân. Một, đó là Bandhula, thái tử dòng tộc Malla, thành phố Kusinārā; hai, Mahāli, thái tử thuộc dòng tộc Licchavi, kinh thành Vesālī! Cả ba chúng ta đều học hành thông đạt, thay nhau đứng đầu lớp. Về nước, ta lên ngôi vua; thái tử Mahāli do biểu diễn võ nghệ bị mù mắt nên chỉ nhận một chức quan khiêm tốn. Thái tử Bandhula do bất mãn dòng tộc nên mang cả gia đình đến đây ở với ta, ta

phong cho y chức đại nguyên soái thống lĩnh ba quân¹. Y rất giỏi, giỏi nhiều lĩnh vực, riêng văn võ thì song toàn, chỉ có y ta mới tâm sự được chuyện này chuyện kia trong triều, ngoài nội. Có y làm đại tướng quân thì chẳng có ông vua nào dám cả gan vượt râu hùm, manh tâm dòm ngó biên cương, lãnh thổ; nhờ vậy ta rất yên tâm, gối cao nằm ngủ... Một con người như thế ta không thương yêu làm sao được!

Hoàng hậu mỉm cười:

- Rất là chí lý! Đại vương thương yêu vị tướng quân ấy là vì y đang cầm lưỡi gươm thiêng bảo vệ sơn hà xã tắc cho đại vương?

- Đúng vậy!

- Còn muôn dân Kosala và Kāsi, đại vương thương yêu họ là vì sao?

- Vì nhờ muôn dân Kosala cung cấp lúa gạo, các ngành nghề thủ công, vũ khí, sức mạnh quân đội vô địch mà nước ta trở thành hùng cường và giàu mạnh... Nhờ muôn dân ở nước chư hầu Kāsi mà ta có được gỗ chiên-đàn, tơ lụa, gấm vóc, hương liệu, vòng hoa, tràng hoa, phấn sáp cùng những nghệ nhân, nghệ sỹ tuyệt vời... Ôi! Ta thương yêu họ lắm! Không có họ thì ta không có gì cả, không là cái gì cả...

- Thế thì nhờ họ mà đại vương trở thành một vị vua oai danh bốn biển, làm chúa chư hầu?

¹ Mã binh, tượng binh, bộ binh.

- Quả vậy!

- Thế còn bé Vajirī ? Tại sao đại vương lại thương yêu tiểu công chúa?

- Tiếng khóc, nụ cười, sự vui vãnh, sự ngây thơ, hồn nhiên của nó làm ấm áp trái tim ta biết bao nhiêu! Ôi! Nó như là niềm vui, là sự sống thứ hai của ta vậy!

- Thế còn thiếp? Tại sao đại vương lại thương yêu thiếp?

- Nàng là người chia ngọt, sẻ bùi, nâng khăn sửa túi, đầu gối tay ấp của ta! Ôi! biết bao nhiêu là mặn nồng hương lửa, phải nói là ta thương yêu nàng là đệ nhất!

Đến đây, hoàng hậu Mallikā bắt đầu tấn công:

- Đại vương thương yêu tướng quân Bandhula vì y đã giữ gìn quốc độ cho đại vương! Đại vương thương yêu muôn dân Kosala và Kāsi vì nhờ họ mà đại vương oai danh bốn biển! Đại vương thương yêu bé Vajirī vì nó làm cho trái tim đại vương ấm áp! Đại vương thương yêu thiếp là vì thiếp nâng khăn sửa túi, đầu gối tay ấp cho đại vương! Tất cả sự tình ấy, tất cả sự thật ấy nói lên điều gì? Nó nói rằng, mọi sự thương yêu kia là vì đại vương, bởi đại vương, đổ dồn về cho đại vương; nói cách khác, điều ấy chứng tỏ đại vương thương yêu bản thân mình nhất! Vậy thì thuyết ngôn của đức Đạo sư: *“Trên thế gian, ai ai cũng thương yêu bản thân mình hơn tất cả người khác, chúng sanh khác!”* là chân lý, là sự thật ngàn đời có phải thế chăng? Do vậy, nên thiếp không dám nói đại vương là người mà thiếp thương yêu nhất! Ai cũng thương yêu bản thân mình nhất, tâu đại vương!

Đức vua Pāsenadi nín lặng. Sự thật mà hoàng hậu Mallikā minh giải với nhiều ví dụ cụ thể làm cho đức vua không thể cãi biện lấy một lời.

Bà còn cất giọng chậm rãi:

- Nếu đại vương chưa tin lời thiếp nói thì đại vương hãy đi yết kiến đức Đạo sư; ngài có thể giảng nói rộng rãi về điều ấy!

- Ta tin rồi! Đức Thế Tôn cùng tuổi với ta, dẫu ta là vua nhưng ta cảm giác ngại ngại khi gặp vị ấy. Có cái gì nơi vị ấy thanh tịnh quá, uy nghiêm quá, cao cả quá nên ta sợ! Vậy nàng có nghe đức Đạo sư đã từng giảng giải rộng rãi về điều ấy như thế nào, hãy nói lại cho ta nghe cũng được!

Độc được sự thành khẩn của đức vua nên hoàng hậu xem đây là cơ hội bằng vàng rờng để đưa đức vua vào giáo pháp nên bà tuyên thuyết:

- Tâu đại vương! Đức Thế Tôn bảo, những người ác giới, tà hạnh, thực hiện những việc xấu xa, độc ác thì vô tình đã tự ghét bỏ bản thân; vì khi làm vậy, họ đã tự tạo cảnh giới đau khổ, thống khổ cho mình trong bốn đường ác. Nhưng những người có giới hạnh, có bố thí, có đức tin, làm những việc lành tốt là biết thương yêu bản thân; vì khi thực hiện như vậy, họ đã tự tạo cảnh giới an vui, hạnh phúc cho mình trong các cõi người và cõi trời!

Vậy người biết thương yêu bản thân mình một cách chơn chánh thì còn phải biết thương yêu và kính trọng Tam Bảo, là đức Phật, đức Pháp, đức Tăng nữa. Tại sao vậy? Vì trọn vẹn ý nghĩa Tam Bảo, chứa đựng trong Tam

Bảo gồm có những năng lực giác tánh, tinh minh, là sự thật, là chân lý muôn đời, là nguồn sáng, là trí tuệ; là ngọn đèn minh triết cao cả và xán lạn soi đường, chỉ lối cho ta từ chỗ tối tăm và mê mờ đến nơi sáng sủa và quang minh, tâu đại vương!

- Ta biết rồi! Ta thấy rồi!

- Còn nữa, tâu đại vương! Khi ta có sự thương yêu bản thân mình một cách chơn chánh như thế rồi, từ cái tâm ấy sẽ phát sanh nhiều điều kỳ diệu nữa. Đức Thế Tôn còn dạy rằng: Khi bản thân mình biết khổ, biết vui thì bản thân chúng sanh khác cũng biết khổ, biết vui như thế. Vậy đừng vì lợi mình mà hại người, đừng vì bản thân mình mà tạo đau khổ cho người khác. Nghĩ thế, vị ấy bắt đầu bỏ đao, bỏ gậy, bỏ trượng, bỏ kiếm; bỏ sát sanh hại vật; bỏ trộm cắp, bỏ lấy cướp của người; bỏ tà dâm, tà hạnh; bỏ nói dối, nói láo, bỏ nói đâm thọc, ác ngữ; bỏ rượu men, rượu nấu... để bản thân mình được an vui mà người khác, chúng sanh khác cũng được an vui như thế. Cuối cùng, hóa ra thương yêu bản thân mình đồng nghĩa với thương yêu chúng sanh muôn loại, cùng dẫn dắt nhau trên con đường tu tập, tâu đại vương!

Đức vua Pāsenadi mỉm cười, vừa như nói thật vừa như đùa bỡn:

- Không cãi được! Không có một kẽ hở nào để cho cái tâm, cái trí “tà đạo” của ta xen vào đấy được! Thật tuyệt vời thay là miệng lưỡi đệ tử tôn giả Gotama! Bái phục! Bái phục!

Hoàng hậu Mallikā cau mày:

- Là một đấng minh quân, bệ hạ có nên ăn nói thiếu nghiêm túc như thế hay chẳng?

- Thôi! Ta biết lỗi rồi!

- Đại vương phải biết thương yêu bản thân mình một cách chơn chính chứ?

- Nhất định như vậy rồi!

- Cảm ơn đại vương!

Hoàng hậu Mallikā dịu dàng mỉm cười, cảm giác nhẹ nhàng, thanh thản; tuy nhiên, bà có mang một trọng tội với đức vua, đã nhiều năm về trước, lâu lâu nó lại trở về ám ảnh! Và câu chuyện như sau: Số là lần ấy hoàng hậu vào phòng tắm không để ý con chó cưng của bà cũng vào theo. Khi khom mình cúi xuống, không ngờ, con chó thấy vậy đã làm hạnh “*bất tịnh*” với bà. Và bà lại để yên. Từ tầng trên cung điện, qua lớp cửa kính, tình cờ đức vua nhìn thấy hết. Ông đi xuống và lần đầu tiên, đã mắng nhiếc bà một cách thậm tệ. Bà vốn lạnh trí nên tìm cách chối quanh, chống chế: “*Đại vương đừng nghĩ oan cho thiếp. Cái phòng ấy kỳ lạ lắm. Ai ở trong đó, người khác nhìn vào đều thấy những hình ảnh quái gở!*” Đức vua vốn thật thà nên hỏi lại: “*Quả có thể sao?*” Bà nói: “*Thì đại vương cứ vào đấy thử xem?*” Đức vua đi vào trong, vừa khép cửa lại thì ngoài này, bà đã la lên: “*Đại vương làm cái gì xấu hổ với con dè cái như vậy?*” Đức vua lại cãi: “*Ta có làm gì đâu!*” Bà bèn nói dối: “*Chính mắt thiếp trông thấy rõ ràng mà!*”

Tin chuyện ấy, đức vua bỏ qua không cật vấn lại nữa.

Tuy nhiên, hoàng hậu Mallikā luôn cảm thấy bất an. Dầu đã dối gạt được nhà vua, nhưng bà đã phạm một tội trọng. Chuyện ấy đức Phật biết, chư vị trưởng lão Tăng Ni có thắng trí đều biết, do vậy bà luôn hổ thẹn ở trong lòng. Từ độ ấy, bà thâm nguyện trong lòng, phải tu tập cho tốt hơn, làm việc lành cho nhiều hơn. Trọng lượng tội lỗi dù chỉ bằng một hạt cát, nó sẽ chìm, rơi xuống bốn đường ác. Nhưng trọng lượng tội lỗi của một viên đá to, nằm trong lòng chiếc ghe thiện pháp lớn, nó không bị chìm, sẽ được nổi. Bà còn nhớ mãi nội dung một thời pháp về thiện, về ác mà đức Phật đã đưa ra hình ảnh ẩn tượng ấy. Do vậy, bà đã đặt bát và cúng dường tứ sự rất nhiều đến đức Phật và Tăng chúng, ngân khoản lên đến một trăm bốn mươi triệu đồng tiền vàng. Riêng đức Phật thì bà đã cúng dường đến ngài bốn món bảo vật vô giá, đó là: Một chiếc lọng trắng, một chiếc giường, một ghế ngồi và một vật đỡ chân. Tất cả chúng đều bằng châu báu, và chỉ để chùng bày chứ đức Thế Tôn không bao giờ sử dụng.

Chuyện kể rằng, hoàng hậu Mallikā lúc hấp hối, bao nhiêu việc làm tốt đẹp ở trong đời, bà lại quên hết, nhưng cái hình ảnh xấu xa kia nó lại hiện ra, chi phối trọn vẹn tâm thức cuối cùng, lập trình cận tử nghiệp, đưa bà đọa sanh địa ngục A-tỳ.

Đức vua Pāsenadi rất yêu thương hoàng hậu Mallikā nên đau thương, buồn khổ vô cùng. Lễ hỏa táng xong, đức vua đến gặp đức Phật, ý muốn hỏi xem bà tái sanh ở đâu.

Đức Thế Tôn biết rõ chuyện, biết đức vua rất sùng ái hoàng hậu Mallikā, nếu cho biết cảnh giới hiện tại của bà thì ông ta càng đau khổ hơn. Lại nữa, nếu biết bà, một người có đức tin kiên cố, bố thí cúng dường rất nhiều và rất chí thành mà rơi vào địa ngục, thì số phận của nhà vua sau này sẽ ra sao? Và như thế, mọi đức tin trong ông ta sẽ tiêu tùng hết.

Vì nghĩ vậy nên đức Phật đã khôn khéo dùng thần lực siêu nhiên làm cho đức vua quên hẳn lý do đi đến tịnh xá, ngài chỉ thuyết pháp, đức vua nghe xong lại hoan hỷ hồi cung. Chuyện lặp lại như thế suốt bảy ngày, đức vua chỉ có việc bực mình, tự trách mình, tại sao trí nhớ càng lúc càng tịt mịt, kém cỏi như thế!

Còn hoàng hậu Mallikā, sau bảy ngày thống khổ trong địa ngục để trả quả, do năng lực phước thiện quá lớn nâng đỡ, đưa bà hóa sanh vào cung trời Đâu Suất.

Vào ngày thứ tám, đức Phật một mình ôm bát khát thực đi đến hoàng cung. Đức vua nghe tin, thỉnh ngài vào thượng điện, nhưng đức Phật chỉ muốn ngồi nơi nhà để xe.

Sau khi cúng dường đầy bát các thức ăn thượng vị loại cứng, loại mềm cho đức Phật, nhà vua đánh lễ ngài rồi hỏi lại câu đã quên suốt bảy ngày qua, tức là chỗ tái sanh của hoàng hậu.

Đức Thế Tôn mỉm cười:

- Hiện tại, bà đang thọ hưởng thiên lạc tại cung trời Đâu Suất, tâu đại vương!

Nghe vậy, đức vua cảm thấy được an ủi một phần nào,

nhưng nổi nhớ thương hoàng hậu vẫn không nguôi:

- Bạch Thế Tôn! Từ khi nàng đi về cõi khác, tôi cảm giác như mất hẳn sự sống.

Đức Phật an ủi:

- Đại vương chớ nên đau lòng. Đó là quy luật bất biến cho mọi chúng sanh, không ai có thể tránh được. Nhưng trường hợp hoàng hậu thì đại vương nên mừng vui cho bà mới phải!

- Tại sao?

- Vì do công hạnh, phước báu của bà, bà mất đi giống như đổi mới chiếc xe khác trân quý hơn vậy thôi!

- Tôi chưa được hiểu.

Đức Phật đưa tay chỉ vào một chiếc xe:

- Đại vương, xe này của ai?

- Bạch Thế Tôn, của ông tôi.

- Còn xe này?

- Của phụ vương tôi, bạch Thế Tôn.

- Còn xe kia?

- Của tôi!

Đức Phật mỉm cười:

- Hóa ra chiếc xe của cha lại mới hơn chiếc xe của ông nội, chiếc xe của con lại mới hơn chiếc xe của cha. Hoàng hậu vừa tậu được một chiếc xe mới nhất, đẹp nhất ở cung trời Đâu Suất đấy, đại vương!

Thấy đức vua đã hiểu sự thật ấy rồi, đức Phật lại giảng sâu hơn về pháp:

- Nhưng những chiếc xe được trang hoàng lộng lẫy, đẹp đẽ, trân quý thế kia rồi cũng đến lúc cũ hư, tàn tạ, hoại mục. Cái thân Như Lai cũng thế mà cái thân của đức vua cũng vậy, nó sẽ lão suy và già yếu. Chỉ có giáo pháp trong tâm của bậc thiện trí¹ nó mới không bị chi phối bởi hư mục, già lão. Thấy biết được vậy, những bậc thiện trí trên đời này phải biết làm cho sáng tỏ giáo pháp ấy đến những người lành, người tốt, tâu đại vương!

Những lời giảng ấy của đức Phật được cô đọng trong bài kệ:

*Xe vua đẹp đẽ đường bao
Trang hoàng lộng lẫy, hư hao đến kỳ
Thân này đến lúc lão suy
Pháp bậc thiện trí vô vi chẳng già
Pháp của đức Gotama
Sáng tỏ chân lý, chan hòa thiện nhân!*²

Đức vua tín thọ lời dạy của đức Phật, đã đỡ buồn khổ và xem ngài như chỗ nương tựa tinh thần một cách vững chắc. Kết quả ấy, một phần công lao là nhờ vào bà hoàng hậu yêu quý của ông vậy.

Nhưng đức vua đâu có biết rằng, Sujātā trong Sujāta-Jātaka³, Kinnarī trong Bhllāṭiya-Jātaka⁴, và Sambula trong

¹ Ý nói bậc Thánh A-la-hán.

² Pháp Cú 151: "Jiiranti ve rāathā sucittā atho sārīraṃ pi janam upeti; satam ca dhammo na jaram upeti santo have sabbhi pavedayanti".

³ J.iii.22.

⁴ J.iv.444.

Sambula-Jātaka¹; cả ba kiếp sống ấy, ông đều là người chồng thân yêu của bà.

Hoàng hậu Mallikā được biết đến là một trong những đệ tử thuần thành, nhiệt tình và xuất sắc nhất trong hàng nữ cận sự của đức Phật vậy².

¹ J.v. 98.

² A.iv.348.

Cận sự nữ Suppiyā

(Cúng dường thịt đùi)



Hôm kia, đức Phật và hội chúng dừng chân ở Isipatana (Vườn Nai), thấy trú xứ này chư Tăng khá đông và Tăng xá, cốc liêu cũng được sửa sang lại tương đối tươm tất. Một số chư vị trưởng lão như Assaji, Vappa, Yasa, Devadatta, Kaḷudāyi... trên đường du hóa nhiều nơi, đang có mặt ở đây, họ vô cùng hoan hỷ.

Trong lúc hầu chuyện với đức Thế Tôn, các vị trưởng lão cho biết, ở bên này sông Gaṅgā thì giáo pháp phát triển tốt, nhưng bên kia sông, tại Bārāṇasī ngoại giáo vẫn đang hưng thịnh. Quần chúng vẫn nghiêng nặng về cúng tế, cầu nguyện chư thần ban phúc, tiêu tai giải họa với những nghi lễ cổ truyền. Các giáo phái khổ hạnh cực đoan vẫn được sự tôn trọng, ngưỡng mộ của quần chúng ngu si, cuồng tín.

Nhân tiện, trưởng lão Yasa than phiền với đức Phật về trình độ yếu kém, giới hạnh lỗi thối của một số vị tỳ-khuru sơ tu, nơi này và nơi khác làm mất đức tin của quần chúng. Tại Bārāṇasī này cũng không ngoại lệ. Rồi trưởng lão kể hầu cho đức Phật nghe một câu chuyện vừa mới xảy ra làm cho Tăng chúng bàng hoàng, giới cư sĩ xôn xao và dư luận khắp nơi đang bàn tán không có lợi cho giáo hội chút nào.

Hơn ai hết, đức Phật đã biết chuyện gì, và đó cũng là lý do mà ngài dừng chân ở đây, nhưng ngài vẫn hỏi cho có lệ:

- Ông cứ nói! Như Lai nghe đây!

- Bạch đức Thế Tôn! Tại Bārāṇasī này có gia chủ Suppiya, cả vợ lẫn chồng đều là bậc có trí, có đức tin vững mạnh và có tâm hộ độ chư Tăng như giếng nước đầy bên ngã tư đường.

Thường thường, cả hai vợ chồng hay đến đây, thăm hỏi chư tăng, xem ai có nhu cầu gì về tứ sự, nhất là thiếu thức ăn, vật uống gì hay đau ốm gì để họ cúng dường kịp thời. Lợi dụng điều đó, có một số phàm Tăng thường đưa ra những yêu cầu quá đáng theo sở thích của mình, chẳng biết đủ, chẳng biết dừng. Cách đây ba hôm, nữ cận sự Suppiyā cũng làm vậy, vào buổi chiều, đã đi bên ngoài từ cốc liêu này sang cốc liêu khác hỏi thăm chư Tăng, ai bị bệnh, ai cần thuốc men gì, thì có một vị tỳ-khuru có nhu cầu về thịt. Ông ta nói là vì uống thuốc xổ quá liều, nên cứ đi xổ liên tục, suốt mấy ngày không còn hơi sức, không còn một chút khí lực nào, nên thầy thuốc và bạn hữu bảo là phải cần cháo thịt mới lấy lại sức khỏe được.

Nữ cận sự Suppiyā đáp:

- Thưa ngài, ngày mai đệ tử sẽ dâng cúng món thuốc trị bệnh ấy.

Về nhà, nữ cận sự Suppiyā bảo gia nhân ra chợ mua loại thịt đã được làm sẵn (pavattamaṃsaṃ). Nhưng ngày hôm ấy, thuộc ngày lễ ăn ngũ cốc rau trái của đạo sĩ bà-la-môn luyện thân chú nên khắp phố phường, chợ búa chẳng tìm ra được một chút thịt gì, gia nhân đành về thưa lại với nữ chủ sự thực như vậy.

Nữ cận sự Suppiyā tự nghĩ:

- Đã hứa thì không thể sai lời. Lại là lời hứa đối với một vị tỳ-khưu thì lại càng không thể thất tín. Và lại, nếu uống thuốc xổ đã sức cùng, lực kiệt, nếu không có cháo thịt để tẩm bổ thì cơ thể lại càng suy giảm, nguy hại tính mạng hơn nữa!

Nghĩ thế xong, nữ cận sự Suppiyā vào phòng kín, lấy con dao hơi lửa sát trùng rồi vén xiêm, cắt một miếng thịt đùi. Với dụng cụ đầu đố đã được chuẩn bị sẵn, bà tự băng bó vết thương cho mình, trấn tĩnh cơn đau, ra ngoài, trao miếng thịt cho một nữ gia nhân thân tín:

- Hãy tức khắc hầm cháo rồi mang đến Vườn Nai dâng cho vị tỳ-khưu bị bệnh.

Bảo thế xong, bà quay vào trong, cận kề dặn dò số gia nhân còn lại:

- Có ai thăm hỏi, kể cả phu quân của ta, nói là ta bị ốm bệnh, đang nằm nghỉ trong phòng.

Người chồng, nam cận sự Suppiya đi công việc về, hỏi thăm vợ, vào thăm, ân cần hỏi nguyên nhân bệnh. Đối với chồng, bà thật tình kể lại, không dám giấu giếm điều gì.

Nghe xong, thay vì nổi giận, thay vì buồn rầu, ông ta cảm thán, hoan hỷ thốt lên:

- Ôi! Thật là kỳ diệu thay! Thật là phi thường thay là về tâm, về trí, về đức tin của người bạn đời thương quý của ta! Nàng đã an trú vào giáo pháp một cách vững chắc, không lay động, hơn cả ta nữa đấy, nàng biết không? Bởi vì, ngay miếng thịt trên tấm thân ngọc ngà, ngàn vàng này mà nàng còn cất bỏ đi được thì những vật ngoại thân khác, có gì mà nàng không xả ly được cơ chứ?

Bạch đức Thế Tôn! Tôn giả Yasa nói tiếp - Sau đó, nam cận sự Suppiya hôm qua đã đến đây gặp đệ tử, có mặt chư tôn giả Vappa, Assaji... kể lại chuyện trên với tâm hân hoan không diễn tả được. Đệ tử tự nghĩ: Vợ chồng gia chủ kia thật là tuyệt vời; tâm, trí, công hạnh, đức tin gì gì cũng bất khả tử, bất khả tri lượng. Chúng đệ tử kính trọng họ vô cùng. Nhưng theo đệ tử, thiện kiến của đệ tử thì vị tỳ-khưu kia đã hơi quá đáng, có mấy vấn đề cần phải nghiên cứu, rà soát lại; cụ thể, là có hai điều nên được đức Thế Tôn quan tâm, giáo giới!

- Ủ, ông cứ nói! Như Lai nghe đây!

- Bạch đức Thế Tôn! Tôn giả Sāriputta lúc bị bệnh đau bụng, chỉ tình thực kể lại chuyện về món cháo ăn vào là lành bệnh thuở còn tại gia cho tôn giả Moggallāna nghe. Chư thiên biết được, mách bảo thí chủ dâng cúng món cháo ấy cho tôn giả Moggallāna, nhưng tôn giả Sāriputta không chịu thọ dụng, bảo đây là do gợi ý mà có, là tà mạng. Câu chuyện ấy là cả một tấm gương soi rọi người cho Tăng chúng. Vị tỳ-khưu bị bệnh kia gợi ý về món cháo thịt, là tà mạng rồi, bạch đức Thế Tôn!

- Ủ, Như Lai rõ rồi! Còn điều thứ hai?

- Có lẽ, khi một vị tỳ-khuru thọ thực, phải suy luận, phải quan sát, phải để tâm xem thử thịt ấy là thịt gì... chứ chẳng lẽ nào thịt gì cũng dùng được? Câu chuyện cận sự nữ Suppiyā cắt thịt đùi của mình để nấu cháo dâng cúng cho vị tỳ-khuru kia, quả thật là xúc động đến quá nhiều người, bạch đức Tôn sư!

- Chính xác! Như Lai sẽ để chuyện ấy vào những điều học mà chư tỳ-khuru phải thọ trì!

Câu chuyện vừa bàn xong thì nam cận sự Suppiya cũng vừa đến Vườn Nai, vui mừng đánh lễ đức Thế Tôn, sau đó ông cung kính thỉnh mời đức Phật và chư vị trưởng lão ngày mai đến gia đình để ông được thiết lễ đặt bát cúng dường.

Hôm sau, khi đến tư gia, đức Phật ân cần thăm hỏi sức khỏe của nữ cận sự Suppiyā thì được biết, nàng đang bị sốt, còn nằm trên giường bệnh chưa ngồi dậy được.

Đức Phật mỉm cười, nói với gia chủ Suppiya:

- Không sao! Ông hãy ẩm bông phu nhân ra đây để Như Lai thăm hỏi một chút nào!

Khi ông Suppiya ẩm bông bà vợ quỳ trước mặt đức Phật và chư vị trưởng lão, đức Phật chú tâm nhìn lướt một vòng từ đầu đến chân, nàng Supiyā cảm thấy một nguồn khí âm áp, tê rần chạy khắp châu thân, cuộn cuộn một năng lượng lạ lùng, chữa trị ngay vết thương và sức khỏe cũng theo đó mà hoàn toàn hồi phục. Cận sự nữ Suppiyā vùng dậy trên tay chồng, quỳ phục bên chân đức Đạo sư, hân hoan, sung sướng thốt lên:

- Ôi! Diệu kỳ thay là ánh mắt của đức Chánh Đẳng Giác! Chỉ cái nhìn lướt qua của ngài mà vết thương của đệ tử được liền lại, cảm giác nó đã đâm da non, và toàn thể thân sắc của đệ tử như trở lại thời còn là con gái.

Ông Suppiya chăm chú nhìn vợ. Ông bán tén, bán nghi chuyện đang xảy ra trước mắt. Cô vợ của ông chột như trẻ lại mười tuổi, cả làn da, thân vóc, ánh mắt, nụ cười là của cô tiểu thư Suppiyā thuở còn xuân xanh!

Cả hai quỳ sụp xuống, cảm động đến không thốt nên lời. Sau đó, họ hoan hỷ, phấn chấn, tự tay sốt vật thực thượng vị loại cứng, loại mềm đến đức Phật và chư vị trưởng lão.

Lúc đã thọ thực xong, bàn tay vừa rời khỏi bình bát, ông bà gia chủ Suppiya và thân quyến quỳ xuống một bên, đức Phật với những pháp thoại đúng căn duyên, tăng trưởng niềm tin và đặt họ vững vàng bước chân theo chánh pháp rồi giã từ.

Sự kỳ diệu về ánh mắt của đức Phật, từ đó nó lan nhanh cả kinh thành Bārāṇasī, ai ai cũng lấy đó làm câu chuyện đầu môi. Họ tôn kính năng lực siêu phàm của đức Chánh Đẳng Giác. Họ ngưỡng mộ đức tin cúng dường của nữ cận sự Suppiyā.

Đức Phật còn ở lại Isipatana mấy hôm nữa. Ngài đã la rầy vị tỳ-khưu xin thịt, nhưng vì lý do lần đầu phạm tội nên chỉ giáo giới và khiển trách là chính.

Đức Phật còn cặn kẽ bảo chư vị trưởng lão nên phổ biến điều học là vị tỳ-khưu khi thọ dụng phải để tâm quan sát xem thử đây là thịt gì, dù nó đã thuộc tam tịnh nhục, để tránh phải thọ dụng thịt người! Ngoài ra, đức Phật

cũng chế định loại thịt gì không được dùng, dựa theo tình cảm xã hội hoặc phong tục, truyền thống...

Và tóm tắt những chế định ấy là như sau:

- Thọ dụng thịt người, như trường hợp vừa xảy ra thì phạm trọng tội (thullaccaya).

- Thọ dụng thịt mà không quán xét thì phạm tội tác ác (dukkata).

- Thọ dụng thịt voi, thịt ngựa, thịt rắn, thịt chó, thịt sư tử, thịt cọp, thịt beo, thịt gấu, thịt chó sói... đều phạm tội tác ác (dukkata)...

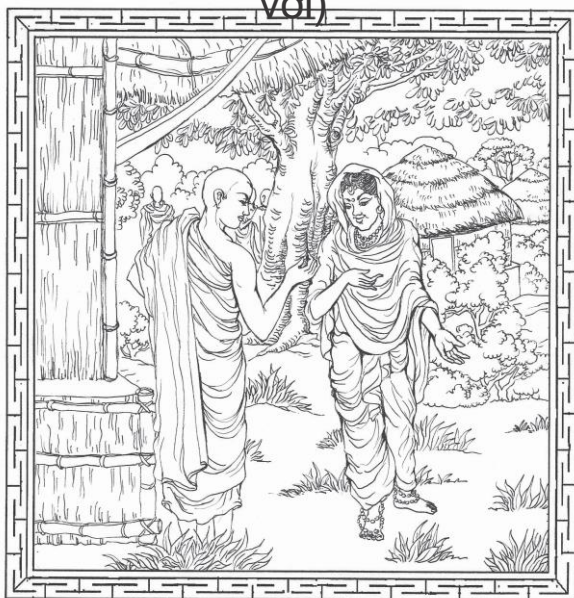
Đức Phật chỉ chế định chừng ấy rồi lại cùng với hội chúng lên đường...

Như vậy, cận sự nữ Suppiyā được xem là người cúng dường một phần thân thể của mình, độc nhất trong giáo hội của đức Đạo sư; và cũng được xem như nàng đã bỏ thí ba-la-mật bậc trung, noi gương đức Phật trong nhiều kiếp sống lúc còn là bò-tát vậy.

Mẹ Mātikagama!

(Người hộ độ tuyệt

vời)



con
gái
đức
Phật

Có sáu mươi vị tỳ-khưu, sau khi xin được đề mục thiền quán từ đức Đạo sư, họ bèn lia xa thành phố ồn ào tìm đến một nơi xa xôi, vắng vẻ để công phu hành trì. Tại một ngôi làng sơn cước, có tên là Mātikagama, thấy khung cảnh yên tĩnh, sông núi tươi xanh, dân cư trù mật, họ nghĩ, nơi này tu tập thì thật là tốt.

Vị tỳ-khưu lớn tuổi nhất, được xem như là bậc trưởng lão liền dẫn đầu hội chúng, đi vào làng để trì bình khất thực. Có người mẹ của người thôn trưởng, trông thấy chư Tăng, bà rất hoan hỷ, bèn thỉnh vào nhà để đặt bát cúng dường. Bà còn huy động nhà này nhà kia chung tay hùn góp vật thực cho cả sáu mươi vị đều được đầy đủ.

Trong một khu vườn, khi chư Tăng đã thọ thực xong, bà mẹ người thôn trưởng tìm đến thưa hỏi để biết các vị sẽ đi đâu, về đâu - thì vị trưởng lão trả lời:

- Này mẹ! Chúng tôi định kiếm một nơi yên tĩnh, một nơi khất thực vừa đủ dùng để tu tập.

Bà hỏi:

- Thế quý ngài thấy nơi này có được không?

- Nơi này khá lý tưởng, thưa mẹ!

- Vậy thì chúng tôi xin thỉnh quý ngài ở đây; và mỗi nhà, mỗi nhà sẽ cúng dường đặt bát hàng ngày cho quý ngài, khỏi cần phải đi đâu xa nữa.

Vị trưởng lão và chư Tăng im lặng nhận lời.

Bà mẹ người thôn trưởng khi được biết thái độ im lặng ấy là chấp thuận, bà rất hoan hỷ rồi tỉ mỉ thăm hỏi cách thức làm nhà hội họp, các cốc liêu lác đác nơi này nơi kia như thế nào để dân chúng trong làng cùng chung tay lo liệu. Sau khi nắm bắt rõ nhu cầu cư trú, sinh hoạt của chư Tăng rồi, bà còn hỏi tiếp là bà và mọi người có thể tu tập được không, bắt đầu như thế nào, tuần tự từ thấp lên cao như thế nào. Vị trưởng lão cận kề nói về tam quy, ngũ giới, bát quan trai giới, bố thí cúng dường... tuy rất khái quát nhưng khá đầy đủ cho một cận sự nữ phải hành trì.

- Vậy thì một số trong chúng tôi sẽ xin thọ trì tam quy, ngũ giới, bát quan trai giới, sau đó xin quý ngài hướng dẫn tiếp cho những bước cao hơn.

Lựa chọn một khoảng đất rộng ven rừng, dân làng phụ nhau làm một căn nhà hội, rồi lác đác bên những cội cây, sườn đồi, ven suối... xa gần xung quanh nhà hội, họ làm thêm những cốc liêu, những mái lợp, những vòm che... tuy tạm bợ nhưng cũng là chỗ tu tập khá tốt trong

bốn tháng an cư mùa mưa cho chư Tăng.

Khi đầu đó đã xong xuôi, vị trưởng lão tụ họp chư Tăng ở căn nhà hội rồi nhắc nhở rằng:

- Được bà mẹ và dân làng lo cho đầy đủ tứ sự như thế này thì chúng ta không thể biếng nhác, giải đãi được. Phải tu tập cho tốt, hành đạo cho đàng hoàng; nếu không, tám cảnh địa ngục¹ sẽ mở cửa ra, chào đón những ông chủ là chúng ta, sắp trở về nhà đấy.

Cả hội chúng tỳ-khuru im lặng lắng nghe một cách rất nghiêm túc; vị trưởng lão chậm rãi nói tiếp:

- Không nên đứng, ngồi hay ở chung hai vị cùng một chỗ, ngoại trừ mỗi buổi sớm tụ hội ở đây để đi vào làng với y bát được chăm sóc, lục căn phải thu thúc, râu tóc trông sạch sẽ, tướng mạo cần trang nghiêm để nuôi dưỡng

¹Tám cảnh địa ngục là: 1, Địa ngục Sañjīva: Chúng sanh bị gươm đao đâm chém, gậy gộc đánh đập, cối xay nghiền giã; nhưng khi có gió mát thổi tới thì tỉnh lại, sống lại như cũ nên gọi là Sañjīva (sống lại). 2, Địa ngục Kālasutta: Chúng sanh bị sợi dây thừng đen (kāla là đen, sutta là sợi dây) căng tứ chi ra rồi cưa, cắt chặt tứ chi, thân thể ra từng khúc. 3, Địa ngục Saṅghāta: Những tội nhân tụ họp nhau lại (saṅghāta) mà cắn xé nhau. 4, Địa ngục Roruva: Tội nhân chịu nhiều cực hình, đau khổ quá nên kêu la, khóc gào (roruva) thảm thiết. 5, Địa ngục Mahāroruva: Như 4 nhưng kinh khiếp hơn nên gọi là đại (mahā). 6, Địa ngục Tāpana: Tội nhân bị lửa thiêu cháy làm cho thân thể khô héo (tāpana), lụi tàn dần dần, đau khổ không kể xiết. 7, Địa ngục Mahātāpana: Như 6 nhưng gia bội lửa cháy kinh khiếp hơn. 8, Địa ngục Avīci: Tội nhân chịu cực hình liên tục, không gián đoạn nên còn gọi là vô gián (Vīci là khoảng cách, avīci là không khoảng cách, không gián đoạn). Tám địa ngục này trong Luận Câu Xá lần lượt ghi nghĩa tương đương là: Đẳng hoạt, hắc thẳng, chúng hợp, khiểu hoán, đại khiểu hoán, viêm nhiệt, đại viêm nhiệt, vô gián (Rất nhiều tự điển Phật học có ghi và có giải thích).

đức tin cho mọi người. Hãy tâm niệm ta là người không phóng dật, ta là người có chú niệm, có tinh cần, có ý chí duy trì phạm hạnh. Sau khi đi trì bình trở về, chúng ta gặp nhau ở đây, quét dọn trong ngoài, sắp đặt chỗ ngồi, ghè nước, giẻ chùi chân... đầu đó xong xuôi rồi cùng thọ thực trong yên lặng. Ngộ trai xong, dọn dẹp sạch sẽ đầu đó một lượt nữa, không bàn chuyện phiếm, không trao đổi chuyện vô ích rồi vị nào trở về liêu cốc của vị nấy, tấn tu chỉ quán. Chư huynh đệ có đồng ý như thế không?

- Thưa, hoàn toàn nhất trí.

- Khi có người bị bệnh hoặc phát giác có trường hợp cấp bách như gió bão, lửa, đạo tặc phá phách, hoặc cần họp Tăng do có khách đặc biệt, do chư vị trưởng lão ghé thăm, do thí chủ cần thưa thỉnh việc gì... thì ở đây hằng ngày sẽ có người báo trực, đánh lên ba hồi bảng gỗ, khi ấy chúng ta mới xả thiền, yên lặng đi về nhà hội... Chuyện ấy nữa, huynh đệ có thêm ý kiến gì nữa chăng?

- Thưa, rõ rồi! Đầy đủ quá rồi!

- Đây là bản giao ước bất thành văn. Chúng ta nghiêm túc chấp hành chứ?

- Thưa vâng!

Thế rồi, ai về chỗ trú cư nấy. Họ tu hành rất tốt, rất có hiệu quả. Ai cũng thành tựu được ấn chứng này, thành quả khác.

Hôm ấy, vào buổi chiều, bà mẹ người thôn trưởng dẫn theo mấy chục người gồm con cái, dâu rể, cháu chắt rất đông cùng mang theo bơ, đường, sữa, dầu thắp, dầu thoa,

thuốc ngựa bệnh đi đến căn nhà hội. Nhưng nhìn xung quanh, họ không thấy một ai. Chỉ có một vị tỳ-khuru trẻ ở đầu đó vì thấy đông người nên bước lại. Họ hỏi:

- Các ngài đi đâu cả rồi, thưa sư?
- Vị nào cũng tìm chỗ cho mình để tu tập.
- Nhưng sao các cốc liêu quanh đây cũng không có ai?
- Thấy trời tạnh ráo, mát mẻ như thế này, các vị muốn tìm một hốc đá, một cội cây nào đó trong rừng...
- Vậy nếu muốn gặp các ngài thì phải làm sao?

Vị tỳ-khuru mỉm cười trả lời:

- Hôm nay tôi trực canh. Để tôi gọi các ngài xuống.

Nói xong, vị tỳ-khuru lấy khúc cây đánh ba hồi bảng gõ. Lát sau, từ đầu đó trong rừng, hướng này, hướng kia, lần lượt chư vị tỳ-khuru đi xuống căn nhà hội, rất lặng lẽ, riêng từng người, không ai đi chung với ai.

Thấy tình hình vậy, một ý nghĩ khởi sanh trong tâm bà mẹ: *“Thế là các con trai của ta (mamaputta) bất hòa với nhau rồi! Đã không thềm đi chung với nhau mà còn không hề nói chuyện với nhau nữa!”*

Khi chư Tăng đã tụ họp đầy đủ trong căn nhà hội, bà mẹ cùng mọi người đến đánh lễ, dâng mọi thứ vật dụng mang theo.

Rồi bà mẹ nhìn vị trưởng lão cất tiếng hỏi:

- Chư Tăng có chuyện bất hòa hay sao, thưa ngài?
- Không có chuyện đó đâu! Chư sư ở đây sống rất hòa hợp, thưa mẹ!

- Thế tại sao mọi người đi riêng lẻ, sống riêng lẻ, lại còn không hề nói chuyện với nhau?

- Ai cũng đang nghiêm túc, chú mục chánh niệm, tỉnh giác để thực hành sa-môn hạnh đó, thưa mẹ!

- Pháp tu sa-môn hạnh đó ra sao, thưa ngài?

Vị trưởng lão đành phải giải thích từ việc mặc y, mang bát, đi trì bình khát thực phải chánh niệm ra sao. Trên đường đi phải thu thúc làm sao, về đến căn nhà hội phải thọ thực như thế nào. Sau đó, mỗi người tự tìm chỗ riêng lẻ để tu tập các đề mục thiền định hay thiền quán... Từ tờ mờ sáng cho đến tận đêm khuya, một vị tỳ-khuru không được lơ là thất niệm, không được phóng dật, giải đãi ra sao... Tất cả, vị trưởng lão đều giải thích rất cẩn kẽ.

Nghe xong, bà mẹ tán thán:

- Thật tuyệt vời làm sao là sa-môn hạnh!

Rồi bà dè dặt hỏi:

- Thế cái sa-môn hạnh ấy, tôi thực hành chút chút được không? Chút chút ấy có đem lại lợi ích thật sự cho tôi không?

- Được chứ! Vị trưởng lão hoan hỷ nói - Mẹ cũng có thể tu tập được, cứ từ từ đi từ cạn vào sâu thì có thể thành tựu được an lạc và hạnh phúc trong đời này và nhiều đời sau nữa đó!

- Vậy thì xin ngài hãy chỉ dạy cho tôi!

Thế là vị trưởng lão hướng dẫn cho bà mẹ cách niệm ba hai thể trực, quán bất tịnh của thân. Rộng hơn một

chút, nói về các đề mục khác thuộc các định khác nhau. Sâu hơn một chút nữa, giải thích thế nào là danh tâm, sắc tướng; cái gì gọi là ngũ uẩn; cái gì được gọi là danh và sắc; và sau cùng, phải nhìn ngắm, quán chiếu ra sao để thấy rõ tam tướng vô thường, dukkha, vô ngã của chúng...

Hóa ra, bà mẹ tuy lớn tuổi mà nắm bắt rất nhanh rồi về nhà tu tập cũng tiến bộ rất nhanh như vậy. Trong vòng mới hơn bảy ngày mà bà đã xả ly, ly tham khá nhẹ nhàng rồi lần lượt đi từ các định từ cạn vào sâu. Ít hôm sau nữa, bà mẹ quán danh sắc, ngũ uẩn thấy rõ sanh diệt, thấy rõ các pháp trống không, vô ngã; bà chứng quả A-na-hàm, có tuệ phân tích, có luôn cả tha tâm thông.

Sau khi thọ hưởng an lạc của thiền, an lạc của đạo quả siêu thế, trở lại cận hành định, bà mẹ suy nghĩ: *“Thật vi diệu và thù thắng thay là pháp sa-môn hạnh. Mình mới tu tập chút ít mà thu hái thành quả như thế này thì chắc các con trai của ta phải là mùa màng bội thu, sum suê trái quả!”* Tò mò, bà mẹ hướng tha tâm thông rà soát một lượt tâm ý sáu mươi vị sự lác đặc nơi này và nơi khác - thì bà thấy rõ, hóa ra chưa ai được cái gì cả, thiền chứng cũng như đạo quả. Các trở ngại của các vị là tham nhiều, sân nhiều, phóng tâm, trạo cử nhiều, các tướng quá khứ chi phối nhiều nên không trú tâm được. Và trên tất cả, cụ thể nhất là máu huyết, khí huyết của các vị có cái gì đó bất ổn, có cái gì đó bị xáo trộn. Thân bất an kéo theo tâm bất an. *“Hóa ra là do vật thực không thích hợp mà sinh ra!”* Kết luận như vậy xong, hôm sau, bà mẹ sấm sanh, nấu nướng nhiều

thức ăn khác nhau, đầy đủ chất béo các loại, chất ngọt các loại, chất bùi, chất đắng, chất cay, chất xơ các loại... rồi thỉnh chur Tăng độ thực ở căn nhà hội.

Quả thật, nhờ vật thực thích hợp, tối hôm ấy, bà mẹ thấy chur Tăng hành thiền tốt hơn, có vị đã an trú tâm, có vị đã đi vào cận hành định, có vị quán danh sắc, ngũ uẩn rất có hiệu quả.

Hôm sau, hôm sau nữa, bà cụ yêu cầu chur Tăng sau khi đi trì bình khát thực quanh làng, trở về căn nhà hội thì cho bà được cúng dường thêm. Và ai cũng ngạc nhiên, không hiểu làm sao mà bà cụ thường đặt bát cho từng vị những món mà họ cần, những món mà họ thích! Có lạ gì đâu, bà đã âm thầm theo dõi từng vị nên biết rõ nhu cầu cơ thể của từng người.

Nhờ sự hộ độ siêu việt của bà mẹ, trải qua gần mùa an cư, cả sáu mươi vị tỳ-khưu đều đắc quả A-la-hán!

Ngày cuối cùng chur Tăng tụ họp ở căn nhà hội. Vị trưởng lão nói:

- Khi đến đây, chúng ta đều là kẻ vô văn phạm phu; sau an cư mùa mưa, chúng ta đều chứng quả vô học, vô vi, giải thoát. Công lao ấy, công đức ấy, ai trong chúng ta cũng biết rõ là do nhờ bà mẹ của chúng ta: Một vị thí chủ hộ độ tuyệt vời. Vậy trước khi về Kỳ Viên yết kiến đức Đạo sư, chúng ta hãy đi chào bà mẹ, tri ân bà mẹ và chào cả dân làng đã cur mang, hộ độ tứ sự chu đáo bấy lâu.

Thế rồi, dẫn đầu là vị trưởng lão, chur Tăng ôm bát đi vào làng. Gặp bà mẹ, và gặp cả dân làng, họ nói lời tri ân và từ giả.

Bà mẹ cười:

- Từ rày, tôi không dám gọi các ngài là “con trai của ta” nữa! Tâm các ngài ở cao hơn, tôi tìm mà không thấy. Thật là kỳ diệu. Tôi thật là hạnh phúc để được hộ độ. Tôi thật hạnh phúc khi các ngài đã cho ngôi làng này, thọ thân và thiên thân ở đây cũng được an lạc theo. Về gặp đức Đạo sư, hãy cho tôi được gửi lời chào kính, tri ân bậc Vô Thượng Giác!

Vị trưởng lão cũng cười, chân tình khuyên bảo:

- Mẹ đừng nên quá đi sâu vào các thắng trí; chỉ cần miên mật quán những ái vi tế của sắc và vô sắc, quán những dính mắc vi tế của ngã ở nơi thọ, tưởng và tâm hành là làm xong những việc cần phải làm trên đời này!

Bà mẹ chột quỳ sụp xuống:

- Đúng là vậy! Tri ân trưởng lão.

Khi tiễn chư Tăng ra đầu làng, bà còn nói:

- Khi nào hành cước du hóa, tiện dịp, tiện đường tôi thỉnh mời quý ngài ghé qua ngôi làng sơn cước này. Ở đây lúc nào cũng sẵn sàng cung đón đệ tử của đức Thế Tôn.

Về đến đại tịnh xá Kỳ Viên, sáu mươi vị A-la-hán vào đánh lễ đức Phật, vấn an sức khỏe của ngài. Xong, vị trưởng lão kể lại đầu đuôi tự sự, những nhân, duyên và quả tại ngôi làng Mātikagama ấy cho đức Phật nghe.

Đức Phật mỉm cười:

- Đúng là như vậy! Đúng là có chuyện hy hữu như vậy! Bà mẹ Mātikagama¹ đúng là một thí chủ hy hữu và tuyệt vời!

¹ Bây giờ đã trở thành tên của bà mẹ.

Cả mấy ngày hôm sau, chư Tăng Kỳ Viên ai cũng nghe được câu chuyện tại ngôi làng sơn cước và sáu mươi vị đắc quả A-la-hán. Ai cũng tỏ ra hâm mộ và tán dương công hạnh của bà mẹ ấy. Nhiều vị bàn tán rộng rãi hơn:

- Trước đây, chúng ta có trưởng giả Cấp Cô Độc là thường cúng dường hy mãn về tứ sự, không chê vào đâu được.

- Bà Visākhā thì sao? Không hy mãn tứ sự sao? Thức ăn không hợp khẩu vị mọi người sao?

- Đúng vậy! Đến bà ấy thì người bệnh cũng thích hợp nữa là...

- Cận sự nam Citta cũng vậy. Cận sự nữ Suppiyā cũng vậy. Cô Sirimā cũng thế. Nhiều người lắm chứ!

- Nhưng chưa ai cúng dường hợp khẩu vị từng người, từng ngày một như cái bà mẹ Mātikagama này!

- Cái ấy thì đúng!

Có vị tỳ-khưu chợt cười xòa:

- Vậy là “nhờ ăn” mà đắc quả sao? Coi chừng trật lác đó nghe!

Mọi người cùng cười theo. Ai cũng biết, đấy chỉ là duyên hỗ trợ tốt mà thôi!

Chuyện kể tiếp thêm rằng, có một vị tỳ-khưu nghe chuyện, thích quá, ông ta đến xin đức Phật, được ngài đồng ý nên hối hả thu vén vật dụng, y bát rồi lặn lội tìm đến ngôi làng có bà mẹ hộ độ hy hữu để hy vọng rằng, nhờ ăn uống hợp khẩu vị sẽ chóng đắc quả A-la-hán.

Đến căn nhà hội, để đây ta-bà và y bát một bên, vị tỳ-khuru khởi sanh ý nghĩ:

- Chà, đi đường xa mệt mỏi! Ước gì bà mẹ cho một cận sự nam đến quét dọn trong ngoài cùng làm đầy những lu nước thì hay quá!

Lát sau, quả thật có một thiếu niên mang theo vật dụng cần thiết và đáp ứng ngay những yêu cầu trong tâm của vị tỳ-khuru. Thấy sự việc diễn ra quá nhiệm mầu, vị tỳ-khuru khởi tâm muốn uống nước ngọt, khởi tâm muốn ở tu tại cái cốc lá dưới gốc cây to kia, khởi tâm rằng là sáng mai, trước khi đi khát thực có món cháo béo, nấu thật nhừ để điếm tâm thì quý hóa quá...

Ước gì được nấy. Đến nổi, vị tỳ-khuru không cần đi khát thực đâu xa, vì mới bước ra khỏi cốc lá chỉ vài chục bước chân thì đã có thí chủ đặt một bát đầy thực phẩm với những thức ăn ngon lành. Tối hôm ấy, nơi chỗ nghỉ của mình, vị tỳ-khuru chợt thấy lạt miệng, tự nghĩ: *“Bây giờ trời tối rồi, lui tới khó khăn, nhưng nếu có mấy viên kẹo ngọt ngọt thì thú vị biết mấy!”*

Rồi mấy viên kẹo “ngọt ngọt” cũng được một thiếu niên mang đến với một cây đèn trên tay.

Vị tỳ-khuru vừa ăn kẹo vừa nghĩ tiếp:

- Bà mẹ Mātikagama này là người như thế nào mà có khả năng thắng trí lạ lùng như thế? Ta ước ao được gặp bà vào buổi đặt bát ngày mai. Xem nào, bà sẽ đi tay không và con cháu bà sẽ mang theo vật thực loại cứng, loại mềm!

Sự việc ngày mai xảy ra đúng y như vậy.

Bà mẹ sau khi cúng dường đầy đủ, đánh lễ vị tỳ-khuru rồi nói rằng:

- Này con trai! Cứ ở đây, và hãy an tâm mà tu tập đừng ngại gì cả.

Độ thực xong, vị tỳ-khuru hỏi:

- Thưa mẹ Mātikagama! Dường như mẹ có tha tâm thông phải chăng?

- Sao con trai lại hỏi vậy?

- Vì tôi ước gì thì có vậy!

- Nhiều vị tỳ-khuru họ cũng biết như vậy mà, con trai!

- Tôi không nói các vị tỳ-khuru khác. Tôi hỏi mẹ thôi!

Vì là bậc thánh, không khoe pháp bậc cao nhân nên bà mẹ vừa cười vừa đáp:

- Này con trai! Mẹ biết con cần những thứ ấy nên giúp con những thứ ấy! Con còn nhỏ nên mẹ giúp đỡ con như con trai của mẹ vậy thôi! Cũng là chuyện thường mà!

Trả lời vậy là hết hỏi. Nhưng vị tỳ-khuru đã có kết luận trong tâm: *“Đích thị mẹ Mātikagama có tha tâm thông rồi! Và chưa chừng còn có nhiều thông khác nữa đấy!”*

Khi bà mẹ về rồi, sự nghĩ đến một chuyện, vị tỳ-khuru hoảng kinh: *“Chết rồi! Nguy hiểm rồi! Mình là kẻ phạm phu tục tử, biết bao nhiêu là ý nghĩ xấu quấy xảy ra trong ngày, trong đêm? Nếu rủi mà lúc ấy, đôi thần nhãn của mẹ Mātikagama quét tới thì những ý nghĩ ô trọc, dơ nhớp, bẩn thỉu của ta biết trốn vào đâu? Ói! Mẹ Mātikagama sẽ thấy rõ trái tim đen của ta? Ta sẽ giống y như tên ăn trộm, bị mẹ*

nắm đầu, nắm tay bắt ngay tại trận tiền? Sẽ xấu hổ quá! Xấu hổ quá!”

Nghĩ thế xong, vị tỳ-khuru hồi hả thu xếp vật dụng, y bát rồi cũng hồi hả rời liêu cốc, trốn đi!

Ngay lúc ấy thì bà mẹ mỉm cười, tự nghĩ: “*Con trai ta sợ ta bắt ngay tại trận những ý nghĩ xấu quấy nên trốn đi rồi! Tới cũng hồi hả mà đi cũng hồi hả. Nhưng chạy đàng trời! Đức Đạo sư, bậc thiên nhân siêu việt, sẽ bắt con trai ta quay trở lại đây thôi. Và con trai ta sẽ gặt hái được lợi ích!”*

Quả đúng như mẹ Mātikagama nghĩ.

Khi gặp lại đức Phật, ngài hỏi vị tỳ-khuru:

- Sao ông lại quay trở lại đây?
- Nguy hiểm quá, bạch đức Thế Tôn!
- Tại sao?

- Thưa, vì bà mẹ Mātikagama có tha tâm thông, đệ tử nghĩ cái gì là bà biết cái ấy! Vì tâm đệ tử còn nhiều ý nghĩ xấu quấy nên sợ quá!

Đức Phật nghiêm khắc nói:

- Vậy thì ông lại càng cần tới nơi ấy! Những ý nghĩ xấu quấy nếu có sanh lên thì nó cũng diệt mất. Kệ nó. Ông chỉ việc giữ cái tâm, theo dõi cái tâm mà thôi!

Vâng lời đức Phật, vị tỳ-khuru trở lại ngôi làng Mātikagama, nơi cái cốc lá của mình.

Bà mẹ theo dõi mọi sự, biết rõ mọi sự nhưng xem như không có chuyện gì xảy ra, vẫn quán sở thích, nhu cầu vật thực của vị tỳ-khuru rồi cho người hộ độ chu đáo, đầy đủ.

Trong lúc ấy, thì vị tỳ-khuru chăm chuyên gìn giữ cái tâm, theo dõi cái tâm, rà soát cái tâm một cách sít sao, tinh cần; ông thấy rõ sự sanh diệt, sanh diệt liên tục của các cảm giác, của các tri giác, của các tâm hành, của các ý nghĩ, nhận thức. Thế rồi, vị tỳ-khuru đắc A-la-hán quả, tuệ phân tích luôn cả các thắng trí.

Trong đêm, thọ hưởng hạnh phúc siêu thế, vị tỳ-khuru vô cùng tri ân đức Phật cùng bà mẹ. Tri ân đức Phật là chuyện của trời, người ba cõi. Còn bà mẹ này mới thật là kỳ diệu. Ông nghĩ: *“Không rõ do nhân duyên gì từ quá khứ mà bà đã giúp ta đến bờ siêu thế? Kiếp này thì thấy rõ rồi, còn các kiếp khác thì sao?”* Vị tỳ-khuru liền sử dụng túc mạng thông hướng tâm đến bà mẹ. Thì thấy rõ rằng, kiếp thứ chín mươi chín, bà là bạn gối chăn của ông. Nhưng bà đã sanh tâm ngoại tình, với một người, và đã ra tay giết ông một cách dã man! Ông nghĩ: *“Hóa ra, bà ta không những lang tâm trối nết mà còn hung dữ, ác độc nữa!”*

Trong lúc ấy thì bà mẹ cũng đang theo dõi vị tỳ-khuru xem thử tu tập ra sao. Bà thấy nhờ minh sát cái tâm mà vị tỳ-khuru đi vào đạo quả thứ nhất, đạo quả thứ hai, đạo quả thứ ba rồi sau đó bà không thấy gì được nữa. Bà nghĩ, phải chăng ông ta đã đi vào đạo quả A-la-hán rồi! Ồ! Đúng sự thật là vậy rồi!

Trong thời gian sau này, bà mẹ cũng chỉ dừng ngang nơi quả vị A-na-hàm chưa chứng rốt ráo được, nhưng bà lại có thêm một vài thắng trí khác nữa. Khi vị tỳ-khuru dùng túc mạng thông, theo dõi bà chín mươi chín kiếp

thì bà cũng thấy rõ kiếp thứ chín mươi chín ấy, bà là bạn đời của ông ta, thấy rõ mình ngoại tình và giết chồng! Bà bèn đi thử lên kiếp thứ một trăm thì thấy mình cũng là vợ của ông ta, nhưng kiếp này mình đã hy sinh mạng sống để cứu chồng!

Lúc vị tỳ-khuru dừng lại nơi kiếp thứ chín mươi chín, bà sử dụng thiên nhĩ thông, gởi vào tai ông ta rằng: “*Đi tiếp một kiếp nữa, kiếp thứ một trăm, nó sẽ khác!*”

Nghe lời bà, vị tỳ-khuru xem kiếp một trăm thì thấy bà hy sinh mạng sống cho mình! Ông nghĩ: “*Quả thật, kiếp ấy, bà là ân nhân thật sự của ta đó!*”

Khi bức màn tử sinh đã được vén mở. Và hai người có duyên nợ với nhau. Vị tỳ-khuru thử đưa lên bàn cân: “*Nếu coi việc bà giết ta rồi cứu ta là nhân quả sòng phẳng thì mình vẫn còn mắc nợ bà trong kiếp này*”. Nghĩ thế xong, vị tỳ-khuru dùng tha tâm thông, thiên nhĩ thông cùng tuệ vô lậu hướng dẫn bà mẹ Mātikagama cắt đứt những sợi dây ràng buộc vi tế còn lại. Nhờ vậy, bà mẹ Mātikagama đắc đạo quả A-la-hán.

Câu cuối cùng mà vị tỳ-khuru nghe được bên tai mình:

- Tôi xin cảm ơn ông! Mọi gánh nặng tử sinh và phiền não đã buông xuống trọn vẹn rồi. Bây giờ tôi đi trước vì tôi không còn việc gì để làm trên cuộc đời này nữa.

Thế là bà mẹ Mātikagama vô dư Niết-bàn ngay tại chỗ!

Sau này, đức Phật thuyết lại câu chuyện này, và ngài kết thúc bằng một bài kệ:

*Tâm ta nhanh nhạy, lẹ làng
Kiếm tìm dục lạc, chạy quàng, chạy xiêng
Lành thay! Chế ngự thành hiền
Tâm khéo điều phục, diệt phiền, được an!¹*

¹ Pháp Cú 35: "Dunniggaḥassa lahuṇo yattha kāmanipātino; cittassa dama-
tho sādhu cittaṃ dantaṃ sukhāvahaṃ".

Tỳ-khuru-ni Subhā
(Người cho con mắt
đẹp)



Vốn là con gái của một bà-la-môn danh giá nổi tiếng ở kinh thành Rājagaha (Vương Xá), vì có thân hình và tay chân rất đẹp nên nàng có tên là Subhā (người đẹp)¹.

Khi bậc Đạo sư ở Jetavana (Trúc Lâm), nàng hay đi nghe pháp nên có đức tin và trở thành một cận sự nữ. Càng nghe pháp chừng nào, nàng càng thấm thía sự mong manh của kiếp người, thấy sự nguy hiểm trong các dục và chỉ mong sự an tịnh trong đời sống viễn ly. Do vậy, nàng đã xuất gia với trưởng lão ni Gotamī, được hướng dẫn thiền quán, không lâu sau nàng đắc quả Bất lai.

¹ Ghi theo "Subhā ở rừng xoài Jīvaka (Therī,150)

Hôm kia, sau khi trì bình khát thực, ngọc trai xong, tỳ-khuru-ni Subhā đi vào rừng xoài của thần y Jivaka để nghỉ trưa. Trên con đường vắng, chợt một chàng trai du côn, du đãng thấy nàng đi một mình nên chặn lại và trăn tráo đòi thỏa mãn dục lạc. Tỳ-khuru-ni Subhā đã giảng dạy cho tên thanh niên hư hỏng một bài học về sự nguy hiểm của các dục, về sự an tịnh của đời sống viễn ly. Nói gì thì nói, lời nàng chỉ như nước đổ đầu vịt, thanh niên cứ đòi thỏa mãn cơn khát dục của mình cho bằng được.

Không biết sao hơn, tỳ-khuru-ni Subhā bèn hỏi lý do tại sao cứ khăng khăng đòi hỏi vô lý khi nàng đã xuất gia, sống đời vô dục. Thanh niên bảo là vì nàng đẹp quá, không cầm lòng được. Tỳ-khuru-ni Subhā bèn hỏi là đẹp ở chỗ nào? Thanh niên bảo là đôi mắt cô đẹp quá!

Tỳ-khuru-ni Subhā bèn móc một con mắt, trao cho chàng thanh niên rồi nói: *“Đây là con mắt mà người bảo là đẹp, người hãy lấy đi; còn đối với ta nó là con mắt có tội!”* Chàng thanh niên sợ hãi quá, khủng khiếp quá và xin nàng xá lỗi cho.

Tỳ-khuru-ni Subhā sau đó gặp đức Phật, do thần thông lực của ngài và còn do tâm xuất ly quá vi diệu của nàng mà con mắt khuyết được trở lại như cũ.

Bậc Đạo sư biết được tâm trạng, căn duyên và trình độ của nàng nên ngài đã giáo giới những điều cần thiết. Tỳ-khuru-ni Subhā cố trăn giữ sự hỷ lạc dâng đầy khắp cả người, phát triển thiền quán, chứng được quả vị A-la-

hán¹, với hiểu biết ý nghĩa và hiểu biết về pháp². Sau thời gian an trú niềm vui siêu thế, nghĩ đến những gì đã chứng được nàng nói lên câu chuyện của nàng với chàng thanh niên du đấng bằng những bài kệ; và các vị kết tập sư đã thuật lại như sau:

- Nơi khu rừng xoài của thần y Jīvaka. Có cây xanh, bóng mát. Có suối hát, lá reo. Có bình bông hương và bông bình nắng ấm. Có tỳ-khuru-ni Subhā. Một vị thánh A-na-hàm. Dung nghi dịu dàng. Từng bước đi nhàn thoát, thanh thoi. Hướng đến khu vườn. Một trú xứ tuyệt vời. Để thọ hưởng lạc thiên, lạc quả. Bất chợt có con trai người thợ bạc. Tướng mạo bảnh chọe, đẹp trai. Du gót lang thang. Nổi tiếng điếm đàn. Du côn, du đấng. Thấy nàng, hấn bèn ngáng đường chặn lại. Cắt lời sàm sỡ. Chọc ghẹo Thánh ni!

Nàng đưa đôi mắt dịu hiền, cất tiếng hỏi:

Này! Ta có gì sai quấy

(aparāddham)

Ta có gì làm lỗi

Ta có gì không phải

Đã xúc phạm đến người

Mà người lại chặn đường ta

Một nữ Ni phạm hạnh

Thật chẳng thích hợp chút nào

¹ Theo "Dictionary Pāli Proper Names".

² Cách nói khác về Tứ vô ngại giải.

Chẳng phải lẽ chút nào
 Khi mà một người đàn ông
 Lại đụng đến một người nữ xuất gia
 Đã lựa chọn con đường rời xa các dục
 Con đường trong sạch
 Con đường thiêng liêng
 Con đường không chút bợn nhơ
 (anaṅgaṇaṃ)¹
 Sao người dám cản đường ta
 Kẻ đã viển ly sắc dục
 Tâm ta thật thanh tịnh
 Tâm người không thanh tịnh
 Người đầy tham, đầy uế
 Ta không tham, không uế!

Chàng trai con người thợ kim hoàn nghe vậy, cất lời tán tỉnh say sưa:

Ôi! Nàng trẻ trung và xinh đẹp xiết bao!
 Sao lại phải xuất gia
 Xuất gia làm gì cho uổng phí
 Hãy quẳng áo cà-sa đi Và
 hãy đến đây cùng ta Vào
 cánh rừng trổ đầy hoa Mà
 tha hồ vui chơi dục lạc
 Nàng có thấy không

¹ Những ghi chú và những phóng tác này là dựa theo “Chú giải Trường Lão Ni Kệ” của William Pruitt, bản Việt ngữ của tỳ-khưu Siêu Minh -NXB tổng hợp Tp. HCM, phát hành năm 2008.

Cây cối tỏa hương thơm
Ngạt ngào khắp mọi nơi
Chỉ cần một cơn gió nhẹ thoảng qua
Là đất trời tràn ngập phấn hoa
Báo hiệu mùa xuân bắt đầu
(paṭhama-vasanto)
Là mùa của hạnh phúc
Là mùa của giao hoan dục lạc!
Nàng có nghe không
Từng mầm cây, ngọn lá
Đều cất tiếng thì thầm
Hoặc hát ca vui sướng
Dâng tràn bao cảm xúc
Thế mà nàng lại thui thủi một mình
Lặng lẽ đi vào rừng
Không có bạn đồng hành
Thì lấy gì làm thích thú?
Nàng có biết không
Rừng là nơi thanh vắng
Là nơi đầy kinh sợ
Những bày thú rình mồi
Chúng thường xuyên lui tới
Nào cọp, nào beo, nào sư tử
Lại còn những con voi cái động dục
Rống lên gọi đực
Khiếp đảm, kinh hoàng!
Nàng có biết không
Nàng là con búp bê vàng chói

Nàng là tiên nữ vườn trời
 Độc nhất vô nhị
 Tuyệt mỹ trên thế gian
 Nàng đắp lụa Kāsi
 Mướt mà, bóng loáng
 Duyên dáng, dịu dàng
 Ta sống nô lệ nàng
 Ta sẽ ngoan ngoãn phục dịch nàng
 (vasānugo)
 Không người nữ trên đời
 Không một sanh loại nào
 Mà ta yêu hơn nàng
 Hỡi nàng mắt dịu hiền
 Như mắt Kinnarī đa tình, quyến rũ
 Nếu nàng theo lời ta
 Sẽ sống tràn đầy hạnh phúc
 Nơi một trú cư lộng lẫy
 Trong tòa lâu đài rực rỡ
 (pāsāda-vimāna-vāsini)
 Có sự phục vụ ân cần
 Của người hầu, thị nữ
 Nàng khoác lụa mịn Kāsi
 Có vòng hoa, bôi sáp đỏ
 Ta làm nhiều trang sức
 Bằng châu báu ngọc ngà
 Nhiều kiểu dáng phong phú và sang quý
 Rồi nàng leo lên giường hoa
 Gõ chiêng đàn, lữ thom

(candana-maṇḍa-sara-gandhikaṃ)
 Che màn đẹp tinh sạch
 Có chấn mềm lông ngỗng
 Trái nệm lông cừu dài
 Nàng như một búp sen xanh vươn lên từ nước
 Chưa đụng tới bởi một người đàn ông nào
 (a-manussa-sevitaṃ)
 Bởi lẽ chỉ để dành cho thần linh
 Chẳng có ai dám thưởng ngoạn
 Nếu nàng sống phạm hạnh như vậy
 Một cuộc đời giới đức như thế
 Cũng tương tự như búp sen xanh kia
 Chưa ai được thưởng thức
 Tứ chi, thân thể nàng
 Rồi sẽ trải qua thời gian
 Yếu đau và già lão
 Thì quả thật là vô ích!

Nghe chàng trai ca ngợi, tán thán sắc đẹp nàng. Câu chữ như xoa dầu. Miệng lưỡi như bôi mỡ. Nàng bèn đáp rằng:

Nay hỏi chàng trai
 Ở đây là cái gì
 Nơi cái thân thể này
 Mà người xem là tuyệt diệu
 Ta chỉ thấy lông và tóc
 La liệt nơi bãi tha ma
 Thối tha và ghê tởm

Cái xác chết tan rữa
 Ruồi nhặng và sâu kiến
 Vậy người thấy cái gì
 Người thấy đẹp chỗ nào
 Nơi cái thân hôi hám này
 Khi người thốt ra lời
 Si mê, vô ý thức
 Tán dương sắc đẹp ta?

Khi được hỏi vậy. Chàng trai con người thợ bạc chú mục và đăm đăm nhìn nàng. Quả thật dù nàng không trang điểm. Mái tóc thanh xuân đã cắt bỏ đi rồi. Nhưng mà sao nàng lại tuyệt đẹp đến thế. Chỉ cái liếc mắt đầu tiên nhìn nàng. Chàng trai đã phải lòng rồi. Và yêu một cách thiết tha. Một cách say đắm. Bây giờ, rõ ràng là chàng trai bị hớp hồn bởi đôi mắt, bởi ánh mắt. Nên hắn đáp:

Chính đôi mắt nàng
 Trông tựa như mắt thỏ (tūri)
 Trông tựa như mắt nai
 Trông tựa như mắt gà mái
 Chỉ nhìn thấy đôi mắt ấy thôi
 Dục lạc ta tăng trưởng
 Ham muốn lại dâng trào!
 Ôi! Con mắt nơi gương mặt nàng
 Sáng chói như vàng ròng
 Sánh tựa búp sen xanh
 Vô úe, vô tỳ vết
 Chỉ nhìn thấy con mắt nàng

*Dục lạc ta tăng trưởng
 Ham muốn lại dâng trào!
 Cho dù nàng đi đâu xa
 Ta vẫn nhớ, vẫn hình dung
 Cặp lông mi đen dài
 (dīgha-pakhume)
 Không gì ta yêu hơn
 Ánh mắt tuyết trần ấy.*

Chàng thanh niên nói miên man, nói mê man ca tụng ánh mắt, con mắt, lông mi. Và có lẽ cậu ta cũng điên đảo, điên loạn, chết ngộp trong đôi mắt của vị nữ Ni. Nên nàng đưa ra những lời nhắc nhở:

*Này hỡi chàng trai
 Ngươi đã đi theo con đường xấu quấy
 Ngươi lại ham muốn ta
 Lại mong ước ta
 Khi ta đã là con gái của đức Phật
 Con gái đích thực của đấng Giác Ngộ
 Sao ngươi không đi tìm
 Những cô gái khác trên thế gian
 Thế là ngươi đã đi vào tà đạo
 Tà đạo thì nguy hiểm
 Vì phủ đầy chông gai
 Ngươi không sợ hãi ư?
 Chánh đạo thì vững chắc
 Thăng tấp và an toàn
 Nhưng ngươi lại bỏ qua*

Ngươi muốn tìm mặt trăng mà chơi
Ngươi muốn nhảy qua núi Mê-ru
Đấy là cái cách mà ngươi
Do điên loạn và ngu ngốc
Muốn tìm đến ta đó!
Nhà ngươi có biết không
Trên đời này, cõi trời
Bất kỳ thế giới nào
Ta không còn ước muốn
Ta không thích tham ái
Dẫu chúng là đối tượng nào
Khi thánh đạo khởi lên
Sẽ tiêu diệt cả thầy
Giết hại tận gốc rễ
Cả dây leo, tua uôn!
Ta muốn như vậy đó!
Giống như ngọn lửa hừng
Nhảy khỏi đồng than đỏ
Chỉ còn lại tàn tro
Ta muốn như vậy đó!
Tựa như bát thuốc độc
Bị ngọn lửa thiêu đốt
Khô cạn chẳng còn gì
Khi thánh đạo khởi lên
Chúng sẽ bị tống khứ
Chúng sẽ bị hủy diệt
Ta muốn như vậy đó!
Và này, hồi chàng trai

Có thể có nữ nhân
Đầu xuất gia theo Phật
Nhưng không học giáo pháp
Không hành theo giáo pháp
Không thấy rõ ngũ uẩn
Không am hiểu thấu đáo
Không quan sát kỹ càng
Bị ái tham chi phối
Bị dục lạc chi phối
Thì người hãy quỵến rũ
Hãy cám dỗ người ấy
Hãy mê hoặc người ấy
Làm hại được người ấy!
Còn ta thì sao nào
Ta đã có học tập
Ta đã có thực hành
Ta lại khéo quan sát
Thấy rõ nhân và quả
Nếu người tìm cách quỵến rũ ta
Thì người chỉ chuốc lấy sầu khổ
Cả bây giờ và cả tương lai!
Là con gái của đức Phật
Là con gái của đức Chánh Đẳng Giác
Ta thường trực chánh niệm
Ta thường trực tỉnh giác
Thấy rõ trò múa rối
Của tướng tri và ảo vọng
Thấy mắng nhiếc và khen thưởng

Hoặc lãng nhục, kính trọng
 Thấy hạnh phúc và đau khổ
 Hoặc khoái lạc, khó chịu
 Chỉ là cặp phạm trù tương đãi
 Hữu vi và vô thường
 Là bóng chớp, bọt nổi
 Trong ba cõi, bốn loài
 Là cấu uế, lậu hoặc
 Đều sâu bi, ưu não
 Nơi những sanh hữu ấy
 Thật chúng chẳng có gì
 (sabbasmim yeva)
 Cũng chẳng có điều gì
 (sabbatth'eva)
 Để tâm ta dính mắc
 Để tâm ta chấp thủ
 Ta là đệ tử Ni
 Con gái đức Thiện Thệ
 Ta đã dẫn thân bước
 Ta đang di chuyển theo
 Trên đường đạo tám ngành
 (magga'atṭhaṅgika-yāna-yāyini)
 Mũi tên đã được rút ra
 (uddhata-sallā)
 Vô bệnh, vô tỳ vết
 Tâm tràn đầy an hỷ
 Nơi trú xứ thanh tịnh
 Và này chàng thanh niên

Ngươi bảo ta là búp bê vàng chói
Búp bê ấy là gì nào
Mà khéo tô, khéo vẽ
Khéo sơn quét, điểm trang
Những con rối bằng gỗ
(dāruka-pillakāni)
Có những khúc cây được cột vào
Bởi những sợi dây kết buộc
Cũng có tay, có chân
Có thân thể, mặt mũi
Thế rồi, những vũ nữ
Được kéo vào, thả ra
Nó nhảy múa, lắc lư
Nhiều điệu dáng khác nhau
Tất là được hình thành
Do sự kết hợp ấy
Bây giờ, này chàng trai
Nếu gỗ được tháo rời
Dây que ấy được rút
Nếu cây hết kết buộc
Nói kết bị loại bỏ
Búp bê sẽ không còn
Múa rối rời cũng dứt
Chẳng còn gì nữa cả
Vậy ngươi say đắm ở chỗ nào
Thân ta đây cũng vậy
Do bốn đại kết hợp
Đến khi chúng rã tan

Chẳng còn gì nữa cả
VẬY NGƯỜI SAY ĐẮM Ở CHỖ NÀO?
NGƯỜI BẢO TA LÀ TIÊN NỮ NHÀ TRỜI
LÀ DO NGƯỜI TỰ VẼ
DO TÂM Ý SAY ĐẮM
DO TÂM Ý MÊ TƯỢNG
CHỈ LÀ HÌNH VẼ THÔI
NHƯ HÌNH VẼ TRÊN TƯỜNG
NÓ GIỐNG NHƯ ẢO MỘNG
NÓ GIỐNG NHƯ ẢO GIÁC
NÓ GIỐNG NHƯ ẢO THUẬT
NHƯ CÂY VÀNG TRONG MỘNG
MÙ LÒA NGƯỜI CHẠY THEO
CÁI TRỐNG KHÔNG, KHÔNG THỰC
CHẲNG CÓ GÌ Ở ĐÁY CẢ!
NGƯỜI TÁN DƯƠNG TA ĐẸP
MẮT GÀ MÁI, MẮT NAI
CŨNG DO NGƯỜI VẼ RA
VẼ RA VÀ TƯỢNG TƯỢNG
ĐÔI MẮT TA ẤY À!
CHỈ LÀ CỤC BI TRÒN
ĐẶT VÀO TRONG HÓC MẮT
MỘT LỖ TRỐNG BỤNG CÂY
NÓ RỈ RA NƯỚC MẮT
NÓ TIẾT RA CỨT GHÈN
DƠ UẾ VÀ HÔI HÁM
THỂ MÀ NÀY, CHÀNG TRAI

Ngươi lại khen đôi mắt
 Ngươi lại si đôi mắt
 Nhưng đối với ta
 Do nó ngươi mê cuồng
 Do nó ngươi say đắm
 Vậy thì đối với ta
 Nó sinh ra tội lỗi Giờ
 ta sẽ cho ngươi Con
 mắt 'tuyệt vời' ấy!

Nói thế xong, nữ Ni phạm hạnh, với tâm không chấp trước, với tâm rất thản nhiên, bóc một con mắt đẹp, trao cho chàng thanh niên. Và nói:

Hãy cầm lấy
 Con mắt ô uế này
 Đi đâu cho khuất mắt!

Chàng trai du đang thấy vậy, toát mồ hôi, kinh hoàng. Thân tâm đều bủn rủn. Khi ấy tham liền diệt. Hấn khăn cầu xin lỗi:

Mong rằng Phạm hạnh Ni
 Được an ổn trở lại
 Ta sẽ không còn dám
 Xâm phạm thế này nữa
 Tội lỗi ta đã làm
 Chẳng khác ôm lửa hừng
 Như thế nắm rắn độc
 Ta sẽ bị quả báo
 Mong người hãy tha thứ!

Thoát khỏi bị xúc phạm, vị tỳ-khuru-ni ấy, từ đây đi đến đánh lễ đức Giác Ngộ thù thắng; thấy được tướng công đức, quang hảo và mỹ toàn của ngài, mắt của nàng hồi phục, được trở lại như xưa.

Hoàng hậu Mahāmāyā

(Phật
mẫu)



Dưới chân ngọn Himalaya cao ngất tầng mây, có vương quốc Kapilavatthu nhỏ bé, cổ xưa, có núi sông xinh tươi, kỳ vĩ, chính là quê hương ngàn đời của dòng giống Sakyā anh hùng đã đến đây lập quốc từ thời Okkāka đệ tam. Đức vua hiện tại là Suddhodana, hoàng hậu là Mahāmāyā.

Mahāmāyā là em ruột của đức vua Suppabuddha ở vương quốc Koliyā kế cận¹, cách nhau bởi con sông Rohini. Đức vua Suppabuddha lại kết duyên với bà Amitā Pamitā, là em gái của đức vua Suddhodana. Vì vậy tình thân của hai vương quốc này như da với xương, như môi với răng...

Mahāmāyā kết tóc se tơ với vua Suddhodana năm vừa mười sáu tuổi. Bà có năm vẻ đẹp và sáu mươi bốn tướng tốt của người phụ nữ; tính tình mềm mỏng, dịu dàng, đoan trang, phúc hậu lại giàu lòng nhân ái nữa - do sự tích lũy công hạnh Pāramī đã một trăm ngàn kiếp về trước, và từ đó về sau, qua các kiếp sống, bà luôn giữ tròn ngũ giới². Em ruột của bà là Pajāpati Gotamī cũng cùng chung mối lương duyên này, làm hoàng phi của vua Suddhodana. Thế nhưng, đã lớn tuổi mà hai bà vẫn không có con, đức vua trông người nối dõi đã mỏi mòn con mắt.

¹ Vương quốc Kiliyā cũng thuộc dòng dõi Sakyā.

² Theo Dictionary of Pāli proper names - q.2 - trang 609.

Ngày ấy, theo lệ thường vào mỗi buổi sáng, đức Mahāmāyā thức dậy thật sớm, tắm rửa sạch sẽ, nếu đúng kỳ đầu và giữa tháng thì bà thọ bát quan trai giới¹. Khi tiếng trống từ lâu thành đã điểm tàn canh ba² là lệnh bà đã chuẩn bị sẵn sàng cùng với thị nữ thúng kiệu ra ngoại thành, các phường áp xa xôi để làm việc từ thiện. Đây là niềm vui của lệnh bà, mà chính đức vua Suddhodana cũng khuyến khích điều ấy. Nhà vua còn thăm nguyện rằng, biết đâu nhờ việc thiện ấy mà các vị thượng đẳng thần trên đầu trên cổ thương xót mà ban cho họ một mụn con trai?

Lệnh bà Mahāmāyā bố thí rất nhiều; lúc rau trái, lúc y áo, lúc chăn nệm, lúc thuốc men, lúc lương thực gạo bắp, sắn khoai hoặc tiền bạc... Với tâm bi mẫn, lệnh bà bố thí có đến bốn ức³ đồng tiền vàng vào mỗi ngày như thế. Những giọt sương nhân ái kia đâu không thấm đẫm được sa mạc cuộc đời nhưng cũng mát dạ những loài lau cỏ thân phận thấp hèn, bé mọn!

Hôm kia, sau khi trao tặng hết đồng tiền cuối cùng, như có mối giao cảm linh thiêng nào đó, lệnh bà cảm thấy tâm hồn an vui, thư thái lạ lùng, niềm hỷ lạc lâng lâng no đầy suốt cả ngày. Đêm ấy, lệnh bà đi rồi từ từ chìm vào giấc mộng huy hoàng, mát mẻ. Tứ đại vào giấc ngủ

¹ Bát quan trai giới: Không sát sanh, không trộm cắp, không hành dâm, không nói dối, không dùng các chất say, không ăn quá ngọ, không múa ca hát xướng, trang điểm, phấn son và không nằm chỗ cao đẹp, sang trọng.

² Canh ba: Đêm Ấn Độ chia làm ba canh.

³ Ưc: 100.000.

an lành Thiên vương¹ cao sang, chói sáng từ hư không hiện xuống, phò long sàng của lệnh bà đi vào ngọn núi Himavā rất cao trên tuyết lãnh. Với cử chỉ nghiêm cẩn và đầy trân trọng, Tứ đại Thiên vương đặt lệnh bà trên tảng đá cao sáu mươi do-tuần, dưới gốc cây sāla cao một trăm do-tuần, gần ao lưu ly Anotatta, đoạn thỉnh lệnh bà xuống tắm. Các vì thiên nữ kiêu diễm đến nghinh tiếp lệnh bà bước xuống trên vùng hoa sen trắng tỏa hương ngào ngạt. Xong đâu đó, họ mang trân châu, bảo ngọc và hương hoa của cõi trời trang điểm cho hoàng hậu rồi thỉnh lệnh bà vào nghỉ trong một tòa lầu bằng bạc.

Phía Bắc có một quả núi bằng vàng long lanh chói mắt, đủng đỉnh bước ra một con voi trắng to lớn, sáu chiếc ngà như sáu cánh tay trân trọng ôm một đài sen trắng tươi thắm còn đọng sương mai. Bạch tượng đi quanh về hướng Đông, tiến xuống phía Nam, rống một tiếng to, nhiều ba vòng về phía hữu quanh long sàng rồi chui vào hông phải của hoàng hậu.

Đại bồ-tát, thiên tử Setaketu từ cung trời Tusita, thế là đã giáng sanh vào lòng Phật mẫu Mahāmāyā.

Sáng ngày, trong không gian còn tỏa nức mùi hương, lệnh bà cảm thấy tinh thần phơi phới và tâm hồn thanh khiết một cách kỳ lạ. Đức vua Suddhodana được nghe lệnh bà kể lại, lập tức lâm triều, cho vời sáu mươi bốn vị bà-la-môn tinh thông điếm triệu đến bàn về giấc mộng ấy.

¹ Four Mahārāja-Gods.

Nghe xong, tất cả các thầy bà-la-môn đều phủ phục lay mừng. Một vị cất giọng sang sảng:

- Quả thật là giấc mộng đại cát tường, tâu đại vương! Thế là hoàng hậu đã thọ thai một nhân cách phi phàm, cao cả; là linh khí kết tụ của núi sông, nhật nguyệt muôn triệu năm mới có một lần. Đây chính là một ân sủng thiêng liêng mà đức Brāhman đã ưu ái ban tặng cho đại vương.

Đức vua Suddhodana vô cùng đẹp dạ, ban thưởng trọng hậu cho các thầy bà-la-môn rồi truyền ngự y túc trực sẵn sàng để săn sóc sức khỏe cho hoàng hậu.

Tứ đại Thiên vương nhận được lệnh từ thiên chủ Sakka; thay nhau cầm bửu kiếm hộ trì lệnh bà luôn suốt mười tháng như thế.

Đại bồ-tát từ khi vào lòng Phật mẫu, gá thai bào, lần lần lớn lên, không hề làm cho lệnh bà khó chịu; trái lại, được sức khỏe, an vui và mát mẻ hơn. Thai nhi ngồi an nhiên ở trong bụng như một bức tượng vàng trong động báu, chân xếp kiết già, hướng mặt ra phía trước rất khác với phàm nhân.

Thế rồi... tháng ngày chim ca hoa nở, lá nẩy hương, chồi xanh nẩy ngọc, trăng thanh gió mát, phơi phới mây lành... khắp nơi cung tía lầu son, nhạc vui thanh thoát, tiếng cười nói dịu dàng... bao quanh hoàng hậu như tạo thêm duyên lành cho đấng siêu việt sẽ ra đời.

Đến ngày trăng tròn tháng Vesākha, theo phong tục thời bấy giờ, hoàng hậu xin được phép về kinh đô Devadaha, nước Koliyā, là quê mẹ của lệnh bà để chờ ngày

mãn nhụy khai hoa. Thế rồi, một toán phi mã cấp tốc mang thông điệp của đức vua Suddhodana sang đức vua Suppabuddha đưa tin ngày lệnh bà lên đường. Dân chúng cả hai nước hơn hờ chào đón ngày vui, họ tự động sửa sang đường sá, cầu cống, khe rạch; nhà nhà treo đèn kết hoa, cờ ngũ sắc... rực rỡ, náo nhiệt, tung bừng...

Hôm ấy, trời thanh, gió nhẹ; lệnh bà bước lên kiệu hoa có cung nga dìu hai bên. Hoàng phi Pajāpati Gotamī cùng thị nữ thân tín bước lên những chiếc kiệu sang trọng khác. Đoàn người rầm rộ lên đường, trước sau có hai đội quân danh dự của hoàng gia nai nịt, yên cương, quân phục, khí giới, giáp bào sáng chói, uy nghi trên thân chiến mã cẩn trọng hộ giá. Ra khỏi cổng thành kinh đô hoa lệ, đoàn xa giá lần ra ngoại ô. Hai bên đường, dân chúng hò reo, tung hoa, rải nước. Khi tới một rừng cây sālā, thuộc lâm viên Lumbinī, giáp ranh biên địa hai nước, thấy phong cảnh xinh đẹp lạ thường, hoàng hậu Mahāmāyā truyền lệnh dừng lại. Lúc ấy cả rừng hoa sālā trổ hoa trái mùa, rực rỡ phô sắc giữa những mảng màu xanh biếc. Hoàng hậu Mahāmāyā thấy lòng khoan khoái, thanh thản dạo chơi. Sao lạ? Không khí như ướp hương, muôn chim như trỗi nhạc; trời đất, cây lá, cỏ hoa... tất thảy đều xanh trong, mịn màng như nhung, như ngọc... Đến một góc cây sālā đại thụ, hoa nở từ gốc tới ngọn, kết dẹt như một tấm thảm gấm, hoàng hậu ngược nhìn. Có một vôi hoa vươn dài ra, hoa to và đậm sắc - hoàng hậu đưa tay định nếm. Bất chợt, vôi hoa ấy đột nhiên oằn xuống rồi đặt nhẹ lên lòng bàn

tay của lệnh bà. Ngay lúc ấy, hoàng hậu Mahāmāyā trở dạ, cung nga thể nữ hồi hải giảng mãn. Đại bồ-tát đản sanh trong giờ phút thiêng liêng này. Ngài ra khỏi lòng mẹ nhẹ nhàng như vị pháp sư duỗi chân bước xuống pháp tòa.

Và đồng thời, như va đập vào cánh cửa huyền mật, siêu nhiên; ba tầng trời thấy đều rung động, đại địa chao đảo, nước biển trong bốn đại dương dâng cao, âm ào vỗ giữa hư không. Thiên nhạc trỗi lên, thiên hoa tung bay; phạm thiên, chư thiên trong ba ngàn cõi mở hội vui mừng. Hai con rồng vàng trong mây xanh bay sà xuống, tuôn hai vòi nước nóng và lạnh ngào ngạt hương, tắm cho đại bồ-tát. Bốn vị đại phạm thiên ở cõi trời Tịnh Cư đứng bốn góc, giăng tấm lưới bằng vàng mịn đỡ thân đại bồ-tát không cho rơi xuống đất. Họ nói thoảng vào tai lệnh bà Mahāmāyā rằng:

- Xin hoan hỷ chúc mừng hoàng hậu. Vị ấu nhi này sẽ là một bậc thiên hạ vô song, trí tuệ và đức hạnh khắp cả ba cõi, sáu đường không ai dám sánh. Ngài chính là một bậc Vô thượng Chí tôn.

Lời vừa dứt, Tứ đại Thiên vương đã che chiếc lọng báu và đưa tấm nhung mịn tiếp bồng ngài, rồi trao qua cho cung nữ ẩm ngài trên tấm lụa Dukūla.

Bỗng, đại bồ-tát vùng đứng dậy, đi về hướng Đông bảy bước, dưới đất trời lên bảy hoa sen đỡ gót chân ngài, có hai vị thiên bung năm món triều phục của Chuyển luân Thánh vương đi hầu hai bên. Đại bồ-tát một tay chỉ thượng, một tay chỉ hạ, nói lên câu kệ:

*Aggohamasmi lokasmiṃ
 Setṭho jetṭho anuttaro
 Ayamantimāme jāti
 Natthi dāni punabbhavoti.*

Nghĩa là: “*Ta là chúng hữu tình cao quý và lớn hơn tất cả các loài trong tam giới. Đây là kiếp cuối cùng của ta. Ta sẽ không còn luân hồi tái sinh nữa*”.

Kinh kể rằng, ngay khi đại bồ-tát đản sanh, vì do túc duyên ba-la-mật từ nhiều a-tăng-kỳ kiếp, lúc ấy cùng có bảy nhân vật đồng sanh¹ để trợ duyên cho quả vị Chánh Đẳng Giác:

Như vậy là nhằm ngày trăng tròn tháng Vesākha, năm sáu trăm hăm ba trước Tây lịch kỷ nguyên, tại kinh thành Kapilavatthu thuộc vương quốc Sakyā cổ kính, bên ranh giới Tây Bắc Ấn Độ thuộc xứ Népal ngày nay, dưới chân ngọn Himalaya hùng vĩ, trong vườn Lumbinī, đã giáng sinh một hoàng tử mà sau này trở thành giáo chủ của những giáo chủ, đạo sư của những đạo sư vĩ đại nhất trên thế gian, trong lịch sử loài người, đó là đức Siddhattha, họ là Gotama, vua cha là Suddhodana, mẫu hậu là Mahāmāyā.

Đạo sĩ Asita sau khi đoán mộng cho ấu nhi, chắc chắn ba mươi lăm năm sẽ trở thành một đức Chánh Đẳng Giác, đã nói với hoàng hậu Mahāmāyādevī như sau:

¹ Công chúa Yasodharā; Ānanda, con thân vương Amitodana, em ruột đức vua Suddhodana; Channa, người hầu ngựa; Kāḷudāyi, con một lão thần lương đồng, sau này thỉnh đức Đại Giác về thăm Kapilavatthu; Ngựa Kaṇṭhaka; cây Bodhi, nơi Phật ngồi thành đạo; Bốn hăm châu ngọc.

- Tâu lệnh bà! Chư thiên và nhân loại rất cảm kích và tri ân lệnh bà đã cứu mang một bậc vĩ nhân, một hiện thân siêu phàm. Lệnh bà sẽ trở thành một vị Phật mẫu đúng theo đại nguyện của lệnh bà từ nhiều kiếp trước. Ân đức và phước báu của lệnh bà quá lớn, hàm tàng một năng lực quá mạnh, sợ rằng thân thể nặng nề ô trọc của thế gian tứ đại kia không đủ sức chở mang được nữa. Bảy ngày sau, lệnh bà sẽ từ bỏ nhục thân ấy, hóa sanh làm một vị thiên nam ở cung trời Tusita (*Đầu-suất*)! Rồi bốn mươi hai năm sau¹, khi nhân duyên tròn đủ, chính đức Chánh Đẳng Giác - con trai vĩ đại của lệnh bà, sẽ lên cõi trời Ba Mươi Ba thuyết pháp để trả nợ ân huyết sữa; và lệnh bà sẽ đắc quả Thánh ở đây, vĩnh viễn sẽ không còn trở lại chốn trần gian đầy thống khổ này nữa!

Thật quả như lời tiên tri của đạo sĩ Asita, bảy ngày sau, hoàng hậu Mahāmāyādevī không bệnh, mỉm cười lia trần, tức khắc hóa sanh vào cung trời Tusita - có tên là Māyādevaputta.

Ôi! Không ai dễ gì có đủ phước báu để làm mẹ của một vị Phật. Sử liệu còn ghi rõ rằng, trong rất nhiều Jātaka, bà đã làm mẹ của đại bồ-tát, như trong Alīnacitta, trong Kattahari, trong Kurudhamma... bởi lời nguyện dưới chân đức Phật Vipassī chín mươi một đại kiếp về trước².

¹ Chỉ vào hạ thứ 7 của đức Phật, ngài đã lên cung trời Đao Lợi thuyết tạng Abhidhamma để độ Phật mẫu. Thiên tử Māyādevaputta đã từ Đầu Suất sang để thỉnh pháp, đắc quả Tu-đà-hoàn.

² Xem tự điển đã dẫn, q.2 - trang 610.

Puṇṇikā

(Cô gái nô lệ đội nước)¹



¹ Xem " Therī Upadāna Pāḷi (38. Puṇṇāpadānaṃ)



con

gái
đức

Phật

*Thân phận chiêm-đà-la
Như bọ hung đội phần
Như dòi trong hầm xí
Hôi hám và dơ dáy
Bị mọi người coi khinh
Bị xã hội ruồng bỏ
Làm những việc hạ tiện
Như nạo vét ống cống
Như chùi rửa cầu tiêu
Giặt vật dơ, vật uế
Lau góc nhà, xó bếp
Cạo nôi niêu, soong chảo
Đội nước và gánh phân
Chăn dê và chăn bò
Ngủ hoang giữa chuồng trại
Không tắm đấp, tắm nằm
Quen muỗi lằn, sâu kiến
Quen đất cát, bụi bân
Nhận chửi mắng, đánh đập
Chịu tra tấn, đòn vọt*

Là sở hữu của chủ
Muốn làm gì thì làm
Như kê chân, lột thân
Như giải tỏa tình dục
Rao bán như món hàng
Chọn mông và chọn vú
Chọn sẵn chắc, cơ bắp
Có cả quyền giết chết
Vì chúng không phải người
Là con heo, con chó
Là con bò, con trâu
Là công cụ sản xuất
Là công cụ phục dịch
Nô lệ đến suốt đời
Đổ mồ hôi, nước mắt
Ăn cơm thừa, canh cặn
Bệnh tật và ốm đau
Mụn nhọt và lở loét
Chết thì quăng bãi cốt
Xương thịt lẫn rã hoại
Tứ đại trả tứ đại
Chỉ còn lại hư vô
Nỗi đau và nỗi nhục
Chỉ còn lại hư vô
Kêu than không thấu trời
Rên rĩ không đung đất
Thượng đế cũng ngoảnh mặt
Vô cảm và vô tri

*Bỏ mặc cháu con ngài
Tàn ác và bất nhân
Cho trần gian tự diệt...*

Bài thơ kệ ngữ ngôn ấy - là đặc tả thân phận của hạng người bần cùng, hạ liệt, bất hạnh nhất trong xã hội Ấn Độ thời đức Phật. Họ bị đẩy ra khỏi bốn giai cấp, được gọi là chiêm-đà-la. Họ sống lúc nhúc như sâu, như dòi trong các mương cống, trong những cái chòi rách nát, tối tăm như hang cáo, ổ chuột... bao giờ cũng cách ly với các giai cấp khác. Có một số tiện dân sống nô lệ mãi đời trong các trại sản xuất đủ loại như chăn nuôi, trồng trọt; trong các gia đình ông chủ lớn, ông chủ nhỏ như thương gia, tiểu phú, đại phú, bà-la-môn, quý tộc...

Cô gái có tên là Punṇikā được nói lên ở đây là tiện dân, thuộc hạng người chiêm-đà-la ấy. Nhưng cô lại được năm điều may mắn, diễm phúc hơn các cô gái khác cùng hạng. Một là cô có chút học hành, có kiến thức, tri thức. Hai là cô có sắc đẹp, tuy không hơn ai, nhưng mặn mà, duyên dáng, nổi bật hẳn trong chúng. Ba là cô được phước lành làm nô lệ trong đại gia tộc của trưởng giả Cấp Cô Độc (*Āthapiṇḍika*), một cận sự nam thuần thành của đức Phật, giàu tín tâm và lòng nhân ái. Bốn là cô có chỗ ăn chỗ ở đàng hoàng, xiêm áo đầy đủ và ăn uống không hề thiếu thốn. Năm là cô được làm thường xuyên một công việc xem ra là nhẹ nhàng nhất, ấy là việc đội nước...

Tuy nhiên, cô buồn, cô bức, cô chán, cô ghét, cô hận, cô luôn muốn bứt thoát ra khỏi gông xiềng, bẻ gãy cái lồng

sắt để bước ra thế giới bên ngoài, muốn hít thở không khí trong lành và mát mẻ của tự do.

Trưởng giả Cấp Cô Độc đối xử rất công bằng, rất tốt đối với bọn nô bộc, nô lệ; ông còn khuyên mọi người sống hiền lành, tập giữ ngũ giới, bát quan trai giới. Ai mà làm được thế, ông thưởng bằng nụ cười nhân hậu cùng với gạo tiền, vải vóc, mùng mền, xiêm áo... Ông thấy ai giỏi giang, chất phác, thuần hậu, chăm công, chăm việc trong một thời gian nào đó, ông sẵn sàng xóa bỏ đời sống nô lệ, muốn đi xuất gia theo Phật hay lập gia đình, cũng được, ông sẵn sàng tạo cho công ăn việc làm như một con người tự do!

Punṇikā biết vậy nên cô luôn luôn cố gắng chăm chuyên, cần mẫn trong công việc đội nước và cô còn tự ý làm cả những việc ngoài bổn phận của mình. Giỏi giang thế nhưng dường như không ai thích cô bởi cái mặt luôn luôn héch lên trời, bởi cách nói như luôn chứng tỏ sự hiểu biết của mình; bởi cái lưng làm ai cũng có cảm giác như luôn ưỡn lên, dựng thẳng lên; bởi cái nụ cười không bao giờ có vẻ tự nhiên, hồn nhiên mà là như biếm nhẽ, ngạo mạn; bởi cái giọng nói làm ai cũng cảm giác chua như dấm, đắng như trái bồ hòn! Đúng rồi, Đúng là cô quá cao ngạo, quá ngã mạn! Cô cao ngạo, ngã mạn trong khi giao tiếp, khi nói chuyện, trong việc làm, lúc ra đường và cả trong góc bếp. Đến nỗi cái cách đội nước của cô người ta ai cũng ghét - có cái gì đó chứng tỏ như: “*Ừ, thì là việc của ta đây! Ừ, ta là nô lệ đây! Ừ, thì ta là vậy đây!*” Là nô lệ

nhưng cô không bao giờ tránh mặt hay tránh bước chân các giai cấp khác. Gặp lúc phải nói chuyện với họ, cô xưng tôi và đối thoại như ngang hàng chẳng sợ gì cả. Cô chỉ kính nể có đức Phật, chư tăng ni giáo hội và ông bà chủ Cấp Cô Độc mà thôi. Vua chúa, bà-la-môn, tướng lãnh, quý tộc, đại phú gia, tiểu phú gia... cô cũng khinh khỉnh, không thèm kính trọng, hạ mình làm gì!

Punṇikā biết, khổ nổi là cô gái tự biết mà cô không thể thay đổi được; cái kiêu ngạo, ngã mạn ấy nó ngủ ngầm trong dòng nghiệp rồi, tạo nên bản chất, cá tính sâu dày mất rồi. Cô không thể học được sự khiêm cung, nhún nhường, từ tốn, bao dung, rộng lượng, nhân ái như ông Cấp Cô Độc được. Đôi khi cô cũng tự thẹn, thấy ghét mình, căm mình... nhưng sáng ngày ra, tánh nào tật ấy, không thay đổi được. Cái cao ngạo, ngã mạn là một cái gì như năng lực ngầm, lại cuốn hút cô đi, tác động lên thân, lên khẩu, lên ý...

Hôm kia, vào một ngày đông lạnh, cô lại đi đội nước như thường lệ, chuyến này rồi chuyến khác. Khi thò cái hũ xuống nước, bàn tay của cô tê cóng, như bị đóng băng. Có cái gì nghe bì bõm. Khẽ nhìn ra xa. Một người đàn ông bà-la-môn tím thâm cả mặt mũi đang tắm rửa, cọ xát trong dòng nước lạnh buốt. Cô tự nghĩ: *“Rửa tội ư? Quả là một tin tưởng ngu ngếch! Cái đầu óc của ông đạo sĩ kia có lẽ làm bằng đất sét chẳng? Bằng cái mê muội đặc sệt, trơn lì, đóng chai trong tâm thức truyền đời mà tư duy, hiểu biết không thể động cựa, nhúc nhích được chẳng? Rõ thảm!”*

Nâng được hũ nước lên bờ, cô rướn lưng đứng thẳng, quay sang phía ông đạo sĩ, ngửa mặt lên trời, nói lớn:

- Chà, tôi vọc nước, mức nước trong cái giá băng của dòng nước, tôi chịu khổ sở là vì công việc, là vì thân phận nô lệ, là vì sợ bị chủ rầy, chủ phạt, chủ đánh. Còn ai kia là tại làm sao vậy ha? Không biết là do sợ hãi điều gì, ai rầy, ai phạt, ai đánh mà phải chịu khổ sở, tím tái trong dòng nước lạnh buốt kinh khủng như thế - này hỡi người bà-la-môn!¹

Người bà-la-môn ấy tên là Sotthiya - cũng là một đạo sĩ hữu danh - thấy cô gái đội nước, hạng tiện dân lại nói trống không, kiêu ngạo như thế, ông giận run. Cố gắng kiềm chế cơn giận, ông nói:

- Ta nghe ông trưởng giả Cấp Cô Độc có một cô gái nô lệ, không cạm chịu thân phận mình mà thường hồng hách, vô lễ, cao ngạo - có tên là Punṇikā; với miệng lưỡi chanh chua như vậy thì đúng Punṇikā là cô đây rồi. Nhưng ta cũng không chấp làm gì!

Này cô Punṇikā! Chính cô biết rõ ta tắm trong nước là ta muốn tẩy ố, muốn rửa cho sạch hết tội lỗi nơi thân, nơi tâm - là cái tín ngưỡng thiêng liêng của đạo bà-la-môn từ ngàn xưa mà! Tại sao đã biết rồi mà cô lại giả vờ muốn hỏi? Cái cách hỏi của cô dường như là muốn chắt vắn, muốn chỉ trích cái cách ta đang ngăn điều ác, bằng việc

¹ Phỏng dịch từ đoạn Pāli: Udahārī ahaṃ sīte sadā udakamotarim, ayyānaṃdaṇḍa bhayabhīta vācādosabhayattitā. Kassa brāhmaṇa tvam bhīto sadā udakamotari, vedhamānehi gattehi sitaṃ vedayase bhusaṃ.

làm lành tốt như thế này hay sao? Bất cứ ai dù già, dù trẻ mà trước đây đã từng tạo nghiệp bất thiện qua thân, khẩu ý - nếu được tắm rửa thường xuyên trong dòng nước mẹ thiêng liêng liêng này - thì đều được giải trừ tất cả mọi ác nghiệp, mọi tội lỗi! Cô không biết thế sao?¹

Cô gái chột cười hì hì:

- Trâu bò tắm sông còn nhiều hơn cả các ông đạo sĩ bà-la-môn. Chắc bây giờ trâu bò quanh hai bờ sông Gaṅgā đều đã thành thánh cả rồi, phải vậy không, thưa ngài?

Nghe cô gái nói “trâu bò”, ông Soṭṭhiya giận run:

- Người dám...

- Phải! Tôi dám chứ! Nếu ngài rửa tội trong bao năm, chắc hẳn ngài sẽ thành thánh trước cả trâu, cả bò, thưa ngài!

Đạo sĩ Soṭṭhiya giận run lẩy bẩy. Vừa lạnh, vừa giận - nhưng ông không đáp nổi trước cô gái quá quắt!

Cô gái cười dài như cổ chọc giận thêm:

- Đạo sĩ nếu đã thành thánh thì chắc không còn giận, không còn sân, ở đây thì ngược lại. Chứng tỏ gì? Chứng tỏ quan niệm tắm nước sông Gaṅgā tẩy sạch hết tội lỗi là một tín ngưỡng sai lầm, si ngốc!

Đạo sĩ Soṭṭhiya im sững, không đáp được.

¹ Phỏng dịch từ đoạn Pāli: Yo vuḍḍho daharo vāpi pāpakammaṃ pakub-bati, dakābhisiñcānā bhoti pāpakammā pamuccati. Uttarantassa akkhāsīm dhammatthasaṃhitam padaṃ, tam ca ñātvā sa saṃviggo pabbajitvā 'rahā ahu.

Cô gái tấn công tiếp:

- Nước chỉ rửa sạch thân thể, không thể rửa sạch cái tâm được, thưa đạo sĩ khả kính! Bằng chứng là cái tâm tham, sân, si của đạo sĩ vẫn còn y nguyên. Phải biết nhúc nhích cái đầu óc một chút mà tư duy cho đúng đắn, chân chính và sâu sắc hơn...

Thấy đạo sĩ có vẻ im lặng lắng nghe, cô gái chậm rãi thuyết giảng:

- Ông chủ của tôi, trưởng giả Cấp Cô Độc từ khi gặp giáo pháp của đức Phật Cù-đàm, ông cúng dường gần hết cả gia sản mà ông luôn tươi cười, vui vẻ, rộng lượng, tham sân si gì đó dường như diệt mất gần hết. Ông như ông thánh vậy đó. Tu vậy mới gọi là tu! Còn ông thì sao nào? Chẳng biết tu làm sao cả! Vậy là nhờ cái nước sông ngu ngốc kia tu giùm, nó rửa tội giùm cho! Hãy tỉnh trí lại đi! Hãy bỏ cái đạo si mê kia mà tu theo giáo pháp của ông Phật Cù-đàm đi!

Trời lạnh, nước lạnh mà “bài giảng” của cô gái “trời đánh thánh vật” càng làm cho ông bà-la-môn lạnh hơn. Nhờ lạnh hơn cho nên ông tỉnh ngộ, thời gian sau, ông bỏ tất cả xin xuất gia tỳ-khưu trong giáo pháp của đức Đạo sư và trở thành một vị A-la-hán.

Còn cô gái? Hôm kia, trưởng giả Cấp cô Độc kêu cô lại và nói:

- Con đã làm việc rất tốt trong bao nhiêu năm qua, hôm nay ta tuyên bố là sẽ xóa thân phận nô lệ cho con. Vậy con sẽ thu xếp đời mình từ đây về sau như thế nào,

con hoàn toàn tùy nghi chọn lựa. Ta hứa sẽ giúp con.

- Thưa chủ! Cho con xin được xuất gia như thanh niên Dasaka mà trước đây chủ đã cho chàng ta thoát khỏi thân phận nô lệ.

Ông trưởng giả hoan hỷ mỉm cười gật đầu:

- Ủ! Con còn nhớ chuyện Dasaka à? Đức Thế Tôn rất khen ngợi. Bây giờ vị ấy đã là một bậc A-la-hán¹.

Thế rồi, cô gái được xuất gia, và thời gian sau tỳ-khuru-ni đắc quả A-la-hán, đầy đủ thắng trí thần thông và luôn cả bốn tuệ phân tích. Cô đã sử dụng sự biện tài, thông thái của mình để hàng phục chúng ngoại đạo mồm mép, đem lại lợi lạc tối thượng cho rất nhiều người.

Hôm kia, sau giờ nghỉ ngơi, thọ hưởng lạc về thiên, lạc về quả, tỳ-khuru-ni dùng thiên nhãn thông, thần túc thông, soi lại các kiếp sống xa xăm, được biết rằng, cô đã có nhân duyên với chư Chánh Đẳng Giác Vipassī, Sikhī, Vessabhū, Kakusandha và Koṇāgamana. Cô đã từng là một vị tỳ-khuru-ni gương mẫu, rạng ngời về giới hạnh, thu thúc nghiêm túc, nghe nhiều học rộng, giảng nói ý nghĩa về pháp và luật thâm sâu, quảng bác với ngôn ngữ biện tài nước chảy mây trôi, đúng như dư âm từ quá khứ: *"Do tu tập cô trở thành vị ni có đại trí tuệ, và do nghe nhiều cô trở thành vị ni thông thái"*² Vì coi mình có đại trí tuệ, coi mình là thông thái nên cô sinh ra cống cao ngã mạn, coi thường

¹ Có thể xem phụ lục nằm sau truyện này.

² Bhāvanāya mahāpaññā sutena ca sutāvīnī.

các vị trưởng lão ít học, khinh rẻ, mặt sát học chúng là ngu si, là đần độn. Cho nên, *việc bị sanh ra trong gia tộc hạ tiện là do ngã mạn ẩn tiềm trong dòng nghiệp không bị tiêu hoại*¹. Vì do nghiệp “ngã mạn” ấy nên kiếp này, tại thành phố Sāvattthi, trong giáo pháp của Thế Tôn Gotama, cô sinh ra làm hạng tiện dân, nô lệ. Thấy nhân duyên và quả ba đời, tỳ-khuru-ni khế ngâm lên một câu kệ, như mặt trăng khế vén lớp mây mờ để soi chiếu vạn vật, núi sông, cây cỏ:

*Ngã mạn và kiêu căng
Cống cao và tự đại
Y mình hay mình giỏi
Cậy mình thông mình tài
Chê mọi người ngu si
Khinh thế gian cỏ rác
Sinh làm người nô lệ
Phải sống kiếp tiện nhân
Gieo gì thì được nấy
Pháp như thực như chân!*

Vị tỳ-khuru-ni A-la-hán xuất thân nô lệ bất giác mỉm nụ “*tiểu sanh tâm*” thơm ngào ngạt của trí tuệ hương và giải thoát hương.

¹ Mānena nīcakulajā na hi kammaṃ vinassati.

Phụ lục: Chuyện tỳ-khuru Dasaka

Có một vị tỳ-khuru tên là Dasaka xuất thân là nô lệ, ông ta là con của một nữ nô lệ trong đại gia đình trưởng giả Cấp Cô Độc. Khi tịnh xá Kỳ Viên đi vào sinh hoạt, công việc ở đây rất bận bịu, trưởng giả Cấp Cô Độc đã sai thanh niên nô lệ Dasaka hằng ngày đến đây để trông coi vườn tược kiêm cả việc gác cổng. Dasaka bảm chất tháo vát, lanh lợi, chịu khó nên ai cũng mến yêu và tin cậy. Ngày qua ngày, Dasaka cảm thấy đời sống xuất gia sao mà thanh bình, an ổn và cao đẹp quá, cậu thầm ước ao trong lòng, là làm sao mình cũng sống được đời sống phạm hạnh như vậy. Hôm kia, đến Kỳ Viên có việc, trưởng giả Cấp Cô Độc tình cờ trông thấy Dasaka đứng lặng trông theo đoàn chư vị tỳ-khuru đang ôm bát vào kinh thành để khát thực. Đôi mắt của Dasaka như bị hút dính vào hình ảnh vô sự và thanh thoát ấy không chịu buông rời.

- Con đang suy nghĩ gì đấy, này Dasaka?

Trưởng giả cất tiếng hỏi, Dasaka giật mình quay lại, lắp bắp:

- Dạ... dạ...

Như đọc được tâm ý của người thanh niên, ông trưởng giả quan tâm cất tiếng hỏi:

- Con có thích đời sống ấy không, Dasaka?

- Thưa, con không dám đâu. Con là thân phận nô lệ thấp hèn...

Trưởng giả với tấm lòng bao dung, rộng lượng, nở nụ

cười thom ngát như đóa hoa sen:

- Giáo hội của đức Tôn sư không hẹp hòi thế đâu con! Máu ai cũng đỏ và nước mắt ai cũng mặn, ngài không hề phân biệt giai cấp. Nếu con sống được đời sống xuất gia cao thượng ấy, ta sẽ xóa bỏ thân phận nô lệ cho con. Khi ấy con sẽ không còn là kẻ nô lệ thấp hèn nữa. Và nếu con tu tập tốt, ta sẽ đánh lễ con, cúng dường những vật dụng cần thiết đến cho con với tất cả tấm lòng thành, với tất cả sự quý kính...

Thanh niên Dasaka xúc động, chảy nước mắt, quỳ xuống ôm chân trưởng giả, nghẹn ngào không nói được nên lời.

Thế rồi, sau đó, thanh niên Dasaka được xuất gia. Tuy tu hành định tuệ gì cũng không bằng người nhưng ông ta có đức tính phục vụ rất nổi bật. Bất cứ việc gì mà chư tăng giao phó, ông đều vâng lời chu toàn bổn phận. Đặc biệt, do trong dòng nghiệp, tích lũy nhiều đời là phi nhân nên ông ta có đôi chân đi nhanh và dẻo dai đến lạ lùng. Do vậy, việc trao truyền thông tin đây đó, từ quốc độ này sang quốc độ khác, từ tịnh xá này sang tịnh xá kia thường là trách nhiệm và bổn phận của Dasaka. Cũng vì việc Tăng nên hôm kia tỳ-khưu Dasaka đến Kosambī, đúng lúc, tỳ-khưu Khemaka ngã bệnh đang nằm một nơi hẻo lánh tại Badarika.

Chư tăng Kosambī từ lâu vốn đã nghe tiếng tu hành nghiêm túc của tỳ-khưu Khemaka, rất ngưỡng mộ ngài nên nhờ tỳ-khưu Dasaka đến thăm hỏi bệnh tình.

Tỳ-khuru Dasaka vốn thất học, chất phác, không biết ăn nói nên tình thật hỏi:

- Vậy phải thưa hỏi làm sao?

- Nói là chư tăng Kosambī quan tâm, lo lắng thăm hỏi bệnh tình của ngài, hiện ngài có kham nhẫn nổi với cơn đau hay không? Ngài đã xoay sở và tự chữa bệnh cho mình có hiệu quả hay không?

Đến công viên Badarika, tỳ-khuru Dasaka thấy tỳ-khuru Khemaka nằm bệnh nơi một cái chòi hoang tồi tàn, dường như chỉ còn bộ xương nhưng thân sắc rất an nhiên, tự tại. Sau khi lặp lại lời thăm hỏi của chư tăng Kosambī, đợi câu trả lời nhưng không nghe ông ta nói gì cả. Tỳ-khuru Dasaka bèn tự động đi quét dọn, chùi rửa nơi này nơi khác, tìm cách múc nước đầy nơi chỗ chứa - lạng lẽ đánh lễ vị trưởng lão rồi từ giã. Trước sau, tỳ-khuru Khemaka vẫn không nói một lời, ông chỉ nghĩ thầm trong bụng rằng: *“Mấy ông tỳ-khuru ở Kosambī không có việc gì làm hay sao mà cho người đến thăm hỏi vớ vẩn như vậy chứ? Tu không chịu tu, cứ làm ba cái chuyện tào lao không!”*

Lần thứ hai, sau khi không nhận được câu trả lời nào, tỳ-khuru Dasaka được cử đi một lần nữa, với câu hỏi của chư tăng ở Kosambī: *“Ngài đã thấy tự tánh của ngũ uẩn chưa?”* Lần này, tỳ-khuru Khemaka cũng chẳng ừ với chẳng hử! Tiếp tục, tỳ-khuru Dasaka được cử đi lần thứ ba với câu hỏi: *“Ngài đã đắc quả A-la-hán chưa?”* Nghĩ là với câu hỏi ấy thì hơi quá đáng, và cũng đã *“quá tam ba bận”*, không đáp không được, tỳ-khuru Khemaka nói cộc lốc, cụt

nguồn: “Chưa!”

Thế mà vẫn không yên, Dasaka được cử đi lần thứ tư với câu hỏi: “*Khemaka có nghĩa là gì trong tự tánh?*”

Hết chịu nổi với những câu hỏi ngu ngốc, phù phiếm của những tỳ-khuru ở Kosambī, bốn lần khó chịu dường như vón đặc lại thành một cục trong cổ họng, khạc mãi không ra, tỳ-khuru Khemaka vùng ngồi dậy. Mặc dầu sức khỏe còn yếu, ông cũng gắng gượng chống gậy, nhờ tỳ-khuru Dasaka dìu từng bước cho đến Kosambī. Và thật kỳ diệu, do đường xa lao nhọc, ông toát mồ hôi lớp này đến lớp khác và người cảm thấy rất nhẹ nhàng, rồi lành bệnh.

Và cuộc đối thoại giữa tỳ-khuru Khemaka với nhóm sáu mươi tỳ-khuru ở Kosambī đã xảy ra:

- Tại sao quý vị làm phiền tôi quá vậy?

- Nghe đồn về đời sống giới hạnh nghiêm túc và khả năng giáo pháp của ngài, nên chúng tôi chỉ muốn học hỏi thôi!

- Thế tại sao quý vị không chịu khó khởi cái tâm một chút, chịu khó nhấc cái chân một chút mà lại làm phiền đến tỳ-khuru Dasaka chất phác và hiền lành này?

- Chúng tôi thấy người bạn trẻ này rất nhiệt tình và không hề than van lấy nửa lời.

- Hóa ra, do vậy mà các vị đã lợi dụng lòng tốt của người ta?

- Chúng tôi xin sám hối!

- Không phải là với tôi!

Tỳ-khuru Dasaka vội xua xua tay, mỉm cười nói:

- Tôi có đôi chân tốt, giúp nhau một tí thôi! Không cần thiết phải nghiêm trọng sám hối như vậy đâu!

Sau đó, đoạn đối thoại được tiếp tục.

Tỳ-khuru Khemaka nghiêm sắc mặt:

- Rồi còn những câu hỏi nữa. Tại sao chư vị cứ chơi cái trò rỗng không và vô ích như thế?

Nhóm tỳ-khuru kia cúi đầu như nhận lỗi. Tỳ-khuru Khemaka nghĩ là cần phải nghiêm khắc, đưa họ từ đường biên trở về với nẻo chánh, bèn thuyết giáo rằng:

- Chỉ những câu nói giúp nhau tiến triển giới, định, tuệ và tuệ giải thoát mới được gọi là lời nên nói, mới là chánh ngữ, đây là pháp giáo nghiêm huấn của đức Tôn sư. Ngoài ra, không chỉ nói và nghe suông mà còn cần phải thực hành, thường trực niệm và quán ngày cũng như đêm, đêm cũng như ngày. Tự tánh của ngũ uẩn là sanh diệt, là rỗng không, điều đó ai cũng biết, nhưng chỉ biết bằng tưởng tri hoặc thức tri thì có ích lợi gì, có hay hướm gì mà đặt câu hỏi? Cái biết ấy chỉ là ngoài da. Chúng phải được nhìn thấy và chứng nghiệm bởi tuệ giác do công phu hành trì miên mật, quý vị phải hiểu như thế chứ!

Thấy nhóm tỳ-khuru kia có vẻ chăm chú lắng nghe, có vẻ phục thiện nên ngài tiếp:

- Còn Khemaka có nghĩa là gì trong tự tánh ư? Câu hỏi ngốc nghếch. Chẳng có gì ráo! Nó chỉ là cái tên suông thôi! Tuy nhiên, ngay chính tôi cũng chưa hề thấy được như thực cái tên suông ấy, cái danh ấy, bao giờ tôi cũng

sinh khởi cái tôi ấy mà biết, sinh khởi cái của tôi ấy mà hành! Chưa bao giờ tôi trả được tự tánh vô thường, vô ngã lại cho vô thường và vô ngã cả! Tôi chưa làm được điều đó. Một vị thánh A-na-hàm đầu đã đoạn tận năm món kết buộc và sai sử¹ mà vẫn còn bị ràng buộc bởi cái tôi ấy, cụ thể là vẫn còn ngã mạn, phóng tâm và vô minh. Chư vị hãy biết rõ như vậy, thấy rõ như vậy chứ!

Lời của tỳ-khuru Khemaka vừa chấm dứt, chợt ông lặng người, một sự kỳ diệu xảy ra trong tâm ông, ông đắc quả A-la-hán ngay tại chỗ. Và còn kỳ diệu hơn thế nữa, sáu mươi vị tỳ-khuru kia cũng đắc quả A-la-hán luôn.

Thế rồi, khi câu chuyện này được lan truyền ra, mọi người tín mộ, cả tăng và tục ùn ùn kéo đến; từ đó, Badarika mới bắt đầu được xây dựng cốc liêu ngày càng nhiều và mọi công trình chính và phụ trông cũng tươm tất. Hiện giờ được gọi là công viên Badarikārāma.

Đức Phật kể ngang đó, biết mọi người còn thắc mắc về thân phận nô lệ của tỳ-khuru Dasaka, ngài nói tiếp, và sau đó, ai cũng hiểu như sau:

- Bây giờ tỳ-khuru Dasaka đã đắc quả A-la-hán rồi. Trước đây, ông tinh tấn phục vụ thì tốt nhưng hễ cứ ngồi thiền thì hôn trầm, thụy miên lại kéo đến. Đức Phật và tôn giả Mahā Moggallāna đã khiển trách và cũng đã nhiều lần sách tấn, khuyến khích, tìm biện pháp thích nghi điu dắt ông ta từng bước một. Do nhân duyên quá khứ, cách

¹ 5 món kiết sử: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, tình dục, bất bình.

đây chín mươi một kiếp (*kappa*), tiền thân Dasaka gặp được đức Phật Độc Giác Ajita và có cúng dường đến vị này một quả xoài. Đến thời đức Phật Kassapa, ông ta đã là một vị tỳ-khưu. Đây là nhân và duyên giúp tỳ-khưu Dasaka đắc A-la-hán quả. Tuy nhiên, trong một kiếp quá khứ khác, ông ta sai bảo một vị A-la-hán làm một số việc lật vạt cho mình nên đã nhiều đời kiếp phải mang thân nô lệ.

Nhân như vậy đó, duyên như vậy đó và quả cũng như vậy đó; hãy chiêm nghiệm mà tu tập, hãy chiêm nghiệm mà hành trì; khi nào chưa thấy rõ tự tính vô thường, vô ngã của tâm và pháp thì khi ấy còn cần phải miên mật an trú chánh niệm trước mặt tại một căn nhà trống, tại một bãi đất hoang hay tại một nghĩa địa thiêu xác... Hãy nhớ lấy!

Cô con gái người thợ dệt

(Vào dòng trước khi chết)



Vượt sông Gaṅgā, đức Phật bỏ bến sông tấp nập voi, ngựa, hàng hóa và khách lữ hành đủ mọi sắc tộc, mọi giai cấp, ngài chọn những con đường làng có bóng cây và ít bụi bặm để lên phía Bắc.

Kinh thành Vesāli vẫn trù phú như dạo nào. Đến Mahāvana, Sảnh Đường Nóc Nhọn, đức Phật ngụ ở đây mấy hôm, sách tấn chư tỳ-khưu, tăng cũng như ni rồi lại lên đường. Suốt trên lộ trình đến Videha, Moriya, Malla sau đó lên Koliyā không có biến cố gì, nhân duyên gì để thuyết những thời pháp lớn. Chỉ có điều đặc biệt là gặp lại chư trưởng lão Vappa, Assaji, Mahānāma, và đều đã yếu, đức Phật khuyên họ nên tìm chỗ trú chân tại Kỳ Viên, Trúc Lâm hay Kosambī để di dưỡng tuổi già vì ở đây đời sống tứ sự ổn định. Đức Phật cũng gặp lại ba anh em trưởng lão Uruvelā Kassapa, Gayā Kassapa và Nadi Kassapa và hội chúng ở trong một khu rừng, ngài cũng khuyên là mấy anh em họ cũng nên dừng chân đầu-đà, tìm chỗ tĩnh cư.

Rồi năm ấy, đức Phật an cư mùa mưa ở ngọn đồi đá trắng Cālikapabbata, thị trấn Cālikā, có con sông Kimikālā xanh trong, mát mẻ thuộc quốc độ Koliyā cùng với đại chúng tỳ-khuru. Ở đây, có khá nhiều liêu thất và hang động được thiết lập từ năm an cư thứ mười ba của đức Phật; ngoài ra gần thị trấn lại còn có vườn xoài xinh đẹp mà thuở ấy tỳ-khuru Meghiya, thị giả của đức Phật yêu thích, lưu luyến.

Khi đã sắp xếp đầu đó ổn định rồi, thỉnh thoảng đức Phật lại ôm bát ra đi một mình để hóa độ những người hữu duyên. Đặc biệt, có hôm, đức Phật sử dụng thần thông đi một khoảng đường khá xa, ngài trở lại thành phố Ālavī, ngụ tại điện thờ Aggālava để gieo duyên thêm với cư dân ở đây. Và thật ra, đức Phật cố ý hóa độ cô gái con người thợ dệt. Hơn hai năm về trước, khi đức Phật giảng dạy “tỳ niệm về sự chết” (*Marāṇa-anussati*)¹ thì cô ta rất tâm đắc và hoan hỷ. Và từ đấy đến nay cô ta rất tinh cần, ngày cũng như đêm không buông lời đề mục bao giờ.

Tin đức Phật đang ngụ tại điện thờ Aggālava, thành phố Ālavī không mấy chốc lan truyền đi khắp nơi. Việc đức Phật hóa độ dạ-xoa Ālavaka đem lại thanh bình cho quốc độ là một ân đức quá lớn nên từ đức vua, triều đình cho đến dân chúng ai ai cũng háo hức tìm đến đánh lễ, nghe pháp, cúng dường.

¹ Có thể xem bài này ở phần phụ lục, sau truyện này.

Khác với mọi lần, khi hai hàng cận sự đặt bát cho đức Phật, thợ thực xong, nhưng hôm nay, ngài chưa giảng pháp thoại như cố chờ đợi một người; và đại chúng tỳ-khuru cũng yên lặng như vậy...

Và quả đúng như thế, lúc ấy, cô gái thợ dệt trong lòng nôn nao, muốn làm mọi việc đầu đó cho xong để còn thì giờ đến điện thờ Aggālava, chiêm ngưỡng dung nhan của đức Phật và nghe pháp. Nhưng đột ngột sáng nay, khi đến xưởng dệt, cha cô quay lại căn dặn: *“Tại khung cửi, cha còn một cái áo của khách hàng chưa dệt xong vì thiếu chỉ. Vậy ở nhà, con phải nhanh tay quấn chỉ vào suốt rồi mang gấp đến xưởng dệt cho cha!”*

Khi quấn chỉ vào suốt xong thì trời đã khá trưa, cô gái đặt suốt chỉ trong rá, kẹp vào nách rồi hối hả ra đi. Đường đến xưởng dệt phải đi qua điện thờ Aggālava, không cưỡng được ước muốn vào thăm Phật nên cô gái lẹ làng bước nhanh, qua vườn, len đám đông, đưa mắt nhìn qua cửa sổ. Thấy được đức Phật với tướng hảo quang minh, xán lạn, cô gái rất hoan hỷ, nói nhỏ trong lòng: *“Đây là cha của ta, đã dạy cho ta tỳ niệm về sự chết. Từ đó đến nay, tâm ta như mặt nước hồ thu vắng lặng, đồng thời, ta không còn ganh ghét, hung dữ với một ai. Ta không còn sợ hãi bất cứ một cái gì, kể cả sự chết”*.

Trong lúc ấy thì đức Phật đã thấy cô gái nên ngài nói:

- Cái cô bé bên ngoài cửa sổ kia, nách kẹp cái rá suốt chỉ, hãy vào đây, Như Lai hỏi chuyện.

Mọi người ngạc nhiên quay lại nhìn. Cô bé vâng lời, bước vào, để cái rá bên chân rồi đánh lễ đức Phật rất phải phép.

Đức Phật mỉm cười hỏi:

- Này con! Con từ đâu đến?

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử “không biết”.

- Vậy thì “đi”, rồi con sẽ “đi đâu”?

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử “cũng không biết”.

- Con “không biết” thật sao?

- Bạch đức Thế Tôn! Không, đệ tử “biết”.

- Phải con “biết” thật không?

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử “không biết”.

Như vậy, đức Phật hỏi cô gái bốn câu. Dân chúng nghe cô trả lời với đức Phật như vậy thì lấy làm bực mình, bất mãn. Họ nói với nhau: “Coi kìa! Với bậc Toàn Giác mà con gái người thợ dệt dám nói như kiểu đùa giỡn vậy! Thật là vô lễ, vô phép, vô tấc...”

Đức Phật mỉm cười cho mọi người an lòng, đưa tay ra dấu hiệu bảo đám đông giữ im lặng; và rồi ngài lại hỏi tiếp cô gái:

- Này con! Khi Như Lai hỏi con “từ đâu đến”, tại sao con trả lời là “không biết”?

- Bạch đức Thế Tôn! Chính Tôn sư biết rõ là đệ tử đi từ nhà cha con là người thợ dệt mà đến đây. Vậy khi Tôn sư hỏi “từ đâu con đến đây” thì đệ tử nghĩ, ý Tôn sư muốn hỏi: “Từ cảnh giới nào con tái sanh đến đây?” Và như vậy

thì quả thật con trả lời “*không biết*” là đúng với sự thật!

Đức Phật tán thán:

- Lành thay! Lành thay! Con đã giải đáp đúng câu hỏi của Như Lai.

Rồi đức Phật hỏi tiếp:

- Khi Như Lai hỏi “*từ đây con sẽ đi đâu*”, tại sao con trả lời là “*không biết*”?

- Bạch đức Thế Tôn! Chính Tôn sư biết rõ là đệ tử sẽ đem suốt chỉ đựng trong rá đến xưởng dệt cho cha của đệ tử, thế nhưng Tôn sư còn hỏi đệ tử sẽ đi đâu, thì đệ tử biết chắc ý Tôn sư chỉ muốn hỏi: “*Khi ra đi từ kiếp này, con sẽ tái sanh đi đâu?*” Và như vậy thì đệ tử trả lời “*không biết*” là đúng với sự thật!

Đức Phật nói:

- Con đã giải đáp đúng câu hỏi của Như Lai.

Đức Thế Tôn khen cô gái lần thứ nhì, rồi ngài hỏi tiếp nữa:

- Khi Như Lai hỏi “*con không biết thật sao?*” Thì tại sao con lại trả lời “*dạ con biết!*”

- Bạch đức Thế Tôn! Điều này đệ tử “*biết*”. Đệ tử biết chắc là “*đệ tử phải chết*”. Vì lẽ ấy đệ tử trả lời như vậy.

Đức Phật nói:

- Con lại một lần nữa đã giải đáp đúng câu hỏi của Như Lai.

Như vậy đức Thế Tôn ngợi khen cô gái lần thứ ba.

Rồi ngài lại hỏi tiếp:

- Khi Như Lai hỏi con “*biết*”, phải vậy không? Tại sao con nói con “*không biết*”.

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử chỉ biết một điều là thế nào đệ tử cũng chết, nhưng không biết cái chết sẽ đến lúc nào. Chết ban ngày hay ban đêm? Chết vào buổi sáng hay vào buổi chiều? Điều ấy đệ tử không biết, vì lẽ ấy đệ tử trả lời “*không biết*” là đúng với sự thật.

Đức Phật nói:

- Con đã giải đáp đúng những câu hỏi của Như Lai!

Rồi đức Phật nói tiếp:

- Trên thế gian này, người ngu si, người không có trí tuệ, dù có mắt cũng như bị mù; còn người sáng suốt, người có trí tuệ, dẫu bị mù mắt nhưng cũng thấy rõ được mọi sự, mọi chuyện; họ thoát khỏi lưới bủa của thợ săn để đến nơi an toàn:

*Thế gian loáng quáng mù manh
Hiếm thay, ít kẻ mắt lành sáng trong
Lưới trùm, chim khó thoát lồng
Bay lên nhàn cảnh quả không mấy người!¹*

Câu kệ ngôn chấm dứt, cô gái con người thợ dệt chứng đắc đạo quả Nhập lưu.

Còn mọi người xung quanh thì thở phào, nhẹ nhõm; họ không dám trách mắng cô bé thợ dệt kia nữa, mà lại tỏ lòng quý mến, kính trọng, vì rõ ràng là chiều sâu của giáo

¹ Pháp Cú 174: “*Haṃsādiccapathe yanti, ākāse yanti iddhiyā; nīyanti dhīrā lokamhā jetvā māraṃ savāhinim*”.

pháp, cô ta thông hiểu hơn mọi người.

Sau đấy, cô gái đánh lễ đức Phật với tâm an lạc không kể xiết rồi bung cái rá đựng suốt chỉ đến xưởng dệt cho cha.

Lúc ấy cha cô đang ngồi trên khung dệt mà ngủ. Cô không để ý rằng cha cô đang ngủ nên với tay đưa rổ cho ông. Không may, cái rá đựng vào đầu khung cử gây một tiếng động lớn. Cha cô giật mình thức dậy, như phản xạ tự nhiên, chụp cây cần ở đầu khung kéo mạnh xuống. Cái đầu khung quay vòng trúng ngay vào ngực cô gái. Tức thì cô chết, và tái sinh vào cảnh trời Đâu Suất...

Tại điện thờ Aggālava, sau buổi pháp thoại, đức Phật vẫn còn ngồi yên lặng chớ chưa chịu rời chân. Đại chúng không hiểu. Hai hàng cận sự không hiểu. Nhưng khi cô gái bị tai nạn, chầm dứt hơi thở thì đức Phật mới mở mắt ra, nói rằng:

- Cô gái thợ dệt sau mấy câu hỏi, cô ta đã đắc pháp nhãn, là “con gái nhỏ” của Như Lai đó! Vừa rồi, cô ta bị tai nạn đột ngột, cái đầu khung cử rơi xuống, đập mạnh vào ngực, cô ta đã chết và tức khắc hóa sanh vào cung trời Đâu Suất.

Đưa mắt một vòng nhìn đại chúng, đức Phật nói tiếp:

- Từ thị trấn Cālikā, Như Lai đến đây ngoài nhân duyên với mọi người, còn việc khác rất quan trọng là cứu độ cô gái con người thợ dệt. Vì Như Lai biết trước là cô ta sẽ bị chết như vậy, nếu không đưa cô ta an trú vào thánh pháp thì nghiệp bất đắc kỳ tử kia có thể đưa cô ta xuống

những cảnh giới đau khổ. Còn nữa, cha cô con gái sẽ rất đau khổ, có thể đi đến điên loạn. Nhưng không sao, Như Lai sẽ phương tiện hóa độ cho ông ta.

Và quả đúng như vậy. Cha cô con gái, sau đó được đức Phật giảng giải về Tứ Diệu Đế, ông thấy rõ sự thật nên xin xuất gia tỳ-khưu rồi theo chân ngài về núi đá vôi Cālikapabbata để tiếp tục an cư mùa mưa.

Nghe nói rằng, về sau ông ta tu tập rất tinh cần nên đắc quả A-la-hán.

Phụ lục: Tỳ-niệm sự chết
(Marāṇa-anussati)

Hôm ấy, có một vị tỳ-khưu còn trẻ nhưng bị bệnh mất, thi hài được chur tăng hỏa táng. Một vài người thắc mắc sao còn quá trẻ mà đã hết tuổi thọ? Hay nghiệp đã chấm dứt? Vài ngày sau đó, trong thành phố Ālavī có người chết bệnh, có người chết nước, có người chết lửa, có người chết do sét đánh, có người chết do đao kiếm... được bàn tán chỗ này, nơi kia.

Đức Phật biết là đúng thời nên ngài thuyết một thời pháp nói về sự chết của các loài hữu tình.

Đầu tiên, đức Phật cảm hứng nghĩ thốt lên một bài kệ thơ dài nói về sự chết:

*Ôi! Từ khi nảy mầm li ti một sự sống
 Nó rất nhỏ nằm trên đầu cây kim
 Tượng hình trong thai bào
 Là nó,
 Là một chúng sanh
 Cứ thế lớn lên
 Cứ thế nó tiến dần về phía trước
 Không thể trở lại
 Chẳng thể quay lui
 Dù chỉ một lần
 Trong khi nó chảy trôi như vậy
 Nó tiến dần đến cỏi của sự chết
 Giống như dòng sông
 Nó nhỏ dần, hẹp dần rồi cạn dần*

Dưới sức nóng thiêu đốt của hỏa đạị
Như trái cây xanh kia
Chín dần rồi rơi rụng
Như chiếc bình đất nung kia
Búa thời gian đập vỡ
Như giọt sương ban mai kia
Chợt tan biến dưới ánh nắng mặt trời
Thế là ngày và đêm
Lặng lẽ trôi qua
Mạng sống của các loài hữu tình
Tàn dần, lụn dần cho đến khi diệt mất
Nó mong manh, nó hư ảo
Như bọt bẻ, như bóng nước
Tụ rồi tan ngay!
Hiện rồi mất ngay!
Ôi! Ai có biết chăng
Khi vừa sinh ra
Cái sống đi kèm với cái chết
Trên sinh mệnh của các loài hữu tình
Có một tên bạo chúa
Có một tên sát nhân
Chực sẵn với cây kiếm sắc
Chờ sẵn với lưỡi gươm bén
Nó kẻ bên cớ
Không biết sẽ trước đoạt mạng sống lúc nào
Như đức vua kia Oanh
oanh liệt liệt Chinh
phục cả quả đất

Nhưng thời khắc cuối cùng của đời người
Mọi thành tựu và mọi vinh quang
Giá trị xem ra không bằng nửa hạt gié
Xác thân và hơi thở héo tàn
Thần chết lạnh lùng cười khẩy mang đi!
Ôi! Loài người có biết chăng
Sức khỏe bị chấm dứt bằng tật bệnh
Tuổi trẻ bị tấn công bằng già nua
Sự sống bị xâm lăng bởi sự chết
Đấy là định luật tất yếu
Tất cả mạng sống có được từ 'sinh'
Rồi bị ám ảnh bởi 'già'
Rồi bị đoanh vây bởi 'bệnh'
Và cuối cùng là cái 'chết' đánh gục
Ví như núi đá khổng lồ kia
Lớn rộng tận trời cao
Nó tiến đến từ mọi phía
Nghiền nát mọi sinh loài
Cũng tương tự như thế
Già chết nó nghiền nát
Sinh mệnh bà-la-môn
Sinh mệnh sát-đế-ly
Sinh mệnh các chiến sĩ
Sinh mệnh những thương gia
Sinh mệnh các thợ thuyền
Sinh mệnh những tiện dân
Sinh mệnh các nô lệ
Người hốt phân, kẻ nạo ống cống

Nó không chừa một ai
 Và cho dấu tượng quân, mã quân hùng mạnh
 Và cho dấu bộ quân lớp lớp hàng hàng
 Và cho dấu đại ảo gia, chú thuật gia
 Hay dấu đem tất cả tài sản thế gian gộp lại
 Vẫn bất lực trước tử thần
 Trong các loại phá sản
 Sự chết là đệ nhất phá sản
 Phá sản mọi sự nghiệp
 Phá sản tất cả mọi thành công ở trên đời
 Phá sản mọi ước mơ và mọi ảo tưởng
 Phá sản cho đến tận cùng hư vô và hủy diệt
 Ôi! Loài người có biết chăng
 Cho dấu những người có danh vọng lớn
 Có công đức lớn
 Có sức mạnh lớn
 Có thần thông lớn
 Có trí tuệ lớn
 Có đồ chúng lớn
 Có tài sản lớn
 Có uy lực lớn
 Thế mà, cuối cùng
 Cái chết nó tóm lấy hết
 Nó quăng tất cả vào vực thẳm Rāhu
 Cái chết nó găm vào hàm
 Như nai tơ non trong hàm sư tử
 Như chú ếch con nằm trong miệng rắn
 Cho dấu như Moggallāna

Là đệ nhất thân thông
 Cho dẫu như Sāriputta
 Có trí tuệ siêu quần
 Cũng đầu hàng, bất lực
 Trước sức mạnh tử thần!
 Và cho dẫu là Như Lai
 Với sắc thân ba hai quý tướng
 Và tám mươi vẻ đẹp
 Được trang bị viên mãn giới uẩn
 Viên mãn định uẩn
 Viên mãn tuệ uẩn
 Viên mãn giải thoát uẩn
 Viên mãn giải thoát tri kiến uẩn
 Viên mãn về danh xưng
 Viên mãn về công đức
 Viên mãn về hùng lực
 Viên mãn về thần thông
 Chẳng có ai sánh bằng
 Nhưng chẳng thể nào né tránh
 Trận mưa lũ thành linh
 Của sự chết ập đến
 Như một đống lửa lớn
 Bị dập tắt bởi một trận dông
 Chẳng một ai trốn được!
 Chẳng một ai thoát được!

Bài kệ thơ trăm hùng như sóng biển, như âm vọng
 đại ngàn rì rào lướt qua không gian điện thờ Aggāḷava làm

cho hội chúng tỳ-khưu cùng nam nữ cư sĩ như nín thở. Sự chết như hiển hiện trước mắt mọi người bằng lưỡi hái cong cong sắc bén, rục lửa của tử thần đang chực sẵn, đang hờm sẵn ở đâu đó trong bóng tối, bên ngưỡng cửa, bên chiếc giường của già bệnh và ngay cả ở nơi tuổi thanh xuân!

Đức Phật lại tiếp tục bài giảng:

- Như vậy, mỗi người phải biết suy niệm, quán tưởng về sự chết. Cái thân của chúng sanh nó già, nó bệnh, nó chết trong từng khoảnh khắc.

*Hãy xem đây, và hãy nhìn cho ra:
 Hiện nó là nơi cộng cư, đồng trú
 Của “tám mươi”¹ gia đình vi trùng
 Nó bám vào da, lấy da làm thức ăn
 Nó trú vào thịt, rúc thịt làm món ngon
 Nó dính vào gân, moi gân làm bữa nhậu
 Nó bám vào xương, rĩa xương làm thức nhắm
 Nó bám vào tủy, mút tủy làm thực phẩm
 Chúng ăn rồi chúng ỉa, chúng đái
 Chúng bài tiết dơ uế
 Rồi chúng làm tình
 Rồi chúng sinh con để cái
 Rồi chúng bệnh, chúng già và chúng chết
 Vậy, cái thân này là nhà bảo sanh
 Là viện dưỡng thương*

¹ Phỏng theo Visuddhi Magga (tôi chưa tìm ra ý nghĩa tượng trưng của con số 80 này).

Đồng thời là chỗ tiện, đại tiện
 Mà cũng là nghĩa địa của chúng
 Và khi chúng bất hòa, nổi loạn
 Khi chúng chiến tranh, dịch bệnh
 Thì cái thân này là bãi chiến trường
 Là cái hầm xác thối
 Làm cho cơ thể này
 Hoặc xanh xao, hư mòn, tiêu tụy
 Hoặc suy kiệt và đi đến cái chết!

Còn nữa, cái thân này không những san sẻ, cộng cư với tám mươi gia đình vi trùng mà còn chia nhau gánh chịu trăm ngàn thứ bệnh nội thương từ tim, từ phổi, từ gan, từ não, từ tim, từ lá lách, từ mật, từ bao tử, từ máu, từ ruột non, ruột già nữa. Nó lại còn bị mọi sự chết chóc từ bên ngoài đem đến như bởi rắn, bởi hổ, bởi báo, bởi bò cạp, bởi nước, bởi lửa, bởi mũi tên, bởi đao và bởi kiếm nữa.

Như một mục tiêu được dựng ở ngã tư đường sẵn sàng nhận chịu những mũi tên nhọn, cọc nhọn, chĩa nhọn, đá sỏi từ bốn phương, tám hướng tấn công; cũng tương tự thế, trăm trăm ngàn ngàn tai ương, hoạn nạn, bệnh tật, ốm đau, chết chóc luôn luôn chực chờ bổ xuống, phủ xuống cái thân này một cách khắc nghiệt, vô cảm, lạnh lùng!

Nay đại chúng! Suy đi, gẫm lại từ sự thật như vậy, thì sự chết không biết sẽ đến với ta lúc nào. Khi ngày tàn, đêm xuống, sớm đến, chiều đi, một hành giả quán tưởng về sự chết có thể suy niệm như sau: “*Ta có thể bị chết do*

rắn, rét, bò cạp, độc trùng tức khắc bây giờ đây. Ta có thể bị chết do té ngã, đập đầu vào đá tức khắc bây giờ đây. Ta có thể bị chết do trúng thực, trúng gió, bởi mật, bởi đờm, bởi nghẽn tất các vi mao tĩnh mạch... tức khắc bây giờ đây!”

Còn nữa, này đại chúng! Như vậy, sự sống vốn rất mong manh và bất lực trước tử thần! Nó gắn liền vào hơi thở, gắn liền với bốn cử động đi đứng nằm ngồi, gắn liền với nóng và lạnh, gắn liền với tứ đại, gắn liền với thức ăn, vật uống.

Thế nào là sự sống được gắn liền vào hơi thở? Sự sống chỉ được duy trì, được tiếp diễn khi hơi thở vô, hơi thở ra được liên tục và đều đặn. Nếu hơi gió đi vào mà không đi ra hoặc hơi gió đi ra mà không đi vào thì sự chết đã đến gõ cửa.

Thế nào là sự sống được gắn liền với bốn cử động đi, đứng, nằm, ngồi? Sự sống chỉ được duy trì và tiếp diễn khi đi đứng nằm ngồi được vận hành suôn sẻ, trôi chảy; nếu một trong bốn oai nghi ấy bị ngưng đọng, ngưng trệ thì sự sống đã bị tê liệt.

Thế nào là sự sống được gắn liền với nóng và lạnh? Sự sống chỉ được duy trì, tiếp diễn khi thủy hỏa quân bình, đều hòa; nếu cơ thể lạnh quá độ hoặc nóng quá độ thì sự chết đã kề bên lưng.

Thế nào là sự sống được gắn liền với tứ đại? Sự sống chỉ được duy trì và tiếp diễn khi đất, nước, lửa, gió cân phân, đều hòa. Nếu một trong bốn đại rối loạn, tăng thịnh hơn ba đại kia thì sự chết đã được báo hiệu.

Và cuối cùng, tương tự vậy là thức ăn, vật uống. Thức ăn vật uống có thể duy trì sự sống mà cũng có thể hủy diệt sự sống. Ăn uống chùng mực, vừa phải, có tiết độ thì cái thân sẽ vô bệnh, mạnh khỏe; nếu khẩu tạp vô độ, bạ ăn, bậy uống thì bệnh tật, ốm đau đi liền với cái chết là việc đã từng xảy ra trước mắt cho rất nhiều người.

Này đại chúng! Sự chết vốn không ai có thể tiên lường, suy đoán hay xác định được. Tại sao?

Vì sự chết có năm vô tướng, bất định: *“Đây là thọ mạng vô tướng, bất định; bệnh tật vô tướng, bất định; thời gian vô tướng, bất định; không gian vô tướng, bất định; và thứ năm là số phận vô tướng, bất định!”*

Thế nào là thọ mạng không có tướng và không có thể định được? Vì không ai có thể biết là mình sẽ sống bao lâu! Vì có hữu tình chết từ trong thai bào, trong giai đoạn còn một tuần, hai tuần; giai đoạn một tháng, hai tháng hay giai đoạn vừa ra khỏi bụng mẹ. Có người chết lúc mười tuổi, hai mươi tuổi, năm mươi tuổi hoặc sau năm mươi tuổi...

Thế nào là bệnh tật không có tướng và không có thể định được? Vì không ai có thể biết là mình sẽ chết về bệnh này hay chết về bệnh kia? Bị chết về nhiều thứ bệnh hay chết chỉ một, vài bệnh?

Thế nào là thời gian không có tướng và không thể định được? Vì không ai có thể biết mình chết lúc này hay lúc khác? Thời gian này hay thời gian kia? Buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều hay buổi tối?

Thế nào là không gian không có tướng và không có thể định được? Vì không ai có thể biết khi mình chết, cái thân sẽ nằm ở chỗ nào, xứ nào, chốn nào, trên giường, trên đất, trong làng, ngoài làng, dưới ruộng, trên núi, trong hang động hay dưới cội cây?

Và cuối cùng, là số phận, chỗ lai sinh cũng không có tướng và cũng không định được như thế! Vì ai là người biết được kẻ chết ở nơi này sẽ sinh lại ở nơi nào? Có người chết cõi người nhưng sau đó hóa sanh cõi trời, sinh lại cõi người hay lưu lạc vào bốn đường khổ? Sự vận xoay, trầm luân, lui tới ba cõi, sáu đường của các loài hữu tình quả thật là mù mờ, bấp bênh và vô định vậy.

Này đại chúng tỳ-khưu và cận sự nam nữ hai hàng!

Sự chết vô hình, vô ảnh, vô tướng, bấp bênh, vô định như vậy nên mọi người nên hằng suy niệm và quán tưởng về sự chết để lợi lạc và an vui lâu dài cho mình.

Giới hạn đời người là một trăm năm chẳng? Có chắc chắn như thế không? Vì sự chết không biết nó sẽ đến thăm viếng lúc nào nên phải thường xuyên thực hành ba nghiệp lành, tốt; lìa xa ba nghiệp xấu ác để chuẩn bị hành trang, tư lương cho mình. Phải thường suy niệm có sanh ắt có tử để tự nhắc nhở mình tinh cần tích lũy các công đức, các thiện sự như bố thí, trì giới, các công việc lợi tha.

Này đại chúng! Phải thường trực tưởng niệm đời sống ngắn ngủi, bao nhiêu năm không biết hạn kỳ; và sự chết thì luôn hờm sẵn để cắt lìa, đoạn diệt mạng sống của ta. Vậy, có thể nghĩ tưởng về cái chết và tu tập niệm chết

trong một ngày, một đêm: *“Sau một ngày một đêm, ta sẽ chết, vậy ta phải khéo miên mật chánh niệm, tỉnh giác!”* Ai tinh cần thực hành được một ngày, một đêm như vậy là đã làm nhiều, đúng theo yêu cầu của Như Lai, thật đáng khen ngợi.

Có vị khác, người khác có thể nghĩ tưởng về cái chết và tu tập niệm chết trong thời gian chỉ một bữa ăn: *“Sau thời gian bữa ăn này ta sẽ chết, vậy ta phải khéo miên mật chánh niệm, tỉnh giác!”* Một vị khác: *“Đời người không phải giới hạn trong một bữa ăn mà chỉ trong thời gian nhai nuốt bốn năm miếng ăn thôi”*. Có vị khác: *“Đời người chỉ tồn tại một miếng ăn”*. Một vị khác nữa: *“Sự sống chỉ được gói ghém trong một hơi thở vào, một hơi thở ra!”* Có vị: *“Sự sống chỉ nằm vồn vện chỉ trong một niệm, trong một sát-na thôi!”*. Những hành giả suy niệm về sự chết như vậy là đã rất miên mật, rất tinh cần; những tạp niệm tham sân, bụi bặm phiền não không có cơ hội len thâm vào tâm vị ấy.

Này đại chúng! Cuối cùng, người suy niệm, quán tưởng sự chết chỉ trong một niệm, trong một sát-na là cao tột, là cùng tận, là đúng với chân lý, là hợp với tuệ trí đệ nhất nghĩa. Tại sao vậy? Như cái bánh xe, khi lăn nó chỉ tiếp đất ở một điểm và khi dừng, nó cũng chỉ dừng trên một điểm. Sự sống của tất cả chúng sanh, chúng chỉ sống, chỉ hiện tồn, chỉ có mặt khi lục căn giao tiếp với lục trần trong mọi diễn tiến duyên khởi đang là. Nói là sáu (lục căn) nhưng luôn luôn chỉ có một; chỉ có một căn vận hành, giao tiếp; rồi qua từng sát-na, từng tiểu sát-na

chúng chuyên đổi cho nhau rất vi tế, rất nhanh nhạy. Và trong sự giao tiếp đang là của một căn ấy, cũng chỉ có một điểm giao tiếp với thực tại đang là như bánh xe tiếp đất kia vậy. Nói cách khác, đời sống của chúng sanh chỉ kéo dài trong một niệm, một sát-na; sau một niệm, một sát-na ấy là chấm dứt sự sống. Một niệm, một sát-na sống; một niệm, một sát-na chết và cứ thế tiếp diễn sống, chết, sống, chết trùng trùng vô cùng tận! Nếu lập ngôn một cách cô đọng thì: *“Trong một sát-na quá khứ khi nó sống thì nó không có mặt trong hiện tại, không có mặt trong vị lai. Trong một sát-na khi nó sống trong hiện tại thì nó không có mặt trong quá khứ, không có mặt trong vị lai. Trong một sát-na khi nó sống trong vị lai thì nó không có mặt trong hiện tại, không có mặt trong quá khứ!”*

Giảng đến ngang đây, đức Phật lại cảm hứng ngũ thốt lên một bài kệ thơ nữa:

*Ôi! Sự sống của một hữu tình
 Sự sống ấy là gì?
 Là khô, là lạc, là hỷ,
 Là ưu, là ai, là hoạn?
 Là ái, là ó, là sầu,
 Là thương, là bi, là hận?
 Tất cả đây, chúng tồn tại ở đâu?
 Chúng có mặt ở không, thời, gian nào?
 Trú xứ nào? Chỗ nào?
 Sự thật là nó chỉ sống
 Trong một niệm thoáng qua
 Cái gọi là sắc thọ tưởng hành thức uẩn ấy*

Của người đã chết
 Hay của người đang sống
 Đều giống nhau
 Đều một đi không trở lại
 Không có thể giới sanh
 Nếu ý thức không sanh
 Không có thể giới diệt
 Nếu ý thức không diệt
 Thế giới chỉ hiện tồn
 Khi ý thức có mặt
 Thế giới là hoại diệt
 Khi ý thức tan rã
 Theo với nghĩa tuyệt đối,
 Theo với đệ nhất nghĩa
 Sinh tử là như thế
 Bất sanh, bất tử là như thế!

Vậy này đại chúng! Những cách quán niệm về sự chết như vậy; tinh cần, miên mật trong một ngày, một đêm; trong một bữa ăn; trong bốn năm miếng nhai nuốt; trong một miếng ăn; trong một hơi thở vào ra hay trong một niệm thì tất cả mọi triền cái¹ đều được áp đảo, những thiện chi² sẽ xuất hiện, vị ấy sẽ đạt cận hành định. Cận hành định này là do “tử tưởng”³ phát sanh.

Tưởng niệm về sự chết phải luôn tinh cần, vị ấy sẽ

¹ Hôn trầm - thụy miên, nghi, sân, trạo cử, dục.

² Tâm, tứ, phi, lạc, cận hành.

³ Suy tưởng, niệm tưởng về sự chết.

không tham luyến đối với bất cứ sự hiện hữu nào, không bám víu vào một đối tượng nào trong đời sống, không trách cứ ác pháp nào, không tích chứa một sở hữu nào, không bị cấu uế của lòng tham trong bốn món vật dụng. Từng sát-na trôi qua, sinh và diệt trôi qua, liên miên bất tận không có điểm dừng nơi sắc pháp, nơi cảm thọ, nơi tri giác, nơi tâm hành, nơi nhận thức; nhờ vậy, tướng vô thường dần dần lộ rõ trong tuệ nhãn vị ấy. Và khi tướng vô thường xuất hiện thì tướng về khổ và vô ngã cũng đồng thời xuất hiện; vị ấy thấy rõ tam tướng, đi vào lộ trình tâm thánh đạo.

Trong khi một người chưa tu tập niệm chết thì thường bị bất an, bối rối, hãi hùng, kinh sợ vào lúc lâm chung như thể thỉnh linh bị dã thú vồ chụp, như bất chợt bị ma quỷ đón bắt, như bị rắn mỗ, như bị kẻ cướp trần lột hay như bị kẻ sát nhân bức hại thì người có tu tập niệm chết, ngược lại, được ra đi an lành, không vọng tưởng, hoang tưởng, được chánh niệm tỉnh giác, hoàn toàn tự chủ và vô úy. Nếu chưa đặt được bàn chân trên mảnh đất bất tử do thấy rõ tam tướng, chưa đi vào được cận hành định như ý muốn thì khi thân hoại mạng chung, vị ấy cũng sẽ hóa sanh vào cảnh giới an vui hạnh phúc của cõi người hoặc cõi trời.

*Ai trên đời có trí
Tỉnh cần, tỉnh giác luôn
Hằng tu tập niệm chết
Có lợi lạc phi thường!*

*Ai có duyên niệm chết
 Một ngày hoặc một đêm
 Một bữa ăn, miếng ăn
 Một hơi thở, một niệm
 Người ấy đã thách đấu
 Với ác ma, thần chết
 Kiên cường không sợ hãi
 Người ấy là bất tử
 Người ấy là vô sanh
 Đạt an vui tối thượng!*

Bài pháp hiên ngang, hào hùng như lưỡi kiếm giữa trời cao, như giọng sư vương giữa rừng sâu của đức Phật hôm ấy như tuyến chiến với hư vô, coi thường hư vô, bước ra khỏi hư vô đã giúp cho không biết bao nhiêu người thấy rõ bộ mặt thật của sự chết; đồng thời biết đâu là sanh tử trong một niệm, biết đâu là vô sanh bất tử cũng trong một niệm; một số trong họ đi vào vài quả thánh đầu tiên.

Đặc biệt, trong hội chúng hôm ấy có một cô gái mười sáu tuổi con người thợ dệt¹ đã bùng bùng hỷ hoan trên khuôn mặt; và cô tự hứa với lòng là sẽ tu tập niệm chết từ khoảnh khắc này, từ hơi thở này, sẽ không còn dám biếng lười, dể dũi, giải đãi nữa...

¹ Xem câu chuyện trong chú giải Dhammapada. iii. 170f.

Cô bé Puṇṇā & nàng Sujātā

(Cúng dường vi
diệu)



Siddhattha Gotama sau sáu năm đại khổ hạnh, chỉ còn là bộ xương khô, đã gần bên cái chết, một ý nghĩ khởi sinh nơi chàng: “*Sự khổ hạnh, ta cũng đã khổ hạnh tận cùng. Ta cũng đã vắt kiệt nước đục lạt ngũ trần ở nơi ta để cho cái thân không còn một chút cảm giác nào - thế nhưng nội tâm ta cũng không an ổn. Trong quá khứ, hiện tại hay vị lai - các sa-môn, bà-la-môn nếu có hành khổ hạnh, chịu mọi sự đau đớn, quằn quại, khốc liệt, kinh khủng - thì có lẽ cũng không hơn ta được. Ta đã cảm nghiệm sự tương quan giữa thân và tâm; nó là cái gì không thể tách rời. Hành hạ xác thân, như vậy cũng có nghĩa là hành hạ tâm trí. Khổ hạnh, theo sự thấy biết lần sự chiêm nghiệm sâu sắc của ta là một pháp môn sai lầm*”.

Như đọc được ý nghĩ của Siddhattha, trời Sakka muốn củng cố nhận thức đúng đắn cho chàng, nên như viên lục sĩ co duỗi cánh tay, đã hiện xuống khu rừng Uruvelā trong dáng dấp một gã chần bò lang thang ôm cây đàn ba dây.

Chàng nhạc sĩ lang thang như vô tình ngồi nơi tảng đá dưới gốc cây, bắt đầu thử dây đàn. Sợi thứ nhất, quá “chùng” nên âm thanh “*bùng bình... bùng bình*” không ra gì cả. Chàng nhạc sĩ mỉm cười, qua sợi dây thứ hai, hẳn vắn “*căng*” lên, căng mãi nên sợi dây đứt phụp! Đến sợi dây thứ ba, hẳn cẩn thận, từ từ, căng ra nhưng căng từ từ, đến độ chùng mực, vừa phải... rồi hẳn gảy một khúc nhạc. Ôi, âm thanh như từng hạt bảo châu thanh trong va động giữa không gian; sau đó, lại du dương, trầm bổng, thánh thót như giọng chim hòa tấu.. như cung đàn muôn điệu của mùa xuân. Thế rồi, gã nhạc sĩ lang thang rời tảng đá, vừa đi vừa gảy vừa hát. Ôi, tiếng đàn, khúc nhạc, lời ca... như quyện lẫn, chan hòa, vui tươi, hoan hỷ... chảy tràn ra, len thấm vào mây trời, len thấm vào từng đầu cây, cọng cỏ... xa dần rồi biến mất.

Siddhattha ngồi lặng. Năng loãng nhẹ và mỏng, hiu hiu, mơn man, vượt nhẹ lên làn da khô gầy, đen điu. Một cảm giác dễ chịu, an bình đi sâu vào tâm hồn. “*Chùng quá thì không gảy được. Căng quá thì đứt. Khi nào sợi dây đàn căng đúng độ, chùng mực... thì âm thanh mới tuyệt hảo*”.

Siddhattha lại nhớ rằng, thuở ấu thơ, lúc đi dự lễ hạ điền với vương phụ, chỉ cần ngồi hít thở thanh thảo là đi được vào định sơ thiền. Trong tháng năm thực tập thiền

bốn nấc của đạo sư Ālāra, đôi khi chàng trú thâm sâu vào hỷ lạc. Do thân an vui, tươi mát nên tâm cũng được an vui, tươi mát. Như vậy là có một loại thực phẩm, đó là hỷ lạc, nó nuôi dưỡng tâm nên thân cũng được khỏe khoắn, nhẹ nhàng, dễ chịu.

Và kể từ khi đi lên các tầng thiên vô sắc là ta đã từ bỏ hỷ lạc, chỉ còn cảm giác xả quân bình, và sống trong thế giới của không, của thức, của tướng vi tế.

Rồi chàng nghĩ tiếp: “Đời sống, cái được gọi là đời sống là cái gì nhỉ? Nếu được gọi là đời sống thì phải là toàn bộ thực tại, toàn bộ thân và tâm, nghĩa là toàn bộ thân sắc, cảm giác, tri giác, ý chí và nhận thức. Vậy tại sao ta muốn từ bỏ cái này, tìm kiếm cái kia? Tại sao ta đã có thời gian muốn từ bỏ cảm giác - chỉ sống với cái “tướng” mà thôi? Còn khổ hạnh là gì? Triệt tiêu thân xác chẳng? Ta muốn diệt cái thân xác chẳng? Và đâu ta đã tận trừ cảm giác và thân xác cho đến hồi gần như chết thì ta có được gì? Dây đàn căng thì nó sẽ đứt”.

Như tìm ra đáp số. Chàng chậm rãi đứng dậy, dịu dàng đưa mắt nhìn quanh. Hít một hơi thở đầy, chàng chợt nghe hương rừng thơm ngát. Nhiều sắc hoa nở đẹp mà từ lâu chàng đã không thấy. Một chú sóc vàng chợt xù đuôi trong hốc cây, thò lỗ mắt nhìn chàng. Siddhattha cúi xuống nhìn mình: Thật là không còn nhân dạng gì. Tấm áo vỏ cây, lá cây... đều rách nát tả tơi. Chỉ còn bộ xương khô lủng lẳng đeo dính các đốt xương lại với nhau. Nước da vàng rờn mỹ diệu với sắc tướng phi phàm, bây giờ rõ là bóng ma một con quỷ đói. “Ta phải tìm một tấm vải bó

tử thi nào còn lành lặn, xuống sông tắm rửa sạch sẽ rồi ta sẽ bắt đầu đời sống tu tập theo lời mách bảo của gã nhạc sĩ lang thang, nghĩa là không “chùng” quá mà cũng không “căng” quá!”

Kiểm một cây gậy, chàng chống từ từ và chậm rãi lê từng bước qua bên kia nghĩa địa. Đi năm bảy bước, chàng phải dừng lại để thở. Riết rồi cũng đến nơi. Tìm là có. Ô, một tấm vải màu vàng đất bó gọn một tử thi chẳng rõ nam hay nữ quăng bỏ đây đã lâu. Chàng nói nhỏ: “Hãy cho ta tấm vải mà người đã không còn sử dụng nữa. Ít hôm nữa thôi là thân xác người cũng trả về cho tứ đại”. Chàng rút tấm vải, phải dùng sức mạnh, thở gấp mới lấy tấm vải ra được. Tấm vải dính máu, dính mũ đã khô.

Siddhattha lần đến bờ sông, dựa bên mép sông có mấy tảng đá, chàng giặt sạch tấm y, phơi trên đá, sau đó tắm rửa, kì cọ rất lâu. Dừng lại, thở một hồi rồi chà xát cho kỳ hết bụi đất, cáu ghét, lớp da chết trên người. Sau đó, do mệt quá, Siddhattha nằm ngủ một giấc vô tư, vô lự. Khi tỉnh dậy, chàng nghe tinh thần sáng khoái, lấy tấm y vàng đất đã khô ráo, quàng vào người rồi cất bước lên hướng rừng. Do sức lực dường như đã sử dụng hết năng lượng cuối cùng, chàng nằm gục trên đám cỏ. Nằm bất tỉnh như thể không biết bao lâu - thì có một bé gái, theo lệ thường mang sữa đề-hồ, bánh, hoa trái đến cúng cho thần linh tại gốc cây gần đó. Trông thấy một vị sa-môn gầy khô, nằm thoi thóp thở, cô bé biết nhà tu khổ hạnh này do đói đã quá lâu ngày nên kiệt lực. Động mỗi từ tâm, cô bé đã tự

ý quỳ xuống bên cạnh, lấy ngọn lá làm thìa, đổ chút ít sữa vào miệng. Khi những giọt sữa đầu tiên đi từ môi, chàng nhấp nhấp, qua lưỡi, thấm xuống cổ họng rồi đi vào dạ dày; cảm giác dễ chịu từ từ lan thấm cả châu thân. Cô bé mỉm cười, trao nguyên hũ sữa có nắp đậy cho chàng. Chỉ lát sau là chàng uống hết hũ sữa, người tỉnh táo trở lại.

Chàng nói:

- Cảm ơn cháu gái. Cháu ở đâu? Đến đây có việc gì, mà cho ta một bát sữa kỳ diệu đến thế?

Cô bé mỉm cười, rạng rỡ niềm vui:

- Cháu ở trong làng. Chủ của cháu, một bà chủ tốt bụng thường sai bảo cháu đến gốc cây gần bờ sông để cúng sữa, bánh trái cho vị thần linh.

Siddhattha mỉm cười:

- Rồi cháu thấy ta sắp chết nên đã tự ý dâng hũ sữa cho ta, vậy không sợ bà chủ rầy la sao?

- Không! Cô bé mở tròn mắt đen láy - Bà chủ cháu tốt bụng lắm. Bà chủ không rầy la đâu, mà còn khen ngợi nữa. Bà chủ thường dạy: Giúp một người đói khổ, cứu một người sắp chết là sẽ được phước đức nhiều lắm.

- Ô, tốt lắm! Giỏi lắm! Cháu tên gì thế?

- Dạ, cháu tên Punṇā. Bà chủ của cháu là Sujātā, con gái của ông triệu phú Senānī, ở tại làng Sena cũng gần đây thôi.

Thế rồi, tất cả đê-hồ, bánh trái còn lại, cô bé dâng hết cho Siddhattha Gotama; và nhờ thế mà chàng khôi phục

sức khỏe rất nhanh.

Ngày hôm sau, Siddhattha Gotama từ bỏ hang động, xuống sông ở cội cây có tàn xanh bóng mát cạnh bờ sông. Chàng đã quyết định từ bỏ khổ hạnh, sẽ đi theo lộ trình trung đạo... Đêm đó, Siddhattha Gotama trải qua một giấc ngủ ngon, sáng ngày chàng thấy sinh lực dồi dào chảy tràn trong cơ thể.

Nắng sớm vàng trong, gió nhẹ lay động cành lá. Với tinh thần phơi phới, chàng đi kinh hành lui tới ven sông. Xế trưa, cô bé Punṇā lại tìm tới với sữa, đề hồ và bánh trái.

- Cháu lại đến cúng thần linh nữa à?

- Dạ vâng! Rồi cô bé kể - Bà cháu lúc còn là con gái, thấy cội cây Assattha to lớn, uy nghiêm này, nghĩ chắc là có thần linh nên thường đến đây cầu nguyện: *“Xin cho tôi có được một tấm chồng cùng dòng dõi huyết thống, vừa giàu sang vừa đẹp tính, đẹp người; sau đó cho tôi sinh được một bé trai khôi ngô, khéo khinh, dễ dạy, dễ bảo. Tôi sẽ lễ tạ thần linh bằng cơm, sữa, bánh trái trọng hậu nhất”*. Thế rồi, nguyện ước xưa giờ đã thành tựu.

Siddhattha Gotama ngồi xuống cho vừa tầm bé gái, mỉm cười. Cô bé Punṇā đều đều tiếp:

- Cái cội cây Assattha có thần linh này đã cho bà chủ cháu một tấm chồng như ý, lại còn ban thêm một bé trai đẹp đẽ như con trời. Ngày rằm tháng Vesākha này, bà chủ cháu sẽ đến đây tạ lễ chính. Còn trước ba ngày, cháu đến đây để cúng những lễ phụng.

- À ra là vậy.

- Ngài sa-môn biết không! Đẻ chuẩn bị cho vật thực cúng dường đây trân trọng và đây thành kính vào ngày trăng tròn này, bà cháu đã vô cùng công phu...

- Ừ cháu kể, ta nghe!

- Bà chủ cháu giàu lắm. Ông chủ cháu lại rất tốt bụng. Ông cười hiền lành khi thấy bà chủ chuẩn bị sữa để cúng tạ thần linh. Bà nuôi mấy chục con bò sữa cao lớn, sung sức nhất; lấy sữa của mấy chục con bò này để nuôi tám con bò sữa mập ú; lấy sữa của tám con bò sữa mập ú này chỉ để nuôi hai con bò sữa đang tơ. Và sữa của hai con bò này chỉ dành riêng để cúng thần. Sữa hôm qua sa-môn dùng là sữa tuyệt vời kia đấy!

Nghe đến đây, Siddhattha Gotama không còn ngạc nhiên nữa. Sữa hôm qua đúng là dược phẩm, là thuốc bổ hồi sinh thật sự. Siddhattha Gotama cười nói:

- Nó không những là thuốc bổ, nó còn là thần dược.

- Đúng vậy! Cô bé gật - Bà chủ cháu còn hòa vào trong biết bao nhiêu là thuốc quý đấy!

Bé Puṇṇā lại nói tiếp:

- Đúng ngày lễ chính, bà chủ cháu sẽ lấy sữa kia làm nước để nấu một mâm cơm đặc biệt; và ngay chính hạt gạo để nấu cơm cũng không phải là gạo thường... Triệu phú mới có đấy!

Bé Puṇṇā cười vô tư lự. Nó thấy mình kính mến ông sa-môn hiền từ này. Sớm hôm ấy, bé Puṇṇā đã bẻ cây làm chổi, quét dọn sạch sẽ từ trong ra ngoài, sạch từ kẽ đá, từng hang hốc rễ cây cho đến tận bờ sông...

Thế rồi, qua mấy ngày được tắm bồ, Siddhattha Gotama đã có da, có thịt trở lại; ba mươi hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp lần lần hiện ra.

Trong lúc ấy, năm người bạn đồng tu lặng lẽ bỏ đi mất. Họ rất thất vọng khi thấy Siddhattha Gotama thọ thực đầy đủ, lại còn trò chuyện vui vẻ với một cô bé gái.

- Ông ta đã từ bỏ con đường tối thượng rồi! Koṇḍañña buồn bã nói với các bạn - Chúng ta không còn trông cậy, tin tưởng gì nơi ông ta được nữa. Siddhattha Gotama của chúng ta đã trở về với đời sống lợi dưỡng, tắm bồ xác thân một cách dung tục. Chúng ta đi thôi!

Nhận thấy sự hiểu lầm của họ, nhưng Siddhattha Gotama chưa vội đính chính. Trong những ngày này, chàng đang có cuộc chuyển hóa quan trọng về nhận thức, đã có cái gì đó đang xảy ra trong nội tâm. Siddhattha Gotama đang dần dần hình thành lộ trình tu tập rất mới mẻ. Chàng từ bỏ khổ hạnh, nghĩa là từ bỏ con đường truyền thống. Và chàng sẽ nương tựa các nấc thiền hữu sắc, ở đó có pháp lạc, thanh tịnh, thuần thực và nhu nhuyễn của tâm. Nương tựa vào chúng để bắt đầu nhìn ngắm diễn tiến, vận hành của sự sống. *Và sự sống là gì? Sự sống là cái đang diễn ra, tương quan giữa toàn bộ con người mình, thân tâm này cùng với ngoại giới. Đau khổ, phiền não, sầu muộn, tham sân gì gì cũng phát sanh từ đây, thì sự tu tập của ta cũng phải được ngắm nhìn từ đây!*

Đêm mười bốn tháng tư Âm lịch (*Vesākha*), dưới cội cây Assattha hùng vĩ, Siddhattha an trú các định hữu sắc,

nuôi dưỡng phỉ lạc, khuya, canh hai, chàng nằm nghỉ. Khoảng giữa canh ba, chàng nằm mộng...

Siddhattha Gotama thấy mình nằm trên mặt đất, đầu gối đỉnh núi Himalaya, tay trái đặt vắt qua phía Đông đại dương, tay phải đặt vắt qua phía Tây đại dương, hai chân duỗi thẳng, gác qua châu Diêm-phù-đề, thông xuống phía Nam đại dương.

Siddhattha Gotama thấy có một cây cỏ, tên gọi tiriya mọc từ lỗ rún và lớn lên. Nó to dần, cao dần lên một gang, một cùi, một sải... một do-tuần đến trăm do-tuần... rồi đứng chật cả hư không, tỏa tám cành ra tám hướng... xanh um, mát mẻ.

Siddhattha Gotama thấy một đám dòi đầu đen, mình trắng, lũ lượt bò từ đầu đến chân, đến đầu gối rồi bao phủ đầy đặc cả ống chân.

Siddhattha Gotama thấy bốn loài chim có bốn màu xanh, đỏ, vàng, đen từ bốn hướng cùng bay đậu nơi chân mình; bỗng nhiên, chúng hóa thành màu trắng hết.

Siddhattha Gotama thấy mình đi qua đi lại, đi lên đi xuống trên đồng phẳng cao to như ngọn núi; nhưng hai chân không hề dính một chút dơ bẩn, không lay một chút xú uế nào cả.

Lúc sao mai vừa mọc, Siddhattha Gotama tỉnh dậy, giấc mộng đang còn mới mẻ, chàng tự đoán ngay rằng:

- Diêm triệu thứ nhất: Ta sẽ thành bậc Chánh Đẳng Giác, trở thành vị Phật trên quả đất này.

Diêm triệu thứ hai: Có một giáo pháp “trung đạo” (vì

cây mọc chính giữa lỗ rún), có tám nhánh - để giáo hóa chư thiên và nhân loại (*Bát chánh đạo*).

Điềm triệu thứ ba: Hội chúng cư sĩ (*tóc đen mặc áo trắng*) sẽ đến quy y, nương nhờ dưới chân ta, để tu tập.

Điềm triệu thứ tư: Những người có đức tin, đủ thành phần trong bốn giai cấp sẽ đến xuất gia tu tập; rồi cả bốn giai cấp đều được hòa tan, tẩy sạch trong biển pháp (*màu trắng*), chấm dứt kỳ thị.

Điềm triệu thứ năm: Nhiều người đến bố thí, cúng dường; nhưng khi thọ dụng bốn món vật dụng, ta sẽ không say mê, không dính mắc nó.

Sau khi giải minh năm điềm triệu, Siddhattha Gotama thấy lòng hân hoan, phi lạc. Vệ sinh cá nhân xong, chàng đi kinh hành một lát rồi xuống sông tắm.

Dòng nước ban mai mát lạnh, Siddhattha Gotama tiếp nhận từ làn da, từ lỗ chân lông cảm giác dễ chịu ấy. Tai chàng nghe được cả âm thanh lao xao của từng làn sóng nước... Mũi chàng ngửi được cả mùi hương của rong rêu, của cả thiên nhiên hoang sơ... Ngũ quan và nhận thức đã trở nên tinh tế. Không thể rời bỏ thế giới hiện tượng, sự sống mà phải lắng nghe, cảm nhận hiện tượng, sự sống một cách trọn vẹn, sâu sắc... Từ cơ sở ấy, cảm giác, tri giác, tâm hành, nhận thức cũng phải được lắng nghe một cách chân thực. Như dòng sông này, các giọt nước kế tục trôi chảy như thế nào thì cảm giác, tri giác, tâm hành và nhận thức của ta cũng trôi chảy như thế...

Lúc ngồi thiền dưới gốc cây, Siddhattha Gotama duy

trì, tăng cường sự chú tâm và tỉnh giác để lắng nghe toàn thể thân, tâm cùng các đối tượng của chúng. Tất cả đều trôi chảy, tự rời tan, đến rồi đi liên tục, không gián cách. Không một cảm thọ, tri giác, tâm hành, nhận thức nào có thực tính, ngã tính... Cái mà Vệ-đà bảo là tiểu ngã (*atman, atta*), là linh hồn thường tại đồng một thể với đại ngã vũ trụ (*Mahātman*) chợt rã tan như bong bóng nước... Tất cả chúng đều là vô ngã (*anatta*)... Sự thấy rõ bằng thực chứng, bằng quán chiếu tự thân này cho Siddhattha Gotama một phỉ lạc chưa từng thấy...

Khi nàng Sujātā và cô bé Puṇṇā mang lễ vật đến gốc cây cúng thần linh thì họ thấy một vị thần hào quang sáng rực đang tĩnh tại tọa thiền. Ngay cả cô bé Puṇṇā cũng cảm nhận khác lạ. Đây đúng là vị sa-môn gầy khô sắp chết đói mấy bữa trước - nhưng dường như đã hóa sanh thành một con người khác. Đúng là có thần linh rồi! Đúng là thần linh mới có dung sắc và hào quang như vậy.

Nàng Sujātā sai Puṇṇā sắp đặt lễ phẩm trên chiếc mâm vàng gồm cơm sữa và bánh trái khác, quỳ xuống, đội lên đầu rồi thành kính nói:

- Thưa ngài, thưa vị thọ thần uy linh! Con là Sujātā, ngài đã theo lời ước nguyện của con, ban cho con một tấm chồng đẹp đẽ, giàu sang và tốt bụng; lại còn ban cho con một bé trai có tướng mạo, dung sắc như một tiểu thiên thần. Vậy là con đã hoàn toàn mãn nguyện. Hôm nay, con đến đây để tạ lễ, mong ngài chứng giám cho lòng thành của con...

Siddhattha Gotama xả thiền, mỉm cười nói:

- Ta chỉ là một sa-môn đang tầm đạo thôi, có phải là thần linh gì đâu, cô bé Puṇṇā biết kìa!

Cô bé Puṇṇā vẫn đang quỳ mọp bên chủ, bây giờ mới ngược đầu lên:

- Không, hôm nay ngài sa-môn đúng là thần linh. Bà chủ con và con đều thấy rõ như vậy.

Riêng nàng Sujātā thì vô cùng tri ân và xúc động, tự nghĩ: *“Thần linh đã cảm ứng cho lòng thành của ta nên đã hóa thân nơi vị sa-môn thân tướng cao sang, quý phái này.”*

Siddhattha Gotama tự nghĩ: *“Tất cả đều có nhân và duyên. Ta hãy thọ nhận vì lợi ích cho nàng và cũng lợi ích cho cuộc chuyển hóa vĩ đại đang ở nơi ta”*. Khi nàng Sujātā và cô bé Puṇṇā dâng nguyên cả mâm bằng vàng¹ cho trọn lễ ra về rồi, Siddhattha Gotama đứng trầm tư, quán tưởng giây lát... rồi chậm rãi từng bước một, ra bờ sông. Lượm một đám cỏ sạch, Siddhattha ngồi xếp bằng, vo tròn cơm sữa thành bốn mươi chín vắt to bằng trái thốt nốt. Chánh niệm, tỉnh giác, Siddhattha chú nguyện rồi độ thực hết bốn mươi chín vắt cơm ấy². Cầm mâm vàng, đứng lên, Siddhattha phát nguyện rằng:

¹ Có tư liệu nói là vào năm 1972 có một phái đoàn khảo cổ đã đào bởi ngôi nhà cũ của nàng Sujātā, phát hiện rất nhiều mâm vàng, bạc, chén vàng, chén bạc...

² Đây là 49 vắt cơm ngài chỉ thọ dụng một lần; rồi sau đó, 49 ngày sau khi thành Đạo, ngài không ăn gì nữa; chứ không phải ngài tu tập trong 49 ngày như nhiều kinh sách đã hiểu lầm! (Xem J.i.68f.; DhA.i.71,etc.)

“Nếu dưới cội cây Assattha kia mà ta đăc thành quả vị Chánh Đẳng Giác thì xin mâm vàng này trôi ngược dòng sông. Bằng không thể đăc quả Phật thì mâm vàng này sẽ trôi xuôi”.

Nguyện xong, Siddhattha Gotama thấy mâm vàng ra giữa sông. Lạ lùng thay, chiếc mâm vàng như tấm thia lia băng băng trôi ngược nguồn, lên phía thượng lưu, khoảng chừng tám mươi hắc tay thì chìm xuống.

Ngay lúc ấy, trên thế gian thì không có chuyện gì, nhưng dưới thủy cung có chuyện lạ. Nguyên dưới cung điện của Long vương đã có ba chiếc mâm vàng của ba vị Phật quá khứ, đó là đức Phật Kakusandha, đức Phật Koṇāgamaṇa, đức Phật Kassapa. Khi chiếc mâm vàng của Siddhattha Gotama chìm xuống, trôi về thủy cung, đụng phải ba chiếc mâm vàng trước, tiếng ngân vang lên. Long vương Kālānaga lúc ấy đang ngủ, nghe âm thanh của mâm vàng chạm nhau, thức dậy, mỉm cười nói rằng: *“Chà! mới hôm qua một vị Phật xuất hiện, hôm nay lại một vị Phật khác nữa ra đời!”*

Siddhattha Gotama biết nguyện mình sẽ đăt, lòng hân hoan, thư thái; và còn biết rõ rằng: Sự chuyển hóa của mình, cái nhìn mới mẻ của mình về sự tu tập là chính xác, đứng đăn! Bước về cội cây Assattha, Siddhattha Gotama rất tự tin khi thấy mình đã chuẩn bị đầy đủ cho một cuộc hạ thủ công phu mà không còn sợ phải lầm lạc nữa.

Và có ai ngờ rằng, bát sữa kỳ diệu và những vắt com đề hồ thượng phẩm của cô bé Punṇā và nàng Sujātā đã làm

nên một kỳ tích muôn triệu năm mới có một lần: Đây là những giọt máu tiếp năng lực, thêm nhiên liệu để cho một đức Chánh Đẳng Giác và giáo pháp thoát khổ ra đời, cứu độ cho vô lượng nhân thiên, còn rực rỡ huy hoàng và sáng chói chiếu diệu đến tận ngày hôm nay!

Tỳ-khưu-ni Prakirti

(Cô gái hạ tiện yêu đại đức
Ānanda)



* Nguyên tác Anh ngữ: “Venerable Ānanda and outcaste maiden” của V. Weragoda Sarada Mahāthera - Chief Monk/ Chief Administrator - Singapore Buddhist Meditation Center).

* Bản Việt ngữ - phỏng dịch của tỳ-khuru Giới Đức (Minh Đức Triều Tâm Ảnh).

Ghi chú: Truyện này có đọc chú “Ma-đăng-già”, không tìm thấy trong Tam Tạng Pāli văn.

*** Tóm tắt về đại đức Ānanda:**

Là con trai của đức thân vương Amitodana - em ruột của đức vua Suddhodana (Tịnh Phạn vương) - ngài có tướng mạo vô cùng tuấn mỹ và có một trí nhớ phi thường. Khi làm lễ tắm rửa và đặt tên, các thầy bà-la-môn rành thông tướng pháp khen ngợi, tán dương không hết lời. Họ nói rằng, vương tử có một đầu óc siêu phàm, bất cứ môn học nào, chỉ cần liếc mắt qua hoặc thoáng nghe qua là nhớ, là thuộc lòng ngay tức khắc.

Sau khi thành đạo, đức Phật về thăm quê hương lần thứ hai, Ānanda đã cùng với các ông hoàng Anuruddha, Kimbila, Bhaddiya, Bhagu, Devadatta và người thợ cạo Upāli đồng xuất gia. Tôn giả là bậc học rộng, nghe nhiều. Mà nếu không có ngài với trí nhớ ưu việt, thông bác thì có lẽ Tam Tạng kinh điển sẽ không tồn tại đến ngày hôm nay. Ngài còn là thị giả của đức Phật suốt 25 năm trường, khéo léo và tế nhị phục dịch đức Đạo sư; và dường như không có một khiếm khuyết nào về bổn phận, đức hạnh cũng như sự mẫn cán, tinh cần. Ngài cũng là người đã ba lần thỉnh cầu tha thiết xin đức Phật thu nhận nữ giới vào giáo hội; và nếu không có ngài thì ni chúng tỳ-khuru-ni không biết có hiện hữu trên thế gian này hay không!

Ngoài tướng hảo quang minh, một mỹ nam tử - chỉ có thua đức Phật - tính tình ngài lại mềm mỏng, dịu dàng, đoan nghiêm, phúc hậu... lại dạt dào tình cảm với huynh đệ, hai hàng cận sự nam nữ - nên trong hàng tứ chúng, ai ai cũng quý kính, tôn trọng và cảm mến ngài. Chẳng có ai gặp ngài mà không mang một ấn tượng tốt, một hảo cảm đặc biệt, nhất là nữ giới... vì vậy, mới có chuyện sau đây xảy ra...

Một ngày kia, đại đức Ānanda du hành ở phương xa, trên đường trở về tịnh xá Kỳ Viên, ngài đi trì bình khát thực quanh xóm làng ngoại ô rồi nghỉ dưới một gốc cây để độ thực. Dùng xong, đại đức ôm bát đi theo lối mòn tìm nước uống nơi một xóm nhà nghèo nằn ven chân núi. Thấy một cô thiếu nữ bên đường đang múc nước giếng,

bước đến gần, ôm bình bát trong tay, ngài lặng lẽ đứng một bên, đưa mắt nhìn xuống.

Cô gái ấy tên là Prakirti, nàng vốn là hạng dân chiên-đà-la¹ thấp kém ở ngoài rìa xã hội, thấy một “*vị bà-la-môn*” tướng cách cao sang, quý phái đến đứng lặng lẽ gần bên thì vô cùng sợ hãi; nàng cúi đầu xuống, hỏi lí nhí trong cổ họng:

- Thưa ngài, ngài cần gì không ạ?

Đại đức Ānanda, vẫn với tầm mắt nhìn xuống, nói rõ mục đích của mình:

- Thưa cô, vui lòng cho tôi xin chút ít nước.

Nghe “*ngươi lạ*” thuộc đẳng cấp thượng lưu lại nói lời “*thưa cô*”, cô gái càng sợ hãi hơn:

- Cháu là kẻ thấp hèn.

- Tôi chỉ cần chút ít nước thôi.

- Cháu là dân thấp hèn, hạ liệt. Không có ai uống nước của chúng cháu cả.

- Tôi chỉ cần chút ít nước uống cho hết khát thôi. Nước là dùng để mà tắm rửa, giặt giũ, giải khát; nước có phân biệt giai cấp gì đâu, thưa cô!

Nghe “*ngươi lạ*” nói một câu kỳ lạ là không phân biệt giai cấp, cô gái bây giờ mới mạnh dạn ngược đầu lên, mới dám trả lời cho rõ ràng:

¹ Chiên-đà-la là hạng người ở tận đáy xã hội - họ bị khinh bỉ, bị xua đuổi không khác gì thú vật; cả 4 giai cấp bà-la-môn, sát-đế-ly, vệ-xá, thủ-đà-la sử dụng họ như bọn nô lệ...

- Cháu là con gái giống nòi hạ đẳng chiên-đà-la. Nước giếng này vốn trong và ngọt, nhưng đối với những người ở giai cấp trên, họ xem nước của chúng cháu không sạch, nó dơ bẩn. Nước này chỉ có chúng cháu uống. Các giai cấp trên trước họ chê là ô ứ, họ không uống đâu; cho chí rửa tay, họ cũng không dám!

- Tôi không hề hỏi cô thuộc giai cấp, đẳng cấp nào mà! Tôi chỉ xin nước uống thôi mà.

- Chẳng lẽ ngài không biết sao? Trong xứ này, nói đại lược là có hai giai cấp, giai cấp cao sang và giai cấp hạ liệt¹. Cháu thuộc hạng người thấp thỏi, hèn kém nhất trong xã hội loài người.

- Tôi đâu cần biết giai cấp của cô. Tôi chỉ cần nước uống thôi, thưa cô!

- Làm sao cháu có thể tùy tiện dâng nước cho ngài được? Cháu là con gái hạ tiện. Những người ở trong lâu đài to lớn, cao sang trong kinh thành, họ thuộc giai cấp trên trước². Còn những người hèn hạ như cháu, chúng cháu không có được cả cái quyền nhìn họ nữa là. Ngay cả cái bóng của chúng cháu, họ³ cũng ghê tởm không dám

¹ Ý cô gái muốn nói, 4 giai cấp xã hội là cao quý, cao sang - còn cô không được phép ở trong một giai cấp nào cả, là kẻ nô lệ, là hạng thấp hèn nhất, nếu được gọi là giai cấp thì là giai cấp hạ liệt nhất.

² Là giai cấp bà-la-môn (tu sĩ, các giáo chủ, các thầy tư tế); sát-đế-ly (vua chúa, tướng lãnh, chiến sĩ); vē-xá (thương gia, chủ nghiệp đoàn, giai cấp thợ thầy các ngành nghề...); riêng thủ-đà-la là giai cấp lao động chân tay.

³ Đa phần bà-la-môn mới kỳ thị khắt nghiệt như thế - con ba giai cấp còn lại cũng chừng mực thối.

giẫm lên. Khi chúng cháu đến gần, họ tránh ra xa. Nếu bắt buộc phải nhìn thấy chúng cháu, họ phải rửa mặt tấy ửng với nước tẩm hương hoa, vừa cau mày vừa than: “*Thần thánh ôi! Ta vừa nhìn thấy cái gì vậy kia! Bọn dân hạ tiện!*” Thế thì làm sao cháu dám dâng nước cho ngài được? Làm sao cháu dám đến gần ngài để dâng nước? Nếu chiếc bóng của cháu có dính trên người ngài, ngài cũng sẽ trở thành dân hạ tiện mất thôi!

Đại đức Ānanda cảm thấy xót thương cho cô gái, đồng thời cũng muốn nói rõ cho cô gái biết quan niệm bình đẳng giữa người và người trong giáo pháp của đức Tôn sư - nên ngài thấy mình cần phải giải thích chút ít cho cô gái tội nghiệp này:

- Tôi không để ý gì đến cái gọi là giai cấp cao và thấp ấy. Tôi chỉ biết rằng cô cũng là một con người như tôi thôi. Tôi chưa bao giờ nghe nói giai cấp có thể tạo ra sự khác biệt giữa người này với người khác. Tôi không chấp nhận ý tưởng, quan điểm cổ hủ, mọi rợ và lệch lạc ấy. Tất cả mọi người trong chúng ta, ai cũng có hai tay, hai chân, hai mắt, một miệng, một khuôn mặt và một cái mũi. Có thể nào mặt trời lại mọc ở phương Tây đối với người thuộc giai cấp dưới? Có thể nào mặt trời lại mọc ở phương Đông chỉ để dành cho giai cấp thượng lưu? Còn nữa, cảm nhận hạnh phúc hay đau khổ thì ai cũng giống nhau, có ai khác với ai đâu? Khi ăn, bụng ai cũng đầy, cũng nở ra; khi đói thì bụng ai cũng cồn cào và nó teo tóp lại! Vậy thì họ khác nhau ở chỗ nào, thưa cô?

“Giữa con người với con người thì ai cũng giống nhau”- Prakirti nắm bắt được ngay quan điểm vượt ngoài giai cấp rất bình đẳng, rất cởi mở, thông thoáng của “người lạ”, nhưng cô cũng muốn hiểu cho rõ hơn:

- Bề ngoài thì không có gì khác nhau lắm đâu, đúng như ngài đã nói. Nhưng những người ở giai cấp trên, họ nhờ có phước báu nên mới xứng đáng sinh vào dòng dõi thượng lưu ấy được. Còn chúng cháu thì do vô phước, nhiều tội lỗi nên phải sinh vào dòng dõi thấp hèn này. Họ được điểm phúc sinh ra từ miệng, từ vai Đại Phạm Thiên (*Mahā Brāhmā*). Còn chúng cháu thì “bị” sinh ra từ bàn chân, gót chân của đấng ấy. Tất cả chúng cháu đều không được phép học kinh Vệ Đà. Do vậy chúng cháu ngu dốt, thấp kém, thua thiệt đủ mọi bề, mọi thứ. Chúng cháu không được đặt vào bất cứ một giai cấp nào, là hạng người ở tận cùng cái đáy của xã hội, thừa ngài.

Bây giờ thì cả hai người đã bắt đầu nói chuyện một cách khá tự nhiên. Cô gái khẽ nhìn “người lạ”, thấy ông ta đẹp đẽ và oai nghiêm quá, cô lại cúi đầu xuống, tim đập thình thình, đôi má chột đỏ lựng lên.

Đại đức Ānanda vô tâm không để ý, tiếp tục cuộc đối thoại, giải thích cho cô gái rõ hơn một tí nữa:

- Bậc đạo sư của tôi không dạy như vậy, không giảng như thế đâu. Ngài dạy rằng, tất cả chúng ta đều bình đẳng, không có giai cấp trong giọt máu và trong giọt nước mắt. Máu ai cũng đỏ và giọt nước mắt ai cũng mặn. Cô có thể nghe tôi đọc câu này, là của đạo sư tôi dạy đó:

*No jaccā vasalo hoti
Na jaccā hoti brāhmaṇo
Kammanā vasalo hoti
Kammanā hoti brāhmaṇo.*

Nó có nghĩa là: Không ai sinh ra đã thành hạ tiện. Không ai sinh ra đã thành bà-la-môn. Chính do hành động, do nghiệp (*kamma*) mới thành hạ tiện, chính do hành động, do nghiệp mới thành bà-la-môn!

Cô gái nghe như uống cả vào lòng, mát rười rượi. Cô len lén đưa mắt ngó quanh xem thử có ai thấy không. Vừa sợ hãi vừa thẹn thù, cô cúi xuống, với bàn tay run run, đưa gàu kê miệng bát để rót nước. Khi thấy nước vừa đủ dùng, đại đức Ānanda bung bát uống một hơi dài. Sau đó, ngài còn chịu khó, dịu dàng giải thích thêm cho cô gái, đại ý là: Phải biết giá trị con người trong cộng đồng loài người, đừng tự ti mặc cảm, đừng sống theo quy định, áp đặt của xã hội; phải biết tôn trọng giá trị con người trong con người của mình, để vươn lên, để đứng thẳng, để giữ vẹn phẩm chất cao quý của con người - là như thế nào! Con người vốn bình đẳng và tự do! Không luật pháp nào, định chế nào, xã hội nào, con người nào có quyền tước đoạt cái quyền bình đẳng và tự do ấy.

Thấy cô gái im lặng lắng nghe có vẻ rất chăm chú, ngài từ tốn nói lời cảm ơn cô gái rồi ôm bát bước đi.

Cô thiếu nữ sững sờ đưa mắt nhìn theo cho đến khi ngài Ānanda khuất dạng phía xa xa...

Đăm đăm nhìn theo chiếc bóng của vị sa-môn, cô gái

như còn nghe văng vẳng bên tai: “Vui lòng cho tôi xin chút nước!”, “Vui lòng cho tôi xin chút nước!” Ôi! Lời nói sao mà ngọt ngào, mát dịu lạ lùng! “Vui lòng cho tôi xin chút nước!”, “Vui lòng cho tôi xin chút nước!” Ôi! Lời nói sao mà dịu dàng, khiêm tốn đến vậy! Ô, vị này là ai, ở đâu mà vừa cao sang quý phái, vừa đẹp đẽ, đôn hậu quá chừng chừng! Chẳng lẽ không có một giếng nước nào khác ở trong kinh đô Sāvatti này? Chẳng lẽ chỉ có nước duy nhất ở cái giếng này thôi? Tại sao người ấy lại tìm đến ngay mình đây để xin nước? Chẳng lẽ mình là người con gái duy nhất tại kinh đô Sāvatti? Quả thật người ấy chỉ đến để xin nước, chẳng cần quan tâm rằng mình là hạng con gái thấp hèn? Lẽ ra người ấy phải biết chứ! Nhìn qua cách ăn mặc thì trẻ con cũng biết mình là dân bần cùng, hạ tiện. Người đàn ông đẹp đẽ, cao sang, quý phái, khiêm tốn, dịu dàng, khả ái kia là ai vậy kìa? Ông ta từ đâu đến? Cám ơn trời đất, thánh thần trên đầu trên cổ đã đưa người ấy đến cái giếng nước “*định mệnh*” này. Nhờ người ấy, tôi mới biết được rằng tôi cũng là một con người, lại là một thiếu nữ son trẻ như ai kia vậy. Từ trước đến nay, tôi cứ nghĩ mình không phải con người, chỉ là một động vật hạ liệt dơ dáy, là một *đứa con-gái-thú-vật (animal-girl)* không hơn không kém. Ôi, gương mặt người ấy sao mà quyền rũ! Ôi, đôi mắt người ấy sao mà tràn ngập nhân từ! Ôi, dáng dấp người ấy sao mà thanh nhã, trẻ trung, sáng chói, đẹp đẽ đến vậy! Làm sao mình có thể gặp lại người ấy một lần nữa bây giờ? Làm sao mình có thể nghe lại giọng nói ngọt ngào kia một lần nữa? Sống để mà làm gì nếu không thấy

lại được người ấy? Ôi, giá như ngày nào mình cũng được dâng nước cho người! Ngày nào mình cũng được nói với người ấy vài lời, vài lời thôi! Nếu người ấy lại đến, thì nhất quyết mình không để cho người ấy đi. Tôi sẽ mang người ấy về nhà và giữ rịt người ấy lại. Nếu được ngắm người ấy, mình sẽ không cần ăn, không cần uống. Cứ nhìn người ấy là đủ no rồi, đủ hạnh phúc rồi. “Vui lòng cho tôi xin chút nước!”, “Vui lòng cho tôi xin chút nước!” Ôi! Tiếng lời dịu dàng ấy đã khắc sâu vào tận đáy lòng, khắc sâu vào trái tim của mình mất rồi!

Mẹ cô thiếu nữ hạ tiện thấy con mình đi múc nước quá lâu không về, sốt ruột, bà gọi ơi ới:

- Prakirti! Prakirti! Con ở đâu? Mẹ tìm con này giờ sao không thấy? Con gái tôi đi đâu rồi? Đã có chuyện gì xảy ra đến với con thế? Con đã mọc rễ bên bờ giếng rồi hay sao vậy? Lần nào đi lấy nước cũng cứ trò chuyện mãi miết với bọn con gái thôi! Prakirti! Prakirti!

- Thưa mẹ, con đây!

- Ở đâu thế?

- Ở đây! Bên giếng nước chớ đâu!

- Trời đã trưa trời rồi. Đất đã nóng bỏng cả chân rồi đó. Tất cả con gái nhà người ta đi múc nước đều đã về cả rồi. Tại sao con còn làm gì ở đây một mình vậy?

- Mẹ ơi, cái giọng nói kia sao mà ngọt ngào quá: “Vui lòng cho tôi xin chút nước!”

- Vui lòng xin chút nước? Cái gì vậy? Cái gì nước? Ai đã xin con nước?

- Một người đàn ông trẻ trung, đẹp đẽ vô song! Ông ta có cái đầu cao tọc, mình khoác chiếc y màu vàng, tay thì bung bát nước. Ấy là một chàng trai thanh niên có dáng dấp thanh cao, khả ái, thừa mẹ.

- Cao tọc đầu? Làm sao một người đàn ông trẻ, đầu cao tọc mà có thể gọi là đẹp đẽ được? Chẳng lẽ con không biết, họ cao tọc đầu là để mà phá tướng? Là để mà xua đuổi cái đẹp đi?

- Con không biết điều đó. Mà con cũng không cần biết, không thèm biết. Con chỉ thấy, chỉ biết người đàn ông cao tọc ấy đẹp tuyệt trần. Toàn thân người ấy sáng rực ánh vàng như dát vàng. Cặp mắt người ấy nhân từ, dịu dàng. Phong thái người ấy thanh cao nhưng bình dị. Là hiện thân của nhân từ và bình dị đó, mẹ ơi!

- Người ấy có cùng đẳng cấp với mình không con?

- Dạ thưa có! Người ấy nói là ở cùng một giai cấp với chúng ta!

- Giai cấp gì vậy con?

- Là con người! Cùng một “giai cấp con người” đấy mẹ ạ!

- Chắc con đã giở trò ma lanh che giấu cái dòng hạ tiện của mình khi nói chuyện với người ta chứ gì? Biết bao nhiêu người hạ tiện ở xứ này không muốn để lộ thân phận nô lệ của mình cho người khác biết. Thái độ ấy thật là nhục nhã. Nếu ai trong chúng ta cũng hãnh diện, tự hào về chỗ mình đang đứng, bằng lòng cái kiếp cỏ rác hèn mọn của mình thì làm gì, có ai dám chê chúng ta là thấp

hèn, là hạ liệt nữa nào! Có lẽ con không nói cho người ta biết con là con gái hạ tiện, phải không?

- Không, con có nói! Con có nói con thuộc về dòng hạ tiện. Nhưng người ấy không chịu nhận như vậy. Người ấy chỉ nói hoài, nói mãi là “*chỉ xin nước uống thôi*”. Người ấy còn đọc một câu kệ, có lẽ là do đạo sư của người ấy dạy: “*Một người trở thành bà-la-môn hay hạ tiện không phải do sinh ra mà do hành động, do nghiệp tạo thành!*”

- Người ấy còn nói gì nữa không?

- Người ấy còn nói cái gì có vẻ cao siêu lắm mà con không hiểu hết ý nghĩa.

- Vậy sao? Thế con có nhớ được một câu, một đoạn nào, nói lại cho mẹ nghe xem nào!

- Không nhớ mới lạ! Nó như khắc in ở trong óc con đó!

- Vậy con nói lại đi!

- Ông nói: “*Đừng làm trái với cái bản chất tự do mà ta vốn có như là người, và là của con người. Chối bỏ bản chất người của mình, bằng cách nghĩ rằng mình có một bản chất riêng, bản chất riêng ấy là thấp thỏi, là hạ liệt, là đáng khinh miệt và không bao giờ thay đổi được. Nghĩ thế và làm thế là tai hại, là nguy hại còn hơn là giết chết bản chất thật của mình nữa. Thiếu sự tôn trọng mình là một thái độ thấp hèn còn hơn cả hủy diệt bản chất người của mình. Người ấy nói như vậy. Mọi con người sinh ra trên trái đất này đều là những con người tự do*”. Người ấy còn nói rằng: “*Sau khi sinh ra như vậy, tự do như vậy, nhưng lần hồi tự do ấy bị thu*

hẹp lại vì những hàng rào chướng ngại như chủng tộc, giai cấp, tôn giáo, ngôn ngữ, phong tục, tập quán, đạo sư, giáo sĩ, cổ lệ...” Thừa mẹ! Người ấy nói thâm thía quá. Lại như thấp một ngọn đèn cho cái suy nghĩ của con. Trong đầu con, bấy lâu, con cứ nghĩ về con như là một người cam chịu thấp hèn, bị ràng buộc tất định bởi tập tục xã hội, trong giáo điều đầu đó có sẵn. Con cứ nghĩ về con, thân phận của con có khác gì con chó hoang bất hạnh, sục sạo, bới móc tìm kiếm thức ăn thừa, rơi vãi nơi đầu đường, xó chợ. Người ấy đã mang ánh sáng đến cho con, mẹ ơi! Con cảm tưởng như con từ đây bắt đầu một đời sống mới. Chỉ cho đến ngày hôm nay con mới học hiểu được rằng, con là thành viên mới, là một con người trong xã hội loài người. Người ấy là ánh sáng. Người ấy là ánh sáng của con. “Vui lòng cho tôi xin một chút nước”, “Vui lòng cho tôi xin một chút nước”. Lời nói ấy sao mà dịu dàng, sao mà ngọt ngào đến vậy hử mẹ!

- Mặc dù người ấy không muốn đề cập về hạng người ở ngoài rìa xã hội, nguyên nhân nghèo đói và sự bị nguyên rủa, bị khinh miệt của chúng ta; nhưng con ơi, mẹ biết. Con người ta sinh ra thế này hay thế kia, giàu hay nghèo, quý hay tiện đều là kết quả của hành động, đều là do nghiệp.

- Vậy những người ở đẳng cấp cao đã làm gì mà được sinh ra như vậy ?

- Họ cũng thế! Đó là kết quả của hành động, của nghiệp từ quá khứ vậy.

- Dù thế nào chẳng nữa, người ấy nói với con rằng người ta không trở thành cấp cao hay cấp thấp vì sinh ra như thế. Người ấy nói: *“Dù là vua chúa, dù là bà-la-môn, dù là đạo sĩ, dù sa-môn - nếu sát sinh hại vật, nếu trộm cắp của người, nếu tà dâm, tà hạnh nếu nói điều ác độc, điều xấu, nếu rượu chè rượu say sưa thì đều được coi là người thấp thỏi, hạ liệt hết”*.

- Đúng vậy! Người ấy nói chí lý. Đó là điều mà mẹ vừa nói với con: Là kết quả của nghiệp!

- Mẹ ơi! Không phải bất cứ điều gì xảy ra cũng do vậy cho nghiệp cả. Con không tin. Mình là dân hạ tiện không phải vì nghiệp mà là vì xã hội đưa ra điều lệ, quy định ác độc và ngu ngốc như thế. Con không thể chấp nhận những áp đặt vô nghĩa lý ấy. Mà thôi mẹ ạ! Mình nói chuyện khác. Nói hoài chuyện ấy cũng không đi đến đâu, ai cũng đã chịu đựng, cúi đầu nhục nhã và đón hèn từ lâu lắm rồi. Hãy nói chuyện về chàng trai xin nước. Chàng trai xin con chút nước kia có tên là gì vậy? Đó là điều mà con muốn biết. Người ấy làm gì? Con chỉ muốn biết chuyện ấy mà thôi.

- Mẹ không biết!

- Mẹ biết mà! Mẹ hay đi đây đi đó, mẹ biết mà! Dường như hồi nãy mẹ có nói chuyện với người hàng xóm?

- Ừ, thôi được rồi! Mẹ biết! Người hàng xóm thấy con nói chuyện với trai nên báo cho mẹ biết! Mẹ cũng thoáng thấy dáng dấp của ông ta rồi. Ông ta tên là Ānanda, là đệ tử của đức Phật, thuộc dòng dõi Sakyā quý tộc.

- Người ấy làm gì vậy mẹ?

- Làm một vị tu sĩ. Ông ta đã từ bỏ đời sống thế tục và đã trở thành một vị tỳ-khưu!

- Ô, mẹ ơi! Người ấy là một người đàn ông tốt nhất trên đời này. Con chẳng cần biết ông ta là ai. Con chỉ muốn được nhìn ngắm người ấy mãi hoài thôi. Con không thể sống mà không có người ấy. Con cần có Ānanda. Nếu con không có được người ấy, con sẽ nhịn đói cho đến chết. Mẹ ơi! Mẹ có học chú thuật, mẹ biết làm phù phép; vậy mẹ hãy dùng hết khả năng phù phép của mẹ để mang Ānanda đến với con. Nếu không, mẹ sẽ không bao giờ còn nhìn thấy đứa con gái độc nhất của mẹ nữa đâu. Con sẽ nhịn đói cho đến khi mẹ mang Ānanda lại cho con.

- Đức vua Kosala của chúng ta là người rất kính mộ ông Cù-đàm. Đức vua đến hầu ông Cù-đàm mỗi ngày. Liệu hồn đấy! Nếu biết con yêu Ānanda, đức vua sẽ đốt nhà, đốt xóm chúng ta đó. Đức vua sẽ cấm tiệt dân hạ tiện chúng ta sống trong xứ này. Lúc ấy là chết. Con làm hại mọi người trong giai cấp thấp hèn của chúng ta đấy, con có biết không?

- Con không biết! Mẹ hãy đọc thần chú (*mantra*) ngay bây giờ đi. Mẹ mà đọc thần chú thì Ānanda sẽ đến ngay lập tức. Con mà không có Ānanda thì con không thể sống được đâu.

- Đức Phật là người không còn dục vọng nên thần chú của ông ta ghê gớm, cao siêu lắm. Mà Ānanda thì biết thần chú của Phật, chắc hẳn vậy. Nghe nói “*Phật chú*” diệt

hết tất thấy mọi thần chú trên đời này! Mẹ chịu thôi!

- Được mà! Thần chú của mẹ cao diệu lắm mà! Mẹ không giúp con thì con chết!

Thấy con năn nỉ và có vẻ đau khổ quá, không cam tâm được, bà mẹ bèn gật đầu:

- Thôi được! Vì thương con, mẹ sẽ cố gắng, nhất tâm đọc thần chú cho con. Còn nước thì còn tát.

Người mẹ lúi húi lượm phân bò khô, cỏ khô, thêm củi rác vào và đốt lên cho lửa rực cháy. Bà kiếm thêm hoa ở đâu đó rồi từ từ rút từng cánh ném vào lửa, miệng lâm râm đọc thần chú:

“Amale, vimale, kunkume sumane, yena baddhasi vidyut icchaya devo varsati, vidyotati garjati, vismayan, Maharajasya, samabhi vardhayitum, devebhyo manushyebhyo gandharvebhyah shikigraha deva, visikhigraha grahaddeva, Ānandasyagamānaya, Samgamanaya, kramanaya, grahanaya juho svaha.”

Trong khi người mẹ đọc thần chú nhiều lần như vậy, như ma quỷ gọi hồn, đại đức Ānanda ở trong tịnh xá cảm thấy đầu óc bị xáo trộn, rối loạn, không còn làm chủ được tâm trí mình nữa. Như bị ai điều khiển, ngài rời tu viện và mê man đi thẳng đến nhà mẹ con cô thiếu nữ hạ tiện. Thấy đại đức từ xa đi đến, người mẹ bảo cô con gái sửa soạn giường gối. Ānanda bước vào nhà, đứng lại, lặng yên. Trong mơ hồ, ngài cũng thấy cô thiếu nữ Prakirti trang điểm duyên dáng và có vẻ gì đó rất vui sướng. Đại đức thầm biết mình đang gặp nạn, bèn nghĩ đến đức Phật,

và bằng ý tưởng, ngài cầu xin đức Phật hộ trì. Bằng thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, đức Phật thấy Ānanda đang ở trong tình trạng nguy khốn, ngay tức khắc, sử dụng năng lực thù thắng của tâm, ngài đọc một đoạn *mantra* chuyển tải qua không gian một thông điệp siêu linh:

“Sthi racyutith sunitih svastih sarva pranibhyah sarah prasannam nirdosham prashantam sarvatobhayam itayo yatra shamyanti sarva siddhasca yoninani etena satya vakyena svastyĀnandaya bhiksave”.

Do “*Phật chú*” có năng lực thù thắng, thần chú của bà mẹ tan biến giữa hư không. Đại đức Ānanda tỉnh trí lại, như vừa ra khỏi cơn mộng, thở ra một hơi thở nhẹ rồi cúi đầu cất bước, trở về lại Kỳ Viên tịnh xá...

Prakirti hoảng hốt khi thấy đại đức Ānanda bỏ đi, cô bảo mẹ làm sao cho “*ông ta*” quay lại.

Bà mẹ thở dài:

- Mẹ biết mà! “*Phật chú*” dẹp tan mọi thần chú trên đời này. Chắc Ānanda đã học chú thuật của ông Phật Cù-đàm rồi. Mẹ không có khả năng thắng họ được.

Đại đức Ānanda thoát được phù phép của người mẹ, vào đánh lễ Phật và cung kính đứng hầu một bên.

Đức Phật nói:

- Ānanda! Ông phải nghe và ghi nhớ bài kinh Sadaksara Vidyā này. Đây là bài kinh sẽ hộ trì cho tất cả tăng, ni cùng cận sự nam nữ hai hàng. Bài kinh Sadaksara Vidyā này đã được minh thuyết bởi sáu vị Phật, được hộ trì bởi Tứ Đại thiên vương, bởi Đại Phạm Thiên Sahampati, và

bây giờ, bởi Như Lai là Sakyā Muni. Vậy này Ānanda! Ông phải nhớ, phải suy gẫm cho thật kỹ. Nó là những mẫu tự kết dệt lên nhau có âm vang rất huyền bí - tuy nó có nghĩa nhưng không cần thiết phải giải thích. Hãy nghe:

“Andare pandare karande keyurerce haste svara grive Bandhumati, viramati, dhara vidha cilimile, vilodaya, visani loke visa cala golamati gandavile cili mile satimimena yatha samvibhaketa golamati ganda vilayai svaha”.

Rồi ngài dạy tiếp:

- Ānanda hãy ghi nhớ! Người nào đọc kinh Sadaksara Vidyā này, người ấy sẽ được gỡ thoát, được tự do nếu bị tra tấn, hành hạ. Sẽ được miễn hình, giải phóng nếu bị ai đó ra lệnh trừng phạt. Nếu người ấy khiếp sợ thì sẽ được chấm dứt mọi khiếp sợ. Đây Ānanda! Người nào đọc kinh Sadaksara Vidyā này che chở, bảo trợ sẽ không bao giờ bị một năng lực nào vùi dập, bức hại được - ngoại trừ kết quả của nghiệp kiếp trước đã gieo.

Đại đức Ānanda thoát khỏi phù phép của mẹ cô gái. Nhưng Prakirti, cô thiếu nữ kia, vẫn cứ thềm yêu trộm nhớ ngài không nguôi khuây được.

Một ngày nọ, theo thường lệ, đại đức Ānanda đi trì bình khát thực, cô Prakirti cứ lẻo đẻo theo sau. Ānanda biết là nguy hiểm, không đi khát thực nữa, bèn quay về lại tịnh xá, trình bày lại với đức Phật chuyện ấy. Cô thiếu nữ theo gót chân đại đức cũng đã đến Kỳ Viên, tần ngần đứng ở trước cổng. Đức Phật cho gọi cô vào.

Đức Phật hỏi:

- Có thật là cô cứ đi theo sát sau lưng Ānanda?

- Bạch Thế Tôn, dạ đúng thế đó! Con có đi theo bên sau vị ấy.

- Tại sao?

- Bạch Thế Tôn! Con muốn Ānanda làm chồng của con.

Đức Phật mỉm cười:

- Thế cha mẹ của cô có bằng lòng như vậy không ?

- Dạ thưa, cha mẹ con chấp thuận.

- Vậy cô hãy mời hai vị đến đây.

Prakirti về nhà, nói với cha mẹ rằng đức Phật muốn gặp hai người. Lát sau, cô đi cùng với song thân đến Kỳ Viên tịnh xá.

Đức Phật hỏi họ:

- Cô con gái rượu của hai ông bà nói là muốn có Ānanda làm chồng. Hai vị có đồng ý không?

Cha mẹ cô thiếu nữ thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con bằng lòng. Con gái chúng con nói rằng nó không sống được nếu không có đại đức Ānanda. Nó nói là nó sẽ nhịn ăn cho đến chết nếu không có được vị ấy.

Đức Phật gật đầu:

- Được rồi. Hai vị có thể an tâm đi về nhà, để Prakirti ở lại đây, Như Lai sẽ sắp xếp mọi chuyện.

Cha mẹ cô gái đành lễ Phật rồi lui ra.

Đức Phật bèn quay qua hỏi cô gái:

- Trong kinh thành Sāvatti này cô muốn bao nhiêu chàng thanh niên cũng có. Cớ sao cô chỉ yêu thương mỗi một mình Ānanda thôi?

- Con thích Ānanda lắm lắm. Con yêu Ānanda nhiều nhiều, rất nhiều. Ôi! Lòng con sáng lấp lánh lên vì chàng. Trái tim con rất ấm áp khi có chàng. Con học được cách suy nghĩ tự do là nhờ chàng. Cũng nhờ chàng mà con hiểu rằng con là một con người, là một thành viên trong cộng đồng nhân loại. Chính chàng đã làm cho con biết con cũng có được mọi tự do, mọi quyền lợi mà bất cứ người nào cũng phải có, Trong lúc con bị xã hội ruồng bỏ, gạt bỏ, xô đẩy xuống tận đáy xã hội, hành hạ với tùy tiện đòn roi đánh đập của bọn cấp cao trên trước, y như một con chó hoang, một con chó dại; chính chàng là người duy nhất dạy cho con hiểu rằng, ý thức được rằng, con cũng là một con người bình đẳng trong chủng tộc loài người. Bởi vậy, chàng là ánh sáng của con, cuộc đời mới của con. Con không thể sống được nếu không có chàng. Mắt con tràn đầy ơn phúc khi nhìn thấy chàng. Giọng nói chàng ấm áp bên tai của con. Ôi! Chàng nhìn con dịu dàng xiết bao! Lời nói nhân từ của chàng đã khắc sâu vào trái tim con. Con phải có chàng, bạch Thế Tôn

- Được rồi. Như Lai sẽ cho cô Ānanda. Nhưng cô phải làm theo lời Như Lai nói.

- Con làm bất cứ điều gì cũng được hết, nếu Thế Tôn cho con Ānanda.

- Nếu cô muốn Ānanda, cô cũng phải mặc cái gì như

Ānanda đã mặc. Ānanda cạo trọc đầu, cô cũng phải cạo trọc đầu. Ānanda khoác y vàng, cô cũng phải khoác y vàng. Nếu cô làm được những việc đó, cô có thể có Ānanda.

- Bạch Thế Tôn, con sẽ chạy về nhà và sẽ trở lại đây ngay tức khắc sau khi làm những điều mà Thế Tôn bảo.

Prakirti chạy về nhà, kể lại mọi sự việc cho bà mẹ nghe. Người mẹ mắng cô. Prakirti khóc. Cô nhin đói.

Người mẹ la rầy cô mà lòng vô cùng thương cảm:

- Con ơi, con điên rồi sao? Con nhin ăn cho đến khi chết hay sao?

- Xin mẹ hãy cạo đầu cho con. Mẹ không làm, con sẽ chết thôi.

- Con điên rồi! Rồi bà cố gắng khuyên lơn con gái - Con ơi! Người phụ nữ đẹp nhất là ở nơi mái tóc. Cạo trọc đầu rồi thì nhan sắc còn đâu nữa! Con đui mù rồi hay sao? Có gì làm người phụ nữ xấu xí hơn bằng cái đầu trọc lóc? Ôi! Nếu tóc con bị cắt, nếu đầu con bị gọt, con sẽ xấu xí, dị hợm như thế nào chẳng? Trong kinh thành Sāvitti này có cô thiếu nữ nào đẹp bằng con đâu? Mẹ sẽ tìm cho con một chàng trai khác, xứng đáng hơn. Đừng nóng nảy, vội vàng con ạ. Hãy chịu đựng, kiên nhẫn thêm một thời gian nữa. Hãy suy nghĩ cho kỹ đi! Còn đẹp đẽ, xinh xắn gì nữa nơi một người con gái bị gọt tóc như đầu con cá lóc! Con ơi! Đừng ngu ngốc, điên dại nữa! Hãy tỉnh cái thần hồn lại đi!

- Không! Mẹ nói gì thì nói, con không muốn bất cứ một ai khác. Con chỉ muốn Ānanda, chỉ thích Ānanda,

chỉ yêu mỗi một Ānanda thôi! Đối với con, chàng là tuyệt đẹp. Chàng là đệ nhất trên trần đời này! Mặt chàng sáng rực như vàng. Con thích quá cái mắt hòa ái chàng nhìn, cái giọng ngọt ngào chàng nói, cái dáng uy nghiêm chàng đi. Trên cái cõi châu Diêm-phù-đề này, con không muốn bắt kỳ một ai khác, ngoài chàng Ānanda của con.

Người mẹ gật đầu, nói:

- Thôi được rồi, con ăn đi.

- Không, con sẽ nhịn đói cho đến khi nào mẹ gọt tóc cho con.

Prakirti tuyệt thực cả mấy hôm sau đó. Sợ cô chết, mẹ cô đành phải chiều ý, cạo tóc cho con gái.

Xong xuôi, người mẹ như nói lẫy:

- Rồi đó! Hãy lấy gương trông thử xem, bây giờ con giống cái gì nào? Đúng là một ni cô xấu xí, xúi quẩy! Chắc chắn ai ai cũng sẽ thất vọng về con. Đây là mưu chước tài tình, trí xảo của ông Cù-đàm, thầy của Ānanda đó. Chẳng có ai trở về nhà sau khi bị ông Cù-đàm ấy dụ dỗ, lừa gạt. Quả là đáo đẽ, ngoài “Phật chú”, ông ta còn có cả phép thôi miên nữa đấy.

Prakirti cười khì:

- Điều đó chẳng quan hệ gì. Con bất cần tất cả nếu có được Ānanda. Con bất cần nếu phải đi xin ăn ngoài đường cùng với chàng. Mẹ ơi! Con xin cảm ơn mẹ! Con chạy vù đến tịnh xá Kỳ Viên ngay bây giờ đây! Chào mẹ! Chào mẹ yêu quý của con!

- Con đi đi! Người mẹ gắt, lớn giọng - Rồi con xem việc gì sẽ xảy ra.

Cô thiếu nữ Prakirti đầu trọc đi đến tịnh xá Kỳ Viên, mình đắp y vàng. Cô đánh lễ Phật rồi chấp tay đứng hầu một bên. Hàng trăm vị sư, trong đó có Ānanda, đang ngồi quanh Phật.

- Kính lễ Thế Tôn! Cô gái thừa - Con đã làm y như lời Thế Tôn dạy bảo, xin ngài hãy giữ lời hứa, trao Ānanda cho con.

Đức Phật nói:

- Tốt lắm! Con bây giờ xứng đáng để nhận Ānanda. Trước khi Như Lai trao Ānanda cho con, con hãy trả lời Như Lai một vài câu hỏi.

- Xin Thế Tôn cứ hỏi.

- Cái gì nơi Ānanda làm con yêu thích? Cái vẻ bề ngoài của ông ta? Khuôn mặt của ông ta? Cặp mắt của ông ta? Cách nói của ông ta? Dáng đi của ông ta? Cái gì ở nơi ông ta vậy?

- Đối với con, khuôn mặt Ānanda là tuấn mỹ. Mũi cao thẳng, đẹp đẽ. Mắt hiền dịu, dễ thương. Tai có vành tai tròn sáng, như có lực hút, hấp dẫn. Giọng nói ngọt ngào như mật. Tư tưởng đúng đắn, cao thượng, chính đại quang minh, hợp với lẽ phải muôn đời. Toàn bộ dáng dấp bề ngoài đều gọi cảm, quyến rũ. Con gái trên đời này mà không đắm đuối nhìn Ānanda thì người ấy không có con mắt, không xao xuyên rung động bởi Ānanda thì người ấy không có trái tim! Sự thật như vậy đó! Con yêu tất cả “vẻ

người” diệu mỹ của chàng.

Đức Phật chậm rãi, điềm đạm nói:

- Con xem thân hình Ānanda là đẹp, có phải thế không? Da thịt Ānanda vàng sáng như ngọc chuốt, có phải thế không? Nhưng mà này con! Nếu da của ông ta bị thương tích, da đó sẽ chảy máu. Nếu không chữa lành thì da đó sẽ sưng tấy lên. Nó sẽ đau. Nó sẽ mưng lên. Rồi nước mủ sẽ rỉ ra. Cái mà con nói là đẹp ấy, nó chỉ là cái bề ngoài mà con thấy, giới hạn nơi cái lớp da bọc ngoài mà thôi. Như vậy, vẻ đẹp hay vẻ gọi cảm, quyến rũ chỉ đều là do cái nhìn về bề ngoài da thịt. Nhưng nếu da của một người bị lột ra thì chẳng ai thèm nhìn người đó nữa. Nếu cái gì ở bên trong thân thể bị lột ra bên ngoài thì lũ chó và lũ quạ sẽ đến tấn công, chộp giựt, cắn xé; phải cầm gậy gộc đuổi đánh chúng đi. Thân thể đó không phải được làm bằng ngọc trai, vàng hay bạc. Cũng không phải thiết kế bằng đá quý, san hô. Cái tạo nên thân thể đó được làm bằng xương, da, gân, thịt, máu, đờm, dãi, nước tiểu, nước bọt, phân... Thân thể ấy không đáng giá gì cả khi con nhìn nó. Nếu nhìn vào thực chất của nó, con sẽ thấy nó đáng ghê tởm xiết bao! Ai là người không có trí thì tưởng rằng nó là đẹp. Thực chất thì nó vô thường như bọt nước, như bong bóng, tan biến như ánh chớp, huyễn ảo như ma thuật, như giấc mộng. Thân thể là phù du, không chắc thật, xảo dối. Nó giống như một chiếc bao chứa đầy đồ phế thải dơ uế. Khi nó bệnh tật, ta trở thành kẻ thù của chính ta. Nếu ta nhịn ăn uống một ngày, nếu ta không

tắm rửa một ngày, nếu ta không súc miệng một ngày, ta sẽ thấy chính ta là đáng kinh tởm xiết bao. Tất cả những gì kinh tởm chúng sẽ tứa ra ngoài thân. Thân thể là nơi nương tựa của bệnh tật, của buồn rầu, của sợ hãi, của khỗn nguy. Không một ai có thể biết là mình sẽ chết hôm nay hay ngày mai. Đồ phế thải dơ ứ của thân thể ta làm chính ta phải ghê sợ, tởm lợm. Thân thể ta là nhà chứa của ghê sợ, tởm lợm. Ta không thể mang cái thân này đi theo được. Ta không thể cho ai cái thân này được. Bộ xương này gồm 300 đốt, không tính răng. Các đốt xương được nối kết lại với nhau nơi 180 khớp. Thịt được cột chùm lại nhờ 900 sợi gân máu. 900 mảnh thịt bám chặt vào gân. Toàn thể bộ xương được da bao quanh, cho nên ta không thấy gì bên trong. Da được đánh bóng nhờ những sợi tơ li li đan kết lại. Thân này có hàng triệu lỗ chân lông. Đồ phế thải dơ ứ tứa ra ngoài thân như mỡ đọng nơi vành chảo, miệng nồi. Đó là trú cư của hàng triệu triệu con trùng. Đó là nơi than khóc, tóc tang chọn làm chỗ ẩn náu. Đó là bì da chứa đồ phế thải dơ ứ qua chín lỗ thoát hơi... Khi hơi thở lìa khỏi thân này, ai cũng sợ hãi, ngay cả sờ lên đấy cũng thấy kinh! Chỉ vài ngày sau, nó bốc mùi thối hoắc bởi đồ phế thải rỉ ra. Yêu thương cái xác chết này hay yêu thương cái xác chết nọ thì nào có gì khác nhau đâu? Tình yêu là do sự thèm muốn, khao khát mà có. Ở đâu không có thèm muốn, khao khát, ở đấy không còn ham mê, đắm đuối. Ở đâu có tình yêu thân xác, ở đấy tất có sầu buồn đau khổ. Từ ngày con bắt đầu yêu thương Ānanda, con đã chứng nghiệm trong lòng mình bao nhiêu là buồn

khô, khóc lóc, thở than, bỏ ăn, bỏ ngủ, suy nhược, kiệt lả... cả thân lẫn tâm - lẽ ra con phải tự biết chứ? Tất cả những điều đó đâu có phải là hạnh phúc chân thật để cho con phải mất công tốn sức tầm cầu, cuu mang, ấp ủ? Bây giờ, con hãy suy nghĩ cho thật kỹ với trí thông minh của con, nhìn xem thử lại, quan sát kỹ lại cái thân thể của ông Ānanda có phải là cái gì đáng cho con phải mê, phải mệt, phải tương tư, thâm yêu, trộm nhớ không? Hãy nói cho Như Lai nghe thử nào?

Prakirti càng nghe đức Phật nói chừng nào, sự thật càng được phơi bày chừng nào, cô càng kinh khiếp, ghê sợ chừng đó do căn tu nhiều đời. Cứ thử tưởng tượng thôi, là cô cứ muốn nôn ọe...

Cô chột quỳ sụp xuống:

- Ôi, bạch đáng Giác Ngộ! Quả thật là con đã thấm thía quá sức rồi! Quả thật là con đã thấy được sự thật qua lời giảng dạy cặn kẽ, sâu sắc của ngài rồi. Con đã thấy thực chất những cái gì dơ uế nơi thân thể của đại đức Ānanda qua lời mà ngài vừa đặc tả. Lòng con chột nhẹ bỗng, nhẹ thênh thênh sau khi nghe thời pháp vi diệu của Thế Tôn. Con đã tận tường, thông suốt mọi điều, mọi lẽ rồi; chẳng có gì có thể che giấu, dối gạt con được nữa.

Đức Phật lại mỉm cười:

- Nếu thật là như vậy, Như Lai sẽ thực hiện lời hứa trao Ānanda cho con. Bây giờ con có thể đi về nhà cùng với Ānanda!

Prakirti vái lạy lia lịa:

- Ô không! Bạch đấng Giác Ngộ! Con không cần chàng nữa, con không cần đại đức Ānanda kia nữa. Lời dạy thâm sâu, cao diệu, nhất là hiện thực và cụ thể của Thế Tôn đã chữa lành tâm bệnh của con, đã chữa lành sự ngu ngốc, điên loạn của con rồi. Bây giờ, con không còn là cô thiếu nữ mê muội sống theo ước vọng điên cuồng như vậy nữa. Tất cả cơn đam mê đã lìa khỏi tâm của con rồi. Xin Thế Tôn rủ lòng bi mẫn thu nhận con vào ni đoàn của ngài.

Đức Phật mỉm nụ “*tiểu sanh tâm*” nhẹ nhàng gật đầu:

- Đoàn thể tăng ni của Như Lai sâu rộng như biển lớn. Bao nhiêu con sông như Gaṅgā, Yamuna, Aciravati, Sindhu, Godhavati - tất cả chúng đều chảy vào biển, trộn chung, tan hòa lại với nhau, chẳng còn phân biệt nước của con sông này với nước của con sông kia, tất cả chỉ còn một tên gọi chung là biển. Cũng vậy, Như Lai không phân biệt người thấp hèn hay cao sang, chủng tộc, giai cấp hay xứ sở, ai cũng có thể bước vào đoàn thể tăng ni của Như Lai được cả. Khi vào, tất cả những gì khác biệt trước đây đều tan biến, mọi người cùng sống với nhau như con chung một cha, là huynh đệ, là tử muội trong một gia đình. Tất cả đều trở thành là “*Con của Phật*”, là Phật tử hay Thích tử. Bởi vậy, không có gì cản trở con gia nhập giáo chúng ni đoàn.

Thế rồi, cô được gia nhập ni đoàn và không lâu sau đó tỳ-khưu-ni Prakirti trở thành một vị A-la-hán.

Tin đồn về đức Phật thu nhận một cô gái hạ tiện vào

ni đoàn lan rộng ra khắp nơi nhanh như gió thổi. Tất cả giới tướng lãnh, bà-la-môn, phú gia và quý tộc của kinh thành Sāvithi thấy đều bàng hoàng, rúng động. Họ tự hỏi làm sao một phụ nữ hạ tiện, khi trở thành ni cô, có thể đi vào nhà của một người sinh ở giai cấp trên trước; làm sao một người sinh ở giai cấp trên trước có thể đến gần “cô ni” ấy, làm sao “cô ni” ấy có thể nhận thức ăn khát thực từ người sinh ở giai cấp cao hơn?

Họ đến thưa chuyện với đức vua Kosala. Đức vua cùng với một đoàn tùy tùng gồm những người thuộc giai cấp thượng đẳng thân hành đến hỏi Phật. Đức Phật gọi tỳ-khuru-ni Prakirti, đại đức Ānanda và tất cả tăng ni đến quanh ngài, rồi ngài hỏi vua và mọi người có muốn nghe kể chuyện kiếp trước của Prakirti không. Ai cũng muốn nghe.

Rồi đức Phật bèn kể:

“Trong một kiếp quá khứ, bên bờ sông Gangā, có một vị thủ lãnh giai cấp hạ tiện tên là Trishanka. Ông ta có một người con trai tên là Shardula Karna dung mạo tuấn tú, kiến thức sâu rộng, học hết ba bộ kinh Vệ Đà. Khi thanh niên ấy đến tuổi lập gia đình, người cha đến nhà người bà-la-môn có tên là Pushkaar Shari để cầu hôn con gái ông ta cho con trai của mình. Người con gái ấy tên là Prakirti. Người bà-la-môn tức giận, cho việc cầu hôn ấy là một sự lăng mạ, sỉ nhục. Người thủ lãnh giai cấp hạ tiện cố gắng đem hết lý lẽ ra để giải thích rằng phân biệt giai cấp như vậy là không đúng, ai cũng là con người cả. Người cha bà-la-môn Pushkaar Shari

lấy làm hài lòng bởi lời giải thích có lý có tình, đúng với sự thật của vị thủ lãnh nên chấp thuận gả con gái của mình cho con trai của ông ta.

Cô thiếu nữ Prakirti xinh đẹp của người bà-la-môn giai cấp thượng lưu kia bây giờ chính là tỳ-khưu-ni Prakirti bây giờ đây. Con trai của vị thủ lãnh giai cấp hạ tiện, hiện nay chính là Ānanda. Và, Như Lai chính là thủ lãnh Trishanka giai cấp hạ tiện của kiếp trước đó vậy”.

Sửng sốt, ngạc nhiên và thú vị bởi câu chuyện hay. Đức vua Kosala và tùy tùng đánh lễ Phật rồi ra về.

(Có thể tìm đọc nguyên bản tiếng Anh trong [PDF] - Buddha's Constant Companion (Chapter Three).

MỤC LỤC

Ni trưởng Mahā Pajāpatī Gotamī	11
Tỳ-khưu-ni Yasodharā	31
Thánh nữ Visākhā	45
Tỳ-khưu-ni Khemā	99
Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā	125
Hoàng hậu Sāmavātī hiền đức và pháp sư thị nữ Khujjuttarā lương gù	149
Tỳ-khưu-ni Dhammānā	221
Nữ Thánh đệ tử Uttarā và cô kỹ nữ Sirimā	237
Tỳ-khưu-ni Bhaddā Kuṇḍalakesā	275
Tỳ-khưu-ni Paṭācārā	295
Tỳ-khưu-ni Ambapālī	313
Tỳ-khưu-ni Kisā-Gotamī	341
Hoàng hậu Mallikā	351
Cận sự nữ Suppiyā	383
Mẹ Mātikagama!	393
Tỳ-khưu-ni Subhā	411
Hoàng hậu Mahāmāyā	429
Puṇṇikā	439
Cô con gái người thợ dệt	459
Cô bé Puṇṇā & nàng Sujātā	485
Đại đức Ānanda và cô gái hạ tiện	501

Con gái
ĐỨC
CẮT
PHẬT

MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH
(TỶ-KHUU GIỚI ĐỨC)

Huyền Không Sơn Thượng giữ bản quyền

Bản vi tính, trình bày, bìa : THIÊN NIỆM, CHƠN QUÁN
(HUYỀN KHÔNG SƠN THƯỢNG)

Minh họa, thiết kế lại, sửa bản in : VIÊN CHIẾU, DIỆU HÒA XUÂN

Thư Viện Hoa Sen chuyển định dạng Ebook PDF
ngày 3 tháng 9 năm 2014